Tác giả : TERESIO BOSCO, SDB

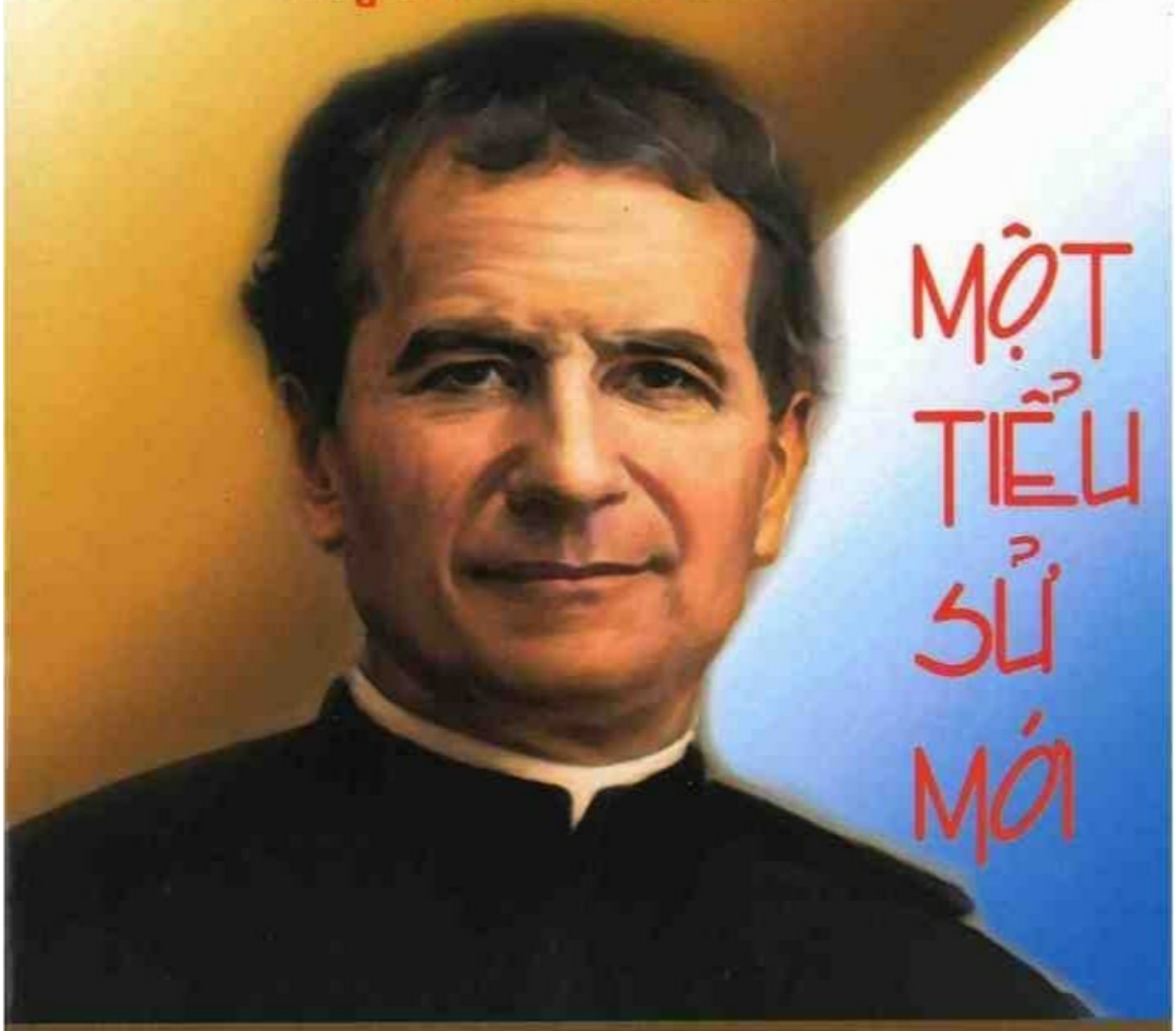

MỘT TIỂU SỬ MỚI

DON BOSCO

Dịch giả : ĐAMINH PHẠM XUÂN UYỂN, SDB

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

TERESIO BOSCO

Don Bosco: Một Tiểu Sử Mới

Lần Đầu Ấn Bản bởi Tủ Sách Công Giáo (eBooks) 2019

Copyright © 2019 by Teresio Bosco

Bạn có thể chia sẽ hoặc gửi tặng, nhưng xin đừng sử dụng làm thương mại dưới mọi hình thức.

Tủ Sách Công Giáo kính tặng.

Chuyển ngữ: Đaminh Phạm Xuân Uyển, SDB

Sách eBooks được tạo bởi Tủ Sách Công Giáo qua Reedsy
Tại reedsy.com

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Chương 1: XA NHÀ LÚC 12 TUỔI

Một tay nải trong tuyết lạnh

Giấc mơ dự báo tương lai

180 trang đầy những kỷ niệm

Chương 2: NHỮNG BI KỊCH NHỎ VÀ LỚN

Một thời vụ xui xẻo

Một biến cố sẽ làm thay đổi cục diện thế giới

Vị đại tướng 27 tuổi: Napoléon

Một ông Vua vặn cho đồng hồ lui lại 15 năm

Chương 3: NHỮNG NĂM S´NG TRONG TỔ´M

Một Đấng Vĩ Đại.

Đánh khăng và đổ máu

Sự can trường lớn nhanh hơn cả tầm vóc

Cây roi trong góc nhà

Con quỷ trong kho chứa đồ cũ

Vết dầu loang

Mẹ là mẹ của con, chứ không phải là một bà mẹ ghẻ

Chương 4: NHỮNG NGÀY THÁNG BA

Đôi chân người Ăn mày

Bọn cướp trong khu rừng cây

Mẹ tôi đã dạy tôi cầu nguyện

Trường học trong thời vụ chết của vùng nông thôn

Một con nhồng nhỏ xíu xìu xiu

Vùng đất của ngài

Chương 5: DIỄN VIÊN XI´C TÍ HON

Hồi kèn vang dội trên đồi

Màn trình diễn trên đồng cỏ

Rước lễ lần đầu

Mùa đông ảm đạm nhất đời cậu

Chương 6: BA NĂM S´NG Ở TRẠI MOGLIA VÀ MỘT NĂM TẠI NHÀ XƯ´

Hai hạt giống và bốn bông lúa

Cậu Micae

Với cái chết của Cha Calosso, mọi hy vọng tắt lụi

Chương 7 : ĐƯỜNG ĐI CASTELNUOVO

Bữa ăn trong "gà men"

"Ở xóm Becchi chỉ lớn lên toàn một lũ lừa mà thôi"

Bóng áo dòng đen xa cách và lạnh lùng

Các thú giải trí của Gioan

Chương 8: "TÔI C`N PHẢI HỌC"

Giấc mơ chín tuổi năm xưa" lại trở lại

Nỗi gớm ghiếc phải ngửa tay xin bố thí

Bánh xe lịch sử vẫn tiến tới

"Hãy đến nói với hoàng tử…"

Là vua nhờ ơn Chúa chứ không nhờ ai khác

"Ông vua cao và buồn như một mùa chay"

Chương 9: THỜI THI´U NIÊN TẠI CHIERI

Một cây cột giữa bọn trẻ nhỏ

Bỗng đâu xảy ra một sự kiện nhỏ…

Hội Vui

Bốn màn tỷ thí với tên mãi võ

Lần đầu đến Torino

Chương 10: MÙA CỦA NHỮNG TÌNH BẠN CAO ĐẸP

Hai cái tát dành cho Lu-y Comollo

Cây gậy sống

Hầu bàn

Jacques Lévi, gọi là bạn Giona

Những trái táo của ông Blanchard

Chương 11: TUỔI HAI MƯƠI

Tính sổ với sự nghèo khó

Một người đàn bà với khăn choàng vai màu đen

Một giấc mơ lạ

Sao không đến hỏi ý kiến Don Cafasso

Chương 12: CHỦNG VIỆN NHỮNG ĐIỂM SÁNG VÀ ĐIỂM T´I

Bảy quyết định làm đảo lộn cuộc sống

Những lời ấy, tôi sẽ không bao giờ quên

Một thời biểu sắt thép

Các điểm tối của chủng viện

Ngụm khí oxy mỗi ngày thứ năm

Giữa bọn trẻ nhà giàu

Vẻ hấp dẫn của Lu-y Comollo

Một chủng sinh mới đơn độc

Chương 13 : GIOAN BOSCO ĐƯỢC ĐÀO TẠO LÀM LINH MỤC THẾ NÀO?

Đưa liềm cắt lúa

Việc huấn luyện linh mục

Đánh giá về thời đại của ngài

Đâu rồi các nhân sĩ Cavour, Mazzini, Garibaldi?

Chương 14: GIOAN ĐÃ TRỞ THÀNH DON BOSCO

Quần chúng không hiểu

Một giao ước với cõi bên kia

Bánh mì trộn hạt kê với rượu vang vùng Barbera

"Linh mục không lên Thiên Đàng một mình"

Linh mục đời đời

Chương 15: NHỮNG BƯỚC ĐẦU ĐỜI LINH MỤC

Don Bosco sẽ làm gì bây giờ?

Khám phá đầu tiên: cảnh cơ cực của vùng ven đô

Chợ mua bán những tay thợ trẻ

Cuộc cách mạng công nghiệp

Sự tiến bộ lớn lao được cống hiến cho thế giới

Cái giá khủng khiếp mà con người đã trả

Thảm cảnh của các trẻ em vô tội ở Ý

Việc tính sổ

Chương 16: "CON TÊN LÀ BARTOLOMEO GARELLI"

Những đứa trẻ đằng sau các song sắt

Don Bosco quyết định, trong khi các cha xứ thì chờ đợi

Kinh nghiệm của cha Cocchi

Một kinh Kính Mừng để khởi sự

Ngay bây giờ nhé: Đó là một lời đánh dấu cả một hành trình

Chương 17: NGUYỆN XÁ CỦA CÁC CHÚ BÉ THỌ H`

Những mẫu ảnh nhỏ, và cả những ổ bánh nhỏ

Mười hai cung nhạc Kính Đức Mẹ

Thằng bé đến từ xứ Caronno

"Nếu cha chỉ còn lại mỗi một miếng bánh…"

Quyền lãnh đạo thuộc về Đức Giáo Hoàng, thanh gươm thuộc về Đức Vua Carlo Alberto.

"Cha có một chiếc áo dòng quá mong manh"

Ngài thanh thản nói về Chúa

Chương 18: BÀ H`U TƯỚC VÀ "ÔNG CHA NHỎ" [CHA BOREL]

Chiếc áo nhặm dưới bộ xiêm y sang trọng

Những chú chiên hoá thành những chàng chăn chiên tí hon

Don Bosco đâu? Nguyện Xá ở đâu?

Lọn tuyết nổ tí tách trong lò than

Thất bại ở Nhà thờ Thánh Phêrô bị trói

Chương 19: NGUYỆN XÁ LƯU ĐỘNG

"Hỡi các con yêu thương, Những cây cải bắp…"

"Lấy đi, bé Micae, lấy đi"

Những cuốn sách viết trong những đêm thức dài…

Ba phòng trong nhà Cha Moretta

Một dấu chấm hỏi lớn về Nguyện Xá

Một Nguyện Xá hoàn toàn khác

Vụ treo cổ ở Alexandria

Lần nữa, lại bị đuổi

Phụ chương: VĂN ĐỐI THOẠI CỦA DON BOSCO

Chương 20: VÔ VỌNG TRÊN Đ`NG HOANG MỪNG PHỤC SINH DƯỚI H`M MÁI CHE

Ông hầu tước và các cảnh vệ

Don Bosco điên rồi chăng?

Vô vọng trên đồng hoang

Một cái gốc chẳng ai biết đến là khởi nguồn mọi sự

Khi từng hồi chuông đổ

Chương 21: PHÉP LẠ BỌN TRẺ THỢ XÂY KÊU XIN CHÚA

Ngài là linh mục

Chia tay nhau tại Bùng Binh "Rondo"

Don Bosco ho ra máu

"Lạy Chúa, xin đừng để ngài chết"

"Hoặc túi tiền hoặc nộp mạng cho tao!"

Những kẻ tha hương tay không, túi rỗng

Chương 22: MỘT KHO THU´C SÚNG SẢN SÀNG N´TUNG

Những phòng lớp sáng choang đầy các trẻ em

Đức Giáo hoàng Mastai – Ferreti lấy danh hiệu "Piô IX"

Cuộc đụng độ của Don Bosco với "các linh mục yêu nước"

Một trận mưa gạch đá

Một linh mục ăn trộm

Những lời ca và những tiếng la ó của bọn dân nhậu

Các giáo viên trẻ và những cộng sự viên người đời

Chương 23: "CON M` CÔI, QUÊ Ở VALSESIA"

Cây dâu và sương mù

Một thằng bé ướt sũng và lạnh cóng

Chú bé thợ cạo run như tầu lá

Cú đánh đầu của Đức Tổng Giám Mục

Phù hiệu ba màu đeo trên ngực [cờ Ý Thống Nhất] trong thánh lễ đại triều

Chương 24: CƠN S´T ĐỘC LẬP VÀ TH´NG NH´T NĂM 1848

Các phe tự do, ái quốc, thợ thuyền sát cánh nhau trong các chiến tuyến phòng thủ

Hiếp pháp sẽ được gọi là "Pháp chế"

Don Bosco và vị Hầu tước Roberto D' Azeglio mặt đối mặt

Những băng nhóm chống giáo sĩ tràn ra khắp nơi

Chiến tranh chống lại nước Áo

Những trận đánh thật và những trận đánh giả ở Valdocco

"Hãy để tôi quay về nhà mình"

Chương 25: HY VỌNG SỤP ĐỔ

Chấm dứt sự hiểu lầm

Gà-men và "khẩu phần" tại nguyện xá

Lòng trung thành với Đức Thánh Cha và cái giá phải trả

Những tin tức bi thảm

Súng nổ tại nhà Pinardi

Làm việc nhằm đào tạo một lớp linh mục khác

Những tin buồn đến từ La Mã

Hai tín hiệu đầy hy vọng ở Valdocco

Chương 26 : DON BOSCO VỚI CHÍNH TRỊ VÀ V´N Đ` XÃ HỘI

Chính trị của tôi là kinh lạy Cha

Don Bosco và vấn đề xã hội

"Gạt sang một bên mọi thứ chính trị" có nghĩa là gì?

Và nếu sự chọn lựa của ngài đã khác đi thì sao?

Để kết luận:

Chương 27: 1849, NĂM GAI GÓC MÀ PHONG PHÚ

Tờ báo "Bạn của Giới Trẻ", một thất bại!

Lại chiến tranh

Những tàn tích cuối cùng của tự do

Sự thất bại của "các linh mục yêu nước"

33 lire dâng kính Đức Thánh Cha

"Hai quả tim nhỏ để tạ ơn"

Bốn đứa trẻ và một khăn mùi xoa trắng

Đại đội ở Borgo Vanchiglires

Một bao đầy lá khô

Bốn xu cháo bột ngô

“Tôi đã gọi đích danh anh ta: Carlo!”

Một giỏ hạt dẻ không bao giờ cạn

Chương 28: MỘT NGÔI NHÀ VÀ MỘT NHÀ THỜ

Đức Tổng Giám mục bị bắt giữ

Một ê kíp 4 người khác

30.000 lire và một thoáng chóng mặt

Và giờ đây, một Thánh đường nguy nga tráng lệ

Ma quỉ, có lẽ thế

Chương 29: VÀ CHÚA ĐÃ GỬI Đ´N MỘT CON CHÓ

Đối Thoại Giữa Những Kẻ Điếc

Rượu Và Hạt Dẻ

Họ Vồn Vã Chào Đón Tôi

“Con Xám”

Ngủ tại tiệm giầy

Chương 30: NỬA TÁ XƯỞNG THỌ

Một ngón tay trên nhiều ung nhọt

Đơn độc, không được bảo vệ, trong tay ông chủ

Hai bàn thợ mộc đã bắt đầu

Một năm để có xưởng in

Bốn cách thức để tìm ra cách thức tối ưu

"Ai không hoàn toàn nghèo thì không có chỗ trong Nhà này"

Chương 31: NHỮNG HỌC SINH KHOÁC ÁO NHÀ BINH

"Con sẽ đi qua biển Đỏ và sa mạc"

Bảo hành năm mươi năm

Bọn "con ông cháu cha" và đám học sinh khoác áo nhà binh

"Cha thấy mình thoải mái được ở giữa bọn trẻ"

"Don Bosco không có thể hiểu hết giá trị của gia đình…?"

Chương 32: 1854 - CHÚNG TA SẼ ĐƯỢC GỌI LÀ SALÊDIÊNG

Dàn dây leo và những bông hồng

"Cha trả lương cho tôi ra sao?"

Thần chết trên các đường phố ở Khu Borgo Dora

Những tên khổng lồ mặt mày rầu rĩ

Tám phút đã thuộc hết một trang

Một tấm biển treo tường bí ẩn

Những bóng đèn tròn muôn mầu trên hai bờ sông Pô

Đứa bé mô côi ở khu phố Thánh Đa Minh

Chương 33: 1855 - NHỮNG THIẾU NIÊN "PHẠM PHÁP" Ở KHÁM LỚN

"Những đám ma lớn tại triều đình!"

Người Salêdiêng thứ nhất

Đối đầu trực diện với Bộ trưởng

Một ngày tự do

Chín trang để trình bày phương pháp của mình

Giấc mơ về "đời sống Nguyện Xá xưa" như một lời kêu gọi

Chương 34: VĨNH BIỆT MẸ GIÀ VÀ MỘT CẬU BÉ

Một tờ giấy với năm từ

Hội Bạn "Đức Mẹ Vô nhiễm"

Mẹ Margarita ra đi về cõi vĩnh hằng

Một cậu bé trò chuyện với Chúa

Trên Thiên Đàng, con có thể thấy các bạn của con chứ?

Một băng giải màu máu

Chương 35: THÀY TU HAY KHÔNG, TÔI SẼ VẪN Ở LẠi VỚI DON BOSCO

Bản Phác thảo viết tay về một Tu Hội mới đang phát sinh

Cuộc gặp gỡ với Đức Thánh Cha

Một tuần lễ để quyết định cuộc sống của Tu Hội

"Nếu không làm linh mục, cậu sẽ làm gì tại Nguyện Xá?"

Cơn khủng hoảng của Giuse Buzetti

Người sư huynh Don Bosco có trong trái tim ngài

Chương 36: MICAE MAGONE, MỘT ĐỨA BÉ VÀ BẢY CẢNH SÁT

Phải mất xe lửa hay là mất đứa bé

Nỗi buồn của một đứa bé

Những cú đấm tại Quảng Trường Castello

Don Bosco đặt tay trên đầu Magone

Nền "chính trị vĩ đại" tức là Việc Thống Nhất Nước Ý

"Nếu cần thì hãy dựng các hàng rào cản tại Torino"

Thảm cảnh Hỏa ngục trong suốt 12 giờ

Sự thành công của "chính trị thực dụng"

Chương 37: NHỮNG CUỘC DÃ NGOẠI TỚI CÁC VÙNG MI ̀N MONFERRATO VÀ CUỘC S ́NG TẠI NGUYỆN XÁ

Một em bé lên năm tuổi có tên là Philip Rinaldi

Một cậu bé có mái tóc hung và trời mưa

Cô gái xứ Mornese có tên là Maria Mazzarello

Thánh lễ đầu tiên của Don Rua

400 chiếc bánh mì trong một thúng bánh

Thi hành đức ái vì các người nghèo mà thôi

"Một ban được qui tụ bí mật" vào năm 1861

Chương 38: Đ ̀N THỜ LỚN ĐƯỢC NHÌN TH ́Y TRONG GI ́C MƠ

Giấc mơ ba nhà thờ

"Đây sẽ là Nhà Thờ Mẹ cuả Tu Hội chúng ta"

Những biến cố tại Spoleto và Đức Maria Phù Hộ

Một Tên gọi của Thánh Đường khiến người ta phải nhăn mặt

Bắt đầu với tám đồng xu

Đức Mẹ đi quyên góp cho Don Bosco

Người mẹ, đứa trẻ thơ và những đồ trang sức của người nghèo

Người làm công nhật xứ Alba

Chương 39: DON RUA, TỪ MIRABELLO CHO TỚI HỘI KHÁNH THÀNH VƯƠNG CUNG THÁNH ĐƯỜNG ĐỨC MẸ PHÙ HỘ

Bốn trang giấy mang giá trị của một di chúc

Những lời nói rỉ vào tai của Don Bosco

Bức họa Đức Maria Phù Hộ

Chào biệt Don Alasonnati sang thế giới bên kia và chào đón Don

Rua trở lại Nguyện Xá

Ông De Amicis nhìn thấy tượng Đức Mẹ Phù Hộ vĩ đại trên vòm của Đền Thờ

Đây chính là lúc những lời tiên tri "điên" đã trở thành hiện thực

Cha Rua suy sụp

Chương 40: MỘT GIAI ĐOẠN MỚI CHO CÁC NGƯỜI SALÊDIÊNG

Lịch sử diễn ra ở bên ngoài cổng lớn của Nguyện Xá

Cuộc chiến chống lại bọn cướp và cuộc di dân vĩ đại

Chiến tranh du kích tại Torino

Cơn khủng hoảng tôn giáo: Kinh Thánh và lớp học về thị trường chứng khoán

Lịch sử không chính thức của giới thợ thuyền

"Thuế đánh trên cảnh đói của dân chúng"

"Những Trường Trung Học Salêdiêng" phát sinh

Năm trường trung học đầu tiên

Một bước ngoặt đánh dấu cho một nguyên tắc nền tảng

Chương 41: MORNESE CŨNG GI´NG NHƯ VALDOCCO

Dịch bệnh sốt nổi mụn, những tên phù thủy và con mắt soi mói

Bốn con mắt vẻ đầy hãi sợ

Một vị linh mục đi tìm việc làm

Cuốn vở nhỏ bị lạc mất

Khi không còn bột bắp để làm món cháo bắp

Ý kiến của Đức Thánh Cha và sự bực bội của dân xứ đó

Mùi thơm của nắm hạt dẻ

Cái chết gõ cửa

Họ lập thành nhóm ba người, lên đường dưới cảnh tuyết rơi

Cái chết đến với những bông hoa của tháng Năm

Chương 42: CUỘC CHINH PHỤC RÔMA VÀ CƠN RÙNG MÌNH CỦA SỰ CH´T

Công đồng ở Rôma và phản-công đồng tại Napoli

“Trời Cao nói với vị Mục tử của các mục tử”

Những lời đe dọa đen tối trên Nước Pháp

Liệu Đức Thánh Cha có thể bất khả ngộ?

Lính thiện xạ Ý ở Cổng Porta Pia của thành Rôma

Cơn rùng mình của sự chết tại Varazze

Những lá thư đầy tràn tình yêu thương dịu dàng

Chương 43: CÁC CỘNG TÁC VIÊN, TỨC CÁC SALÊDIÊNG GIỮA ĐỜI

Chào biệt cha Borel

Những người nam nữ thiện chí

Các người Salêdiêng ngoại trú: một ý tưởng bị gạt bỏ

Các Cộng Tác Viên Salêdiêng

Tờ “tập san Salêdiêng” cũng đã vươn tới các vùng Sotto il Monte

Chương 44: FRANCESCO, EUSEBIO, FILIPPO, MICHELE VÀ NHI`U BẠN HỮU KHÁC

“Tôi đã ăn cắp hai ổ bánh mì tròn”

Một giọng nói trả lời tôi:

Eusebio Calvi di Palestro

Don Bosco không mấy hạnh phúc vì sự từ chối

Khi Don Bosco quyết bước vào một cuộc chiến

Vị Kinh sĩ ngưng công việc để nghỉ ngơi

Những người thợ xây trẻ của Nguyện Xá Chúa nhật

Michele Unia, một nông dân

Chương 45: ĐI XA HƠN

Những con người tình nguyện mới sẵn sàng liều mạng

Đi tìm một chi tiết: Hai con sông và một vùng sa mạc

Một thư luân lưu để tìm những người tình nguyện

Người dẫn đầu đoàn truyền giáo là đứa trẻ có hai người Da đỏ khổng lồ đu lên

Hai mươi lời kỷ niệm viết bằng bút chì

Chương 46: PANTAGONIA, Đ ́T HỨA

Còn những người man rợ thì sao?

Những bạn trẻ đến từ Torino

Pampas

Pantagonia

"Thánh giá tiến bước sau lưỡi gươm. Kiên nhẫn thôi!"

Cuộc săn lùng con người

"Cha đã thấy tận trong bụng của các núi non"

Giấc mơ cuối cùng của Don Bosco

Chương 47: DON BOSCO VÀ ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC GASTALDI

Sự lạnh nhạt của Đức Cha Ricácardi

"Nếu con muốn, thì cha ban điều đó cho con"

Ngài là một vị Giám mục vĩ đại

Sai lầm nền tảng của Don Bosco

Trách nhiệm của báo chí

Quyền lực đúng mức và quyền lực đi quá mức

Yếu tố thứ nhất: Nguyện Xá của Don Bosco thiếu kỷ luật

Một lý do khác của sự căng thẳng

Luật Tu Hội được phê chuẩn vĩnh viễn

Các danh sách "những biện pháp trừng phạt"

Đức Thánh Cha mới thử thách Don Bosco

Tiến trình xét xử tại Vatican

Chén đắng dành cho Don Bosco

Thanh thản nhưng hoàn toàn suy sụp

Chương 48: CÁC CUỘC HÀNH TRÌNH LỚN, QUA PHÁP VÀ TÂY BAN NHA...

"Cha gánh vác nhà thờ Thánh Tâm Chúa trên đôi vai"

Paris bừng lửa nhiệt tình

Một bức hình chụp Don Bosco Tại Pháp

Một ngày của một linh mục nghèo

Đức Hồng Y, người mang đến hòa bình

Nếu cha không trở lại nữa

Chương 49: GIOAN CAGLIERO LÀM GIÁM MỤC

"Ai có thể đảm nhận chỗ của cha?"

Một cái ôm hôn nồng thắm người con giám mục đầu tiên

Don Rua Phó Bề trên đại diện Don Bosco

Don Bosco cầm lấy tay của ngài

Nhà của Đức Giám Mục là một nhà gỗ nhỏ bằng thân cây

Phỏng vấn Don Bosco

Chương 50: NHỮNG GIỌT NƯỚC M ´T NÓNG HỔI

Một vị linh mục nghiêm chỉnh và suy tư

Một bông hoa giúp nghĩ về cõi đời đời

"Đức Mẹ ở đây"

Don Bosco và những người giàu có

Xuống Rôma trong vòng mười ngày

Những dòng nước mắt nóng hổi

Luigi Orione: ba cuốn sổ tay ghi các tội

Chương 51: CHÀO BIỆT TRÁI Đ ´T

Cha cảm thấy nỗi cô đơn dần dần bao trùm lấy cha

Giống như cây nến dần tắt

Đức Cha Cagliero đến

Các ý tưởng đậm hương vị cõi đời đời

Sự im lặng ở khu sân lớn

"Tới lượt cha, cha phải xin người ta nói câu ấy cho cha"

Giờ phút "những con vật ghê gớm" trở lại

"Hãy nói với các con của cha"

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 31.1.2011 kết thúc cuộc Viếng Thăm của Thánh Quan Don Bosco. Ngài đến Việt Nam thăm các con cái của ngài với khẩn hiệu: Cha đã đến thăm chúng con và ở lại với chúng con.

Cả trên trăm ngàn người đã được mục kích Di hài Don Bosco ở giữa các bạn trẻ và dân chúng Việt Nam, người mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã tôn phong là Cha, Thầy, Bạn của Giới trẻ. Don Bosco thật sự đã chinh phục được con tim của các bạn trẻ cùng đông đảo đồng bào Việt Nam.

Trong những thập niên đã qua đã có rất nhiều sách viết về Don Bosco, và có thể phân làm hai loại:

Những sách kể những chuyện đẹp của đời sống ngài cho "các trẻ em và dân chúng" mà không để ý đến những nghiên cứu lịch sử tổng quát về thời Don Bosco, và những nét đặc biệt của dung mạo ngài. Những sách này được in ra rất nhiều, có cái lợi là cho nhiều người biết Don Bosco, tuy nhiên làm mất giá dung mạo vĩ đại của Don Bosco, vì các chi tiết của chúng nhiều khi dựa vào các lời chứng đáng nghi ngờ, và "các chất liệu được sử dụng trong "các trang tranh vui" mà thôi.

Các sách nghiên cứu một số các chiều kích nền tảng của nhân cách Don Bosco, không nêu lên các biến cố, các tường thuật, các dữ kiện về Don Bosco, vì coi những điều đó mọi người đã biết. Mục đích chỉ nhắm tới "phi huyền thoại hóa" hay nói cách khác trả lại cho dung mạo Don Bosco tính cách chân thực hơn của nó. Tuy nhiên cũng vì thế mà các sách đó khô khan, khó đọc, và ít gây cảm hứng!

Ngược lại sách của cha Teresio Bosco đã chọn con đường thứ ba: giữ lại, trình bày lại tất cả các dữ kiện làm nền tảng cho cuộc mạo hiểm bi thiết của vị linh mục thánh thiện và là nhà giáo dục trứ danh này. Cách riêng các tài liệu nguồn của nó chính là các trước tác của chính Don Bosco như "Hồi Ký Nguyện Xá", Sách chuyện "Đaminh Saviô", "Magone", các chứng từ của các học trò và các cộng sự viên của Don Bosco, đã từng tuyên thệ trước các phiên tòa trong án vụ phong thánh cho ngài.

Do đó sách này làm nổi bật lên dung mạo Don Bosco trong lịch sử của thời ngài và của Hội Thánh thời ngài, do các nghiên cứu nghiêm chỉnh và mới nhất đã cung cấp cho chúng ta.

Hiện nay phải thành thật mà nói một cuốn sách vừa tầm tay mọi người, nhưng lại trình bày được cho chúng ta "một Don Bosco đích thực, bằng xương bằng thịt" quả vẫn còn rất hiếm ở Việt nam, đang khi tên và hình ảnh của Don Bosco thì lại được rất nhiều người Việt Nam biết đến. Do đó qua những học tập và dịch thuật về Don Bosco hiện có, chúng tôi cố gắng cho xuất bản toàn bộ cuốn "Don Bosco, Một Tiểu Sử Mới" của cha Teresio Bosco sang tiếng Việt, để chúng ta có thể tiếp thu lấy một linh đạo rất hợp thời để sống, và cũng để mọi thành phần trong gia đình Salêdiêng, cách riêng các Salêdiêng, Con Đức Mẹ Phù Hộ, các Cộng Tác Viên Salêdiêng, và tất cả các bạn hữu v.v…., các tu sinh, học sinh, sinh viên nữa có thể đọc để bước đi theo lời mời gọi của Don Bosco: "Các con hãy dấn thân làm việc cho giới trẻ nghèo và bị bỏ rơi. Các con hãy sống cho Chúa Giêsu. Các con hãy quyết đồng hành cùng Đức Maria Phù Hộ. Các con hãy nên những Kitô hữu tốt và những công dân lương thiện!".

Don Bosco còn có một bí mật đặc biệt: Đó là đời sống kết hiệp thâm sâu cùng Thiên Chúa. Tác giả là cha Teresio Bosco khiêm cung nhận định rằng bí mật đó chúng ta chỉ có thể hiểu được khi đi sâu vào vào đời sống nội tâm được dấu ẩn kỹ lưỡng của ngài.

Chúc bạn lần dở những trang sách này với lòng tri ân và yêu mến Don Bosco, quyết tâm thụ lãnh gương sáng và lời giáo huấn của ngài, nhất là trong lãnh vực giáo dục giới trẻ.

Chúc bạn thành công!

Xuân Uyển SDB

Chương 1: XA NHÀ LÚC 12 TUỔI

Tối hôm ấy, trong gian bếp, họ nhai bánh chưng với những lời lẽ cay nghiệt, những từ gây nhức nhối. Antôn nhìn Gioan với một cuốn sách, như thường lệ, đặt bên đĩa ăn của cậu, hắn cất cao giọng hơn:

- Tao thì, cuốn sách ấy, tao chỉ có quăng vào bếp mà thôi!

Margarita, bà mẹ, lại thêm một lần nữa, ra sức dàn xếp mọi chuyện:

- Gioan nó cũng lao động như mọi người vậy. Nếu sau đó nó muốn đọc sách, thì có mắc mớ gì con?

- Có mắc mớ con ở chỗ là căn nhà này chính nhờ một tay con mà nó mới đứng vững được. Thằng này phải còng lưng cày sâu cuốc bẫm. Và thằng này không muốn chu cấp cho một tên công tử vườn đi đến nơi khác: sống đế vương bỏ bọn này lại ở đây húp cháo bột ngô.

Gioan cãi trả kịch liệt. Lời lẽ thì cậu thiếu gì, và cậu đâu phải loại người sinh ra chìa hết má này đến má kia cho ai đó muốn làm gì thì làm. Antôn xuất chiêu như vũ bão.

Hoảng hồn, Giuse đứng nhìn trân trối. Mẹ Margarita gắng sức len lách vào giữa hai anh em nhưng Gioan vẫn không thoát khỏi trận đòn thù đã thành quen lệ, mà còn tàn bạo hơn thế nữa. Mười hai năm tuổi của cậu làm sao mà địch lại nổi với mười chín năm tuổi của Antôn.

Nằm trên giường, Gioan xụt xịt khóc, vì tức nhiều hơn là vì đau. Không xa đó, mẹ cậu cũng khóc. Có lẽ đêm nay bà sẽ không sao chợp mắt được.

Sáng hôm sau, bà đã hạ một quyết tâm và đã nói với Gioan những lời lẽ xót xa nhất đời mình:

- Tốt hơn là con nên đi khỏi nhà. Antôn hết chịu nổi con nữa rồi, hắn có thể làm khổ con.

- Nhưng con đi đâu, hả mẹ?

Gioan chết điếng trong lòng; Mẹ Margarita cũng vậy. Bà nói với con về các nông trại nằm trong khu vực Murialdo và Monccuco:

- Họ đều quen biết mẹ. Họ sẽ cho con công ăn việc làm, ít ra là tạm bợ ít lâu. Sau đó, thủng thẳng rồi mình sẽ tính.

Một tay nải trong tuyết lạnh

Trong ngày, bà chuẩn bị cho con một tay nải nhỏ, với vài cái áo sơ mi, hai cuốn sách học của cậu và một ổ bánh nhỏ. Lúc ấy đang là tháng hai dương lịch, tuyết và băng giá phủ kín mặt đất và các ngọn đồi quanh vùng.

Gioan lên đường ngay sáng hôm sau. Mẹ Margarita đứng lại một mình nơi ngưỡng cửa nhìn theo cậu, ra dấu cho cậu, cho tới khi tuyết trắng che khuất chú bé di dân của bà.

Cậu đến trình diện tại các nông trang mà thân mẫu đã chỉ cho mình. Người ta cho cậu biết là không có việc làm nào cho một chú bé còn non choẹt. Đến trưa thì cả ổ bánh nhỏ lẫn mọi hy vọng của cậu bé đều đã tiêu tan. Giờ đây, cậu chỉ còn có nước ghé thăm gia đình Moglires. “Con hãy hỏi ông Lu-y”, mẹ cậu đã dặn thế.

Cậu dừng chân trước cổng dẫn vào sân; một người đàn ông đứng tuổi đang bận đóng cổng, nhìn chòng chọc ngay mặt cậu:

- Tìm gì vậy, hả chú bé?

- Cháu đang tìm việc làm.

- Lại còn thế nữa chứ! Thì cứ tìm đi! Hẹn gặp lại nhé! …

Và ông tiếp tục kéo cánh cổng nặng trịch để mong đóng cứng lại. Gioan gom hết những chút can đảm cuối cùng của mình:

- *Cháu cần phải gặp ông Lu-y.*

Cậu bước vào. Gần lối vào, gia đình Moglires đang tước những sợi lạt mây để cột các cây nho. Lu-y Moglires, chàng trại chủ hai mươi tám tuổi, nhìn cậu với vẻ ngạc nhiên.

- Cháu tìm ông Lu-y

- Là ta đây.

- Mẹ cháu sai cháu đến. Mẹ đã bảo cháu hãy đến nhà ông để làm lao công chuồng bò.

- Nhưng sao lại đuổi ra khỏi nhà một thằng nhóc như cháu? Mà, mẹ cháu là ai chứ?

- Margarita Bosco. Anh Antôn làm dữ với cháu, vì vậy mẹ cháu mới bảo cháu đi tìm một chân làm đầy tớ.

- Rõ tội cho cháu, lúc này đang là mùa đông. Kẻ ăn người làm, mãi đến cuối tháng ba chúng tôi mới mướn. Cháu hãy kiên nhẫn và hãy quay trở về nhà đi.

Vừa nản vừa mệt. Gioan cứ mặc cho những dòng nước mắt tuyệt vọng tuôn rơi lã chã.

- Ông hãy giữ cháu lại, cháu van ông. Ông đừng trả lương cho cháu, nhưng xin đừng đuổi cháu về nhà. Thế này nhé - cậu nói tiếp với sự táo bạo nảy sinh từ nỗi bất hạnh - cháu sẽ ngồi bệt xuống đây và cháu sẽ không nhúc nhích nữa. Ông muốn làm gì thì làm, nhưng cháu, cháu nhất định không nhúc nhích.

Vừa xụt xịt khóc, cậu vừa bắt đầu lượm những cọng mây vung vãi và xếp gọn lại.

Bà Dorothea, người phụ nữ tuyệt vời ở cái tuổi hai mươi lăm, thấy tội nghiệp cho cậu bé:

- Giữ nó lại đi, anh Lu-y. Mình cứ thử xem sao; cho dẫu chỉ trong vài ba

hôm.

Cả Têrêxa, một cô gái mười bốn tuổi, cũng động lòng trắc ẩn, cô nói:

- Con nay đã khá lớn, có thể ra đồng làm việc với ba má. Chú bé này dư sức lo việc thay con ở chuồng bò.

Chính nhờ cách đó mà tháng Hai năm 1827, Gioan Bosco đã bắt đầu làm việc với tư cách lao công chuồng bò. Họ Moglires là một gia đình nông dân khá giả, dù ai nấy đều cật lực lao động từ sáng sớm đến tận chiều tối. Họ làm việc đồng áng: vườn nho và ruộng rẫy. Họ có nuôi mấy con bò đực và bò cái. Họ cùng đọc kinh cầu nguyện với nhau. Tối đến, quanh bếp lửa hồng, cả gia đình quây quần lần hạt. Chúa nhật, ông Lu-y dẫn mọi người đi dự thánh lễ do cha xứ Phanxico Cottino cử hành tại Monccuco.

Nghề của Gioan, lao công chuồng bò, không có chi là nhục nhã, cũng chẳng phải là ngoại lệ. Trong các nông trại quanh vùng, vào khoảng cuối tháng ba, người ta có thể bắt gặp hàng chục những lao động nhỏ tuổi như cậu. Đây là con đường bình thường vẫn được theo đuổi bởi đông đảo trẻ em nhà nghèo. Hằng năm, cứ đến lễ Truyền tin (25 tháng 3), các ông chủ lại đảo qua các làng mạt và đến các khu họp chợ để tuyển dụng các trẻ em làm mướn cho đến hết năm: các lao động thời vụ và kiếm ăn thêm. Tám tháng lao động cực nhọc (từ tháng Tư đến tháng Mười Một) để đổi lấy miếng ăn, chỗ ở và bốn "lires" tiền quần áo.

Cậu bé lao công Gioan Bosco tuy vậy không giống với các lao động nhỏ tuổi khác. Cậu còn trẻ khác thường (thiếu sáu tháng nữa cậu mới đầy mười hai tuổi) và, ngoài ra cậu đang ấp ủ trong lòng một giấc mơ: một giấc mơ đích thực, hình thành giữa đêm hôm khuya khoắt, lúc mắt mũi nhắm nghiền. Chính cậu đã đích thân kể lại như sau:

Giấc mơ dự báo tương lai

“Năm lên chín tuổi, tôi đã mơ một giấc mơ mà nó đã khắc sâu vào đầu óc tôi suốt đời. Trong mơ, tôi thấy hình như lúc ấy mình đang ở gần ngôi nhà của gia đình chúng tôi trong một cái sân rộng trên đó qui tụ một đám đông, trẻ em đang chơi đùa. Một số thì cười giỡn, rất nhiều đứa chửi bới om sòm. Khi nghe những lời tục tĩu ấy, tôi liền lao ngay vào giữa bọn chúng, đấm đá loạn xạ để bắt chúng câm họng.

Đúng lúc ấy, xuất hiện một người đàn ông oai vệ, phục sức theo kiểu quý tộc. Diện mạo ông ta chói sáng đến nỗi tôi không sao nhìn ngay mặt ông ta được. Ông gọi tên tôi và bảo tôi:

- Không phải nhờ đánh đấm, nhưng chính là nhờ sự dịu hiền và nhờ đức ái mà con sẽ phải biến chúng thành bạn của con. Vậy con hãy bắt đầu bằng cách nói với chúng về sự xấu xa của tội lỗi và về giá trị của đức hạnh.

Run sợ, tôi trả lời rằng mình chỉ là một đứa bé ngu dốt đáng thương. Lúc ấy, bọn trẻ chợt ngừng đánh lộn và gào la, đến xúm quanh người đang nói. Làm như chẳng còn biết mình đang nói gì nữa, tôi đã hỏi:

- Ông là ai mà lại truyền cho con phải làm những việc bất khả thi như vậy?

- Chính vì những việc ấy dường như là bất khả thi đối với con nên con sẽ phải biến nó thành khả thi bằng cách vâng lời và bằng cách tiếp thu khoa học.

- Làm thế nào mà con tiếp thu nổi khoa học?

- Ta sẽ cho con một Bà giáo. Dưới sự chỉ đạo của Bà, con sẽ có thể trở nên thông thái.

- Nhưng ông là ai?

- Ta là con trai của người phụ nữ mà mẹ con đã dạy con cầu khẩn ba lần mỗi ngày. Tên của ta, hãy hỏi mẹ ta ắt con sẽ rõ.

Tiến lại gần tôi đang hết sức hoang mang, Bà ra dấu cho tôi bước tới và nắm tay tôi với vẻ nhân ái:

- Coi kìa! Bà bảo.

Mở mắt nhìn, tôi thấy bọn trẻ đã biến đâu hết. Ở chỗ chúng đứng hồi nãy, tôi thấy hàng đàn hàng lũ nào dê con, nào chó, nào mèo, nào gấu và nhiều thú vật khác.

- Đó là lãnh địa của con! Đó là nơi mà con sẽ phải làm việc. Hãy trở nên khiêm tốn, can trường và dũng mãnh; và những gì con thấy diễn ra lúc này cho bầy thú ấy, con sẽ biến nó thành hiện thực với các con cái của ta.

Tôi ngó lại và đột nhiên tại chỗ các thú vật hoang đã xuất hiện bao nhiêu là những chú chiên hiền lành đang đùa giỡn, chạy nhảy, kêu be be quanh người Đàn ông và Bà nọ như để tỏ lòng tôn kính hai vị ấy vậy.

Thế là, vẫn trong giấc mơ, tôi bắt đầu khóc ấm ức và xin Bà nọ vui lòng giải bầy một cách sáng sủa hơn, vì tôi không hiểu mọi chuyện ấy có nghĩa lý gì.

Bà đặt tay lên đầu tôi và nói:

- Con sẽ hiểu cả, khi tới thời tới lúc.

Bà vừa dứt lời thì một tiếng động đã khiến tôi tỉnh giấc. Tôi bàng hoàng choáng váng. Tôi có cảm tưởng tay mình nhức nhối vì bao cú đấm mà mình đã ban phát, và mặt tôi rất ê ẩm vì những cú tát tai mà bọn nhóc ấy đã tặng lại tôi.

Sáng hôm sau, tôi đã thuật lại giấc mơ, đầu tiên là các anh trai tôi khiến họ đều cười rộ, rồi cho bà nội. Mỗi người đều ra cách giải đoán của mình. "Em sẽ trở thành một mục tử chăn nuôi chiên cừu", anh Giuse nói, "Thằng ăn cướp", Antôn độc địa chửi bóng chửi gió. Mẹ tôi: "Biết đâu con lại chẳng trở thành linh mục". Chính bà nội là người phát biểu nhận định dứt điểm: "Hơi đâu mà bận tâm với những giấc mơ". Tôi nhất trí với bà cụ, thế nhưng tôi vẫn không sao dẹp được mọi chuyện ấy ra khỏi đầu óc của mình.

Tất cả những năm tháng tiếp nối sau đó đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của giấc mơ này. Mẹ Margarita đã hiểu (và Gioan cũng đã hiểu rất nhanh như vậy) rằng giấc mơ ấy đã chỉ ra một hướng đi.

180 trang đầy những kỷ niệm

Khi được 58 tuổi, hầu như chẳng ai còn nhớ đến những chuyện gì đã xảy đến với mình năm chục năm trước. Nhưng hầu như ai nấy đều nhớ rõ như thể mới xảy ra hôm kia hôm kìa những năm mình mới lên chín, lên mười một, mười lăm tuổi. Ta vẫn còn thấy ở hai đầu gối, lớp vỏ xù xì của những thân cây mà mình đã leo trèo trước kia.

Tưởng như chỉ mới hôm qua mình đã đụng vào mớ lông ấp của chú chó đang nhảy tung tăng kế bên mình trong những cuộc chạy đua như xé gió.

Khi được năm mươi tám tuổi, theo lệnh của Đức Giáo Hoàng, Don Bosco đã viết lịch sử những thập niên đầu tiên của đời mình. Với ký ức phi thường khác nào một máy camera thu lại những hình ảnh (hơi kém "lôgíc" nhưng rất ư "thính thị") ngài đã ghi kín đáo ba cuốn tập dầy cộm (180 trang).

Về năm tháng, chính ngài hơi lúng túng, nhưng các biến cố [1], các kỷ niệm, các tình tiết đều giữ được vẻ tươi mát và đầy sức sống.

---

[1] Vấn đề xác định những năm tháng của thờiniên thiếu củaq Don Bosco vẫn còn là một vấn đề khó khăn cho các chuyên viện, vì các hồ sơ khai sinh tại địa phương Piemonte chỉ mới được thực hiện kể từ năm 1838, còn hồ sơ hôi phối và khai tử chỉ mới được làm kể từ năm 1866. Để xác định chuyện này phải tra cứu hồ sơ của giáo xứ đã ghi nhận các sự kiện trên kể từ năm 1625.

Chương 2: NHỮNG BI KỊCH NHỎ VÀ LỚN

Margarita Occhiera, quê ở Capriglio, đó là tên của mẹ tôi, còn Phanxicô là tên của cha tôi. Họ đều là dân quê và nhờ vào việc làm và sự tiết kiệm, họ đã làm ăn sinh sống một cách lương thiện.

Gioan Bosco chào đời ngày 16 tháng 8 năm 1815. Mẹ cậu đặt tên cho cậu là Giuanin [Gioan bé nhỏ của mẹ], cách gọi tắt tên Giovanni, rất thân quen trong toàn xứ Piemonte.

Cái chết của người cha là kỷ niệm đầu đời của cậu. Phanxicô Bosco đã mua một ngôi nhà nhỏ và vài mảnh đất nhỏ để canh tác. Nhưng, để nuôi năm nhân khẩu thường trú tại nhà của mình, ông còn phải làm mướn tại nhà ông chủ giàu có ở lối xóm.

Một buổi chiều tháng 5 năm 1817, mình mẩy ướt đẫm mồ hôi vì vừa từ ngoài đồng về, ông đã sơ ý mò xuống hầm rượu của nhà chủ. Vài giờ sau, một cơn sốt dữ dội đã đốn ngã ông: viêm phổi kép, chắc vậy. Bốn ngày sau, ông đã bị tử thần rước đi, hưởng dương được 33 năm.

"Tôi chưa đầy hai tuổi, Don Bosco kể lại, hồi cha tôi lìa đời và tôi thậm chí còn không nhớ nổi mặt của ông nữa. Tôi chỉ còn nhớ những lời nói của thân mẫu: "Thế là con mồ côi cha rồi, Giuanin [Gioan bé nhỏ của mẹ] ạ". Mọi người đã ra khỏi phòng đặt linh cữu, nhưng riêng tôi vẫn cố lì ở lại. "Đến đây nào, Giuanin [Gioan bé nhỏ của mẹ]", mẹ tôi ôn tồn năn nỉ. Tôi đáp lại: "Nếu cha

không ra, con cũng không ra luôn". "Thôi chứ, ra đây đi con, con của mẹ, con đâu còn cha nữa". Nói xong những lời này, người đàn bà thánh thiện vừa òa lên khóc vừa lôi tôi theo. Thấy mẹ khóc, tôi cũng khóc. Một đứa con nít mới bằng ấy tuổi đầu thì đã hiểu quái gì chứ? Nhưng câu nói ấy "thế là con mồ côi cha rồi" đã mãi mãi lưu lại trong ký ức tôi. Đây là biến cố đầu tiên trong cuộc sống mà tôi còn nhớ được".

Một thời vụ xui xẻo

Kỷ niệm thứ hai của Gioan, đó là kỷ niệm về nạn đói phải chịu trong năm ấy.

Thôn xóm nhỏ trong đó có ngôi nhà của gia đình Bosco được gọi là xóm Becchi. Mười nông trại nằm rải rác trên một vùng đất dài thòng và nhô cao giữa một khung cảnh đồng quê bao la bát ngát và nhấp nhô như sóng gợn, với những vườn nho và những rừng cây. Xóm Becchi là một phần của địa phương Murialdo, nằm cách xa năm cây số thủ phủ của quận Castelnuovo d'Asti.

Năm 1817, vùng đồi núi Montferrat (Casteluovo nằm ở ngoại vi phía nam của vùng Montferrat) đã phải chịu, cũng như toàn xứ Piemonte, một cơn túng bẫn khắc nghiệt. Những trận băng giá của mùa xuân đã được tiếp nối bởi một vụ nắng hạn dài vô tận. Mùa màng đều bị thất thu.

Tại các vùng nông thôn, thế là xảy ra nạn đói, một nạn đói đích thực, đến nỗi người ta bắt gặp nhiều kẻ ăn xin gục chết dưới các kênh mương, miệng còn ngậm nắm cỏ chưa kịp nhai nuốt.

Một tư liệu thời ấy mô tả Torino, kinh đô của xứ Piemonte, bị xâm lấn bởi một cuộc di dân hết sức quy mô. Những đoàn người dài dằng dặc, tiều tụy và rách rưới, lũ lượt kéo nhau rời bỏ vùng nông thôn; từ các thung lũng và các vùng đồi núi đổ xô về phía thành đô. Những nhóm gia đình đến cắm dùi trước các giáo đường và các dinh thự để xin của bố thí.

Chính trong cái năm gian khổ ấy, Mẹ Margarita đã phải oằn vai gánh vác toàn bộ giang sơn của người chồng quá cố. Thường trú trong ngôi nhà là bà mẹ chồng (tức mẹ già của Phanxicô) ngồi chết dí trên chiếc ghế của kẻ bại liệt, Antôn (chín tuổi), đứa con trai của đời vợ trước của Phanxicô, và hai đứa con nhỏ của bà: Giuse và Gioan (bốn tuổi và hai tuổi). Là dân quê thất học, bà đã tỏ rõ trong suốt thời kỳ ấy phẩm chất chủ lực của mình, nghị lực của cá tính của bà.

"Mẹ tôi đã cung ứng của ăn cho gia đình bao lâu bà còn có để cho, Don Bosco thuật lại, rồi bà giao một số tiền cho một người hàng xóm. Ông này liền tìm đến những khu họp chợ khác nhau, nhưng không sao mua được bất cứ thứ gì, dù là với giá đắt như vàng. Hai hôm sau, ông trở về, vào lúc chiều tối, được mong đợi với tất cả sự nôn nóng. Khi ông ta trả lại tiền, miệng giải thích là mình chẳng mua được thứ gì cả, nỗi kinh hoàng đã đổ ập xuống trên đầu chúng tôi. Suốt ngày hôm ấy chúng tôi chưa có miếng nào dằn bụng. Mẹ tôi, không hề mất bình tĩnh, liền tuyên bố: "Lúc lâm chung, Phanxicô đã dặn dò mẹ hãy tin tưởng vào Chúa. Chúng ta hãy quỳ gối và cầu nguyện".

Sau một lời nguyện ngắn, bà đứng lên và thêm: "Bệnh quỷ đã có thuốc tiên, trong những trường hợp túng quẫn, cần áp dụng những biện pháp mạnh". Và với sự tiếp tay của Bernald Cavallo, bà đi xuống chuồng bò, hạ thịt một con bê, nấu nướng một phần cho chúng tôi ăn. Lúc ấy chúng tôi đều đã lả người vì đói. Những ngày sau đó, bà đã mua được từ phương xa một số lúa gạo, mà bà phải trả với giá cắt cổ.

Cho mãi đến mấy thập niên gần đây, trong các gia đình dân quê ở Piemonte, thịt một con bê vốn là một hành động tuyệt vọng. Con bê ấy, mà người ta vỗ béo trong chuồng, quả thật là một vụ đầu tư mà khi đem ra bán ở chợ, sẽ có thể cho phép họ đương đầu với một hoàn cảnh khó khăn, chẳng hạn trong trường hợp đau yếu. Hạ thịt nó, chính là chịu để mất khoản dự trữ tối hậu của gia đình.

Một biến cố sẽ làm thay đổi cục diện thế giới

Cái chết, nạn đói, sự bất an - những kỷ niệm đầu đời của một cậu bé sẽ trở thành một người cha cho những khối lượng trẻ mồ côi, và trong các nhà của ngài, sẽ cung cấp cơm bánh cho vô số các thanh thiếu niên nghèo.

Bi kịch nhỏ của gia đình Bosco, trên một ngọn đồi hẻo lánh, đã góp thêm vào tấn bi kịch lớn đã tựa cơn vũ bão làm đảo lộn Châu Âu và cả nước Ý trong những thập niên trước đó.

Hai mươi năm trước (1789), ở Paris, đã bùng nổ cuộc cách mạng Pháp, một biến cố sẽ làm biến đổi cục diện thế giới. Chúng tôi không có ý định phủ nhận lịch sử của cuộc cách mạng đó, nhưng chúng tôi cũng cho rằng cần thiết phải dò tìm ở đó một số khía cạnh đã có một ảnh hưởng sâu sắc tới tận cuộc sống của Don Bosco.

Trên toàn cõi Châu Âu, không khí lúc ấy đã bỗng nhiên trở nên quá tải bởi những cải cách và những kỳ vọng. Ở Ý cũng dội lại những âm vang của các chuyển biến diệu kỳ. Sau bao thế kỷ xã hội hóa đá dưới sự thống trị tuyệt đối của nhà vua và của bọn quý tộc, nước Pháp đã nổ tung. Giới trưởng giả và nhân dân đòi hỏi sự thừa nhận các quyền lợi của họ và sự bãi bỏ những đặc quyền đặc lợi của giới quý tộc và của hàng giáo sĩ cao cấp. Các từ "tự do" và "bình đẳng" không còn phải thì thầm nữa, mà đã được gào to lên giữa thanh thiên bạch nhật.

Cũng như trong mọi thời điểm có những đổi thay tận cốt lõi, những quyết định tuyệt vời rất chính đáng đã xen lẫn với các vụ bạo động lãng nhách và độc đoán.

Các nhà trưởng giả lớn đã lèo lái cuộc cách mạng sao cho quyền bầu cử được dành riêng cho các chủ nhân ông: "Sự can thiệp vào các quyết định của chính phủ đến từ phía nhân dân đã vô học thức lại không biết tự chủ, họ tuyên bố, sẽ chỉ dẫn đến những sự quá lố".

Cách mạng, do sự kiện ấy, đã bãi bỏ mọi độc quyền, trừ độc quyền của sự giàu có. Giới trưởng giả đã đạt được quyền tự do, còn dân nghèo thì ai nghèo vẫn hoàn nghèo.

Song song, người ta đã tiến hành một vụ "bài trừ Thiên Chúa Giáo" trên một quy mô rộng lớn: cấm việc phụng thờ, hủy diệt các ảnh tượng Kitô giáo, bách hại các linh mục, lấy việc "tôn thờ lý trí" thay thế cho việc thờ phượng Thiên Chúa (với những đoàn người mang mặt nạ lố bịch kéo vào tận bên trong nhà thờ Đức Bà ở Paris).

Châu Âu nhìn xem, sững sờ. Các biến cố ở Pháp có vẻ, trong suốt mấy tháng đó, như là những vụ biểu dương chứng điên khùng tập thể; ngay cả những người dấn thân hăng say nhất, đã từng có cảm tình với cách mạng ngay từ những ngày đầu, cũng cảm thấy bàng hoàng sửng sốt.

Những năm tiếp sau đó, khi người ta nhắc đến cách mạng với nỗi sợ hãi, chính đó là lúc người ta nghĩ đến sự khủng bố ở Paris. Dưới cụm từ đầy khinh miệt "cách mạng dân chủ" người ta sẽ hiểu là "sự bứt xiềng hung bạo và hỗn loạn của đám tiện dân".

Vị đại tướng 27 tuổi: Napoléon

Năm 1796, một quân đội của phe cách mạng đã đến nước Ý dưới quyền chỉ huy của một vị đại tướng 27 tuổi, Napoléon Bonaparte. Tại thung lũng sông Pô, ông đã chiến thắng quân Áo qua bao trận đánh đẫm máu. Lính Pháp nói về tình huynh đệ, về sự bình đẳng, về tự do. Bất chấp những bóng đen của sự khủng bố, các từ trên đã làm thức dậy một sự hưng phấn rộng lớn trong các thế hệ trẻ. Vương quốc Sardaigne (gồm các xứ Piemonte - Savoia - Sardaigne) đã bị bãi bỏ. Nhà vua đã bị đưa đi đày biệt xứ.

Nhưng Napoléon là một thiên tài ưa gây rối. Hơn cả thắng lợi của cuộc cách mạng, ông vẫn tiếp tục theo đuổi các thành công ròng rã và áp sát của vinh

quang quân sự.

Các biến cố bi thảm của những năm ấy tại Ý, trẻ em hiện nay học được tại trường, lớp. Năm 1799, Napoléon đang ở Ai Cập; liên quân Áo-Nga, một lần nữa, lại xâm lược miền Bắc Ý: trên lưng những con ngựa nhỏ của vùng thảo nguyên, bọn Cosaque (những bộ râu dài và rậm, những cây thương đầy đe dọa) lại kéo vào các thành phố. Napoléon trở lại, và chiến tranh lại diễn ra, gieo cơ cực đến những vùng nông thôn trù phú của đồng bằng sông Pô.

Rồi Napoléon thẳng tay cưỡng đoạt tiền của và lính tráng từ khắp mọi miền trên đất Ý. Tất cả là để phục vụ cho cuộc chiến tranh du kích ở Tây Ban Nha và cho chiến dịch Nga; đất nước xa xôi và huyền bí mà Napoléon sẽ xâm lược bằng cách cầm đầu một quân đội lớn mạnh nhất trong mọi thời đại. Trong mùa đông khắc nghiệt ở Matxcơva, đó là cuộc rã ngũ toàn diện và cuộc rút lui thảm hại. Napoléon đã thấy gục chết quanh mình 600.000 người. Trong số đó, 25.000 người Ý, 20.000 người trước đó đã bị giết tại Tây Ban Nha.

Từ ngày 16 đến ngày 19 tháng 10 năm 1818, tại bình nguyên Leipzing, "trận đánh đa quốc gia" với quy mô rộng lớn đã đánh dấu sự cáo chung của đại đế quốc Pháp và (trong đầu óc của rất nhiều người) sự mai táng các lý tưởng của cách mạng.

Một lần nữa, từ trên dãy núi Alpes và vượt qua sông Tsonzo, kéo xuống vùng châu thổ sông Pô, quân Áo, quân Đức, quân Croatia. Tất cả đều hô hào là mình đến để "giải phóng nước Ý", nhưng cũng như mọi quân đội giải phóng khác, không một ai đã kêu gọi họ và họ đã tự đền bù cho mình bằng cách cướp bóc vơ vét ở cả nông thôn lẫn thành thị. Sau cú giãy chết của cuộc chiến tranh trăm năm và sau trận đánh ở Waterloo, Napoléon sẽ kết liễu đời mình trên một hòn đảo nhỏ ngoài khơi Đại Tây Dương.

Cả Châu Âu lẫn nước Ý đều mỏi mệt, đầy dãy những cảnh hoang tàn đổ nát và lũ trẻ mồ côi. Các vùng nông thôn đã bị càn quét bởi chiến tranh và bị vét

sạch dân cư do các vụ "tuyển quân" nhằm trưng dụng lực lượng trai tráng để gửi họ đi phơi thây trên những chiến trường xa xôi nào đó.

Nhân dân đã kêu gào "tự do" suốt bao năm dài, giờ đây chỉ còn tìm kiếm hòa bình.

Chính trong bối cảnh của tấn bi kịch lớn ấy mà gia đình Gioan Bosco đã sống trong năm 1817, vở bi kịch nhỏ của riêng họ, vở bi kịch tuy có phần hạn chế nhưng rất ư là trĩu nặng.

Một ông Vua vặn cho đồng hồ lui lại 15 năm

Gioan Bosco sẽ học được qua các trang sách sử ký là mình đã ra đời vào đúng lúc khai nguyên một thời đại mới, được gọi là Trung hưng. Thời đại ấy đã mở màn vào ngày 1 tháng 11 năm 1814, với lễ khai mạc tại Vienna của đại hội các quốc gia chiến thắng trong cuộc đấu tranh chống lại Napoléon. Đối với một phần lớn lãnh thổ Ý, thời kỳ này sẽ kéo dài mãi tới năm 1847, nghĩa là tới lúc bắt đầu cuộc đồng khởi chính trị của nước Ý, được mệnh danh là "Risorgimento" (sự phục hưng).

Thời kỳ Phục hưng là một thời kỳ có nhiều chuyện ám muội tầy trời. Các Quốc vương đã bị hạ bệ bởi cách mạng và bởi Napoléon đều quay về, thể theo ý muốn của đại hội, ngồi trở lại trên ngai vàng của họ và đòi, bằng vài nét bút, xóa bỏ 25 năm lịch sử.

Nước Ý, trong buổi lễ thành Vienna, được chia làm tám phần, như một chiếc bánh tráng: vương quốc Sardaigne (bao gồm các xứ Piemonte, xứ Sardaigne, xứ Savoia, Nice và người ta coi như thuộc quyền tiếp quản của xứ Genova), vương quốc Lombardo - Venise - (trực thuộc Áo), công quốc Modène, công quốc Parme và Plaisance, đại thái công quốc Toscone, hầu tước Lucca, các quốc gia của Giáo hoàng, vương quốc Nhị-Siciles.

Vittorio Emmanuel I quay trở lại Torino. Ông ngồi trong cỗ xe ngựa xa hoa lộng lẫy, vây quanh là các nhà quý tộc ăn mặc theo mốt chế độ cũ, với mái tóc giả bạc trắng có đuôi.

Quần chúng, dọc theo các đường phố, hồ hởi tung hô nhà vua. Cư dân ở nông thôn chẳng mơ ước gì hơn là hòa bình. Nhưng nền hòa bình ấy, các mái tóc giả bạc phơ của các nhà quý tộc lại muốn đảm bảo nó bằng cách tái lập "mọi sự như trước kia". Họ đòi làm ngơ trước những thực tế mới, tích cực mà bất chấp bao chiến dịch đẫm máu của Napoléon, đã nẩy mầm và đã được củng cố ở Ý.

Lịch sử đã đi con đường của nó và không một sự gì có thể làm nó quay trở lui. Giới trưởng giả đã tự khẳng định như một giai cấp mới trong xã hội. Hàng hóa và những con người lưu thông trên hệ thống đường xá đã được xây dựng bởi các kỹ sư thời Napoléon.

Trải qua hàng trăm năm, khối cư dân khổng lồ đã sinh ra, đã sống và đã chết dưới cùng một chính quyền, trong cùng một ngôi làng, bị hóa đá trong các thể chế kinh tài nhỏ bé của họ, trong các tập tục ngàn đời của họ. Các đạo quân của Napoléon đã phá vỡ tình trạng bất động. Việc di dân trong nội bộ quốc gia, dẫu nó thường được điều động do những nguyên nhân bi thảm, đã trở thành một hiện tượng quần chúng.

Trên các cỗ xe ngựa chở khách cũng du hành cả sách vở và báo chí. Ít ai biết đọc nhưng khát vọng hiểu biết giờ đây đã là một phẩm chất phổ biến: những kẻ biết đọc, dù không mấy đông đảo, loan truyền rộng rãi các tin tức, các chân trời được mở rộng thêm. Tại cuộc đại hội Lubiana, năm 1821, Francois IV de Modène sẽ đưa ra lời báo động này: "Quyền tự do báo chí, sự nhân gấp các trường học, khả năng cho phép ai nấy đều được tập đọc và tập viết, đó chính là hạt giống xấu mà từ đó nẩy mầm các cuộc cách mạng".

Trong xứ Piemonte, nông nghiệp sắp mau chóng bắt đầu một sự phát triển mới, nở rộ. Người ta đến hạ những rừng cây cuối cùng trên các vùng đồng bằng

cũng như trên các núi đồi. Nhiều vùng rộng lớn đã trở thành có thể canh tác. Hàng ngàn cây dâu đã được trồng, nhờ đó đẩy mạnh sự bành trướng việc nuôi tằm.

Đột nhiên, từ mọi phía, sắp xuất hiện những cơ sở sản xuất, những xưởng máy, những máy để nâng những kiện hàng lớn. Nền công nghiệp sắp được tổ chức, giá cả được ổn định.

Vittorio Emmanuel đệ nhất, ngay hôm sau ngày hồi hương, đã bãi bỏ các đạo luật của 15 năm trước đó và phục hồi hiệu lực của các đạo luật ban hành trước thời Napoléon. Các nhà quý tộc và hàng giáo sĩ cao cấp lại vãn hồi được toàn bộ các đặc quyền của họ. Đùng một cái, giới trưởng giả đã bị mất đi rất nhiều quyền lợi mà họ đã phải trầy da tróc vẩy mới dành được.

Hậu quả ra sao? Đang khi nhà vua vặn ngược đồng hồ của mình cho chậm lại cả mười lăm năm, thì các nhà trí thức trưởng giả, như Silvio Pellico, lo di tản tới Milan. Những người trẻ xuất thân từ các thế giá vọng tộc, lại vào hùa với phe đối lập, gia nhập các hội kín và đặt hết hy vọng của mình vào một hoàng thân rất trẻ tuổi của dòng họ Savoia-Carignan, tức Carlo Alberto, kẻ xem ra rất quan tâm đến các thời đại mới.

Những tiếng dội của các biến cố trên đã dịu đi nhiều khi vang tới vùng đồi núi Montferrat, nơi mà Gioan Bosco đang trải qua những năm tháng nghèo khổ và êm đềm của tuổi thơ của mình.

Vương quốc Sardegna màu vàng nhạt.

Chương 3: NHỮNG NĂM SỐNG TRONG TỔ ẤM

Khi chồng từ trần, Margarita mới hai mươi chín tuổi. Còn quá trẻ đối với gánh nặng mà bà sắp phải kề vai gánh vác. Nhưng bà đã không bỏ phí nhiều ngày giờ để khóc than cho số phận hẩm hiu của mình. Bà đã xắn cao tay áo và bắt tay vào việc.

Trong nhà có chén dĩa phải rửa, có cơm canh phải nấu, có nước nôi phải đi xách về, có các phòng ngủ phải thu dọn cho ngăn nắp. Mọi việc ấy đều phải làm vào các giờ rảnh rỗi, vì vào các giờ lao động thì vấn đề là phải đi đầu để đôn đốc mọi việc, ngoài đồng ruộng cũng như trong chuồng bò.

Cũng như các phụ nữ nhà quê khỏe mạnh khác ở quanh vùng, bà xúc rơm rạ, cày bừa, gieo hạt, gặt lúa, cột lại thành từng bó, đưa về sân phơi rồi đập lấy thóc gạo. Bà cuốc đất, nhổ cỏ ngoài vườn nho, canh chừng thợ hái nho và chế biến thành rượu.

Đôi tay bà bận khâu vá, đan, thêu nhưng bà cũng biết dùng tay để vuốt ve con cái. Bà là nông dân, nhưng trước hết, là mẹ của các con mình. Bà nuôi dạy chúng vừa với sự dịu hiền vừa với sự cứng rắn. Một trăm năm sau, các nhà tâm lý học sẽ viết rằng để lớn lên đúng quy cách, nhất thiết đứa bé cần đến tình yêu trầm tĩnh và tươi vui của người mẹ. Họ cũng sẽ phải nói rằng thân phận mồ côi khiến đứa trẻ, về mặt tình cảm, dễ mắc phải nguy cơ bị lệch hẳn về một phía: về

sự xìu xìu ểnh ểnh nếu là trẻ mồ côi mẹ, về sự cằn cỗi đầy lo lắng nếu trẻ bị mồ côi cha.

Mẹ Margarita đã bắt gặp ngay trong bản thân mình sự cân bằng tự nhiên, giúp bà liên kết và vận dụng luân phiên sự cứng rắn trầm tĩnh và nguồn vui làm lắng dịu.

Don Bosco, trong phong cách giáo dục của ngài, sẽ rập khuôn theo mẹ rất nhiều.

Một Đấng Vĩ Đại.

"Chúa thấy con" đã là một thành ngữ thường xuyên trên môi miệng Margarita Occhiera. Bà để mặc con cái nô đùa trên đồng cỏ kế bên nhà và bảo chúng trước khi chúng đến chơi ở đó: "Hãy nhớ là Chúa thấy các con". Nếu bà quan sát thấy chúng đang giận hờn vặt vãnh hoặc sắp sửa bịa ra một câu nói dối nhằm che dấu tội lỗi: "Hãy nhớ là Chúa biết rõ mọi tư tưởng của các con".

Nhưng bà đã không khắc vào tim con cái hình ảnh của một Thiên Chúa luôn hằm hằm đe dọa. Nếu đêm đẹp trời và bầu trời lấp lánh đầy sao nhằm đúng lúc chúng đang hóng gió trước cửa, bà liền lên tiếng: "Chính Chúa đã dựng nên thế giới và đã sắp đặt trên đó bao nhiêu là tinh tú". Khi trên các đồng cỏ, trổ đầy hoa tươi, bà thì thầm: "Chúa đã tạo ra cho Chúng ta biết bao cảnh đẹp!". Sau mùa gặt, sau mùa hái nho, lúc chúng đang nghỉ xả hơi vì mệt nhoài vì vụ thu hoạch, bà nói: "Chúng ta hãy đội ơn Chúa, Ngài đã rất nhân hậu với chúng ta. Ngài đã rộng ban cho chúng ta lương thực hàng ngày".

Thậm chí, sau cơn dông với những "vòi rồng" đã san thành bình địa tất cả, bà mẹ vẫn vận động các con suy gẫm: "Chúa đã trao ban, Chúa đã lấy lại. Ngài biết rõ vì sao. Nếu Chúng ta ăn ở gian ác, hãy nhớ rằng loài người không sao giữn mặt được với Chúa".

Kế bên mẹ hiền, kế bên các anh trai của mình, bên bà con chòm xóm, Gioan đã quen dần với việc nhìn thấy một nhân vật khác, Thiên Chúa, một nhân vật vĩ đại, vô hình nhưng luôn luôn hiện diện và ở khắp mọi nơi: trên bầu trời, trên các ruộng đồng, trên gương mặt những người nghèo khó, trong tiếng nói của lương tâm nhắc bảo: "Ngươi đã làm tốt, ngươi đã làm bậy". Một nhân vật mà nơi Ngài, mẹ cậu có một niềm tin vô biên và không sao chối cãi được; một người cha nhân từ và chuyên chú, trao ban lương thực hàng ngày, tuy thỉnh thoảng cũng cho phép xảy ra một số tai ương nhất định (cái chết của người cha, mưa đá rơi xuống trên vườn nho) khó chấp nhận, nhưng "Ngài" biết rõ vì sao và bấy nhiêu đó cũng đủ rồi.

Đánh khăng và đổ máu

Năm Gioan lên bốn hoặc năm tuổi thì mẹ cậu giao cho cậu ba bốn cây đay ngâm nước đầu tiên trong đời để cậu tước thành sợi, công việc chẳng đáng gì cả, nhưng dù sao vẫn là công việc. Chính nhờ cách này mà cậu bắt đầu cống hiến phần đóng góp khiêm tốn của mình cho gia đình, một cộng thể sống nhờ vào lao động của mọi thành viên, bất kể già trẻ lớn bé.

Sau này, cậu tiếp tay với các anh trong những công tác phục vụ phúc lợi của gia đình: chẻ củi, nhóm bếp bằng cách thổi thật khéo lên mấy cục than hồng ủ dưới tro (nhằm tiết kiệm những cây củi mồi, đầu có nhúng lưu huỳnh), xách nước, nhặt rau, quét nhà, chà rửa chuồng bò, dắt bò ra đồng, canh chừng bánh trong lò nướng …

Nhưng, sau những công việc lặt vặt (được kiểm soát bởi mẹ) cầu liền phóng một mách đi chơi. Khoảng không, chẳng cần tìm kiếm đâu xa: cùng khắp chung quanh, xa ngút ngàn là đồng cỏ tiếp nối đồng cỏ. Bạn bè đang chờ sẵn: những đứa con trai lực lưỡng, nhanh nhẹn với những gương mặt kệch cỡm và vô duyên.

Họ chia nhau đi lùng sục những hang chuột chũi, đi bắt các tổ chim và đối đầu với nhau trong những trò chơi bất tận.

Một trong những trò chơi hào hứng nhất là trò đánh: bằng một cây gậy, ta làm nẩy cao một khúc cây mà một đầu nhô lên khỏi miệng lỗ phân nửa khúc và khi khúc cây đang ở trên không, ta lại quất mạnh vào nó sao cho nó bay đi thật xa, càng xa càng ăn nhiều điểm.

Một chiều nọ, Gioan về nhà sớm hơn thường lệ. Máu me đầm đìa trên mặt cậu. Trong một ván đánh khăng, cậu đã bị khúc cây do một thằng bạn quất thẳng cánh bay trúng vào một bên má. Mẹ Margarita rất lo lắng, vừa săn sóc vết thương cho con vừa nói:

- Sớm muộn gì cũng có ngày con trở về nhà với một con mắt đã lòi tròng. Sao con lại cứ chơi chung với lũ con trai ấy? Con thừa rõ là chẳng một đứa nào trong bọn chúng là con nhà tử tế cả mà!

- Nếu chỉ là để làm vui lòng mẹ thì con sẽ không trở lại chơi với bọn chúng nữa! Nhưng mẹ có biết không? Một khi con chơi chung với chúng, chúng tỏ ra đàng hoàng hơn nhiều. Có một số từ mà chúng không văng ra nữa.

Mẹ Margarita để mặc cho cậu tiếp tục.

Sự can trường lớn nhanh hơn cả tầm vóc

Gioan đã lên năm. Giuse bảy tuổi. Mẹ Margarita đã sai hai anh em đi chăn một bầy gà tây. Đang khi đàn gà đuổi bắt dế, hai anh em bầy trò chơi với nhau. Đột nhiên, đang lẩm bẩm đếm ngón tay, Giuse bỗng lớn tiếng la hoảng vì thấy thiếu mất một con gà tây.

Lo lắng, hai anh em chia nhau đi kiếm, chẳng thấy đâu hết. Gà tây là một con vật lớn xác, đâu có thể "bốc hơi" như vậy được. Khi bọc vòng một hàng rào cây, Gioan chợt phát hiện một gã đàn ông. Cậu liền nghĩ "Chính hắn là kẻ đã ăn trộm gà!" Cậu gọi Giuse và tiến lại gần một cách kiên quyết.

- Ông hãy trả lại cho chúng tôi con gà tây.

Kẻ lạ mặt nhìn cậu ra vẻ ngạc nhiên:

- Gà tây à? Nó đâu?

- Chính ông đã bắt trộm nó. Hãy trả lại cho chúng tôi, bằng không chúng tôi sẽ la làng "Bớ người ta! Ăn trộm!" và người ta sẽ đuổi bắt để đập cho ông một trận nhừ xương.

Hai thằng nhãi ranh. Chỉ cần đét đít mỗi thằng một hai cái là đủ để đuổi chúng chạy xa cả ba cây số. Nhưng quyết tâm của hai thằng này khiến gã cảm thấy chột dạ. Có những nông dân đang lao động gần đó mà hai thằng nhóc này lại gân cổ lên mà gào thì ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Thế là gã liền lôi ra khỏi hàng rào cả một cái bao bố và thọc tay vào kéo ra con gà tây "đi lạc".

- Tao chỉ muốn giỡn chơi cho tụi mày đứng tim chút xíu thôi!

- Giỡn chơi kiểu ấy đâu có lương thiện, hai anh em vừa càu nhàu vừa bỏ đi, ôm theo con gà mập ú.

Tối đến, như thường lệ, chúng báo cáo công tác trong ngày cho mẹ.

- Các con đã trải qua một mối nguy hiểm.

- Sao vậy, hả mẹ?

- Trước hết, vì lúc ấy các con đâu biết chắc là ông ta có phải là kẻ trộm hay không.

- Nhưng lúc ấy đâu có ai khác ở quanh quẩn gần đó.

- Điều ấy đâu đủ để kết tội một người là "ăn trộm". Với lại, hai đứa con đều nhỏ, còn ông ta là một người lớn. Lỡ ra ông ta hành hung các con thì sao?

- Nếu vậy, không lẽ chúng con phải để mặc cho ông ta ăn trộm con gà hay sao?

- Can đảm thì không có gì là bậy. Nhưng chẳng thà chịu mất một con gà còn hơn là bị ai đó thanh toán gọn.

- Ừ hứ! Gioan lẩm bẩm. Mẹ nói đúng, mẹ ạ! Nhưng để mất con gà thì thật

uổng, nó mập ú à! …

Cây roi trong góc nhà

Mẹ Margarita là một phụ nữ rất hiền dịu, nhưng đầy bản lãnh và mạnh mẽ. Bọn trẻ biết rằng nếu bà đã nói không, thì có nhõng nhẽo mấy cũng không làm bà đổi ý được.

Trong một góc bếp, có cây roi: một cây gậy nhỏ có thể uốn cong được. Bà không dùng đến nó, nhưng bà không bao giờ quăng nó ra khỏi cái xó được dành riêng cho nó.

Một hôm, Gioan đã phạm lỗi nặng. Chắc là do hấp tấp muốn đi chơi, cậu đã bỏ ngỏ cánh cửa chuồng thỏ và toàn bộ lũ thỏ nuôi trong đó đã đào thoát ra các đồng cỏ quanh nhà. Đuổi bắt chúng lại quả không phải là chuyện dễ. Quay trở vào gian bếp, Mẹ Margarita đưa tay chỉ vào xó nhà:

- Gioan, đến lấy cây roi cho mẹ.

Cậu bé lấm lét rút lui về phía cửa.

- Mẹ tính làm gì với cái ấy?

- Cứ đem lại đây cho mẹ, rồi con sẽ rõ!

Giọng nói đầy kiên quyết. Gioan cầm cây roi và đứng từ xa đưa cho mẹ.

- Mẹ tính quất lên vai con chắc …

- Chứ sao! Sau khi con đã làm bậy, hành khổ mẹ tới mức đó.

- Mẹ ơi! Con sẽ không tái phạm nữa đâu.

Bà mẹ nở một nụ cười và cậu bé cũng vậy …

Nhân một ngày tiết trời oi ả, Gioan và Giuse, cả hai đều khát khô cổ, vừa từ vườn nho trở về. Mẹ Margarita ra giếng, kéo lên một xô nước mát lạnh và dùng cái muỗng lớn bằng thau, múc nước đưa cho Giuse uống trước.

Gioan nhăn mặt khó chịu. Cậu cảm thấy ghen tức trước sự đãi ngộ ưu ái ấy. Khi mẹ chìa muỗng cho cậu uống, cậu ra dấu không thèm. Mẹ Margarita chẳng

nói chẳng rằng. Bà xách xô nước vào bếp và đóng cửa lại. Lát sau, Gioan bước vào:

- Mẹ …

- Gì vậy?

- Mẹ cho cả con uống nữa chứ!

- Vậy mà mẹ tưởng con không khát.

- Xin lỗi mẹ.

- Thôi, được rồi. Và bà chìa ra, cả cho cậu nữa, một cái muỗng đầy ắp nước.

Năm lên tám, Gioan đã là một cậu con trai dồi dào sức khỏe với tiếng cười lanh lảnh. Hơi nhỏ con nhưng cứng cáp, cậu có đôi mắt đen, mái tóc quăn và rậm chẳng khác gì lông cừu. Cậu ham thích phiêu lưu và mạo hiểm. Không bao giờ cậu than phiền về những vết trần xước ở hai đầu gối.

Cậu đã từng trèo cây bắt các tổ chim. Một hôm, cậu đã gặp xui. Một tổ chim bạc má nằm sâu tuốt trong kẽ nứt của một thân cây. Cậu thọc tay vào trong hốc cây, qua khỏi cùi chỏ, không sao kéo tay ra được nữa. Cậu cố thử nhiều lần nhưng bên trong cái ê tô quái quỷ ấy, cánh tay bắt đầu sưng vù lên. Giuse nãy giờ vẫn đứng dưới gốc cây nhìn lên, vội chạy về nhà loan báo hung tin cho mẹ. Bà Margarita đem thang tới, nhưng cả bà cũng chẳng giải nguy được cho Gioan. Cần phải kêu một người hàng xóm. Ông này chạy đến với cái đục thợ mộc trong tay. Trong khi chờ đợi, mồ hôi rịn ra trên trán Gioan. Giuse, còn teo xoắn hơn cả đứa em, từ dưới la vọng lên:

- Ráng chịu nghe em, họ tới rồi kìa!.

Ông hàng xóm dùng "tạp dề" của bà Margarita quấn quanh cánh tay cậu bé và bắt đầu đẽo cây, bảy hoặc tám cú đục đã đủ để trả lại tự do cho cánh tay bị nhốt.

Mẹ Margarita không nỡ la rầy con. Cậu bé bẽn lẽn, tiu nghỉu như mèo cụt đuôi. Bà chỉ bảo cậu:

- Đừng có làm mẹ phải đứng tim như vậy nữa nghe con!

Con quỷ trong kho chứa đồ cũ

Một tối mùa thu, hai mẹ con Gioan đang ở nhà ông bà nội ở Capriglio. Trong bữa ăn tối, đại gia đình đông đúc quây quần bên bàn ăn, nằm giữa khoảng tranh tối tranh sáng, chỉ hơi bị khuấy loãng bởi ánh sáng nhạt nhòa của một ngọn đèn dầu leo lét. Bỗng nhiên, người ta nghe một tiếng động lạ từ trên cao vọng xuống. Tiếng ấy lặp lại một, hai, ba lần. Mọi người đều nhìn lên, nín thở. Yên lặng được tái lập, rồi, lần nữa tiếng động kỳ bí trên kho chứa đồ cũ lại vang lên, nối tiếp là tiếng trượt dài y hệt như tiếng khò khè, ngộp thở. Mấy bà mấy cô vội đưa tay làm dấu Thánh giá, trẻ con thì sà vào lòng mẹ mà núp.

Một bà cất tiếng kể lại, với những lời lẽ đắn đo thận trọng, là xưa kia người ta cũng đã từng nghe, trong kho chứa đồ cũ, những tiếng ồn kéo dài, những tiếng rên và những tiếng thét hãi hùng.

- Quỷ đấy! Nó lại trở lại nữa rồi, miệng run rẩy thì thầm, trong lúc tay bà thoắt vẽ một dấu Thánh giá.

Gioan phá tan sự yên tĩnh bằng một câu nói bình tĩnh:

- Con tin rằng đó chỉ là một con chồn chứ chẳng có ma quỷ gì hết.

Coi cậu như một thằng nhỏ xấc láo, "phạm thượng", người ta nạt nộ bắt cậu câm họng. Và tiếng động ồ ề lại nổi lên, nối tiếp là một tiếng cọ mình rên xiết.

Mọi ánh mắt, đầy khắc khoải lo âu, đều hướng lên trần nhà đóng bằng ván, được dùng làm sàn gác cho kho chứa đồ cũ.

Lần thứ hai, bé Gioan lại phá tan sự yên lặng trong lúc từ trên ghế nhảy xuống:

- Mình thử lên trên ấy coi xem nào.

- Mày điên hả? Margarita, nắm đầu nó lại! Ai đời lại đi đùa với quỷ bao giờ!

Nhưng cậu bé đã bắt tay vào việc: vừa tìm được một ngọn đèn, cậu bèn châm lửa, rồi quơ lấy một cây gậy. Mẹ Margarita bảo con:

- Hay ta đợi đến mai, có lẽ tốt hơn chẳng?

- Mẹ à! Bộ cả mẹ cũng hơi sợ nữa hả?

- Bậy nào. Ta cùng đi coi thử xem sao.

Họ bước lên cầu thang bằng gỗ. Những người khác cũng nối gót theo sau, một tay cầm đèn, tay kia lăm lăm gậy gộc. Gioan đẩy cánh cửa kho chứa đồ cũ và giơ cao đèn để nhìn cho rõ hơn. Một phụ nữ la hoảng, câu nói bị ngắt quãng từng chập như bị một bàn tay vô hình nào chặn họng:

- Kìa, trong có..cái gì thế? thấ….ấy chưa?

Ai nấy đều căng mắt nhìn. Một cái thúng đựng hạt giống bị lật úp đang lắc lư, nhúc nhích, tiến tới. Gioan tiến lên một bước.

- Đừng, coi chừng! Đó là một cái thúng có quỷ nhập đấy!.

Gioan nắm lấy miệng thúng và nhấc lên. Một chị gà mái thất kinh, bị nhốt ở dưới đó, không biết đã mấy tiếng đồng hồ, lao vụt ra như một quả đạn trái phá, miệng la oang oác.

Vây quanh Gioan, lúc này, ai nấy đều cười như nắc nẻ. Thì ra con quỷ chỉ là một gã gia cầm. Cái thúng, nhẹ bâng, đã được đặt chênh vênh dựa vào vách tường. Vì bên trong còn sót vài hạt lúa mì kẹt giữa các nan lạt mây, một chị gà mái đã muốn mổ lấy để ăn, nhưng chị đã làm thúng úp xuống ngay lưng và nhốt chị trong đó. Vừa mệt vừa đói bụng, con vật xấu số đã cố vùng vẫy để mong thoát được ra ngoài, lôi theo cái thúng đi khắp trong kho chứa đồ cũ, đụng nhằm đủ thứ đồ đạc lỉnh kỉnh trong đó, gây nên những tiếng động ầm ì và những tiếng trượt dài trên sàn gác.

Vết dầu loang

Thứ năm tuần nào, Mẹ Margarita cũng đi chợ quận ở mãi Castelnuovo. Bà mang theo hai cái thúng đựng đầy pho-mát, gà và rau để bán. Bà quay về với vải vóc, đèn nến, muối và vài món quà vặt cho các con, thường chạy và xuống đón mẹ băng ngang qua các lối mòn khi vầng kim ô đã ngả bóng phía trời Tây.

Một ngày thứ năm nọ, trong quá trình một ván đánh khăng bất phân thắng bại, khúc cây cụt đã bay tuốt lên ngự trên mái nhà.

- Trên nóc tủ kê dưới bếp có một khúc cây khác, Gioan nói, để em đi lấy cho.

Cậu phóng vội xuống bếp. Nhưng tủ quá cao đối với cậu và cậu phải leo lên một cái ghế. Cậu cố nhón gót, vươn dài cánh tay và … loảng xoảng! Hũ dầu ăn đặt trên nóc tủ rơi xuống nằm trên nền gạch tàu của gian bếp và vỡ tan tành. Dầu ăn tràn lan lênh láng trên nền gạch đỏ tươi.

Đợi mãi không thấy em trở lại, Giuse lúc ấy vừa kịp chạy tới, chứng kiến cảnh đổ vỡ, hoảng hồn đưa tay lên bụm miếng:

- Lần này thì, tối nay, mẹ sẽ …

Hai anh em ra sức thu dọn gian bếp, những mảnh vỡ của cái hũ sành đã được quét sạch trong chốc lát, nhưng vết dầu, không sao chùi sạch, vẫn mỗi lúc một lan rộng, y hệt như nỗi lo phập phồng trong lòng hai đứa trẻ.

Gioan đứng lặng người suốt nửa giờ đồng hồ. Rồi cậu lôi ra từ trong túi một con dao nhỏ, tiến về phía hàng rào, chặt lấy một cành cây hình dáng thanh thoát và uốn cong được, cậu liền khởi công đẽo, gọt trong lúc miệng hát ê a một bài ca vui. Cả đầu óc cậu cũng làm việc để tìm ra những lời lẽ mà cậu sẽ phải thưa lại với mẹ tối nay.

Rốt cuộc, mặt ngoài của cây roi ấy đã được tô điểm đầy những vết đẽo, gọt tạo thành những hình khắc nổi đẹp mắt.

Tối đến, hai anh em cùng nhau ra đón mẹ. Giuse, ngập ngừng, bước chân từng bước.

Gioan, ngược lại, phóng như bay:

- Chào mẹ. Mẹ khỏe chứ, mẹ?

- Khỏe. Còn các con, mọi sự tốt đẹp cả chứ?

- Ừ hứ! Mẹ hãy coi nè. Và cậu đưa cho mẹ cây roi chạm trổ tinh vi.

- Con đã làm gì vậy?

- Lần này thì con thật sự đáng bị mẹ cho ăn đòn. Con đã xui xẻo làm bể hũ dầu ăn.

Cậu kể luôn một mạch từ đầu đến cuối tai nạn trong bếp rồi kết luận:

- Con đem cho mẹ cây roi này vì con thật đáng ăn đòn. Mẹ hãy cầm lấy đi.

Cậu chìa cây roi ra và đảo mắt nhìn từ đầu đến cuối công trình đẽo gọt của mình với những ánh mắt vừa hối hận vừa láu cá.

Mẹ Margarita quan sát thằng út một lát rồi nở một nụ cười. Và Gioan bỗng bật cười lớn tiếng. Mẹ cậu dắt tay cậu và cả hai tiến về phía ngôi nhà.

- Con có biết là con đã trở thành một tên láu cá số 1 không đấy, hả Gioan? Mẹ lấy làm bực mình về chuyện hũ dầu, nhưng mẹ lại hài lòng vì con đã không đến đón mẹ để kể lại một chuyện gian dối. Lần sau, dù sao con cũng nên thận trọng, vì dầu ăn đắt tiền lắm đó.

Gioan tiến tới và lúc này cậu đã thấy tan biến cơn giông tố mà mình đã lo ngại suốt một ngày dài. Giuse đã lên mười, đã lớn khôn hiền hòa và điềm đạm. Anh ta không năng động và cũng không ham quậy phá như Gioan. Bản tính của anh là nhẫn nại, cần cù, sáng tạo. Anh rất mực yêu mẹ và em trai của mình, và anh cũng hơi ngán ông kẹ "Antôn".

Mẹ là mẹ của con, chứ không phải là một bà mẹ ghẻ

Antôn hơn Gioan những bảy tuổi và lúc nào hắn cũng tỏ ra là một gã khép kín, cộc cằn và thô bạo.

Gặp dịp là hắn đánh đập các em một cách tàn nhẫn và mẹ Margarita lại phải chạy tới lăn xả vào để giật chúng ra khỏi tay hắn. Có lẽ hắn chỉ là một thằng con trai quá nhạy cảm mà hai đại tang liên tiếp (chưa mãn tang mẹ đẻ, lại phải chịu thêm tang cha) đã khiến hắn bị chấn thương nặng.

Hắn cảm thấy một thứ tình yêu chen lẫn sự ghen ghét đối với mẹ Margarita, lúc yêu tha thiết, lúc lại tức giận lung tung. Khi bị quở trách vì tính hay thay đổi của hắn, hắn nắm chặt tay lại và dứ lên, rồi nói với giọng ấm ức:

- Mẹ ghẻ!

Mẹ Margarita có thể đưa hắn lại với lẽ phải bằng cách tát mạnh hai cú tát vào mặt hắn, như nhiều người mẹ ưa làm ngày nay. Nhưng mẹ cảm thấy ghê tởm đánh dập một ai đó. Không bao giờ mẹ giơ tay lên đánh hắn. Mẹ mạnh mẽ nhắc lại cho hắn:

- Antôn, mẹ là mẹ của con, chứ không phải là một bà mẹ ghẻ. con hãy bình tĩnh lại và suy nghĩ kỹ. Con sẽ thấy là con sai khi con suy nghĩ như vậy.

Khi Antôn bình tĩnh trở lại, nó đi xin lỗi mẹ. Nhưng nó lại có thể nổi nóng lên bất cứ lúc nào, khiến cho các em nhỏ của nó là Giuse và Gioan khiếp sợ.

Chương 4: NHỮNG NGÀY THÁNG BA

Cuộc sống của gia đình Bosco thật nghèo nàn. Trong số vài nóc gia ở xóm Becchi, nhà của gia đình Bosco là khiêm tốn hơn cả: ngôi nhà chỉ có duy nhất một tầng, vừa là chỗ ở, vừa là vựa lúa, vừa là chuồng bò.

Những bao bố đựng ngô xếp trong bếp và sau một tấm liếp mỏng, hai con bò cái nằm nhẩn nha nhai lại. Trên gác là các phòng ngủ hẹp và âm u, nằm ngay dưới mái ngói.

Không phải là cơ cực mà là một cảnh nghèo đích thực: mỗi người đều ráng chu toàn phần việc của mình và việc đồng áng bao giờ cũng sinh lợi, không nhiều thì ít. Dù sao, có còn hơn không. Bốn vách tường trống trơn, quét vôi trắng. Các bao bắp không có nhiều lắm, nhưng nhờ tiêu thụ một cách dè sẻn, tằn tiện, nên dù sao cũng tạm đủ dùng. Lũ bò cái vừa phải kéo xe, vừa phải kéo cày, chỉ cung cấp rất ít sữa tươi, nhưng như người ta thường nói: "Thừa no, ít đủ".

Chính vì lẽ đó mà bọn trẻ trong nhà Bosco không hề vướng mắc bởi nỗi buồn, vả lại càng không mắc phải chứng chống đối quàng xiên. Ngay trong cảnh nghèo, người ta vẫn có thể cảm thấy hạnh phúc, nếu biết nhẫn nhục an phận thủ thường.

Từ năm tám tuổi bước sang tuổi lên chín (1823-1824), Gioan bắt đầu tham gia tích cực hơn vào các công việc của gia đình và chia sẻ cảnh sống khó khăn và kham khổ với các người thân của mình.

Họ lao động từ lúc mặt trời mọc cho mãi tới lúc mặt trời lặn, mà vào mùa hè mặt trời lại thường mọc sớm. "Người ngủ không bắt được cá", mẹ Margarita nói

với các con vừa thức giấc lúc hừng đông. Và Gioan, có lẽ đã hơn một lần tự hỏi kiếm đâu ra những con cá ngon lành ấy.

Bữa điểm tâm buổi sáng là một bữa ăn hết sức đạm bạc: một khoanh bánh mì khô và nước lạnh. Gioan tập cách cuốc đất, cắt cỏ, cách sử dụng dao quắm, cách vắt sữa bò. Một nông dân chính hiệu. Đi đâu cũng phải cuốc bộ. Trục lộ có xe ngựa chở khách ở rất xa, trên đường đi Castelnuovo với giá rất mắc. Đêm đến, mọi người lăn ra ngủ trên những ổ đệm bằng lá ngô chất thành đống.

Đôi chân người Ăn mày

Nếu có ai ngã bệnh nặng trong một nhà hàng xóm, người ta thường đánh thức bà Margarita. Họ biết rằng bà không khi nào từ khước cứu giúp. Bà liền đánh thức một đứa trong các con để đi kèm với mình.

- Ta đi thôi! Để làm một việc bác ái đó.

"Làm một việc bác ái", trong cụm từ đơn giản này, thời ấy người ta bao gồm cái "giá trị" mà ngày nay chúng ta gọi là lòng quảng đại, việc thiện, sự dấn thân phục vụ người khác, tình yêu cụ thể, lòng vị tha.

"Vào mùa đông - Don Bosco nhớ lại - thường xảy ra là một người ăn xin đến gõ cửa nhà chúng tôi. Bên ngoài tuyết rơi lả tả; kẻ khó xin vào ngủ trên kho chứa đồ cũ. Mẹ Margarita trước khi cho ông ta lên gác, dọn cho ông ta một dĩa canh nóng; sau đó bà kiểm tra hai bàn chân của ông khách, thường thì đôi chân ấy rất "dơ". Đôi guốc mộc đã mòn khiến nước và đủ thứ dơ dáy lọt vào. Bà không có sẵn một đôi guốc khác để cho ông ta, nhưng bà bọc chân cho ông bằng những mảnh vải và cột lại cho ấm chân ông.

Một trong các nóc gia của xóm Becchi là nơi thường trú của Lão Cecco. Lão này trước kia rất giàu nhưng đã phung phí hết của cải. Bọn trẻ trong xóm thường chọc phá lão. Có khi chúng gọi lão là "ve sầu". Các bà mẹ chỉ cho con cái thấy lão khi lão đi qua và kể cho chúng nghe chuyện ngụ ngôn "ve sầu và kiến":

“Đang khi chúng ta lao động như bầy kiến thì riêng lão, lão ca hát và ăn nhậu xa xỉ. Lão vô tư như một con ve sầu. Các con hãy coi lão ta đã sa sút tới mức nào. Hãy nhớ lấy bài học ấy!”.

Lão già rất xấu hổ, không dám đi ăn xin và thường phải nhịn đói luôn. Mỗi khi màn đêm buông xuống, Mẹ Margarita lại đặt lên thành cửa sổ một hũ đầy súp nóng. Cecco mò đến lấy và mang đi trong bóng tối.

Gioan nhớ nằm lòng những bài học ấy. Thà quảng đại còn hơn tiết kiệm! Một thằng nhỏ kiếm sống bằng nghề bồi phòng trong một nông trại ở vùng bên. Tên nó là Secondo Matta. Mỗi sáng, ông chủ cho nó một khoanh bánh mì đen và đặt vào tay nó những sợi dây cột cổ hai con bò cái. Nó phải đưa hai con vật này đi ăn cỏ cho tới đúng ngọ. Đang khi đi xuống thung lũng, nó gặp Gioan cũng đang dẫn mấy con bò cái của gia đình cậu ra đồng cỏ, khoanh bánh mì trắng bóc còn cầm nơi tay. Loại bánh mì này, thời ấy là loại bánh thượng hạng rất ngon. Một hôm, Gioan nói với nó:

- Cậu muốn làm vui lòng tớ chứ?

- Tất nhiên rồi.

- Tớ muốn là bọn mình đổi bánh cho nhau. Bánh của cậu hẳn là phải ngon hơn bánh của tớ.

Bạn Secondo tin chắc nịch là như vậy, và suốt ba tháng trời ròng rã – chính hắn thuật lại – lần nào gặp nhau hai đứa cũng đổi bánh cho nhau. Khi đã lớn khôn, Matta đã suy nghĩ lại và đã hiểu rằng Gioan Bosco đúng là một cậu bé tốt bụng.

Bọn cướp trong khu rừng cây

Gần nhà có một khu rừng cây. Đã nhiều phen, khi đêm về, những nhóm nhỏ “quân cướp”, bị lính gác truy lùng gắt gao, đã gõ cửa nhà bà Margarita. Họ đến xin một dĩa súp và một mớ rơm để ngủ qua đêm.

Bà Margarita không ngán những vị "khách không mời mà đến" ấy tí nào. Bà đã quá quen rồi. Vào thời Napoléon, số thanh niên thoát khỏi các cuộc "tuyển quân" là vô cùng đông đảo. Các sử gia đưa ra con số 70% trong những năm chót của Đệ Nhất Đế Chế.

Họ sống thành từng nhóm, trong các rừng cây hoặc trên những ngọn núi cao. Họ lao vào con đường cướp bóc để kiếm sống, hoặc đi làm mướn dưới một cái tên giả trong các nông trại hẻo lánh (trong số những kẻ "bất phục tùng lệnh tuyển quân" của Napoléon, tại Pháp, người ta thấy có Gioan Maria Vianey, đã giả làm dân quê dưới cái tên Vincent - Ông sẽ trở thành thánh - Cha sở họ Ars).

Cái đáng sợ, đó là sau lưng bọn cướp thường xuất hiện các cảnh sát viên (được thành lập vào chính những năm ấy, do vua Victor Emmanuel Đệ Nhất). Nhưng đối với ngôi nhà của gia đình Bosco, một hòa ước bất thành văn đã được áp dụng triệt để. Lính gác, mệt mỏi vì phiên gác, đến xin bà Margarita một ly nước và thậm chí một chút xíu rượu vang. Bọn cướp trên kho chứa đồ cũ nghe tiếng liền lẳng lặng rút lui có trật tự. "Dù họ biết rõ những ai đang trốn trong nhà, cũng vào lúc đó, lính gác luôn luôn giả bộ như chẳng biết gì hết và không bao giờ phấn đấu cố bắt lấy một vài tên để lĩnh thưởng". Chính Cha Jean-Baptiste Lemoyne đã viết thế. Là nhân vật chính chuyên viết tiểu sử của Don Bosco, Cha đã từng có nhiều cuộc đàm đạo với thánh nhân trong những ngày ngài còn sống ở Torino.

Gioan quan sát mọi sự và cố tìm hiểu. Nhờ mẹ, cậu được biết là trước tiên đã có các binh sĩ của dân chủ đã săn đuổi những kẻ tiếp tục trung thành với nhà vua. Giờ đây, chính những người săn đuổi lại trở thành những kẻ bị săn đuổi. Các cảnh sát viên của nhà vua đang truy lùng phe dân chủ. Chẳng bao lâu, mọi sự sẽ còn thay đổi nữa. Các "con mồi của giá treo cổ" (đây là danh hiệu mà hồi ấy hầu tước Michel de Cavour đã dùng để gọi những người theo phe dân chủ) sẽ trở thành các bộ trưởng, các cảnh sát trưởng, gánh vai những chuyện quốc gia đại sự.

Vai trò những kẻ săn đuổi sẽ lại được đổi qua cho những người khác.

Bà Margarita, đã quá quen với những đổi thay ấy của các chiến tuyến chính trị, bưng ra một dĩa canh và một khoanh bánh cho bất cứ ai gõ cửa nhà mình mà chẳng bao giờ hỏi xem họ thuộc phe phái nào. Có lẽ chúng ta có quyền nghĩ rằng tất cả các biến cố ấy đã khiến cho Gioan Bosco vững tin ở "thuyết tương đối" của chính trị và của đảng phái. Bản thân ngài sẽ luôn luôn coi chính trị như một nhân tố có thể tranh cãi và có thể đổi thay của kiếp nhân sinh. Do đó, ngài sẽ đặt cuộc sống của mình trên những điểm nhắm kiên cố hơn nhiều: sự chăm lo cho các linh hồn, đám thanh thiếu niên nghèo cần phải nuôi và cần phải giáo dục, điều mà chính ngài sẽ mệnh danh cho là "nền chính trị của Cha chúng ta".

Mẹ tôi đã dạy tôi cầu nguyện

Đức ái tại xóm Becchi, không phải được phát động bởi lòng bác ái hoặc bởi tình cảm tự nhiên, mà là bởi lòng mến Chúa. Thiên Chúa ngự trong gia đình Bosco chẳng khác gì ở trong nhà riêng của Ngài vậy. Mẹ Margarita, người mù chữ thất học, thuộc lòng nhiều đoạn dài trong Kinh Thánh và trong Phúc Âm. Bà tin ở sự cần thiết phải cầu nguyện, nghĩa là phải chuyện trò với Chúa ngõ hầu có đủ can đảm để sống và để làm việc thiện.

"Đến nỗi khi tôi còn nhỏ xíu, Don Bosco viết, bà đã đích thân dạy tôi các kinh nguyện. Bà bắt tôi quì gối với các anh trai tôi mỗi sáng và tối, cùng nhau chúng tôi đã đọc các kinh nguyện tập thể".

Linh mục thì ở xa và đã không chờ đợi tới lúc ngài có thời giờ rảnh để tới dạy giáo lý cho các con nhỏ của mình. Sau đây là vài câu hỏi và câu thưa trong cuốn giáo lý Kitô Giáo yếu lược mà Margarita, hồi còn bé đã học và sau này bà đã dạy cho Gioan, Giuse và Antôn:

H- Một người Kitô hữu tốt phải làm gì khi thức giấc và buổi sáng?

T- Phải làm dấu Thánh giá.

H- Chỗi dậy và thay đồ rồi, người ấy phải làm gì?

T- Nếu có thể, phải quì gối trước một ảnh đạo và giục lòng tin ở sự hiện diện của Chúa, đồng thời phải đọc với tất cả lòng sùng kính: Lạy Chúa, con thờ lạy Chúa…

H- Người ấy phải làm gì trước khi khởi sự công việc của mình?

T- Phải dâng việc làm của mình cho Chúa.

Một trong những "việc đạo đức" mà Gioan tham gia, đó là việc lần hạt. Đây là kinh tối của mọi người người Kitô hữu thời ấy. Nhờ đọc đi đọc lại năm mươi lần kinh Kính Mừng, ngay cả các nông dân ở xóm Becchi cũng trò chuyện được với Đức Mẹ, là Mẹ hơn là nữ hoàng của họ. Đối với họ, nói năm chục lần những lời lẽ như nhau, không phải là một điều vô nghĩa. Trong ngày, họ đã cuốc cả trăm lần xuống đất và họ biết rằng chính trong điều kiện ấy mà mình đã đạt được những vụ thu hoạch tốt. Trong khi lần hạt, tư duy hướng về con cái, về ruộng đồng, về cuộc sống, về sự chết. Chính nhờ cách này mà Gioan bắt đầu trò chuyện với Đức Trinh Nữ và cậu tin chắc là người đang nhìn mình và đang nghe mình.

Trong các kỷ niệm về mình, Gioan cũng còn nhớ cả lần xưng tội lần đầu của cậu: "Chính mẹ tôi đã chuẩn bị cho tôi. Bà đã đi kèm tôi tới nhà thờ, xưng tội trước tiên, gửi gắm tôi cho cha giải tội. Sau đó bà đã giúp tôi đọc kinh đội ơn Chúa.

Trường học trong thời vụ chết của vùng nông thôn

Lớp sơ cấp đầu tiên, Gioan đã theo học có lẽ vào năm lên chín, trong mùa đông 1824-1825. Hồi ấy, các trường khai giảng ngày 3 tháng 11 và bế giảng ngày 25 tháng 3. Đây là thời vụ chết của vùng nông thôn. Trước và sau thời gian này, thậm chí những cánh tay yếu ớt của bọn trẻ nam cũng thiết yếu cả cho ngôi nhà lẫn đồng ruộng (một sắc luật năm 1822 đã cưỡng bách giáo dục sơ cấp. Việc học

là bắt buộc và miễn phí. Nhưng, không phải thôn làng nào cũng có khả năng chấp hành luật ấy).

Vì trường quận Castelnuovo ở cách xa năm cây số, nên người thầy giáo đầu tiên của Gioan là một người nhà quê biết đọc, tiếp đó dì Marianne Occhiena em gái của mẹ Margarita và là người làm của cha phó kiêm giáo viên ở Castelnuovo, đã xin vị linh mục này dành cho cháu mình một chỗ trong ngôi trường của ngài.

Don Lacqua chấp nhận và Gioan có lẽ đã lưu lại nhà bà dì suốt chín tháng. Chuyện cũng diễn ra như vậy trong mùa đông 1825-1826.

Phen này, Antôn đã mười bảy tuổi, bắt đầu nổi cơn thịnh nộ:

- Cho nó học nữa mà làm gì chứ? Nội cái nó biết đọc và ký tên của nó cũng đã quá đủ rồi. Bắt nó cầm cuốc và cuốc đất như tôi cho rồi!

Mẹ Margarita ráng lý luận phải trái với hắn:

- Thời gian càng trôi đi thì tri thức càng trở nên thiết yếu. Con không thấy là cả đến các bác thợ may và các ông thợ giầy cũng đến trường đó sao? Trong nhà có người biết đếm, có gì là thừa thãi đâu!

Ngay khi biết đọc, sách vở liền trở thành thú đam mê của cậu. Cậu xin cha Lacqua cho mình mượn sách và cậu đã bỏ ra phần lớn các buổi chiều trong suốt mùa hè để ngốn ngấu hàng bao nhiêu trang giấy dưới hàng cây râm mát. Khi đưa bò đi ăn cỏ, cậu đồng ý giữ bò giùm các bạn, với điều kiện họ để yên cho cậu đọc sách.

Tuy nhiên, cậu không vì vậy mà lên mặt "thầy đời" hoặc trở thành "ông cụ non". Cậu ham đọc sách, nhưng cậu cũng thích chơi và thích trèo cây.

Một chiều nọ, đang lúc chơi với bạn bè, cậu thoáng thấy một tổ chim oanh trên một cành cây sồi. Cậu liền thoăn thoắt leo lên cây và thấy chưa gì mình đã có những chú chim con sẵn sàng để đem nhốt vào lồng. Khổ nỗi tổ chim lại ở tuốt trên đầu một cành lớn và dài, nằm gần như song song với mặt đất.

Gioan ngẫm nghĩ một lát rồi, từ trên cao cậu nói vọng xuống cho các bạn

biết: "Tớ leo ra đây". Chầm chậm, chầm chậm, cậu bò lết trên cành cây càng lúc càng thon nhỏ và trĩu oằn. Cậu vươn dài cánh tay, tóm gọn bốn chú chim non và bỏ vào bên trong ngực áo sơ mi của mình.

Bây giờ, vấn đề là phải trở lui trên cành cây đã gập xuống dưới sức nặng của cậu. Cậu nhoài người ra chầm chậm nhưng chân cậu bị trượt và cậu thấy mình đu tòn teng bằng hai tay ở độ cao đáng ngại. Vặn mình một cái, cậu lại tiếp tục bám cành bằng hai chân nhưng không thể làm gì hơn nữa, không sao nằm sấp trở lại trên cành được nữa. Những giọt mồ hôi lớn rịn ra trên trán cậu. Bên dưới, bạn bè hò la và vẫy tay nhưng không can thiệp gì được.

Khi hai tay không còn sức chịu nổi, cậu liền buông mình rơi vào khoảng không. Cậu đã té một cú nên thân. Cậu nằm bất tỉnh suốt mấy phút, rồi gượng ngồi lên được.

- Cậu đau lắm hả?

- Hy vọng là không, cậu thều thào.

- Thế chim đâu?

- Đây này, vẫn còn sống nhăn.

Cậu banh ngực áo và lôi chúng ra.

- Nhưng chúng đã bắt tớ phải trả giá đắt….

Cậu gắng gượng bước về nhà, nhưng tứ chi cậu run lẩy bẩy và cậu đành phải ngồi bệt xuống lần nữa. Khi vào trong nhà, cậu nói với Giuse:

- Em không được khỏe, nhưng anh đừng nói gì với mẹ nhé!.

Đêm ngủ trong giường khiến cậu cảm thấy dễ chịu, nhưng hậu quả của cú té dữ dội ấy, nhiều ngày sau cậu vẫn còn cảm thấy.

Một con nhồng nhỏ xíu xìu xiu

Cậu rất mê chơi chim. Cậu đã tìm được một con nhồng còn nhỏ xíu và cậu đã nuôi dạy nó. Trong một cái lồng đan bằng những que nan bằng gỗ liễu, cậu đã

dạy nó huýt gió. Con chim lập lại. Mỗi khi Gioan đi tới, nó đều chào đón cậu bằng một chuỗi tiếng huýt gió du dương réo rắt, nhảy nhót một cách khoái trá từ nan này qua nan khác, và đăm đăm nhìn cậu bằng đôi mắt nhỏ, đen mà sáng rõ. Một con nhồng rất dễ thương.

Nhưng một sáng nọ, con nhồng không còn huýt gió mừng đón cậu nữa. Một con mèo đã phá tan lồng và đã xé nát con chim quí. Gioan khóc như mưa. Mẹ cậu ráng lý luận phải trái với cậu bằng cách cam đoan với cậu rằng chim nhồng và tổ chim thì cậu sẽ còn kiếm được thiếu gì. Nhưng cậu nào có coi những con nhồng khác ra gì? Còn con nhồng ấy, bạn nhỏ của cậu, thì đã bị sát hại và sẽ chẳng đời nào cậu còn được gặp lại nó nữa…

Cậu tiếp tục rầu rĩ thêm nhiều ngày nữa, không một ai có thể an ủi được cậu. "Cuối cùng, Don Lemoyne thuật lại, cậu bắt đầu nghĩ đến tính phù du của mọi sự trên cõi đời này và đã hạ một quyết tâm không phù hợp với tuổi cậu: cậu đã tự hứa là sẽ không gắn bó lòng mình với bất cứ sự gì trên trái đất này". Mấy năm sau, cậu đã lặp lại cũng những từ ấy, khi người bạn thân nhất của mình qua đời và trong nhiều dịp khác nữa.

Thật đáng mừng khi thấy rằng Don Bosco đã chẳng bao giờ giữ nổi quyết tâm ấy. Ngài cũng có, như chúng ta, một trái tim, không phải bằng gỗ đá hay sắt thép, mà là một trái tim bằng thịt, có nhu cầu yêu thương từ những cái nhỏ nhặt đến những sự lớn lao cả thể. Ngài sẽ khóc, tim lòng tan nát, trước cái chết của Don Calosso, của Lu-y Comollo, trước cảnh những trẻ em đầu tiên bị nhốt sau những song sắt của một khám đường. Đối với những kẻ làm ác cho những thanh thiếu niên của mình, ngài đã nói: "Nếu đó không phải là một tội, thì chắc tôi đã tự tay xiết cổ bọn khốn ấy cho tới chết quá". Và toàn thể các thanh thiếu niên đã lặp lại khi nói về ngài, với cùng một giọng nhưng đa dạng: "Ngài đã yêu thương tôi". Một đứa trong bọn chúng. Lu-y Orione, đã viết: "Tôi sẵn sàng bước đi trên than hồng để được gặp lại ngài lần nữa và nói lên lời cảm tạ ngài".

Các sách tu đức xưa thường gọi "việc để cho lòng gắn bó với các thụ tạo" là một tội. Tốt hơn cả là đừng có liều, hãy yêu ít thôi! Nhưng Công đồng Vaticanô II nói theo tinh thần Tin Mừng hơn rằng: Không nên biến bất cứ vật thụ tạo nào thành các ngẫu tượng, Thiên Chúa đã ban cho chúng ta một trái tim để yêu cách mãnh mẽ, không hãi sợ. Thiên Chúa của các triết gia vô cảm trước đau đớn, nhưng Thiên Chúa của Kinh Thánh thì yêu mến và giận dữ, đau khổ và khóc lóc, run lên vì sung sướng và mỉm cười cách trìu mến.

Vùng đất của ngài

Lên chín, đứa trẻ bắt đầu ra khỏi vỏ ốc ấm áp là gia đình ruột thịt của mình và đưa mắt nhìn quanh khắp lượt. Gioan cũng đã nhìn và đã phát hiện ra vùng đất của mình. Đẹp đẽ, núi đồi trùng điệp, êm ả. Nơi đó vươn cao những nương dâu, những vườn nho, những ruộng ngô, những bãi đay. Nơi đó từng bầy gia súc lớn nhỏ bình thản gặm cỏ. Những rừng cây trải dài và dày đặc hợp thành những mảng xanh đậm. Những người dân quê đang bình thản cuốc đất dưới ánh mặt trời, đều là những con người kiên tâm, bền chí. Đám dân trung thành với vùng đất mà mình đã bám rễ sâu không thua gì cây cối. Họ không hề mắc cỡ khi ngả nón trước một giáo đường cũng như trước mặt Chúa và khi họ đóng cửa nhà mình, lúc đêm về, trong gia đình họ cảm thấy mình như là vua chúa.

Gioan Bosco đã là một người con vĩ đại của Chúa nhưng cũng là người con của vùng đất này. Trời cao đã cất tiếng gọi cậu, nhưng bản tính của cậu chính là bầu không khí ấy, là khí thiêng sông núi đã hun đúc nên cậu, đã nuôi sống cậu. Trong giọng nói của mình, cậu sẽ luôn luôn mang theo cung giọng địa phương của vùng đồi núi quê hương, khác nào trong tâm hồn cậu lúc nào cũng in đậm dấu ấn của môi trường mà ở đó cậu đã sinh ra và lớn lên.

Chương 5: DIỄN VIÊN XIẾC TÍ HON

Tuổi lên chín cậu bé Gioan đã đánh dấu bởi "giấc mộng lớn": đám đông các trẻ em; Người Đàn Ông khiển trách cậu "không phải bằng những cú đấm đá mà là bằng sự dịu hiền"; Bà lạ trên báo cho cậu: "Tới giờ tới lúc, con sẽ hiểu cả".

Bất chấp những lời lẽ thận trọng của bà nội, năm ấy đó là một tia sáng rọi vào tương lai. Giấc mơ năm lên chín – Pietro Stella viết – ảnh hưởng đến toàn bộ nếp sống và suy nghĩ của Gioan Bosco. Nó còn ảnh hưởng cả đến cách xử sự của người mẹ trong những tháng và những năm tiếp sau đó. Cả đối với bà, đó cũng là biểu hiện của một ý muốn tối cao, một tín hiệu hiển nhiên của ơn gọi làm linh mục của con trai bà. Chỉ bằng cách này người ta mới có thể lý giải được sự kiên trì của bà trong việc dìu dắt Gioan trên con đường sẽ có thể giúp cậu trở thành linh mục.

Trong mơ, Gioan đã thấy cả một đạo quân nhóc tì và người Lạ đã ra lệnh cho cậu phải mưu ích cho chúng. Sao lại không bắt đầu ngay tức thì chứ? Những đứa con trai, chưa gì cậu đã quen biết cả đống: những bạn bè cùng chơi, những đầy tớ nhỏ tuổi sống trong các trang trại nằm rải rác tại các vùng nông thôn. Hầu hết đều là con người nhà tử tế, nhưng cũng có một số tên tính tình rất lỗ mãng và chửi thề như uống nước lã.

Mùa đông, nhiều gia đình có thói quen tụ họp nhau trong chuồng bò rộng lớn với lũ bò giữ nhiệm vụ làm lò sưởi. Đang khi phụ nữ kéo sợi và đàn ông phì phèo tẩu thuốc lá của họ, Gioan bắt đầu đọc cho cử tọa mấy cuốn sách mượn

được của Don Lacqua: Chàng Guerin đáng thương, Lịch sử của Berthold, Các Vua Pháp Quốc. Quả là một thành công hiển hách: "Mọi người đều muốn tôi có mặt trong chuồng bò của họ. Những con người đủ mọi tuổi tác và thuộc mọi giai cấp, đã đến chen vai sát cánh với các bạn bè của tôi. Ai nấy đều thích thú thức trắng đêm để lắng nghe và không nhúc nhích, từng lời từng câu của chú bé đọc chưa thông, đứng trên một cái ghế để ai nấy đều có thể thấy mặt chú".

Cuốn sách ăn khách nhất trong những đêm không ngủ ấy là cuốn: "Các Vua Pháp Quốc". Sách thuật lại những cuộc phiêu lưu kỳ diệu và có phần rắc rối của Charlemagne và của các dũng sĩ của nhà vua: Roland, Olivier, tên phản bội Ganelon, Đức Giám Mục Turpin, những tàn phá của cây gươm thần Durandal. Don Bosco viết: "Trước và sau các bài đọc của tôi, mọi người đều làm Dấu Thánh Giá và đọc một kinh Kính Mừng".

Hồi kèn vang dội trên đồi

Đến mùa trời quang mây tạnh, sự việc lại đổi khác: các câu chuyện không còn cuốn hút được ai nữa. Gioan hiểu rằng để qui tụ các bạn lại, cậu cần làm một cái gì đó thật "phi thường". Nhưng, tiếng kèn Clairon của gánh xiếc rong, rền vang trên một ngọn đồi gần đó. Hôm ấy là một ngày hội chợ. Gioan cùng mẹ cũng lên đường tới đó. Thiên hạ mua bán, bàn cãi, âm mưu và cười đùa thỏa thích. Người ta bu kín quanh các nhà ảo thuật và các diễn viên nhào lộn. Những trò nhanh tay lẹ chân, những màn biểu diễn các kỹ xảo thu hút sự chăm chú theo dõi của đám dân quê, miệng há hốc vì ngạc nhiên xen lẫn thán phục. Đó là mấy trò mà bản thân Gioan cũng có khả năng làm được. Cậu cần phải núp kỹ để phát hiện ra những bí quyết của mấy tên nhào lộn và những kỹ xảo của những nhà ảo thuật.

Khổ nỗi, các buổi trình diễn qui mô chỉ diễn ra trong những ngày lễ bổn mạng, nghĩa là lễ mừng các vị thánh quan thầy của mỗi địa phương. Các diễn viên thăng bằng nhảy múa trên sợi dây căng thẳng, các ảo thuật gia làm biến,

hiện trong nháy mắt những cái ly đủ màu, hoặc hơn nữa, biểu diễn những trò hết sức tài tình như: làm bồ câu hoặc thỏ xuất hiện từ trong nón, làm mất tích một con người, cưa người làm đôi, rồi cho người ấy xuất hiện trở lại như trước. Mấy tay "thợ nhổ răng không đau" được tán thưởng rất nồng nhiệt.

Nhưng muốn xem các màn trình diễn trên, phải trả hai xu tiền vé. Kiếm đâu ra tiền? Được hỏi đến, mẹ Margarita đáp:

- Con muốn xoay xở ra sao tùy thích nhưng đừng có xin tiền mẹ. Mẹ làm gì có mà xin.

Gioan liền tự xoay xở lấy. Cậu bắt chim và đem bán, đan giỏ, làm lồng chim và thương lượng với các tay chào hàng, đi hái các loại cỏ thuốc và bỏ mối cho vị đông y sĩ ở Castelnuovo.

Nhờ đó cậu đã giành được chỗ ở ngay những hàng ghế đầu dành cho các khán giả. Nhờ chú ý quan sát cậu đã hiểu được công dụng của cây gậy giữ thăng bằng đối với người diễn viên đi trên dây, và đã bắt gặp quả tang thao tác lẹ làng của những ngón tay che khuất mánh lới, ngoài ra còn khám phá được một số mẹo vặt "giấu đầu hở đuôi" khác.

Thời ấy, bị nhổ răng sâu là cả một cực hình đối với mọi người. Loại thuốc tê đầu tiên chỉ được thử nghiệm ở Mỹ năm 1845. Gioan, nhân một lễ hội phiên chợ năm 1825 đã chứng kiến một màn "nhổ răng không đau" nhờ một loại "bột thần". Người dân quê đóng góp vào tiết mục ấy có một răng hàm vô cùng nhức nhối. Tên hề, sau khi nhúng ngón tay vào bột, giữa tiếng kèn Clairon vang rền và tiếng trống khua rộn rã, liền giật phăng cái răng của nạn nhân nhờ một cái kẹp mà hắn làm tuột từ tay áo xuống bàn tay. Nạn nhân nhảy dựng lên, miệng kêu đau inh ỏi, nhưng những tiếng kèn Clairon đã át hẳn tiếng ông ta. Còn tên mãi võ sơn đông thì lật đật ôm hôn nhằm bịt miệng ông ta lại:

- Cảm ơn ông bạn! Cảm ơn! Cuộc thí nghiệm đã hoàn thành hết sức tốt đẹp!.

Gioan là một trong những khán giả hiếm hoi đã thấy cây kẹp tuột xuống,

vừa bỏ đi vừa cất tiếng cười vang.

Ở nhà, cậu làm đi làm lại hoài những bài tập đầu tiên của mình: "Tôi đã tập từ ngày này sang ngày khác cho đến khi thuần thục". Để làm thỏ xuất hiện trong nón, để đi đứng thăng bằng trên dây, cậu đã phải trả giá bằng nhiều tháng tập dợt kiên trì, và cả những cú té u đầu nữa. "Có thể các bạn không tin nổi, Don Bosco viết, nhưng đến năm mười một tuổi, tôi đã làm nổi trò biến hóa những cái ly, trò nhảy lộn mèo trên dây, tôi có thể đi bằng hai tay và chạy, nhảy trên dây".

Màn trình diễn trên đồng cỏ

Một chiều Chúa nhật, ngày giữa mùa hè, Gioan báo cho các bạn buổi trình diễn đầu tiên của cậu. Trên một tấm thảm bằng bao bố trải trên cỏ, cậu thi thố các "phép lạ" thăng bằng với những chiếc hộp và những cái nồi đặt trên chóp mũi của mình. Cậu xin một khán giả nhỏ tuổi há miệng thật to rồi cậu lôi từ trong ra hàng chục cục nhỏ đủ màu khác nhau. Cậu biểu diễn với một cây đũa thần. Và sau cùng, cậu nhảy tót lên dây và bước đi giữa những tiếng hoan hô của bạn bè thân hữu.

Tin tức được đồn thổi từ nhà này sang nhà khác, khán giả ngày càng thêm đông: trẻ em và người lớn, con gái lẫn con trai, và thậm chí cả những ông già bà lão – cũng là những người đã từng nghe cậu đọc "Các Vua Pháp Quốc" trong những chuồng bò. Giờ đây, họ thấy cậu lôi từ cái mũi bự của một nông dân đang lóa mắt vì ngạc nhiên cả một suối bạc cắc, biến nước lã thành rượu nho, nhân gấp những trái trứng, mở xắc tay của một bà nọ và hóa phép cho một con bồ câu còn sống từ trong xắc bay ra, người ta vỗ tay hoan hô cậu.

Antôn, ông anh cậu cũng đến xem các trò ấy, Don Lemoyne viết, nhưng hắn không bao giờ chường mặt ra trên mấy hàng ghế đầu tiên. Hắn núp sau một thân cây, khi ẩn khi hiện như một bóng ma. Đôi khi, hắn cất tiếng nhạo báng cậu diễn viên xiếc tí hon:

- Coi thằng hề kìa! Đồ vô công rỗi nghề! Mình phải còng lưng nhức mỏi, đổ mồ hôi sôi nước mắt trên các luống cày, còn nó, nó chỉ lo làm trò hề cho thiên hạ xem!

Gioan âm thầm ngậm đắng nuốt cay. Đôi khi cậu ngưng ngay buổi trình diễn để tiếp tục lại cách đó khoảng hai trăm mét, nơi mà Antôn không còn thọc gậy bánh xe phá đám cậu nữa. Cậu bé này là một diễn viên "không giống bao nhiêu diễn viên khác". Trước màn trình diễn chung cuộc, cậu móc từ trong túi ra cỗ tràng hạt của mình, quỳ xuống và đề nghị mọi người cùng cầu nguyện. Hoặc cậu nhắc lại bài giảng đã nghe hồi sáng tại nhà thờ xứ. Đây là phần đóng góp mà cậu đòi cả người lớn lẫn trẻ em đều phải trả. Trong cuộc sống, Gioan Bosco sẽ cực kỳ quảng đại cam chịu mọi cơ cực, mệt mỏi, nhưng là con dân Piemonte ngoan đạo, ngài sẽ luôn luôn đòi một khoản thù lao không phải là bằng tiền bạc mà là bằng lòng quảng đại đối với Chúa hoặc đối với trẻ em nghèo của ngài.

Rồi sau đó là màn trình diễn chung cuộc vô cùng khởi sắc: cậu cột một sợi dây cáp giữa hai thân cây và leo lên, tay cầm một cây gậy thô sơ để giữ thăng bằng, giữa sự thinh lặng đột xuất và những tiếng reo mừng đến long trời lở đất.

"Sau mấy tiếng đồng hồ giải trí như vậy, ngài viết: khi tôi đã mệt đừ, mọi thích thú đều kết thúc, chúng tôi cùng đọc với nhau một kinh nguyện ngắn rồi nhà ai nấy về".

Rước lễ lần đầu

Năm 1826, Lễ Phục Sinh rơi nhằm ngày 26 tháng 03. Hôm ấy là ngày Gioan rước lễ lần đầu, tại nhà thờ xứ Castelnuovo. Sau đây là bài tường thuật của cậu bé về biến cố đó:

"Mẹ tôi đứng sát bên tôi. Suốt mùa chay, bà đã thường xuyên dẫn tôi đi xưng tội. "Gioan của mẹ, bà bảo, Chúa đang chuẩn bị cho con một món quà; con hãy dọn mình cho tốt, hãy xưng tội cho nên, hãy thống hối các lỗi lầm và hãy hứa với

Chúa là sẽ trở nên tốt hơn". Tôi đã hứa tất cả; và có Chúa chứng giám là tôi đã luôn trung thành với mọi lời mình đã hứa.

"Đây là một ngày trọng đại đối với con. Chúa đã chiếm hữu trái tim con. Bây giờ con hãy hứa với Ngài là sẽ làm tất cả những gì mình có thể để tiếp tục sống tốt lành cho đến mãn đời mình. Từ nay về sau, con hãy năng rước lễ, hãy luôn luôn khai ra tất cả mỗi lần xưng tội; hãy luôn luôn vâng lời; hãy sẵn sàng tham gia học giáo lý và nghe giảng; nhưng vì lòng mến Chúa, hãy tránh như tránh bệnh dịch đối với những kẻ ham nói những chuyện thô bỉ tục tĩu".

Tôi đã làm những gì cần thiết để thực thi mọi lời khuyên của mẹ, và tôi thấy hình như kể từ ngày ấy đã có một sự cải thiện rõ rệt trong đời mình, cách riêng trong đức vâng lời và trong sự chịu lụy người khác, những kẻ mà tôi hết sức khinh bỉ".

Mùa đông ảm đạm nhất đời cậu

Mùa đông tiếp theo đó là mùa đông ảm đạm nhất trong đời Gioan. Bà nội (mẹ của Phanxicô, người cha đã quá cố) đã khuất núi và Antôn, mười chín tuổi, càng ngày càng "xa cách" đối với gia đình. Những giờ tác oai tác quái của hắn ngày càng trở nên thường xuyên hơn.

Những ngày cuối tháng mười, Mẹ Margarita đã nói gần nói xa tới khả năng là Gioan năm sau nữa, có thể đến trường của Don Lacqua. Cậu sẽ có thể học những bài học vỡ lòng của văn phạm La-tinh. Antôn đột nhiên phản đối.

- La-tinh nào? Trong nhà này mà cần quái gì đến tiếng La-tinh chứ. Chỉ có lao động, lao động mà thôi!.

Hắn là mẹ Margarita đã nhắc đến chuyện của Gioan có khả năng theo đuổi ơn gọi làm linh mục, điều mà Antôn hắn đã phê phán là một chuyện không tưởng bất khả thực hiện. Gioan sẽ rất thường phải nghe hắn "phán":

- Để làm linh mục giá chót cũng phải mười ngàn ba lire là ít!

Đây là một khoảng tiền kếch xù đối với một gia đình dân quê thời ấy.

Tin vào lý do dì Mariane và cha xứ ở Capriglio đang cần có người sai vặt trong nhà, Gioan đã được phép thỉnh thoảng đến nhà Don Lacqua một lần để tham gia khóa học mùa đông 1826-1827. Antôn cắn răng chịu đựng cho đến một hôm chuyện xảy ra dồn dập đã kết liễu trận chiến tranh lạnh đổi thành một trận đánh trực diện và ác liệt giữa hai anh em cùng cha khác mẹ. Chính Don Bosco đã thuật lại chuyện ấy như sau:

"Thoạt tiên là với mẹ tôi rồi với anh Giuse của tôi, Antôn đã tuyên bố với giọng quan quyền hách dịch:

- Bây giờ thì đủ rồi. Tôi muốn chấm dứt cái vụ văn phạm ấy cho rồi. Tôi đã trở nên to lớn và mạnh khỏe mà tôi có bao giờ cần chúi mũi vào sách vở gì đâu!

Thế là, khổ đau xen lẫn uất ức, tức nước nên vỡ bờ, đã khiến tôi tức thì trả đũa bằng những lời mà lẽ ra tôi không nên nói ra:

- Con lừa nhà mình nó cũng chẳng bao giờ đi học, mà nó còn mạnh hơn anh nữa kìa!

Những lời ấy đã khiến hắn uất người lên không sao tự chủ được nữa và phải chật vật lắm tôi mới vùng thoát nổi khỏi những cú đấm đá và những cái tát như mưa lũ trút lên đầu mình. Mẹ tôi đã bị đẩy tới tột đỉnh của nỗi khổ tâm; còn tôi thì không sao ngăn được nước mắt tuôn trào."

Tình hình càng thêm tồi tệ suốt mấy ngày sau đó, trong một bầu khí căng thẳng, càng ngày càng thù nghịch hơn. Gioan không muốn để mặc cho người ta chà đạp mình nên cậu đã chống trả kịch liệt. Và rồi, vì một cuốn sách mà Gioan đã đặt trên bàn cạnh đĩa ăn của mình, đã nổ ra vụ xung đột mà chúng tôi đã tường thuật ở đầu cuốn tiểu sử này. Gioan đã không có cách nào thoát thân và đã bị ông anh vũ phu đập đánh tơi bời.

Sáng hôm sau, mẹ Margarita đã nói với cậu những điều ảo não sâu sắc này:

- Tốt hơn con nên đi khỏi nhà.

Một ngày nắng cuối tháng hai, Gioan đã đến nông trại của gia đình Moglires, nơi mà người ta đã nhận cho cậu vào ở mướn, vì những giọt nước mắt sầu khổ khôn nguôi của cậu.

Chương 6: BA NĂM SỐNG Ở TRẠI MOGLIA VÀ MỘT NĂM TẠI NHÀ XỨ

Mấy ngày đã qua, Lu-y Moglires nói với Dorothéa:

- Chúng ta đã không lỗ vốn khi mướn thằng nhỏ ấy.

Gioan Bosco đã bắt tay vào việc một cách nghiêm túc và bao giờ cậu cũng luôn vâng lời và tỏ ra đầy thiện chí. Vai trò của cậu là công tác tại chuồng bò. Công việc nặng nhọc nhất là sáng nào cũng phải thay ổ nằm cho mấy con bò cái bằng cách thay một lớp rơm mới, dùng chỉa ba và xe cút kít chuyển phân ra khỏi chuồng. Tiếp đến là chải sạch phân cho lũ bò, dắt chúng ra bể nước cho chúng uống, rồi leo lên kho chứa đồ cũ quăng vào máng một lượng cỏ khô đủ cho lũ bò ăn suốt ngày, vắt sữa bò.

Tất nhiên, cậu không phải làm một mình mọi việc trên. Người chăn bò giao cho cậu những công tác nào hợp với thể lực của cậu và cậu chỉ việc làm theo.

Về cầu nguyện, cũng thế, Gioan tỏ ra là một cậu bé rất ngoan và bà Dorothéa thỉnh thoảng lại đề nghị cậu xướng kinh trong giờ lần hạt.

Về ngủ nghỉ, gia đình Moglires đã dành cho cậu một căn phòng ấm cúng, sáng sủa với một cái giường có đủ chăn ấm nệm êm. Như vậy là còn sung sướng hơn cả hồi cậu ở Becchi, nơi cậu phải ngủ chung giường với Giuse và đôi khi cả với Antôn. Sau mấy tối đầu tiên, cậu đã đánh liều đốt một mẩu đèn cầy và đọc khoảng một tiếng đồng hồ một trong những cuốn sách mà Don Lacqua đã cho

cậu mượn. Thấy không ai nói gì, cậu liền ngon trớn tối nào cũng đốt đèn đọc sách như vậy cả.

Tối thứ bảy, cậu xin ông chủ cho phép đi Moncucco vào sớm hôm sau. Cậu quay về để ăn sáng, rồi vào lúc 10 giờ, lại cùng ông Lu-y và cả gia đình đi dự lễ chính.

Vì cậu lại xin phép như vậy mỗi ngày thứ bảy sau đó, nên bà Dorothéa sinh nghi và tò mò muốn biết cậu bé đã đi những đâu. Bà tự cảm thấy mình có trách nhiệm đối với thân mẫu của cậu. bà đã tới Moncucco trước lúc rạng đông, và từ trong nhà của một người bạn, đã thấy Gioan tới nơi và đi thẳng vào nhà thờ. Tại đó, Bà thấy cậu bước vào tòa giải tội của cha xứ, tham dự lễ nhất và lên rước lễ.

Vào thời ấy, họa hoằn lắm người ta mới được rước lễ. Thầy cả không phân phát Bánh Thánh trong Thánh lễ chính (là lễ có sự tham dự của toàn thể bổn đạo trong xứ). Ai muốn chịu lễ thì phải dự lễ thường (còn gọi là "lễ câm") được cử hành trước đó rất sớm.

Bà Dorothéa, trong lúc đưa cậu về nhà, đã bảo cậu:

- Kể từ giờ phút này, nếu cháu muốn dự lễ câm thì cứ việc tùy tiện. Khỏi cần mất công xin phép nữa.

Trong lúc xưng tội với cha Cottino, Gioan đã thổ lộ với ngài khát vọng của mình là muốn làm linh mục, đồng thời cũng cho ngài biết những khó khăn mình đang gặp phải. Don Cottino khuyến khích cậu hãy xưng tội và hãy chịu lễ mỗi tuần, hãy cầu nguyện bất kể giờ phút nào trong ngày và hãy đặt hết lòng tin nơi Chúa; nếu Chúa muốn, mọi khó khăn đều sẽ được giải quyết. Ngài còn cổ vũ cậu đừng bỏ việc học của mình. Nếu sau này việc học trùng với thời gian lao động của cậu, ngài sẽ sẵn lòng dạy cho cậu vài bài học La văn. Tạm thời, ngài có thể cho cậu mượn đỡ vài cuốn sách.

Hai hạt giống và bốn bông lúa

Một hôm ông Giuse, cậu của ông chủ, từ ngoài đồng về, mình ướt đẫm mồ hôi, cây cuốc vác trên vai. Lúc ấy vừa đúng mười hai giờ trưa; chuông đổ từng hồi trên tháp chuông nhà thờ Moncucco. Ông lão mệt nhoài, ngồi bệt xuống trên một mớ cỏ khô để nghỉ xả hơi. Cách đó không xa, ông thấy Gioan, cũng trên một mớ cỏ khô, nhưng là đang quì, miệng đọc kinh Truyền tin, như mẹ Margarita đã dạy cho cậu quen làm thế mỗi ngày ba lần: sáng sớm, giữa trưa và chiều tối.

Nửa đùa nửa thật, ông Giuse càu nhàu:

- Ồ! Hay thật đấy! Chúng ta đây là chủ mà phải hùng hục cày sâu cuốc bẫm từ sáng sớm đến mãi chiều tối, mệt phờ cả râu. Trong lúc đó thì chú bé ở mướn lại tỉnh bơ mặc cho thời gian tà tà trôi qua trong sự thanh bình của Chúa!

Gioan, cũng với giọng nửa đùa nửa thật, thản nhiên cự lại ông lão:

- Khi phải lao động, bác Giuse ạ, bác thừa rõ là cháu đâu có lè phè câu giờ. Nhưng mẹ cháu dạy cho cháu biết là, khi ta cầu nguyện, thì từ hai hạt giống sẽ nảy sinh ra bốn bông lúa; ngược lại nếu ta không cầu nguyện, thì từ bốn hạt giống sẽ chỉ nảy sinh ra hai bông lúa mà thôi. Vì vậy, cả bác cũng nên cầu nguyện chút xíu nữa.

- Chúc sức khỏe của cháu! Ông lão kết luận. Thế là giờ đây chúng ta lại có sẵn một cha xứ ngay tại tư gia của mình nữa chứ!

Khi đến mùa nắng tốt, cậu bé chăn mấy con bò cái. Sao cho chúng đừng giẫm bừa vào đồng lúa của người khác, đừng ăn cỏ quá ướt, đừng húc lẫn nhau.

Ngồi dưới bóng cây râm mát, đang khi mấy con bò gặm cỏ gần đó. Gioan có được đôi chút giờ rảnh để đọc sách. Lu-y Moglires không hề than phiền về chuyện ấy nhưng ông gật gù cái đầu:

- Cháu đọc như vậy để làm gì chứ?

- Cháu muốn làm linh mục.

- Bộ cháu không biết sao, để ăn học, ngày nay cần phải có chín đến mười

ngàn lires? Cháu tìm đâu ra số tiền ấy chứ?

- Nếu Chúa muốn, sẽ có người lo cho cháu.

Anna, con gái đầu lòng của gia đình Moglires, thỉnh thoảng lại ra đồng chơi. Cô này đã tám tuổi, thấy Gioan cứ cắm cúi đọc sách thay vì nhìn mình chơi, cô bé bực mình:

- Đừng đọc nữa Gioan!

- Nhưng một ngày kia em sẽ làm linh mục, em sẽ phải giảng và giải tội.

- Vâng, thưa linh mục, cô bé hát nhạo, chú em mãi mãi vẫn là kẻ chăn bò!

Một hôm, cậu đáp lại:

- Chị Anna à, hôm nay thì chị chế nhạo em, nhưng sau này chị sẽ đến xưng tội với em cho mà coi.

(*Anna đã lập gia đình và sống lâu năm tại Murialdo. Bà thường thuật lại giai thoại này cho đàn con của mình. Mỗi năm bốn hoặc năm lần bà lại tới Valdocco, để xưng tội với Don Bosco. Và Thánh nhân đã tiếp bà với niềm vui, giống như là chị gái của ngài vậy).*

Đông sang, các ông chủ cho phép cậu lâu lâu đến học với Don Cottino một buổi. Nhưng chẳng được bao nhiêu bài vở; và lại học hành lở dở và cách khoảng như vậy, xét cho cùng, cũng không phát huy được tác dụng của nó.

Tình hữu nghị của cha xứ, bù lại, đã dễ dàng giúp cậu tranh thủ được cảm tình của các thiếu nhi ở Moncucco. Phòng đợi trong nhà xứ được dùng làm lớp học trong những ngày thường, đã biến thành một tiểu trung tâm trẻ trong ngày Chúa nhật. Gioan Bosco đã biểu diễn ở đó những trò nhanh chân lẹ tay của mình, đọc những chương hấp dẫn nhất trong Kinh Thánh, dạy cho các bạn nhỏ của mình biết cách cầu nguyện.

Khi thời tiết xấu cản trở những buổi hẹn gặp ở Moncucco, vài thiếu niên sống trong các nông trại kế cận thường kéo đến gặp cậu tại nhà của gia đình

Moglires. Cậu liền đưa chúng lên kho chứa đồ cũ, bày trò giúp vui cho chúng và cắt nghĩa bài giáo lý cho chúng.

Tại nông trại của gia đình Moglires, Gioan đã sống gần tròn ba năm: từ tháng hai năm 1827 đến tháng 11 năm 1829. Mấy năm này, tuy là phí phạm đối với việc học của cậu, có là vô ích hay không đối với sứ mạng mà Chúa đã kêu gọi cậu tiến hành?

Pietro Stella có nhắc đến một sự kiện mà thoạt nhìn tưởng như vô nghĩa lý: "Bà Dorothéa và em chồng của bà, tên là Gioan, một hôm đã gặp cậu đang quì gối, cuốn sách trên tay, đôi mắt nhắm nghiền, mặt hướng thẳng lên trời. Họ đã phải lay mạnh cậu vì cậu đang chìm đắm trong cơn suy tư của mình".

Tác giả giải thích: "Mấy năm này, trong suốt quá trình ấy đã bám rễ sâu thêm trong cậu ý thức về Thiên Chúa và về sự chiêm niệm, do đó không phải là vô ích. Cậu đã có thể đạt tới sự hiệp thông với Chúa xuyên suốt thời gian làm việc trên ruộng đồng. Đó là những năm mong đợi đầy sốt mến và đầy những lời cầu khẩn hướng về Thiên Chúa và về nhân loại".

Năm 1827, tại Milan, Alexandre Manzoni đã phát hành lần thứ nhất cuốn "Những kẻ đã đính hôn" (Promessi Sposi). Năm 1828, tại Recanati, Jacques Leopardi khởi sự viết "Những bản tình ca" bất hủ (Idilli). Năm 1829, tại Paris, Jacques Rossini dàn dựng kiệt tác của mình: Guillaume Tell (Guglielmo Tell). Suốt ba năm ấy, Gioan Bosco lo chải lông cho lũ bò cái trong một nông trại hẻo lánh thuộc vùng Montferrat. Nhưng cậu đã bắt đầu trò chuyện với Chúa.

Cậu Micae

Thời gian tạm trú kéo dài của Gioan tại nông trại của gia đình Moglires là một cái gai đâm vào tim và lòng mẹ Margarita. Có lẽ bà đã tâm sự với em trai mình là Micae. Ông này, lúc kết thúc hợp đồng nông thôn (ngày 11 tháng 11) đã đến thảo luận với đứa cháu trai của mình. Ông gặp cháu đang lùa bò ra khỏi chuồng.

- Thế nào, Gioan, cháu bằng lòng ở lại đây chứ, có hay không?

- Không. Người ta đối đãi với cháu rất tử tế nhưng cháu thích đi học. Mấy năm đã trôi qua, cháu nay đã 14 tuổi tròn mà vẫn dậm chân tại chỗ hoài.

- Được! Vậy cháu hãy lùa bò vào chuồng trở lại và hãy quay về Becchi. Cậu sẽ bàn với các ông chủ của cháu, rồi cậu sẽ tới chợ Chieri. Nhưng tối nay cậu sẽ ghé nhà cháu và chúng ta sẽ dàn xếp ổn thỏa mọi chuyện.

Gioan thu xếp tay nải của mình, đến chào tạm biệt bà Dorothéa, Etienne, bác Giuse, Anna. Họ đều đã trở thành bạn thân của cậu và họ sẽ tiếp tục như vậy cho đến mãn đời.

Cậu đi ngược trở lại trên con đường dẫn về xóm Becchi. Khi cậu tới gần, mẹ Margarita nhìn thấy bóng con từ xa vội chạy ra đón cậu:

- Antôn nó đang ở trong nhà. Hãy kiên nhẫn chút xíu. Con hãy núp trốn cho tới lúc cậu Micae đến. Nếu Antôn nó mà thấy con bây giờ, nó dám nghĩ đây là một vụ dàn cảnh lắm và ai mà biết được chuyện gì sẽ xảy ra.

Gioan lách vào một góc hàng rào và đến ngồi dưới một đường mương. Vậy ra vẫn chưa kết thúc. Cậu còn phải chuẩn bị để chiến đấu nữa.

Ông cậu đến vào lúc màn đêm buông xuống; ông đón đứa cháu đã tê cóng vì lạnh và cùng nó đi vào nhà. Tình hình thật căng thẳng nhưng đã không đến nỗi xảy ra chiến tranh. Antôn vừa tròn 21 tuổi và sắp sửa lấy vợ. Được cam kết là việc chu cấp cho Gioan và việc học của nó sẽ không phải do hắn đài thọ, hắn đã không đưa ra một chống đối nào cả.

Cậu Micae bắt liên lạc với các cha xứ ở Castelnuovo và ở Buttigliera để mong gửi cháu mình trọ học tại nhà của một trong hai vị, nhưng ông đã vấp phải nhiều khó khăn lớn. Giải pháp đã tới nhằm đúng lúc không một ai ngờ.

Bốn đồng xu để thưởng cho một bài giảng

Tháng 10 năm ấy, 1829, một vị tuyên úy mới, Cha Jean Melchior Calosso, ở tuổi thất tuần, đã tới quản nhiệm nhà thờ Murialdo. Vì lý do sức khỏe, năm

ngoái ngài đã từ chối không nhận coi xứ ở Bruino. Đây là một vị linh mục chân chính, cao niên và rất giàu kinh nghiệm mục vụ.

Tháng 11, đã có một "Tuần đại phúc" ở xứ đạo Buttigliera. Gioan đã tìm đến đó, và cả Don Calosso nữa. Khi quay về nhà mình, vị linh mục già chắc để ý đến cậu bé 14 tuổi đi lẻ loi một mình giữa đám đông người ấy.

- Con từ đâu đến vậy?

- Thưa, từ xóm Becchi. Con đã nghe các cha truyền giáo giảng.

- Con hiểu gì nổi, khi mà bài giảng đầy dãy những câu viện dẫn bằng tiếng La tinh chứ? Và vừa mỉm cười ngài vừa gục gặc mái đầu bạc trắng như tuyết: "Có lẽ để mẹ con giảng cho con thì thích hợp với con hơn".

- Dạ, đúng vậy. Mẹ con vẫn thường giảng cho con nhiều bài rất hay. Nhưng con thấy hình như mình cũng hiểu các cha tới giảng tuần đại phúc luôn.

- Thật sao? Nếu con nhắc lại được bốn câu trong bài giảng hôm nay, cha sẽ cho con bốn xu.

Gioan thản nhiên bắt đầu và tóm tắt bài giảng từ đầu đến cuối, như thể cậu đang đọc một cuốn sách vậy.

Don Calosso không để lộ nỗi xúc động của mình và hỏi:

- Con tên chi?

- Gioan Bosco. Cha con đã mất từ khi con còn nhỏ xíu.

- Con đã theo học trường nào?

- Con đã tập đọc và tập viết tại nhà Don Lacqua, ở Capriglio. Con rất thích học thêm nữa nhưng anh hai của con không muốn con biết gì hết, còn các cha Castelnuovo và Buttiglirea thì không có giờ rảnh để giúp con.

- Mà, sao con lại thích học?

- Để trở thành linh mục ạ.

- Hãy bảo mẹ con đến gặp cha ở Murialdo. Có lẽ cha đây, dù đã già cả, có thể tiếp tay với con.

Bà Margarita, ngồi trước bàn của Don Calosso, lắng nghe ngài nói:

- Con trai bà có một trí nhớ thật kỳ diệu. Nó cần phải bắt đầu học hành, ngay lập tức, không nên bỏ phí thời giờ, tôi còn làm được, tôi sẽ làm.

Họ thống nhất với nhau là Gioan sẽ đến học tại tư gia vị linh mục, không xa xóm Becchi bao nhiêu. Cậu sẽ chỉ về nhà để ngủ. Thời gian cao điểm của việc đồng áng, cậu sẽ giúp đỡ những người thân ruột thịt của mình.

Gioan đã bất ngờ gặp được cái mà cậu đã thiếu thốn bấy lâu: sự hỗ trợ của người cha, sự thanh thản cho đầu óc, niềm tin.

"Tôi đã lập tức phó thác mọi sự trong tay Don Calosso, Thánh nhân viết. Tôi đã cho ngài biết tất cả những gì có liên quan đến mình. Tôi đã thổ lộ với ngài tất cả những gì mình đã nói, tất cả những gì mình đã nghĩ. Lúc ấy tôi đã được biết thế nào là một người hướng dẫn thường trực, một người bạn lòng trung kiên mà mình đã thiếu vắng đã lâu. Ngoài nhiều chuyện khác, ngài đã cấm tôi một việc hãm mình mà tôi quen tự áp đặt cho mình mà việc ấy không hợp với độ tuổi của tôi. Ngài đã khuyến khích tôi xưng tội và chịu lễ và đã dạy tôi mỗi ngày nên dành ra chút ít thời giờ để nguyện ngắm hoặc, nếu tôi thích hơn, để đọc một đoạn sách thiêng liêng".

Với cái chết của Cha Calosso, mọi hy vọng tắt lụi

Vào khoảng tháng chín năm 1830 (có lẽ nhằm kết thúc các hệ quả của những căng thẳng giữa Antôn và mình), Gioan đã đến tạm trú ngay tại nhà của Don Calosso cả ban đêm luôn. Cậu chỉ về nhà mỗi tuần một lần để thay đổi quần áo.

Việc học tiến triển tốt và nhanh. Don Bosco nhớ lại thời kỳ này với niềm phấn khởi: "Không ai tưởng tượng nổi sự mãn nguyện của tôi. Tôi đã yêu quý Don Calosso như một người cha thật, tôi đã giúp đỡ ngài bất cứ lúc nào. Vị linh mục thánh thiện ấy tỏ ra rất trìu mến tôi và đã nhiều lần nhắc lại với tôi: "Con khỏi cần lo cho tương lai của mình. Bao lâu cha còn sống, cha sẽ không để con

thiếu thốn một sự gì cả. Mà giả như cha có mệnh hệ nào, cha cũng sẽ chu cấp cho con nữa." Tôi đang tràn trề hạnh phúc thì một thảm họa đã đến bẻ gãy dòng đời ngập tràn mọi hy vọng của tôi".

Một buổi sáng tháng 11 năm 1830, Gioan đang ở nhà mình để soạn một gói quần áo khác, thì có người đến báo cho cậu là Don Calosso đang đau nặng.

"Tôi không chạy, tôi bay!" Don Bosco nhớ lại. Đó là một cơn nhồi máu cơ tim. Ngài nhận ra Gioan nhưng không nói nổi với cậu lời nào. Ngài giao cho cậu chìa khóa của một cái hộp nhỏ, ra dấu cho cậu hiểu là đừng đưa lại cho bất cứ ai.

Và thế là hết. Cậu bé chỉ còn biết khóc than một cách tuyệt vọng trên thi hài của người cha thứ hai của mình. "Cùng với ngài, đã lụi tắt mọi hy vọng".

Toàn bộ hy vọng, từ trên xuống dưới, chỉ còn xót lại một cái: chiếc chìa khóa. Trong hộp có mười ngàn lires. Căn cứ vào cử chỉ của Don Calosso, hiển nhiên là số tiền ấy được dành cho cậu, cho tương lai của cậu. Một số trong những người có mặt bên kẻ hấp hối đã xác nhận với cậu như vậy. Có người, ngược lại, lại cho rằng những cử chỉ của một người sắp chết chẳng có nghĩa lý gì cả. Chỉ duy một bản di chúc hợp lệ mới có tác dụng cho thụ hưởng hoặc truất quyền thừa kế.

Những người cháu của Don Calosso, khi tới nơi đã xử sự như những người lương thiện. Họ thăm dò ý kiến lẫn nhau và sau đó đã nói với Gioan:

- Hình như cậu của chúng tôi đã muốn để lại cho cháu số tiền ấy. Cháu cứ giữ lấy bao nhiêu tùy thích.

Gioan ngẫm nghĩ giây lát rồi tuyên bố:

- Cháu chẳng muốn giữ gì hết.

Trong hồi ký của ngài, Don Bosco tóm tắt các biến cố trên trong một cậu duy nhất: "Những người thừa kế của Don Calosso tới nơi và tôi đã giao lại cho họ chiếc chìa khóa và mọi thứ khác. Đây là một cử chỉ dứt khoát có tác dụng chấm dứt mọi tính toán. Sau này khi được làm linh mục, ngài sẽ chọn làm khẩu

hiệu của mình một câu trong Kinh Thánh, cũng dứt khoát không kém: “Xin cho con các linh hồn, còn mọi sự khác xin cứ lấy đi”.

Giờ đây, Gioan lại đơn độc như trước. Cậu đã mười lăm tuổi, không thầy, không tiền, không có dự kiến nào cho tương lai. Ngài đã viết: “Có lẽ tôi sẽ khóc hoài, không có cách nào khuây khỏa được”.

Chương 7 : ĐƯỜNG ĐI CASTELNUOVO

Dù sao, vẫn phải tiếp tục. Mẹ Margarita, vì muốn đề phòng những chống đối mới của Antôn, đã quyết định tiến hành chia gia tài. Đây cũng là một biện pháp tốt nhằm "bưng bít" một mối hiềm khích chẳng lấy gì làm đẹp đẽ trước mắt những người dưng. Antôn đã sắp lập gia đình - ngày 21 tháng 3 năm 1831 - hắn sẽ dẫn lên trước bàn thờ, Anna Rosso, một thiếu nữ ở Castelnuovo.

Ruộng đồng đã được chia cắt, ngôi nhà trong xóm Becchi cũng đã chia đều. Antôn trở thành chủ sở hữu của phần nằm ở hướng Đông, mà dọc theo đó một cầu thang bằng gỗ dẫn lên tầng trệt của ngôi nhà. Trong phần còn lại, sẽ tiếp tục cư ngụ ba mẹ con Margarita, Giuse và Gioan.

Tháng 12, Gioan bắt đầu lên đường. Cậu sẽ theo học tại các trường công lập ở Castelnuovo. Song song với các lớp sơ cấp, xã đã mở một khóa La văn chia ra năm lớp. Vì có quá ít học trò trong mỗi lớp, nên tất cả đều học chung trong một gian phòng nhỏ duy nhất với một giáo viên duy nhất: Don Emmanuel Virano.

Bữa ăn trong "gà men"

Buổi đầu, năm cây số ngắn cách giữa xóm Becchi và quận Castelnuovo dường như là một trở ngại có thể vượt qua đối với tuổi mười lăm tráng kiện của Gioan. Nhưng các lớp trong trường lại được chia thành hai ca, mỗi ca nửa ngày, ca sáng học trong ba giờ rưỡi và ca chiều học ba giờ. Cậu bé lên đường vào buổi sáng với mẩu bánh mì, trở về để dùng bữa trưa, rồi lại lên đường và chiều tối thì lại quay

về nhà. Gần mười cây số mỗi ngày, đây là một nhịp cuốc bộ điên loạn mà sau vài ngày, khi bắt đầu có tuyết rơi, mới được thay đổi.

Cậu Micae đã tìm được cho cháu mình một chỗ bán trú tại nhà một người đàn ông tốt bụng, Jean Robert, thợ may và là nhạc công trong xứ. Đây là nơi Gioan dùng bữa trưa mà cậu mang theo mỗi ngày trong cái "gà men" của mình.

Cho dẫu có được như vậy, thế nhưng năm cây số buổi sáng và cũng nhiều đó lúc chiều tối, vẫn không phải là điều lý thú, nhất là vào những ngày mùa đông tháng giá. Gioan bước đi với lòng dũng cảm và mỗi khi mưa rơi tầm tã biến con đường thành một vũng sình lầy hoặc khi tuyết giá biến nó thành một bãi trượt rộng lớn, thì cũng như mọi người dân quê khác, cậu liền cởi giầy ra và đeo tòn teng ở cổ. Mưa và gió, nắng và bụi sẽ là những bạn đường của cậu trong suốt một thời gian dài.

Một vài buổi tối tháng Giêng, cậu cảm thấy không có đủ can đảm để đi trở lui trên con đường băng ngang bão tố nên cậu đã xin bác Robert cho phép mình ngủ lại dưới gầm cầu thang, còn bữa ăn tối thì đành dẹp luôn.

Mẹ Margarita hiểu rằng, trên đường đi, mùa đông năm ấy, con trai bà có thể đã tiêu hao hết sức khỏe của nó; bà liền đến thương lượng với bác thợ may. Với một giá phải chăng, lại có thể được trả bằng lúa gạo và rượu nho, bác Robert đã chấp thuận cho Gioan ở nội trú suốt giữa trưa và ban tối, bác sẽ cho cậu ăn súp nóng. Cậu sẽ ngủ dưới gầm cầu thang. Bà mẹ sẽ cung cấp đầy đủ bánh mì.

Chính bà đã đi theo con đến tận Castelnuovo, đeo theo cái xà cột đựng vài bộ quần áo và mấy đồ vật cần dùng cho một cậu bé mười lăm tuổi. Bà dặn dò bác Robert "thỉnh thoảng hãy ngó chừng cháu nó và nếu cần, cứ nhéo tai nó cho nó biết tay!". Bà nói với Gioan: "Hãy sùng kính Đức Mẹ để Người giúp con trở nên tốt hơn".

Ở trường cậu học chung với bọn trẻ mười tuổi, mười một tuổi. Tri thức của cậu, cho đến nay, vẫn rất ư là khiêm tốn. Nếu thêm vào đó là một bộ quần áo

rộng thùng thình và một đôi giầy lớn kềnh, ta sẽ dễ dàng hiểu được là cậu sẽ trở thành cái bia cho các bạn chê cười và nhạo báng. Chúng gọi cậu là "thằng chăn bò của xóm Becchi".

Gioan, kẻ trước đây vốn là thần tượng của bọn con trai ở Murialdo cũng như ở Moncucco, cảm thấy vô cùng đau khổ trước sự miệt thị ấy. Nhưng nếu, về phần mình, cậu ra sức phấn đấu học tập tốt, thì giáo viên cũng ra mặt giúp đỡ và ái mộ cậu. Don Virano là một con người đầy khả năng và tốt bụng. Thấy rõ thiện chí của cậu, ngài đã tỏ ra ưu ái chăm lo cho cậu và giúp cậu tiến bộ mau lẹ. Một hôm Gioan đã làm một bài tập làm văn viết rất xuất sắc về nhân vật Eléazar trong Kinh thánh. Don Virano đã đọc bài ấy cho cả lớp nghe và đã kết luận.

"Kẻ đã có khả năng viết hay tới mức này thì cũng có thể tự cho phép mình mang loại giầy của dân chăn bò. Trên đời này, cái đáng nể không phải là mang giầy dép mà là đầu óc".

Don Bosco kể lại: "Năm ấy, tôi đã gặp một mối nguy do một số bạn học gây nên. Họ tính dụ dỗ tôi chơi cờ bạc ăn tiền ngay trong các giờ học. Khi tôi nói là mình không có tiền họ đã trả lời tôi:

- Đã tới lúc cậu nên thức giấc rồi đó. Hãy tập sống chứ, hãy ăn cắp của ông chủ, hãy ăn cắp của mẹ cậu.

Tôi còn nhớ mình đã cự lại:

- Mẹ tôi rất yêu thương tôi, tôi không muốn bắt đầu gây phiền hà cho bà."

"Ở xóm Becchi chỉ lớn lên toàn một lũ lừa mà thôi"

Tháng Tư năm 1832, Gioan đã thực sự bắt kịp sự đi học muộn màng so với độ tuổi của cậu, thì chợt xảy ra một biến cố sẽ có những hậu quả tai hại đối với cậu. Don Virano được bổ nhiệm làm chánh xứ ở Mondonio và phải giao trường lại cho Don Nicolas Moglires tiếp quản.

Vị linh mục này rất đạo đức và đầy lòng từ thiện, nhưng ngài đã 75 tuổi. Ngài tuyệt nhiên không sao khống chế nổi lũ học trò của năm lớp sống chen chúc trong ngôi trường do ngài quản lý. Rốt cuộc một hôm, ngài đã nổi cơn thịnh nộ và đã phải dùng đến roi vọt. Những ngày còn lại trong tuần, sự ồn ào hỗn loạn không cho phép bất cứ một sự tập trung nào để "thầy dạy tốt, trò học tốt".

Ngài đã cáo buộc những đứa lớn đầu nhất lớp là phải chịu trách nhiệm về sự hỗn loạn triền miên. Đối với đứa già đầu nhất ngài càng tỏ ra có ác cảm đặc biệt, cho dù Gioan, "thằng chăn bò của xóm Becchi", hết sức khổ tâm vì tình trạng vô kỷ luật tập thể. Giáo viên không hề bỏ lỡ một cơ hội này để hạ nhục cậu.

- Cái mặt em thì làm sao mà đủ trình độ học môn La tinh chứ? Ở xóm Becchi chỉ lớn lên toàn một lũ lừa mà thôi; những con lừa thuộc giống tốt, tất nhiên rồi, nhưng chung qui vẫn chỉ là những con lừa. Hái nấm thì đồng ý là em giỏi rồi; bắt tổ chim cũng là nghề của em nữa, nhưng còn học tiếng La tinh thì đừng có hòng!.

Bạn học, do sự ái mộ mà Don Virano đã tỏ ra với cậu trước đây đã bắt đầu để cậu yên thân, nay lại nổi lên công kích cậu dữ dội. Gioan đã nếm trải những ngày cực kỳ chán nản.

Cho đến một hôm cậu đã quyết định phục thù.

Don Moglires vừa ra một bài La văn làm ngay trong lớp. Gioan cũng phải làm bài dịch với bạn bè, đã xin giáo viên cho phép mình thử dịch bản văn dành cho các học trò học cao hơn mình cả hai lớp.

- Em tự nghỉ mình là ai chứ? Hãy về chỗ và đừng có đóng vai lừa như từ trước đến nay nữa.

Gioan vẫn cố nài và Don Moglires rốt cuộc đành nhượng bộ.

- Em muốn làm gì thì làm. Nhưng đừng hòng tôi sẽ để mắt tới bản dịch dở ẹt của em.

Cậu bé ráng cắn răng chịu đựng nỗi sỉ nhục và tiến hành bài dịch. Bài có một số khó khăn nhưng cậu cảm thấy mình có thể giải quyết được. Cậu là một trong mấy người làm xong bài trước tiên. Giáo viên nhận tờ giấy và bỏ qua một bên.

- Xin thầy vui lòng đọc qua bài của em và làm ơn cho em biết em sai lỗi ở những chỗ nào.

- Về chỗ ngay đi và đừng có quấy rầy ta nữa.

Gioan, tươi cười mà lì lợm, vẫn không nhượng bộ:

- Em đâu có xin thầy làm việc gì to tác. Chỉ cần thầy đọc qua một lần thôi.

Don Moglires đành miễn cưỡng đọc thử. Bài dịch quả là tốt, tốt đến nỗi nó lại khiến ngài mất hết bình tĩnh:

- Ta đã từng nói em chỉ là đồ bỏ, có làm nên tích sự gì đâu. Bài làm này, em đã "Cọp dê" từ a đến z.

- Nếu vậy, xin hỏi thầy, em đã "cọp dê" của bạn nào mới được chứ?

Các bạn ngồi kế bên cậu ai nấy vẫn đang cắn bút nhíu mày, cố moi óc để dịch cho xong mấy câu chót.

Thật là xấc láo quá cỡ! Giáo viên nạt nộ như sấm sét. Cút ngay về chỗ và hãy lấy làm mừng vì ta còn chưa nỡ tống cổ em ra khỏi lớp.

Chứng tắc nghẽn động mạch đã từng là một bệnh gây chết người vào thời đó, và cả "Bệnh thành kiến" cũng vậy.

Quá trình mấy năm học ấy đã là một chuỗi những tháng ngày gian khổ. Trong hồi ký này của ngài, Don Bosco không nêu đích danh Don Moglires. Ngài vốn tôn trọng những bậc già nua tuổi tác. Ngài chỉ nói bóng nói gió tới "ai đó mà sự thiếu khả năng xác lập kỷ luật đã khiến tan thành mây gió tất cả những gì tôi đã dầy công học hỏi được trong suốt bao tháng qua".

Bóng áo dòng đen xa cách và lạnh lùng

Một cây gai nữa cũng gây khổ tâm không ít cho Gioan suốt những tháng ấy. Cậu đã quen biết hai linh mục ngoại hạng: Don Calosso và Don Virano. Cậu đã kết luận là hai vị này chẳng có điểm nào khác nhau cả. "Tôi thường gặp, Don Bosco viết, cha xứ của tôi đi trên đường, cùng với vị linh mục quản lý nhà thờ. Tôi chào hai vị từ xa. Khi đi ngang hai vị, tôi lại kính cẩn nghiêng mình trước tấm áo dòng của các ngài. Nhưng các ngài vẫn giữ nguyên khoảng cách và chỉ đáp lại cái chào của tôi một cách lịch sự trong lúc chân vẫn tiếp tục bước đi. Chiếc áo dòng của ngài dường như đã cách ly các ngài với những người phàm tục.

Trong các chủng viện thời ấy, người ta giảng dạy thế nào là tác phong thích hợp hơn cả đối với những "con người của Giáo hội": dè dặt, nghiêm nghị và xa cách.

"Tôi cảm thấy hết sức phật lòng. Tôi đã có lần nói với bạn bè của mình, nếu đến một lúc nào đó tôi được làm linh mục, tôi sẽ xử sự trái ngược hẳn. Tôi sẽ xích lại gần các thanh thiếu niên, tôi sẽ nói năng từ tốn với chúng và sẽ đưa ra những lời khuyên tốt".

Gioan không sao tưởng tượng được là quyết tâm ấy sẽ gây nên, tám chục năm sau đó, cả một cuộc cách mạng thầm lặng trong hàng ngũ các linh mục. Trong các chủng viện, người ta sẽ nhận linh mục mới không phải theo một sự nghiêm nghị nhằm "tạo ra những khoảng cách" mà là theo lòng nhân ái, tươi cười loại bỏ mọi khoảng cách.

Ở Murialdo, Gioan sử dụng giờ rảnh rỗi sau các tiết học để thảo luận một cách bình tĩnh với Don Calosso. Vị linh mục già ôn lại quá khứ của mình, cậu bé thì mơ về tương lai của cậu. Rồi cậu đi quét nhà thờ, dọn dẹp gian bếp cho ngăn nắp, tò mò xục xạo cùng khắp trong phòng thư viện nhỏ hẹp.

Nơi đây, ở Castelnuovo, các linh mục không muốn trò chuyện với cậu. Dùng giờ rảnh cách nào đây?

Các thú giải trí của Gioan

Cách thứ nhất cậu dùng giết thì giờ là âm nhạc. Bác Roberto là thầy dạy hát trong giáo xứ. Trong nhà có một cây đàn. Thỉnh thoảng Gioan lại ngồi trước dàn phím của cây đàn phong cầm nhỏ hoặc đàn đại phong cầm(orgue) để đệm đàn cho ban hợp xướng của giáo xứ.

Bác Roberto, vốn là thợ may trong xứ. Do đó, cách thứ hai để Gioan giết thới giờ là ngồi kề bên bác và tập tháo khuy, tập đính nút, tập viền khăn mùi xoa, tập cắt áo Ghi-lê. Cậu khéo tay đến mức ông chủ đã đề nghị cậu bỏ học để làm thợ cho mình.

Tháng Tư, Don Moglires lại bắt đầu thấy ác cảm với cậu và sự huyên náo trong trường làm cậu tin chắc là mình chỉ phí thì giờ vô ích. Nhất trí với mẹ, cậu đã đến lao động mỗi ngày mấy tiếng tại nhà Evasio Saviô, một ông thợ rèn. Nhân cơ hội này, cậu đã học được cách sử dụng búa, giũa và cách làm việc tại lò rèn.

Vào thời điểm ấy, Gioan Bosco chắc chắn không nghĩ rằng mấy nghề trên một ngày kia sẽ giúp ích cho mình để mở những xưởng thợ phục vụ các thanh thiếu niên nghèo thuộc vùng ngoại ô Torino. Tạm thời, mối bận tâm duy nhất của cậu là lo dành dụm một số tiền. Sắp tới cậu rất cần đến số tiền ấy. Cùng với mẹ Margarita, cậu đã hạ quyết tâm cố thử, sang năm, một bước mạo hiểm có tính quyết định: các trường học ở Chỉei.

Chương 8: "TÔI CẦN PHẢI HỌC"

Thu xếp khăn gói xong và sau khi chào bác Roberto, Gioan không vội trở lại xóm Becchi ngay. Cậu tới Sussambrino, một nông trại mà anh Giuse của cậu đã nhận làm khoán chung với Giuse Febrano. Và cả mẹ Margarita, cùng lúc với con trai mình, cũng đã bỏ xóm Becchi lại sau lưng.

Gioan đã dùng mấy tháng hè để kiên trì học tập. Ở Chieri, cậu không muốn thấy mình là kẻ trì trệ.

Nhưng cậu lại cũng không muốn trở thành một gánh quá nặng cho anh trai mình. Để được như vậy, cậu đã tiếp tay với anh trong các công việc đồng áng, cậu sửa chữa các dụng cụ canh tác trên một cái lò rèn dã chiến; cậu dẫn bò đi cho chúng ăn cỏ. Công tác sau này giúp cậu có thời giờ để đọc sách và học.

Rosa Febrano, con gái của Giuse, nhớ lại là Gioan hồi ấy thường quen vùi đầu vào sách vở đến nỗi lũ bò tha hồ thao túng. Chính cô ta, một đứa con gái mười tuổi đầu, phải đuổi theo chúng trên các cánh đồng, băng ngang các luống bắp, để lùa chúng về với cậu học sinh trước khi các ông chủ kịp lên tiếng than phiền.

- Bò của chú vừa ăn bắp của người ta đấy!

- Cảm ơn Rosa nhé!

Cô bé nhìn cậu một lát, rồi:

- Nhưng sao chú lại lãnh việc đưa chúng đi ăn cỏ, nếu như sau đó chú chẳng canh chừng chúng gì hết.

- Chú phải học, cháu Rosa à, và thỉnh thoảng chú lại hơi đãn trí chút xíu.

- Bộ chú thích làm linh mục thật sao?

- Thật chứ.

- Vậy thì, nếu chú muốn, cháu sẽ canh chừng bò cho chú. Đằng nào thì cháu cũng phải chăn cả bò của cháu nữa.

Gioan cảm ơn cô bé rồi lại cắm đầu vào sách vở.

Gioan Bosco khăn gói lên đường đi học.

Sẵn sàng đổi bánh mì ngon để lấy bánh mì dở vì yêu mến bạn hữu.

Giấc mơ chín tuổi năm xưa" lại trở lại

Tại Castenuovo, Gioan có một người bạn học tên là Giuse Turco. cha cậu bé có một cái trại tên là Renenta gần Sussambrino. Ông ta là một người lương thiện, và một Kitô hữu tốt lành. Một hôm ông bắt gặp Gioan vào lúc cậu đang học.

- Can đảm lên, Gioan, lần này cháu chắc sẽ thành công.

- Cháu cám ơn ông Turco. cháu thật sự hy vọng như vậy. Nỗi sợ hãi duy nhất của cháu chính là việc mẹ cháu không thể trả được tiền thuê nhà cho cháu tại Chieri.

- Nhưng ở đó chẳng có Chúa hay sao? Ngài chắc chắn sẽ làm cho đường đi của cháu được tốt đẹp.

- Cháu hy vọng như vậy, nhưng cháu vẫn sợ.

Đó là một nụ cười buồn rười rượi. Thất khó nói ngược lại cậu bé Gioan, vì có quá nhiều dịp may mắn đã trôi qua rồi.

Nhưng một hôm cha con ông Turco đều thấy cậu chạy lại và hết sức hý hửng:

- Cháu có một tin vui. Đêm hôm qua cháu đã mơ một giấc mơ, Cháu mơ thấy mình là một linh mục chăm sóc cho nhiều đứa trẻ.

Ông Turco "bố" lưỡng lự.

- Nhưng đó chỉ là một giấc mơ thôi cháu!

- Ông không thể hiểu nổi đâu. Đối với cháu thế là đủ. Lần này cháu sẽ thành công.

Trong mùa hè, xứ Murialdo ăn mừng lễ bổn mạng của mình. Không lấy gì làm xa xôi, Gioan được phần biết là người ta đã dựng một cây cột mỡ, với trong số những phần thưởng đắt giá nhất, một túi đựng 20 lier.

"Cái này sẽ được việc cho mình đây", cậu nghĩ.

Cậu liền lên đường đến lễ hội.

Cây cột đã được dựng lên, trơn trượt và có trét vừa dầu vừa mỡ. Bọn con trai nhỏ ở địa phương hau háu ngó lên cái vòng bằng sắt tuốt luốt trên cao có treo tòn teng những gói nhỏ, những cái xúc xích, những chai rượu nho. Lâu lâu, lại có một người, giữa những tiếng reo hò của đám đông, khạc nước miếng vào lòng bàn tay và lao tới thử thời vận một phen. Tất cả đều "rồ máy" hết ga, nhưng đến lưng chừng thì đã mệt đừ, họ liền buông mình tuột xuống giữa những tiếng huýt gió và những tiếng hú của đám khán giả vây quanh.

Bỗng nhiên, sau khi nghiên cứu kỹ tình hình. Gioan tiến tới chân cột. Cậu cũng phun nước miếng vào tay và vòng tay ôm lấy cây cột. Cậu đã bắt đầu leo lên, chầm chậm và không nôn nóng. Chốc chốc, cậu lại kê mông ngồi lên gót chân để nghỉ xả hơi. Ở Moncucco, cậu đã phải quần quật suốt năm mới được mười lăm lier, còn tại đây, chỉ cách vài mét trên đầu cậu, lại có tới hai chục lires. Cậu sẵn sàng bỏ ra nguyên ngày cho cây cột này, nếu cần.

Nhờ luôn luôn tiến tới với sự bình tĩnh, cậu đã leo tới chỗ mà cây cột bắt đầu thon nhỏ dần. Cậu lại lấy thêm hơi và thực hiện những sải tay cuối cùng.

Bên dưới, đám đông giờ đây đã nín thinh. Gioan vươn dài bàn tay, gỡ cái túi đựng hai chục lires ra và cắn chặt vào giữa hai hàm răng, giật thêm một cái xúc xích và một chiếc khăn mùi xoa rồi mới chịu tuột xuống.

Nỗi gớm ghiếc phải ngửa tay xin bố thí

Hai chục lires lấy được trên cột mỡ tất nhiên không đủ cho việc đến sinh sống tại Chieri. Cậu phải mua sắm quần áo, giầy dép, sách vở và nhất là phải trả tiền trọ hàng tháng. Thửa đất giao khoán Sussambrino đâu phải là một mỏ vàng. Tháng mười, Gioan đến thưa với mẹ:

- Nếu mẹ đồng ý, con sẽ lấy hai cái bao và sẽ đảo qua các gia đình trong xóm để mở cuộc lạc quyên.

Đây là một hy sinh lớn đối với lòng tự ái của cậu. Don Bosco sẽ trở nên "kẻ ăn mày" vĩ đại nhất thế kỷ 19, nhưng ngài phải khổ tâm vì phải xin của bố thí. Tháng 10 năm ấy, lần đầu tiên trong đời ngài đã vượt thắng nỗi gớm ghiếc phải ngửa tay ăn xin.

Địa phương Murialdo là một tổng thể gồm những xóm nhỏ và những nông trại nhỏ lẻ tẻ. Gioan đi từ nhà này sang nhà khác. Cậu gõ cửa, cậu nói:

- Tôi là con trai bà Margarita Bosco. Tôi sắp đi Chieri ăn học để mong làm linh mục. Mẹ tôi rất nghèo. Nếu quí vị có thể, xin vui lòng giúp đỡ tôi.

Ai nấy đều quen biết cậu, vì đã từng dự khán các trò biểu diễn của cậu, đã nghe cậu lặp lại các bài giảng; thiên hạ đều quí mến cậu. Nhưng có quá ít người giàu. Họ cho cậu trứng, bắp, vài đấu tiểu mạch. Lucia Matta, một bà góa, phải đến lập cư ở Chieri để theo dõi việc học của con trai mình. Mẹ Margarita bàn bạc với bà này và thỏa hiệp đã được đưa ra: Gioan, tại Chieri, sẽ cư ngụ ở nhà bà cùng với con trai bà. Tiền trọ phải trả là 21 lier một tháng. Mẹ Margarita không thể trả đủ số bằng tiền mặt, nhưng bà hứa sẽ cung cấp bột và rượu. Gioan tình nguyện làm đầy tớ trong nhà: xách nước, chẻ củi để nấu bếp và để đốt lò sưởi, phơi đồ.

Bánh xe lịch sử vẫn tiến tới

Đang khi Gioan sống trong tuổi thơ đầy gian khổ của mình giữa vùng đồi núi Castelnuovo thì bánh xe lịch sử vẫn xoay đều, tiến tới. Cũng như trong những

trang trước, chúng tôi không hề có ý định vẽ lại một trang đầy đủ về lịch sử nước Ý. Nhưng chúng tôi thấy dường như tất yếu phải rút từ đó vài nét chính, bởi lẽ chính trên cái nền ấy đã diễn ra những biến cố nổi cộm hơn cả trong cuộc sống cá nhân của Gioan Bosco. Và cũng từ bối cảnh lịch sử ấy, cậu đã rút tỉa được những ấn tượng, những tư tưởng, những cảm xúc.

Chống lại cuộc phục hưng bất khuất và thoái hóa của các hoàng thân, các hội kín quen tổ chức sự nổi dậy và các vụ phiến loạn, đã đột nhập vào Ý trong các năm từ 1815 đến 1820.

Tháng Giêng năm 1820, một tia lửa xẹt ra bên Tây Ban Nha. Tại Cadiz, một cuộc cách mạng đã buộc Ferdinand VII phải chấm dứt chế độ chuyên chế và nhượng bộ Hiến pháp: một pháp lệnh đảm bảo cho mọi người những quyền tự do cơ bản và quyền bầu cử. Chính nhà vua đã thề sẽ chấp hành Hiến pháp này.

Tia lửa làm bùng lên thành đám cháy tại Ý sáu tháng sau. Một đội kỳ binh trong vương quốc Nhị-Siciles đã nổi dậy làm loạn với những tiếng gào la "Tự do và Hiến pháp muôn năm!". Nội trong tám ngày, để khỏi mất ngai vàng, Ferdinand de Naples đã chấp nhận Hiến phán Cadiz và đã thề trên Kinh Thánh là sẽ tôn trọng Hiến pháp ấy.

Ngày 10 tháng ba năm 1821 (Gioan lúc ấy mới lên sáu), cuộc nổi loạn quân sự cũng bắt đầu ở Piemont, dưới quyền chỉ huy của Bá tước Santore de Santarosa. Alexandria đem theo hiệu kỳ màu xanh dương của nhà Savoia và kéo lên nóc thành ba màu cờ (nhằm nhắc đến cuộc cách mạng Pháp và các quyền con người mà họ đã công bố). Các binh đội trấn đóng ở Pinerolo và Vaccelli cũng nổi dậy. Từ Fossano, một viên trung tá kéo cả một liên đội quân sĩ tiến về Torino.

Vua Vittorio Emmanuel đệ nhất, hoảng hồn, từ Moncalieri vội phóng về Torino, triệu tập bá quan văn võ và tính đề nghị nhượng bộ Hiến pháp để khỏi

mất tất cả. Nhà vua sắp tiến hành biện pháp này thì nhận được tin là nước Áo đã quyết định can thiệp vào Ý "để tái lập trật tự".

Mệt mỏi vì các biến cố trên, Vittorio Emmanuel đệ nhất đã xuống khỏi ngai vàng, nhường ngôi cho ngự đệ Charles-Félix. Ông này lúc ấy đang cư ngụ tại nhà cha vợ của mình, đã công bố chức "nhiếp chính" cho ông hoàng trẻ tên Carlo Alberto (hai mươi ba tuổi).

"Hãy đến nói với hoàng tử..."

Carlo Alberto đã bắt liên lạc với Santarosa, kẻ mà ông rất hâm mộ các tư tưởng, nhưng ông lại không sao quyết định nên ngả hẳn về chính thể chuyên chế hay về chế độ tự do. Chưa gì đã lộ rõ nơi ông cái cá tính do dự sẽ khiến ông bị gán cho bí danh "ông vua Tentenna", có nghĩa một cách nôm na là vị vua "trù trừ": kẻ mất nhiều thì giờ để quyết định. Ông muốn với bất cứ giá nào, ít ra là một điều: duy trì quyền bính của mình ở ngai vàng và bảo vệ quyền ấy chống lại quân Áo và phe tự do.

Đối diện với một quần chúng đông đảo đứng dưới các cửa sổ của điện Carignan, đòi hỏi phải có Hiến pháp (họ có hiểu đích xác đó là gì không?), Carlo Alberto đã nhượng bộ. Tối 13 tháng 3 năm 1821, ông đã ký vào bản Hiến pháp Cadiz và hai hôm sau, đã hứa sẽ tôn trọng Hiến pháp ấy. Ông đã thành lập một chính phủ mới mà trong đó Santarosa trở thành Bộ trưởng chiến tranh.

Khi Charles-Félix ở Mondène nhận được một lá thư của Carlo Alberto báo cáo cho ông mọi chuyện đã xảy ra, ông đã vô cùng tức giận. Ông lớn tiếng truyền cho nhà quí tộc Costa, kẻ đã mang thư tới:

- Hãy đi nói với hoàng tử, nếu hắn ta còn một giọt máu vương giả nào trong huyết quản, thì hãy tức khắc lên đường tới Novarre và đợi lệnh ta ở đó.

Carlo Alberto thoạt đầu có vẻ kiên quyết chống lại, nhưng những tin dữ đã đến từ Naples: một đạo quân Áo đã đè bẹp các toán quân của phe tự do, Nghị

viện đã bị giải thể, chế độ lập hiến đã bị lật đổ, ông hoàng trẻ liền rút về Novarre. Tại đây, ông đã tuyên bố một bản tuyên ngôn trong đó ông từ nhiệm chức nhiếp chính và kêu gọi nên thần phục nhà vua. Ngay sau đó, ông đã lên đường đi Florence, với thân phận kẻ bị lưu đày.

Sự trở về Piemonte của Charles-Félix đã được mở đường bởi việc xâm nhập của một đạo quân Áo gieo hỗn loạn cho các quân tình nguyện của Santarosa và "đã tái lập trật tự". Bảy chục thủ lãnh của phe phiến loạn đã bị kết án tử hình(68 người trong số đó đã đào thoát sang Thụy Sĩ và Pháp), ba trăm sĩ quan và ba trăm giới chức dân sự đã bị thanh trừng, hai trường đại học ở Torino và Genova bị đóng cửa trong thời gian một năm. "Tất cả những ai đã cho học ở Đại học đều là những kẻ thối nát, Charles-Félix đã viết thế cho em ruột đang bị lưu đày. Bọn xấu đều là những kẻ có học thức, còn người tốt, thì đều là những kẻ ngu dốt".

Cái "phong trào năm 1821", như được gọi trong các sách lịch sử, đều là những biến cố chỉ liên quan đến giới trưởng giả, các giai cấp trung lưu trong dân chúng. Còn các giai cấp nông dân và thợ thuyền thì vẫn dửng dưng với mọi chuyện ấy. Các giai cấp trung lưu (thương gia, các nhà thầu nhỏ, các nhà tiểu công nghệ, các giới chức quân sự và dân sự) xuyên qua "cuộc cách mạng tự do", chỉ nhắm một mục tiêu duy nhất: biến mình thành những nhóm nhỏ có quyền hành, thành giai cấp được ưu đãi thay cho giới quí tộc trước kia. Những cải cách được đòi hỏi và được phê chuẩn bởi Hiến pháp Cadiz vừa không có tính quần chúng, vừa không dân chủ gì cả. Chuyện bầu cử chỉ được chuẩn chấp cho những ai đạt tới một mức độ giàu sang nhất định. Chỉ riêng họ mới có thể cử các đại biểu của mình vào Nghị viện và bảo vệ, tất nhiên, các quyền lợi của họ. Cũng như cuộc cách mạng Pháp trước đây đã muốn, cuộc cách mạng tự do cũng muốn loại bỏ mọi đặc quyền, từ một đặc quyền duy nhất: sự giàu có.

Là vua nhờ ơn Chúa chứ không nhờ ai khác

Charles-Félix, chỉ mãi đến tháng 10 năm 1921 mới trở về Torino. Diện mạo ấy, ngày nay nhìn lại, ta thấy nó thật lạ lùng và độc đáo. Ông chẳng bao giờ muốn làm vua. Ưa nếp sống ẩn dật và khiêm tốn, ông giống hệt một nhà tu hành. Ông chấp thuận lên ngôi vua đơn thuần chỉ vì "bổn phận của lương tâm".

Nhưng kể từ giây phút đứng ra nhận quyền nhiếp chính, ông đã tỏ ra lôgic tới cùng. Với những quan niệm của mình về một nền "chuyên chính bất khoan nhượng". Ông tự cảm thấy mình làm vua là "nhờ ơn Chúa chứ không nhờ ai khác" và muốn thống trị nhân dân mình như một người cha độc đoán chỉ huy một gia đình gồm những đứa con phân tán khắp nơi. Ông muốn rằng bất luận án tử hình nào cũng trở nên một "tấm gương hữu ích" cho mọi cái đầu hung hăng và, do đó, đã tán thành cách "dùng kim nung đỏ" đối với kẻ bị kết án đang lúc hắn bị giải tới nơi hành quyết. Chính vì lý do cá biệt này mà ông đã bị nhục mạ qua bí danh "Charles-Feroce (Charles tàn bạo).

Massiomod'Azeglio đã mô tả mười năm trị vì của ông này qua những từ: "Một bạo chúa đầy những tình ý ngay thẳng và lương thiện".

"Ông vua cao và buồn như một mùa chay"

Carlo Alberto kế vị ông vào năm 33 tuổi trên ngai vàng ở Torino. Đối với những kẻ chuyên chế cũng như phản động, ông đã thay đổi hình ảnh của ông bằng cách đã chiến đấu tại Tây Ban Nha chống lại những người thuộc phe tự do, là những kẻ, trong các văn bản của họ, đã trả đũa lại bằng cách gọi ông là "kẻ phản tặc" và "kẻ bội thề".

Đây là một người đàn ông với nước da xanh mét. Ông rất cao lớn: hai mét và bốn centimét. Dân Piemonte nói rằng ông "cao và buồn như một mùa chay". Để chứng tỏ cho cả phe này lẫn phe kia rằng mình không còn là ông hoàng đã ký tên vào bản Hiến pháp, ông sẽ cho xử bắn bảy người ủng hộ Mozzini ở

Alexandria vào năm 1833 và mười người nữa ở Genova, và ông còn kết án thêm bảy chục người phải chịu án khổ sai chung thân.

Nhưng bất chấp mọi nỗ lực của ông đã chặn đứng lịch sử, sử Piemonte và nước Ý đều đã đổi khác. Giới trưởng giả đã trở nên một giai cấp thực sự quan trọng, mà dù họ còn chưa hiểu "nền tự do dân chủ" nghĩa là gì, đang cần được "quyền tự do kinh doanh" để bành trướng trong bán đảo một sự thoải mái tốt đẹp hơn.

Trong xứ Piemonte, người ta đào các kênh mương, tát cạn các đầm lầy, cạo trọc dãy Langhe (loạt đồi nằm dọc theo hướng nam vùng Montferrat), người ta khuếch trương ngành trồng dâu, trồng đay, trồng nho. Người ta quảng bá việc trồng khoai tây, nhờ đó sẽ chấm dứt những nạn đói định kỳ khủng khiếp mỗi khi đến mùa nắng hạn.

Rất nhanh, đã nẩy sinh các nhu cầu kéo dài thêm hệ thống đường sá và tiến hành việc xây dựng các tuyến đường xe lửa.

Và cảm quan chính trị cũng có khuynh hướng chuyển biến một cách khắc nghiệt.

Trong những tháng cuối năm 1832, tại Marselle, Mazzini đã thành lập Hội "nước Ý trẻ". Quan niệm về một nước Ý như một "quốc gia thống nhất" lan rộng như là một sự phát huy của một chân tính lịch sử được xác định bởi những truyền thống văn hóa và bình dân của nó, nhất thiết phải đưa đến từ một nền tự do và độc lập. Những người Ý đã hiểu được rằng họ có một định mệnh chung, mà chính họ phải lãnh đạo, cùng với (hay là thế cho) các ông vua là những người cho tới giờ này vẫn còn coi dân chúng như là một đàn những còn người còn ấu trĩ.

Tại Torino, năm 1832, Silvio Pellico phát hành cuốn "Những Ngục Tù Của Tôi", một cuốn sách nhỏ đã lay động nước Ý và bắt nó phải tư duy theo nhiều cách khác. Nước Áo, mà cho đến nay vẫn có vẻ là kẻ giữ gìn trật tự và sự thoải

mái về mặt xã hội, đã bị mất mặt. Trong những trang sách vừa ôn hòa vừa đầy vẻ bất bình của nhà văn gốc người Saluces, thuộc tỉnh Cuneo nước Ý này, kẻ đã trải qua mười năm phục dịch gian khổ như những người tù trên các chiến thuyền hoàng gia, chính quyền Áo đã để lộ nguyên hình bộ mặt độc ác của nền độc tài chỉ biết đàn áp và tra tấn.

Chương 9: THỜI THIẾU NIÊN TẠI CHIERI

Tháng Tư năm 1821, hôm ấy là ngày thứ ba của lễ "Mùa hè của Thánh Martinô", Gioan Bosco cùng với một người bạn đồng trang lứa, Gioan Fillipello, cuốc bộ đến tận Chieri. Dọc đường, Gioan đã cởi mở tâm tình với bạn. Cậu nói về việc học sắp tới, kể lại quãng đường mình đã sống, những gì mình đã phấn đấu nhằm biến ước mơ thành hiện thực. Fillipello, một thiếu niên hơi khờ khạo, ngạc nhiên hỏi cậu:

- Thế ra mãi đến nay anh mới sắp sửa nhập học trường trung học ư? Vậy mà anh đã biết quá nhiều như vậy sao? Chắc anh sẽ rất sớm được làm linh mục.

Gioan Bosco trở nên nghiêm nghị:

- Bạn có biết "làm linh mục" có nghĩa là gì không? Linh mục có những trách nhiệm rất nặng nề. Sau bữa ăn trưa và bữa ăn tối, ngài phải ngẫm nghĩ: "Mình đã ăn uống xong xuôi, còn các bổn đạo của mình, họ đã có gì dằn bụng chưa?. Những gì ngài có, ngài phải chia sẻ với những kẻ nghèo khó. Anh bạn Filipello của tôi ơi, tôi sẽ không đời nào chịu nhận làm cha xứ của họ đạo này đâu. Tôi muốn tận hiến đời mình cho các thiếu niên kia.

Đang lúc hai cậu bé vừa đi vừa nói về đói kém và về kẻ nghèo, thì ở Lyon, chỉ cách đó 250 cây số đường chim bay, một cuộc bạo loạn của các công nhân ngành dệt bắt đầu diễn ra. Hàng ngàn và hàng ngàn, họ xuống đường để phản đối lương bổng ít ỏi và số giờ lao động vượt quá sức con người: khoảng 18 giờ một ngày.

Sau mấy ngày đấu tranh ngoài đường phố, vụ chống đối bị kết liễu, bị dập tắt bởi các toán lính do chính quyền gửi đến. Hơn một ngàn nạn nhân.

Năm sau, vụ bạo động ở Paris sẽ gây cho 800 người thiệt mạng. Mùa xuân năm 1834, công nhân Lyon và Paris nhất loạt nổi dậy với những tiếng gào la: "Sống bằng lao động hoặc chết trong đấu tranh". Người ta đã dùng súng đại bác bắn xả vào họ.

Gioan Bosco không thể nào lại không biết gì về những chuyện ấy. Không một tin tức nào trên các nhật báo bị kiểm duyệt gắt gao lại không rò rỉ lan rộng khắp lãnh thổ vương quốc Piemonte. Trong mấy tháng đầu năm ấy, Gioan thỉnh thoảng lại nghe nói đến các "phong trào tự do". Cuộc cách mạng có liên quan đến các phong trào ấy, với những lời lẽ úp mở, toan tính đưa nước Ý tới Hiến pháp và tới việc thoát khỏi sự lệ thuộc nước Áo. Cuộc cách mạng này chẳng bao lâu sẽ được gọi là Cuộc Phục Hưng của nền Quân chủ (Risorgimento).

Ngược lại, Gioan không có mảy may một ý niệm nào về một cuộc cách mạng khác, sâu sắc, triệt để, đang làm biến đổi cả miền Bắc của Châu Âu và chẳng bao lâu nữa, sẽ xâm nhập vào nước Ý. Đó là cuộc "cách mạng công nghiệp" có liên quan mật thiết đến vấn đề quan trọng là "vấn đề thợ thuyền". Cậu sẽ bắt đầu chứng kiến hậu quả thảm khốc của cuộc cách mạng ấy khi cậu đặt chân đến kinh thành Torino, mười năm sau.

Một cây cột giữa bọn trẻ nhỏ

"Tôi đã ở trọ", Gioan Bosco viết, tại nhà bà Lucia Matta, một góa phụ ở vậy nuôi một cậu con trai. Bà đã cố tình đến sống với con ở Chieri nhằm canh chừng và chăm sóc nó.

Ít lâu sau, mẹ Margarita đến Chieri trên chiếc xe bò của một người bạn, có chở theo hai bao ngũ cốc. Bà đến gặp con trai mình tại nhà bà Matta.

Đây là con trai tôi, bà thưa với bà chủ, còn đây là chút ít gọi là để trả tiền ở trọ của cháu nó. Tôi đã cố đóng góp phần mình, con trai tôi sẽ lo phần đóng góp của nó. Tôi hy vọng bà sẽ không phải phiền lòng vì nó.

"Nhân vật đầu tiên mà tôi quen biết đó là Don Placide Valimberti, và tôi đã giữ được một kỷ niệm rất đẹp về ngài. Ngài đã cho tôi những lời khuyên tốt, đã dẫn tôi đến gặp thầy giám học, đã giới thiệu tôi với các giáo viên. Vì cho tới lúc ấy môn nào tôi cũng chỉ học sơ sơ được một ít nên chẳng đâu vào đâu cả. Người ta đã chọn giải pháp là xếp cho tôi vào học lớp 7.

Giáo viên, cha Valérien Valimberti, đã chứng tỏ một lòng nhân ái bao la đối với tôi. Tuổi đời của tôi (16 tuổi) và tầm vóc của tôi tạo cho tôi dáng vóc của một cây sào giữa các bạn học cùng lớp với tôi. Nóng lòng muốn lôi tôi ra khỏi tình cảnh dở khóc dở cười ấy, sau hai tháng học lớp 7, tôi đã được đặt cách chiếu cố cho dự kỳ thi chuyển lên lớp 8 và tôi đã may mắn được chấm đậu.

Tôi rất sẵn lòng gia nhập lớp mới của mình; giáo viên là Don Valimberti kính yêu. Sau hai tháng, nhờ nhiều phen là người đứng đầu lớp, tôi là được đặc cách dự một kỳ thi khác và đã được nhận vào lớp 9.

Giáo viên là Vincent Cima, một người rất khắt khe đối với vấn đề kỷ luật. Khi thấy lù lù bước vào lớp mình giữa năm học một đứa học trò vừa cao lớn vừa mạnh khỏe không kém gì mình, thầy đã nói đùa ngay giữa giờ đứng lớp:

- Tên này đúng là một con chuột chũi khổng lồ hoặc một chàng trai rất dồi dào phong độ.

Hơi bực mình vì câu nói xỏ xiên ấy, tôi đáp:

- Tàng tàng nửa nọ nửa kia vậy thôi. Em là một đứa bé xấu số hết lòng ao ước làm tốt bổn phận của mình và đạt tiến bộ trong việc học.

Những lời này làm đẹp ý thầy nên, với một nhã ý, thầy liền nói thêm:

- Nếu em chịu chơi mức ấy thì em đã gặp được sư phụ cao thủ rồi đó. Thầy sẽ không để em thất nghiệp đâu. Hãy tin tưởng. Nếu em gặp điều gì phiền hà,

hãy lập tức cho thầy biết và thầy sẽ giúp đỡ em.

- Em xin hết lòng cám ơn thầy.

Bỗng đâu xảy ra một sự kiện nhỏ...

Chieri là một thành phố nhỏ cách Torino khoảng mười cây số. Nó trải dài từ chân đồi Torino, nằm ở phía đối nghịch với phía có kinh đô của xứ Piemonte. Khi Gioan tới đây, thành phố đếm được 9.000 dân. Đây là một đô thị của các nhà tu hành, các tay thợ dệt và các học sinh.

Nhiều tu viện là nơi thường trú của các tu sĩ cả nam lẫn nữ, thuộc nhiều dòng tu khác nhau: Đa minh, Philipphê (do Thánh Philiphê Nêri sáng lập), Dòng Tên, dòng Phanxicô, dòng Clarisse… rất đông đảo thợ dệt hành nghề kéo sợi bông vải và tơ tằm tại ba chục cơ sở sản xuất lớn nhỏ.

Học sinh đến đây từ mọi miền của miền Montferrat và của xứ d'Asti. Họ kéo lê một kiếp sống rất cơ cực. Các khóa học được giảm phân nửa số học phí nhưng học bổng thời ấy vẫn chưa có. Để trả tiền trọ, rất nhiều học sinh phải tự chuốc vào thân những hy sinh lớn. Công việc làm ngoài các giờ học được lùng kiếm rất dữ: làm thợ chép bản thảo nửa buổi, làm việc nhà, ăn lương giờ phục vụ các gia đình giàu, các lớp ôn tập, tắm ngựa và rửa xe cộ đủ loại… để tiết kiệm, họ không dám đốt củi lửa trong những ngày mùa đông tháng giá; đang lúc ngồi học, họ phủ mền bít bùng, hai chân xỏ trong giầy gỗ.

Gioan đã sống giữa các học sinh nghèo, cũng chịu chung cảnh nghèo khó như họ. Lâu lâu mẹ Margarita lại từ Sussambrino tới để hỏi thăm tin tức nơi bà Lucia Matta. Bà góa tốt bụng thông báo toàn là những tin lành, cậu rất đạo đức và chăm học. Cậu còn tích cực giúp con trai của bà, tuy lớn hơn cậu mấy tuổi nhưng lại không thích thú gì chuyện học hành. Gioan đã trở nên bạn thân của anh ta và thậm chí đã dụ được anh ta đến nhà thờ để tạ lỗi với Chúa về thói biếng nhác việc đạo đức của anh ta.

Gioan tìm mọi cách để tham gia thanh toán tiền trọ của chính mình. Cậu đã kiếm được một khoản thu nhập mấy xu nhờ phụ việc trong xưởng thợ của một bác phó mộc thân quen cậu đã học được cách sử dụng bào, đục và bàn chà.

"Tôi học lớp 8 vừa được ba tháng, bỗng đâu xảy ra một biến cố nhỏ khiến thiên hạ xầm xì bàn tán về tôi. Hôm ấy, giáo viên La văn giảng về đời sống Angesilas của sử gia Cornélius Nepos. Xui xẻo làm sao tôi lại không đem theo cuốn sách giáo khoa có in bài văn ấy. Để che mặt giáo viên, tôi đã mở cuốn văn phạm và đặt ngay trước mặt mình. Nhưng tôi đâu có qua mặt nổi mấy người bạn ngồi kế bên. Một tên trong bọn bắt đầu hích cùi chỏ báo cho người bên cạnh, một tên khác không sao nhịn được đã cười phá lên.

- Có chuyện gì vậy?

Giáo viên Cima cất tiếng hỏi. Khi nhận thấy là hầu hết bạn bè đều nhìn về phía tôi, ông liền ra lệnh cho tôi nhắc lại những lời giảng của ông, đồng thời đọc nguyên văn bài trích giảng bằng La văn của Cornélius Nepos. Tôi lật đật đứng lên, tay cầm cuốn văn phạm, tuy vậy tôi cũng đã thành công trong việc lặp lại theo trí nhớ cả bài trích giảng bằng La văn lẫn những lời giảng giải của giáo viên. Bạn bè tôi, ngạc nhiên lẫn thán phục, tất cả đều vỗ tay hoan hô vang dội.

Tức uất người lên, giáo sư lớn tiếng la, vì đây là lần đầu tiên xảy ra tình trạng mất trật tự như vậy trong giờ ông đứng lớp. Ông vung tay tính tát tôi một cái, cũng may mà tôi đã né kịp. Rồi, đè tay lên cuốn văn phạm của tôi, ông bắt các học sinh vây quanh tôi phải kể lại nguyên văn "của tình trạng mất trật tự này".

- Bosco không có bài văn của sử gia Cornélius. Anh ấy chỉ mang theo cuốn văn phạm. Tuy vậy anh ấy cũng đã đọc lưu loát và cắt nghĩa trôi chảy như thể anh ấy đang cầm chính bản văn của Cornelius vậy.

Giáo sư nhìn kỹ cuốn sách mà mình đang đặt tay trên đó và đề nghị tôi đọc thêm hai câu trong bản văn của Cornelius. Sau đó, ông kết luận:

- Thầy tha cho em vì trí nhớ kỳ diệu của em. Số em hên lắm đó. Hãy ra sức

sử dụng tốt năng khiếu trời cho ấy.

Trí nhớ kỳ diệu của mình, Gioan đã từng chứng tỏ với Don Calosso, nhưng ở đây, tại Chieri, đã bắt đầu xảy ra những sự kiện dị thường. Một đêm kia, cậu mơ thấy mình đang làm bài tập trong một tiết học La văn. Ngay khi thức giấc, cậu liền chép lại từ đầu đến cuối bản văn mà cậu còn nhớ rất rõ và dịch ngay ra tiếng Ý với sự tiếp tay của một linh mục thân quen với mình. Đến giờ học, giáo sư ra ngay tróc bài tập ấy và Gioan đã làm xong bài phiên dịch trong một thời gian kỷ lục.

Chuyện này còn xảy ra thêm một lần nữa, nhưng dưới một dạng còn ly kỳ hơn nhiều. Gioan nộp bài làm của mình rất sớm, quá sớm. Giáo sư đọc bài, nhìn bản nháp và chưng hửng như vừa "từ trên trời rơi xuống": trên trang giấy vo nhăn nhúm có ghi cả phần bài tập mà ông đã tính ra cho học sinh nhưng vào phút chót chính ông đã tự ý cắt xén bớt vì thấy bài tập đã quá dài.

- Em lấy đâu ra bài làm này đây?

- Em đã bắt gặp nó trong lúc ngủ mơ.

Một giấc mơ: biến cố chẳng lấy gì làm quan trọng trong cuộc sống của mọi người, nhưng trong cuộc sống của Gioan Bosco, "giấc mơ" đã từng tỏ ra rất là "nặng ký". Và năm tháng càng qua đi, thì vấn đề này sẽ càng tăng thêm tầm quan trọng của nó trong cuộc sống của Gioan. Đây là một trong những điều đã và sẽ còn khiến chúng ta ngẩn ngơ, thắc mắc. Ai đã từng, trong khuôn viên của Valdocco, nghe Gioan Bosco nhỏ nhẹ thì thầm: "Cha đã mơ một giấc mơ", kẻ ấy liền vểnh tai chăm chú theo dõi. Trong mơ, vị linh mục lạ đời này đọc thấy những tội lỗi của các trẻ em, thấy trước giờ tạ thế của vua chúa, quan quyền, "đoán biết" sự nghiệp vẻ vang của một chú bé thò lò mũi xanh đang chơi ky với bạn bè.

Hội Vui

“Suốt bốn năm học đầu tiên, Gioan Bosco viết, tôi đã phải tự xoay xở để học cách ứng xử với bạn bè của mình”.

Đã có những đứa bạn xấu, bất chấp tính khắt khe về nếp sống Kitô giáo do nhà trường đề ra (mỗi học sinh đều phải nộp một “biên nhận” chứng thực có xưng tội hàng tháng). “Một tên trong bọn chúng vẻ tỏ ra trơ trẽn đến mức hắn dám xúi tôi ăn cắp một món đồ đắt tiền của bà chủ”.

Buổi đầu, Gioan đã thật sự xa lánh những phần tử bất hảo ấy để khỏi phải chịu số phận của chú chuột nằm trong móng vuốt của gã mèo quái ác. Nhưng rồi sự tăng nhanh các thành quả học tập của cậu đã sớm tạo điều kiện cho cậu có thêm với họ một dạng quan hệ khác. Sao lại không lợi dụng ngay điều ấy để mưu cầu lợi ích cho họ?

“Những người bạn trước đây đã tính xui tôi gây rối đều là những học sinh biếng nhác trong việc học hơn cả, đến nỗi họ đã bắt đầu chạy đến nhờ vả tôi làm giùm các bài tập thầy giáo ra cho cả lớp làm” .

Cậu đã giúp họ, thậm chí quá lố bởi lẽ cậu đã chuyển qua gầm bàn những bài dịch toàn bộ từ đầu đến cuối (trong kỳ thi, cậu đã có lần bị bắt quả tang đang tuồn bài như vậy, và đã chỉ thoát nạn nhờ một giáo sư có cảm tình riêng với cậu, đã chỉ phạt cậu phải làm một bài dịch La văn để đền tội).

“Nhờ biện pháp ấy, tôi đã tranh thủ được thiện cảm và tình hữu nghị của bạn bè. Họ đã bắt đầu đến gặp tôi trong các giờ ra chơi để nhờ chỉ bảo giùm các bài tập làm, rồi để nghe tôi kể chuyện và rút cuộc, chẳng cần có lý do gì họ cũng vẫn đến như thường”.

Bên nhau, ai nấy đều cảm thấy hả hê, thoải mái. Họ họp nhau thành một nhóm bạn. Gioan đặt tên cho nhóm là “Hội vui sống”. Nội qui, do chính cậu đề ra hết sức đơn giản:

Một, không làm một hành động, nói một lời lẽ nào khả dĩ khiến người Kitô hữu phải hổ thẹn.

Hai, hoàn thành tốt mọi bổn phận do nhà trường và đạo giáo đặt ra.

Ba, luôn "dzui dzẻ" trẻ trung.

Niềm vui, đối với Gioan Bosco, sẽ mãi mãi là một ý niệm cố định. Đaminh Saviô, cậu học sinh ưu ái của ngài, thậm chí đã đi tới chỗ phát biểu: "Chúng tôi thâu tóm sự thánh thiện vào việc luôn luôn vui vẻ. Chúng tôi ra sức phấn đấu tránh xa tội lỗi, vì tội cướp đi niềm vui của tâm hồn chúng ta". Đối với Gioan Bosco, niềm vui chính là sự mãn nguyện sâu sắc nảy sinh từ việc biết rõ mình đang ở trong tay Chúa, tức đang được an toàn. Đây là cách định nghĩa đơn giản về một báu vật vô giá: "Đức Cậy Kitô giáo".

"Năm 1832, giữa đám bạn bè, tôi đã trở nên như vị chỉ huy của một đạo quân nhỏ". Họ chơi đánh đáo, đi cà kheo, chạy, nhảy: đều mệt nhoài, Gioan bắt đều biểu diễn những màn ảo thuật trên một cái bàn nhỏ đặt giữa đám cỏ hoang.

"Từ trong một cái chén nhỏ, tôi làm xuất hiện hàng trăm cục tròn đầy màu sắc và hóa phép cho hàng chục trái trứng xuất hiện từ một cái bình rỗng không. Tôi móc ra từ mũi các khán giả những trái banh nhỏ, tôi đoán ngay chóc số tiền mà họ đút sâu trong túi quần áo của họ, và tôi chỉ cần đặt một ngón tay lên một đồng bạc bất cứ bằng loại kim khí nào cũng đủ để biến nó nát vụn thành cát bụi ngay tức khắc.

Cũng như ở Becchi ngày nào, toàn bộ niềm vui ấy đều kết thúc bằng những lời kinh nguyện.

"Mỗi ngày lễ trọng, chúng tôi đều kéo nhau đến nhà thờ Thánh Antôn, nơi các cha dòng Tên có dạy một khóa giáo lý tuyệt hay bằng cách viện dẫn những thí dụ mà cho đến ngày nay tôi vẫn còn nhớ mãi".

Bốn màn tỷ thí với tên mãi võ

Tuy vậy, một ngày Chúa nhật nọ, số thính giả có mặt bên trong nhà thờ Thánh Antôn đã thưa hẳn đi. Một tên mãi võ chiều hôm ấy đã đến trình diễn những

màn nhào lộn đẹp mắt và còn lên tiếng công khai thách đấu hai môn chạy đua và nhảy xa với những thanh niên nào nhanh nhẹn nhất trong toàn thành.

Bực bội vì bị bạn bè bỏ lại một mình, Gioan cũng tò mò đi coi thử. Tên mãi võ quả là một vận động viên điền kinh chính hiệu. Hắn chạy và nhảy mạnh như một cỗ máy và biết có ý định sẽ lưu lại Chieri một thời gian. Gioan tập hợp mấy người bạn thân nhất của mình.

- Nếu hắn tiếp tục tiến hành các buổi trình diễn mỗi chiều Chúa nhật, thì Hội của chúng ta có nguy cơ sẽ bị giải thể mất. Dứt khoát phải có ai đó trong số những người đứng ra tỷ thí với hắn, phải hạ bệ được hắn. Sau đó ta sẽ ra điều kiện cho hắn.

- Nhưng, ai mà hạ nổi hắn chứ?

- Chúng ta có thể kiếm ra một người nào đó. Nào có phải chuyện lấp biển vá trời gì đâu! Chẳng hạn về vụ chạy đua, tôi không tin là mình dở hơn hắn.

Gioan hồi ấy đã mười bảy và cảm thấy mình rất dồi dào, nhưng Gioan Bosco đã lập tức ghi thêm, trong thiên hồi ký của mình: "Nhưng tôi đã không lường trước được các hậu quả của lời mình nói. Một người bạn lẻo mép đã đi kể lại cho tên mãi võ, và thế là tôi bỗng nhiên bị "dính chấu" vào một cuộc tỉ thí lạ đời: một học sinh đấu với một vận động viên điền kinh chuyên nghiệp.

Địa điểm được chọn làm nơi diễn ra cuộc tỷ thí là cửa ngõ ấn vào kinh thành Torino. Vấn đề là phải xả hết tốc lực chạy xuyên suốt kinh thành. Tiền đặt cược là 20 lires. Gioan không có tiền, nhưng các hội viên đã quyên góp để đóng thay cho "đại ca". "Rất đông người dự khán cuộc tỷ thí". Gioan Bosco nhớ rõ như vậy.

Lúc xuất phát, tên mãi võ dẫn trước cả chục mét. Đây là một tay cua-rơ nước rút chạy đường trường, trong khi Gioan thật ra chỉ là một cua-rơ ở cự ly trung bình. "Rất nhanh, tôi đã rút ngắn khoảng cách và rồi tôi đã bỏ hắn rớt lại xa lắc phía sau, khiến hắn nản lòng bỏ cuộc giữa chừng và nhường phần thắng lại cho tôi".

Cuộc thách đấu đã kết thúc, nhưng tên mãi võ đòi phục thù để rửa nhục. Chấp nhận cho hắn phục thù chính là một vấn đề danh dự. Từ chối, trái lại, sẽ bị chê là ăn non, là "chó ngáp phải ruồi", là hèn.

- Ta thách mi nhảy thi, hắn nói với tôi, nhưng ta muốn đánh cá 40 lires.

- Ok.

Chính hắn chọn địa điểm: phải nhảy qua một con lạch mà bờ lạch nằm ngay dưới chân một vách tường nhỏ. Tên mãi võ bay vút lên và hai chân đáp xuống ngay bao lơn cầu. "Chẳng có cách nào nhảy xa hơn được, Gioan Bosco giải thích. Mình chỉ có thể thua chứ không thể nhảy xa hơn hắn. Tuy vậy, tôi đã cố tìm một diệu kế. Tôi cũng nhảy đúng bài bản như tên mãi võ nhưng, chống tay lên bờ tường, tôi lại tung người bật thêm một cú nữa. Nói ngắn gọn, chẳng khác gì một cú "nhảy sào" tầm thường. Cậu đã thắng cuộc.

Tên mãi võ tức sùi bọt mép, vừa vì số nhiều lires bị thua, vừa vì bị thiên hạ bắt đầu cất tiếng chê cười hắn.

- Ta thách mi một màn tỷ thí nữa. Mi muốn lựa trò kỹ xảo nào tùy thích.

- Đồng ý.

Tôi lật chiếc đũa mà trên đầu đũa có úp một cái nón và tôi đặt đũa đứng thẳng giữa lòng bàn tay của mình. Tôi điều khiển cho đũa nhảy lên đầu ngón tay út, qua đầu ngón áp út, đến đầu ngón giữa, đầu ngón trỏ, đầu ngón cái; rồi nhảy lên mu bàn tay, nhảy qua cùi chỏ, nhảy lên vai, lên cằm, lên miệng, lên mũi, lên trán. Rồi quay gót trở lui đúng theo đường cũ, chiếc đũa ngoan ngoãn quay về đứng yên giữa lòng bàn tay tôi, y hệt như lúc mới xuất phát.

- Phen này, đừng hòng ta thua mi!, hắn cam đoan với tôi.

Hắn dùng ngay cây đũa của tôi và đã vận hành nó với một kỹ xảo tuyệt vời, cho tới lúc cây đũa đáp xuống trên môi hắn. Nhưng vì chóp mũi hắn quá nhọn nên cây đũa đã bị tuột dốc, khiến hắn phải đưa tay ra hứng cho nó khỏi rơi xuống đất.

Lần này Gioan cảm thương cho tên mãi võ vì, xét cho cùng, hắn quả là một đối thủ xứng đáng. Kẻ xấu số thấy những đồng lires của mình sắp "chuyển hộ khẩu" qua túi người khác. Xót của, hắn gào lên:

- Ta còn 100 lires và ta sẽ dồn hết vào cuộc thi trèo cao. Ai đặt chân gần sát ngọn cây kia hơn cả (hắn đưa tay chỉ một cây du mọc trên đường) sẽ ẵm gọn số tiền cược.

Chúng tôi nhận lời thách đấu, và thật tình chúng tôi sẽ rất hài lòng nếu hắn giành được thắng lợi phen này, vì chúng tôi không muốn hắn bị "cháy túi".

Hắn là người leo trước. Hắn trèo và đặt chân cao tới mức chỉ cần leo cao thêm một gang tay nữa là ngọn cây sẽ gãy gập và hắn sẽ té nhào xuống trong một tai nạn khủng khiếp. Mọi người có mặt đều công nhận là không có cách nào trèo cao hơn nữa. Đến phiên tôi, tôi đã lên tới hầu như đúng tại điểm mà hắn đã đặt chân, nhưng tôi đã nắm lấy cành cây, lấy thăng bằng rồi tung người lên trồng cây chuối, nhớ vậy hai chân tôi đã vượt cao hơn chỗ hắn đã đặt chân ít nhất là một thước".

Bên dưới, những tràng pháo tay nổ vang như sấm rền. Các hội viên của tôi ai nấy đều mừng quýnh cả lên, ôm lấy nhau và nhảy múa loạn xạ. Kẻ bất hạnh mặt buồn thiu như chỉ chực khóc. Chúng tôi liền hoàn trả toàn bộ số tiền của hắn lại cho hắn, với điều kiện hắn phải đãi chúng tôi một bữa tại quán ăn Muretto, tiếng Ý có nghĩa là vách tường nhỏ.

Gioan Bosco ghi lại trên cuốn Hồi ký của mình số đồng lire họ đã hùn nhau trả cho bữa ăn tập thể: 25 lires, số đồng lire mà tên nọ đã được nhét trở lại trong hầu bao của hắn: 215 lires. Ngài cũng ghi lại những lời mà vận động viên điền kinh nói với người hầu bàn, sau khi đã hứa sẽ dời địa điểm mãi võ đến một nơi khác:

- Khi trả lại tôi số tiền này, các chú bị sạc nghiệp. Tôi rất cám ơn các chú. Tôi sẽ rất thích thú mỗi khi nhớ đến các chú và xin thề độc là sẽ không bao giờ còn

dám cá độ với các học sinh nữa.

Lần đầu đến Torino

Vượt qua cuộc thách đấu trên, Hội vui sống đã ngày càng thêm vững mạnh và tự hào với tư thế kẻ chiến thắng của mình. Kỳ nghỉ hè, toàn thể hội viên đều lên đường kéo nhau đến vùng đồi núi Superga: hái nấm, hát ca, ngoạn cảnh và còn tạt ngang Torino để chiêm ngắm "con ngựa bằng cẩm thạch" trên cầu thang của hoàng cung, cả đi lẫn về gần ba chục cây số cuốc bộ. Họ quay về, bụng đói như cào, dù có chứa đầy ắp những kỳ quan của chốn đế đô để tường thuật lại cho những người bạn kém can đảm hơn mình.

Chính trong quá trình các chuyến tham quan trên mà Gioan Bosco đã thấy Torino lần đầu trong đời mình. Kinh thành đã được mở rộng. Dân số tăng vọt theo một nhịp độ dễ gây ấn tượng: trong vòng một năm. Dân số đã tăng 1/3. Giá nhà đất và giá thuê mướn bất động sản leo thang với tốc độ chóng mặt. Tình trạng thiếu bệnh viện, thiếu nơi cư trú cho các cựu chiến binh, thiếu gia đình và trường học cho trẻ em càng ngày càng thêm bi đát.

Carlo Alberto đang lên kế hoạch phát động một cách cụ thể ngành bình dân học vụ, nhưng vị thủ tướng của ông, ngài Solaro Della Margarita (một người Công giáo cực kỳ bảo thủ) lại không nhất trí với ông: việc giảng dạy phải được giao cho các linh mục, bằng không nó sẽ biến thành con dao hai lưỡi hết sức nguy hiểm cho chính quyền.

Mùa xuân, đang khi Gioan Bosco và bạn bè rảo qua khắp các trường trung cấp ở Torino thì một linh mục, công tác tại tòa Tổng Giám mục, Don Cottlolengo đến lập cư ở vùng ven đô với 35 bệnh nhân mà không một nhà thương nào chịu cho nhập viện. Hôm ấy là ngày 21.4.1832. Tại khu vực Valdoco, cha đã thuê được một căn nhà sập sệ trước kia đã được dùng làm quán nhậu và cha đã tới đó cùng với một chú lừa, một cỗ xe thổ mộ và hai Dì Phước. Cha đã

treo trên cửa nhà một tấm biển ghi mấy chữ: "*Ngôi nhà nhỏ của Chúa quan phòng*". Việc này sẽ trở thành phép lạ tại kinh thành Torino. Cha sẽ thành công trong việc cho tá túc trên mười ngàn bệnh nhân vô phương cứu chữa, đã bị mọi người ở mọi nơi hắt hủi, xua đuổi.

Tháng sáu, Gioan Bosco lần đầu tiên được nghe đến cái tên Vincent Gioberti. Đây là một linh mục trẻ của Torino, giáo sư triết tại trường đại học. Cha đã bị tống giam vì thuộc một tổ chức bí mật chủ trương chống lại chế độ quân chủ. Cha bị kết án khổ sai và đã bị áp tải tới vùng biên giới Ý-Pháp. Mười năm sau, cha sẽ cho phát hành tại Bruxelles (Bỉ) một cuốn sách nổi tiếng: chủ quyền của dân tộc Ý. Mười tám năm sau, cha sẽ trở thành thủ tướng của Carlo Alberto.

Tại hoàng cung, nơi các hội viên Vui sống đến để sờ tận tay con ngựa bằng cẩm thạch, nhà vua đang đắn đo cân nhắc những cải tổ đầu tiên, với tốc độ rùa bò, giữa những nỗi sợ hãi và những cơn áy náy. Việc cải tổ đầu tiên đã được nhà vua duyệt ký trong năm 1832 ấy là: việc tra tấn, tàn tích của những thời đại mọi rợ cổ lổ, đã được bãi bỏ.

Chương 10: MÙA CỦA NHỮNG TÌNH BẠN CAO ĐẸP

Mùa thu 1832, Gioan Bosco bắt đầu học "khóa 3 văn phạm". Suốt hai năm sau đó, chàng đã học xong hệ chính qui các khóa được gọi là "nhân bản"(1833-1834) và "hùng biện"(1834-1835).

Chàng tiếp tục chứng tỏ mình là một học sinh xuất sắc, với trí nhớ phi thường và cực kỳ say mê sách vở. Vào thời điểm ấy, Gioan Bosco kể lại với một thoáng tiếc nuối, tôi không thấy có gì khác biệt giữa đọc và học cả. Tôi có thể dễ dàng lập lại nội dung một cuốn sách mà mình đã học. Sự chăm chú trong giờ học cũng đủ để tôi nhớ được phần cốt lõi của bài giảng. Hơn nữa, như đã được mẹ tập cho thói ngủ rất ít, tôi có thể dành 2/3 đêm dài để đọc sách, dưới ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu leo lét. Một chủ hiệu sách, tên là Elie, cho tôi thuê các sách giáo khoa Ý, với giá 1 xu/cuốn. Hầu như ngày nào tôi cũng đọc xong một cuốn.

Gioan đã mười tám tuổi, tuổi của những tình bạn sâu sắc. Trong khi vẫn tiếp tục là "xếp sòng một đạo quân nhỏ", chàng còn qui tụ quanh mình một câu lạc bộ hạn chế gồm toàn những người bạn thâm giao.

Hai cái tát dành cho Lu-y Comollo

Chàng đã có dịp biết thế nào là một cuộc ẩu đả trong lớp. Thời ấy, các giáo sư cũng đã không biết giữ đúng giờ giấc, và những phút đầu tiên của tiết học

thường biến thành một cảnh ồn ào như vỡ chợ. Trò chơi nhảy cù đạt rất nhiều thành tựu.

"Những kẻ ít ham học tập hợp cả, Gioan Bosco ghi nhận với vẻ móc mỉa, lại là những nhà vô địch nổi danh nhất lớp. Một chàng trai mới nhập học ít lâu - anh ta có vẻ như mời được mười lăm xuân xanh - thản nhiên đến chỗ ngồi của mình và mở sách ra đọc, bất chấp cảnh huyên náo chung quanh.

"Một hôm, một tên vô liêm sỉ tiến về phía anh ta, nắm lấy tay anh ta mà lôi:

- Cả cậu nữa, hãy đến với bọn tớ đi.

- Tôi đâu có biết chơi trò ấy.

- Không biết thì tập, mấy hồi. Đừng buộc tao phải đá đít mày mấy cái rồi mày mới chịu nghe lời!

- Bạn muốn đánh tôi thì cứ việc, nhưng tôi không nhúc nhích đâu.

Thằng mất dạy tặng anh ta hai cú tát nảy lửa và chát chúa rền vang cả lớp học. Trước cảnh ấy, tôi thấy máu nóng sục sôi trong huyết quản. Tôi chỉ mong kẻ bị xúc phạm trả đũa theo đúng luật giang hồ, nhất nữa vì anh ta mạnh hơn đối phương thấy rõ. Vậy mà, chẳng có gì cả. Bộ mặt đỏ bừng và rát rúa, anh ta bảo tên nọ:

- Bạn hài lòng rồi chứ? Vậy thì hãy để tôi yên thân, tôi tha cho bạn đó.

Gioan bàng hoàng như vừa bị sét đánh ngang tai. Thế này quả đúng là một hành động "anh hùng". Ngài hỏi thăm tên của anh "lính mới tò te" ấy: Lu-y Comollo. "Kể từ giây phút ấy, tôi lúc nào cũng coi anh ta là bạn thân nhất của mình, và tôi có thể nói rằng chính nhờ anh ta mà tôi đã biết thế nào là "sống đạo giữa đời".

Chàng đã khám phá ra dưới vẻ mảnh mai bên ngoài của anh ta là cả một kho báu tinh thần vô cùng phong phú, nên đã tự động đứng ra làm người bảo vệ anh ta, chống lại những học trò lỗ mãng và hung bọ.

Cây gậy sống

Hôm ấy, như thường lệ, giáo sư lại đến lớp trễ và cảnh huyên náo thường lệ lại bùng lên. "Một số đứa tính đánh Comollo và một bạn học tốt khác. Tôi lớn tiếng truyền cho chúng để hai bạn ấy yên, nhưng chúng không thèm nghe. Những lời thóa mạ bắt đầu tuôn ra, thế là:

- Đứa nào còn nói tục, chửi thề nữa sẽ biết tay ta!.

Tên lớn xác nhất và cũng là kẻ ăn nói lỗ mãng nhất liền đứng che chắn trước mặt tôi trong khi hai cái tát giòn giã giáng ngay mặt Comollo. Điên tiết, nhưng vì không thể vơ được gậy hay ghế gì cả, tôi liền nắm lấy vai một tên trong bọn khốn ấy, sử dụng nó như một "cây gậy sống", tôi luôn tay quất túi bụi vào đám đông các đối thủ trước mặt mình.

Đúng lúc ấy, giáo sư bước vào và thấy nào tay nào chân cứ thay nhau xoay vù vù trong một cảnh hỗn loạn của cõi âm ty địa ngục, ông liền bắt đầu vừa gào la vừa vung tay ban phát những cú tát phải, tát trái loạn xạ.

Khi giông bão đã có phần lắng dịu, ông liền bắt chúng tôi kể lại hết đầu đuôi ngọn nguồn vụ gây rối và, "trăm nghe không bằng một thấy", vì không sao tin nổi, ông đã yêu cầu chúng tôi "dựng lại hiện trường" vụ việc cho ông tận mắt chứng kiến. Tôi cười phá lên, các bạn khác cũng bật cười vang, khiến giáo sư ngẩn ngơ đến nỗi quên cả trừng phạt chúng tôi.

- Bạn thân mến, Comollo bảo tôi ngay khi hai chúng tôi có thể nói chuyện riêng với nhau, sức mạnh của bạn làm tôi thấy sợ quá. Chúa đâu có ban cho bạn sức mạnh ấy để bạn tàn sát bạn bè. Ngài muốn chúng ta tha thứ và mưu ích cho những kẻ xử tệ với chúng ta mà.

Gioan nghe lời, rồi nối gót Comollo, bước vào tòa giải tội. Câu phúc âm: "Ai tát con má bên này, hãy chìa luôn má bên kia cho họ". Không phải là một lệnh truyền mà chàng sẽ dễ dàng tiếp thu. Chàng sẽ ép mình tuân thủ với tất cả sức

mạnh của ý chí, nhưng câu ấy chẳng bao giờ thích hợp với cá tính của chàng. Hẳn là chàng sẽ rất thường lặp lại cho chính mình, những lời lẽ trong giấc mơ năm nào: "Không phải nhờ những cú đấm đá mà con sẽ thu phục được bạn bè đâu, mà chính là nhờ đức ái".

Hầu bàn

Cuối năm học 1832-1833, con trai bà Lucia Matta đã kết thúc việc ăn học. Gioan đành phải đi tìm một chỗ khác để ở trọ. Một người bạn thân của gia đình chàng, ông Gioan Pianta, có mở một quán cà phê ở Chieri, đã đề nghị với chàng một chân hầu bàn. Chàng sẽ phải lau chùi nhà cửa mỗi sáng trước khi lên đường đến trường và chiều tối thì phải trực tại quầy hoặc trong phòng bi da. Đổi lại, ông Pianta cho chàng mỗi ngày hai bữa xúp, cộng thêm chỗ ở.

Gioan chấp thuận bởi chàng không kiếm được chỗ nào khá hơn. Những ngày dài lao động, những đêm khuya bên bàn bi da, để ghi lại điểm lên một bảng đá.

Năm 1888 (tức gần năm chục năm sau), ông Pianta vẫn còn nhớ: "Không thể nào kiếm được một người hầu bàn giỏi hơn Gioan Bosco. Sáng nào anh ta cũng đến giúp lễ tại nhà thờ Thánh Antôn. Trong nhà tôi có bà mẹ già đau yếu, đức ái mà anh ta chứng tỏ với bà ấy thật đáng khâm phục".

Cách đối xử mà ông chủ "cá mập" này áp đặt lên người đầy tớ mười tám tuổi của mình thì, ngược lại, chẳng đáng khâm phục tí nào: Gioan đã phải chuẩn bị cà phê, sô-cô-la, bánh ngọt và kem, vậy mà ông chủ chỉ thí cho chàng độc nhaát một món súp. Chính mẹ Margarita là người luôn luôn phải đem bánh mì từ xóm Becchi tới và bổ sung cho lương thực hằng ngày của con trai mình. Chỗ ở mà ông ta cung cấp cho chàng chỉ là một "cái hang nhỏ xíu" dưới gầm một lò nướng bánh, với một cầu thang hẹp dẫn xuống đó. Khi chàng ngả lưng trên giường, đôi chân chàng thò hẳn ra ngoài cả nệm rơm lẫn cửa ra vào của cái "hang chuột".

Jacques Lévi, gọi là bạn Giona

Tại trường mà Gioan theo học còn có cả một số trẻ em Do Thái cũng đến học. Chiếu theo các pháp lệnh do Charles-Felix ban hành, dân Do Thái sống tại các thành phố đều phải cư trú trong một khu phố cách ly với khu phố của người Công giáo: gọi là Khu Tập Trung Do thái. Họ được "dung dưỡng", nghĩa là được coi như những công dân hạng nhì. Trẻ con, hàng tuần, đều phải chịu một mối hận lớn: niềm tin của chúng nghiêm cấm mọi hình thức lao động vào ngày thứ bảy hàng tuần, tức ngày Sabbat, tất cả mọi việc, kể cả việc làm các bài tập do nhà trường ra cho học sinh các lớp; chúng phải lựa chọn: hành động trái với lương tâm hoặc cam chịu điểm xấu và bị chúng bạn chê cười.

Gioan thường "ra tay nghĩa hiệp" giúp đỡ chúng, bằng cách soạn thảo bài tập của ngày thứ bảy thay cho chúng. Chàng đã trở thành bạn thân của một đứa trong bọn chúng: Jacques Lévi, mà bạn bè đặt cho bí danh "Jonas". Cả hai đều giống nhau ở một điểm: họ đều mồ côi cha.

Gioan Bosco ôn lại tình bạn này bằng những lời lẽ đầy cảm kích, rất bình thường đối với ngài: "Anh ta rất bảnh trai, hát bằng một giọng truyền cảm ít ai sánh bằng. Anh ta chơi bi da rất cừ. Tôi đã dành cho anh ta một sự thân thương rất sâu đậm và tôi đã là người bạn lớn nhất của anh ta. Rảnh rỗi được lúc nào, "Jonas" liền tranh thủ lại nhà tôi chơi ngay lúc ấy. Chúng tôi đã cùng nhau giết thì giờ bằng cách ca hát với nhau chơi đàn Piano, đọc sách hoặc tán gấu thật hào hứng.

Tình bạn này, nồng nàn và trong sáng, chứng tỏ là trái tim của Gioan chẳng những không khô cằn mà còn không biết sợ là gì.

Ta không rõ "sự rối loạn" nào có kèm theo cãi cọ hoặc ẩu đả có thể có những hậu quả nghiêm trọng tới mức đã gây nên một cơn khủng hoảng nơi chàng trai Do Thái. Gioan, không phải do nhiệt tình muốn dụ người khác theo đạo mà là

do tình thân thương, đã đề nghị với bạn mình cái quí giá nhất mà mình đang có: niềm tin của mình. Chàng cho "Jonas" mượn cuốn Giáo lý của mình. "Chỉ trong mấy tháng, anh ta đã học được những chân lý cơ bản của Đức tin. Anh ta rất hài lòng về điều đó và càng ngày càng tiến bộ, trong cách nói năng cũng như trong tác phong hạnh kiểm".

Tấm bi kịch gia ñình (không sao tránh khỏi) đã bùng nổ khi bà mẹ Do Thái phát hiện ra cuốn Giáo Lý Coâng Giaùo trong phòng ngủ của con trai mình. Bà có cảm tưởng đã mất luôn cả đứa con sau khi đã góa chồng. Bà không tiếc lời chửi rủa Gioan và công khai tuyên bố ngay mặt chàng với tất cả nỗi cay cú:

- Mày đã hủ hóa con trai bà!

Gioan ra sức biện minh nhưng chẳng đi ñeán đâu cả. Bị hù dọa bởi họ hàng thân thuộc cũng như vị Rabbi (giáo sĩ đạo Do Thái), "Jonas" đã buộc lòng phải xa gia đình một thời gian. Rồi tình hình dần dần lắng dịu. Ngày 10 tháng 8, tại nhà thờ Chieri, chàng trai người Do Thái đã lãnh nhận Bí tích Rửa tội. Văn kiện chính thức, được giữ lại trong kho văn thư lưu trữ, chứng nhận: "Tôi, Sèbastien Sehioppo, thần học gia và linh mục công tác tại Tòa Tổng Giám Mục, được phép của Đức Tổng Giám Mục giáo phận Torino, tôi đã long trọng rửa tội cho chàng thanh niên người Do Thái tên Lèvi, mười tám tuổi, và đã đặt cho anh ta teân thánh là Lu-y.."

"Jonas" sẽ mãi mãi là người bạn trung kiên của Gioan Bosco. Đến năm 1880, ông ta vẫn còn đến thăm ngài ở Valdocco và họ đã cùng ôn lại với nhau "những ngày xưa thân ái".

Những trái táo của ông Blanchard

Món súp của ông Pianta đã hẳn là không đủ để làm dịu cơn đói cồn cào của cái tuổi 18 của Gioan Bosco. Ròng rã bấy nhiêu năm dài, chàng thường xuyên bị cơn đói dằn vặt. Một người trong đám bạn trẻ của chàng, Giuse Blanchard, vẫn

thường nhận thấy điều ấy và thường lại nhà thân mẫu của mình là người bán trái cây để nhét đầy các túi những trái táo tây và những hạt dẻ. Bà mẹ thấy hết nhưng giả bộ như không hay biết gì. Nhiều lần, lúc ngồi vào bàn ăn, cũng vì lý do đó, Giuse đã vét sạch dĩa đựng trái cây tráng miệng. Một hôm, Leandre, em trai của Giuse, đã tức tối la lên:

Mẹ có đui không đấy? Anh Giuse, anh ấy đã "chôm" của mẹ cả bao nhiêu ký trái cây rồi mà mẹ chẳng biết gì cả.

Mẹ biết thừa đi chứ, bà mẹ đáp lại, nhưng mẹ biết rõ anh con đem những thứ ấy đi cho ai. Cậu Gioan ấy là một chàng trai tốt mà đói bụng là điều rất cực đối với độ tuổi của cậu ấy.

Tuy đói khổ, nhưng Gioan vẫn tìm ra tiền để thuê sách ở hiệu sách Elie. Chàng tiếp tục đọc vào buổi tối. Ông Pianta ghi nhận điều ấy, ông đã đứng ra làm chứng: "Anh ta thường thức trắng đêm để học. Sáng ra, tôi thấy anh ta vẫn còn ngồi học dưới ngọn đèn thắp sáng". (Ai mà biết được điều gì đã gây ấn tượng cho ông ta hơn cả: ý chí của chàng trai hay lượng dầu tiêu thụ bởi ngọn đèn?). Gioan Bosco cũng còn nhớ những đêm ấy: "Đã từng xảy ra là lúc thức dậy, tôi thấy mình vẫn còn cầm trên tay cuốn sách bắt đầu tối hôm trước". Nhưng ngài nói tiếp: "Việc này làm hao mòn nghiêm trọng sức khỏe của tôi. Vì lẽ đó, tôi sẽ luôn luôn khuyên nên làm những gì hợp với khả năng của mình và chỉ bấy nhiêu đó mà thôi. Tôi đã phải trả giá đắt để phát hiện ra rằng đêm tối được dựng nên là để ngủ".

Gioan Bosco không phải là một hiện tượng lạ. Đây là một thiếu niên đầy thiện chí và đầy nôn nóng. Sự nôn nóng và ý thức về những hạn chế (vì điều này xảy ra cho hết mọi người), cuộc sống sẽ từng bước dạy cho Gioan.

Chương 11: TUỔI HAI MƯƠI

Tháng ba năm 1834, lúc chàng sắp kết thúc năm học "nhân bản", Gioan đến trình diện với các cha dòng Phanxicô để xin được nhận vào dòng tu của họ.

Một bạn học cùng trường, Eugène Nicco, mang câu trả lời đến cho chàng:

- Tu viện Nữ Vương Các Thánh Thiên Thần đang đợi bạn đến đó.

Chàng đã đi bộ tới đó. Trong sổ danh bộ đăng ký nhập tu viện, ta đọc thấy: "Cậu Gioan Bosco, quê ở Castelnuovo, đã đươc nhận ngày 18 tháng 4 năm 1834 cho nhập học với đa số tuyệt đối, vì có mọi phẩm chất cần và đủ".

Lập tức, Gioan liền chuẩn bị hồ sơ để gia nhập tu viện Nữ Vương Các Thiên Thần, tu viện của sự bình an ở Chieri.

Vì sao chàng đã hạ quyết tâm trên?

Gioan đã mười chín tuổi. Chàng ý thức được đây là thời điểm để tự quyết cho đời mình. Chàng đã mỏi mệt và đã đau khổ vì khát vọng muốn trở thành linh mục. Nhưng suốt mấy tháng gần đây chàng đã phải mặt đối mặt với một số vấn đề.

Tính sổ với sự nghèo khó

Trước hết là sự nghèo khó. Chàng hết còn đồng ý chất hết gánh nặng của cảnh nghèo lên đôi vai gầy của thân mẫu. Hôm ấy cậu đã tâm sự với Evasio Saviô, một người bạn đồng hương:

- Mẹ tôi làm sao mà có thể giúp tôi theo đuổi việc học được nữa!

Chàng đã bàn về vấn đề ấy với mấy tu sĩ Phanxicô vì rất thân quen với chàng, họ đã lập tức đề nghị:

- Bạn hãy đến với tu viện của bọn tôi đi.

Chuyện sẽ không xảy ra như vậy đối với khoản tiền mà các tập sinh được kêu gọi phải đóng lúc nhập học. Người sẽ áp dụng một ngoại lệ cho Gioan Bosco.

Cũng còn có vấn đề khác nữa. Chúng ta đọc thấy trong Hồi Ký Nguyện Xá: "Sau khi suy nghĩ một mình, tôi cho rằng: nếu tôi làm linh mục triều, ơn gọi của tôi sẽ liền gặp nguy hiểm đắm chìm mất" đây không phải là một điều tính toán do sự bối rối, mà là một nỗi sợ hoang mang. Như cha Stella viết: Trong những năm đóng hề giáo sĩ chính là một cái gì đó đáng phải sợ. Nhiều người đã đảm nhận "nghề" giáo sĩ không phải vì những lý do tôn giáo, mà là những toan tính nhân loại, để đảm bảo tương lai cho bản thân mình. Sự trống rỗng nội tâm và sự hời hợt tu trì chính là điều được caûm nhận như là một sự dữ".

Dấu hiệu của mối nguy hiểm này chính là con số thái quá của các chủng sinh: từ 250 trong năm 1834 đã lên đến 565 trong năm 1840 đối với thành phố Torino, Chieri và Bra. Số chủng sinh tới học ban ngày là 207. Chính Don Bosco cũng nhớ lại là có 20 tới 24 bạn cùng lớp với ngài đã ghi danh vào chủng viện để đi học văn chương.

Vậy có nhiều người vào chủng viện, thì cũng có nhiều trường hợp từ bỏ chức linh mục. Nhiều người coi chủng viện là con đường ngắn dẫn tới một chỗ dạy học hay việc có được một nghề nghiệp trong guồng máy nhà nước.

Để giới hạn lại sự dữ, các Đức Giám Mục đã cố gắng giới hạn con số các chủng sinh học ban ngày, vì họ tham gia lớp học và các việc phụng vụ, nhưng cũng đồng thời gây nhiễu nhương môi trường tu trì với một số lượng nhất định của tinh thần thế tục.

Một người đàn bà với khăn choàng vai màu đen

Mấy ngày cuối tháng 4 năm 1834, Gioan đến ra mắt cha xứ của mình ở Castelnuovo với mục đích xin những giấy tờ cần phải nộp để gia nhập tu viện. Don Dasano nhìn chàng sửng sốt:

- Con mà vào tu viện à? Con đã nghĩ kỹ chưa đấy?

- Con thấy hình như là rồi ạ.

Mấy hôm sau, Don Dasano lên trại Sussambirino. Ngài trò chuyện với mẹ Margarita:

- Gioan nó muốn làm linh mục dòng Phanxicô. Bản thân tôi chẳng có gì để kỳ thị các linh mục dòng, nhưng tôi thấy dường như con trai bà thích hợp với công tác của một họ đạo hơn. Nó có tài ăn nói, biết cách lôi kéo sự chú ý của lớp trẻ, biết cách tranh thủ cảm tình của mọi người. Vậy thì, có lý do nào lại đến mai danh ẩn tích trong một tu viện chứ! Vả lại, bà Margarita à, tôi muốn nói thẳng với bà, bà đâu có dư giả gì, mà bà cũng đã lớn tuổi rồi. Một đứa con trai làm cha xứ, khi bà không còn khả năng lao động, sẽ có thể giúp đỡ cho bà phần nào, còn một đứa con trai làm linh mục dòng sẽ là một mất mát đối với bà. Tôi tin là bà nên tác động đến nó nhằm chuyển hướng dự tính ấy, và tôi nghĩ là mình đã nói vậy chỉ vì lợi ích của bà.

Mẹ Margarita vắt một tấm khăn quàng lên vai và lên đường tới Chieri.

- Cha xứ đã đến nói với mẹ là con tính vào Tu Viện, thật không đấy?

- Thật, mẹ ạ! Con hy vọng là mẹ không có gì chống đối lại khát vọng ấy.

- Hãy nghe mẹ nói đây, Gioan. Mẹ muốn là con hãy suy nghĩ một cách nghiêm túc và bình tĩnh. Khi con đã hạ quyết tâm rồi, thì hãy đi theo con đường của mình mà khỏi còn lo cho bất cứ ai. Điều cốt yếu, đó là con hãy chấp hành thánh ý của Chúa. Cha xứ muốn rằng mẹ sẽ làm con đổi ý vì sau này mẹ có thể sẽ cần đến con. Nhưng riêng mẹ, mẹ nói thẳng với con là: trong vụ việc này,

không có vấn đề mẹ con gì cả. Thiên Chúa là trên hết. Mẹ chẳng muốn gì, chẳng trông mong gì con cả. Mẹ đã sinh ra nghèo khó, mẹ đã sống nghèo khó, mẹ muốn chết nghèo khó. Và thậm chí mẹ còn nói ngay với con là: nếu con trở thành linh mục và giả như mà con chẳng may mà trở nên giàu có thì mẹ sẽ không bao giờ còn đặt chân tới nhà con nữa đâu. Con hãy nhớ kỹ như vậy.

Bà mẹ quê với tấm khăn choàng vai màu đen ấy, mang trong tiếng nói cả một giọng kiên quyết và trên gương mặt, cả một vẻ cương nghị. Những lời ấy, Gioan Bosco suốt đời chẳng bao giờ quên.

Một giấc mơ lạ

Gioan sắp sửa đi đến một quyết định thì sự bất ngờ đã diễn ra: "Mấy hôm trước ngày nhập học, tôi đã mơ một giấc mơ lạ. Tôi thấy một đám đông gồm vô số các thầy tu quần áo rách tả tơi. Họ chạy lăng xăng khắp các hướng. Một người trong bọn họ chợt đến gần tôi và nói: Anh đang đi tìm sự bình an, nhưng anh sẽ chẳng tìm được bình an ở đây đâu. Chúa đang dọn sẵn cho anh một chỗ khác và ở một nhà khác".

Một giấc mơ, chuyện viễn vông "chẳng ra gì" trong đời thường. Nhưng Gioan đã phải nhìn nhận rằng các giấc mơ đều là những biến cố trọng đại đối với mình, dù đôi khi chúng có gây phiền hà khó xử chăng nữa.

Làm sao đây, chàng liền rút quyết định của mình lại và tiếp tục theo đuổi việc học ở trường công lập. Nhưng chàng không thể nào dời lại hoài đến một thời hạn vô hạn định. Một hôm, chàng tâm sự với Lu-y Comollo và từ một vị thánh như bạn của mình, chàng đã nhận được một lời khuyên hết sức bài bản: làm tuần chín ngày, viết một lá thư cho cậu của tôi, hiện đang là cha xứ; sau đó, nhắm mắt nhắm mũi nghe theo lời khuyên bảo.

"Ngày cuối tuần, Gioan Bosco nhớ lại, tôi đã xưng tội và rước lễ cùng lúc với bạn mình, rồi tôi đã dự một thánh lễ và giúp lễ cho một lễ nữa tại bàn thờ Đức

Mẹ Ban Ơn. Về đến nhà chúng tôi bắt gặp một lá thư của Don Comollo (cậu của Lu-y) với mấy hàng chữ: "Sau khi đắn đo cân nhắc, có thể khuyên bạn của cháu đừng vào tu viện. Mong rằng anh ta sẽ mặc lấy áo chùng thâm".

Sao không đến hỏi ý kiến Don Cafasso

"Mặc áo chùng thâm" có nghĩa là phải trở thành chủng sinh. Nhưng còn vấn đề số một: đào đâu ra tiền!

Anh bạn Evasi Saviô của chàng gợi ý:

- Bạn hãy đến xin lời khuyên bảo của Don Cafasso ở Torino. Cha ấy tuy còn trẻ, nhưng đó là vị linh mục tài danh hơn cả trong số các con dân của quê hương Castelnuovo.

Don Cafasso hồi ấy mới hai mươi ba xuân xanh, nhưng cha đã từng được coi như một "cha linh hướng" lỗi lạc. Rất nhiều người, lo âu hoặc bối rối, thường đến gặp cha để nghe theo những lời chỉ dạy của cha. Cha đang sống ở Torino, tại nhà an dưỡng của các giáo sĩ và vừa theo học khóa bồi dưỡng về thần học, vừa chăm lo cho các bệnh nhân và các tù nhân.

Gioan lên đường và trình bày với cha các rắc rối của mình. Với vẻ rất thản nhiên và không mảy may do dự, Don Cafasso bảo rằng:

- Anh hãy học cho xong khóa hùng biện của mình rồi hãy vào chủng viện. Chúa Quan Phòng sẽ cho anh biết Ngài muốn gì ở anh. Về vấn đề tiền bạc, anh hãy yên chí: có người sẽ chu cấp cho anh.

Trong cuộc gặp gỡ ấy, Gioan đã tìm ra yếu tố sẽ đem lại thế quân bình cho đời mình. Tính khí hung hăng của chàng sẽ làm chàng sống giữa những giấc mơ, những đề án, những nghi ngại, những thành tựu, những thất vọng não nề. Kế bên chàng, bình thản mà đầy khích lệ. Don Cafasso sẽ là người bạn kín miệng, là vị cố vấn khôn ngoan, là vị ân nhân thầm lặng.

Chủng viện Chieri chỉ mới mở vào năm 1829. Đức Tổng Giám Mục Torino, Colombano Chiarevoli, muốn các linh mục tương lai có một nơi trầm lặng, hầu như là đan viện, tách lìa xa khỏi thế giới ồn ào của thành phố Torino. Gioan Bosco vào đó như là một chủng sinh "nội trú", sẵn sàng sống trong một hoàn cảnh khắc khổ. Cha Cafasso đã khuyên Gioan như thế, và cha bạn của cha là nhà thần học Guala trả học phí cho Gioan trong năm thứ nhất.

Đáng lý Gioan phải dự thi nhập học tại Torino. Nhưng thành phố đang bị nạn dịch tả đe dọa (một nạn dịch hầu như hằng năm xẩy ra khuấy động mùa hè nóng nẩy). Khách lai vãng đều bị bó buộc phải chịu sự cư trú tách biệt trong vòng một số ngày. Cho nên dịp thi nhập học được thực hiện tại Chieri, và Gioan qua kỳ thi dễ dàng.

Gioan đã qua những ngày nghỉ hè cuối cùng tại Sussambrino [quê ngoại] và tại Castelnuovo gần gũi với cha xứ.

Cậu đã viết: "Trong mùa hè đó tôi không còn làm xiếc nữa, và tôi dành thời giờ để đọc sách vở tốt. Nhưng tôi vẫn chăm lo cho các trẻ em, kể chuyện, tập hát và tổ chức trò chơi cho chúng. Nhiều em trong số chúng, kể cả các em lớn tuổi, không biết những chân lý đức tin và kinh nguyện hằng ngày. Đấy chính là một hình thức nào đó của Nguyện Xá. Khoảng năm mươi em yêu mến tôi và vâng lời tôi, chúng coi tôi như thể người cha của chúng".

Chương 12: CHỦNG VIỆN NHỮNG ĐIỂM SÁNG VÀ ĐIỂM TỐI

Mặc áo chùng thâm, vào thời ấy là vượt quá một bước quan trọng. Chàng trai cởi bỏ những áo quần giống với y phục mọi người vẫn mặc và khoác lên mình một chiếc áo chùng thâm phủ kín từ vai xuống tận gót chân.

Hành động có tính cách công khai và có nghĩa trước mặt mọi người là: "Tôi đang nuôi ý định làm linh mục và sống phù hợp với cách sống của một linh mục".

"Khi cha xứ, Don Cinzano, truyền cho tôi cởi bỏ bộ đồ thường dân mà tôi đang mặc: Xin Thiên Chúa lột bỏ con khỏi con người cũ, khỏi các thói quen của nó và các kiểu cách của nó, tôi đã thầm nghĩ trong lòng "Lạy Chúa, lạy Chúa, xin triệt hạ mọi thói hư tật xấu của con". Khi trao cho tôi cổ côn, cha xứ nói thêm:

- Xin Thiên Chúa mặc cho con con người mới, được dựng nên theo con tim của Chúa, trong sự công chính, trong chân lý và trong sự thánh thiện.

Tôi họa theo trong nội tâm: "Lạy Chúa, xin cho con thật sự bắt đầu một cuộc sống mới, theo thánh ý Chúa. Lạy Đức Trinh Nữ Maria, xin phù hộ cho con".

Bảy quyết định làm đảo lộn cuộc sống

Sau thánh lễ, bất ngờ Don Cinzano rủ Gioan theo mình đến thị trấn Bardello nhằm đúng ngày lễ bổn mạng của địa phương.

“Tôi miễn cưỡng đi theo để khỏi làm ngài phật lòng. Đây không phải là điều thích thú đối với tôi. Tôi có vẻ là một con rối vừa được tân trang lại. Tôi đã bỏ ra mấy tuần liền để chuẩn bị cho ngày hôm ấy mà lại chợt thấy mình ở giữa một đám đông người xúm nhau lại để cười cợt, để tán dóc, để ăn nhậu và đùa giỡn. Những chuyện ấy nào có dính líu với kẻ, mới cách đó vài giờ, để khoác lên mình tấm áo của sự thánh thiện ngõ hầu tận hiến trọn vẹn cho Chúa?

Trên đường về, cha xứ hỏi tôi lý do tại sao lúc nào tôi cũng có vẻ đăm chiêu tư lự. Tôi đã trả lời rất thẳng thắn rằng lễ nghi hồi sáng này hoàn toàn tương phản với những gì xảy ra sau đó. Sau khi tận mắt chứng kiến mấy vị linh mục làm trò hề giữa đám thực khách đã ngà ngà say, tôi tự nhiên cảm thấy ứ hơi:

- Giá như con mà biết là mình phải trở nên linh mục như mấy cha ấy, thì chẳng thà con giục bỏ bộ đồ này đi cho rồi.

Suốt bốn ngày trước ngày gia nhập chủng viện, Gioan đã ra sức tập trung tư tưởng trong thinh lặng và trong sự nguyện ngắm. Chàng đã ghi lại bảy điều quyết định biểu hiện một “đảo lộn” trong lối sống của mình:

1. Tôi sẽ không đi coi các vũ hội, các kịch tuồng, các buổi trình diễn công cộng.
2. Tôi sẽ không trổ tài làm trò ảo thuật và hát xiếc nữa và tôi cũng không đi săn bắn nữa.
3. Tôi sẽ tiết giảm trong việc ăn, uống và ngủ nghỉ.
4. Tôi sẽ đọc các sách báo đạo.
5. Tôi sẽ đấu tranh chống lại những tư tưởng, những lời lẽ và việc đọc những sách báo đối nghịch với đức khiết trinh.
6. Ngày nào tôi cũng sẽ dành chút ít thời giờ cho việc nguyện ngắm và việc đọc sách thiêng liêng.
7. Ngày nào tôi cũng sẽ kể lại những hành động và những tư tưởng khả dĩ

mưu ích cho người khác.

"Tôi sẽ đến trước một bức ảnh Đức Mẹ Maria và tôi sẽ long trọng hứa sẽ chấp hành các quyết tâm trên dù có phải hy sinh đến đâu cũng sẵn sàng cam chịu".

Gioan Bosco không phải lúc nào cũng thành công trong việc ấy, vì chàng cũng là một con người phàm có máu thịt và có hệ thần kinh như tất cả chúng ta; nhưng "cú bẻ lái" đã được chàng phát động để định hướng cho mình giữa biển đời dậy sóng không biết đâu là bến bờ.

Những lời ấy, tôi sẽ không bao giờ quên

Ngày 30 tháng 10, Gioan phải có mặt ở chủng viện. Tối hôm trước, tại Sussambrino, chàng xếp gọn vào chiếc va-li nhỏ mớ hành trang mà mẹ Margarita đã sắm sửa cho con trai của bà: "Mẹ tôi, ngài viết, đăm đăm nhìn tôi như có điều gì muốn nói. Đột nhiên, bà gọi tôi ra riêng một chỗ và bảo:

- Gioan à, con nay đã mặc bộ đồ của linh mục. Mẹ đang cảm thấy tất cả niềm vui mà một người mẹ có thể cảm nhận được. Tuy nhiên, con phải nhớ là không phải áo quần làm cho con được trọng vọng (chiếc áo không làm nên thầy tu) mà chính là đức hạnh. Giả sử, có ngày nào đó, con nghi ngờ về ơn kêu gọi của mình thì xin con, vì lòng mến Chúa, chớ có gây ô nhục cho tấm áo này, hãy lập tức cởi bỏ nó ra. Mẹ thích chẳng thà con trai của mẹ là một người dân quê hơn là một linh mục biếng trễ với các bổn phận của mình. Ngày con chào đời, mẹ đã dâng con cho Đức Mẹ. Khi con bắt đầu đi học, mẹ đã dạy con phải hết lòng kính yêu người Mẹ ấy, vì Ngài chính là Mẹ thật của chúng ta. Giờ đây mẹ nhắn nhủ con, Gioan à, hãy thuộc hẳn vào Ngài một cách trọn vẹn.

Nói dứt những lời trên, mẹ tôi tỏ ra rất xúc động. Mắt tôi rưng rưng ngấn lệ, tôi đáp lại:

- Mẹ, con xin cảm ơn mẹ vì tất cả những gì mẹ đã làm cho con. Con sẽ không bao giờ quên những gì mẹ vừa nói với con.

Thật sớm, sáng hôm sau, tôi đã lên đường đi Chieri và chiều tối cùng ngày tôi đã gia nhập chủng viện".

Từ trên một vách tường quét vôi trắng, một mặt kính của chiếc đồng hồ mặt trời gửi đến chàng lời chào đầu tiên của chủng viện. Trên mặt kính người ta đọc thấy: *Afflictis lentae, celeres gaudentibus horae*, tức là "Đối với những kẻ rầu rĩ, thời gian trôi chậm, nhưng với những người vui vẻ, nó trôi nhanh". Đây là một lời khuyên tốt dành cho chàng trai sắp sống sáu năm liền trong khuôn viên mấy bức tường này.

Một thời biểu sắt thép

Thời biểu hằng ngày rất mực chuẩn xác, hầu như từng phút một. Nó được tính chi li trên một tấm pa-nô đặt trong một góc sân, gần một quả chuông: một chuỗi những giờ, những nửa giờ, những khắc. Mỗi khi có thay đổi, người giữ giờ đến bên chuông và đánh chuông. Nghe hiệu chuông ấy, cộng thể ra, vào, được phép nói, chìm trong yên lặng, học tập, cầu nguyện. Điều trước tiên mà người ta học được khi vượt qua cánh cửa này, ấy là tiếng chuông là tiếng Chúa.

Một ngày sống như vậy thoạt đầu rất kích thích, thậm chí còn khiến cho người ta phấn khởi nữa. Nhưng cứ như vậy ngày này qua ngày khác trong suốt 8 tháng trời, thì thaät là quá nhàm chán.

Thời khóa biểu chia cắt giờ giấc trong ngày tại chủng viện Chieri đã được qui định rất khắt khe bởi Vua Carlô Félix cho tất cả mọi trường học trong Vương quốc. Ngay cả các Hoàng Tử cũng phải tuân thủ thời khóa biểu ấy.

Ta có thể có một ý niệm về vấn đề này khi duyệt qua thời biểu mà tại Hoàng Cung Torino, Hoàng Thái Tử Victor Emmanuel, 15 tuổi vào năm 1835, đã từng phải tuân thủ:

“Thức giấc lúc 5 giờ, thánh lễ lúc 7 giờ, học từ 9 đến 12 giờ, ăn trưa; từ 14 đến 19 giờ ba möôi: làm bài vở nhà trường, ăn tối; 21 giờ: kinh nguyện và đi ngủ. Sáng Chúa Nhật, dự hai thánh lễ: một lễ “dự thinh lặng”, trước bữa điểm tâm, tại nhà nguyện trong Hoàng Cung; một lễ trọng tại nhà thờ chính tòa, sau bữa điểm tâm”.

Tại chủng viện, khác với hoàng cung, thánh lễ hằng ngày được tiếp theo bởi nguyện ngắm và chuỗi tràng hạt thứ ba. Tại bàn cơm không được nói chuyện, và phải nghe đọc “Lịch sử Hội Thánh” của Bercastel, và được đọc theo phiên, từ trên tòa đọc sách.

Lương thực cực kỳ thanh đạm. “Ăn để mà sống, chứ không phải sống để ăn” là một trong những câu châm ngôn được lặp lại thường hơn cả.

Giờ ra chơi là một thời điểm nới lỏng đôi chút sự căng thẳng của các thanh niên ấy. Gioan Bosco còn nhớ những ván bài rất hào hứng mà mình đã chơi: “Tôi không phải một tay giỏi đánh bài, vậy mà hầu như ván nào tôi cũng ăn. Đến cuối cuộc chơi, hai tay tôi đầy ắp những tiền; nhưng, nhìn bạn bè rầu rĩ vì thua bài, tôi cảm thấy còn rầu hơn cả chính họ nữa. Ngoài ra, vì cứ mãi dán chặt đầu óc vào các lá bài, nên riết rồi lúc nào tôi cũng bị ám ảnh bởi con già rô và con bồi bích trong lúc làm bài, học bài, cũng như trong giờ kinh nguyện. Vì lẽ đó, vào giữa năm triết thứ hai, tôi đã hạ quyết tâm cắt đứt hẳn với bài bạc.

Sau này, với các tu sĩ Salêdiêng của ngài, Don Bosco cũng đã rất nghiêm khắc đối với vấn đề bài bạc. “Người ta lãng phí bao nhiêu giờ đồng hồ, ngài nói, còn đối với chúng ta, thời gian của chúng ta, chúng ta phải dành cả cho các trẻ em. Bao giờ tôi chẳng còn gì để làm nữa, lúc ấy tôi sẽ đánh bài”.

Các điểm tối của chủng viện

Dần dà với những ngày tháng qua đi, Gioan khám phá trong cuộc sống của chủng viện có nhiều điểm đen:

Trước tiên là chính điều đã khuấy động Gioan ngay tại Castelnuovo: Các bề trên giữ thái độ xa lánh. Để cứu vãn sự tôn trọng và sự đáng kinh của mình, các ngài sống xa với con chiên. "Các chủng sinh tới chào thăm cha Giám đốc và các bề trên khác vào đầu năm học và trước khi đi nghỉ hè mà thôi. Không có bề trên nào lại gần nói chuyện với các chủng sinh, trừ khi phải lên tiếng quở mắng các chủng sinh thôi. Khi có bề trên nào lại gần các chủng sinh, thì người này, người kia lần lượt lẩn trốn. Có biết bao nhiêu lần tôi muốn nói với các ngài, xin các ngài những lời khuyên…"

Cha Pietro Stella bình luận rằng: "Gioan Bosco không chỉ xin một sự chấp thuận chính thức, thầy muốn xin nhiều hơn: đó là sự ân cần, một sự biểu lộ tình thân ái mà thầy có đối với các ngài. Chính tình ưu ái tạo nên một bầu khí hoã tương của "niềm vui", sự thân thiện", "chia sẻ niềm vui", đồng cảm và thiện cảm, là những nét nói lên tất cả bản chất của con người Gioan Bosco". Để thiết lập dòng đồng cảm này, Don Bosco cho rằng thiết yếu phải có sự hiện diện thể lý bên nhau giữa các nhà giáo dục và các bạn trẻ. Ngài thâm tín đến độ coi đây là yếu tố thiết yếu của hệ thống giáo dục của ngài.

"Điểm đen thứ hai" là điều Gioan Bosco nhận thấy nơi một số bạn chủng sinh. Có rất nhiều các chủng sinh có nhân đức gương mẫu", nhưng cũng có "những người nguy hiểm", nói "những chuyện xấu xa", và đưa vào trong chủng viện những sách xấu và bẩn thỉu".

Một nỗi chua chát khác là việc chủng viện cấm chịu lễ thường xuyên. "Việc chịu lễ chỉ có thể được tiếp nhận vào lễ Chúa Nhật hay trong các dịp lễ trọng". Để nuôi dưỡng mình bằng Thánh Thể trong tuần, thì "cần phải làm một việc bất tuân phục".

Vào buổi sáng, trong khi cả một dẫy dài các chủng sinh xếp hàng im lặng bước vào nhà ăn để ăn sáng, thì có một ai đó đứng lại ở một góc nhà, rồi bước vào nhà thờ thánh Philiphê để xin chịu lễ, "với cái giá phải trả là nhịn ăn sáng.

“Với phương thức này cha đã có thể thường xuyên chịu lễ, và cha có thể nói cách có lý rằng đấy là của ăn hữu hiệu nhất cho ơn gọi của cha.

Ngụm khí oxy mỗi ngày thứ năm

Đối với Gioan, một ngày có tác dụng bẻ gãy sự đơn điệu của thời biểu: thứ năm hàng tuần. Chiều ngày hôm ấy, các bạn đồng hội đồng thuyền của chàng còn nhớ rõ, người gác cổng giật chuông từng hồi và lớn tiếng la bằng thổ ngữ:

“Bosch’d Castelnev!”, một tiếng thổ âm vùng Piemonte của Gioan Bosco. Bosch: có nghĩa là gia tộc Bosco, là Rừng cây, là Gỗ cây; còn Castelnev là tên của giáo xứ của Gioan Bosco: Castelnuovo. Cho nên các chủng sinh khác, những kẻ lúc nào cũng rình chờ bất luận cơ hội nào để giỡn đùa đôi chút, liền họa theo, khác nào những người bán hàng rong, bằng tiếng địa phương Piemonte, tiếng Ý và tiếng Pháp:

“Boscho de Castelnev! Bosco di Castelnuovo! Rừng Castelnuovo, khúc gỗ của Castelnuovo!”.

Gioan cười vang trước câu nói đùa đã thành quen lệ và cũng bởi chàng thừa rõ ai đang muốn gặp mình, các hội viên Hội Vui Sống đang đòi gặp chàng, đem tin tức đến cho chàng; những người bạn thân đã cùng học trường trung học với chàng và bọn trẻ mà chàng đã từng giúp vui bằng những trò chơi và những chuyện kể, mà nay vẫn muốn nghe thêm nữa. “Rất đông đảo các thanh thiếu niên, một người bạn ngủ chung phòng với chàng nhớ lại, vây quanh anh ta, với vẻ mừng rỡ. Anh ta vui vẻ trò chuyện với họ, nói năng với hết mọi người. Sau cơn huyên náo với những câu nói giễu, những tiếng cười rộ, là vài phút tạm ngưng nghỉ dưới chân tượng Đức Mẹ.

Thứ năm hàng tuần là ngụm khí ôxy của chàng, là sự theo đuổi gần như là lén lút cái “ý niệm cố định” của chàng: trung tâm trẻ, mà chàng mệnh danh cho là “Nguyện Xá”.

Giữa bọn trẻ nhà giàu

Bệnh dịch tả lại trở lại hoành hành lần nữa suốt mùa nóng năm 1836. Lần nữa, Torino lại nếm mùi sợ hãi. Các cha Dòng Tên đã tiến hành sớm hơn dự kiến việc chuyển các nội trú sinh của mình từ trường trung học Carmine về lâu đài Montaldo, điểm nghỉ mát tuyệt đẹp. Họ đang tìm một người đáng tin cậy để làm giám thị nhà ngủ tập thể đồng thời làm giáo viên ôn tập môn ngoại ngữ Hy Lạp. Don Cafasso liền cử thầy Bosco đến: "Con sẽ có thể kiếm được ít tiền xài".

Từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 17 tháng 10, Gioan đã sống lần đầu trong đời mình giữa đám thanh thiếu niên thuộc các gia đình giàu, tiếp cận với các nhân đức và cả các thói xấu của những cậu ấm được "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa". Ngài tự thú đã cảm thấy mình khó mà có được cái uy quyền cần thiết ở giữa bọn chúng ngõ hầu mưu ích cho chúng." Ngài đã tin chắc rằng Chúa chỉ gọi ngài để sống giữa các trẻ em nghèo khó. Đây sẽ là một trong những niềm xác tín tuyệt đối của ngài: cũng như ngài không được kêu gọi để giáo dục các bé gái, ngài cũng không được kêu gọi để giáo dục đám con trẻ của những người giàu.

Hầu như là 30 năm sau đó, ngày 5 tháng tư năm 1864, Don Bosco đã trả lời hầu như với sự gay gắt khi Ruffino đề nghị với ngài một trường dạy các học sinh con nhà quí tộc:

- Không, sẽ không bao giờ như vậy cả. Đó sẽ là sự tàn lụi của chúng ta, cũng như đó đã là sự tàn lụi của các dòng khác: Họ có việc giáo dục cho các trẻ nghèo và bị bỏ rơi như là mục đích đầu tiên, và họ đã bỏ nó để phục vụ cho những người giàu có hay quí tộc!

Vẻ hấp dẫn của Lu-y Comollo

Vào tháng Mười năm 1836. Trong khi Gioan Bosco từ giã tòa lâu đài Montaldo để qua ít ngày sống trong khu vườn nho ở Sussambrino, Lu-y Comollo được

mặc áo giáo sĩ. Và vào cuối tháng đó, cậu ta cũng được vào chủng viện Chieri với bạn cậu ta là Gioan Bosco. Thế là tái lập lại một tình bạn chắc chắn nhất giữa đôi bạn trẻ.

Lu-y Comollo kém Gioan Bosco hai tuổi, nhưng đã lập tức trở thành mối khích lệ thiêng liêng của Gioan. "Cuộc giải trí của tôi không hiếm khi bị cắt đứt bởi Comollo. Anh ta đã kéo vạt áo của tôi, nói là hãy theo anh ta, rồi anh ta đưa tôi vào nhà nguyện".

Tại đó Comollo cảm thấy mới chính là nhà của cậu, và những sự tuôn trào tình cảm tự nhiên không bao giờ kết thúc: nào là Viếng Thánh Thể, các kinh cầu nguyện cho những người hấp hối, việc lần hạt, đọc phụng vụ Đức Trinh Nữ Maria, các chuỗi hạt cho các linh hồn nơi luyện tội…

Gioan Bosco, giống như rất nhiều các Kitô hữu làm việc và vất vả lo cho Nước Thiên Chúa, cảm thấy một sự thu hút sâu xa, hầu như là sự nhớ nhung một thứ lòng mộ đạo với nhiệt tình thuần khiết, với sự đơn sơ phó mình cho Thiên Chúa. Thầy đã trực giác được ở nơi lối sống của người bạn của mình có cái gì đó quá đáng. Thầy nói ra một cách hết sức tế nhị rằng:

- Tôi cũng chẳng cảm thấy muốn bắt chước cậu trong việc hãm mình. Cậu ăn chay nhiệm nhặt trong suốt mùa chay, ngày thứ bảy ăn chay hoàn toàn, và có những lần chỉ ăn có bánh và nước lã…Đôi khi bỏ lại cả đĩa thức ăn và rượu, và bằng lòng với chút bánh nhúng vào nước lã, với cái cớ là như vậy tốt hơn cho sức khỏe của cậu.

Chúng ta có thể nói rõ hơn, không cần phải vòng vo: đấy là một cuộc chạy cố ý đến chỗ kiệt sức và cái chết. Một vị linh hướng tốt lành đã không để cho cậu ta chạy tới chỗ tàn sát bản thân mình như thế. Khi Đaminh Saviô (sau đó 20 năm) cố thử đi theo con đường này, Don Bosco đã kiên quyết ngăn cản. Nhưng Gioan Bosco vào thời còn là chủng sinh này, chưa thể là một nhà linh hướng linh hồn người khác cách khôn ngoan như thế được. Chỉ sau này mà thôi! Và nền tu

đức thiếu độ nhập thể và nhập thế của Comollo, chỉ muốn ẩn mình trong Thiên chúa đến độ khinh khi mọi giá trị trần thế, đang khiến cho thầy Gioan Bosco hết sức cảm phục.

Nơi Comollo luôn luôn hiện lên vẻ dễ lôi cuốn của cậu thánh Lu-y Comollo nhỏ bé của mình, một thứ thánh thiện làm cho mình tiêu hao cạn kiệt mau chóng để hướng thẳng đến Thiên Đàng. Nhưng con đường tới Thiên Chúa của Gioan Bosco thì sẽ tiếp tục đi theo hướng khác, đó là một sự thánh thiện nhập thể và kiên vững, được thể hiện với sự tiếp xúc sinh động cùng thực tế, với một tình yêu và sự đáp ứng các nhu cầu khẩn trương đối với giới trẻ, với các vấn đề đang kêu gọi và rất cụ thể làm cho mọi lý thuyết về tu đức được nên trong sáng và đơn giản hơn.

Một chủng sinh mới đơn độc

Vào đầu tháng Mười Hai cậu Gioan Francesco Giacomelli vào chủng viện. Cậu ta đã để lại một lời chứng như thể chụp được hình dáng của thầy Gioan Bosco thuộc năm thứ hai triết học. Chúng ta kể lại lời chứng này, có rút gọn lại đôi chút.

"Tôi vào chủng viện một tháng sau các bạn khác, tôi không quen biết một ai cả, và trong những ngày đầu tiên tôi cứ thủ thỉ một mình, lạc mất giữa đám người, và cảm thấy cô đơn. Lần đầu tiên tôi ngồi vào bàn học tại phòng học, tôi thấy trước maët tôi một thầy tư giáo mà tuổi tác xem ra đã lớn. Vẻ rất đẹp và dễ thương, với tóc gợn sóng, xanh xao và gầy gò, có vẻ đau đớn. Đó chính là thầy Gioan Bosco. Cậu ta tới gần tôi khi thấy tôi cô đơn sau bữa ăn trưa, và trong suốt giờ giải trí cậu ta ở bên tôi. Cậu tỏ ra rất tử tế, thân thiến, nhẹ nhàng với tôi. Trong số biết bao kỷ niệm, tôi nhớ đến chiếc mũ ba mũi giáo sĩ của tôi nó ngồng nghệnh trên đầu tôi, và các bạn khác cười chọc tôi. Gioan thì lập tức như bốn với bốn là tám, sắp xếp mũ lại cho tôi ngay.

Trong đêm đó có hai thầy có tên là Bosco. Hầu như để phân bieät hai người, thì người đầu tiên (sau này là Cha giám đốc của các Sơ Đức Mẹ mân Côi) nói: “Mi sun Bosch’ d pucciu” (Tôi là Bosco, nghĩa là gỗ, nhưng là thứ gỗ của cây sơn trà, tức là loại gỗ rất cứng cáp, không bẻ cong được). Còn Gioan Bosco thì nói: “Mi sun Bosch’ d Sales” (tôi là Bosco, tức gỗ của cây liễu, mềm và dễ uốn) . Cậu ta không phải là một người ra đầy vẻ mộ đạo, mà tính rất nóng nẩy, và hiển nhiên là một thứ bạo động luôn trong thế tự kiềm chế. Cậu ta yêu thích trẻ con vô bờ bến, và niềm vui của cậu ta là ở giữa đám trẻ”.

Chương 13 : GIOAN BOSCO ĐƯỢC ĐÀO TẠO LÀM LINH MỤC THẾ NÀO?

Ngày 24.6.1837 là lễ thánh Gioan Baotixita. Đối với Gioan Bosco, đây là ngày lễ bổn mạng của chàng và là sự mở màn của bốn tháng nghỉ hè.

Chàng đi theo con đường trắng xóa dẫn từ Chieri tới Castelnuovo, tiếp đến là con đường mòn dẫn lên trại Sussambrino. Mười hai cây số: một cuộc dạo chơi hào hứng. Nông trại của người anh trai đón chàng bằng tiếng chào mừng "ò ó o" của lũ gà trống và bằng nụ cười e ấp của một đứa cháu gái xinh như mộng.

Giuse đã lập gia đình từ mấy năm trước: ông đã thành hôn năm 1833 (hồi ấy chàng mới hai chục xuân xanh) với Maria Calosso, một thiếu nữ quê ở Castenuovo.

Đứa con gái đầu lòng của họ, Margarita đã sống vỏn vẹn có ba năm. Mùa xuân 1835 đã chào đời bé Philomena, một đứa bé trầm tính thường say mê đứng ngó chú Gioan cắm cúi làm việc với cái bào, cái khoan gỗ, cái lò rèn, hoặc cắt và may quần áo và chế biến cho nó một con búp bê dễ thương bằng vải vụn.

Đưa liềm cắt lúa

Trên các cành nho, những chùm nho trái xanh bắt đầu hình thành và trong các thửa ruộng, những cây lúa chưa gì đã đổi mầu vàng hây. Khi chàng ngừng làm việc trong gian xưởng thợ nhỏ hẹp của mình, Gioan liền quơ lấy lưỡi hái và nhập

bọn với đám thợ gặt đang đứng thành hàng dài. Mồ hôi long lanh nhiễu trên trán chàng, dưới vành chiếc nón lá rộng bản.

Chàng cảm thấy một niềm vui mãnh liệt vì được lao động ngoài trời sau tám tháng mọc rễ trên bàn ghế nhà trường.

Một ngày kia, giữa các hàng cây nho, cậu thấy một con thỏ lướt nhanh như mũi tên. Lập tức cậu chạy về nhà, lấy cây súng của anh Giuse xuống khỏi chỗ treo. Cậu tưởng chỉ một phút là bắt được chú thỏ. Nhưng con vật chạy hết tốc độ. Cứng đầu, cậu không thể nào buông tha cho con thỏ.

"Từ cánh đồng này sang cánh đồng khác, từ vườn nho này sang vườn nho khác, tôi đã vượt qua những thung lũng và những ngọn đồi. Hằng giờ trôi qua. Rốt cuộc con thỏ nằm đúng tầm súng bắn và tôi đã bắn chết nó bằng một phát súng. Con vật ngã xuống và tôi thấy buồn thê thảm ngắm nó dẫy chết. Không có ai đi theo tôi cả, và mọi người đều chúc mừng cho tôi vì cuộc mạo hiểm tuyệt vời này. Nhưng tôi xét mình lại: Tôi mặc áo sơ mi, tay sắn lên, không mặc áo giáo sĩ, với chiếc nón rơm, chạy năng nổ suốt 5 cây số, súng cầm ở tay. Tôi thấy mình xấu hổ và hạ thấp mình quá".

Về tới nhà, cậu đã đọc lại trong sách sổ tay của cậu các quyết định cậu đã lấy khi mặc áo giáo sĩ. Cậu đọc thấy trong số thứ hai: "Tôi sẽ không làm nhà ảo thuật hay người làm xiếc nữa, tôi sẽ không đi săn nữa". Cậu thì thầm: "Lạy Chúa, xin tha thứ cho con".

Cậu bắt đầu dùng các thời gian rảnh rỗi để phục vụ các bạn trẻ: "Nhiều em trong số chúng không biết gì về đức tin cả. Tôi cảm thấy một niềm vui lớn được dạy giáo lý cho các em. Tôi dạy cho những đứa trẻ này đọc và viết; dạy hết mọi em, bất kể tuổi tác nào. Các lớp học luôn cho không nhưng tôi có đặt một điều kiện: phải chăm chỉ, bền bỉ, chú tâm và hằng tháng đi xưng tội".

Việc huấn luyện linh mục

Ngày 3.11.1857. Tại chủng viện Chieri, Gioan bắt đầu môn thần học. Đây là bộ môn "khoa học nghiên cứu về Thiên Chúa" và là chương trình học cơ bản đối với các ứng sinh nuôi khát vọng tiến tới chức linh mục. Vào thời ấy chương trình kéo dài 5 năm và bao gồm các bộ môn chính: *Tín lý* (các bộ môn về các chân lý Kitô giáo), *luân lý* (các luật mà người kitô hữu phải tuân giữ), *Kinh Thánh* (Lời Thiên Chúa), *Lịch sử hội Thánh* (kể từ những nguồn cội của Kitô giáo cho tới thời hiện đại).

Việc học thần học có một tầm quan trọng to lớn trong đời sống của mỗi linh mục. Trong những năm của thời trai trẻ và đầy nhiệt huyết dâng hiến này, họ sắp xếp có thứ tự lớp lang những điều tạo thành tâm trạng linh mục tương lai: nào là hệ thống các ý tưởng và các động cơ của sự đánh giá của họ. Trong suốt khoảng dài của cuộc sống sau đó, người linh mục sẽ làm cho tâm trạng sống này được nên tinh tế hơn, uốn nắn nó đôi chút dưới ảnh hưởng của các biến cố mới, nhưng họ khó mà thay đổi được nó. Cách họ nhìn, phán đoán sự việc được bén rễ saâu trong "lập trình tư tưởng ý thức hệ này" mà nền thần học tạo ra cho họ. Bởi chính lý do đó mà họ trở thành "linh mục" như là nghề nghiệp của mình.

Đối với Gioan Bosco thì những năm học thần học cũng rất quan trọng. Trong khi cậu được trợ giúp bởi những đặc ân phi thường Chúa ban cho, thì cậu cũng vẫn là người con của thời đại mình, cách riêng là *của Hội Thánh thời đại cậu.*

Để hiểu Gioan Bosco, rất quan trọng là ta phải nắm bắt được "những tư duy" mà các môn học, các sách vở, và việc hướng dẫn thiêng liêng, cũng như những bài giảng thuyết đã đặt nền tảng cho tâm trạng của cậu. Cha Pietro Stella trong cuốn sách đầu tiên của cha có tựa đề *Gioan Bosco trong lịch sử của nền tôn giáo Công giáo* đã dành 20 trang (59-78) để trình bày vấn đề này. Vì sự vắn gọn của cuốn sách "chuyện Don Bosco" của chúng ta, chúng ta bằng lòng ghi lại một số điểm mang tính chất soi sáng rõ nét rút từ tác phẩm của cha Stella:

"Thần học Tín lý khi đó đặt mọi sự dưới ánh sáng của việc phải tính sổ với

Thiên Chúa về sự công chính thần linh của ngài, trong khi chờ đợi là mình sẽ được đón nhận hoặc sự sống hay sự chết đời đời. Nền thần học này có thói quen qui mọi sự về cõi đời đời, thuần túy theo nhãn quan thưởng phạt".

"Thần học Luân lý" tập trung vào mối tương quan giữa các luật thần linh và sự tự do của cá nhân; nó dạy cho ta biết phân xử các hành vi theo như chúng có am hợp hay không với các luật của Thiên Chúa".

"*Việc giảng thuyết* cho các chủng sinh góp phần vào việc cổ võ cho sự lo lắng thái quá được nẩy sinh nơi các tâm hồn vô cùng nhạy cảm. *Nó lý luận* dựa trên các bổn phận nghiêm chỉnh và nhiệm nhặt mà cuộc đời linh mục áp đặt lên người linh mục, và dựa trên những nguy hiểm rất lớn mà sứ vụ linh mục gặp phải (những nguy hiểm đến từ thế gian, từ phụ nữ, từ các rối trật tự thuộc đủ mọi loại), trên việc phải tính sổ chính xác mà vị thầy thần linh đòi hỏi nơi các thừa tác viên của Ngài".

Chúng ta ghi nhận rằng do được đào tạo bởi lối giảng thuyết này, Gioan Bosco đôi khi có sự thái quá trong việc soi xét lòng mình và bước theo các hình thức nhiệm nhặt liên quan đến việc đó tạo luân lý. Đấy là những kinh nghiệm vắn tắt mà nhiều chủng sinh thời xưa đã phải trải qua (ở trong các chủng viện đóng kín và tự tại).

Đánh giá về thời đại của ngài

Chúng ta tin là rất quan trọng việc nhấn mạnh đến các tính chất cốt yếu của "tâm trạng lịch sử" mà Gioan Bosco đã trải qua trong những năm này, để có thể hiểu được Gioan Bosco: ngài đã được hướng dẫn thế nào để thấy và đánh giá "thời đại trong đó ngài đang sống", một thời đại rất quan trọng mà trong các sách lịch sử đều coi là "thời kỳ Phục Hưng". Chỉ qua việc hiểu cái 'tâm trạng do lịch sử nhào nắn này", ta mới có thể hiểu được cách thức Gioan Bosco đã suy nghĩ về tương lai của Hội Thánh và của thế giới.

Chúng ta bắt đầu nhận định về kinh nghiệm của cuộc cách mạng Pháp và về Đế quốc của Napoleon như là một "thất bại". "Cuộc cách mạng ghê gớm nhất trong số các cuộc cách mạng…", "sự ác chiến thắng ngay cả ở nơi chúng ta", "cái lưới dò chim sẻ đã bị đánh nát và tất cả chúng ta đều đã được giải thoát", việc phục hưng các ngai vàng là "công trình của Thiên Chúa", các câu nói như thế xuất hiện đầy dẫy trong các lá thư mục vụ và các bài giảng vào thời đại này.

Sự thất bại đã trở thành hiển nhiên khi người ta đi từ việc công bố các nguyên tắc lớn (tự do và bình đẳng) để rồi tiến tới nỗi hãi hùng của cuộc cách mạng và của chế độ độc tài Napoleon. Hậu quả là với nguyên tắc triết lý của các triết gia thế kỷ ánh sáng (mà cuộc cách mạng Pháp đã đảm nhận lấy) chính là: "Lý trí là con đường duy nhất tiến tới điều chân chính và điều tốt lành" đã đưa đến các hậu quả khốc hại.

Ngược lại "bình diện tôn giáo" được tái đáng giá lại, và người ta giảm thiểu nó trong các giới hạn của lý trí nhân loại. Phương Đông được tái đánh giá lại, và quyền bính của nhà vua cũng thế, Quyền bính ấy chỉ bị giới hạn qua việc tuân giữ các luật thần linh: với một sự khôn ngoan sáng suốt: với sự khôn ngoan được soi sáng, ông vua phải duy trì các sức mạnh giải phóng, cách mạng luôn luôn rình rập lôi cuốn cuộc sống vào chỗ vô trật tự và bị đàn áp.

Công việc tái đánh giá lịch sử này quả còn mang tính chất hàm hồ. Nó có thể dẫn đến một nền Kitô giáo quyền uy, vào một sự liên kết giữa ngai vàng và bàn thờ, khiến cho người ta không còn hiểu được rằng "sự tự do, bình đẳng, huynh đệ chính là những giá trị Kitô hữu. Những sự mập mờ trên chính là những sự lấp lửng của "phe bảo thủ Công giáo" đã thống trị bên Ý cho tới năm 1848.

Dưới tấm áo choàng trên, ngay cả tại những lãnh địa của Giáo Hội, cũng lưu chuyển các ý tưởng khác, như là ý tưởng về "chủ nghĩa tự do Công giáo". Người ta nhìn nhận các nguyên tắc lớn của cuộc cách mạng. Người ta kết án nền bạo lực của phe nhóm Giacôbít và của chế độ độc tài Napoleon. Người ta cầu chúc

một hệ thống quyền lực quân bình: với một ông vua cầm cương cho các nhà cách mạng, và cũng với cả một Hiến Pháp đảm bảo các quyền tự do và bình đẳng. Tuy nhiên tự do và bình đẳng được mọi người ao ước, chỉ trừ ra nhóm "dân chúng hạ đẳng".

Những người thuộc phe tự do và phe bảo thủ biểu lộ một ý thức hãi sợ đối với "sự bình đẳng dân chủ": y như "nỗi kinh hoàng thời cách mạng" đã dạy cho biết: Sự bình đẳng dân chủ buộc phải được chuyển thành một thứ cai trị bạo ngược và chuyên chế của một nhóm nhỏ đòi được quyền cai trị nhân danh nhân dân và tạo nên sự hỗn loạn.

Trong số những người thuộc phe tự do nổi tiếng nhất của thời kỳ đó, ta phải kể ra Antôn Rosmini và Alexandro Manzoni.

Gioan Bosco giữ một tâm trạng lịch sử mang chiều kích "Công giáo bảo thủ". Ngài thuộc về loại người của các ý tưởng bảo thủ (dù cho sự khẩn trương của tình thế khiến ngài vượt ra ngoài cảnh giới của giới bảo thủ, hay thậm chí đảo ngược hết lại nhiều thái độ của giới bảo thủ). Ngài không thể làm khác thế được khi vào năm 1832, trong Thông Diệp *Mirari Vos [Sao Anh Em Lại Ngạc Nhiên],* Đức Thánh Cha Gregorio XVI đã tuyên bố rằng "các quyền tự do hiện đại" không thể chấp nhận được đối với các người Công giáo. Việc nhìn nhận sự tự do lương tâm, theo lời Đức Thánh Cha, chính là đặt ngang hàng nhau giữa chân lý và sai lầm. Bản văn của thông điệp nằm ở trong tay các chủng sinh là những người phải chấp nhận nó là đối tượng để học tập và suy gẫm.

Đâu rồi các nhân sĩ Cavour, Mazzini, Garibaldi?

Trong khi tại Chieri, Gioan Bosco hấp thụ các ý tưởng trên, thì tại Torino, Carlo Alberto là nhà quán quân của chủ nghĩa bảo thủ Công giáo. Giao ước giữa ngai vàng và bàn thờ thịnh hành. Giới giáo sĩ giữ một địa vị nổi trội tại Đại Học: Một đại diện của Đức Tổng Giám Mục coi sóc các kỳ thi. Vào năm 1834, trong sân

đình Arsenal, nhà vua đã khai trương một tượng đài Pietro Micáca, một con người của dân chúng đã hy sinh mạng sống để cứu thành phố. Ấy thế mà trong diễn văn, người ta không tôn vinh các nhân đức của nhân dân, mà chỉ nêu người anh hùng này như một bề tôi đơn sơ, dốt nát, vâng phục và sẵn sàng hy sinh mình vì nhà vua của mình.

Cũng trong những năm ấy, những kẻ chủ trương Cuộc phục hưng vẫn còn phân tán khắp nơi.

Gioan Ferrari, nhân vật mà năm 1846 sẽ lên ngôi Giáo Hoàng dưới tước hiệu Đức Piô IX, đang làm giám mục của giáo phận Jimbola. Ngài chỉ mới 45 tuổi và được coi là một "Giám mục không có thiên kiến" vì ngài đã lên tiếng phiền trách những hành động quá khích của đội cảnh sát Giáo Hoàng và vì ngài là bạn thân của bá tước Pasolini, một nhân vật tự do nổi nang nhất trong thành phố của ngài.

Camille Cavour, 27 tuổi, đang điều hành lĩnh vực nông nghiệp ở Leri. Chân mang ủng, đầu đội nón lá, ông thường cuốc bộ không biết mỏi mệt từ sáng sớm đến tận chiều tối băng qua những nương rẫy, những đồng cỏ, những ruộng lúa. Ông đã từng là thiếu úy tại tiền đồn Genova năm 1831. Nghe tin các phong trào cách mạng, ông đã lớn tiếng la: "Chế độ cộng hòa muôn năm!". Người ta đã tống cổ ông tới thung lũng Aosta và ông đã rời khỏi quân ngũ. Thân phụ ông là thống đốc của đô thị Torino kiêm cảnh sát trưởng, đã đẩy ông về miền nông thôn. Thời gian xen giữa một mùa hái nho và một vụ gặt lúa, ông đã đi du lịch khắp châu Âu, được thán phục bởi các nghị viện ở Paris và ở London. Ông cũng đã gặp những người Ý bị đày vì lý do chính trị và nói về họ: "Đó là một bọn điên, ngu và cuồng tín mà tôi sẵn sàng dùng làm phân bón cho các cây củ cải của tôi".

Mazzini, 32 tuổi, mới đây đã bị đuổi khỏi Thụy Sĩ, nơi mà từ đó ông đã từng điều hành những vụ âm mưu làm cách mạng. Ông đã lập cư trong một ngôi nhà thuộc vùng ngoại ô thành phố Luân Đôn. Ông viết bài cho các nhật báo để kiếm

kế sinh nhai. Ông đã để râu và thường lảng vảng trên những con phố đầy sương mù của thủ đô, đơn độc và mình mặc toàn đồ đen.

Garibaldi đã đào thoát sang châu Mỹ sau thất bại của vụ nổi dậy của Mazzini ở Lavoie và ông đã đổ bộ xuống xứ Braxin. Ông này vừa tròn ba chục tuổi và hành nghề hải tặc tại các vùng biển phía nam để phục vụ "chính quyền cách mạng" ở Rio Grande. Ít lâu sau, ông cho "đoàn quân Ý" của mình mặc chiếc áo sơ mi đỏ huyền thoại nhờ mua được với giá rẻ mạt ở Montevideo nguyên một kho hàng áo mặc dưới tấm vải che dành cho các tay giết heo ở Achentina.

Victor Emmanuel, 27 tuổi, sống tại hoàng cung Torino mà như sống trong một trại lính đầy kham khổ. Ông phải đi kèm phụ vương đến các lễ hội và các vũ hội của giới quí tộc và phải đứng hàng giờ kế cận vua cha. Những giây phút sảng khoái nhất của ông là khi ông ghé qua các chuồng ngựa. Ông nói một thứ tiếng địa phương vừa mộc mạc vừa thô lỗ với mấy tên lao công chuồng ngựa, ông cưỡi ngựa với vẻ vừa táo bạo vừa kênh kiệu. Đây là một con người rất năng động và rất mê cảnh sống tự do ngoài trời.

Hoặc họ ở gần hoặc họ ở những phương trời xa xăm, lịch sử của các nhân sĩ trên vẫn đều đều tiến tới. Những biến cố lớn nhỏ nối tiếp nhau, đẩy nhanh bước diễn tiến của con người.

Năm 1836, Morse đã thực hiện được hệ thống đánh điện tín và hệ thống liên lạc bằng điện đàm qua dây. Chẳng bao lâu sau đó phổ biến khắp thế giới việc gửi điện tín (telegram): trước tiên dành cho các quan chức và các tờ báo lớn, rồi sau đó được tới tay mọi người sử dụng.

Năm 1837, trong một nạn dịch tả, nhà thi sĩ Giacobe Leopardi đã qua đời tại Tháp Greco. Ông chỉ hưởng dương được ba mươi chín tuổi. Bên Anh, Nữ hoàng Victoria lên ngôi: bà mở màn cho một triều đại rất dài trong đó ta thấy Nước Anh trở thành quốc gia thực dân đầu tiên trên thế giới.

Năm 1838, hầu tước Tancrede de Barolo, cựu đô trưởng thành phố Torino

đã từ trần… Bà vợ góa của ông quyết định hiến toàn bộ tài sản của mình để cứu giúp các phụ nữ xấu số. Do đó đã khai sinh ở ven đô Torino, không xa Cottolengo, một cơ quan cứu trợ các nữ tù nhân và các phụ nữ túng quẫn.

Năm 1839, vua Ferdinand đệ nhị cho xây dựng tuyến đường xe lửa đầu tiên của Ý, ông Napoli de Granatello và ông Jacques Daguerre đã thiết kế chiếc máy chụp hình đầu tiên mà người đời sẽ có thể lưu giữ được hình ảnh trung thực, nhờ hàng chục tấm hình đã chụp ông trong những hoàn cảnh khác nhau.

Chương 14: GIOAN ĐÃ TRỞ THÀNH DON BOSCO

Quần chúng không hiểu

Mùa hè 1838, Nhà "thần học" Gioan Bosco được mời đến giảng lần đầu ở Alfiano, nhân dịp lễ Đức Mẹ Mân Côi. Ngài kể lại: "Cha xứ của họ đạo, Don Joseph Pelato, là một vị linh mục tốt, học rộng và rất đạo đức. Tôi đã xin ngài cho biết ngài nghĩ sao về bài giảng của tôi. Ngài đáp:

- Hay lắm, bố cục rất mạch lạc. Thầy sẽ là một nhà thuyết giáo kỳ tài.

- Giáo dân có hiểu nổi không ạ?

- Không nhiều lắm. Ông anh linh mục của tôi, bản thân tôi và vài vị linh mục khác, chúng tôi hiểu.

- Nhưng… con giảng đơn sơ lắm mà.

- Đối với thầy thì giảng kiểu ấy dường như là đơn sơ, nhưng đối với quần chúng, như vậy lại là rất cao siêu. Liệt kê hàng chuỗi những sự kiện trong lịch sử Hội Thánh là cả một kỳ công, thế nhưng thường dân có hiểu gì.

- Nếu vậy con phải làm sao đây?

- Phải bỏ hẳn văn phong của nền cổ văn, hãy nói bằng tiếng địa phương, hoặc nếu thấy thích hợp, gặp dịp thì nói ngay bằng tiếng Ý, nhưng là nói theo kiểu bình dân, rất bình dân, thật bình dân. Thay vì dẫn chứng, hãy đưa ra những thí dụ, những so sánh giản dị và thiết thực. Thầy hãy nhớ là người ta ít khi nghe

và cần phải giải thích cho người ta về các chân lý của Đức Tin theo kiểu càng dễ hiểu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Don Bosco đã viết rằng đây là một trong những lời khuyên quí giá nhất mà mình đã nhận được trong đời. Nó giúp ngài trong các bài giảng, các lớp giáo lý và để tiến hành việc viết sách nữa.

Một giao ước với cõi bên kia

Tháng Mười Một năm 1838. Gioan Bosco bắt đầu năm thứ hai thần học. Thầy hoàn toàn bị chấn động bởi một biến cố bi thảm với một ấn tượng hãi hùng.

Trong những thánh hè cuối cùng, Lu-y Comollo đã nói với cậu những lời rất lạ. Trong khi nhìn những vườn nho từ chỗ cao hơn của một ngọn đồi, Lu-y đã thì thầm:

- Mình thì hy vọng uống thứ rượu tốt hơn.

- Bạn muốn nói gì với lời này?

- Thôi, đừng nói nữa…Chúa biết điều gì Ngài sẽ thực hiện.

- Mình không hỏi cậu chuyện này. Mình hỏi cậu muốn nói gì với lời: *Mình thì hy vọng uống thứ rượu tốt hơn.* Hay là cậu muốn lên thiên đàng?

- Cho dù mình không thực sự chắc chắn sẽ lên thiên đàng sau khi mình chết, tuy nhiên mình có một hy vọng có nền tảng, và đã từ một thời gian qua, mình tha thiết mong mỏi thưởng thức niềm khao khát của các thánh, khiến cho mình cảm thấy không thể nào những ngày sống của mình còn kéo dài được nữa.

Comollo nói điều này với một sự vui sướng rất lớn lao hiện lên trên khuôn mặt vào đúng thời gian bạn đang hưởng sự thánh thiện tuyệt hảo, và bạn đang chuẩn bị trở lại chủng viện.

Trong những tháng đầu tiên của năm học, có thêm một chi tiết đặc biệt, cũng rất là lạ. Gioan và Lu-y cùng nhau đọc một đoạn cuộc đời của một vị thánh, và Gioan bình luận rằng:

- Thật là đẹp nếu một trong hai người chúng ta, ai chết trước, và nếu Thiên Chúa cho phép, thì sẽ về báo cho người kia những tin tức về cõi đời sau.

Lu-y bị đánh động mạnh bởi ý tưởng này, cậu nói một cách mạnh mẽ:

- Chúng ta giao kèo với nhau nhé. Người chết trước, nếu được Thiên Chúa cho phép, sẽ nói cho người kia hay xem mình đã ở trên thiên đàng chưa. Đồng ý chứ?

Họ đã bắt tay nhau.

Ngày 25 tháng Ba 1839. Trong khi họ đi tới nhà nguyện, Lu-y chặn Gioan lại tại hành lang và nói với cậu ta với vẻ nghiêm chỉnh:

- Đối với mình thế là xong rồi. Mình cảm thấy khó chịu quá, và mình biết mình sẽ chết.

Gioan nói diễu:

- Ôi, mình thấy cậu khỏe mà. Hôm qua chúng ta đã đi dạo với nhau suốt cả một giờ. Cậu đừng yên trí như thế.

Nhưng thực ra sự việc lại nghiêm trọng. trong khi họ ở trong nhà thờ, thì Comollo được đưa vào bệnh xá. Cơn sốt đột xuất trở nên rất cao và đáng lo ngại.

Ngày 31 tháng Ba là Lễ Phục Sinh. Comollo được nhận Mình Thánh Chúa như của ăn đàng. Cậu đã hoàn toàn kiệt lực. Trong giờ phút Gioan ở bên cậu, cậu liền cầm lấy tay Gioan và thì thầm:

- Đây là giờ phút chúng ta phải chia tay, Gioan thân mến. Chúng ta cứ nghĩ rằng chúng ta cùng trở thành linh mục, và sẽ giúp đỡ nhau, khuyên bảo nhau. Nhưng Thiên Chúa lại không muốn thế. Bạn hãy hứa là cầu nguyện cho mình nhé.

Comollo chết vào sáng ngày mùng 2 tháng Tư, trong khi siết chặt tay Gioan. Cậu cho chưa tròn 22 tuổi.

Và đây là sự kiện rất lạ lùng xẩy ra sau đó 44 giờ, do chính lời Don Bosco viết lại:

“Chiều hôm đó, cha đã lên giường trong một nhà ngủ dành cho 20 chủng sinh, và cha rất bồn chồn, tin chắc rằng đêm đó lời hứa sẽ được thực hiện. Vào lúc 11 giờ 30, một tiếng ồn sâu lắng nghe vang lên ở các hành lang. Nó giống như một toa xe lớn được kéo bởi nhiều con ngựa đang tiến dần đến cửa nhà ngủ. Nó càng lúc càng vang lên ghê sợ tựa tiếng sấm, khiến cả nhà ngủ rung lên. Các thầy chủng sinh khiếp hãi chạy trốn khỏi giường để qui tụ lại với nhau, tạo cho nhau được thêm can đảm. Chính lúc đó, và giữa cái thứ sấm gầm sâu lắng và hãi hùng đó, cha nghe rõ ràng tiếng của Comollo ba lần vang lên: *Bosco, mình đã được cứu rỗi!* Tất cả nghe thấy tiếng ồn, có một số nghe thấy tiếng là không hiểu ý nghĩa; tuy nhiên một số bạn khác đã hiểu y như cha. Bằng chứng là trong cả một thời gian lâu dài về sau lời ấy vẫn được nhắc lại trong chủng viện. Đó là lần đầu tiên như cha nhớ là cha đã thực sự sợ hãi: Cha sợ hãi khủng khiếp đến nỗi rơi vào một cơn bệnh nặng, gần như đã ở bên bờ mộ rồi.”

Don Lemoyne, người đã sống ở Nguyện Xá bên cạnh Don Bosco từ năm 1883 đến 1888, quả quyết rằng: “Cha Fiorito đã nhiều lần kể lại lần Lu-y hiện ra này cho các bề trên của Nguyện Xá”.

Bánh mì trộn hạt kê với rượu vang vùng Barbera

“Cơn bệnh nặng” Don Bosco nói đến đó chính là một hình thức nghiêm trọng của một sự kiệt sức do mất tinh thần, và nó kéo dài cho đến những tháng đầu tiên của năm học sau đó. Gioan ghê sợ việc ăn uống, và cơn mất ngủ liên tục kéo dài. Sau một vài tháng, bác sĩ khuyên Gioan tuyệt đối phải nghỉ tại giường. Cậu nghỉ như thế trong 30 ngày.

Nhưng cậu được hồi sức lại một cách lạ lùng, hầu như không thể tin nổi. Mẹ cầu, biết cậu đã nằm liệt giường nhiều ngày qua, nên đã đến gặp cậu với một rổ to những bánh mì trộn hạt kê và một chai rượu vang để lâu ngày. Đối với những người nghèo, thiếu ăn là thứ bệnh duy nhất, và đồ ăn tốt là thuốc chữa duy nhất.

Trên các đồi nho vùng quê, thì chẳng có các thứ bệnh với những cái tên bệnh lạ hoắc, và những thứ thuốc chữa tinh vi.

Gioan đang ở trong trò chơi thú vị đó. Cậu không muốn làm cho mẹ cảm thấy buồn tủi vì con từ chối món quá. Cậu liền bẻ những miếng bánh, cứ miếng này đến miếng khác trôi vào cổ họng, lại thêm những hớp rượu đã để dài ngày. Và cứ thế, chẳng hề để ý, cậu tiếp tục ăn no bánh và uống hết cả chai rượu. Sau cùng là một giấc ngủ thật say, suốt hai ngày và một đêm liên tục". Khi thức dậy, cậu cảm thấy khỏi hẳn.

"Linh mục không lên Thiên Đàng một mình"

Ngày 26 tháng 5, thầy phó tế Gioan Bosco bắt đầu cấm phòng để dọn mình chịu phép truyền chức linh mục. Thầy đã được cha giảng phòng mời gọi hãy nguyện ngắm trong mấy ngày này những lời Thánh Vịnh: "Ai sẽ lên núi Chúa? Ai sẽ được ở trong nhà Chúa? Đó là kẻ có đôi tay và tâm hồn trong trắng". Khi suy tư về quá khứ của mình, thầy nhận thấy là hai bàn tay mình, kể từ ngày mẹ Margarita đem chắp nó lại cho mình, vẫn như có phép lạ, luôn còn trong trắng".

Trên một cuốn sổ tay, thầy đã ghi: "Linh mục không lên trời một mình, ngài không xuống hỏa ngục một mình. Nếu ngài làm tốt, ngài sẽ về trời với những linh hồn mà mình đã cứu được nhờ gương sáng của mình; nếu ngài làm bậy, ngài sẽ đi tới chỗ hư mất cùng với những linh hồn bị hư mất do sự bê bối của mình. Chính vì vậy mà tôi sẽ dồn hết can đảm để thực thi các quyết định sau đây".

Tiếp theo là chín huấn lệnh cơ bản cho tương lai. Đại khaùi, chúng chỉ lặp lại và xác định rõ các ý định của thầy nhân dịp lãnh áo chùng thâm. Nhưng ba huấn lệnh trong số đó cho thấy một sự đào sâu đặc thù cái sẽ là "kiểu cách linh mục" của Gioan Bosco, sau đây là mấy huấn lệnh vừa kể:

- Triệt để tận dụng mọi giờ giấc của mình.

- Chịu đựng, hành động, tự hạ trong mọi sự và mọi lúc ngay khi vấn đề đặt ra là phải cứu rỗi các linh hồn.

- Đức ái và sự dịu hiền của thánh Phanxicô Salê sẽ hướng dẫn tôi trong mọi sự.

Linh mục đời đời

Ngày 5 tháng 6 năm 1831, trong nhà nguyện của Tòa Tổng Giám Mục, Gioan Bosco, mình mặc áo trắng tinh, phủ phục trước bàn thờ, mặt úp xuống đất. Những nốt nhạc khắc khổ của bản bình ca tuôn xuống từ cây đàn dương cầm. Các linh mục và các chủng sinh hiện diện khẩn cầu với từng vị Thánh một của Giáo hội: Phêrô, Phaolô, Benađô, Phanxicô, Catarina, Inhaxiô…

Mặt tái mét vì xúc động và vì mệt mỏi do những ngày tất bật vừa qua, Gioan trỗi dậy và đến quì dưới chân Đức Tổng Giám Mục. Đức Cha Lu-y Fransoni đặt tay lên đầu ngài và phong ngài làm linh mục đời đời, sau khi đã cầu xin Chúa Thánh Thần ngự đến.

Mấy phút sau, hòa giọng mình với giọng Đức Tổng Giám Mục, Gioan bắt đầu cử hành Thánh lễ đồng tế đầu tay của mình. Ngài đã trở thành Don Bosco.

"Lễ mở tay của tôi, ngài đã viết một cách đơn sơ, tôi đã cử hành tại nhà thờ thánh Phanxicô khó khăn, với sự tham dự của Don Caffaso, người chỉ đạo kiêm ân nhân kiệt xuất của tôi. Người ta đang nóng lòng mong đợi tôi tại quê nhà (hôm ấy là ngày lễ Chúa Ba Ngôi), nơi mà bao năm nay không có một lễ mở tay nào. Nhưng tôi thích cử hành ở Torino cách âm thầm, tại bàn thờ Thiên Thần Bản Mệnh. Tôi muốn gọi hôm ấy là ngày đẹp đẽ nhất đời mình. Tới lúc đọc nghi thức nhớ đến những người quá cố, tôi đã nhớ đến những người thân yêu, đến các vị ân nhân của tôi, đặc biệt là Don Calosso, mà lúc nào tôi cũng coi là vị ân nhân vĩ đại và kiệt xuất. Những người Công giáo ngoan đạo xưa nay vốn tin là Chúa nhân lành luôn luôn chấp thuận ban ơn huệ mà vị tân linh mục cầu xin với Chúa

trong lúc cử hành lễ mở tay. Tôi đã sốt sắng cầu xin ơn lợi khẩu, ngõ hầu có thể mưu ích cho các linh hồn".

Thánh lễ thứ hai, Gioan Bosco đã muốn cử hành tại bàn thờ Đức Bà An Ủi kẻ âu lo, bên trong đại Thánh đường dâng kính Đức Mẹ ở Torino. Khi ngước mắt nhìn lên, cha đã thấy Ngài ngự trên cao, Bà lạ chói lọi như mặt trời, Đấng mà mười bảy năm trước, đã phán bảo cha trong giấc mơ:

- Hãy trở nên khiêm tốn, can trường và dũng mãnh!

Bà đã nói thế. Gioan Bosco đã ra sức phấn đấu và đã thành công. Giờ đây đã bắt đầu tới thời tới lúc mà cha sẽ hiểu rõ mọi sự".

Thứ năm tuần sau, nhằm lễ Mình Máu Thánh Chúa Kitô (thời ấy là một lễ buộc), Gioan Bosco về làm lễ tại quê nhà.

Những quả chuông đã đổ từng hồi, tiếng vang đi rất xa. Toàn thể dân chúng đã chen chúc chật ních bên trong nhà thờ. "Họ quý mến tôi quá, ngài nói, mà ai nấy đều sung sướng như chính tôi vậy".

Các chú bé tí teo tròn xoe mắt khi nghe người lớn nói lại rằng vị linh mục này xưa kia đã từng là một tay xiếc rất cừ.

Những người lớn thì đang nhớ lại người bạn đã cùng học, cùng chơi với mình cách nay trên dưới một chục năm.

Những bậc kỳ cựu, trên những ngọn đồi quanh vùng, đã bao phen thấy "cậu đi ngang qua trên đường, đi chân không và sách vở ôm trong tay".

Tối hôm ấy, mẹ Margarita đã tìm được ít phút để nói chuyện riêng với vị tân linh mục. Bà bảo con:

- Bây giờ con đã là linh mục, con đã ở gần Chúa Kitô. Mẹ chưa hề đọc qua các sách của con, nhưng con hãy nhớ rằng bắt đầu dâng thánh lễ, tức là bắt đầu chịu thương chịu khó. Con sẽ không nhận thức được điều ấy ngay bây giờ đâu, nhưng dần dà con sẽ thấy là mẹ đã nói sự thật. Kể từ giờ phút này, con hãy chỉ

nghĩ đến phần rỗi của các linh hồn mà thôi, chứ đừng lo nghĩ mảy may gì cho mẹ cả.

Chương 15: NHỮNG BƯỚC ĐẦU ĐỜI LINH MỤC

Don Bosco sẽ làm gì bây giờ?

Ngài thông minh, ngài thèm được làm việc, ngài nghèo… Người ta đề nghị với ngài ba nhiệm sở. Một gia đình quí phái ở Genova đề nghị ngài làm gia sư dạy dỗ con cái của họ. Vào thời ấy, rất nhiều gia đình, thay vì gửi con vào học các trường công lập, lại thích bao phòng trọ tại khách sạn riêng của mình cho một thầy giáo tư để vị này đảm nhiệm việc dạy dỗ và giáo dục con cái họ. Hầu như bao giờ họ cũng lựa một linh mục bảo đảm là nghiêm túc. Mấy nhà quí tộc thành Genova đã cho Don Bosco biết là thù lao của ngài sẽ là mười ngàn lires mỗi năm (một sự đãi ngộ rất hậu).

Cư dân ở địa phương của ngài thì xin ngài giữ chức quản lý nhà thờ Murialdo hiện còn bỏ trống. Họ cam kết với ngài một khoản thù lao cao gấp hai lần mức thông thường.

Cha xứ ở Castelnuovo, Don Cinzano lại đề nghị ngài làm phó xứ cho mình và cũng đảm bảo cho ngài một thu nhập khá.

Lạ thật! Mỗi người đều nói với Don Bosco về tiền bạc, như thể chuyện trở thành linh mục là một "áp phe sộp" mà rốt cuộc đã "chộp" được, cần phải làm sao cho nó sinh lợi về mặt kinh tài. Duy chỉ có một phụ nữ đã luôn luôn phải chắt chiu từng xu để giữ quân bình ngân sách chi thu, là đã nhắc nhở vị tân linh mục:

- Nếu con trở nên giàu có, mẹ sẽ không bao giờ còn đặt chân đến nhà con nữa đâu.

Để quyết định dứt điểm, Don Bosco đã tới Torino, tìm đến nhà Don Cafasso.

- Con đến làm gì đây?

- Đừng chấp thuận đề nghị nào cả. Hãy đến đây, đến Trung tâm giáo sĩ. Cha sẽ bổ túc khóa đào tạo linh mục của mình tại đây.

Don Cafasso là người nhìn xa thấy rộng. Ngài đã hiểu rằng "sứ mạng" nhân bản và thiêng liêng của Don Bosco không thể cam phận với một gia đình hoặc một địa phương. Ngược lại, Torino là một thành phố phù hợp với tài đức của vị tân linh mục: những khu phố mới, những thời đại mới, những vấn đề mới. Don Cafasso sẽ chỉ cần luôn luôn chuyên chú theo dõi để điều tiết Don Bosco.

Khám phá đầu tiên: cảnh cơ cực của vùng ven đô

Trung tâm giáo sĩ trước kia là một tu viện tọa lạc gần nhà thờ thánh Phanxicô khó khăn. Trong tòa nhà ấy, nhà thần học Lu-y Guala, với sự tiếp tay của Don Cafasso, đang chuẩn bị cho bốn mươi lăm linh mục trẻ trở thành những vị tông đồ "của thời đại họ và của xã hội mà trong đó họ sẽ phải sống".

Việc chuẩn bị kéo dài hai năm (riêng đối với Don sẽ áp dụng một ngoại lệ: ba năm). Ngày nào cũng diễn ra hai phiên họp: một vào buổi sáng do Don Guala chủ trì và một vào buổi tối do Don Cafasso. Trong ngày, các linh mục được gửi đi vào giữa môi trường đô thị để tiến hành công tác mục vụ của mình: những bệnh viện, những khám đường, những cơ sở từ thiện, những cao ốc sang trọng, những ngôi nhà bình dân và những căn gác xếp, giảng Phúc âm trong các nhà thờ và dạy giáo lý cho bọn trẻ, cứu tế các bệnh nhân và những người già nua tuổi tác.

Kể từ năm 1841, Don Cafasso đã trở thành "cha linh hướng" của Don Bosco. Điều này có nghĩa là Don Bosco sẽ xưng tội với ngài, xin những lời khuyên bảo của ngài trước bất cứ một quyết định quan trọng nào, bày tỏ với ngài những ý đồ riêng của mình và tin cậy hoàn toàn ở sự nhận định của ngài.

Cho đến nay, Don Bosco chỉ mới quen biết cảnh nghèo của vùng nông thôn. Ngài không biết thế nào là cảnh cơ cực chung quanh các đô thị. Don Cafasso bảo ngài:

- Đến đó mà coi, cha hãy nhìn xem quanh mình.

"Ngay những ngày Chúa nhật đầu tiên, Micae Rua sẽ làm chứng, ngài đã đi xuyên suốt thành phố nhằm tạo cho mình một ý niệm về điều kiện tinh thần của những người trẻ".

Ngài đã bàng hoàng, điên đảo vì những điều mắt thấy tai nghe. Các vùng ven đô đều là những khu vực sục sôi và đầy chống đối, những vành đai của sự thống khổ. Lũ trẻ vị thành niên đi lang thang khắp các phố xá, không có công ăn việc làm, hư hỏng, sẵn sàng lún sâu thêm.

Chợ mua bán những tay thợ trẻ

Gần chợ trung tâm của Torino, ngài phát hiện ra một khu "chợ buôn bán những cánh tay trẻ" chính hiệu. "Khu vực kế bên Porta Palazzo [Cổng Dinh Vua], Don Lemoyne viết, lúc nhúc những kẻ buôn gánh bán bưng, những người bán diêm quẹt, những kẻ đánh giày, những thợ cạo ống khói, những tên lao công chuồng ngựa, những người phân phát các giấy tờ quảng cáo, những tên mối lái các mặt hàng trong chợ, tất cả đều là những đứa con nít đáng thương chạy ăn từng ngày, từng bữa".

Con cái của các gia đình nghèo, bản thân chúng cũng không có việc làm, lùng sục bất cứ công việc nào, miễn là nó đem đến cho chúng ít nhiều phương

tiện nào đó để sống còn. Chúng là những "sản phẩm" đầu tiên của sự qui tụ những người di dân từ "vòng đai đen" đã vây bọc thành phố từ thuở nào tới giờ.

Người ta thấy chúng leo lên những dàn giáo thợ hồ, tìm một chân làm trẻ sai vặt trong các cửa hàng, đi lang thang mà miệng gào to những tiếng rao của những kẻ làm nghề cạo ống khói. Người ta bắt gặp chúng chơi các trò ăn tiền tại các góc phố với vẻ mặt đanh lại và đầy kiên quyết của loại người sẵn sàng làm tất cả mọi sự để giành lấy một chỗ đứng thoải mái dưới ánh sáng mặt trời.

Nếu ta thử lại gần chúng, chúng sẽ lảng tránh, với vẻ vừa e dè vừa miệt thị. Chúng không đến từ xóm Becchi, chúng không tìm những mẩu chuyện vui, cũng không thèm những trò ảo thuật. Chúng là những con "chó sói", những thú vật hoang dã trong giấc mơ của ngài, tuy tận đáy những ánh mắt ấy ta ghi nhận nhiều vẻ sợ hãi hơn là vẻ hung dữ.

Cuộc cách mạng công nghiệp

Bọn trẻ trên các con đường phố của Torino ấy đều là một "thành quả biến chất" của các biến cố đã bắt đầu làm đảo lộn thế giới: cuộc cách mạng công nghiệp.

Năm 1769, ở Glassgow bên Anh quốc, Jacques Watt đã xin cấp bằng sáng chế cho "máy hơi nước". Bộ máy này, nhờ sử dụng năng lượng tỏa ra từ sức nóng, phát động một cần gạt và các đai chuyền. Chỉ duy một bộ máy của Watt (với một lực lên tới 100 sức ngựa) đã mở ra một lực tương đương với sức của 800 người hợp lại. Nhờ sử dụng máy này, một nhà máy sợi có thể đạt năng suất bằng năng suất của 200,000 người. Để tiến hành những nghề kéo sợi hoàn thành bởi cỗ máy này, chỉ cần 750 công nhân, chen vai sát cánh nhau trong một vài nhà xưởng.

Xưởng thợ và công nhân (còn được gọi là dân vô sản) bắt đầu hiện hữu. Trước kia, dân chúng được chia ra thành nông dân, thương gia và thợ thủ công. Trong số các thợ thủ công (những lao động sử dụng các công cụ thuộc về mình,

trong các xưởng thợ của chính mình), người ta kể luôn những người thợ dệt chuyên môn kéo sợi bông vải và len bằng cách dùng đôi cánh tay của mình.

Việc sản xuất được nhân gấp các công việc làm giảm đột ngột giá cả các mặt hàng vải và phát triển thêm nhiều vải vóc trên thị trường. Đồng thời, người ta ghi nhận một sự tăng vọt đáng kể việc sử dụng sắt (cho việc sản xuất ra các máy móc, các nghề, các đường xe lửa) và việc khai thác từ trong lòng đất (thiết yếu cho động lực của máy hơi nước và cho việc luyện thép).

Việc quy hoạch rộng rãi các tuyến đường xe lửa, các tàu bè chạy bằng hơi nước và các phương tiện vận tải khác cũng diễn ra trong thời kỳ này.

Cũng trong những năm ấy, nhờ những tiến bộ thắng lợi của y khoa và khoa vệ sinh phòng chống những dịch bệnh gây tử vong dữ nhất như bệnh dịch hạch và bệnh sởi, dân số châu Âu tăng vọt khủng khiếp: từ 180 triệu trong năm 1800 lên thành 260 triệu vào năm 1850.

Sự phát triển ghê gớm của các cơ xưởng (tức là nền công nghiệp) gây nên một cơn khủng hoảng cuộc sống của các công nhân. Làn sóng những con người đi tìm kiếm việc làm từ nông thôn ào ào kéo về các thành phố. Các xưởng thợ đều mang một nét mặt đặc thù: đó là những trung tâm trong đó một lượng đông đảo các lao động cùng hoàn thành một công việc dưới sự lệ thuộc vào một ông chủ.

Bên Anh cũng bắt đầu nảy sinh những thành phố than, những thành phố sắt, những thành phố công nghệ dệt. Đây là cuộc cách mạng công nghiệp. Khai sinh từ Anh quốc, nó nhanh chuyển qua Pháp, Đức, Bỉ, rồi qua châu Mỹ.

Theo sử gia Carlo M. Cipolla [2], đây là một trong số hai cuộc đổi thay vĩ đại nhất đã xảy ra trong lịch sử loài người.

Cuộc đổi thay thứ nhất xẩy ra trong đêm tối của lịch sử. Những con người là "một tổng thể được gắn kết với những đám thợ săn ít ỏi, hung dữ và xấu xa". Với "cuộc cách mạng của đời sống nông nghiệp", con người biến thành những người

trồng tỉa và nuôi gia súc. "Giữa những người thợ săn của thời cổ và những người canh tác đất đai với các dụng cụ tinh vi, có cả một vực thẳm cách biệt, đó là sự cách biệt của cuộc sống man rợ với cuộc sống của nền văn minh". Sự thay đổi tận căn thứ nhất này của lịch sử con người được phát triển trong dòng một ngàn năm, con người ta có thời gian để thích nghi một cách tuần tự.

Cuộc cách mạng thứ hai, tức là cuộc cách mạng kỹ nghệ, "xâm chiếm địa cầu, đảo lộn cuộc sống và cuốn trôi đi các cơ cấu của tất cả các xã hội hiện hữu của con người trong vòng có 7 hay 8 thế hệ thôi (= đồng nghĩa với khoảng 150 năm hay 200 năm). Tâm trí con người bị đặt trước các vấn đề mới "với một sự bức bách đến chóng mặt".

Sự tiến bộ lớn lao được cống hiến cho thế giới

Cuộc cách mạng công nghiệp mở ra những cánh cửa cho một thế giới hoàn toàn mới, cho những nguồn năng lượng mới và chưa từng được biết đến: than, dầu lửa, cốt mìn, điện, nguyên tử.

Nhân loại phát triển với tốc độ của sự bùng nổ: 750 triệu người trong năm 1750, một tỷ 200 triệu trong năm 1850 và hai tỷ rưỡi vào năm 1950.

Sự thoải mái mà cuộc cách mạng công nghiệp phát huy, trước đây chưa bao giờ đạt được.

Những đổi thay toàn diện và đầy công hiệu đang xẩy ra trong các thói tục, các tư tưởng, các tín ngưỡng, trong việc giảng dạy, gia đình. Những vấn đề hết sức lớn lao được đặt ra cho các thế hệ mới. Chúng ta hãy nhớ lại, vẫn chỉ là sự tăng gia không được kiểm soát về dân số, các võ khí luôn luôn gây tử vong nhiều hơn, sự phân hóa của Quốc gia truyền thống, nạn ô nhiễm, việc gạt ra ngoài xã hội những người già nua tuổi tác.

Bất kể các vấn đề đã được đặt ra thế nào, cùng với cuộc cách mạng công nghiệp. Nhân loại "đã thắng thiên nhiên trong một mức độ rộng lớn, đã xóa bỏ

các khoảng cách, đã bẻ gẫy rất nhiều những trở ngại vật chất đã từng đặt điều kiện cho họ trải qua suốt bao thiên niên kỷ". (*Jacque Marrtina*)

Cái giá khủng khiếp mà con người đã trả

Sự tiến bộ rộng lớn, nhất là trong một năm đầu, đã bắt con người phải trả một giá khủng khiếp: "một thiểu số cực nhỏ những người cực kỳ giàu có áp đặt một chế độ nô lệ đích thật lên một cộng đồng vô cùng đông đảo những kẻ vô sản". (*Thông điệp Tân Sự - Rerum Novarum*)

Trong thời đại mới của nhân loại đang đào sâu một "lỗ đen" khổng lồ: vấn đề thợ thuyền. Tại các thành phố công nghiệp mới đang hình thành một giai cấp mới, giai cấp những kẻ vô sản, những kẻ chẳng có của cải nào khác hơn là những cánh tay và những đứa con của họ. Những điều kiện mà trong đó những kẻ vô sản sinh sống thật là khủng khiếp.

Năm 1850 (chúng tôi viện dẫn theo các cuộc điều tra của Dolléans và Villermé), phân nửa dân số Anh quốc từ nay đã phải sống chen chúc trong các trung tâm đô thị. "Nhà ở" của các công nhân thông thường là những hầm rượu, trong đó cả gia đình xúm nhau lại, không có khí trời, không có ánh sáng, hôi rình do ẩm thấp và do những ống cống. Trong các xưởng thợ, không có các biện pháp vệ sinh, không hề có một qui chế hợp pháp nào, trừ qui chế do ông chủ đặt ra.

Đồng lương chết đói tuyệt nhiên không cho phép một chế độ ăn uống đầy đủ. Bữa ăn thường lệ, là nồi canh rau sam. Sự phân hóa của gia đình; sự leo thang của tật nghiện rượu, của nạn mãi dâm, của sự phạm pháp, sự tràn lan của các chứng bệnh mới lạ gây ra bởi một số nghề hoặc bởi những điều kiện mà trong đó họ hành nghề (bệnh ho lao, các chứng viên nhiễm đường hô hấp…) đã thành những hiện tượng phổ biến.

Lao động trong các xưởng máy không chỉ có những người đàn ông và những người đàn bà, mà còn cả những trẻ nhỏ mà cuộc sống trở thành một cơn ác mộng. Một gia đình vô sản rất khó mà sống còn được. Họ thậm chí chẳng có đồng nào để trả tiền bác sĩ, tiền thuốc men, tiền quần áo. Một bản thống kê tiết lộ là ở Nantes (Pháp) 66% trẻ em chết trước khi được 5 tuổi. Tuổi thọ trung bình của một người thợ, trong những năm 1830 đến 1840, là mười bảy, mười chín. Chính là những năm mà trong đó (chúng ta đã có nói tới) các công nhân ở Lyon và ở Paris nổi loạn với những tiếng gào la: "Sống bằng lao động hoặc chết trong chiến tranh!" và đã bị tan rã vì hàng loạt đại bác bắn xối xả.

Thảm cảnh của các trẻ em vô tội ở Ý

Bên Ý, cuộc cách mạng công nghiệp đến trễ, do thiếu vốn và thiếu nguyên liệu. Các xí nghiệp tơ sợi đầu tiên đã biến thành những xưởng máy ở Lombardia-Vénétie thuộc Áo (nhà máy kéo sợi len Rossi ở Schio năm 1817, Mazotto ở Valdagno năm 1836). Nền công nghiệp cơ khí bắt đầu ở Milan vào năm 1846. Sự phát triển công nghiệp diễn ra rất chậm và đầy khó khăn.

Về đời sống trong các xí nghiệp tơ sợi ở Lombardia, Rudolphe Morand đã viết: "Tại các nhà máy kéo tơ tằm, những xí nghiệp lớn chiếm từ 100 đến 200 người, người ta sử dụng đại đa số là trẻ em. Các công đoạn được giao cho chúng mang nặng tính máy móc đến nỗi chỉ sau ít lâu bọn trẻ đáng thương ấy đã thành ngớ ngẩn như những kẻ mất hồn hoặc như những người mắc bệnh tâm thần. Công việc kéo dài liên tục 13 giờ/ngày trong mùa đông và suốt 15 tiếng hoặc 16 tiếng/ngày trong mùa hè. Trong các máy kéo sợi được kéo nhờ sức nước, công việc đôi khi bị gián đoạn và bọn trẻ đáng thương lại phải "tranh thủ làm đêm". Môi trường lao động ẩm ướt và độc hại, việc thức khuya dậy sớm, sự ở lâu trong những tư thế vất vả thường gây nên, theo chứng từ của y sĩ thuộc khu vực công nghiệp, sự chai cứng các hạch, chứng ngạnh kết, bệnh tràng nhạc, bệnh sở,

những u bướu lạnh. Hơn 15,000 trẻ em, tại xứ Lombardia, đã chết như vậy ở lứa tuổi măng non.

Tại Torino, năm 1841, cuộc cách mạng công nghiệp đã đến như một hệ quả gián tiếp của tình thế.

Thành phố phát triển mau lẹ. Trong những năm 1838 - 1848, dân số từ 117,000 chuyển thành 137,000: một sự gia tăng 17%. Trong thập niên ấy, 700 hộ gia đình mới. Nhịp độ của làn sóng di dân vẫn được duy trì. Nó đạt đến đỉnh cao trong hai năm 1849 - 1850 khi người ta nói đến 50,000 dân di trú, nếu không phải là 100,000.

Những gia đình nghèo, hoặc những thanh thiếu niên đơn độc kéo đến từ thung lũng Sesia, từ các thung lũng thuộc các xứ Lanzo, Montferrat, Lombardia. Trên các Quảng Trường xây dựng, phụ việc cho các thợ hồ, suốt ngày ở trên những dàn giáo hiểm nghèo, phơi mình ngoài nắng, ngoài gió, leo trèo trên những cây thanh ngay đơ, mang nặng nào gạch, nào vôi, chẳng được hưởng sự giáo dục nào khác ngoài những ngược đãi thô lỗ và những cú đánh đập".

Các gia đình thợ thuyền, tối đến, "leo lên những kho chứa đồ cũ". Đây là những chỗ ở duy nhất mà tiền trọ là có thể chấp nhận được đối với đồng lương của các công nhân. Don Bosco đã leo lên để nhìn qua những căn phòng nằm sát mái nhà ấy và thấy chúng đều thấp lè tè, chật hẹp, buồn thiu và dơ dáy. Chúng được dùng vừa làm phòng ngủ, vừa làm nhà bếp và đôi khi là cả xưởng làm việc cho mọi lao động bất kể trẻ, già, trai, gái trong các hộ gia đình.

Việc tính sổ

Từng đoàn, từng nhóm thanh niên đi lang thang, nhất là ngày Chúa nhật, trên các đường phố và dọc theo hai bờ sông Pô. Chúng đưa mắt nhìn những con người "thơm phức và tươi rói" đi ngang, dửng dưng trước nỗi cơ cực của chúng.

Don Bosco tính sổ thật lẹ. Bọn trẻ ấy cần có một mái trường và một công việc nhằm chuẩn bị cho chúng một tương lai ổn định hơn; chúng cần được sống chính cuộc sống tốt lành của các người trẻ, nghĩa là cần thỏa mãn khát vọng của mình là được chạy và nhảy trên những khoảng xanh rì, mà khỏi phải ở lỳ một chỗ để ủ rũ đợi chờ trên các hè phố; chúng cần được gặp gỡ Thiên Chúa ngõ hầu khám phá ra và biểu hiện nhân phẩm của mình.

Ngài không phải là người đầu tiên cũng chẳng phải là người duy nhất đã rút ra những kết luận đại loại như vậy. Yêu cầu bức thiết phải giúp đỡ quần đại quần chúng, giữa lúc ấy, cũng chính là cảm tưởng của chính Carlo Alberto.

Nhà vua đã đặc biệt bận tâm vì "cuộc cách mạng khác" đang ở đâu đó trong không trung, cuộc cách mạng chính trị, sẽ bất thần nổ ra vào khoảng cuối năm 1847 sang đầu năm 1848.

Trong khi vẫn để mắt ngó chừng nước Áo (kẻ thù sẵn sàng nhượng bộ hoàn toàn với phe tự do), ông thận trọng chuyển từ các tư thế chuyên chế sang những dòng chảy ôn hòa nhất của phe tự do. Ông bắt liên lạc với Massimo d'Azelio, Cesare Ballo, Giacomo Durando. Quy trình lâu dài này sẽ đưa ông đến chỗ trở thành người ủng hộ cuộc Risorgimento đầu tiên.

Nhưng nhà vua cũng còn bận tâm đến các điều kiện xã hội trong Vương quốc của mình; ông tán trợ bất luận ý kiến nào liên quan đến vấn đề từ thiện và bình dân học vụ.

Các linh mục và các nhà chính trị cũng chia rẽ nhau. Vào thời đại này, tùy theo xu hướng của họ là thuận hay chống lại các quan niệm của phe tự do. Nhưng họ đều kề vai sát cánh với nhau trên cùng một trận tuyến chống lại nỗi cơ cực cả về vật chất lẫn tinh thần của dân chúng. Những năm ấy, Torino đã thấy đột nhiên xuất hiện hàng loạt những trường học bình dân dành cho các công nhân.

Ngược lại chính vấn đề thanh thiếu niên là cái khiến Don Bosco tập trung

mọi nỗ lực của ngài. Don Cafasso nhận xét thấy vậy và quyết định đốc thúc ngài xốc tới hết ga.

---

[2] Carlo M. Cipolla, Storia delle idee politiche, economiche, sociali, UTET, Vol. V (Lịch sử các ý tưởng chính trị, kinh tế, xã hội...)

Chương 16: "CON TÊN LÀ BARTOLOMEO GARELLI"

Dân chúng ở Torino gọi Don Cafasso là "vị linh mục của giá treo cổ". Ngài thường đi xuống từng phòng giam tại các nhà tù để ủy lạo các tù nhân. Nếu có người nào bị kết án tử hình, ngài liền cùng anh ta leo lên xe bò và động viên anh ta cho tới tận địa điểm hành quyết.

Vào thời ấy, có bốn nhà tù tại Torino: hai cho đàn ông, hai cho đàn bà.

Vào lúc sắp khởi hành một trong những chuyến viếng thăm theo thông lệ, Don Cafasso đã rủ Don Bosco đi theo mình.

Những hành lang âm u, những vách tường tối thui và ẩm ướt, bộ mặt ủ rũ và tái nhợt của các tù nhân khiến Don Bosco cảm thấy bồi hồi xao xuyến. Trái tim ngài thổn thức trong lồng ngực và ngài có cảm giác như ngộp thở.

Những đứa trẻ đằng sau các song sắt

Nhưng điều khiến ngài khổ tâm hơn cả, đó là cảnh tượng bọn trẻ đằng sau các song sắt. Ngài viết: "Thấy một số đông các trẻ em từ mười hai đến mười tám tuổi, tất cả đều dồi dào sức khỏe, lực lưỡng, vẻ mặt thông minh; thấy chúng ở trong đó, chẳng có gì làm, bị cắn xé bởi chấy rận, thiếu cả của ăn vật chất lẫn của ăn tinh thần, điều ấy khiến tôi ghê sợ".

Ngài còn trở lại đó nhiều lần, với Don Cafasso và cả đi một mình nữa. Ngài tìm cách bắt chuyện với chúng, không chỉ theo kiểu "dạy giáo lý" (dưới sự giám

sát của các cai tù) mà là một cách hết sức đơn sơ. Buổi đầu, các phản ứng rất là gay gắt, nhưng rồi dần dần, đứa này hoặc đứa khác đã tỏ ra bớt e dè và cuộc đối thoại đã trở nên hữu nghị hơn.

Bằng cách ấy, ngài đã biết được chuyện đời bạc phước của chúng, sự đồi trụy của chúng, cơn điên khùng đã từng bước biến chúng thành hung dữ. "Tội" thông thường hơn cả là trộm cắp: vì đói, và cũng vì oán hận đối với những kẻ giàu đã khai thác công việc của chúng và bỏ mặc chúng trong cảnh cơ cực.

Chúng được nuôi sống bằng bánh mì và nước lã. Chúng phải miễn cưỡng vâng lời những tên cai tù, là những kẻ vốn khiếp sợ chúng nhưng lại tìm đủ mọi cớ để đánh đập chúng.

Người ta giam chúng trong những xà lim tập thể mà ở đó những tên ác ôn côn đồ hơn cả lại biến chúng thành những "đại ca", những ông chủ tuyệt đối.

"Điều khiến tôi cảm kích nhất, Don Bosco viết, đó là rất nhiều em, khi ra khỏi tù, đã quyết tâm thay đổi cuộc sống, theo hướng tốt hơn", dù chỉ là vì sợ hãi cảnh tù đày, "nhưng rồi sau đó ít lâu, ngựa quen đường cũ, rốt cuộc chúng lại bị bắt giam vào đó như trước".

Ngài cố tìm hiểu lý do và đã kết luận: "Đó là vì chúng đã bị bỏ rơi một mình, tứ cố vô thân. Chúng không có gia đình hoặc cha mẹ họ hàng đều hắt hủi chúng bởi lẽ ngục tù đã làm chúng ô danh cho đến muôn đời".

"Tôi đã tự nhủ trong lòng: lẽ ra bọn trẻ ấy phải tìm được ở bên ngoài một người bạn nào đó chăm lo cho chúng, hỗ trợ chúng, dạy dỗ chúng, dẫn chúng đến nhà thờ trong các ngày lễ. Được như vậy, chúng sẽ không còn bị ngồi tù trở lại nữa".

Ngày này qua ngày khác, ngài đã kết thân được với vài đứa. Các "bài học giáo lý sau song sắt" của ngài đã được nghe một cách tự nguyện hơn. "Tôi càng cho chúng hiểu thế nào là nhân phẩm, ngài viết, chúng càng cảm thấy vui thỏa trong lòng và càng kiên quyết trở nên tốt hơn".

Nhưng rất thường, khi ngài trở lại, tất cả đều đổ vỡ tan hoang. Những gương mặt lại ra vẻ cau có, những giọng nói móc mỉa, lầm bầm những câu chửi thề. Don Bosco không phải lúc nào cũng tái thiết được những gì đã đổ vỡ. Một hôm ngài đã bật khóc; khoảnh khắc lưỡng lự. Ai đó lên tiếng hỏi:

- Tại sao vị linh mục đó lại khóc?

- Tại cha ấy yêu thương bọn mình. Mẹ tớ có thể cũng sẽ khóc nếu bà thấy tớ ở trong này.

Don Bosco quyết định, trong khi các cha xứ thì chờ đợi

Khi ra ngoài, Don Bosco đã đưa ra một quyết định không gì lay chuyển được: "Với bất cứ giá nào, phải ngăn chặn không để cho những trẻ em còn quá nhỏ dại như vậy bị tàn đời trong chốn ngục tù. Tôi muốn là người giải cứu cho lớp trẻ ấy".

"Tôi đã bày tỏ quyết định này với Don Cafasso, ngài viết, và theo lời khuyên của ngài tôi đã ra sức phấn đấu thể hiện nó trong thực tế".

Có những linh mục khác, ở Torino, cũng đang tìm những đáp án cho các vấn đề của giới trẻ và đang đi theo những hướng khác nhau.

Tại Torino có tất cả 14 giáo xứ trong thành phố và hai giáo xứ tại vùng phụ cận. Các cha xứ cảm nhận vấn đề của các thanh thiếu niên, nhưng họ đang chờ đợi chúng tại các phòng mặc áo hay trong các nhà thờ, để dạy giáo lý cho chúng vào buổi chiều, vào Chúa Nhật, hay trong mùa chay. Các ngài tiếc nuối "các thời tươi đẹp" trong đó các em di dân tới Torino với thư gửi gắm của cha xứ gốc của chúng cho cha xứ bạn tại thành thị. Họ không nhận ra rằng dưới những đợt sóng của sự tăng trưởng của dân chúng, những khung sống và hoạt động đang phải chịu sự biến đổi, những thời kỳ "tươi đẹp quá khứ" sẽ không trở lại nữa đâu.

Cần phải sáng tạo ra những khung hoạt động mới, những con đường mới. Những vị cha phó xứ vẫn đang còn tiếp tục cử hành các tang lễ và việc rửa tội,

phải biết thử nghiệm một hoạt động tông đồ khi đi lại thoăn thoắt giữa các xưởng thợ, các văn phòng, và các khu thương mại.

Tại Milan, nơi các cuộc cách mạng kỹ nghệ đã trở nên mạnh mẽ từ nhiều năm nay, vấn đề thanh thiếu niên lang thang hè phố đã được đương đầu. Kể từ đó người ta có thể thấy mạng lưới những viện giáo dục thích đáng đối với các thời đại: các "Nguyện Xá". Trong năm 1850, niên giám giáo phận Milan kể ra có tới 15 Nguyện Xá, có vài Nguyện Xá có cả mạng lưới các viện được thích ứng với thời đại.

Kinh nghiệm của cha Cocchi

Vị đầu tiên là Don Cocchi, một linh mục tích cực đến từ tỉnh lẻ, từ Druent. Cha đã thụ phong linh mục năm 1836, đang khi Don Bosco kết thúc năm triết thứ nhất của mình ở chủng viện.

Tại Moschino, một địa phương vốn nổi tiếng là cực kỳ nghèo khổ và hẻo lánh thuộc thị trấn Vanchiglires, ngài đã thành lập vào năm 1841, Nguyện Xá đầu tiên của kinh thành Torino (ngài đã có thử vào năm 1840) và ngài đã đặt nó *dưới sự bảo trợ của Thiên thần Bản mệnh.* Trong khu giáo xứ Đức Mẹ Truyền Tin, gần sông Pô.

Don Cocchi là một linh mục có thiên tài và nhạy bén, với những ý tưởng tỏa sáng và những cái gật đầu của một con người khởi xướng, nhưng không có sự bền bỉ và cái nhìn dài lâu của một con người thực hiện. Và ngài có các ý tưởng tự do, đảm nhận những thái độ đối đầu trước đường nét chính trị của Đức Tổng Giám Mục của ngài và của Đức Thánh Cha. Điều đó khiến người ta "e ngại" ngài, ngay cả cho dù ngài có một đức ái năng động đánh thức sự bất động của biết bao các vị giáo sĩ khác.

Trong thời gian giữa 1849 - 1850, cha Cocchi hoạt động giữa những người sinh động hóa "các Hiệp hội Bác ái ủng hộ các trẻ mồ côi và bị bỏ rơi", và sau đó

trong các "Trường Trung học Thợ", Nguyện Xá Thánh Martinô, "Trung tâm Canh nông" tại Moncucco, luôn luôn ủng hộ giới trẻ và các tầng lớp khổ sở.

Những linh mục khác, cùng với cha Cocchi, cũng đồng dấn thân vào công việc mục vụ giữa giới trẻ. Họ là những linh mục "tự do" khỏi các bổn phận tại các giáo xứ. Nhiều vị đã học hay đang học tại Học Viện Giáo Sĩ của cha Cafasso, và kết bạn với nhau trong kinh nghiệm sinh động mà họ cùng chung đương đầu.

Chính cha Cafasso – như Don Bosco ghi nhớ lại – "từ nhiều năm qua, trong thời gian nghỉ hè, vào các Chúa Nhật, đã dạy giáo lý cho các bạn trẻ thợ xây tại một căn phòng nhỏ gần bên nhà mặc áo của nhà thờ thánh Phanxicô Assisi. Tuy nhiên sự nghiêm trọng của các mối quan tâm tới đức tin đã buộc ngài phải ngưng một hoạt động rất thiết thân với ngài".

Cả ngày Don Bosco, như chúng ta đã nói, khi vừa mới bước vào Học viện Giáo sĩ, đã bắt đầu đi thăm các trẻ ở ngoài hè phố. Ngài đã gặp những đám trẻ e ngại và thù địch với ngài, nhưng cũng có các trẻ rất thương mến ngài. "Cha đã gặp gỡ cả một đoàn lũ các bạn trẻ đi theo tôi trên các đường phố, các Quảng Trường, và tại chính phòng áo của nhà thờ Học viện Giáo sĩ".

Cha Cafasso muốn phó thác việc tiếp tục lớp giáo lý dạy các bạn trẻ của ngài cho Don Bosco, nhưng sau cái kinh nghiệm bi đát về thể xác lẫn tinh thần ở nhà tù khiến Don Bosco nghĩ đến một cái gì đó có sức bền chặt hơn.

Don Bosco muốn thực hiện – như ngài đã nói với cha Cafasso - một trung tâm mà tại đó những trẻ em nào bị gia đình bỏ rơi sẽ tìm được một người bạn, hoặc tại đó những đứa nào trong bọn chúng ra khỏi nhà tù, biết rằng mình sẽ có một sự cứu giúp và một sự nâng đỡ. Một trung tâm không chỉ hoạt động ngày Chúa nhật để dạy giáo lý, mà còn sẽ kéo dài cả tuần bằng tình bạn, sự hỗ trợ, những cuộc gặp gỡ ngay tại nơi làm việc.

Một kinh Kính Mừng để khởi sự

Buổi đầu rụt rè của công trình ấy (chưa gì đã chứa đựng tất cả tính độc đáo của Nguyện Xá của Don Bosco) đã diễn ra vào buổi sáng ngày 8.12.1841. Cũng trong năm mà Don Cocchi đã thành lập Nguyện Xá đầu tiên, tại Torino, ba mươi lăm ngày sau khi Don Bosco đến Học viện Giáo sĩ.

Chính ngài đã kể lại vụ việc với sự tế nhị và đơn sơ của một bài cổ văn:

"Ngày lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, lúc ấy tôi đang mặc áo lễ để cử hành thánh lễ. Thầy phục vụ phòng áo, Giuseppe Comotti, thấy một đứa bé trong góc nhà, liền bảo nó ra giúp lễ cho tôi.

- Con không biết, nó lúng túng trả lời.

- Lại đây nào, thầy nói tiếp. Thầy muốn em giúp lễ mà.

- Em không biết, đứa bé lặp lại, em có giúp lễ bao giờ đâu.

- Ngu ơi là ngu! Thầy coi phòng áo tức giận la. Nếu mày không biết giúp lễ thì mày mò vào phòng áo làm gì chứ? Miệng nói, tay thầy lăm lăm cây chổi lông gà và quất túi bụi lên lưng và lên đầu thằng bé xấu số đang ra sức vùng vẫy để mong thoát thân.

Tôi lên tiếng phản đối:

- Thầy làm gì vậy. Sao thầy lại đánh nó?

- Vì nó mò vào phòng áo mà lại không biết giúp lễ.

- Thầy đã hành động sai quấy rồi đó.

- Việc ấy có mắc mớ gì tới cha đâu?

- Đó là một người bạn của tôi. Thầy hãy lập tức đi kiếm nó. Tôi cần nói chuyện với nó.

Thằng bé trở lại, đầy vẻ bẽn lẽn. Nó có mái tóc hớt ngắn, chiếc áo lốm đốm những vết vôi. Đó là thằng bé di dân. Có lẽ những người thân trong gia đình đã bảo nó: "Chừng nào mày tới Torino rồi, hãy đi giúp lễ". Nó đã đến nhưng không dám vào nhà thờ giữa các tín hữu ăn mặc đẹp, chỉnh tề. Nó đã thử vào qua ngả

phòng áo, như những người đàn ông và các thanh niên vẫn quen làm tại nhiều ngôi làng ở nông thôn.

Tôi hỏi nó với giọng ngọt ngào:

- Con đã dự lễ rồi chứ?

- Chưa.

- Vậy hãy vào dự lễ đi. Sau đó cha cần bàn với con về một công việc mà chắc sẽ làm con thích thú.

Nó hứa với tôi như vậy. Làm lễ xong và sau khi đọc kinh cám ơn, tôi dẫn nó vào một cái sân nhỏ và mỉm cười hỏi nó:

- Anh bạn tên là gì nhỉ?

- Barthelémy Garelli

- Con quê ở đâu?

- Ở Asti.

- Con làm nghề gì?

- Thợ hồ.

- Cha con còn sống chứ?

- Không, ổng chết rồi?

- Thế còn mẹ con?

- Bả cũng chết rồi.

- Con bao nhiêu tuổi?

-Mười sáu trăng tròn.

- Con biết đọc, biết viết chứ?

- Không.

- Con biết hát chứ?

Thằng bé dụi mắt, nhìn tôi trân trối và nói:

- Không.

- Con biết huýt gió chứ?

Barthelémy bật cười. Đó chính là cái tôi cần. Chúng tôi đã bắt đầu là bạn của nhau.

- Con đã rước lễ lần đầu rồi chứ?

- Chưa.

- Con đã xưng tội rồi chứ?

- Rồi, hồi con còn nhỏ.

- Con có đi học giáo lý không?

- Con không dám, bọn nhóc nhỏ hơn con chúng chọc quê con…

- Nếu cha mở lớp giáo lý dạy riêng mình con thì con sẽ đến chứ?

- Rất sẵn lòng.

- Ngay tại đây, được chứ?

- Với điều kiện là không có ai quýnh con.

- Yên chí đi, bây giờ con đã là bạn của cha và sẽ không một ai dám đụng tới con nữa. Con muốn bao giờ thì chúng ta bắt đầu?

- Bao giờ cha muốn.

- Ngay bây giờ nhé?

- Rất vui lòng.

Don Bosco quỳ gối và đọc một kinh Kính Mừng. Bốn mươi lăm năm sau, với các tu sĩ Salêdiêng của mình, ngài sẽ nói: "Tất cả mọi ơn lành đã từ trời rơi xuống cho chúng ta đều là kết quả của kinh Kính Mừng đầu tiên ấy, được đọc với lòng sốt sắng và với ý chỉ ngay lành".

Sau kinh Kính Mừng, Don Bosco làm Dấu Thánh giá trước khi bắt đầu, nhưng nhận thấy Barthelémy không làm dấu, hay ít ra là một thao tác quờ quạng tương tự như một Dấu Thánh giá. Thế là, dịu dàng, ngài liền dạy nó phải làm Dấu Thánh giá ra sao. Rồi ngài giảng giải cho nó bằng tiếng địa phương (cả hai đều quê ở Asti) tại sao người ta gọi Thiên Chúa là "Cha". Cuối cùng, ngài bảo nó:

- Cha muốn con trở lại vào Chúa nhật sau, nghe Barthelémy.

- Rất vui lòng.

- Nhưng con đừng đến một mình. Hãy dẫn theo bạn bè cùng đến cho đông vui.

Barthelémy Garelli, một chú bé thợ hồ quê ở Asti, đã là đại sứ đầu tiên của Don Bosco giữa các lao động trẻ trong khu phố của nó. Nó kể lại cho chúng cuộc gặp gỡ của mình với vị linh mục dễ gây cảm tình "cũng biết huýt gió như ai", và chuyển lời mời của ngài đến bọn chúng.

Bốn hôm sau là ngày Chúa nhật. Bọn chúng gồm chín đứa kéo nhau vào phòng áo. Chúng không đến "nhà thờ Thánh Phanxicô khó khăn", chúng đến "kiếm Don Bosco". Nguyện Xá đầu tiên đã được khai sinh.

Ngay bây giờ nhé: Đó là một lời đánh dấu cả một hành trình

Trong cuộc đối thoại với Barthelémy Garelli, có từ Ngay Bây Giờ (tiếng Ý có nghĩa là "ngay tức khắc"). Đây có vẻ là từ cũng giống như trăm ngàn từ khác, nhưng đây lại là một hạt giống; nếu bạn gieo nó, nó sẽ mọc lên cho bạn một cái cây.

Với thời ấy (1841), Ngay Bây Giờ là khẩu hiệu của một nhóm linh mục ở Torino. Trong cơn hoang mang của cuộc cách mạng công nghiệp lớn nhất, trong tình trạng không sao tìm được những phương án và chương trình hành động có sẵn, các linh mục ấy đã dồn tất cả năng lực của mình nhằm tiến hành "ngay bây giờ" một việc gì đó cho các trẻ em nghèo, cho những kẻ xấu số.

Nhưng từ "ngay bây giờ" ấy sẽ vẫn tiếp tục, một cách đặc biệt, là ấn chứng của Don Bosco, rồi của các tu sĩ Salêdiêng của ngài, những vị sẽ được đào tạo chuyên môn như những người chuyên "can thiệp cấp kỳ" vào đám dân nghèo.

Chúng tôi sẽ nói, trong những trang sắp tới, về Don Bosco và về vấn đề xã hội. Nhưng chúng tôi muốn nói ngay từ bây giờ là Don Bosco đã "bị thúc đẩy phải hành động" ra sao do yêu cầu bức thiết của tình thế, do sự bất khả đợi chờ.

Cần phải "làm việc gì đó ngay tức khắc", Ngay Bây Giờ, bởi lẽ các trẻ em nghèo đâu có được hưởng những món hàng xa xỉ phẩm là ngồi đợi chờ những cải tổ, những kế hoạch có tổ chức, những đổi thay về cơ chế. Đã hẳn, từ Ngay Bây Giờ thôi vẫn chưa đủ. "Nếu bạn gặp ai đó sắp chết đói, thay vì cho người ấy con cá, hãy dạy người ấy cách câu cá". Điều này rất đúng, nhưng mặt trái của câu này cũng đúng luôn. "Nếu bạn gặp ai đó sắp chết đói, hãy cho người ấy một con cá để người ấy có đủ thời gian học cách câu cá". Từ Ngay Bây Giờ thôi vẫn chưa đủ, sự can thiệp khẩn trương cũng vậy luôn, nhưng "chuẩn bị một tương lai khác" nào có ích chi, nếu như, trong khi chờ đợi, những kẻ nghèo lăn ra chết vì đói.

Don Bosco và các tu sĩ Salêdiêng tiên khởi của ngài nhằm hướng Ngay Bây Giờ mà tiến tới, nhắm vào sự can thiệp cấp kỳ. Các ngài sẽ cung cấp cho các trẻ em nghèo nào giáo lý, nào bánh ăn, nào việc dạy nghề, nào một cái nghề được bảo vệ bởi một hợp đồng có việc làm béo bở. Và các ngài chỉ mong sao cho những người Công giáo khác, nhằm cạnh tranh với những người theo chủ nghĩa xã hội, những người Cộng sản, những kẻ vô chính phủ, sẽ chuẩn bị những phương án để tấn công và để tiến hóa cái quốc gia tự do vốn giả nhân giả nghĩa, luôn làm ngơ trước những tranh chấp trong công việc làm ăn, nghĩa là để mặc cho những kẻ mạnh trở thành những kẻ có toàn quyền còn những kẻ yếu thì bị chà đạp, bị bóc lột tận xương tủy.

Chương 17: NGUYỆN XÁ CỦA CÁC CHÚ BÉ THỢ HỒ

Trên tòa giảng trong nhà thờ Thánh Phanxicô khó khăn, một linh mục trẻ đang say sưa thuyết giáo. Kế bên một bàn thờ phụ, ngồi trên những bậc tam cấp của vòng rào vây quanh gian dành cho ca đoàn, mấy chú bé thợ hồ đang thiu thiu ngủ, đứa nọ gục đầu lên vai đứa kia.

Don Bosco băng ngang nhà thờ và đụng vào đứa đầu tiên. Cả bọn choàng tỉnh, bối rối. Ngài mỉm cười và khẽ hỏi:

- Sao các con lại ngủ gục?

- Tụi con chẳng hiểu gì cả, đứa lớn nhất cằn nhằn.

- Dù sao đi nữa, dứt khoát là vị linh mục ấy không cố ý giảng cho bọn con, đứa ngồi kế bên tiếp lời bạn.

- Các con hãy đến với cha.

Nhón gót, ngài dẫn chúng vào phòng áo. "Đó là Carlo Buzzetti, là Giovanni Garibaldi, là Germano", Don Bosco đầy cảm kích kể lại cho các tu sĩ Salêdiêng tiên khởi của ngài. Những chú thợ hồ nhỏ bé của vùng Lombardi mà trong suốt 30 năm, 40 năm chúng luôn có mặt bên cạnh ngài, và tất cả những ai ở Valdocco đều biết chúng. "Khi ấy chúng chỉ là những chú thợ hồ nhỏ bé, bây giờ chúng đã là các ông chủ, ông thầy thợ xây rồi".[3]

Đến phòng áo còn có cả Barthelémy Garelli và bạn bè của nó. "Quân số tăng dần". Don Bosco giúp chúng cầu nguyện, nói với chúng một lời cổ võ thích hợp,

sống động dưới hình thức một cuộc đối thoại với những sự kiện và những tin tức mới lạ. Rồi chúng đến ngự trên các băng ghế bên trong nhà thờ để dự thánh lễ do Don Bosco cử hành. Nhưng buổi sáng quá dài, sau thánh lễ và ổ bánh nhỏ của bữa điểm tâm, bọn trẻ lại thèm được nô đùa. Chúng bắt đầu bằng cách chạy lòng vòng trên mảnh sân nằm trong khuôn viên Học viện Giáo sĩ.

Những mẫu ảnh nhỏ, và cả những ổ bánh nhỏ

Don Bosco, những ngày đẹp trời, thường dẫn bọn trẻ dạo chơi vào buổi chiều, trên đồi, dọc theo hai bờ sông, đến các Thánh đường dâng kính Đức Mẹ.

Ngài đã dự tính suốt mùa đông đầu tiên ấy, chỉ tiếp nhận những trẻ em "gặp nguy hiểm nhiều hơn cả, và nhất là những đứa vừa ra tù". Nhưng, suốt quá trình cuộc sống của ngài, Don Bosco sẽ không bao giờ nỡ lòng nào đuổi xua một đứa trẻ đã ngỏ lời xin được ở lại với ngài. Sau một thời gian rất ngắn, "nhóm" của ngài đã được hình thành, một phần lớn bởi "những thợ đẽo đá, thợ hồ, thợ tô đường giả cẩm thạch, thợ lát đá hè phố" đến từ những miền xa xôi và vì những lý do khác nhau, không thể quay về nhà trong mùa thất nghiệp.

Don Guala và Don Cafasso giải tội cho bọn trẻ, đến trò chuyện với chúng, giúp đỡ chúng.

Don Bosco viết, có phần hơi bối rối: "Người ta sẵn sàng cho tôi những mẫu ảnh, giấy tập, những cuốn sách nhỏ, những ảnh đeo, những cây Thánh Giá nhỏ để tôi phân phát lại cho chúng. Nhưng các chú bé thợ hồ và các cựu tù nhân, có những yêu cầu còn khẩn trương hơn cả giấy tập và những mẫu ảnh đeo. Ngài lưu ý họ điều đó, và người ta cung cấp cho tôi những phương tiện để may mặc cho những đứa cần kíp hơn cả, lương thực cho những đứa khác đủ dùng trong nhiều tuần lễ, ít nhất là tới khi chúng có thể tự lực kiếm ăn bằng chính việc làm của mình.

Tìm việc cho những đứa thất nghiệp, tranh thủ được những điều kiện tốt hơn cho những đứa đã được tuyển dụng, trở thành công việc liên tục của Don Bosco trong suốt tuần lễ. "Tôi đến thăm chúng ngay tại hiện trường mà chúng công tác, trong các xưởng thợ và trên các Quảng Trường. Bọn trẻ của tôi tỏ ra hết sức mừng rỡ khi thấy một người bạn chăm lo cho chúng, điều này cũng làm hài lòng các ông chủ của chúng, khiến họ sẵn sàng nhận đùm bọc bọn trẻ, được hỗ trợ suốt tuần và trong các ngày lễ.

Những đứa "ra tù" đặt ra vấn đề tế nhị hơn cả. Ngài phấn đấu "kiếm việc làm cho từng đứa một nơi một ông chủ đàng hoàng tử tế" và ngài đến "gặp chúng lai rai trong tuần". Kết quả rất khả quan: "Chúng đã tập cho quen với nếp sống bình thường, đã quên đi quá khứ, đã trở nên những người Kitô hữu tốt và những công nhân lương thiện". (*Bộ hồi sử, trang 127*)

Thứ bảy nào Don Bosco cũng trở lại trong các khám đường để tiếp tục việc tông đồ khó khăn nhất của mình. "Tôi đến trong các trại giam với những túi đựng đầy thuốc lá, hoặc trái cây, hoặc những ổ bánh nhỏ. Bao giờ cũng nhằm mục đích cứu giúp các trẻ em đã sa cơ thất thế lọt vào đó, để biến chúng thành bạn của mình và để làm chúng thèm được đến Nguyện Xá khi chúng sẽ được ra tù".

Mười hai cung nhạc Kính Đức Mẹ

Ngày 2 tháng Hai 1842. Đó là ngày lễ Đức mẹ Dâng Chúa Giêsu tại Đền Thờ (vào thời đó là lễ buộc), Don Bosco đã dạy cho 25 đứa trẻ đó hát. Don Bosco đã viết rằng: "Thiếu âm nhạc, các cuộc họp mặt ngày lễ của chúng ta sẽ giống như một thân thể không có linh hồn". Lũ trẻ hát và gào thét trên những nẻo đường đồi núi, nhưng chúng cũng được học hát xướng cách nhịp nhàng một bài ca kính Đức Mẹ có tên là *"Kính Mừng đức Bà Maria"* (*Lodate Maria).*

Bài ca ngắn ngủi đó (gồm có 12 nốt nhạc) đã lượn từ Nguyện Xá này sang Nguyện Xá khác, từ trường Salêdiêng này sang trường Salêdiêng khác, và cho đến hôm nay (1979) vẫn còn được các trẻ hát lên tại Khasi bên Bắc Ấn Độ, giữa các căn nhà ọp ẹp của các khu ngoại ô tồi tàn của Brasil và Colombia.

Sự thành công rất khiêm cung của Don Bosco về âm nhạc đó sau này còn dẫn đến biết bao thành công và âm vang về âm nhạc Salêdiêng trên khắp thế giới, thứ nhạc hào hứng của tuổi trẻ!

Thằng bé đến từ xứ Caronno

Mùa xuân, các chú bé thợ hồ đã lên đường về nhà mình trong mùa thất nghiệp, nay lại trở lại Torino. Nhóm của Don Bosco tăng dần từng Chúa nhật. Có cả Giuse Buzzetti, em trai của Carlo đến từ Caronno Ghiringhello (nay là Caronno Varesino), một xứ thuộc tỉnh Milan. Em bé này mới lên mười. Nó quấn quýt bên Don Bosco không khác gì một chú chó con bên chủ mình và sẽ không bao giờ còn lìa xa ngài nữa.

Từ mùa xuân năm 1842 đến hừng đông ngày 31.1.1888, ngày Don Bosco tạ thế, Giuse Buzzetti sẽ luôn cận kề bên ngài, là nhân chứng bình thản và thầm lặng toàn bộ lịch sử của vị linh mục "đã rất quý yêu mình". Rất nhiều biến cố của trong cuộc sống của Don Bosco kể từ nay có thể sẽ bị liệt vào loại các "huyền thoại", vào thời đại đầy nghi hoặc và tối kỵ sự thần thánh hóa của chúng ta, nếu chúng đã không được chứng kiến bởi cháu bé thợ hồ người trần mắt thịt đến từ xứ Caronno, kẻ mà lúc nào cũng có mặt tại chỗ, chỉ cách Don Bosco "của nó" trong gang tấc.

"Nếu cha chỉ còn lại mỗi một miếng bánh..."

Điều khiến cho bọn trẻ gắn bó với Don Bosco chính là lòng nhân hậu thiết thân và đầy chân tình của ngài. Chúng cảm nhận lòng nhân hậu ấy và ghi nhận nó

trong những hành động cụ thể trong những cử chỉ khiến chúng xúc động, mỗi giây mỗi phút trong ngày của Don Bosco đều nhằm phục vụ chúng.

Nếu chúng cần tập đọc, cần tập làm bốn phép tính Don Bosco sẽ tìm ra giờ hoặc những người đầy khôn khéo để đứng lớp cho chúng.

Nếu chúng có một ông chủ xấu hoặc lâm cảnh thất nghiệp, ngài liền nhúng tay vào, tổng động viên toàn thể các bạn bè thân hữu để tìm ra một chỗ làm, một ông chủ Công giáo và lương thiện.

Thậm chí khi chúng cần tiền, chúng cũng biết rằng Don Bosco sẽ trút sạch hầu bao của ngài vào tay chúng.

Nếu ngày của chúng trĩu nặng u sầu và cực nhọc, chúng sẽ thưa với ngài: "Xin cha hãy đến với con", và ngài sẽ đến. Ngài đi sâu vào trong các xưởng thợ, trên các Quảng Trường xây dựng. Gặp ngài, trò chuyện với ngài, đó là những phút giây nhẹ nhõm trong lòng.

Một trong những câu mà nhiều đứa thường được nghe ngài nói với chúng (và được chúng bảo tồn trong ký ức của mình như một kho báo), đó là: "Cha thương con đến nỗi như đến ngày nào đó cha chỉ còn lại có mỗi một miếng bánh, thì chính con là người sẽ được cha chia sẻ miếng bánh ấy".

Khi cần khiển trách ai, ngài không mảy may ngại ngùng, nhưng không bao giờ làm trước mặt những người khác, để khỏi sỉ nhục đương sự. Nếu ngài hứa điều gì, ngài sẵn sàng nhảy vào lửa để làm tròn lời hứa đó.

Tất cả mọi trẻ em đều quí mến ngài, chúng gắn bó với ngài một cách vô điều kiện. Mỗi lần gặp ngài là lòng chúng lại rộn ràng như mở hội.

Trên đường phố Milan, gần tòa đô chánh, ngài gặp một thằng bé đi ngược chiều đang trở về sau một cuộc mua sắm. Hai tay nó bận mang một chai dầu ăn và một ly giấm, nhưng, vừa thấy bóng Don Bosco, nó liền chạy về phía ngài, miệng reo vang:

- Chào Don Bosco!.

Dầu ăn và giấm sóng sánh một cách nguy hiểm trong chai và trong ly. Don Bosco cười vì thấy nó sung sướng và ngài nói đùa với nó:

- Cha dám cá là con không thể nào làm được như cha đây.

Và ngài bắt đầu vỗ tay. Thằng nhỏ trong cơn hào hứng của cuộc gặp gỡ, bị mắc mưu một cách dễ dàng. Nó kẹp cái chai vào nách và ra sức vỗ hai tay vào nhau, miệng la:

- Don Bosco muôn năm!

Chai và ly tuột khỏi tay nó và vỡ tan. Nó đứng ngẩn người ra, tiu nghỉu như mèo cụt tai.

- Con khỏi lo, cái xui này mình sẽ hàn gắn được trong nhấp nháy, Don Bosco bảo nó.

Don Bosco đã mua dầu ăn và giấm cho thằng bé.

Quyền lãnh đạo thuộc về Đức Giáo Hoàng, thanh gươm thuộc về Đức Vua Carlo Alberto.

Năm 1843, tại Bruxelles (Bỉ) một người Piemonte bị đi đầy khác, Gioberti, sẽ phát hành một cuốn sách gây rất nhiều chấn động: *Quyền Tối Cao Tinh Thần Và Dân Chính Của Dân Tộc Ý.*[4] Trong những trang ấy có chứa đựng những quan niệm chủ yếu của chủ trương cải tổ kiểu phe tự do ôn hòa sẽ được gọi là "néoguelfisme" (tân phái ủng hộ Giáo hoàng). Sự cao cả của nước Ý, Gioberti khẳng định, gắn liền không thể tách rời với sự cao cả của Đức Giáo hoàng. Nền độc lập của nước Ý, do đó, sẽ phải được thực hiện nhờ sự liên minh với các quốc gia thuộc Ý Đại Lợi dưới quyền thống lãnh của Đức Giáo hoàng. "Quyền lãnh đạo thuộc về Đức Giáo hoàng, thanh gươm thuộc về Carlo Alberto" sẽ trở thành khẩu hiệu của những kẻ theo tân phái ủng hộ Giáo hoàng.

Carlo Alberto khấp khởi mừng thầm, nhưng ông vẫn nhìn nước Áo với một con mắt đa nghi.

"Cha có một chiếc áo dòng quá mong manh"

Ngày 30.4.1842, Don Cottolengo từ trần tại Chieri. Trong "ngôi nhà nhỏ" của ngài, số bệnh nhân nan y đã lên tới mấy trăm người. Mấy năm trước, Bộ trưởng Tài chính đã cho đòi Don Bosco tới hầu:

- Cha là giám đốc "ngôi nhà nhỏ của Chúa Quan Phòng" hả?

- Không, tôi chỉ là người làm công tầm thường của Chúa Quan Phòng.

- Có thể lắm. Nhưng nhờ ai mà cha có đủ phương tiện để nuôi sống bấy nhiêu người bệnh?

- Tôi đã thưa với ngài rồi, nhờ ở Chúa Quan Phòng.

Người đàn ông ấy vốn đã quen với những thực tế của đời thường, với những khoản thu và chi của ngân sách, tỏ ra mất bình tĩnh:

- Nhưng mà tiền bạc, cha ơi, tiền bạc ấy mà? Cha đào đâu ra mà lắm thế?

- Lại nữa! Nhưng tôi đã nói với ngài hai lần rồi. Chúa Quan Phòng đã cung cấp cho chúng tôi tất cả. Chúa không để chúng tôi thiếu bất cứ sự gì. Rồi đây tôi sẽ chết, ngài bộ trưởng cũng sẽ chết, nhưng Chúa Quan Phòng sẽ vẫn tiếp tục lo cho những người nghèo trong ngôi nhà nhỏ ấy.

Điều ấy đã xảy ra đúng như ngài đã nói. Khi ngài tạ thế, cha Anglesio thuộc Tòa Tổng Giám mục đã kế vị ngài và ngôi nhà nhỏ vẫn thản nhiên tiếp tục tồn tại, tọa lạc giữa ngôi chợ chính của thành phố và những tòa nhà thuộc các cơ sở từ thiện của bà hầu tước Barolo.

Don Bosco, nhân dịp này, đã nhớ lại cuộc gặp gỡ đầu tiên của mình với Don Cottolengo. Ngài đã đến Torino trước đó ít lâu và đã ghé thăm ngôi nhà nhỏ. Vị linh mục thuộc Tòa Tổng Giám Mục đã hỏi xem quí danh của ngài là gì, ngài từ đâu tới, rồi với vẻ lơ đãng và giễu cợt, cha đã bảo ngài:

- Trông cha cũng khá đấy chứ. Cha hãy đến công tác tại ngôi nhà nhỏ. Công việc sẽ không thiếu cho cha đâu.

Don Bosco đã trở lại đó, để giải tội cho các bệnh nhân, để ở bên bọn trẻ tật nguyền vài giờ. Một hôm, cha Cottolengo lại gặp ngài nữa (lúc ấy cậu bé Đaminh Saviô cũng có mặt), cha đã nắm lấy một dúm vải của tấm áo dòng của ngài và vừa rờ vừa nói:

- Vải mỏng quá. Cha hãy sắm lấy một chiếc áo bền chắc hơn, bởi lẽ nhiều trẻ em sẽ bấu víu vào chiếc áo dòng ấy.

Ngài thanh thản nói về Chúa

Bọn chúng bấu víu lấy thật. Thời gian càng trôi qua, số trẻ của Nguyện Xá càng gia tăng, đã hơn một trăm đứa. Chúng không chỉ cần bánh ăn và việc làm, mà còn cần cả Đức tin nuôi sống chúng cả khi bánh ăn trở nên hiếm hoi. Và Don Bosco, vốn không phải là một nhà từ thiện mà là linh mục, đã chăm lo cho chúng gặp gỡ với Thiên Chúa.

"Đối với tôi đó là một điều thật lạ lùng, ngài viết, suốt cả tuần và cách riêng những ngày lễ, khi thấy tòa giải tội của mình bị vây kín bởi bốn, năm chục đứa trẻ đôi khi phải đợi rất lâu mới tới phiên được vào tòa để xưng tội".

Xưng tội không phải là việc dễ dàng đối với bọn trẻ. Don Bosco giúp chúng bằng cách gợi ý cho chúng những phương thức cực kỳ đơn giản: "Nếu con không biết phải giải thích ra sao, chỉ cần đề nghị cách giải tội giúp con. Vì ngài đã quá bận rộn, nên ngài sẽ nêu cho con vài câu hỏi và thế là mọi chuyện đều được giải quyết ổn thỏa".

Hệ quả bình thường của việc xưng tội là việc rước lễ, và rất đông đảo trẻ em tuần nào cũng nối đuôi nhau bước lên bàn Thánh.

Ngay cả trong những cuộc trò chuyện thông thường, giữa các cuộc chơi, Don Bosco cũng thản nhiên nói về Thiên Chúa. Ngài chẳng cần phải gắng công chút nào với bọn trẻ của mình dù là để trao đổi những lời bông đùa hoặc những câu

chuyện, hay là để nói với chúng về Thiên Chúa. Giữa lúc đang choáng ngợp niềm vui, ngài bỗng nhìn chúng và bảo:

- Sung sướng biết bao, khi chúng ta được họp mặt với nhau trên Thiên quốc!.

Thỉnh thoảng, họ lại có dịp thảo luận với nhau và các câu hỏi có thể lái từ điều thiện sang điều ác, sang cuộc sống ở bên kia thế giới. Đứa nào đó đã cất tiếng hỏi ngài:

- Còn con, con có được rỗi không ạ?

Và ngài:

- Cha muốn thấy con sa hỏa ngục quá đi! Con tưởng rằng Chúa nhân lành dựng nên Thiên Đàng là để bỏ trống hay sao? Tất nhiên, leo lên đó đòi hỏi nhiều hy sinh, nhưng cha muốn rằng tất cả chúng ta sẽ gặp lại nhau đông đủ trên đó. Chúng ta sẽ ăn mừng cuộc họp mặt ấy thật linh đình, trọng thể.

---

[3] Memorie, p. 129

[4] Del Primato morale e civile degli Italireni.

Chương 18: BÀ HẦU TƯỚC VÀ "ÔNG CHA NHỎ" [CHA BOREL]

Mùa hè 1844, Don Bosco đã trải qua đủ ba năm tại Học viện Giáo sĩ.

Don Cafasso xuống khu phố Valdocco và đến gặp nhà thần học Borel, cha linh hướng của Nhà Nương Náu, được thành lập bởi bà hầu tước Barolo.

- Tôi muốn gửi đến đây cho cha một vị linh mục ngon lành. Cần cung cấp cho cha ấy một căn phòng và một khoản thù lao.

- Nhưng ở đây thậm chí còn không đủ việc làm cho riêng mình tôi nữa. Chúng tôi có thể dùng cha ấy vào việc gì chứ?

- Thì cứ để mặc cho cha ấy rảnh rỗi. Nếu khoản thù lao khiến cha bận tâm, thì chính tôi là người sẽ chi trả. Cha ấy tên là Don Bosco và tại nhà chung, cha ấy đã khởi công một kiểu Nguyện Xá cho bọn trẻ nhà nghèo. Nếu chúng ta không tìm được công tác nào cho cha ấy trong thành phố, Đức Tổng Giám mục sẽ cử cha ấy đi làm phó xứ ở vùng nông thôn và bọn trẻ trong Nguyện Xá của cha ấy sẽ quay về với đường phố. Đó sẽ là một bất hạnh đích thực.

- Nếu thế thì được. Tôi sẽ bàn với bà hầu tước về chuyện này.

Don Cafasso trở lại nhà chung và bảo Don Bosco:

- Cha hãy thu dọn hành trang và hãy lên đường đến Nhà Nương Náu. Cha sẽ làm việc cạnh cha Borel và cha sẽ có thời giờ để lo cho bọn trẻ của mình.

Chiếc áo nhặm dưới bộ xiêm y sang trọng

Bà hầu tước Julie-Francoise Colbert hồi ấy chiếm địa vị hàng đầu trong giới thượng lưu ở Torino. Là dân di cư từ Pháp sang trong thời kỳ cách mạng, bà đã kết hôn với Charles Tancredi Falletti di Barolo, người mà vào năm 1825, đã từng là đô trưởng thành phố Torino.

Ông hầu tước, qua đời năm 1838, đã bỏ bà lại không có con cái nối dõi tông đường và một gia tài kếch xù. Bà hầu tước, năm 53 tuổi, đã mặc, bên dưới những xiêm y thanh lịch của mình, một chiếc áo nhặm để đền tội và đã hiến trọn đời mình cho những người nghèo khó.

Bà bỏ ra, suốt nhiều tháng liền, mỗi ngày ba tiếng đồng hồ có mặt tại các trại giam các nữ tù nhân.

Bà đã cắn răng chịu đựng những lời thoá mạ, những sự lăng nhục, thậm chí đã chịu cả những cú đập đánh nhằm giúp đỡ và dạy dỗ đám phụ nữ xấu số ấy. Cuối cùng bà đã đòi được các giới hữu quan thành lập những trại giam nữ tù nhân cách biệt hẳn với những trại giam dành cho các tù nhân đàn ông. Bà chuyển các nữ tù nhân đến trong một ngôi nhà vệ sinh hơn mà chính bà đã cho thiết kế.

Bà đã sáng lập những viện mồ côi và những trung tâm dành cho các công nhân trẻ.

Tại Valdoco, gần ngôi nhà nhỏ của Don Cottolengo, bà đã xây Nhà Nương Náu, dành cho những gái điếm hoàn lương muốn làm lại cuộc đời. Gần đó, bà đã mở ngôi nhà của các cô gái biệt danh là "các nàng Mai Đệ Liên Bé nhỏ, tức là các thiếu nữ lâm nguy về mặt tinh thần mà chưa đến 14 tuổi.

Cũng trong năm 1844 ấy, bà đã khởi công một ngôi nhà thứ ba, tức bệnh xá Thánh nữ Philomène, dành cho các bé gái đau yếu hoặc tật nguyền.

Là người đứng đầu ba cơ sở từ thiện trên, lúc nào bà cũng tỏ ra thanh lịch và lanh lợi. Trong phòng tiếp tân của bà thường diễn ra những cuộc hẹn hò của các nhà thức giả nổi tiếng nhất lúc đương thời, Silvio Pellico đã từng là bí thư của bà

và chính tại nhà bà là nơi ông ấy đã viết cuốn "Những ngục tù của tôi". Camille Cavour đã là bạn rất thân và tâm giao của bà.

Nhà thần học Borel đến tìm bà hầu tước:

- Tôi đã tìm được một cha linh hướng cho bệnh xá của bà. Tên cha ấy là Don Bosco và cha ấy xuất thân từ Nhà Chung.

- Đồng ý nhưng bệnh xá còn đang thi công dở dang. Sáu tháng sau chúng ta sẽ bàn lại vụ này.

- Không được đâu thưa hầu tước. Don Bosco cần phải được tuyển dụng ngay lập tức, bằng không ngài sẽ được cử đi nơi khác. Don Cafasso đã nồng nhiệt gửi gắm ngài cho tôi và cha ấy có nói với tôi về Nguyện Xá đã được thành lập bởi vị linh mục ấy. Cha ấy nói rằng sẽ là cả một lỗi lầm nếu chúng ta để cho Don Bosco trôi dạt đi nơi khác.

Bà hầu tước đòi có những thông tin bổ sung. Rồi vững bụng, bà đã mướn Don Bosco với thù lao hàng năm là 600 lires và một căn phòng kế cận phòng của Don Borel, ở gần Nhà Nương Náu.

Về phần mình, ngay trong cuộc hội ngộ lần đầu với Bà hầu tước, Don Bosco đã muốn có những thông tin và những đảm bảo. Ngài chấp thuận giúp việc cho Nhà Nương Náu, nhưng đòi hỏi không bị buộc phải bỏ rơi bọn trẻ của mình. Ngài đặc biệt đề nghị là những trẻ em nào muốn gặp ngài những ngày thường trong tuần phải được ngài tiếp thoải mái.

Bà hầu tước, tuy tuổi đã lục tuần nhưng vẫn giữ được nguyên vẹn tính khí cương nghị và trung thực của mình, lấy làm mãn nguyện trước sự thẳng thắn đó. Bà chấp thuận cho vị linh mục trẻ được tụ tập Nguyện Xá của ngài trên khu đất trống nằm kế bên bệnh xá còn đang thi công. Ngay khi nào có thể, bà sẽ để ngài tuỳ nghi sử dụng, bên trong toà nhà, hai phòng nhỏ nữa, ngài sẽ có thể thiết kế hai phòng nhỏ ấy thành nhà nguyện.

Đó được coi là một sự sắp đặt, tuy rằng chỉ tương đối mà thôi.

Những chú chiên hoá thành những chàng chăn chiên tí hon

Ngày 12.10.1844, thứ bảy, Don Bosco có vẻ đăm chiêu tư lự. Hôm sau ngài sẽ phải nói với bọn trẻ là Nguyện Xá sẽ được dời ra vùng ven của khu phố Valdocco. "Nhưng tính khí khả nghi của địa điểm cũng như của các phương tiện, của cư dân ở đó, khiến tôi cảm thấy bồn chồn lo lắng. Đêm ấy, tôi lại mơ một giấc mơ nữa mà tôi thấy có vẻ là phần tiếp theo của giấc mơ mà tôi đã gặp ở xóm Becchi vào năm chín tuổi".

Ngài lại thấy cả một bầy chó sói đông đảo. Ngài tính bỏ chạy. Nhưng người phụ nữ mặc đồ chăn chiên đã ra dấu cho tôi đi theo bầy thú vật kỳ quái ấy trong lúc chính bà thì đi trước dẫn đường cho chúng. Chúng tôi dừng bước cả thảy ba lần. Tại mỗi trạm dừng chân, nhiều con chó sói trong bầy đã biến hoá thành những chú chiên hiền lành dễ thương. Mệt đừ đến chịu hết nổi, tôi chỉ muốn ngồi bệt xuống để nghỉ xả hơi, nhưng bà chăn chiên cứ yêu cầu tôi đi tiếp hoài. Và này, chúng tôi đang ở trên một cái sân rộng, với một cổng lớn xây ngay giữa sân và ở cuối sân là một ngôi Thánh đường. Số chiên đã trở nên hết sức đông đảo. Một số người chăn chiên khác đã đến để chăn dắt chúng, nhưng rất ít người trong bọn họ đã trung kiên tới cùng. Lúc ấy, một điều kỳ diệu đã xảy ra, nhiều con chiên bỗng biến hoá thành những chàng chăn chiên tí hon và chăn dắt các con chiên khác. Bà chăn chiên bảo tôi nhìn về phía Nam. Khi đưa mắt nhìn, tôi đã thấy một cánh đồng. Tôi đã thấy một ngôi Thánh đường nguy nga, tráng lệ. Bên trong ngôi thánh đường ấy, có một biểu ngữ màu trắng từ trên nóc vòm thòng xuống với một hàng chữ cực lớn: *Hic domus mea, inde gloria mea* (đây là nhà của Ta, từ nơi đây sẽ toả ra vinh quang của Ta).

Cách đó mười dòng, Don Bosco kết luận: "Tôi đã không mấy tin. Nhưng khi chuyện ứng nghiệm tới đâu tôi liền hiểu ngay tới đó. Vậy là, giấc mơ ấy, với một

giấc mơ khác nữa, đã được tôi dùng làm chương trình cho các quyết định của mình".

Don Bosco đâu? Nguyện Xá ở đâu?

Ngày 13 tháng 10, Chúa nhật, Don Bosco báo cho các con cái ngài việc dời Nguyện Xá tới gần Nhà Nương Náu. Việc này gây nên ít nhiều rắc rối. Thế là Don Bosco liền xốc tới, trả ngay bằng tiền mặt cho công trình xây dựng mà ngài mới chỉ thấy trong giấc mơ, rồi ngài hí hửng báo cho bọn trẻ là "ở đàng ấy đang chờ đợi chúng ta là cả một toà nhà rộng lớn dành trọn cho chúng ta tha hồ ca hát, chạy, nhảy. Chúng ta sẽ hài lòng với toà nhà ấy". Ai nấy đều nóng lòng chờ mong được thấy toà nhà mới.

Ngày 20 tháng 10, Chúa nhật, các toán trẻ em vượt qua những rào cản của trạm thuế nhập thị và lũ lượt kéo xuống khu phố lao động Valdocco. Tới tận hữu ngạn sông Dora, đó là một vùng toàn những đồng cỏ và ruộng rẫy, với từng đám nhà cửa nằm rải rác. Ngôi nhà nhỏ của Don Cottolengo, Nhà Nương Náu của bà hầu tước Barolo nằm kế cận những quán nhậu và những ngôi nhà quê mùa nơi cư trú của những người dân quê sống an phận thủ thường. Bọn trẻ chẳng biết phải đi đâu cả, chúng bắt đầu gõ hết cửa này đến cửa khác và la om sòm:

- Don Bosco ơi! Don Bosco đâu? Nguyện Xá ở đâu?

Dân chúng đã từng thấy những bọn trẻ côn đồ mất nết tương tự như bọn chúng, cứ ngỡ là có chuyện chẳng lành sắp xảy ra, nên liền gắt gỏng:

- Nguyện Xá nào? Don Bosco nào? Tụi bây có cút đi không? Cút đi cho khuất mắt, không thì chúng tao sẽ dùng chỉa ba rượt tụi bay chạy có cờ bây giờ!

"Nghe tiếng ồn, cùng lúc với nhà thần học Borel, tôi vội vã ra khỏi nhà. Sự huyên náo ngừng lại và lũ trẻ chạy đến bao quanh chúng tôi".

Chỗ để chơi và để chạy thì thừa, bán đi chẳng xuể. Nhưng một nơi yên tĩnh để cầu nguyện, để giải tội, để làm lễ thì chẳng có chỗ nào thích hợp cả.

- Toà nhà rộng lớn mà cha hứa với các con hiện vẫn chưa xây xong. Nhưng ai muốn, đều có thể lên phòng riêng của cha và phòng của Don Borel.

Kết quả, đối với Chúa nhật ấy cũng như mọi Chúa nhật khác cho tới mãi tháng 12, đó là cảnh những con cá bị đóng hộp. "Các phòng, các dãy hành lang, các cầu thang, đâu đâu cũng lố nhố kín đặc các trẻ em. Giải tội thì chỉ có hai chúng tôi, mà số trẻ muốn xưng tội lại lên đến cả hai trăm em. Mà đố ai giữ chúng yên lặng nổi, trong lúc chúng mỏi chân sốt ruột đứng đợi đến phiên mình, cả hai trăm thanh thiếu niên ấy!

"Đứa này muốn đốt lửa, đứa kia lại đòi dập tắt. Đứa lo chất củi thành đống, đứa khác xối nước lên trên. Xô, kẹp gắp than, xẻng xúc than, bình tưới cây, thau rửa mặt, ghế ngồi, giày dép, sách vở, tất cả đều ngổn ngang bề bộn, vì ai cũng muốn sắp xếp cho gọn cả".

Don Bosco có hơi quá đáng khi ghi lại mấy hàng diễn tả cuộc sống đầy vui nhộn trên, nhưng ai đã từng sống lâu năm giữa các trẻ em, thì biết rằng đây không phải là một sự "quá đáng" quá lố.

Sáu Chúa nhật như vậy, với hai trăm Thanh thiếu niên, vào khoảng giữa buổi sáng, nối đuôi nhau hàng hàng lớp lớp sau lưng Don Bosco, như một đạo quân nhỏ, để đi xem lễ ở Núi các tu sĩ dòng Capuxinô hay ở Nhà thờ Đức Bà An Ui hay tại vùng Sassi.

Thường thì nhà thần học Borel cùng đi với họ. Vị linh mục giản dị và bình dân mà thiên hạ quen gọi, do tầm vóc thấp bé của ngài, là "ông cha nhỏ". Đây là một người lao động không biết mệt, đã đùm bọc chở che cho Don Bosco trẻ trung và đã giúp đỡ ngài với một tình bạn tế nhị, kể cả giúp bằng tiền túi của mình.

Những bài thuyết giáo của "ông cha nhỏ" được đón nghe nồng nhiệt bởi bọn trẻ, vì bài nào bài nấy đều được trình bày bằng tiếng địa phương rất dễ thương của vùng Porta Palazzo, điểm thêm những tục ngữ, những câu nói bông đùa,

những từ đầy ý nhị. Có người đã nói với Don Bosco là lẽ ra nên giảng theo một kiểu nghiêm túc, chững chạc hơn. Ngài đã trả lời: "Thế gian này đầy rẫy những chuyện tức cười, do đó cần phải giảng theo kiểu tấu hài".

Lọn tuyết nổ tí tách trong lò than

Ngày 8 tháng 12, hai căn phòng dùng làm nhà nguyện rốt cuộc đã sẵn sàng. Thật đúng lúc, vì khi đêm xuống, tuyết rơi rất dữ. Sáng hôm sau, tuyết đóng rất dầy và tiết trời rất lạnh. Một lò than được đem vào nhà nguyện. Giuse Buzzetti còn nhớ là khi cậu băng qua sân, những lọn tuyết đã đáp xuống giữa lửa và nổ tí tách.

Bọn trẻ tuy vậy vẫn đến. Chúng thấy một bàn thờ nhỏ, một nhà tạm nhỏ, vài hàng ghế băng. "Chúng tôi đã làm lễ, Don Bosco ghi lại một cách đơn sơ, nhiều trẻ em đã xưng tội và chịu lễ và tôi đã khóc, vì tôi thấy dường như từ nay trở đi Nguyện Xá đã ổn định".

Ngài đã lầm, ngài sẽ còn phải khóc thêm hai lần nữa không phải vì mừng mà là vì buồn, trước khi tìm được một chỗ cố định và lâu bền cho Nguyện Xá.

Kể từ ngày 8.12.1844 ấy, Don Bosco dù sao cũng đã tìm được cho Nguyện Xá một cái gì đó sẽ tồn tại lâu dài một cái tên. Nó sẽ được gọi là "Thánh Phanxicô đệ Salê". Tại sao? Chính Don Bosco đã giải thích điều ấy như sau: "Vì bà hầu tước đã cho họa chân dung vị thánh ấy ngay cổng ra vào của toà nhà. Và vì hoạt động của chúng tôi đòi hỏi phải có thật nhiều điềm tĩnh và hiền hoà. Chúng tôi đã đặt mình dưới sự bảo trợ của Thánh Phanxicô đệ Salê, ngõ hầu ngài cầu bầu cho chúng tôi có được lòng nhân hậu phi thường của ngài".

Để duy trì niềm vui cho bọn trẻ của mình, Don Bosco đã mua những "trái bun", những viên đáo, những cặp cà kheo (hồi ấy người ta còn chưa chế ra bóng tròn). Ngài vẫn tiếp tục giúp những đứa nghèo nhất về của ăn, áo quần, giầy dép.

Giờ đây, vì ngài đã có sẵn một căn phòng, nên ngài hy vọng có thể dạy học chút ít cho những đứa thông minh nhất trong bọn trẻ của mình. Tối đến, cắt xén

bớt hai tiếng đồng hồ ngủ nghỉ của ngài, từng nhóm lẻ tẻ kéo nhau vào phòng riêng của ngài, với bộ mặt đen xì đầy mồ hóng hoặc trắng xoá vì dính đầy vôi, với tấm vải khoác vắt trên vai để ngăn bớt cơn lạnh, mặt mày hớn hở vì được học hành trong chốc lát.

Nhưng để mua sắm sách vở, quần áo, các đồ dùng để chơi, cần phải có tiền. Don Bosco cảm thấy rụt rè và khó chịu. Ngài rất kỵ việc phải vác mặt đến một gia đình giàu để xin bố thí. Don Borel động viên ngài:

- Nếu cha thật sự muốn mưu ích cho bọn trẻ của mình, thì cũng phải chấp nhận luôn cả sự hy sinh này nữa.

Don Bosco đành chấp nhận hy sinh. Gia đình đầu tiên mà ngài đến ăn xin (đã được chuẩn bị trước bởi Don Borel) đó là gia đình của hiệp sĩ Gonella. Ngài cảm thấy mặt mày đỏ bừng và nóng ran đến tận tai khi chìa tay ra để nhận ba trăm lires đầu tiên.

Bốn mươi hai năm sau, khi ngài yêu cầu một cha giám đốc Salêdiêng đi nhận một khoản bố thí, ngài đã nghe đáp lại là cha ấy "thiếu cái gan của Don Bosco". Ngài đã tỏ vẻ nghiêm nghị và bảo:

- Cha đâu biết là tôi đã phải khổ sở biết bao để xin bố thí.

Ngài sẽ không bao giờ rũ bỏ được sự khinh tởm ấy cũng như ngài sẽ không đánh mất nhân phẩm của mình. Không rụt rè, cũng không hạ cấp. Các gia đình quí tộc sẽ nói về ngài:

- Cứ y như vị thiên thần bước vào nhà chúng tôi vậy.

Thất bại ở Nhà thờ Thánh Phêrô bị trói

Suốt mùa chay 1845, ngài đã thử dời địa điểm từng phần một. Với bài học giáo lý hàng ngày (thời ấy được qui định cho toàn thể trẻ em trong suốt Mùa Chay và Mùa Vọng) các lớp lớn nhất họp nhau tại nhà thờ Thánh Phêrô bị trói. Người ta gọi như vậy cho một ngôi nhà thờ dâng kính Thánh Gia, nằm kế một nghĩa

trang mà đã mười năm nay không còn chôn cất ai nữa. Nghĩa trang, (ngày nay vẫn còn nhìn thấy được trong khu phố Valdocco), có một cổng vòm, một sân rộng có mái che và một chái vây quanh.

Vì các cuộc tập kết để học giáo lý đã tiến hành rất tốt đẹp và vì linh mục quản lý nghĩa trang, Don Tesio, vốn là bạn thân của ngài, nên tháng 5, Don Bosco đã đề nghị với cha ấy cho mình thử làm một cuộc thử nghiệm toàn diện: dời toàn bộ Nguyện Xá vào ngôi nhà thờ và trong sân của Thánh Phêrô bị trói.

Don Tesio phải vắng mặt hôm Chúa nhật 25 tháng 5 nên đã trả lời:

- Cha cứ việc đem bọn trẻ đến vào ngày 25. Tiện thể, cha hãy làm lễ thay tôi ngày hôm ấy.

Vị linh mục quản lý nghĩa trang có lẽ đã phạm hai sai lầm. Ngài cứ ngỡ là Nguyện Xá của Don Bosco chỉ gồm vài thiếu niên mà ngài đã thấy, đầy vẻ chăm chú và trật tự trong một lớp giáo lý Mùa Chay. Ngoài ra, ngài còn tưởng (như ngài đã từng nhận xét thấy tại các cơ quan khác dành cho trẻ em) là sau thánh lễ và các việc phụng vụ trong nhà thờ, bọn trẻ sẽ ai về nhà nấy, sau khi đã ăn xong mỗi đứa một ổ bánh nhỏ trong sân.

Sự thể đã diễn ra khác hẳn. Bà giúp việc của vị linh mục quản lý nghĩa trang đã thấy lũ lượt kéo đến cả một bọn trẻ đông như kiến, chen nhau chật cứng như nêm bên trong nhà thờ. Lễ xong, chúng thanh toán gọn ổ bánh nhỏ của bữa điểm tâm và xổ chuồng đùa giỡn om sòm trong sân và dưới những hàng cột có mái che. Bà người làm (có nuôi mấy con gà mái dưới các khung cửa vòm cung), bỗng thấy kinh hoàng, rồi nổi cơn tam bành lục tặc. Bà bắt đầu la ó, chạy lồng lộn, dùng cán chổi chà quất túi bụi trong lúc lũ gà mái của bà ta kinh hồn bạt vía, bay loạn xạ với bọn trẻ rượt theo đầy thích thú. Trong cơn hăng máu, bà đã đến ngay trước mặt Don Bosco và chửi luôn cả ngài. "Xâm phạm các chốn thánh liêng" là tội danh nhẹ nhất mà bà đã tặng cho ngài.

Don Bosco hiểu rằng "Ba mươi sáu nước, chỉ có nước chuồn là thượng sách".

“Tôi thích chẳng thà ngưng ngay các cuộc chơi. Chúng tôi đã bỏ đi với ý định là sẽ trở lại vào Chúa nhật sau một cách êm ả hơn”.

Đó sẽ chỉ là một vụ việc tầm thường thôi, nếu nó đã không ở trong một tình huống đầy ấn tượng như trên. Don Rua, nhân cuộc “điều tra nhằm thu lượm những tài liệu hữu ích cho án vụ phong thánh cho Don Bosco”, đã khai như sau: “Có một ông tên là Melanotte, quê ở Lanzo, có mặt vào lúc đó, đã kể lại với tôi là Don Bosco, không nao núng mà cũng không nổi giận trước những lời chửi rủa trút xuống như mưa ấy, đã quay về phía bọn trẻ và nói: “Tội nghiệp bà già! Bà ta ra lệnh cho chúng ta cuốn gói, trong khi chính bà ta, Chúa nhật sắp tới, sẽ nằm yên dưới đáy huyệt lạnh”.

Lúc Don Tesio về tới, bà giúp việc đã kể lại với ngài mọi chuyện, bằng những lời lẽ độc địa đến nỗi vị linh mục quản lý nghĩa trang (có lẽ để khỏi nuốt lời hứa với Don Bosco) đã biên thư cho hội đồng thành phố để họ ra lệnh cấm mọi cuộc chơi bên trong khuôn viên nghĩa trang.

“Tôi lấy làm tiếc phải nói thế, Don Bosco rầu rĩ ghi lại, nhưng lá thư ấy đã là lá thư cuối cùng của Don Tesio”. Trong tuần tiếp theo đó, cả Don Tesio lẫn bà giúp việc của ngài đều đã lăn ra chết bất đắc kỳ tử.

Chương 19: NGUYỆN XÁ LƯU ĐỘNG

Sau cuộc thử nghiệm đau thương ở Thánh Phêrô bị trói, Nguyện Xá lại tiếp tục tập kết tại Nhà Nương Náu. Bà hầu tước tuyệt nhiên không làm gì để cấm cản điều ấy. Tuy nhiên bà đã nhắc nhở Don Bosco là ngày 10 tháng 8 bệnh xá sẽ khánh thành. Kể từ ngày ấy, nơi đó sẽ biến thành vùng đất cấm đối với bọn trẻ.

Ngày 12.7.1845, một lá thư của Hội đồng thành phố tới tay Don Bosco. Người ta chấp nhận cho Don Bosco được quyền sử dụng ngôi nhà nguyện trong khu nhà máy xay lúa của thành phố để dạy giáo lý cho bọn trẻ, từ giữa trưa đến ba giờ chiều, với lệnh cấm không cho chúng xâm nhập vào tận sân thứ hai của các toà nhà.

Một nhà thờ dùng trong ba tiếng đồng hồ ngày Chúa nhật, tuy không phải là lâu đài hay cung điện gì, nhưng ít ra cũng đủ để sống còn. "Có còn hơn không", như người ta thường nói. "Chúng tôi lấy các ghế băng, ghế quì, các chân đèn và các ghế bành, những ảnh tượng và những khung hình nhỏ, Don Bosco nhớ lại, và mỗi người mang một món đồ vừa với tầm vóc của mình, như thể chúng tôi là những người di cư. Chúng tôi đã đến đặt Tổng hành dinh của mình tại những nơi mà tôi vừa kể trên".

Khu nhà máy xay lúa của thành phố, được gọi nôm na là Molassi, toạ lạc tại quảng trường Emmanuel Philibert (Porta Palazzo), nằm bên tay phải khi người ta đi xuống về phía sông Dora. Đến nay, trên quảng trường ấy vẫn còn là nơi

họp chợ hàng ngày của thành phố, với những sạp hàng xếp thành từng dãy san sát bên nhau.

"Hỡi các con yêu thương, Những cây cải bắp..."

Don Bosco không hài lòng với lối dàn xếp ấy, và cả bọn trẻ cũng vậy. Ngài viết: "Ở đó chúng tôi không sao làm lễ được, chiều tối cũng không thể nào chầu Phép lành. Hơn nữa, cũng không thể cho rước lễ, mà đây lại là nhân tố cốt lõi của tổ chức Nguyện Xá của chúng tôi. Ngay cả giờ chơi cũng bị phá rối dữ dội: bọn trẻ phải chơi trên đường phố hoặc trên Quảng Trường nhỏ trước cửa nhà thờ, là nơi nườm nượp ngựa, xe qua lại." Thế rồi Don Bosco kết luận: "Không có cơ hội may mắn hơn, chúng tôi đành đợi chờ một nơi tốt đẹp hơn".

Don Bosco đã thuê một phòng ở tầng trệt của ngôi nhà, và ở trong đó cha cố gắng sắp xếp để vừa dạy giáo lý vừa làm lớp dạy học.

Cha Borel đã tìm cách nâng tinh thần của tất cả mọi người dậy với một bài giảng đã trở nên nổi tiếng. Các trẻ em gọi đó là "bài giảng những cây cải bắp".

"Hỡi các con thiếu niên yêu thương, các con biết nếu những cây cải bắp không được nhổ lên trồng lại, thì nó sẽ không sản sinh thành các bắp cải đẹp và to tròn. – "vị linh mục cha hiền nhỏ bé đó đã bắt đầu lên tiếng khi làm cho toàn thể lũ trẻ cười rộ. – Vậy, Nguyện Xá của chúng ta cũng vậy, và nhờ thế nó liên tục tăng trưởng lớn hơn, mạnh hơn. Chúng ta hãy tin tưởng và phó thác cho Chúa. Chắc chắn Chúa sẽ chúc lành cho chúng ta, giúp đỡ và nghĩ đến chúng ta".

Thế nhưng chỉ sau vài Chúa nhật đã diễn ra hàng loạt những rắc rối.

Từ phòng thư ký của khu nhà máy xay lúa đã bay về Hội đồng thành phố một lá thư với một danh mục kín đặc những lời buộc tội nặng nề: bọn trẻ đang gây những thiệt hại nghiêm trọng cho nhà thờ và cho các toà nhà, chúng là một sự "tụ họp có thể được điều động trong trường hợp có cách mạng" (lời buộc tội

rất nguy hiểm ở thời điểm ấy), và chúng hợp thành một vườn ươm những cảnh đồi phong bại tục".

Do lệnh của ông Đô trưởng, một tiểu ban đã đến hiện trường để điều tra về những gì đang xảy ra. Người ta bắt gặp những cái cớ gây oán hận vẫn thường thấy: bọn trẻ gây ồn ào, một bức tường bị rạch bằng vữa đinh. Nhưng không hề có cách mạng hoặc một vụ đồi phong bại tục nào cả (đã là nguyên nhân của lá thư). Sự giận dữ của những người thuê các nhà kế bên, những tiếng ca, những tiếng hò la, những trò chơi ồn ào, phá rối sự yên tĩnh của ngày Chúa nhật.

Don Bosco rất khổ tâm trước những lời vu khống (bao giờ cũng để lại những tì vết), nhưng còn ít hơn nhiều so với những quyết định đã được chuyển đến ngài: Hội đồng thành phố không thu hồi giấy phép đã cấp nhưng, ngày 1 tháng 1, sẽ không triển hạn giấy phép hiện hành. Thư thông tri chính thức sẽ đến tay ngài vào tháng 11. Trong khi chờ đợi, ngài nên "tỏ ra biết điều".

Don Bosco đã tỏ ra như vậy. Kể từ giờ phút ấy, ngôi nhà thờ trong khu nhà máy xay lúa chỉ được ngài dùng làm điểm tập kết. Từ nơi này, ngài đưa bọn trẻ đến chơi trên những vùng đồng không nhà trống nằm dọc theo dòng Dora. Để cầu nguyện, họ đến nhà thờ Đức Mẹ trên Cột cao ở Pilier, ở Sassi, hoặc nhà thờ Đức Mẹ Đồng quê. "Trong các nhà thờ ấy, ngài viết, tôi làm lễ, giảng Phúc âm. Chiều tối, tôi dạy giáo lý trong chốc lát, kể chuyện, rồi chúng tôi hát vài bài ngợi khen Chúa và Đức Mẹ. Sau đó là những trò ảo thuật và dạo chơi cho tới giờ trở về gia đình. Người ta cứ ngỡ là tình huống cam go ấy sẽ làm tiêu tan thành mây khói mọi ý nghĩ về Nguyện Xá; trái lại, số lượng các trẻ em đã gia tăng một cách đáng ngạc nhiên".

"Lấy đi, bé Micae, lấy đi"

Gần khu nhà máy xay lúa, tháng 9, Don Bosco đã có một trong những cuộc gặp gỡ quan trọng nhất đời ngài. Bọn trẻ chen chúc trước mặt ngài để mỗi đứa nhận

một mẫu ảnh đeo. Đứng riêng rẽ đằng xa, một đứa trẻ tám tuổi với một băng tay màu đen trên cánh tay trái. Cha nó đã qua đời cách đó hai tháng. Nó chẳng thích thú gì chuyện xô lấn trong đám đông, hích cùi chỏ nhau để dành chỗ. Những mẫu ảnh đeo đã hết sạch, chẳng còn gì cho nó nữa.

Lúc ấy, Don Bosco tiến lại gần nó và mỉm cười bảo nó:

– Lấy đi, bé Micae, lấy đi.

– Lấy cái gì chứ? Vị linh mục kỳ lạ mà nó mới gặp lần đầu ấy chẳng cho nó cái gì cả.

Ngài chỉ chìa ra cho nó bàn tay trái của ngài. Và, với bàn tay phải, làm bộ cắt bàn tay trái làm hai. Thằng bé ngước mắt nhìn, vẻ như dò hỏi. Vị linh mục bảo nó:

– Hai chúng ta, rồi đây, cái gì chúng ta cũng sẽ chia đôi với nhau cả.

Don Bosco thấy gì lúc ấy? Ngài sẽ chẳng bao giờ nói ra, nhưng thằng bé ấy sẽ là cánh tay phải của ngài. Là đấng kế vị đầu tiên của ngài ở chóp đỉnh Tu hội Salêdiêng.

Nó tên là Micae Rua. Nó chẳng hiểu câu nói ấy nghĩa là gì, dù là lúc ấy hay cả nhiều năm sau này nữa. Nhưng nó đã gắn bó với vị linh mục ấy, vì gần ngài nó cảm thấy sung sướng và như được đổ đầy hơi ấm.

Nó thường trú tại Michelino, cơ sở sản xuất vũ khí của hoàng gia, nơi cha nó trước kia đã làm công nhân ở đó, bốn người trong số các anh trai của nó đã chết yểu, còn nó thì rất mảnh khảnh yếu ớt. Vì lẽ đó, mẹ nó không cho nó đến Nguyện Xá thường xuyên. Nhưng nó cũng đã gặp Don Bosco tại trường các Sư Huynh các Trường Công giáo, nơi nó đang theo học một lớp sơ cấp. Sau này, nó sẽ thuật lại:

"Khi Don Bosco đến dâng lễ và giảng cho chúng tôi, ngài vừa bước vào nhà nguyện thì một luồng điện dường như chuyền qua khắp lượt bọn trẻ đông đúc ấy. Chúng tôi đều đứng cả dậy, ra khỏi chỗ của mình và đến xúm xít quanh ngài.

Ngài phải mất khá lâu mới tới được phòng áo. Các sư huynh tốt bụng chẳng có cách nào ngăn chặn được cảnh mất trật tự lộ liễu ấy. Khi các linh mục khác tới nơi, không bao giờ xảy ra chuyện tương tự như vậy".

Những cuốn sách viết trong những đêm thức dài...

Tháng 10 có xảy ra một biến cố trọng đại: Lịch sử Hội thánh dùng cho các trường học đã được phát hành. Nhờ rút bớt giờ ngủ, dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu hôi, ngài đã gấp rút hoàn tất nó bằng một tuồng chữ không sao đọc nổi, đây là cuốn sách giáo khoa đầu tay mà Don Bosco đã viết cho các trẻ em. Lịch sử Hội thánh không phải là một tác phẩm "có tính khoa học": không một cuốn sách nào của Don Bosco sẽ là một tác phẩm thuộc thể loại này. Đúng ra, sách rất bình dân, phù hợp với đầu óc đơn sơ và trình độ văn hoá hạn chế của bọn trẻ của ngài. Sách nói về các Đức Giáo Hoàng, các sự kiện chói sáng nhất của Hội thánh, nó vẽ lại chân dung các vị thánh, mô tả các cơ quan từ thiện nở rộ ở mọi thời đại trong cộng đồng dân Chúa.

Tiếp theo là Lịch Sử Thánh (1847), Phép Đo Lường Bằng Thước Tấc (1849), Lịch Sử Nước Ý (1855).

Song song với các sách giáo khoa, Don Bosco sẽ còn tìm được thời gian để viết rất nhiều sách khác và những tập sách nhỏ: hạnh các thánh, sách đọc để giúp thư giãn, sách kinh nguyện và dạy đạo. Không một cuốn nào sẽ là một kiệt tác phẩm, nhưng mỗi cuốn đều là một chứng tích của tình yêu của ngài đối với các con cái ngài, đối với đám dân nghèo hèn, đối với Hội thánh. Và nhiều cuốn sẽ là nguyên nhân của bao khốn khó cực khổ sẽ xảy đến với ngài: thậm chí người ta sẽ tính đánh ngài ngất xỉu để ngăn không cho ngài viết.

Ba phòng trong nhà Cha Moretta

Tháng 11, thư của Hội đồng thành phố đến cùng lúc với mùa đông khắc nghiệt. "Thời tiết, ngài viết, không còn thích hợp cho những cuộc dạo chơi và những chuyến đi chơi xa bên ngoài thành phố. Thống nhất ý kiến với nhà thần học Borel, chúng tôi đã thuê ba gian phòng trong nhà Cha Moretta".

Hiện nay, ngôi nhà ấy không còn nữa. Bức tường cuối cùng của nó đã bị nuốt chửng vào nhà thờ phụ của giáo xứ Đức Mẹ phù trợ, về bên phải khi ta đi xuống hướng về phía Vương cung Thánh đường đồ sộ nguy nga.

"Trong ba gian của nhà Moretta, chúng tôi đã qua bốn tháng chật chội, nhưng hài lòng vì ít ra cũng có thể tiếp bọn trẻ, đứng lớp cho chúng, cống hiến cho chúng khả năng xưng tội".

Don Bosco mỉm cười nhớ lại là, trong mấy gian phòng ấy, ngài đã buộc lòng phải vi phạm điều thứ hai trong số các quyết định xa xôi hồi ngài còn ở chủng viện: để giúp vui cho bọn trẻ trong một nơi nhỏ hẹp như vậy, ngài đã làm lại những trò ảo thuật. Ngài sẽ không dừng lại nữa vì các kết quả đã rất là kỳ diệu. Ngài cũng bắt đầu, với sự tiếp tay của nhà thần học Carpano, một lớp tối thường xuyên, rất khác với những bài học tuỳ tình thế mà ngài đã giảng dạy từ trước đến nay.

Một dấu chấm hỏi lớn về Nguyện Xá

Tháng 12, sức khoẻ của Don Bosco sa sút một cách đáng lo ngại. Ngài đang là linh mục phụ trách một bệnh xá dành cho các bé gái, từ ba đến mười hai tuổi. Ngài rất bận rộn trong các khám đường, ở Cottolengo, trong các cơ sở giáo dục của thành phố. Ngài làm việc trong Nguyện Xá của mình, giảng dạy trong các lớp tối, đến thăm bọn trẻ tại những nơi chúng làm việc. Và mùa đông 1845-1846 được dự đoán là sẽ cực kỳ giá lạnh.

Mùa đông ở Torino đến trễ, càng hay! Nhưng nó bao phủ những con phố chật hẹp bằng những đống tuyết màu xám tro khiến cho thành phố lúc nào cũng

lạnh triền miên và ẩm đạm suốt mấy tháng dài.

Buồng phổi của Don Bosco, trong mấy tháng ấy, cho thấy một tính mỏng dòn đầy báo động. Nhà thần học Borel đã nhận thấy thế và liền thông báo kịp thời cho bà hầu tước. Bà biếu Don Bosco một trăm lires để dùng cho Nguyện Xá và truyền cho ngài "phải tạm ngưng mọi công việc của mình cho đến lúc đã hoàn toàn bình phục".

Don Bosco tuân lệnh và cắt đứt mọi cam kết ngoại trừ việc nào có dính líu đến bọn trẻ của ngài. Cái lợi mà ngài thu được chẳng lấy gì làm sáng chói và ngài sẽ sớm nhận thức được điều đó.

Nhưng mối bận tâm về sức khoẻ của ngài chẳng đáng kể là bao, lúc này, so với những đám mây đen chồng chất trên Nguyện Xá. Ngài viết với vẻ cay cú: "Chính vào thời điểm này đã loan truyền rộng rãi lời đồn thổi kỳ quặc: một số người đã gọi Don Bosco là nhà cách mạng, một số khác lại nói là ngài điên, thậm chí là kẻ rối đạo".

Những người đầu tiên đặt dấu chấm hỏi về công cuộc này là các cha xứ trong vùng. Trong một cuộc họp của các ngài vào đầu năm 1845, thì một trong các vấn đề bàn luận sôi nổi là việc dạy giáo lý cho các trẻ em. Vị cha xứ của nhà thờ Cát-minh lợi dụng dịp này để nói lên sự hoài nghi của ngài về Nguyện Xá của Don Bosco: các trẻ em tách ra khỏi các giáo xứ của mình, đến độ chúng chẳng biết ai là cha xứ của chúng. Vậy đó là chuyện tốt hay xấu? Các cha xứ khác cũng đều lo lắng như vị này.

"Đây chẳng phải là một tham vọng hay nỗi ghen tương đáng thương hay sao? – Don Bosco liền lên tiếng đáp trả ngay – các vị ấy có thực sự khao khát ơn cứu rỗi của các linh hồn chăng?" Để làm sáng tỏ tình hình, họ đã cử hai vị đại diện của họ đến.

Don Bosco trong Hồi Ký Nguyện Xá, đã xây dựng lại cuộc đối thoại mà ngài đã phải lập đi lập lại nhiều lần trong những năm đó: Đây là một luận chứng sống

còn cho công cuộc của ngài. Chúng ta chỉ xin kể lại ở đây những phần chính yếu thôi:

– Nguyện xá này đưa các trẻ em xa khỏi giáo xứ. Vậy tại sao Don Bosco không trả lại các trẻ em cho các giáo xứ?

– Bởi vì phần lớn các trẻ em này không biết có cha xứ, cũng không biết cả các giáo xứ; chúng hầu hết là những trẻ ở phương xa tới đây để tìm việc làm. Chúng gốc ở Val d' Aosta, Savoy, Biella, Navara, Lombardia.

– Tại sao lại không giúp đưa chúng vào các giáo xứ của chúng ?

– Không thể được, nào là ngôn ngữ khác nhau, rồi chuyện chúng chẳng chắc chắn ở một nơi nào cũng là một cản trở lớn. Chúng ta cứ thử xem, với điều kiện là mỗi cha xứ đến thu thập các trẻ của mình lại, và dẫn chúng về giáo xứ của mình. Nhưng như vậy vẫn còn có vấn đề: Không ít em trong số chúng là những đứa chơi bời, phóng đãng, vô kỷ luật. Chỉ có việc làm sao biết thu nhận chúng bằng các trò chơi, các cuộc đi dạo, kèm theo giáo lý và kinh nguyện. Mỗi một giáo xứ phải có một nơi nhất định để qui tụ chúng và tổ chức các trò vui chơi cho chúng.

– Chuyện này thì sao có thể làm được? Chúng tôi không có các nơi chốn, các linh mục thì lại bận bịu những việc khác nữa vào Chúa Nhật.

Câu kết luận y như chúng ta đã nói đến ở phía trước. Nó được thông báo cho Don Bosco trong ít ngày sau đó: "Vì không có thể tạo được nơi mỗi giáo xứ một Nguyện Xá, nên các cha xứ khích lệ linh mục Gioan Bosco tiếp tục công việc Nguyện Xá".

Điểm nghi ngại thứ nhất đã có câu trả lời. Nhưng vào mùa xuân sắp tới, nhiều vấn nạn khác còn được nêu lên, và có tính cách hăm dọa dữ dằn hơn.

Một Nguyện Xá hoàn toàn khác

Chúng ta có thể xác định các đặc tính của nguyện xá Thánh Phanxicô Salê. Trước hết Don Bosco đã kín múc các kinh nghiệm của các nguyện xá tại Milano, Brescia, và Roma của thánh Philipphê Neri xưa. Ngài đã đi theo bước chân của người tiền nhiệm Cocchi của ngài tại Torino. Nhưng Don Bosco đã ghi dấu ấn trên Nguyện Xá của ngài bằng nhân cách của ngài.

Chúng ta có thể nêu lên những đặc điểm có tính chất Don Bosco sau đây:

Các nguyện xá xưa đều gắn liền với các giáo xứ. Don Bosco đã tạo nên một Nguyện Xá vượt ra ngoài lãnh giới của giáo xứ, và nó trở thành "giáo xứ của các trẻ không có giáo xứ", như Đức Tổng Giám Mục Fransoni đã phát biểu.

Một vị cha xứ truyền thống gợi hứng lên "một sự hiện diện yêu thương nghiêm khắc" khiến cho niềm vui ở trong mức độ giới hạn và sự hò hét bị giảm bớt lại. Don Bosco lại gợi hứng "một tình yêu thương vui tươi", trong đó chính vị linh mục là người khởi xướng các trò chơi náo nhiệt đưa vào các trò chơi đó những nhịp độ vui tươi.

Các Nguyện Xá truyền thống chỉ thuần úy là khánh lễ viện, và thường giới hạn giờ giấc tham dự của các trẻ em vào số hai, ba giờ buổi chiều Chúa nhật mà thôi. Don Bosco nới rộng giờ giấc tham gia trong suốt cả ngày lễ. Còn trong các ngày khác trong tuần, thì Nguyện Xá tổ chức các giờ học lớp ban chiều cũng như các cuộc gặp gỡ các em tại nơi làm việc của các em.

Các trẻ em lui tới một nguyện xá thông thường, thì tới giáo xứ, và các em tìm thấy ở đó một nhà thờ được xác định rõ ràng. Ngược lại được khích lệ bởi tình trạng sống trong cảnh di trú liên tục, các trẻ em của Nguyện Xá Thánh Phanxicô Salê đến *để tìm gặp Don Bosco, qua cả ngày lễ với Ngài.* Trung tâm của Nguyện xá không còn phải là nhà thờ giáo xứ, mà là chính con người Don Bosco, sự hiện diện liên tục và đầy phấn khích của ngài. Mối giao tiếp không có tính cách cơ chế, mà là thân tình cá nhân.

Các nguyện xá khác chọn những trẻ em tốt hơn. Chính các cha mẹ đem trẻ

em đến, đảm bảo hạnh kiểm tốt của chúng. Don Bosco thì lại chọn đường hướng trái ngược. Ngài bắt đầu từ các thanh thiếu niên ở tù vì phạm pháp, và các em này không biết tìm đâu ra một người bạn chăm lo giáo dục cho chúng. Sau đó ngài tiếp tục với các em thợ xây trẻ mà gia đình các em đều ở xa. Chúng là "những trẻ em bị bỏ rơi và gặp nguy hiểm". chúng là hạt nhân then chốt của Nguyện Xá Don Bosco mà cánh cửa mở ra cho tất cả mọi bạn trẻ. Dĩ nhiên Don Bosco phải đòi hỏi nơi các trẻ Nguyện Xá một sự tối thiểu của tấm lòng sẵn sàng, và biết đón nhận, biết cộng tác. Ngài không thể đón nhận những hạng du côn, lưu manh từ các nhóm băng đảng, cũng như những trẻ bị bỏ rơi không có một chút ý muốn tham dự cầu nguyện tại nhà thờ. Và dĩ nhiên Don Bosco luôn liên tục theo dõi chúng, lôi kéo chúng lại với ngài từng em một, hay ít nhất là tìm cách lôi kéo chúng, lúc thì thành công, lúc thì thất bại.

Vụ treo cổ ở Alexandria

Trong năm 1846, một thanh niên hai mươi hai tuổi đã trở thành bạn thân của Don Bosco tại khám đường, đã bị kết án tử hình cùng lúc với thân phụ của anh ta. Vụ hành quyết sẽ diễn ra ở Alexandria. Khi Don Bosco đầy lo lắng, đến gặp anh ta, chàng thanh niên đã bật khóc và xin ngài đi kèm anh ta trong chuyến đi cuối cùng. Don Bosco cảm thấy mình không có đủ can đảm, ngài đã không có sức để hứa hẹn.

Người ta giải các tử tội đi.

Don Cafasso phải đến gặp họ với toa xe chở thư để hỗ trợ họ trong những giờ phút cuối cùng. Vừa hay tin là Don Bosco đã từ chối, Don Cafasso liền cho gọi ngài đến và lớn tiếng la:

- Cha không thấy rằng như thế là tàn bạo sao? Cha hãy chuẩn bị đi, chúng ta sẽ cùng đáp xe lửa đến Alexandria.

- Tôi sẽ không đời nào chịu nổi cảnh tượng ấy.

- Cha hãy lẹ lên, xe thư không có chờ chúng ta đâu.

Họ tới Alexandria hôm trước ngày hành quyết. Chàng thanh niên khi thấy Don Bosco bước vào xà lim của mình, đã ôm choàng lấy cổ ngài và khóc oà lên. Don Bosco cũng khóc. Họ cùng thức với nhau đêm cuối cùng để cầu nguyện và để nói về Chúa.

Lúc hai giờ sáng, ngài ban phép lành tha tội cho anh ta, làm lễ cho anh ta ngay trong xà lim và họ cùng đọc kinh tạ ơn với nhau.

Chuông nhà thờ chính toà rót từng tiếng rời rạc cầu cho kẻ hấp hối. Cửa xà lim bật mở, cảnh sát bước vào cùng với đao phủ, người này (theo tập tục) liền quì xuống để xin lỗi kẻ tử tội. Rồi người ta cột hai tay anh ta và quàng sợi dây thừng vào cổ anh ta.

Mấy phút sau, từ vòm cổng của khám đường tiến ra chiếc xe bò chở tử tội với Don Bosco đứng kế bên. Đi ngay phía sau là chiếc xe bò chở người cha, được hỗ trợ bởi Don Cafasso. Dân chúng, câm lặng, chen chúc nhau trên các đường phố.

Khi giảo hình đài xuất hiện đàng xa với mấy cái giá treo cổ, Don Bosco bỗng tái mặt và ngất xỉu. Don Cafasso, nãy giờ vẫn quan sát ngài, liền vội vã can thiệp để dừng xe bò lại và chuyển ngài khỏi xe.

Đám rước ảm đạm đến giảo hình đài và vụ hành quyết đã diễn ra. Khi Don Bosco hồi tỉnh, mọi sự đã kết liễu. Ngài cảm thấy nhục nhã vì chuyện ấy. Ngài khẽ nói với Don Cafasso:

– Tôi lấy làm tiếc cho thanh niên ấy. Anh ta đã hết lòng tin tưởng nơi tôi …

– Cha đã làm những gì mình có thể. Phần còn lại, hãy để Chúa nhân lành lo.

Lần nữa, lại bị đuổi

Tháng 3 năm 1846, Don Moretta, một vị linh mục tốt bụng, đến gặp Don Bosco. Ngài cầm trong tay một xấp thư. “Những người hàng xóm, Don Bosco viết, điên

đầu vì những tiếng la, vì sự huyên náo do những chuyến đi đi về về của bọn trẻ của tôi, đã tuyên bố là họ sẽ nhất loạt bỏ đi nếu những cuộc hội họp của chúng tôi không ngưng ngay tức khắc".

Ngài thèm đối đầu với họ. Lẽ nào lại không một ai chịu nổi những con người trẻ tuổi? Những người lớn đầu ấy, bộ chính họ cũng chưa từng là những con người trẻ tuổi bao giờ sao? Cuối cùng, ngài đặt một tay lên vai bạn Don Moretta của mình:

"Bạn khỏi lo, tụi tôi sẽ ra đi".

Ngài không biết đi đâu, nhưng may thay, mùa xuân sắp sửa tới, sẽ không nhất thiết phải trú ẩn dưới một mái nhà nữa.

Phụ chương: VĂN ĐỐI THOẠI CỦA DON BOSCO

Có lẽ một số độc giả nhẹ nhàng nhận xét rằng "Văn đối thoại của các bài tường thuật tuy làm cho sự việc kể ra có tính cách sống động, nhưng có thể làm mất tính chất chính xác của lịch sử.

Tôi xin trả lời rằng những câu đối thoại thường xuyên trong sách này không phải là do tôi tạo nên, vì những lý do sau:

1. Cuốn "*Hồi Ký Nguyện Xá*" do chính Don Bosco viết chiếm 320 trang trong cuốn sách này thì đã có 120 trang chứa những câu đối thoại rồi. Văn đối thoại cách kể chuyện của Don Bosco.
2. Cuốn "*Cuộc Đời Mẹ Margarita*" do Cha Lemoyne viết khi Don Bosco còn sống, một nửa đã là văn đối thoại rồi. Tác giả viết: "Những gì liên quan đến Mẹ Margarita thì tôi viết lại như chính miệng của Don Bosco nói ra, nhờ tôi có hạnh phúc được đàm thoại với ngài vào những chiều tối trong suốt hơn sáu năm. Tôi đã hỏi ngài lúc này hay lúc khác về những gì ngài đã nói nhiều năm trước kia và tôi đã viết lại cách trung thành bằng giấy mực. Tôi

thật ngạc nhiên trước sự chính xác của các lời ngài nói, và ngài lập lại các lời ấy luôn y như nhau như thể ngài đọc chúng ra từ một cuốn sách. Tôi cũng xin đảm bảo là tôi ghi lại cách trung thực các lời ấy để làm kho tàng học hỏi cho các hội viên của tôi (M. B. I, 121). Theo lời các nhân chứng thì chính tay Don Bosco sửa lại bản thảo của sách chuyện Mẹ Margarita này "trong khi khóc vì cảm động".

3. Cha Lemoyne đã xuất bản cả thảy 7,800 trang Hồi Sử trong 9 cuốn sách, để tường thuật cuộc đời Don Bosco từ đầu cho đến năm 1870. Trong lời tựa thứ nhất của mình, cha đã viết: "Tất cả các câu chuyện, các lời đối thoại, các sự việc mà tôi cho là đáng ghi nhớ, thì tôi viết lại y nguyên từng chữ, từng lời theo như những nhân chứng đã trình bày". Và trong lời tựa cuốn VIII: "Chúng tôi xin nhắc lại rằng những gì chúng tôi đã trình bày và diễn tả chính là một lời tường thuật trung thành về những gì đã xẩy ra. Có cả hằng trăm người làm chứng về đời sống của ngài… rất nhiều người trong số đó đã để lại bài viết về những gì đã thấy về ngài (Don Bosco) và đã nghe từ chính miệng ngài. Thậm chí các lời đối đáp được duy trì và được chuyển đạt lại chính là tất cả những gì xẩy ra trước mặt của họ". Việc xuất bản 9 cuốn sách xẩy ra khi các nhân vật chính trong đó vẫn còn sống (kể từ Don Rua cho đến Don Cagliero). Những bản thảo đã được chính cha Paolo Albera duyệt lại (ngài là "cậu bé Paolo" đã từng sống với Don Bosco kể từ năm 1858). Cha Lemoyne đã qua đời trong khi đang in cuốn Hồi sử IX. Cha Albera, khi giới thiệu nó cho các Salêdiêng, đã viết: "Tất cả những ai biết cha Lemoyne đã chuyên chăm tới mức nào để tập hợp lại toàn bộ chất liệu của cuốn Hồi Sử IX, và ngài đã viết lại các tài liệu ấy với tất cả sự chuyên chăm và lòng yêu mến suốt ngày này sang ngày khác, tất càng quí trọng như cuốn sách Hồi Sử ấy biết bao!" (*Công Báo của Ban Thương Hội Đồng, ngày 24.4.1917*).

4. Cha Bonetti kể lại một lịch sử Nguyện Xá rất phong phú các đoạn đối thoại trên báo Salêdiêng khi Don Bosco còn sống. Chính Don Bosco đã duyệt lại cẩn thận những bản văn đó, ngay cả trong các cuộc hành trình sang Tây Ban Nha của ngài (1886), ngài xin gửi cho ngài các bản thảo trước, rồi gửi lại bản thảo với các nhận xét của ngài. Cha Ceria, người biên soạn 9 cuốn Hồi Sử, trong lời tựa ngài viết cho cuốn thứ XII, đã khẳng định về cách thức kể chuyện đặc trưng của Don Bosco: "Chân phước Don Bosco trong khi kể lại những điều đã xẩy ra cho ngài, thường sử dụng lối văn hỏi và đáp, theo đó trí nhớ của ngài cung cấp cho ngài sự việc được ghi nhớ. Cha Lemoyne cũng như những người khác đã nghe và đã ghi nốt, rồi biên lại ý nguyên như vậy trong văn bản họ viết".

Những "lời đối thoại của Don Bosco" mà chúng ta tìm thấy trong các nguồn văn để nhắc nhở đến ở trên, tôi nghĩ là mình đã chuyển tải chúng lại với sự tôn trọng các nguồn văn. Tôi chỉ sửa lại cho lời văn thông thoáng hay tóm tắt chúng lại thôi.

Chương 20: VÔ VỌNG TRÊN ĐỒNG HOANG MỪNG PHỤC SINH DƯỚI HẦM MÁI CHE

Don Bosco đã thuê được một đồng cỏ nhỏ có hàng dậu bao quanh, không xa ngôi nhà Moretta bao nhiêu, chỉ đi khoảng năm chục bước là tới nơi.

Ngày nay, khi ta bước đi trên đường Đức Mẹ Phù Hộ, bên tay phải, trước khi băng ngang đường Cigna, ta thấy một khu nhà chiếm một dải đất nằm dọc theo Công ty xuất bản S.E.I… Đây là nơi xưa kia đã là đồng cỏ của anh em nhà Filippi.

Một căn nhà gỗ mục ngay chính giữa; người ta xếp vào đó những trang thiết bị của các trò chơi. Chung quanh, mỗi Chúa nhật, ba trăm trẻ em tha hồ rượt đuổi nhau và nô đùa thoả thích. Trong một góc, ngồi trên một chiếc ghế băng, Don Bosco giải tội.

Khoảng mười giờ, từng hồi trống giục giòn giã; mọi người xếp thành từng hàng dài. Tiếng kèn Clairon vang lên và tất cả lên đường: về hướng nhà thờ Đức Bà An Ủi hoặc núi các tu sĩ dòng Capuxinô. Tại đó, Don Bosco làm lễ, phân phát Bánh Thánh, rồi đến bữa điểm tâm.

Một thằng bé lạ nước lạ cái, là dân địa phương, tên Phaolô Lino làm phụ hồ, một hôm đã đến nhập bọn với bọn trẻ trên đường đến núi Các Tu sĩ dòng Capuxinô. Nó kể lại:

“Thánh lễ được cử hành, rất đông người chịu lễ, rồi tất cả đều ra sân để ăn điểm tâm. Don Bosco thấy tôi và tiến lại gần:

- Con tên chi?

- Phaolô Lino.

- Con ăn sáng chưa?

- Thưa ông, chưa, vì con chưa xưng tội và vì con không có chịu lễ.

- Nhưng đâu có cần phải xưng tội hay chịu lễ mới được ăn sáng.

- Vậy phải làm gì ạ?

- Phải cảm thấy thích ăn.

Ngài dắt tôi lại gần thúng và cho tôi đầy ắp hai tay toàn là bánh và trái cây. Tôi xuống dưới với ngài và tôi đã chơi mãi đến khi trời tối. Kể từ giây phút ấy và trong nhiều năm liền, tôi đã không còn rời nguyện xá nữa, cũng không hề bỏ Don Bosco, là người đã giúp ích cho tôi rất nhiều”.

Một tối ngày lễ, đang khi bọn trẻ nô đùa, Don Bosco đã thấy, bên kia hàng đậu, một thằng bé trạc mười lăm tuổi. Ngài gọi nó:

- Vào đi, con từ đâu tới? Tên con là gì?

Thằng bé không đáp.

- Ủa, con bị gì vậy? Con bệnh hả?

Nó vẫn ngập ngừng. Rồi, mở hé hai hàm răng nãy giờ vẫn cắn chặt, nó nói cộc lốc:

- Con đói.

Thúng trống trơn. Don Bosco cho người đi kiếm bánh trong một gia đình hàng xóm và để yên cho nó ăn. Rồi, chính thằng bé bắt đầu kể lể như muốn trút bỏ một gánh nặng trong lòng:

- Con là thợ làm các mặt hàng bằng da, nhưng ông chủ đã đuổi con vì con không thạo việc. Gia đình con còn ở lại dưới quê. Đêm qua, con đã ngủ trên các bậc thang trước nhà thờ chính toà và sáng nay, con đã tính ăn cắp vì lúc ấy con

đói bụng. Con đã thử xin của bố thí, nhưng con đã tự nhủ: "Đầy đủ sức khoẻ và mạnh mẽ như mày, hãy đi làm việc đi". Rồi con đã nghe bọn trẻ ở đây hò la nên con đã lại gần để coi thử.

- Con hãy nghe đây, chuyện tối nay và đêm nay, con cứ để cha lo. Ngày mai, chúng ta sẽ đến gặp một ông chủ tốt bụng. Con sẽ thấy là ông ta sẽ nhận con vào làm. Và nếu con muốn trở lại đây vào các ngày lễ, con sẽ làm cha rất vui lòng.

- Con rất sẵn lòng trở lại.

Trong những tháng sống trên đồng cỏ Filippi, những "tin đồn kỳ quặc" loan truyền về Don Bosco đã cụ thể hoá bằng ba mối đe doạ: sự chống đối của nhà cầm quyền dân sự, niềm xác tín là Don Bosco bị điên (do đó, các cộng sự viên của ngài bỏ rơi ngài) và kế hoạch bắt giữ toàn bộ nhân một vụ giải thể tối hậu.

Ông hầu tước và các cảnh vệ

Những năm ấy là những năm của cách mạng, và ba trăm thanh thiếu niên đi thành hàng ngũ theo tiếng kèn Clairon và tiếng trống qua cửa ngõ dẫn vào kinh thành, không khỏi khiến vị chỉ huy lực lượng cảnh sát thấy lo ngại. "Đó không chỉ là những đứa con nít, Don Lemoyne viết, mà còn có cả những thanh niên trẻ trung, lực lưỡng, táo bạo, không thể nào không dắt kè kè trong mình con dao để phòng thân".

Hầu tước Michel de Cavour (cha của Camille và của Gustave), thẩm phán của đô thành và do đó, là cảnh sát trưởng, đã cho đòi Don Bosco đến. Cuộc nói chuyện diễn ra lúc đầu là giống với ngoại giao, rồi tiếp tục bằng giọng gay gắt đằng đằng sát khí. Don Bosco hiểu rằng người ta đang đột ngột ép uổng ngài phải hạn chế số trẻ em, phải tránh cho chúng vào thành theo đội ngũ, phải đuổi bớt những đứa lớn nhất vì bị coi là những phần tử nguy hiểm nhất. Ngài không chịu. Thế là Cavour bắt đầu gào lên:

- Nhưng, cha được cái giải gì mà đi lo cho bọn trẻ trời đánh thánh vật ấy chứ? Hãy cứ để mặc chúng ở nhà của chúng. Cha chớ có ngu mà "ách giữa đàng, mang vào cổ", kẻo vụ việc này sẽ gây hoạ cho mọi người.

- Tôi dạy giáo lý cho bọn trẻ xấu số, Don Bosco lì lợm đáp, và chuyện ấy không thể gây hoạ cho bất cứ ai. Vả lại, tôi làm việc nào cũng có phép của Đức Tổng Giám mục cả.

- Tổng Giám mục biết những chuyện này hả? Tốt lắm! Nếu vậy, tôi sẽ nói với ngài Fransoni nhằm chấm dứt những chuyện ngu xuẩn ấy.

Đức Cha Fransoni chẳng chấm dứt chuyện nào hết, ngược lại, ngài còn công khai lên tiếng bênh vực cho Don Bosco nữa.

Kể từ ngày ấy, ven cánh đồng cỏ mà bọn trẻ nô đùa, các cảnh vệ thuộc lực lượng cảnh sát bắt đầu luân phiên canh gác. Don Bosco bất chấp điều ấy, nhưng ngài bắt đầu cảm thấy khó chịu "như đứng đống lửa, như ngồi đống than": chỉ cần ngài phạm phải sự bất hợp lệ nhỏ nhặt nhất cũng đủ để nguyện xá của ngài tiêu tùng luôn. Cavour đang ở thế phượng phong.

Don Bosco điên rồi chăng?

Ngoài cả ý muốn của ngài, chính Don Bosco lại là kẻ đi cung cấp lý do cho tiếng đồn là ngài đã bị điên. Nhằm động viên bọn trẻ khi chuyển chúng từ một nghĩa trang đến một nhà máy xay lúa, từ một ngôi nhà xập xệ đến một cánh đồng hoang, Don Bosco đã kể lại các giấc mơ của mình.

Ngài đã nói đến một nguyện xá rộng lớn và khang trang, những Thánh đường, những toà nhà, những trường học, hàng ngàn trẻ em, những linh mục sẵn sàng phục vụ chúng hết mình. Tất cả những chuyện ấy chẳng ăn khớp tí nào với thực tế phũ phàng của cuộc sống hàng ngày.

Bọn trẻ là những kẻ duy nhất có khả năng mơ mộng ngay giữa ban ngày và chúng tin ở Don Bosco. Chúng lặp lại ở gia đình, tại nơi làm việc, những gì ngài

đã kể cho chúng nghe. Là điều bình thường khi công chúng kết luận: "Tội nghiệp chưa! Quen riết thành tật mà. Cứ sống mãi giữa cảnh ồn ào inh tai nhức óc ấy, cha ấy thế nào cũng có ngày vô nhà thương điên mà!.

Đây không phải là một lời trù ẻo do ai đó tung ra, mà là một dư luận phổ biến rộng rãi, Micae Rua nhớ lại: "Tôi vừa giúp lễ xong ở cơ xưởng sản xuất vũ khí và đang chuẩn bị ra về thì vị linh mục quản lý nhà thờ hỏi tôi:

- Con tính về đâu?

- Đến nhà Don Bosco ạ, hôm nay là Chúa nhật.

- Con không nắm bắt được tình hình ư? Ngài bệnh rồi, mà lại là một chứng bệnh không dễ gì chữa lành đâu.

Tin ấy đánh thẳng vào tim tôi, gây cho tôi một nỗi đau khôn tả. Giả như tôi có được tin cha đẻ của mình ngã bệnh, chắc tôi cũng không đau đớn hơn thế được. Tôi chạy về nguyện xá và sửng sốt, thấy Don Bosco đang tươi cười vẫn như mọi khi. "Ngài chết mê chết mệt vì bọn trẻ đến nỗi ngài đã hoá điên" chính là căn bệnh mà lúc này người ta đang nói đến ở Torino.

Don Borel, cộng sự viên đồng thời là người bạn thiết thân, ra sức ngăn Don Bosco đừng kể lại các giấc mơ của mình:

- Cha nói đến một Thánh đường, một toà nhà, một khu dành cho các cuộc chơi. Nhưng, những thứ ấy đâu?

- Tôi không biết, nhưng chúng có thật, vì chính mắt tôi đã thấy chúng, Don Bosco nói nhỏ.

Một hôm, trong phòng riêng của ngài, sau khi cố gắng hoài công nhằm lôi kéo ngài về với thực tế, Bon Borel đã bật khóc. Cha vừa ra khỏi phòng vừa mếu máo:

- Tội nghiệp cho Don Bosco! Cha ấy đã điên thật rồi!

Hình như Đức Tổng Giám mục đã cho vời một quan sát viên tới để ghi nhận mức độ mất quân bình của Don Bosco, Don Vincento Ponzatti và Don Lu-y

Nasi, đã nhất trí với nhau để lôi Don Bosco ra khỏi tình trạng đáng buồn ấy.

Có lẽ hai vị ấy đã dàn xếp một vụ thăm bệnh với một cuộc xét nghiệm nghiêm túc tại bệnh viên tâm thần, nơi mà ngài sẽ có thể theo đuổi cuộc điều trị cần thiết (tình hình y khoa, ở thời đại ấy, giống hệt như tình hình y khoa mà hiện nay ta còn bắt gặp ở một số làng quê lạc hậu thuộc thế giới thứ ba).

Một buổi chiều tối, Don Bosco đang dạy giáo lý thì một cỗ xe ngựa đóng kín bưng ngừng bánh trước cửa phòng ngài. Don Ponzatti và Don Nasi bước xuống khỏi xe và mời ngài cùng tham gia một cuộc dạo chơi với họ.

- Cha đã mệt, hít thở không khí trong lành sẽ rất bổ ích cho cha.

- Rất sẵn lòng. Để tôi đi lấy nón rồi sẽ theo hai cha.

Một trong hai người bạn mở cửa xe:

- Cha lên đi!

Nhưng Don Bosco đã đánh hơi thấy cái bẫy:

- Cảm ơn, tiền chủ hậu khách!

Sau khi nài nỉ, rồi để khỏi làm hỏng việc, hai cha nọ đành phải lên xe trước. Hai vị vừa an toạ trong xe thì, bằng một thao tác lẹ làng, Don Bosco đã đóng sập cửa xe lại và truyền cho người đánh xe:

- Đến nhà thương điên mau! Hai vị này đang được chờ đợi ở đó đấy!

Nhà thương điên hoặc bệnh viện tâm thần, cách đó không xa. Các y tá được báo trước đang đợi một linh mục. Họ lại thấy xuất hiện những hai vị. Vị linh mục quản lý nhà viện phải can thiệp để giải thoát cho hai kẻ xấu số.

Trò đùa thật hiểm ác, nhất nữa lại do Don Bosco đạo diễn chứ không phải do hai linh mục bạn của ngài. Lúc này, Don Ponzatti và Don Nasi hết sức phẫn nộ. Sau này, họ đã trở lại là những người bạn tốt của Don Bosco. Don Nasi, cách riêng, sẽ trở thành người hướng dẫn âm nhạc trong nguyện xá.

Tuy nhiên, trong khi chờ đợi, Don Bosco đã bị mọi người bỏ rơi. Ngài đã cay cú ghi lại: “Ai nấy đều trốn chạy tôi. Các cộng sự viên của tôi đã bỏ mặc tôi một

mình giữa bọn trẻ gần bốn trăm đứa".

Đây là lúc mà "lương tri" đứt đoạn, sụp đổ. Trong con người của Don Bosco, hoặc là có một vị thánh, hoặc có một tên điên. Khó mà khẳng định dứt khoát được. Đây là một cách diễn đạt khác cái giây phút mà Thánh Phanxicô khó khăn quăng hết cả quần áo xuống dưới chân thân phụ và mình trần như nhộng, bỏ đi trong lúc miệng nói: "Giờ đây chúng tôi có thể nói: "Lạy Cha chúng tôi ở trên Trời"; cái giây phút mà Don Cottolengo liệng qua cửa sổ những đồng xu cuối cùng và nói với tâm hồn nhẹ nhõm: "Giờ đây, người ta sẽ thấy ngôi nhà nhỏ là sự nghiệp của tôi hay đó là sự nghiệp của Chúa!". Ai mà nỡ trách móc những kẻ khờ khạo, đầy ưu tư do thận trọng và theo lương tri, cứ tưởng là các ngài đã bị điên.

Vô vọng trên đồng hoang

Những ngày ấy, đã kéo đến trên đồng hoang những chủ sở hữu đất (ông hầu tước đã cử họ chăng?). Họ cúi khom người trên những ụ đất đã bị giẫm đạp không chút xót thương bởi tám trăm đôi guốc gỗ. Họ cất tiếng gọi Don Bosco:

- Ủa! Bọn chúng tính biến nơi đây thành sa mạc hay sao chứ?

- Cứ cái đà này thì đồng cỏ của chúng tôi chẳng mấy chốc sẽ thành một con đường đất nện mất thôi.

- Xin cha tha lỗi, nhưng vụ này không thể tiếp tục được nữa. Chúng tôi miễn cho cha khoản tiền thuê đất, nhưng chúng tôi buộc lòng phải mời cha đi chỗ khác!

Ngài có mười lăm ngày để "chuyển quân".

Don Bosco như bị xét đánh ngang tai. Thêm vào những biến cố ô nhục của những ngày vừa qua, lại bồi thêm nỗi lo phải tìm ra ngay tức khắc một cánh đồng khác. Nhưng phen này, ngài chẳng tìm được gì cả; ai lại cho một tên điên thuê mướn bao giờ?

Ngày 5.4.1846, ngày cuối cùng trên đồng cỏ Filippi. Một trong những ngày cay đắng nhất đời ngài.

Ngài cùng bọn trẻ đi đến nhà thờ Đức Mẹ đồng quê. Trong giờ lễ, ngài nói nhưng chẳng có lòng dạ nào mà đưa ra những câu khôi hài ý nhị. Ngài không còn nói đến những bắp cải phải bứng lên trồng lại nữa. Ngài nhìn chúng như nhìn những con chim sắp bị người ta phá nát tổ ấm. Ngài kêu gọi chúng hãy cầu xin với Đức Mẹ, dù sao họ cũng đang ở trong tay Mẹ.

Đến giữa trưa, ngài cố thử vận động lần chót với những người trong gia đình Fillippi. Nhưng chẳng được gì cả. Ngài sắp bị buộc phải nói lời giã biệt với bọn trẻ của mình chăng?

"Chiều tối hôm ấy, ngài viết, tôi đứng ngắm nhìn bọn trẻ đông đảo đang nô đùa. Tôi cảm thấy cô đơn, bất lực, sức khoẻ tàn tạ. Tôi xích ra xa và bắt đầu đi bách bộ, đơn độc, không sao cầm được nước mắt: "Lạy Chúa, tôi than thở, xin cho con biết con phải làm gì bây giờ?".

Một cái gốc chẳng ai biết đến là khởi nguồn mọi sự

Chính vào lúc ấy đã xuất hiện, không phải một vị tổng lãnh thiên thần, mà là một người đàn ông nhỏ con mắc chứng cà lăm: Pancrace Soave, người chuyên sản xuất sút và bột giặt.

- Có thật là cha đang tìm một ngôi nhà để dùng làm phòng thí nghiệm hay nghiệm xá gì đó phải không?

- Không phải nghiệm xá, mà là nguyện xá.

- Tôi chẳng biết hai cái xá ấy khác nhau ở chỗ nào cả, nhưng dù sao, nhà thì có. Cha cứ việc đến mà coi. Nó thuộc chủ quyền của ông Phanxicô Pinardi, một con người lương thiện.

Don Bosco, vẫn trong khu vực được gọi là Valdocco ấy, đã đảo qua theo đường xéo khoảng hai trăm mét và thấy mình đứng trước một ngôi nhà sập sệ

chỉ có một tầng, với cái cầu thang và bao lơn bằng gỗ đã mục vì mối mọt, vây quanh là vườn, đồng cỏ và ruộng. Cách đó không bao xa là "ngôi nhà khả nghi" mà ngài đã thấy trong giấc mơ. "Tôi tính lên cầu thang nhưng Pinardi và Soave đã bảo tôi:

- Đừng, ngôi nhà được đề nghị với cha, ở mãi đàng kia kìa.

Đó là một vựa lúa".

Các khách hành hương nào băng ngang sân, dọc theo Vương Cung Thánh đường Đức Mẹ Phù Hộ, nay vẫn còn thấy ở cuối sân nằm ngọn trong một góc của mấy toà nhà: khuất lánh, gốc cây khiêm tốn mà từ đó đã vọt ra toàn bộ cơ ngơi đồ sộ của Don Bosco. Mấy chữ "Nhà nguyện Pinardi" được viết bằng chữ lớn, bởi lẽ ngày nay nó là một ngôi nhà nguyện tuy nhỏ nhưng rất giàu những đồ trang trí và những bức bích hoạ, y hệt như hồi các tu sĩ Salêdiêng đã tái thiết nó vào năm 1829.

Khi Don Bosco tới đó, ngày 5.4.1846 ấy, nó chỉ là một cái mái che nghèo nàn, thấp lè tè, về hướng bắc dựa vào căn nhà Pinardi. Một bức tường nhỏ bao quanh biến nó thành một nhà gỗ nhỏ. Nó mới được xây dựng không lâu, được dùng làm xưởng thợ cho một ông thợ nón và làm nơi giặt quần áo cho mấy bà thợ giặt (ngay kế bên có một dòng suối đổ ra sông Dora, cách đó không bao xa). Nó đo được 15 mét x 6 mét, với hai gian nhỏ hơn nằm kế cận.

Don Bosco đang sắp sửa từ chối.

- Thấp quá tôi không sử dụng được.

- Tôi sẽ cho sửa sang lại theo ý cha muốn, Pinardi nói. Tôi sẽ đào, sẽ làm những bậc đi xuống, sẽ thay đổi nền nhà. Điều quan trọng là cha phải đặt xưởng thợ của cha ở đây [Tiếng Ý "xưởng thợ" gọi là "*Laboratorio*" đồng âm với tiếng "Nguyện Xá", tức là "Oratorio"].

- Không phải xưởng thợ mà là Nguyện Xá, Don Bosco nhắc lại, một ngôi nhà nguyện chỉ để tụ họp bọn trẻ của tôi ở đó.

Pinardi lẫn lộn từ này với từ kia cũng là điều dễ hiểu: gần các sông rạch, thời ấy, người ta thường xây cất những xưởng thợ và những cơ sở sản xuất. Pinardi, sau vài giây ngẫm nghĩ, bỗng reo lên:

- Một ngôi nhà nguyện à? Thế lại càng tốt hơn nữa. Tôi vốn là ca viên trong ca đoàn của giáo xứ. Tôi sẽ đến tiếp tay với cha. Tôi sẽ mang theo hai cái ghế: một cho tôi và một cho bà xã của tôi.

Don Bosco chưa biết phải quyết định ra sao. Nhưng rồi ngài nói:

- Nếu ông hứa với tôi là sẽ đào nền sâu xuống năm mươi centimét, tôi sẽ chấp thuận.

Ngài không muốn thuê theo tháng nữa. Ngài trả 320 lires để mướn nguyên một năm (hơn phân nửa khoản thù lao của ngài ở bệnh xá). Ngài được quyền sử dụng kho chứa đồ làm vườn và dải đất quanh đó làm chỗ cho bọn trẻ nô đùa.

Ngài chạy ngược về giữa đám thanh niên của mình và la lên:

- Can đảm lên, các con! Chúng ta đã tìm được một nguyện xá rồi! Chúng ta sẽ có một nhà thờ và một cái sân để nhảy và để chơi. Chúa nhật này chúng ta sẽ đến đó: đàng kia kìa, đến ngôi nhà Pinardi.

Hôm ấy là Chúa nhật Lễ Lá. Chúa nhật sau sẽ là Chúa nhật Phục sinh, Chúa nhật của sự sống lại.

Khi từng hồi chuông đổ

Phanxicô Pinardi đã giữ lời. Không chậm trễ, mấy người thợ hồ đã tới, đã đào bới, đã củng cố thêm mấy bức vách và mái nhà. Mấy bác thợ mộc đã làm lại nền nhà và đã đóng một sàn ván bằng gỗ. Trong vòng sáu ngày, việc ấy có vẻ như bất khả thi, nhưng ta chớ nên quên là số giờ làm việc một ngày vào thời ấy là 14 giờ/ngày. Thứ bảy, ngôi nhà đã tân trang xong.

Trên cái nền nhà thờ nhỏ, Don Bosco đặt mấy chân nến, một ngọn đèn dầu hôi và một bức chân dung thánh Phanxicô đệ Salê.

Ngày 12 tháng Tư là một ngày trọng đại. Sáng Phục sinh, tất cả mọi quả chuông trong kinh thành đều rộn rã reo vang, gần kho chứa đồ làm vườn Pinardi, không có quả chuông nào cả, nhưng chính sự thân thương của Don Bosco đã kêu gọi các con cái ngài trong giới mạt lưu xã hội thuộc khu Valdocco. Chúng lũ lượt kéo đến từng đợt. Chúng chiếm chỗ bên trong ngôi nhà thờ nhỏ, trên dải đất và trên những đồng cỏ vây quanh. Trong một sự yên lặng đầy sốt sắng, chúng đã dự buổi chầu Phép lành trong nhà nguyện và dự thánh lễ mà Don Bosco cử hành ngay sau đó. Rồi, chụp lấy ổ bánh nhỏ được người ta quăng cho, chúng phân tán mỏng trên đồng cỏ và niềm vui nổ tung, niềm vui vì rốt cuộc đã có một mái nhà "hoàn toàn là của chúng".

Chương 21: PHÉP LẠ BỌN TRẺ THỢ XÂY KÊU XIN CHÚA

Mới sáng tinh mơ, người ta đã mở cửa nhà thờ và việc xưng tội đã bắt đầu cho tới tận giờ lễ, được ấn định vào tám giờ, thường khi vẫn bị hoãn tới mãi chín giờ, để giúp tất cả những ai còn muốn xưng tội.

Thánh lễ, chịu Mình Thánh Chúa rồi đến bài giảng Tin Mừng (bài giảng này, sau mấy Chúa nhật, đã được thay thế bằng bài đọc vài phần trong Thánh sử). Sau bài giảng, học tới giữa trưa.

Don Bosco tự ban cho mình vừa đúng một giờ để ăn và để lấy lại sức. Lúc một giờ chiều, bắt đầu giờ ra chơi: đánh đu, đi cà kheo, đấu súng và đánh kiếm gỗ, sau buổi tập thể dục. Lúc hai giờ rưỡi: giáo lý. Sau đó, lần hạt, việc này được duy trì cho tới lúc mà bọn trẻ đã có đủ khả năng để hát kinh chiều. Tiếp theo là đôi lời cổ võ, hát các kinh cầu và chầu Mình Thánh. "Ra khỏi nhà thờ, là giờ tự do". Một số đứa theo học lớp giáo lý, những đứa khác thì tập hát hoặc đọc sách. Phần đông chúng chơi đùa và chạy nhảy cho đến lúc chiều tối.

"Tôi lợi dụng những giờ ra chơi hỗn loạn ấy để tiếp cận từng đứa. Với một câu nói nhỏ vào tai, với đứa này tôi dạy hãy vâng lời nhiều hơn, với đứa khác hãy kiên trì học giáo lý, với đứa thứ ba tôi khuyên nó nên đi xưng tội, và cứ như thế…"

Ngài là linh mục

Don Bosco chơi, ngài thậm chí còn làm xiếc (ngài đã nói rõ ra như thế), nhưng trên tất cả, ngài là linh mục. Khi nào cần, ngài biết cách tỏ ra dứt khoát một cách nhã nhặn. Đây, để chứng tỏ điều đó, chúng ta xin kể ra "một việc trong bao nhiêu việc khác".

Một đứa mà ngài đã nhiều lần giục nó lên chịu lễ cứ "hứa lèo" mãi mà chưa lần nào giữ lời. Một buổi chiều, giữa lúc nó đang hứng chơi, Don Bosco đã bắt nó ngừng chơi và yêu cầu nó theo ngài vào phòng áo có việc cần.

"Nó muốn đến ngay dù đang mặc áo sơ mi xắn cao tay áo. Tôi bảo nó:

- Không, mặc áo vét vào rồi hãy đến.

Khi tới phòng áo:

- Quì xuống trên ghế quì đó đi.

- Cha tính làm gì với con đây?

- Giải tội cho con.

- Con chưa dọn mình gì cả.

- Cha biết. Con hãy dọn mình đi, sau đó cha sẽ giải tội cho con.

- Cha đã hành động rất đúng khi đã thẳng tay với con như vậy, bằng không, có lẽ chẳng bao giờ con quyết định nổi việc đi xưng tội cả.

Đang khi tôi đọc kinh nhật tụng, nó dọn mình một lát, rồi nó xưng tội và đọc kinh cám ơn. Kể từ lúc đó, nó đã trung kiên làm tròn mọi bổn phận của người tín hữu".

Chia tay nhau tại Bùng Binh "Rondo"

Khi màn đêm buông xuống, mọi người lại trở lại nhà nguyện để đọc kinh tối, kết thúc bằng một bài thánh vịnh. Rồi, trước cửa kho chứa đồ làm vườn diễn ra cảnh tượng vui vẻ và đầy cảm động của phút chia tay.

"Ra khỏi nhà thờ, Don Bosco viết, ai nấy đều nói lời tạm biệt cả ngàn lần mà vẫn bịn rịn không muốn giã từ bạn bè của mình. Tôi đã mỏi miệng nói:

- Các con hãy lên đường về nhà mình đi, đêm xuống rồi cha mẹ các con đang mong đợi các con.

Chỉ hoài công vô ích. Tôi đành để mặc cho chúng tụm năm tụm bảy với nhau và sáu đứa mạnh nhất trong bọn khoanh tay lại để làm thành hình một chiếc kiệu mà, dù muốn dù không, tôi đành phải ngồi lên như ngự trên ngôi vua vậy. Sau đó, bọn chúng đứng thành nhiều hàng dài, khiêng Don Bosco trên cái ghế làm bằng những cánh tay săn chắc của chúng và vừa tiến bước vừa ca hát, reo cười và gây huyên náo cho tới tận Bùng binh "Rondo" (ngã tư giữa đại lộ "Corso Regina", hồi ấy gọi là Đại lộ "Thánh Maxime", và con đường "Cigna"). Tại đó, mọi người còn hát thêm mấy bài thánh vịnh nữa rồi giữ yên lặng tuyệt đối nhằm tạo điều kiện cho tôi lên tiếng chúc mọi người một giấc ngủ ngon và một tuần mới tốt đẹp. Với tất cả hơi sức còn lại, chúng đáp lại:

- Chúc cha ngủ ngon!

Lúc ấy, tôi mới được đặt xuống khỏi ngai vàng của mình. Mọi người ai về nhà nấy trong khi vài đứa lớn nhất đã mệt bở hơi tai mà vẫn còn cố "hộ tống" tôi về tận nhà".

Nhiều đứa trong bọn trẻ của ngài đã thì thầm bên tai ngài: "Don Bosco, xin đừng bỏ con cô đơn một mình những ngày thường trong tuần, xin cha hãy ghé thăm con". Ngay sáng thứ hai, những người thợ hồ trên các Quảng Trường xây dựng ở Torino đã được chứng kiến một cảnh tượng lạ đời: một linh mục, áo chùng thâm xắn cao, trèo lên các dàn giáo, giữa những bao vôi và những đống gạch. Sau khi đã làm tròn công tác mục vụ của mình ở bệnh xá, tại các khám đường và các trường học trong thành phố, Don Bosco đã leo lên đó để kiếm bọn trẻ của ngài.

Đối với bọn chúng, đó là cả một lễ hội. Trong đa phần các trường hợp, "gia đình" mà chúng quay về mỗi tối không phải là gia đình có cha và mẹ còn ở lại dưới quê, mà là nhà của một ông chú hoặc bác, của một người bà con, một người

đồng hương: đôi khi, đơn thuần chỉ là nhà của ông chủ đã được cha mẹ, họ hàng của chúng giao cho việc canh giữ chúng. Chẳng lấy gì làm mặn nồng đối với bọn trẻ, cũng vì vậy khi chúng gặp được một người bạn chân thành có lòng yêu thương chúng và giúp đỡ chúng, thì đó là cả một lễ hội.

Mà cũng chính vì ngài yêu thương chúng, nên Don Bosco thường dừng chân trao đổi vài ba câu với ông chủ. Ngài muốn biết về lương bổng của chúng, về thời gian nghỉ ngơi của chúng, về khả năng cho phép chúng thánh hoá các ngày lễ đạo. Trong các yêu sách hàng đầu của mình, ngài đòi hỏi những hợp đồng có việc làm đều đặn cho các thợ phụ của mình và theo dõi sao cho các ông chủ chấp hành đúng nội dung của các bản hợp đồng ấy.

Ngài đến thăm những người bạn trẻ của mình và tìm kiếm thêm những người bạn khác. Theo chứng từ của Don Rua: "Ngài đến tham quan những xưởng thợ trong đó có đông đảo các thợ phụ và mời tất cả bọn họ đến nguyện xá của ngài. Ngài đặc biệt tỏ ra ưu ái đối với những đứa bé di cư đã phải bỏ nhà đi tha phương cầu thực".

Don Bosco ho ra máu

Don Bosco là một con người, và sức lực của một con người thì có những hạn chế của nó. Sau những cơn stress của mùa xuân, sức khoẻ của ngài bắt đầu bị huỷ hoại một cách nguy hiểm ngay trong những đợt nóng bức đầu tiên.

Bà hầu trước Barolo, vốn rất ngưỡng mộ ngài, đã triệu ngài tới vào đầu tháng 5 năm 1846. Cha Borel cũng có mặt. Bà đặt trước mặt ngài món tiền kếch xù năm ngàn lires (tám năm thu nhập) và bảo ngài bằng giọng nói hách dịch:

- Bây giờ cha hãy cầm lấy số tiền này và hãy lên đường, đến bất kỳ nơi nào cha muốn, để an hưởng một cuộc nghỉ ngơi tuyệt đối.

Don Bosco đáp lại:

- Xin đa tạ bà. Bà thật quảng đại. Nhưng tôi không làm linh mục để chăm lo cho sức khoẻ riêng của mình.

- Nhưng cũng không phải để tự sát. Tôi đã được tin là cha đã ho ra máu. Buồng phổi của cha bây giờ nát bấy như một miếng giẻ rách. Cha tưởng mình còn cầm cự được bao lâu với nếp sống hiện thời chứ? Cha hãy chấm dứt việc vào các khám đường và việc đến nhà Cottolengo. Và, trên hết tất cả, hãy rời xa bọn trẻ của mình một thời gian. Cha Borel sẽ lo cho chúng.

Don Bosco nghe thấy trong những lời dặn dò trên một toan tính "thứ mấy mươi" nhằm ly gián ngài với bọn trẻ của ngài. Ngài đã phản ứng một cách thô bạo:

- Gì chứ việc ấy thì tôi sẽ không đời nào chịu cả!

Bà hầu tước mất kiên nhẫn:

- Nếu cha không muốn nhượng bộ những lời lẽ chí tình của tôi thì tôi sẽ nói với cha những lời độc địa vậy. Cha cần có những khoản thù lao mà tôi cống hiến cho cha để có thể xốc tới. Cha hãy nghe điều tôi sắp nói đây. Hoặc là cha sẽ bỏ rơi nguyện xá của mình và lên đường đi nghỉ dưỡng sức, hoặc là chính tôi, tôi sẽ cho cha thôi việc.

- Đồng ý. Bà có thể tìm được rất nhiều linh mục để thay thế vào chỗ của tôi, nhưng bọn trẻ của tôi chẳng có ai để chăm lo chúng cả. Tôi không thể bỏ rơi chúng.

Don Bosco đã phát ngôn những lời lẽ anh hùng, nhưng ngài đã phạm sai lầm. Bà hầu tước có vẻ như hành hạ ngài, nhưng ngược lại chính bà là người có lý, những tháng sắp tới sẽ chứng tỏ điều ấy. Don Bosco là một linh mục thánh thiện, nhưng ngài còn rất trẻ (ba mươi mốt tuổi) và lại cứng đầu: ngài còn chưa thủ đắc được ý thức về sự định lượng. Bà hầu tước (sáu mươi mốt tuổi) cho thấy sẽ là bà biết phải trái hơn ngài. Đây cũng còn là một phụ nữ thánh thiện. Sau vụ đôi co kịch liệt ấy (theo chứng từ của Don Giacomelli), "bà đã quì xuống trước mặt Don

Bosco, xin ngài ban phép lành cho mình" ("Bà chưa hề làm thế với tôi bao giờ", Don Giacomelli nói thêm).

Trong một lá thư mà bà đã lập tức trao cho Don Borel (với ý hướng rõ ràng là để trao cho Don Bosco), bà Hầu tước đã tóm lại lập trường của bà như sau:

"1. Tôi chấp thuận và ca ngợi việc dạy dỗ các trẻ trai (cho dù tôi không thấy chuyện đó thích hợp để thực hiện ở bên cạnh chỗ của các công cuộc của tôi phục vụ cho các trẻ nữ gặp nguy hiểm).

2. Bởi lý do tôi tin trong lương tâm mình là phổ của Don Bosco cần đến việc cha phải tuyệt đối nghỉ ngơi, tôi sẽ không tiếp tục trả phân lương nhỏ bé của tôi cho cha nếu cha không chấp nhận điều kiện của tôi là phải đi xa khỏi Torino trong một thời gian đủ dài để cho phép sức khỏe của cha được hồi phục. Điều này thúc ép tôi rất mạnh, vì tôi rất quí mến cha".

Don Bosco ho ra máu thật sự, rất có thể là một sự chớm nhiễm ho lao đã công phá buồng phổi của ngài. Bất chấp điều ấy, ngài vẫn nghĩ đến tương lai. Ngày 5.6.1846, ngài đã mướn thêm ba phòng trên gác của ngôi nhà Pinardi, với giá tổng cộng là 15 lires/tháng.

Cùng thời gian này, hầu tước Cavour lại xuất đầu lộ diện. Tất cả mọi ngày Chúa nhật, ông đều phái sáu nhân viên cảnh sát đến để canh chừng Don Bosco. Năm 1877, Don Bosco sẽ nói với Don Barberis: "Tôi thật tiếc vì đã không có một cái máy chụp hình. Đẹp đẽ biết bao khi được nhìn lại cảnh tượng ấy: hàng trăm thanh thiếu niên chăm chú nghe tôi, và sáu cảnh vệ, mặc sắc phục đàng hoàng, hai tay khoanh trước ngực, đứng từng cặp một, ngay đơ như những cây cọc tại ba điểm khác nhau trong nhà thờ, cả họ nữa cũng nghe giảng. Họ giúp tôi rất đáng kể khi canh chừng bọn trẻ, ngay trong lúc canh chừng chính tôi. Chốc chốc lại có một người trong bọn họ đưa tay len lén quệt một giọt lệ. Đẹp đẽ biết bao nếu chụp được cảnh họ quì gối giữa bọn trẻ, chờ tới phiên mình kế bên toà

giải tội của tôi. Về các bài giảng, tôi đã dụng công giảng cho họ hơn là cho bọn trẻ của tôi: tôi đã nói về tội lỗi, về sự chết, về cuộc phán xét, về hoả ngục…"

"Lạy Chúa, xin đừng để ngài chết"

Chúa nhật đầu tháng bảy năm 1846, sau một ngày mệt nhoài tại nguyện xá trong một nhiệt độ oi ả, khi quay trở lại phòng mình tại Trú khu, Don Bosco đã ngất xỉu. Người ta khiêng ngài đến tận giường nằm: "Ho, viêm nhiễm nặng, liên tục khạc ra máu". Những lời ấy có nghĩa là: viên phế mạc, kèm theo sốt nặng, thổ huyết, là sự liên kết của những rối loạn cực kỳ nghiêm trọng vào thời ấy đối với một người bệnh đã từng bị ói ra máu.

"Suốt mấy hôm liền, tôi đã bị coi như vô phương cứu chữa". Người ta đã cho ngài rước của ăn đàng và phép xức dầu bệnh nhân. Trên các Quảng Trường xây dựng với những thằng bé phụ hồ, trong các xưởng thợ với những tay thợ trẻ, tin tức được loan truyền tức khắc: "Don Bosco sắp chết".

Tối nào cũng vậy, nhằm hướng căn phòng nhỏ của Trú khu nơi Don Bosco đang hấp hối, đều có nhiều nhóm gồm những đứa trẻ hốt hoảng kéo tới. Chúng còn chưa kịp thay bộ đồ dơ dáy do công việc của mình, bản mặt còn dính đầy vôi trắng bệt. Chúng chưa vội ăn tối mà đã chạy ngay tới Valdocco. Chúng than khóc, chúng cầu nguyện:

- Lạy Chúa, xin đừng để ngài chết.

Y sĩ đã ngưng ngay mọi cuộc thăm bệnh và y tá (do bà hầu tước tức khắc điều động tới bên giường bệnh của Don Bosco) cấm ngặt không cho bất kỳ ai vào phòng của người bệnh. Bọn trẻ tỏ ra tuyệt vọng:

- Ít nhất cũng để tôi nhìn ngài chứ!

- Tôi chỉ nói với ngài có làm gì khác đâu.

- Tôi chỉ cần nói với ngài một câu thôi.

- Nếu Don Bosco biết là tôi có mặt ở đây, chắc chắn ngài sẽ cho tôi vào mà.

Mạng sống của Don Bosco tựa như chỉ mành treo chuông, bị treo lơ lửng như vậy tám ngày liền giữa sự sống và cái chết. Suốt tám ngày liền, bọn trẻ, trong lúc lao động dưới ánh mặt trời nóng bỏng, không hề uống bất cứ giọt nước nào để cầu Trời chữa ngài lành bệnh. Trong thánh đường Đức Bà An Ủi, những chú bé thợ hồ luân phiên túc trực cả ngày lẫn đêm. Lúc nào cũng có đứa nào đó quì gối trước Đức Mẹ. Nếu đôi mắt chỉ chực nhắm nghiền lại vì mỏi mệt (sau mười hai giờ lao động), chúng liền ra sức chống lại cơn buồn ngủ bởi lẽ Don Bosco không nên chết.

Một số đứa, do tính quảng đại đột phá của trẻ em, đã hứa với Đức Mẹ là sẽ lần hạt liên miên suốt đời, một số khác lại hứa sẽ ăn chay trường nguyên một năm, chỉ ăn toàn bánh mì và uống nước lã mà thôi.

Thứ bảy, Don Bosco trải qua một cơn đột biến trầm trọng hơn. Ngài không còn sức lực nữa, chỉ cố gắng chút xíu cũng đủ khiến ngài ói ra máu. Đêm ấy, nhiều người tưởng là giờ cuối cùng của ngài đã điểm, nhưng thần chết vẫn chưa đến.

Mà ngược lại, chính sự thuyên giảm đã đến: đó là ơn huệ mà bọn trẻ đã "vòi" được của Đức Mẹ, bởi lẽ chúng không thể nào tiếp tục chịu được cảnh mồ côi cha được nữa.

Một ngày Chúa nhật cuối tháng Bảy, vào buổi chiều, tay chống một cây gậy, Don Bosco tiến bước về phía nguyện xá. Bọn trẻ ùa ra vây lấy ngài. Mấy đứa lớn nhất bắt ép ngài ngồi xuống một cái ghế bành, rồi chúng khiêng ghế lên vai và kiệu ngài vào trong sân. Cả bọn ca hát, khóc, những người bạn nhỏ ấy của Don Bosco, và chính ngài nữa, cũng không sao cầm được nước mắt.

Cha con họ kéo nhau vào nhà nguyện và cùng dâng lời cảm tạ Chúa yên lành. Khi yên lặng đã được vãn hồi, đầy căng thẳng, Don Bosco đã ấp úng nói được mấy câu:

- Mạng sống của cha, chính các con là những người mà cha phải mang ơn.

Nhưng các con hãy tin chắc cho rằng, kể từ hôm nay, cha sẽ dồn toàn tâm toàn lực của mình cho các con.

Đối với tôi, đây là những lời trọng đại nhất mà Don Bosco đã phát biểu trong đời ngài. Đó là "lời khấn trọng thể" mà qua đó ngài đã tận hiến cho các thanh thiếu niên và chỉ cho chúng mà thôi. Những lời lẽ trọng đại khác (thật ra là đoạn tiếp theo của những lời vừa rồi) ngài sẽ nói lên khi nằm trên giường bệnh của mình: "Hãy nói với các con cái của cha rằng, cha đợi tất cả bọn chúng trên Thiên Đàng".

Những hơi sức vô cùng hạn hẹp mà ngài có thể vận dụng ngày hôm ấy, ngài đã dùng để nói với các thanh thiếu niên của mình "nhằm đổi lấy những điều có thể thực hiện được, những lời khấn và những lời hứa mà, do không suy nghĩ chín chắn, nhiều đứa đã liều mình tự nguyện đưa ra trong lúc ngài đang trong cơn thập tử nhất sinh". Nghĩa cử cực kỳ tế nhị.

Các y sĩ quy định cho ngài một thời gian dưỡng bệnh kéo dài, một cuộc nghỉ ngời toàn diện, và Don Bosco đã lên xóm Becchi, ở tại nhà anh trai và mẹ của ngài. Nhưng ngài đã hứa với các con cái của mình:

- Chừng nào lá rụng, cha sẽ lại có mặt ở đây, ở giữa các con.

"Hoặc túi tiền hoặc nộp mạng cho tao!"

Ngài du hành ngất ngưởng trên lưng con lừa, dừng lại một lần nữa tại Castelnuovo do bị dằn xóc quá nhiều bởi phương tiện di chuyển thô sơ của mình và lúc chiều tối thì ngài tới xóm Becchi.

Mảnh sân dội vang tiếng ồn ào vui vẻ mấy đứa cháu trai và cháu gái rộn rã chào đón ngài. Antôn đã tự cất cho mình một ngôi nhà nhỏ đối diện với ngôi nhà mà hắn đã ở hồi nhỏ. Hắn hiện có năm đứa con: Phanxicô mười bốn tuổi, Margarita mười hai, Têrêxa chín, Gioan sáu và Francoise năm và Lu-y còn đang nằm nôi.

Don Bosco đã tạm trú tại nhà Giuse. Không khí trên vùng đồi núi của quê hương, tình thân thương kín đáo của mẹ già, những cuộc đi chơi xa càng ngày càng dài mà ngài thực hiện mỗi buổi chiều tối băng ngang những vườn nho trong đó những trái nho đang bắt đầu mọng đỏ, đã trả lại nhựa sống và sức mạnh cho ngài.

Thỉnh thoảng ngài lại biên thư cho Don Borel để hỏi thăm tin tức bọn trẻ của mình. Ngài cảm ơn "Don Pacchiotto, Don Bosio, cha Vola, Don Frivero", là những người đang tích cực giúp đỡ ngài.

Nhân một cuộc dạo chơi trong tháng 8, ngài đã đi tới tận Capriglio. Khi trở về băng ngang một rừng cây nhỏ, ngài bỗng nghe một giọng nói rắn rỏi ra lệnh cho mình:

- Hoặc túi tiền hoặc nộp mạng cho tao.

Hoảng hồn, ngài đáp:

- Tôi là Don Bosco, tôi không có tien.

Ngài nhìn chòng chọc người đàn ông đang bước ra khỏi bụi rậm, tay vung cao một con dao găm, và đổi giọng, ngài nói tiếp:

- Cortèse, chính con là người muốn giết cha sao?

Ngài đã nhận ra trong bộ râu ria tua tủa ấy một thanh niên đã trở thành bạn thân của ngài tại các khám đường ở Torino. Chính chàng trai cũng đã nhớ ra và chỉ muốn độn thổ cho rồi.

- Don Bosco, cha hãy tha lỗi cho con! Con đúng là một tên khốn kiếp.

Hắn kể lại bằng những tiếng nhát gừng một câu chuyện thương tâm như vẫn thường thấy xảy ra. Ra khỏi tù, những người thân ruột thịt không nhận cho hắn quay về với gia đình nữa. "Cả đến mẹ đẻ của con cũng quay lưng lại với con. Họ bảo rằng con đã làm điếm nhục gia phong". Về việc làm, nói đến cũng bằng không. Ngay khi được biết là hắn đã từng ngồi tù, người ta đã đóng sập cửa lại ngay trước mũi hắn.

Trước khi đến Becchi, Don Bosco đã giải tội xong xuôi cho hắn và đã bảo hắn:

- Bây giờ, con hãy đến với cha.

Ngài đã giới thiệu hắn với những người thân của mình:

- Tôi đã tình cờ gặp lại anh bạn cũ này, tối nay, anh ấy sẽ dùng bữa với chúng ta.

Sáng hôm sau, sau thánh lễ, ngài đưa cho hắn một lá thư gửi gắm hắn cho một vị linh mục và vài người chủ tốt bụng ở Torino. Ngài ôm hôn hắn.

Tháng 10 năm 1846, nhân những chuyến dạo chơi đơn độc của mình, Don Bosco, đã một cách bình thản, lên kế hoạch cho tương lai trước mắt. Chừng nào trở lại Torino, ngài sẽ đến ở trong những căn phòng đã thuê được của Pinardi. Tại đó, ngài sẽ mở rộng cửa để đón tiếp những kẻ tứ cố vô thân.

Địa điểm, tiếc thay, không thích hợp với một linh mục sống đơn chiếc. Không xa nơi ấy, có một "ngôi nhà khả nghi": nhà Bellezza. Với quán trọ Bà làm vườn, nơi những tên bợm nhậu ngang nhiên hò hát đến mãi nửa đêm. Ngài cần phải ở chung với một người nào đó khả dĩ giữ cho ngài khỏi bị miệng đời gièm pha, dị nghị.

Ngài đã nghĩ đến thân mẫu. Nhưng biết nói sao với bà đây? Mẹ Margarita nay đã năm mươi tám tuổi. Ở Becchi, bà là bà hoàng. Làm sao mà dứt được bà ra khỏi ngôi nhà của bà, ra khỏi lũ cháu nội dễ thương, ra khỏi những thói quen hàng ngày? Có lẽ Don Bosco đã được khích lệ bởi các viễn ảnh về một thời vụ nghiệt ngã có nguy cơ xảy đến với nông thôn. Mấy vụ thu hoạch trong năm 1946 đều thất bát và người ta dự đoán là trong năm 1947 tình hình sẽ còn tệ hại hơn.

"Mẹ ơi, một tối nọ ngài đã thu hết can đảm mới nói nổi, sao mẹ không đến ở với con ít lâu? Con đã thuê được 3 phòng ở Valdocco và, sắp tới con cho bọn trẻ bị bỏ rơi đến ở đó. Mẹ đã có lần bảo con là mẹ sẽ không bao giờ đặt chân lại nhà

con nếu con trở nên giàu có. Hiện thời thì con đang nghèo rớt mồng tơi và nợ như chúa chổm. Hơn nữa còn là một nguy cơ đối với linh mục nếu ở một mình trong khu phố ấy."

Bà già lộ vẻ đăm chiêu. Đây là một đề nghị mà bà không hề mong đợi. Nhã nhặn, Don Bosco lại năn nỉ:

- Làm mẹ của lũ con của con, bộ mẹ không thấy hứng thú tí nào ư?

- Nếu con tin rằng đó là thánh ý Chúa, bà thì thầm, mẹ sẽ đến.

Những kẻ tha hương tay không, túi rỗng

Ngày 3 tháng 11, thứ ba, những chiếc lá rơi theo lá mùa thu và Don Bosco lên đường trở lại Torino.

Dưới tay, ngài kẹp chặt một cuốn sách lễ và quyển kinh nhật tụng của mình. Cạnh ngài, Mẹ Margarita chậm rãi bước đi. Trên tay, bà xách một giỏ nhỏ đựng vài bộ đồ và một ít của ăn dọc đường.

Don Bosco đã qua thư từ thông báo các quyết định của mình cho Don Borel, và "ông cha nhỏ" đã tốt bụng tới mức chuyển, từ căn phòng tại Trú khu qua mấy gian phòng trong nhà Pinardi, chút ít tài sản mà Don Bosco sở hữu.

Hai lữ khách cuốc bộ suốt chặng đường dài. Khi họ đến Rondo, một linh mục thân quen của Don Bosco nhận ra ngài và lại gần hai mẹ con chào họ. Cha ấy thấy cả hai đều mệt và phủ đầy bụi đường.

- Cha trở về rồi sao, Don Bosco? Sức khoẻ của cha ra sao?

- Tôi khỏi bệnh rồi, cảm ơn cha. Tôi đưa mẹ tôi cùng đến đằng ấy.

- Nhưng sao hai mẹ con lại đi bộ?

- Vì chúng tôi thiếu cái này.

Vừa mỉm cười, ngài vừa vê vê ngón trỏ và ngón cái.

- Hai mẹ con tính cư ngụ ở đâu?

- Ở đây, trong nhà Pinardi.

- Nhưng hai mẹ con làm sao mà sống khi chẳng có tiền nong gì cả?

- Tôi cũng chẳng biết nữa, nhưng việc ấy đã có Chúa Quan phòng lo.

- Cha thì lúc nào cũng thế, vị linh mục vừa nói vừa gục gặc cái đầu.

Cha ấy móc túi ra một cái đồng hồ quả quýt; vào thời ấy đó cũng còn là một món đồ quí và hiếm. Cha biếu cho ngài.

- Tôi mong sao giàu có để giúp đỡ cha. Tôi chỉ làm những gì mình có thể mà thôi.

Mẹ Margarita là người đầu tiên bước vào chỗ ở của mình: ba gian trống trải và buồn thiu, với hai cái giường, hai chiếc ghế và hai cái nồi. Bà mỉm cười nói với con trai:

- Ở Becchi, ngày nào mẹ cũng tốn bao công sức để sắp xếp mọi thứ cho ngăn nắp, để đánh bóng các đồ gỗ, để chà rửa nồi xoong. Ở đây mẹ sẽ yên thân, phè phỡn hơn nhiều.

Họ nghỉ ngơi rồi thư thả bắt tay vào việc. Đang khi mẹ Margarita lo nấu đồ ăn, Don Bosco treo lên tường một cây Thánh giá, một ảnh Đức Mẹ, rồi ngài sắp xếp giường chiếu để ngủ qua đêm. Sau đó, đồng thanh hợp giọng, hai mẹ con cùng cất tiếng hát. Lời hát ca như sau:

"Thiên hạ, hãy coi chừng!
khi chúng ta đây cảm thấy
mình là những kẻ tha phương
túi rỗng và tay không..."

Một thằng nhỏ, Etienne Castagno, nghe được tiếng của họ và tin tức đã chuyền từ miệng qua tai giữa bọn trẻ của khu Valdocco.

- Don Bosco về rồi!

Chương 22: MỘT KHO THUỐC SÚNG SẴN SÀNG NỔ TUNG

Chúa Nhật sau, ngày 8.11.1846, đã là cả một lễ hội tưng bừng, Don Bosco đã phải ngồi trên một cái ghế bành đặt giữa đồng cỏ, với bọn trẻ vây quanh, và phải lắng nghe những tiếng ca và những lời cầu chúc của chúng.

Những đứa trong bọn chúng đã đến gặp ngài tại xóm Becchi và đã ép ngài phải trở về sớm hơn hạn định, bằng cách đặt ngài vào cách lựa chọn tức cười này: "hoặc là cha trở lại Valdocco, hoặc là tụi con sẽ rời nguyện xá lên đây".

Don Cafasso đã chống đối một sự trở về quá sớm như vậy Don Bosco những lời khuyên của các y sĩ. Ngài chỉ cần chuyển lại cho cha ấy quan điểm của Đức Tổng Giám mục: "Ngài đã cho phép tôi trở lại nguyện xá, với điều kiện là không được thuyết giáo trong vòng hai năm". Ngài liền tự thú ngay "Tôi đã không vâng lời".

Những phòng lớp sáng choang đầy các trẻ em

Mối bận tâm hàng đầu của Don Bosco là lo khôi phục phát triển các lớp tối: "Tôi đã thuê thêm một căn phòng khác. Chúng tôi dạy trong gian bếp, trong phòng ngủ, trong phòng áo, trong gian hát lễ, trong đám học trò vẫn còn có những tên tán tận lương tâm phá hư hết mọi thứ hoặc xào xáo mọi đồ đạc. Sau mỗi tháng, tôi lại thuê thêm được hai phòng nữa".

Các nhân chứng của thời kì này nhớ lại: "Quả là màn kịch khi tối đến các phòng sáng choang, đầy những thiếu niên và thanh niên, lúi húi viết bài trên các ghế băng, hoặc ngồi bệt xuống đất, viết nguệch ngoạc những chữ lớn đại lên tập vở của mình".

Don Cafiano, Don Nisi, Don Trivero, Don Pachiotti đã trở lại để giúp ngài. Những tin đồn về Don bosco có "những định kiến" đã lịm dần trong thời gian ngài ngã bệnh và tĩnh dưỡng lâu dài. Đúng là Don Bosco đã có một ý tưởng không thể lay chuyển được, và ngài đã chứng tỏ rằng mình sẵn sàng chịu ho ra máu để mà biến ý tưởng ấy thành hiện thực.

Giữa ngài và bà hầu tước Barolo, hiển nhiên vẫn còn một chút không khí mờ sương. Thật dễ hiểu thôi, khi cả hai đã từng nói cho nhau hay "Đấy xem đi, tôi có lý không?" Bà hầu tước đã thấy là những cái bà đã lường trước đã thể hiện rồi: Don Bosco đã suy sụp và suýt nữa thì chết, đợt nghỉ ngơi lâu dài của cha có khác chi một kỳ dưỡng sau một trọng bệnh, và Nguyện Xá tiếp tục tiến bước dưới sự dẫn dắt của Cha Borel. Nhưng ngay cả Don Bosco cũng cảm thấy mình có lý khi không bỏ Nguyện Xá dù mình có phải trả bất cứ giá nào đi nữa! Dẫu sao thì với tình trạng sức khỏe này, Don Bosco không thể nào lấy lại công việc của mình ở Nhà Thương Nhỏ của bà hầu tước. Do đó bản hợp đồng giữa họ, coi như hết hạn trong tháng Tám, đã không được tái lập lại. Don Bosco chỉ lâu lâu mới ghé lại đó để giảng tĩnh tâm cho các trẻ nữ ốm đau. Bà hầu tước không còn phải trả tiền thù lao cho ngài nữa, nhưng qua trung gian của Don Borel và Don Cafasso, bà sẽ vẫn gửi đến cha những món quà hậu hĩ "cho bọn trẻ của ngài cho mãi đến ngày bà tạ thế, năm 1864".

Đức Giáo hoàng Mastai – Ferreti lấy danh hiệu "Piô IX"

Trong các tháng đầu của năm 1864, nhà báo De Boni viết về Torino: "Tôi rất chán phải từ khu vực vuông này đến khu vực vuông khác của một thành phố

vuông, nơi mọi người nói với giọng qui phục và mọi người đều đi đủng đỉnh. Tôi ghét tuyết bắc cực chất thành đống cao như núi tại thành phố này, ghét những đường phố thẳng trong khi các con người thì cong queo, những người phe tự do cẩn trọng thì đi nghe bài giảng Chúa Nhật và đi lần hạt Mân côi dưới sự dìu dắt của Bá tước Balbo, xin Thiên Chúa chúc lành cho ông bá tước.

Lời nói của ông De Boni quả chẳng có tý tính cách tiên tri gì cả. Bởi lẽ thành phố Torino hiện giống như một kho thuốc súng chỉ chờ nổ. Còn Bá tước Balbo thì là một người đại diện cho một thứ chủ nghĩa tự do ôn hòa, nhưng trong vòng ít tháng sắp tới nó sẽ làm rung chuyển nước Ý như là một vụ động đất.

Vào tháng Sáu năm 1845, vị Giám mục "không thành kiến" của giáo phận Fmola là Hồng y Mastia Ferreti, đã được bầu làm Giáo hoàng. Ngài lấy danh hiệu là "Piô IX". Đó là một con người đạo đức và giản dị. Đó không phải là một nhà chính trị và ngài không ủng hộ các quan niệm về con người: chính vì lẽ đó mà ngài đã mau chóng thực thi sự cải tổ, đã được trông đợi từ bao năm nay trong Nước Giáo hoàng của ngài, và người ta đã đổi ý nghĩa của những cải tổ đó thành "những cải tổ theo kiểu tự do chủ nghĩa" với tất cả những gì là mập mờ ám muội mà từ nay có thể gợi ra trong đầu óc người đời.

Mấy ngày sau khi đắc cử (ngày 17 tháng 7), bất chấp những lời phản đối của nhiều vị Hồng y, ngài đã chấp thuận một cuộc đình chiến rộng rãi về chính trị.

Nhiều tù nhân có tội chỉ vì tham gia các "phong trào tự do" đã được phóng thích.

Để "am hiểu" các tù nhân, ngài thường đi vào trại tù ở Tòa lâu đài Thánh Thiên Thần (di Catel Saint' Angelo) một cách không ai nhận ra ngài, để nói chuyện với họ, khiến cho các giám đốc nhà tù hốt hoảng. Để "nghe ngóng được" những lời phàn nàn của dân chúng, ngài đi thăm các nhà thương cũng bằng các cách thức y như thế.

Suốt trong những tháng sau đó, ngài đã đặt một cái thắng lên mọi sự lạm

dụng quyền bính của cảnh sát và bày tỏ ý chí cứng rắn muốn thấy nền ngoại giao lấn chiếm của Áo tôn trọng hơn nữa quyền độc lập của Tòa thánh.

Mùa xuân 1847, ngài đã chấp thuận một quyền tự do báo chí, thiết lập một Consulte (Hội đồng) Quốc gia với sự tham gia của các giáo dân đã được chỉ định bởi cơ sở (điều này khiến ta nghĩ đến một nghị viện). Ngài cho phép thành lập một đội cảnh vệ dân sự (dân quân tự vệ).

Trong bầu khí đầy kỳ vọng nhiệt thành được phát động bởi tác phẩm của "Vị lãnh đạo tinh thần và luân lý của nước Ý" của Gioberti, Đức Piô IX trong tương quan với phe tự do tương ứng với vị Giáo hoàng "thuộc phe tự do mới". Đối với các người phái tự do, Đức Piô IX xem ra như vị Giáo hoàng thuộc chủ nghĩa tự do mới của Ý mà người ta đã từ lâu rất mong đợi. Người ta đề cao Đức Thánh Cha Mastai [tên gọi Đức Thánh Cha Piô IX] như người thực hiện sự thống nhất và độc lập của Nước Ý trong bầu khí tự do. Những kẻ nhiệt tình hết sức hưng phấn. Bất luận ngài đi đâu, Đức Piô IX cũng không sao thoát khỏi những cuộc mít tinh, diễu hành, những sự bầy tỏ lòng tôn kính, những đám rước đuốc ủng hộ.

Không chỉ có phe tự do là "nhất trí" kiểu ấy với Đức Piô IX. Những người thuộc phe xã hội chủ nghĩa và các đại biểu của "cánh hữu dân chủ" cũng đòi hỏi phải có phép lạ ấy. Ngay cả Metternich, vị tể tướng đầy quyền lực của Áo, hiến binh của chính sách chuyên chế và chính sách bảo thủ, cũng la lên với giọng thiểu não: "Tôi sẵn sàng chờ đợi mọi chuyện, trừ chuyện một Giáo hoàng theo phe tự do".

Đức Piô IX không phải là một Giáo hoàng theo phe tự do, tuy vậy suốt gần hai năm trời ngài sẽ bị các biến cố và các tình huống buộc phải đóng một vai trò rất dễ bị hiểu lầm.

Suốt mùa hè năm 1947, để phòng hờ những bất trắc đến từ vị "Giáo hoàng theo phe tự do", Metternich đã cho một đội quân tiên tiến của Áo chiếm đóng

đô thị Ferrare của Giáo hoàng. Phe tự do lý giải điều quân này như là sự đoạn tuyệt vĩnh viễn giữa Tòa Thánh và nước Áo, là tia lửa của cuộc chiến tranh giành độc lập. Carlo Alberto hiến quân đội của mình cho Đức Giáo hoàng; từ châu Mỹ, Garibaldi đặt quân đoàn lính tình nguyện của mình dưới quyền sử dụng của Đức Piô IX; từ London, Mazzini viết cho ngài một lá thư với những lời lẽ bốc lửa.

Thế là Đức Piô IX đã trở thành hiệu kỳ của nền tự do quốc gia. Ngài đã chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện gây chiến tranh, nhưng ngài đã bị lấn lướt bởi các biến cố, và bị lôi cuốn bởi các biến cố. Cuộc chiến tranh giành độc lập, được biện minh nhân danh Ngài, kể từ đó đã trở thành danh chính ngôn thuận nhờ danh hiệu của ngài, từ nay đã dật dờ trong không gian.

Cuộc đụng độ của Don Bosco với "các linh mục yêu nước"

Sau La Mã, Torino là trung tâm của các cuộc biểu tình ủng hộ Đức Piô IX và các hành vi "ủng hộ tự do" của ngài.

Đức Tổng Giám Mục Fransoni, một người bảo thủ cứng cỏi, rất phân vân đứng trước sự phát triển của tình hình. Ngài có những mối nghi ngờ mạnh mẽ về việc những người tự do lạm dụng danh nghĩa của Đức Tân Giáo Hoàng. Các Đức Giám Mục khác của Piemontê – như Fossano, Pinerolo, Biela – thì dứt khoát và hăng say đứng về phía "cuộc hành trình tự do mới của Hội Thánh". Trong năm 1848, hầu hết tất cả các giám mục Piemontê và Sarđênha đã viết những lá thư mục vụ yêu nước.

"Ngay cả Don Bosco – theo lời cha Stella viết – vào khoảng năm 1848, cũng đã tham gia vào những niềm hy vọng chung của Nước Ý dưới hình thức của một chủ nghĩa tự do mới kiểu của ông Guelfo, mang dáng dấp của sự tôn trọng đối với Đức Thánh Cha và với các triều vua chúa cai trị từ xưa tới lúc bấy giờ." Trong ấn bản thứ hai của *cuốn Lịch Sử Hội Thánh* xuất bản từ lúc khởi đầu của

năm 1848, ngài gọi lý thuyết gia của chủ nghĩa tân tự do kiểu ông Guelfo là "Ông Gioberti Vĩ Đại".

"Nhưng đó không phải là một thứ tình cảm lâu bền nơi Don Bosco", bởi lẽ nó đã sớm biến mất khỏi các ấn bản sau đó. "Thật sớm Don Bosco đã đụng độ với các linh mục yêu nước, khiến cho giữa Don Bosco và các linh mục yêu nước như cha Cocchi, cha Trivero, cha Ponte, có một luống cày sâu là lằn ranh tách biệt đôi bên".

Cuộc đụng độ này trở thành hiện thực kể từ khi bắt đầu lộ ra rằng nhiều người theo chủ nghĩa tự do chỉ muốn mượn danh Đức Giáo Hoàng để cổ súy các mục tiêu chính trị của họ, cách riêng là khi bài nói chuyện vào ngày 29.4.1848 của đức Piô IX đã vĩnh viễn gạt phăng tất cả mọi sự mập mờ của sự lạm dụng này.

Một trận mưa gạch đá

Trong khi đó, bên cạnh "lịch sử lớn", trong vùng đồng bằng thấp trũng của khu Valdocco, vẫn diễn ra lịch sử khiêm tốn của đời thường: sự mệt mỏi thầm kín vì lợi ích của bọn trẻ, cuộc đấu tranh thầm lặng chống lại nợ nần.

Don Bosco đã tranh thủ được, tháng 12 năm 1846, sự đồng ý của Pancrace Soave cho thuê toàn bộ các phòng trong nhà Pinardi và thửa đất xung quanh (710 lires/năm). Ngài cho thuê lại bức tường xung quanh đầy cỏ dùng làm cái sân chơi và cho dựng ở hai đầu cổng xây và một cổng rào bằng song sắt. Nhờ cách này, bọn "gian phi mặt dạn mày dày" vẫn thường kéo đến, mỗi Chúa Nhật, đông đặc trong quán trọ, bà làm vườn và các nhà quanh đó, sẽ hết còn len lỏi vào trong sân và gây rắc rối cho bọn trẻ.

Một phần của cánh đồng cỏ (nơi mà nay là một tiệm bán các đồ đạo), Don Bosco biến nó thành vườn trồng rau. Bọn trẻ gọi đó là "khu vườn của mẹ Margarita". Trong số những kinh phí về thuê bao và để cứu trợ các thanh thiếu

niên, những đồng tiền dành cho chợ búa bếp núc là khoản hết sức khiêm tốn. Và vốn là một nông dân đảm đang, mẹ Margarita đã hết sức tiết kiệm bằng cách trồng rau diếp và khoai tây.

Trên những đồng cỏ khắp chung quanh, những băng nhóm côn đồ hội họp nhau mỗi Chúa Nhật. Chúng chơi ăn tiền, uống rượu mua từng chai lớn ở bà làm vườn, chửi rửa, lăng mạ các thanh thiếu niên nào đến nguyện xá. Don Bosco tiếp cận chúng, với tất cả sự kiên nhẫn. Ngài chấp nhận ngồi với chúng để đánh một ván bài. Nhờ đó dần dà ngài lôi kéo được vài đứa trong bọn. Nhưng hơn một lần, đang khi ngài cắt nghĩa giáo lý ở ngoài trời, bọn trẻ của ngài, dưới một trận mưa gạch đá, đã phải chạy vào núp trong nhà nguyện.

Don Bosco thừa rõ là năm trăm thanh thiếu niên mà mình qui tụ trong nguyện xá chẳng thấm tháp vào đâu so với những tên du thủ du thực la cà đó đây khắp kinh thành, không có đức tin và chẳng coi pháp luật ra gì, và thường khi cũng không có cả bánh ăn nữa.

Vùng Borgo Vanchiglires, không mấy xa khu Valdocco, lúc nhúc bọn cocche, tức băng du đãng từng khiến các lực lượng cảnh sát thất điên bát đảo, sống nhờ "chôm chỉa" những bóp đựng tiền và những giỏ đựng lương thực thực phẩm của những người đi chợ và thường đụng độ nhau trong những trận đánh khốc liệt và bi thảm kết liễu bằng những nhát dao chết người.

Khi đi ngang qua khu vực, Don Bosco đôi khi đã lao vào giữa các "chiến binh" để can bọn chúng khỏi đánh lộn nhau. Có lần ngài đã lãnh đủ một chiếc guốc gỗ ngay giữa mặt. "Không phải nhờ đánh đấm", người ta đã bảo ngài như vậy trong giấc mơ, thế nhưng những giấc mơ cũng có những ngoại lệ chứ.

Một linh mục ăn trộm

Một trong những chiến thuật được Don Bosco dùng để đưa các trẻ em tốt đến nguyện xá, đó là bước vào cửa tiệm mà bọn trẻ làm mướn trong đó, ngài đến bên

ông chủ:

- Ông vui lòng giúp tôi một việc được chứ?

- Thưa cha được, nếu đó là điều tôi có thể làm được.

- Đó là điều ông dư sức làm được. Chúa Nhật này, ông hãy sai mấy đứa nhỏ này đến nguyện xá ở Valdocco. Chúng sẽ có thể học đôi chút giáo lý và trở thành những người tốt hơn.

- Qủa thật là chúng rất cần phải trở nên những người tốt hơn.

- Nếu vậy được rồi, cha sẽ đợi các con ở nguyện xá, Chúa Nhật này. Chúng ta sẽ chơi với nhau và sẽ nô đùa thỏa thích.

Với một loại thanh thiếu niên khác, chiến thuật lại khác hẳn. Trong lúc Don Borel lo nguyện xá, ngài đánh một vòng qua các Quảng Trường và các đường phố vây quanh. Hàng đống những thanh niên đang chơi cờ bạc ăn tiền trên các hè phố. Đang khi các lá bài được truyền tay nhau, những đồng tiền chì (đôi khi lên tới mười lăm, hai mươi lires) được xếp thành đống ngay chính giữa, đặt trên một khăn mùi xoa.

Don Bosco quan sát kỹ tình thế, rồi loáng một cái, ngài vồ lấy cái khăn mùi xoa và bỏ chạy. Bọn trẻ sửng sốt, nhảy dựng cả lên và rượt theo ngài miệng la:

- Tiền! Trả lại tiền cho chúng tôi.

Chúng đã từng trải mùi đời, đã thấy đủ thứ chuyện, bọn trẻ đáng thương ấy, ngoại trừ chuyện một linh mục mà lại đi ăn trộm. Don Bosco vẫn tiếp tục chạy về phía nguyện xá, miệng la:

- Ta sẽ trả lại, nếu mấy người bắt kịp ta! Chạy lẹ lên chứ!

Ngài vượt qua khỏi cổng nguyện xá, rồi cửa nhà nguyện với bọn trẻ đi theo bén gót. Vào giờ đó, trên tòa giảng có Don Carpano hoặc Don Borel đang giảng trước một cử tọa kín đặc những thanh thiếu niên. Và màn kịch bắt đầu.

Don Bosco đóng một người bán hàng rong, giơ cao chiếc khăn mùi xoa mà ngài vẫn cầm trong tay và la lên:

- Kẹo nu ga! Kẹo nu ga đây! Ai mua kẹo nu ga không?

Vị linh mục trên tòa giảng giả bộ tức điên lên:

- Cút ngay, quân mất dạy! Đây có phải Quảng Trường đâu mà mua với bán.

- Nhưng tôi cần bán kẹo nu ga mà ở đây lại có đông con nít quá. Có ai muốn đấu giá không nào?

Cuộc đối thoại diễn ra bằng tiếng địa phương. Các thanh thiếu niên cười đến quặn ruột, cúi gập cả người xuống, những kẻ mới đến lắng nghe cuộc đấu khẩu ấy và chưng hửng; chúng đang rơi vào nơi nào đấy?

Trong khi đó, những người đối thoại vẫn tiếp tục đối thoại, y hệt như một màn tấu hài, với những câu hỏi thật tếu, những câu đối đáp ý nhị, lái cuộc tranh luận sang chủ đề về các trò chơi ăn tiền, về những câu chửi thề, về niềm hạnh phúc được sống trong ơn nghĩa Chúa. Thế là những tên đã đến sau lưng Don Bosco cũng bắt đầu cười thích thú và tỏ ra quan tâm đến vấn đề đang được đặt ra.

Để kết thúc, người ta bắt đầu hát kinh cầu. Bọn chúng mon men lại gần Don Bosco.

- Thế nào, tiền của tụi con, cha trả lại cho tụi con chứ?

- Chờ chút xíu, sau khi chầu Phép lành đã.

Ra đến sân, ngài đưa tiền ra, bỏ thêm vào đó một bữa ăn lót dạ và đòi chúng phải hứa là "kể từ nay, chúng sẽ đến đây chơi". Và nhiều đứa đã ở lại luôn.

Những lời ca và những tiếng la ó của bọn dân nhậu

Etienne Castagno, một thiếu niên sống vào thời đó, làm chứng: "Don Bosco luôn luôn là người đứng đầu trong các cuộc chơi, là linh hồn của giờ ra chơi. Tôi không biết ngài làm cách nào, nhưng ngài luôn luôn có mặt ở tất cả mọi góc sân, ở giữa mỗi nhóm. Bằng bản thân và bằng đôi mắt lanh lợi, ngài theo dõi tất cả. Chúng tôi đầu tóc rối bù, đôi khi dơ dáy, trà trộn vào tất cả, tính khí ngông

nghênh. Và ngài lấy làm thích thú được ở bên những đứa nghèo nhất trong bọn. Những đứa nhỏ nhất, ngài thương chúng như thể ngài là mẹ đẻ của chúng vậy. Chúng tôi thường có nhiều phen đánh lộn, đấm đá nhau tơi bời và ngài luôn luôn phải can gián chúng tôi. Ngài vung cao tay như thể tính quýnh, nhưng ngài chẳng bao giờ xuất chiêu cả. Ngài gạt chúng tôi ra bằng cách nắm lấy cánh tay của chúng tôi".

Giuse Buzzetti nhớ lại: "Tôi đã biết hàng trăm đứa đến nguyện xá là những đứa trẻ không được giáo dục và cũng chẳng có cảm tình gì với đạo giáo, nhưng chỉ sau ít lâu đã thay đổi cả tác phong hạnh kiểm. Chúng gắn bó với nguyện xá của chúng tôi đến nỗi chúng không muốn rời xa nữa và Chúa nhật nào cũng vào tòa xưng tội và lên Bàn thánh rước lễ cả".

Điều gây phiền hà nhất là trong mùa hè, đó là "Bà làm vườn", tức quán nhậu rất đông khách vãng lai của nhà Bellazza. Từ ngôi nhà nguyện nhỏ, khi cần để ngỏ các cửa ra vào và các cửa sổ, người ta nghe thấy những tiếng ca hát và những tiếng la ó của bọn dân nhậu. Đôi khi những tiếng cãi cọ, chửi bới om sòm át cả tiếng linh mục đang giảng. Don Bosco có lần đã buộc lòng phải xuống khỏi tòa giảng. Ngài bỏ cả khăn Stolar và áo lễ xuống và vừa xồng xộc bước vào quán nhậu vừa hăm he dọa dẫm là sẽ đi kêu cảnh sát.

Các giáo viên trẻ và những cộng sự viên người đời

Vấn đề các cộng sự viên ngày càng trở nên bức thiết. Don Borel, Don Carpano và các linh mục khác thường mắc bận ở những nơi khác vào ngày Chúa nhật. Biết tìm đâu ra người để hộ trực, để dạy giáo lý và đặc biệt để dạy học các lớp tối.

Don Bosco nhớ lại là trong giấc mơ "những con chiên biến thành những người chăn chiên". Ngài bắt đầu tìm kiếm các cộng sự viên trong số các trẻ em của mình và khởi công chuẩn bị chúng. Ngài chọn những người trẻ khá nhất trong số những đứa già đầu hơn cả và mở những lớp riêng để dạy chúng. "Đám

giáo viên nhỏ ấy, Don Lemoyne viết, buổi đầu chỉ có tám hoặc mười em, đã là một chứng tá tuyệt hảo, và hơn nữa, một vài em trong bọn chúng sau đó đã trở thành những linh mục tuyệt hảo.

Vài giáo dân sống đời phàm tục trong thành phố cũng đến tiếp tay giúp ngài: một thợ kim hoàn, hai người bán đồ gia dụng bằng kim khí, một người bán hóa phẩm, một tên mối lái, một bác thợ mộc.

Chương 23: "CON MỒ CÔI, QUÊ Ở VALSESIA"

Về mùa đông 1847-1847, Don Bosco nhớ lại một câu chuyện thương tâm.

Một đứa trẻ mười bốn tuổi, đã từng lui tới nguyện xá một thời gian, nghe cha nó (kẻ tối nào cũng "xỉu" đều đều) ra lệnh cho nó không được đến với Don Bosco nữa. Thằng bé giả bộ vâng lời, nhưng vẫn tiếp tục đến. Người đàn ông, làm nghề bán hương liệu, bừng bừng nổi giận. Ông dọa sẽ bửa sọ thằng bé trai ra làm đôi nếu nó còn dám cãi lệnh ông nữa.

Một tối Chúa nhật, khuya lắc khuya lơ, thằng bé từ nguyện xá trở về và thấy ông bố đã say khướt, đang đợi nó với một cái búa chẻ củi, tay vươn cao lưỡi tầm sét của thiên lôi, miệng la lớn:

- Mày lại đến nhà Don Bosco nữa rồi!

Thằng bé, hồn vía lên mây, vội co giò bỏ chạy. Người đàn ông rượt theo gầm vang dội:

- Tao mà tóm được mày là tao giết mày chết luôn.

Cây dâu và sương mù

Bà mẹ cũng vậy, đã thấy hết, liền chạy theo chồng để mong cướp vũ khí của kẻ say. Thằng bé, xả hết tốc lực của lứa tuổi mười bốn, đã đến nguyện xá trước ông bố một quãng xa; nhưng nó thấy cổng đã đóng. Quýnh lên nó đập cửa rầm rầm rồi, kiệt sức mà lại không thấy ai ra mở cổng, nó liền trèo lên một cây dâu lớn

mọc gần đó. Cây không còn lá để che dấu nó, cũng may tối hôm ấy sương mù dày đặc.

Thở hổn hển, gã bợm xỉn đến nơi với lưỡi búa trong tay. Gã đập rầm rầm vào cổng. Mẹ Margarita nãy giờ đứng bên cửa sổ tình cờ thấy thằng bé leo lên cây, liền chạy ra mở cổng sau khi đã nói nhỏ với Don Bosco mấy câu. Cánh cổng vừa hé mở thì gã đàn ông phóng thẳng lên cầu thang, chạy vào cửa Don Bosco và rống tướng lên, giọng đầy đe dọa:

- Con tao đâu rồi?

- Con ông đâu có ở đây.

- Có chứ, nó ở đây mà.

Gã mở tung cả các cửa ra vào lẫn cửa tủ:

- Tao mà tìm được nó tao sẽ giết chết tươi luôn.

- Thưa ông, Don Bosco can thiệp với tất cả vẻ cương nghị, nguyện xá tôi xin nói với ông là nó không có ở đây. Mà cho dù nó có ở đây đi nữa, thì nhà này là nhà của tôi ông không có quyền vào đây. Ông có ra khỏi đây không, hay tôi phải kêu cảnh sát tới?

- Cha khỏi cần nhọc công, chính tôi bây giờ sẽ đến gặp cảnh sát và cha sẽ phải trả con cái của tôi lại cho tôi.

- Tốt lắm, vậy ta hãy cùng tới đó một lượt. Vừa nãy tôi có vài chuyện tính kể cho mấy ông ấy nghe về lối cư xử của ông. Đây quả là một cơ hội rất thuận lợi.

Gã bợm nhậu vốn có vài chuyện bưng bít, vội vàng chuồn êm rút lẹ, miệng lẩm bẩm những lời hù dọa. Don Bosco cùng thân mẫu đến bên gốc cây và khẽ cất tiếng gọi thằng bé. Không có tiếng đáp lại. Ngài hơi lớn giọng gọi tiếp:

- Xuống đi, con. Không còn ai nữa đâu.

Vẫn không có gì. Ngài e còn chuyện rủi ro. Ngài dùng thang và leo lên thấy thằng bé đang trợn trừng hai mắt. Ngài lay mạnh nó. Như vừa ra khỏi một cơn ác mộng, thằng bé chợt thét lên và khua chân múa tay loạn xạ. Thiếu chút nữa

thì cả hai đã té xuống khỏi cây. Don Bosco vừa ra sức khống chế nó vừa thì thầm:

- Không phải bố con đâu, mà là cha đấy, Don Bosco đây, đừng sợ.

Dần dần thằng bé dịu lại và bắt đầu khóc rấm rức.

Don Bosco đã đưa được nó xuống và ngài bước vào bếp. Mẹ Margarita dọn cho nó một thức uống nóng và Don Bosco trải một nệm rơm cho nó ngủ ngay trước bếp lửa. Hôm sau, để cứu nó khỏi cơn giận của ông bố ngài gửi nó cho một ông chủ tốt bụng ở địa phương kế bên. Một thời gian sau nó mới có thể trở về nhà một cách an toàn.

Có lẽ chính vụ này đã làm rỉ máu một vết thương mà Don Bosco đang mang trong tim ngài. Không một đứa nào, trong bọn trẻ của ngài, tối đến, biết phải ngủ qua đêm ở đâu cả. Chúng ngủ dưới các gầm cầu hoặc trong các tụ điểm dơ dáy rẻ tiền. Từ ít lâu nay, ngài đang dự kiến đưa về nhà mình những đứa bị hất hủi hơn cả.

Vụ thử nghiệm đầu tiên của ngài đã xẩy ra vào một tối tháng Tư năm 1847. Ngôi nhà Pinardi, ở bên tay phải khi người ta nhìn ngay mặt tiền, kết thúc bằng một kho chứa rơm rạ (hiện nay là một lối đi dẫn ra sau). Tại đó, Don Bosco đã xếp đặt chỗ ngủ cho khoảng năm sáu đứa nhỏ tuổi nhất. Đúng là một vụ phá sản. Sáng hôm sau các khách trọ đã biến mất, ôm theo tất cả mùng mền mà mẹ Margarita đã cho chúng mượn.

Don Bosco lặp lại thí nghiệm mấy ngày sau và còn tệ hại hơn thế nữa: chúng còn mang theo cả rơm rạ trong kho nữa.

Nhưng ngài vẫn không sờn lòng nản chí.

Một thằng bé ướt sũng và lạnh cóng

Một tối tháng năm, trời mưa như trút nước. Don Bosco và mẹ ngài vừa dùng xong bữa tối thì nghe có tiếng gõ cửa (Chúng tôi tiếp tục bài tường thuật bằng

những trang do chính tay Don Bosco ghi lại): Đó là một thằng bé ướt nhẹp và lạnh cóng, trạc mười lăm tuổi.

- Con mồ côi cả cha lẫn mẹ. Con từ thung lũng Sesia đến. Con là thợ hồ, nhưng con chưa tìm được chỗ làm. Con đang lạnh và chẳng biết phải đi đâu ở…

- Vào đi, Don Bosco bảo nó. Con hãy lại gần bếp lửa. Ướt sũng thế này, coi chừng con bệnh đấy.

Mẹ Margarita dọn ra cho nó một ít đồ ăn. Sau đó bà bảo nó:

- Bây giờ con tính đi đâu nào?

- Con cũng không biết nữa. Con có ba lires lúc mới đến Torino, nhưng con đã xài hết trơn rồi.

Lặng lẽ, nó bắt đầu khóc.

- Bà làm ơn, đừng đuổi con đi.

Mẹ Margarita nghĩ đến những cái mền đã chắp cánh bay xa.

- Chúng ta có thể giữ con lại, nhưng đâu có gì bảo đảm là con sẽ không ăn cắp nồi xoong của chúng ta?

- Ồ, không đâu, thưa bà! Con nghèo thật, nhưng con không đời nào chôm chỉa cả.

Don Bosco đã đi ra ngoài trời mưa để kiếm vài cục gạch. Ngài đem về và làm thành bốn cái cột mà trên đó ngài đặt mấy cành cây. Rồi ngài đến lôi tấm nệm ra khỏi giường mình và trải lên trên.

- Con sẽ ngủ ở đây, con ạ. Và con sẽ ở lại bao lâu con còn cần. Don Bosco sẽ không bao giờ đuổi con đâu.

"Mẹ tôi rủ nó đọc kinh".

- Con không biết đáp. Nó đáp.

- Con sẽ đọc cùng lúc với chúng ta, bà bảo nó. Và đã xẩy ra như vậy rồi bà giảng cho nó một bài giảng ngắn gọn về sự cần thiết phải lao động, về lòng trung kiên và về tôn giáo.

Các tu sĩ Salêdiêng đã nhìn thấy một cách thân thương trong bài giảng ngắn gọn của mẹ Margarita "lời chúc ngủ ngon" đầu tiên. Đó là "lời huấn từ tối" vẫn được các bề trên ngỏ với các học sinh trong các nhà Salêdiêng. Don Bosco sẽ coi tập tục này như "chìa khóa của luân lý, của tiến bộ và của thành công".

Tuy nhiên, mẹ Margarita không mấy tin chắc ở tính hiệu quả của những lời giảng của mình, do đó, Don Bosco kết luận: "Để mọi thứ khỏi lộn xộn, gian bếp sẽ được khóa kỹ và chỉ mở lại vào sáng hôm sau".

Đó là đứa bé mồ côi đầu tiên đã vào nhà của Don Bosco. Đến cuối năm chúng sẽ lên tới bảy đứa. Chúng sẽ trở thành hàng ngàn đứa.

Đứa thứ ba là một thằng bé mười hai tuổi, "điều kiện sống khá giả". Don Bosco gặp nó trên Đại Lộ Thánh Maxime (nay đã trở thành đại lộ Nữ Hoàng Margherita). Nó đã gục đầu vào một cây dù mà khóc. Nó không còn cha. Mẹ nó đã mất năm ngoái và người chủ nhà đã tống nó ra khỏi cửa, đồng thời đã tịch biên toàn bộ đồ đạc để bù vào khoảng tiền thuê nhà đã không được thanh toán đủ số. Don Bosco bàn giao nó cho mẹ Margarita, thằng nhóc thợ hồ đến từ Caronno Ghiringhelli. Chính Don Bosco đã đích thân rủ nó đến. Một tối Chúa nhật, trong lúc đang tạm biệt những đứa khác, ngài đã nắm tay nó giữ lại.

- Con có muốn đến sống tại nhà của cha không?

- Rất sẵn lòng.

- Nếu vậy, cha sẽ bàn với anh Carlo của con.

Người anh trai, đã lui tới nguyện xá suốt sáu năm nay, bày tỏ sự đồng ý. Giuse, 15 tuổi, vẫn tiếp tục hành nghề thợ hồ trong thành phố, nhưng ngôi nhà của mẹ Margarita đã biến thành nhà của nó.

Chú bé thợ cạo run như tầu lá

Rồi đến thằng Carlo Gastini, một hôm, vào năm 1848, Don Bosco vào một tiệm hớt tóc. Một thằng bé lại gần ngài để phết xà bông cạo râu.

- Con tên chi? Con bao nhiêu tuổi?

- Carlino. Con mười một tuổi.

- Carlino yêu quý, con hãy phết xà bông nổi thật nhiều bọt cho cha. Còn bố con, ông mạnh khỏe chứ?

- Bố con chết rồi. Con chỉ còn có mẹ thôi.

- Ôi! Tội nghiệp cho con, thật là bất hạnh.

Thằng bé đã phết xà bông xong.

- Được rồi, tới luôn đi. Can đảm lên. Con hãy cầm lấy dao cạo và hãy cạo râu cho cha đi.

Ông chủ hoảng hồn, vội vàng can thiệp:

- Xin can cha, cha ơi! Thằng bé đâu có biết cạo. Nó chỉ làm mỗi việc phết xà bông thôi ạ.

- Nhưng đàng nào thì cũng có ngày nó phải bắt tay vào việc chứ, phải không? Vậy thì, cứ để nó ra nghề luôn với tôi cũng tốt chứ có sao đâu. Làm tới đi, Carlino!

Carlino vừa cạo râu vừa run bần bật như tàu lá. Khi nó bắt đầu xoay tròn lưỡi dao cạo quanh cằm, mồ hôi nó rịn ra như tắm. Mấy mảng da bị trầy tróc, vài vết rạch ngọt xớt, nhưng nó làm cũng tạm ổn.

- Cừ lắm, Carlino à! Don Bosco mỉm cười. Và giờ đây, chúng ta đã là bạn của nhau, cha muốn là con hãy thỉnh thoảng ghé thăm cha một lần.

Carlino bắt đầu lui tới nguyện xá và trở nên một người bạn thân của Don Bosco.

Mùa hè năm ấy, Don Bosco thấy nó sụt sùi nước mắt nước mũi trong tiệm hớt tóc.

- Có chuyện gì xẩy ra với con vậy?

- Mẹ con đã chết và chủ nhà đã đuổi con ra khỏi nhà. Anh hai của con thì đang đi lính. Vậy cha bảo con phải đi đâu bây giờ?

- Con hãy đến với cha.

Trong lúc họ đi xuống Valdocco, Carlino nghe thấy câu này, mà sau đó rất nhiều thanh thiếu niên sẽ được nghe: "Con thấy chứ, cha là một linh mục nghèo. Nhưng dẫu cha chỉ còn một miếng bánh, cha cũng sẽ chia xẻ với con miếng bánh ấy".

Mẹ Margarita dọn thêm một cái giường khác.

Carlo đã ở lại nguyện xá hơn năm chục năm. Với bản tính vui tươi, linh hoạt, nó sẽ trở thành người giới thiệu kỳ tài của mọi lễ hội. Những màn tấu hài của nó khiến mọi người đều tức cười, nhưng mỗi khi nói đến Don Bosco, nó lại khóc như một đứa con nít bé bỏng. Nó quen nói: "Hồi ấy, ngài rất thương tôi". Nó hay hát mãi một điệp ca mà riết rồi mọi người đều đã thuộc lòng:

"Tôi phải sống
bảy mươi tuổi
đó là điều mà bố Gioan
đã nói với tôi"

Đó là một trong vô số những "lời tiên tri" mà Don Bosco, nửa đùa nửa thật, đã nói với các con cái của ngài.

Carlo đã chết ngày 29.1.1902, hưởng thọ bảy mươi tuổi và một ngày.

Cho những trẻ em đầu tiên đã sống tại nhà ngài, Don Bosco đã biến hai căn phòng chung vách thành một phòng ngủ tập thể: tám giường nằm, một cây Thánh giá, một ảnh Đức Mẹ, một tấm bìa cứng với mấy chữ: "Chúa thấy con".

Sáng sớm, Don Bosco làm lễ, còn bọn trẻ thì vừa dự lễ vừa đọc kinh sáng với lần hạt mân côi. Rồi, một ổ bành nhỏ nhét trong túi, chúng lên đường đến sở làm ở trong thành phố, chúng quay về để ăn trưa và ăn tối. Món xúp "Minestra" luôn luôn đầy chất lượng. Món chủ lực "ăn lấy chắc bụng" phụ thuộc vào cây nhà lá vườn của "mẹ" và vào những đồng lire trong hầu bao của Don Bosco.

Những đồng lire bắt đầu đặt ra cho ngài những vấn đề thê thảm ngay từ

những tháng đầu tiên ấy cho mãi đến ngày ngài nhắm mắt xuôi tay. Nữ cộng sự viên đầu tiên của ngài không phải là một bà bá tước, mà chính là thân mẫu của ngài. Người đàn bà nhà quê ấy đã cho gửi đến, từ xóm Becchi, cái rương đựng toàn bộ những thứ dùng trong dịp cưới xin của bà: nhẫn, bông tai, dây chuyền đã được bà nâng niu bảo quản mãi tới giờ phút ấy. Bà đã chẳng bao giờ mang chúng vào mình nữa ngày chồng bà về chầu Chúa. Bà đã đem bán tất cả để nuôi sống những đứa trẻ đầu tiên.

Cú đánh đầu của Đức Tổng Giám Mục

Bản phác ấy của nhà Salêdiêng đầu tiên đã được Don Bosco gọi là "cơ sở phụ của nguyện xá Thánh Phanxicô de Salê".

Một tháng sau, ngày 21.6.1847, ngày lễ kính Thánh Lu-y Gonzaga lần đầu, đã được cử hành một cách trọng thể. Don Bosco sẽ luôn luôn giới thiệu vị thánh trẻ này như mẫu gương của đức trong sạch. Đức Tổng Giám mục đã đến ban phép Thêm sức cho những đứa chưa lãnh nhận Bí tích ấy.

"Nhân dịp này, Don Bosco nhớ lại, Đức Tổng Giám mục đã được người ta đặt lên đầu chiếc mũ đại trào, lại không còn nhớ là mình không phải đang ở trong nhà thờ chính tòa. Ngài bất chợt ngẩng đầu lên và chiếc mũ đụng nhằm la-phông của nhà nguyện. Ai nấy đều phì cười, mà chính ngài là người cười trước tiên. Đức Cha Franzoni thì thầm: "Cần phải làm vinh dự cho bọn trẻ của Don Bosco và để đầu trần mà giảng cho chúng".

Tháng chín, Don Bosco mua pho tượng Đức Mẹ đầu tiên, nhỏ xíu, với giá hai mươi bảy lires. Pho tượng ấy, ngày nay vẫn còn ở đó, trong nhà nguyện Pinardi. Ai vào đây sẽ gặp thấy nó trong khoảng tranh tối tranh sáng. Phía bên phải, bọn trẻ rước kiệu tượng ra các vùng phụ cận mỗi khi người ta mừng những ngày lễ lớn kính Đức Mẹ. "Vùng phụ cận", đó là mấy ngôi nhà, quán nhậu bình dân bà làm vườn với những khách hàng quen thuộc là bọn bợm nhậu ồn ào, hai dòng

suối nhỏ để tưới mát cho những thửa ruộng và những khi vườn, một con hẻm hai bên mọc toàn những cây dâu (đường bà làm vườn) hồi ấy hơi chếch ngang qua mảnh sân mà nay nằm dọc theo Vương cung Thánh đường Đức Mẹ Phù hộ.

Phù hiệu ba màu đeo trên ngực [cờ Ý Thống Nhất] trong thánh lễ đại triều

Các lực lượng của phe tự do, ròng rã nhiều tháng trong năm 1847, đã không ngừng gây sức ép trên Carlo Alberto để mong ông này mở đường cho một chương trình cải tổ. Nhưng mà vua vẫn ngó chừng nước Áo và muốn tiếp tục giữ quyền kiểm soát. Ông tiến lên một bước, rồi lùi lại một bước, lưỡng lự hơn bao giờ hết.

Những cuộc biểu tình của quần chúng với những tiếng hô "vạn tuế Đức Piô IX" những ngày sau đó, đều bị cảnh sát cấm. Nhà vua cho biết là ông "đang nghĩ đến những sự cải tổ, nhưng ông muốn rằng nhân dân phải ở yên".

Trong tháng Chín, nhạc trưởng Novara (làm việc tại đường Rosa Rossa số 10, hiện nay là đường XX Settembre (Tháng 9 số nhà 68) phổ nhạc cho một bài thi ca được sáng tác tại Genova và được gửi đến đây. Đó không phải là một tuyệt tác phẩm, nhưng là một bài ca có ít dòng nhạc, với đề tài là "Fratelli d' Italires" (Hỡi Các Anh Em Công Dân Ý), và nó đã trở thành bài quốc ca của nền Phục Hưng Ý.

Ngày 1 tháng Mười. Vào ban chiều, tại vườn Ripari, một đám đông dân Torino tụ họp lại vỗ tay mừng Đức Thánh Cha và Đức Vua. Khi họ quay về nhà, thì bị giải tán một cách dữ dằn bởi cảnh sát. Đó là một lệnh của nhà Vua.

Cũng trong tháng đó, Vua Carlo Alberto sa thải bá tước Solaro della Margarita, người đã giữ chức bộ trưởng ngoại giao từ 12 năm qua và là hiện thân cho nền chính trị bảo thủ và thân Áo.

Những cuộc biểu tình của dân chúng hô vang "Hoan hô Đức Piô IX", trong những ngày kế tiếp, đã bị cảnh sát giải tán. Đức Vua cho người ta hiểu rằng "ông

đang nghĩ đến những cải cách lớn, nhưng muốn dân chúng giữ yên tĩnh".

Ngày 29 tháng Mười. Một dự luật được đệ trình nhằm trao cho các đô thị hay thành phố tự trị nhiều quyền tự do quản trị hơn. Các Hội Đồng được bầu từ cơ sở. Tuy nhiên các cử tri không phải là toàn dân, mà chỉ bao gồm những người chủ đất đã trả thuế, các giáo viên và những người nắm những chức vụ công cộng mà thôi.. Tổng số các cử tri chỉ là 2% dân chúng. Đàng khác quyền tự do báo chí cũng được

Tháng mười một, Carlo Alberto, Công tước Leopoldo di Toscane và Đức Piô IX cùng ký những văn kiện dự bị cho "Liên minh Ý Đại Lợi". Nghĩa là, cho việc hợp nhất về thuế quan giữa ba quốc gia. Đây có vẻ là một quy trình rõ nét hướng về "Liên minh các quốc gia thuộc Ý" đã được tiên đoán bởi Gioberti. Torino tung hô nhà vua với tất cả sự hồ hởi.

Ngọn lửa ấm trong phòng áo

Trong tháng mười hai ấy, Don Bosco đã không để mình bị tê liệt bởi các biến cố lớn. Ngài vẫn tiếp tục công việc của mình với lòng khiêm hạ. Bọn trẻ của nguyện xá này đã lên đến nhiều trăm, Don Lemoyno nói là tới tám trăm đứa. Chúng đến cả từ những khu phố rất xa. Don Bosco, Don Borel, Don Carpano thăm dò lẫn nhau và đều thống nhất ý kiến. Cần phải mở thêm một nguyện xá thứ hai ở phía nam của thành phố. Đại lộ mà nay được gọi là "Corso Vittorio" hồi ấy nằm kề bên những căn nhà lụp xụp, nơi thường trú của các bà thợ giặt. Những tấm vải thêu hoa trải dài dưới nắng và gió mang lại một dáng dấp của sinh hoạt nông thôn cho vùng ven này của kinh thành Torino, nơi được gọi là "Porta Nuova" Cổng Mới. Các nông dân "khá giả" đến đó dạo chơi vào mỗi chiều Chúa nhật và những băng nhóm con nít vô công rỗi nghề thường chơi đánh trận giả ở đó.

Bà Vaglienti đã cho Don Bosco thuê, với sự đồng ý của Đức Tổng Giám mục, một ngôi nhà nhỏ, một kho chứa đồ làm vườn và một đồng cỏ nhỏ "gần cây cầu

sắt" với giá 450 lires/năm. Rồi ngài báo tin cho đám con cái của mình bằng những lời sau:

"Các bạn, khi lũ ong trở nên quá đông trong một tổ ong, một phần trong bọn chúng sẽ đi nơi khác ở. Chúng ta sẽ bắt chước chúng. Chúng ta sẽ mở một nguyện xá thứ hai. Những ai thuộc vùng phía nam thành phố sẽ không còn phải đi xa nữa. Bắt đầu từ lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, họ sẽ có thể đến nguyện xá thánh Lu-y ở Porta Nuova, gần cây cầu sắt".

Don Borel làm phép nguyện xá mới ngày 8.12.1847. Don Carpano trở thành giám đốc của nguyện xá này trong mùa đông cực kỳ nghiệt ngã ấy. Ngài đi bộ đến đó, với một bó củi giấu dưới vạt áo măng tô, để đốt lửa trong phòng áo và sưởi ấm với những đứa đến trước tiên.

Chương 24: CƠN SỐT ĐỘC LẬP VÀ THỐNG NHẤT NĂM 1848

Năm 1848, các nước châu Âu đều nổ tung như những kho đạn, những ngọn lửa của cách mạng đặc biệt bùng lên tại các thành phố: Paris (ngày 23-24 tháng hai), Thủ đô Vienna (ngày 13 tháng ba), Berlin (ngày 15 tháng ba), Budapest (15 tháng ba), Milan (18 tháng ba).

Tại các chốt phòng thủ trong các đô thị, người ta có thể theo dõi những cuộc chiến tranh và những trận đánh, trong vòng hai tháng, cả châu Âu đền chìm trong khói lửa.

Đây đã là cả một vụ nổ toàn diện đến nỗi, ngày 3 tháng Tư, Sa hoàng Nicolas của Nga, đã phải bàng hoàng tự hỏi: "có gì còn đứng vững trên toàn cõi châu Âu này nữa!" và bất kỳ một vụ đảo lộn hỗn loạn nào bất cứ cái gì đều sẽ được gọi, kể từ thời điểm ấy, theo ngôn ngữ thông dụng là: "một vụ 48".

Như thường lệ, chúng tôi không có ý định vẽ lại đây bức tranh đầy đủ của lịch sử nước Ý và của châu Âu, mà sẽ chỉ nêu ra những biến cố chính đã có một ảnh hưởng sâu đậm trên các sự kiện trong cuộc sống của Don Bosco, đặc biệt là những biến cố xảy ra ở Torino và tại xứ Piemonte, là những gì đã đặt điều kiện cho đường lối ứng xử và cho các sự chọn lựa của ngài.

Các phe tự do, ái quốc, thợ thuyền sát cánh nhau trong các chiến tuyến phòng thủ

Ta không thể nào hiểu được trận động đất năm 1848 nếu ta không ghi nhớ trong đầu mình ba nhân tố chủ lực giao thoa với nhau: các trào lưu của phe tự do đấu tranh để thiết đặt những cơ cấu hiến chế và nghị viện thay cho chính sách chuyên chế; khát vọng của các quốc gia cá thể nhắm vào nền độc lập chống lại đế quốc Áo; các phong trào thợ thuyền đấu tranh cho sự công bình rộng lớn hơn về mặt xã hội.

Để diễn tả điều này một cách văn hoa bóng bẩy: trên các chốt phòng thủ tại các quốc gia khác nhau ở châu Âu, cùng sát cánh chiến đấu bên nhau, người theo phe tự do muốn có một biện pháp, người ái quốc đòi hỏi nền độc lập cho Tổ quốc mình thoát khỏi sự lệ thuộc nước ngoài, người công nhân đánh nhau với người chủ là kẻ bắt họ phải lao động quần quật từ mười hai đến mười bốn giờ mỗi ngày.

Phong trào thợ thuyền đấu tranh đặc biệt là ở Paris. Với những chốt phòng thủ ngày 24 tháng 2 tại các khu phố phía đông, nó đã mở đường cho vụ 1848. Đó là một thắng lợi hiển hách. Chế độ quân chủ của Vua Lu-y Philipphê bị lật đổ, người ta thấy giới trưởng giả và thợ thuyền bắt tay thân thiện với nhau chung quanh thân cây tự do, được làm phép bởi các linh mục, quyền lợi trong lao động được công bố, ngày làm việc giảm xuống còn mười giờ, người ta đã mở những "xưởng thợ xã hội".

Nhưng bốn tháng sau (tiếp theo những sai lầm nghiêm trọng của các thợ thuyền và sự bất khoan nhượng của giới trưởng giả) đã nảy sinh một sự thoái hóa cũng chớp nhoáng không kém. Paris, nơi có tập trung tới 140.000 thợ thuyền, đã bị tấn công bởi tướng Cavignac suốt bốn ngày đấu tranh hung hãn (từ 23-26 tháng 6). Sự thoái hóa khủng khiếp, ngày làm việc trở lại mười hai giờ.

Sự thoái hóa này sẽ dẫn thợ thuyền tới chỗ bỏ rơi những kẻ theo thuyết "xã hội chủ nghĩa nhân bản" và chấp nhận thuyết Mác-xit, cứng rắn hơn, tàn nhẫn hơn (Marx đã viết cuốn Tuyên Ngôn Cộng Sản vào tháng 1 năm 1848).

Bên ý, phong trào thợ thuyền chỉ có các chiến sĩ trên các chốt phòng thủ ở Milan. Toàn bộ vụ 1848 của Ý, ngược lại, đã bị khống chế bởi những kẻ theo phe tự do với yêu sách: những quốc vương chuyên chế, một hiến pháp và, mặc cho các nhà ái quốc xách động cuộc chiến tranh giành độc lập chống lại nước Áo. Nước Áo chiếm đóng, về mặt lãnh thổ, hai xứ Lombardia và Veneto và áp đặt quyền giám hộ gắt gao của mình trên nhiều quốc gia khác nữa.

Năm 1848 chia thành ba giai đoạn biến động: Việc ban hành Hiến pháp, những cuộc nổi dậy của dân chúng chống lại quân Áo, cuộc chiến tranh giành độc lập đầu tiên dưới sự dẫn dắt của Vua Carlo Alberto

Hiếp pháp sẽ được gọi là "Pháp chế"

Ở Torino, năm 1848 khởi sự với tư tưởng về chiến tranh mà người ta cảm thấy đang sắp bùng nổ. Mọi người đều nói về chính trị, những chỉ trích, những phương án, những tuyên ngôn. Một sự kiện mới mẻ nữa chính là các tờ báo chính trị "xuất bản tự do", càng ngày càng tăng lên gấp bội do kết quả của luật tự do báo chí, và thi thố một nhiệm vụ hướng dẫn quan điểm của quần chúng.

Giám đốc trẻ của tờ báo *Phục Hưng* (ra ngày 15.12.1848) chính là Camillo Benso di Cavour, mũi nhọn sinh động của những người phe tự do. Ngày 1 tháng Giêng xuất hiện tờ báo *Hòa Giải,* thuộc phe Dân chủ và Nhân dân Cánh Tả, do Valerio dẫn dắt. Ngày 26 tháng Giêng khai mạc các đợt báo *Quan Điểm* của ông Durando, trong tháng Sáu xuất hiện tờ *Gazzetta del Popolo* (*Báo Tin Nhân dân),* rất mãnh liệt và tung tin rối, trong tháng Bảy tờ *Hòa giải* do kinh sĩ Gastaldi, giám mục tương lai cuả Torino, điều hành, và tờ *Hài Hòa* của Gustavo Cavour, em của Camillo Cavour, có thiên hướng Công giáo.

Ngày 30 tháng 1, tin tức loan báo là ở Napoli, vua Ferdinand đã nhượng bộ Hiến pháp và tại Milan thiên hạ đang tẩy chay quân Áo. "Thập nhân đoàn" của Torino đến gặp Carlo Alberto và đề nghị ông ban hành Hiến pháp. Thập nhân

đoàn là một kiểu hội đồng toàn những viên chức cao cấp đảm nhận vai trò làm trung gian giữa nhân dân và chính quyền trung ương (chú thích của dịch giả).

Ngày 7 tháng 2, Carlo Alberto họp Hội đồng bất thường của Hoàng gia và tuyên bố sẵn sàng cứu xét một dự thảo Hiếp pháp (được gọi là "Pháp chế") trong đó tôn giáo và các chức vị cao của chế độ quân chủ phải được tôn trọng. Nhưng ông kêu gọi Thập Nhân Đoàn gìn giữ cho các Quảng Trường vắng bóng đám đông: ông sẽ không chấp nhận những sự áp đặt.

Ngày 10 tháng Hai, Đức Piô IX nói cho một đám đồn rất sôi động. Ngài xin mọi người "đừng đòi hỏi một sự cải tổ mà ngài không thể nào ban cho được. Và ngài kết luận: Anh em hãy chúc tụng Thiên Chúa vĩ đại, Nước Ý, và hãy ý thức về hồng ân Đức Tin vô cùng quí báu của anh em". Các thủ lãnh của công luận, kể từ nay đã quyết định sử dụng Đức Piô IX như là phương tiện để họ đánh lại nước Áo, đã quên ráo "những cuộc cải cách không thể ban được" và "hồng ân đức tin", và tái truyền lan trong khắp nước Ý một lời duy nhất của ngài là "Lạy Thiên Chúa, xin hãy chúc lành cho Nước Ý".

Lời kêu cầu đó đã trở thành lá cờ giải phóng và tiếng còi xung trận. Đức Piô IX hết sức nỗ lực để làm sáng tỏ vấn đề, nhưng thất bại. Có lẽ chính tại điểm này mà Don Bosco bắt đầu nghi ngờ phong trào tân tự do theo kiểu của ông Guelfo và tự tách mình ra khỏi những người phe tự do.

Trong những ngày sau đó có tin rằng Hiến Pháp đã được nhà vua ký tại Firenze (17 tháng Hai) và cũng có tin về cuộc cách mạng tại Paris (23 tháng Hai).

Ngày 27, người ta quyết định tổ chức một buổi lễ lớn "Lễ Tạ Ơn vì bản Hiếp Pháp mới". Quảng Trường Vittorio mênh mông sẽ được các phái đoàn tề tụ về từ mọi phần đất Piemonte, Liguria, Sardegna, Savoia. Tất cả các khố tổ chức của Torino đều được kêu mời tham dự đông đủ. Chính Bá tước Roberto D' Azeglio cũng xuống Valdocco, mời Don Bosco cùng tất cả các học sinh của Don Bosco tới tham dự.

Don Bosco và vị Hầu tước Roberto D' Azeglio mặt đối mặt

Trong *Hồi Ký Nguyện Xá,* Don Bosco tái lập lại cuộc đối thoại giữa ngài với hầu tước này. Có lẽ đây không phải là nguyên văn từng lời của mỗi bên. Nhưng chúng ta tin rằng đây là một cuộc đối thoại cực kỳ quan trọng, bởi vì Don Bosco (sau biết bao nhiêu năm suy nghĩ trước khi ghi lại) đã cho chúng ta hiểu đâu là thái độ của ngài đối với chính trị. Do đó chúng ta đan cử ra ở đây những phần chính của nó.

"Một chỗ đã dành cho chúng ta tại Quảng Trường Vittorio, bên cạnh tất cả các tổ chức dưới bất cứ một danh hiệu, mục đích và điều kiện nào. Vậy phải làm gì bây giờ? Từ chối có nghĩa là mình tự tuyên bố mình là kẻ thù của Nước Ý; nghe theo, có nghĩa là chấp nhận những nguyên tắc mà tôi cho là có những hậu quả tai hại.

Ngài d' Agelio lên tiếng:

- Hãy để cho thành phố biết là công cuộc của cha không đi ngược lại với những công cuộc hiện đại. Điều ấy sẽ có lợi cho cha: các quà tặng sẽ tăng lên; Tòa Hành chánh và chính tôi đây sẽ rộng rãi ủng hộ cha.

- Thưa ngài Hầu tước, hệ thống hành động kiên vững của tôi là đứng ngoài mọi sự có liên quan tới chính trị. Không bao giờ *ủng hộ*, mà cũng không bao giờ *chống đối.*

- Vậy cha muốn gì?

- Thực hiện một chút ít lợi ích mà tôi có thể cho các trẻ bị bỏ rơi, trong khi tận dụng tất cả mọi phương tiện để giúp chúng trở nên các Kitô hữu tốt trước mặt tôn giáo, và các công dân lương thiện trước mặt xã hội dân sự.

- Cha lầm rồi. Nếu cha cứ kiên định trong nguyên tắc này, cha sẽ bị tất cả mọi người bỏ rơi."

Don Bosco lại tin chắc hoàn toàn ngược lại thế: ngài sẽ bị bỏ rơi bởi mọi người nếu ngài dây mình vào chính trị, cách riêng nếu ngài tỏ ra đồng chia sẻ những thái độ của các người phe tự do. Thế rồi ngài tiếp tục lên tiếng một cách ương ngạnh:

- Xin ngài hãy mời tôi tới tham dự vào một chuyện gì đó nơi mà một linh mục có thể thực thi đức bác ái, và ngài sẽ thấy tôi sẵn sàng và mau mắn hy sinh đến cả mạng sống và của cải. Nhưng tôi muốn bây giờ và mãi mãi đứng ngoài chính trị.

Những băng nhóm chống giáo sĩ tràn ra khắp nơi

Đoàn diễu hành tới Quảng Trường Vittorio thật là ấn tượng: 50,000 người diễu hành trên các con đường trước đức vua cưỡi ngựa. Đức Tổng Giám Mục từ chối cử hành Thánh Lễ và hát "*Te Deum*" [Bài ca Tạ Ơn Thiên Chúa] tại Nhà Thờ Chính Tòa kính Đức Mẹ Vĩ Đại. Ngài chỉ cho phép Chầu Phép Lành.

Các thầy chủng sinh đã trái lệnh Đức Tổng Giám Mục, tham gia đoàn diễu hành với cờ Ba Mầu Ý. Ngay lập tức, để đáp trả, chủng viện đã bị đóng cửa.

Những quyết định này giống như giọt nước tràn ly tạo nên làn sóng chống giáo sĩ.

Chiều ngày 2 tháng Ba, những băng nhóm du côn tấn công hai nhà dòng Tên gần nhà thờ Các Tử Đạo và nhà thờ Cát-minh, đập bể kính và phá vỡ các cửa ra vào.

Ngày hôm sau, cùng những thủ đoạn trên đến bao vây và đe dọa nhà các sơ "Các Bà kính Thánh Tâm Chúa". Hầu như liên tục 7 ngày, họ bao vây nhà dòng, trong khi các lính canh thì vắng mặt.

Trong những ngày liền sau đó, các cha dòng tên và các nữ tu Thánh Tâm Chúa đều rời thành phố.

Các băng nhóm chống giáo sĩ tiếp tục la hét, đập phá. Dưới các cửa sổ của Học viện Giáo sĩ, chúng la hét: "Don Guala phải chết!". Chúng nỗ lực tấn công dinh Hầu tước Barolo bởi vì có tin đồn là bà chưa chấp các cha Dòng Tên.

Ngày 4 tháng 3, trước sự hiện diện của Hội đồng Hoàng gia, Carlo Alberto ký Pháp chế. Quyền hành tuyệt đối của nhà vua đã bị triệt tiêu, chế độ nghị viện bắt đầu.

Liên tiếp trong nhiều ngày, những tin tức quan trọng được truyền tới: Thủ đô Vienna đã nổi dậy và hoàng đế đã sa thải Metternich, Bộ trưởng Quốc gia Áo (ngày 13 tháng 3). Đức Piô IX đã chấp nhận Hiến pháp. Các cuộc cách mạng ở Berlin và ở Budapest nổ ra ngày 15 tháng Ba. Trong số những tin tức vang dội hơn cả: Thành phố Venezia đã nổi lên chống lại quân Áo (ngày 17 tháng 3), Milan đã bắt đầu cuộc khởi nghĩa chống lại các toán quân Áo do Radetski chỉ huy (ngày 18 tháng 3).

Ngày 19 tháng 3, bá tước Arese, người mang những tin tức và các đề nghị, đã đến Milan. Tại "Ban Trung ương" của phe cách mạng hiện có một cao trào cộng hòa rất mạnh đối nghịch với Carlo Alberto, nhưng cao trào của Gabio Casati, người bạn của xứ Piemonte, đã chiếm được lợi thế. Ông yêu cầu sự chi viện về mặt quân sự của Carlo Alberto.

Hội đồng bộ trưởng với nhà vua cùng cứu xét tình hình. Làm gì đây? Người ta quyết định trước hết gửi các toán quân ra vùng biên giới để phòng chống những vụ xâm nhập khả dĩ xẩy ra của quân Áo. Một biệt đội quân cấm vệ lên đường đến Ticino.

Tại Milan, trong khi đó, người ta vẫn tiếp tục đánh nhau. Ngày 20, tướng Radetski, tổng chỉ huy các đội quân hoàng gia, đề nghị một cuộc ngưng chiến: đề nghị bị bác. Ngày 22, Cổng Tosa bị chinh phục bởi những người của Luciano Manara. Quân Áo bỏ Milan.

Quân Áo cũng bị đuổi khỏi Venise. Daniel Manin, được phóng thích khỏi

các khám đường, đã được tung hô làm Tổng thống của nước cộng hòa Thánh Marcô.

Quần chúng, trên các đường phố Torino, reo hò vang dội: "Chiến tranh! Chiến tranh!".

Ngày 25 tháng 3, chiều tối, các đại biểu của Milan chiến thắng đã tới nơi. Họ yêu cầu một sự can thiệp tức khắc của quân đội trước khi quân Áo trở lại tấn công thành phố. Họ ra hai điều kiện: chấp nhận "ba màu cờ Ý" thay cho màu cờ xanh của Savoia, và sự triển khai việc kéo quân đội Piemonte vào Milan sau khi chiến thắng.

Chiến tranh chống lại nước Áo

Hội đồng bộ trưởng quyết định phát động chiến tranh. Carlo Alberto bày tỏ sự nhất trí. Chiến tranh được tuyên bố với Áo. Nhà vua xuất hiện trên bao lơn của hoàng cung ở quảng trường Castello và, tay phất lá cờ ba màu, ông chào quần chúng đang hò la:

- Chiến tranh chống lại nước Áo!

Trong đêm, Carlo Alberto cùng con trai lên đường ra tiền tuyến dẫn đầu 60.000 người. Một quần chúng đông đặc chen chúc trên đường Pô và quảng trường Vittorio để chào mừng ông. Thật giống với một lễ hội tưng bừng.

Nhưng chiến tranh lại là chuyện khác. Trong những ngày tiếp sau đó, tất cả các liên đội đều rời khỏi Torino. Bao nhiêu ngựa đều bị trưng dụng cả cho pháo binh và những đoàn tàu cho việc chuyên chở các khí tài.

Thành phố, không còn cảnh "ngựa xe như nước, áo quần như nêm", chìm trong một cảnh tĩnh mịch dị thường với một luồng sợ hãi xuyên suốt.

Những trận đánh thật và những trận đánh giả ở Valdocco

Cả đến lũ con nít cũng hít thở bầu khí chiến tranh. Trên những đồng cỏ vây quanh khu Valdocco, những tên "anh chị" của các vùng Vanchiglires, Borgo Dora, Porta Susa đang lao vào những trận đánh đích thực. Đây không phải là những trò đùa. Bọn trẻ võ trang bằng gậy, bằng dao bằng đá, đã giáng cho nhau những đòn chí mạng. Don Bosco thường phải ra khỏi nhà để đi kêu cảnh sát ngõ hầu cùng họ lao vào giữa những tên hăng máu hơn cả.

Một hôm, không xa ngài, ngài thấy một đứa trẻ mười lăm tuổi thọc sâu mũi dao của nó vào bụng đối thủ. Người ta hối hả đưa nạn nhân đến bệnh viện và thằng bé đã chết trong lúc miệng còn ấp úng:

- Mày sẽ bị tao báo oán.

Don Bosco xót xa nhớ lại: "Những vụ khiêu khích ấy chẳng bao giờ chịu ngưng. Đôi khi, có những nhóm họp nhau lại để ném đá vào "nhà của ông cha xứ". Đá rớt như mưa trên mái ngói, vào lúc các khung cửa sổ khiến Giuse Buzzetti và những đứa khác sợ run lên.

Để lôi cuốn bọn trẻ vào nguyện xá, Don Bosco đã lợi dụng bầu khí chiến tranh để bịa ra một số trò chơi mới. Một trong số các bạn thân của ngài, tên Giuse Brosio, đã có hồi làm cảnh sát. Để đến Valdocco, Ông đã khoác lên mình bộ quân phục oai phong, gây niềm hưng phấn và nể trọng suốt mấy tháng dài. Don Bosco khuyến cáo ông nên dùng ngay bọn trẻ để thành lập một liên đới thu nhỏ, đồng thời dạy cho chúng những thao tác và những chuyển động trong lúc giao chiến.

Brosio chấp nhận. Ông xin được chính quyền hai trăm khẩu súng dài, kiểu cổ lỗ sỉ, với nòng súng được thay bằng một cây gậy. Ông thổi kèn clairon và bắt đầu các bài học bước đều bước, quay phải, quay trái, tấn công bằng lưỡi lê, rút lui, xuất kích. "Liên đội" trình diễn những màn được tán thưởng nồng nhiệt và đảm trách việc giữ trật tự ngay trong nhà thờ.

Một chiều Chúa nhật, đang khi quần chúng bị cuốn hút bởi tiếng kèn

clairon, đang say mê theo dõi các thao tác thì tai họa xảy đến nhân một vụ phản công. Quân bại trận, tan hàng rã ngũ, bị truy lùng bởi những kẻ chiến thắng hung hãn, đã vào trốn trong vườn của mẹ Margarita, chà đạp nát rau diếp nào hành, ngô, nào cà tô mát.

Bà "mẹ" chứng kiến cảnh tan hoang mà lòng quặng đau từng khúc ruột.

Varda, varda Giôannin la ca I'an fait, bà thì thầm với đứa con trai đang đứng gần mình, à I'an gues tame tut ("Coi kìa, Gioan, hãy coi chúng gây ra cho mẹ như thế đó, chúng đã phá tan hoang hết của mẹ rồi").

"Hãy để tôi quay về nhà mình"

Có lẽ chuyện xảy ra ngay chiều hôm sau đã khiến mẹ Margarita mất hết kiên nhẫn. Bọn trẻ đã đi ngủ, còn bà thì như thường lệ, thấy mình đứng trước một đống quần áo phải mạng vá, chúng đã bỏ dưới chân giường cho bà nào áo sơ mi rách, nào quần tây xút chỉ, nào những chiếc vớ lủng lỗ. Và bà phải vá lại dưới ánh sáng mờ nhạt của ngọn đèn dầu bởi lẽ sáng mai bọn chúng chỉ có bấy nhiêu đó để mặc. Don Bosco ngồi bên mẹ, đặt những miếng vá lên các cùi chỏ áo veston và gò lại những chiếc giày móp méo.

- Gioan à, bà bỗng phều phào, mẹ mệt quá đi thôi. Con hãy để mẹ quay về Becchi cho rồi. Mẹ phải làm việc đầu tắt mặt tối, mẹ là một bà lão hom hem mà bọn nhóc ấy lại phá hư hết của mẹ. Mẹ chịu hết nổi rồi.

Don Bosco không còn lòng dạ nào mà kể một chuyện giễu để giúp mẹ khuây khỏa. Ngài không nói dù chỉ một lời, không một lời lẽ nào có thể an ủi nổi người đàn bà đáng thương ấy. Ngài chỉ phác một cử động, ngài đưa tay chỉ cây Thánh giá treo trên tường. Và bà mẹ quê đã hiểu. Bà lại nghiêng nghiêng mái đầu bạc phơ trên những chiếc vớ lủng lỗ, trên những cái áo sơ mi rách tả tơi và lại tiếp tục khâu vá.

Bà sẽ không bao giờ còn nói đến chuyện quay về nhà mình nữa. Bà sẽ qua những năm tháng tàn tạ của đời mình giữa bọn trẻ ấy tay phá phách và mất dạy nhưng lại rất cần có một người mẹ. Bà sẽ chỉ cam phận ngước mắt thường hơn về cây Thánh giá, ngỏ hầu lấy lại can đảm, bà già đáng thương đã quá mỏi mệt ấy.

Cuộc chiến tranh tại ý tại xứ Lombardia

Ngày 26 tháng ba, theo những nguồn tin đang đổ về, thì dường như các giấc mơ của phái ủng hộ Giáo hoàng đang biến thành hiện thực một cách chớp nhoáng. Để tán trị quân đội của Carlo Alberto trong "cuộc giải phóng nước Ý", từ các quốc gia thuộc Nước Đức Giáo hoàng, đã xuất phát 17.000 quân sĩ cùng với tướng Durando; từ xứ Toscano, 7.000 quân tình nguyện cùng với Montanelli; hai xứ Parme và Modane, bằng những cuộc trưng cầu dân ý, tuyên bố muốn sáp nhập và xứ Piemonte.

Ngày 6 tháng Tư, bị cuốn hút bởi hưng phấn tập thể, Ferdinand xứ Napoli tuyên chiến với nước Áo và giao một đoàn quân viễn chinh gồm 16.000 người cho đại tướng Gugliemo Pepe. Cuộc chiến tranh diễn ra tại xứ Lombardia là một "cuộc chiến tranh Ý".

Tin mừng tới tấp bay về Torino. Quân đội giành được những thắng lợi đầu tiên ở Mozanbano và Goita (ngày 8-9 tháng Tư), Garibaldi đã khởi hành từ châu Mỹ với "quân đoàn Ý" của ông (ngày 15 tháng Tư).

Nhưng một gáo nước lạnh sắp dội xuống trên những niềm hưng phấn và những cơn giận của dân Ý.

Chương 25: HY VỌNG SỤP ĐỔ

Ngày 27.4.1848, bá tước Rignon, do Carlo Alberto cử đi đã tới La Mã. Ông xin Đức Piô IX một sự ủng hộ cả về vật chất lẫn tinh thần cho cuộc chiến tranh. Đức Giáo hoàng trả lời rằng sự ủng hộ về vật chất ngài đã cung cấp cho ông ta rồi khi gửi Durando và 17.000 quân sĩ đến trên sông Pô. Còn sự ủng hộ về tinh thần, ngài cần phải nghĩ kỹ: "Giả như tôi vẫn còn có thể ký tên Mastai, tôi sẽ cầm lấy bút và chỉ sau vài phút là việc ấy sẽ xong xuôi, bởi lẽ tôi cũng là người Ý. Thế nhưng, hiện nay tôi phải ký là Piô IX, mà vị thủ lãnh của Hội thánh phải là thừa tác viên của hòa bình chứ không phải của chiến tranh".

Ngài suy nghĩ suốt hai ngày. Hai ngày đã được đặt dưới kính hiển vi của các sử gia, mà kết quả chẳng được bao nhiêu. Hình như trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ ấy, những mối quan hệ với Áo và với Đức đã dựa vào các khối Công giáo đang nổi loạn chống lại Tòa thánh: có hiểm họa ly giáo.

Chấm dứt sự hiểu lầm

Ngày 29 tháng Tư, trong một diễn văn đọc trước các Hồng y, Đức Piô IX tuyên bố là những sự cải tổ của ngài đã được khơi dậy không phải bởi những động cơ "tự do chủ nghĩa" mà là bởi những tình cảm nhân bản và Kitô giáo. Giải pháp một cuộc "chiến tranh chống lại dân Đức" khiến ngài hết sức bối rối. Ngài xin với Chúa, không phải chiến tranh mà là sự hòa hợp và nền hòa bình. Ngài cũng tuyên bố là mình không thể sẽ trở thành "tổng thống của một nước cộng hòa được lập nên bởi các dân tộc gốc Ý".

Bằng những lời trên, Đức Piô IX đã đặt dấu chấm dứt sự hiểu lầm chính trị, được đẩy đi quá xa bởi những lời công bố to miệng của phe tự do đã muốn sử dụng Ngài làm bung xung, và cũng bởi những nỗi do dự riêng của cá nhân ngài. Dù những lời trên chỉ nhằm khước từ quyền lãnh đạo một "nước cộng hòa" chứ không phải một "liên minh các nước theo chế độ quân chủ", nhưng những lời ấy cũng đã đánh một đòn chí tử vào giấc mơ của phái chủ trương một quốc gia theo giấc mơ của những người thuộc phe tân tự do.

Ngay sau đó, Đức Piô IX liền gửi một thư cho Đức Vua. Ngài đề nghị cho các miền của Ý được liên kết với nhau một cách an hòa thành một quốc gia duy nhất. Đây là một hoạt động phù hợp với thiện chí hiếu hòa của ngài, nhưng mắc thiếu sót do sự quá chân chất ngây thơ của ngài. Nó chẳng đi đến đâu.

Ngọn lửa bùng sáng như một ánh chớp, nhưng cũng ngay lập tức tắt ngụm. Những hỗn loạn nghiêm trọng đã diễn ra trên sân khấu chiến tranh tại các thủ đô khác nhau của Ý. Liopoldo của xứ Toscane và Ferdinand của Napoli đã triệu hồi các đoàn quân của mình về nước. Quốc vương xứ Napoli còn đi xa hơn: bằng một cuộc chính biến đã gây nên những đối đầu nghiêm trọng giữa những người biểu tình và cơ quan công lực, ông đã giải tán nghị viện (ngày 15 tháng 5).

Ngày 30 tháng 5 là ngày rạng rỡ cuối cùng đối với Torino. Dân chúng Torino đón nhận tin vui về chiến thắng ở Goito và tin đầu hàng của quân Áo ở Peschiera, đánh dấu cuộc chiến thắng quân Áo của Vua Carlo Alberto. Phố xá được trang hoàng lộng lẫy, các khung cửa sổ sáng choang, người ta reo hò: "Vạn tuế Carlo Alberto, vua nước Ý!"

Nhưng ngay sau đó lại diễn ra những ngày cay đắng. Radetski, tướng Nước Áo, lại chiếm được Vicenze, chiếm đóng Padona, Treviso và Mestre.

Chiến tranh bắt đầu đè nặng lên cuộc sống ở Torino. Các thương vụ giậm chân tại chỗ, không có tiền bạc lưu thông, nhiều hiệu buôn đóng cửa, những kẻ

thất nghiệp rất đông. Những người thợ giày và thợ may đều đình công vì thu nhập quá thấp.

Gà-men và "khẩu phần" tại nguyện xá

Trong bầu không khí nghèo khổ rộng khắp ấy, tại Nguyện xá ở Valdocco, người ta cũng phải thắt lưng buộc bụng. Khi các lao động nhỏ sống với Don Bosco trở về vào giữa trưa, chúng đến trình diện tại nhà bếp với các gà men cá nhân để nhận lấy "khẩu phần" của mình. Cái nồi đang sôi trên bếp lửa chứa đựng gạo và khoai tây, bột nhồi và đậu haricol, hoặc một hỗn hợp bổ dưỡng được khuyến cáo nên dùng trong thời chiến: hạt dẻ phơi khô nấu chung với bột ngô.

Don Bosco phân phối món súp được ngài cho thêm gia vị là những câu nói đùa: "Hãy làm vinh dự cho ông đầu bếp", "Muốn lớn thì hãy ăn cho nhiều", "Cha muốn cho con một cục thịt quá, tiếc thay cha lại không có. Nếu có ngày nào đó chúng ta kiếm được một con bò vô chủ, chúng ta sẻ tổ chức một lễ lớn với một buổi đại tiệc".

Món ăn tráng miệng thường là một trái táo tây. Không phải một trái táo cho từng người một, mà là một trái táo cho "một" người. Don Bosco tung trái táo lên và ai nhanh tay bắt được thì sẽ được ăn, trước sự nhịn thèm của mọi người khác.

Quầy rượu, cho tất cả những ai muốn uống, đó là vòi giếng bơm "chảy ra nước vừa rất nhiều, vừa rất mát và rất trong lành".

Trên bàn, trong giờ ăn, một con gà mái của mẹ Margarita vừa nhảy vừa kêu cục tác, để mổ phần vụn bánh của nó.

Bánh mì, đó là hạnh phúc của người nghèo. Chiều tối, Don Bosco cho mỗi đứa năm xu để nó tự mua lấy bánh. Lý do: khẩu vị là một chuyện, sức khỏe lại là một chuyện khác. Ai có một bao tử tốt và không kén ăn, kẻ ấy sẽ mua loại bánh qui của lính, người ta sẽ bán cho nó một khẩu phần dồi dào. Những đứa khác khoái loại bánh mì bình thường hơn làm bằng bột cứng hoặc bột mềm.

Sau bữa ăn trưa và bữa ăn tối vốn là "bản sao" của bữa ăn trưa, ai nấy đều tự động rửa lấy gà men cá nhân và đút muỗng của mình vào túi.

Ai háu đói có thể đi, trước giờ ăn, ra khu vườn của mẹ Margarita để hái lấy một ít rau diếp, với dầu ăn và giấm mua được bằng tiền dành dụm của mình, sẽ tự làm lấy một món rau trộn.

Thời buổi rất khó khăn, mỗi đứa trẻ đều phải tính gần như từng xu để khỏi thiếu hụt thứ gì đó. Nghệ thuật gỡ gạc rất là phổ biến. Một đứa đã tìm cách bán được cái nệm rơm của mình với giá bốn mươi xu (trừ khi Don Bosco ngăn chặn nó kịp thời). Cũng nhằm cứu những đồng xu hiếm hoi khỏi chạy qua túi của ông thợ hớt tóc, chính mẹ Margarita là người xung phong làm "dịch vụ hớt tóc miễn phí" cho bọn trẻ. "Việc hớt tóc bằng kéo khiến mái tóc của tôi gợn lên đầy nhưng bậc thang nhấp nhô, bác sĩ Fedorico Cyna nhớ lại. Tôi cất tiếng than phiền thì người đàn bà thánh thiện ấy đáp lại:

- Nhưng bậc thang ấy sẽ dẫn con lên Thiên đàng đấy con ạ.

Nỗi buồn lớn của Don Bosco là không thể cho bọn trẻ của ngài được ăn no (cho dù ngài đã tìm ra những lời lẽ khôi hài, mua vui để an ủi chúng. Nhưng đối với Don Bosco, còn một nỗi khổ khác lớn hơn thế trong những tháng sắp tới!

Lòng trung thành với Đức Thánh Cha và cái giá phải trả

Sau bài diễn văn của Đức Thánh Cha Piô IX, thì như cha Pietro Stella nhận xét "chắc chắn không thiếu những thời điểm căng thẳng kinh nghiệm giữa các linh mục đang ở tuyến đầu trong công cuộc phục vụ giới trẻ: một bên là cha Cocchi và cha Ponte, và bên kia là Don Bosco. Nhưng nơi tất cả các vị đó đều có một cảm thức chung về thời điểm tế nhị mà Hội Thánh Torino đang phải trải qua. Cách riêng trong thời điểm đó các linh mục yêu nước cảm thấy rằng để thành công về mặt tôn giáo, thì nhất thiết cần phải đi theo "dân tộc" trong những khát vọng thống nhất của họ".

Don Bosco ngược lại cho rằng điều cần thiết trên hết là phải trung thành với Đức Thánh Cha. (Ngài nói với các học sinh của ngài đang hô lên "Hoan hô Đức Piô IX" rằng các con hãy hoan hô cách mạnh mẽ "Hoan Hô Đức Thánh Cha!"). Và ngài càng ngày càng cảm thấy mối e ngại đối với các hoạt động của những người phái tự do.

Ngày nay, sau hơn một thế kỷ cách xa với thời đó, chúng ta biết từ các sử gia rằng sự thống nhất Nước Ý đã là một cuộc chinh phục vĩ đại, nhưng nó đã được thực hiện không phải trong một cách thức tốt nhất. Cuộc Phục Hưng chế độ vua chúa làm một hiện tượng của giới trưởng giả và của các tầng lớp bậc trung. Dân chúng chỉ tham dự tại một số thành phố thôi. Phần đa các tầng lớp nông dân tạo thành 70% dân số thời đó, thì đều xa lạ, nếu không nói thẳng là chống đối chuyện đó.

Don Bosco là một nông dân, và ngài cảm thấy tự bản năng đã có nỗi khó chịu đối với những phong trào được dẫn dắt bởi các luật sư và các chính trị gia mưu mô, trong đó "dân chúng đích thực" chỉ được kêu gọi lại để góp máu mình vào các mặt trận. Chiến tranh đối với ngài chính là hình phạt của Thiên Chúa và là sự phá sản cho dân nghèo không hơn không kém.

Có lẽ khi nhìn vấn đề như vậy, Don Bosco chứng tỏ cho thấy ngài có những giới hạn. Nhưng nó cũng chứng tỏ là ngài biết nhìn xa trông rộng. Cách riêng trong việc định hướng cho công cuộc mới phát sinh của ngài, ngài đã chọn con đường (trung thành với Đức Thánh Cha, không có bất cứ những mối liên kết nào với các đảng phái): nó cho phép Nguyện Xá khiêm nhượng của ngài được biến chuyển thành một Tu Hội có tính cách toàn cầu. Việc kiến tạo lịch sử dựa trên những cái "nếu" quả giống như một cuộc chơi xổ số, nhất là chúng ta xác tín rằng nếu Don Bosco đã xuống đường với các học sinh của ngài trong khi vẫy những lá cờ ba màu của Nước Ý, thì ngày hôm nay có lẽ chúng ta sẽ nói về ngài như là một vị phó xứ tốt lành của một giáo xứ vùng ngoại ô Torino mà thôi.

Việc dấn thân trong sự trung thành với Đức Thánh Cha đã luôn luôn mang đến cho Don Bosco nhiều sự khốn khổ. Hai vị linh mục làm việc trong Nguyện Xá thánh Lu-y, bất chấp lệnh cấm của ngài, đã mang các thanh thiếu niên vẫy cờ và đeo huy hiệu tới các cuộc biểu tình chính trị, và đã biến các bài giảng của họ thành diễn đàn chính trị nhiệt nồng. Don Bosco đã buộc phải cãi nhau với họ.

Tại Valdocco sự việc còn tệ hơn. Một vị trợ giúp Don Bosco đã làm một bài giảng trong đó "sự tự do, việc giải phóng, nền độc lập" vang lên trong suốt bài diễn văn. "Cha ở trong phòng áo – Don Bosco đã viết lại - thật sự sốt ruột lo sao kết thúc được sự rối trật tự này. Nhưng vị giảng thuyết, vừa khi kết thúc giờ chầu Thánh Thể, đã mời các linh mục và các thanh thiếu niên qui tụ lại quanh ông ta dương cổ gào lên các bài quốc ca, và làm cho cả đám trẻ hung hăng vẫy cờ, rồi lên đường diễu hành quanh ngọn đồi các cha Capuxinô. Tất cả chúng hứa là sẽ không đến Nguyện Xá trừ phi chúng đã nhận được các huy hiệu của tổ quốc"

Trong suốt mấy Chúa Nhật, Nguyện Xá Valdocco hầu như trống vắng, như cha Lemoyne viết lại. Từ 500 em, con số rút xuống còn có 100 em.

"Không có một linh mục nào muốn trở lại nữa. Ngược lại, các trẻ con thì đến xin lỗi, và hứa sẽ vâng phục và tuân hành kỷ luật. Nhưng còn cha thì chỉ còn một mình – Don Bosco đã viết lên như thế với sự cay đắng. Với hầu như là 500 em, mà chỉ còn có một vị trợ giúp duy nhất là nhà thần học Borel. Cha không còn biết nữa, với nhịp độ công việc tối mặt, làm sao cha còn có thể chịu đựng được". Cha Lemoyne đã ghi nhận là các bạn trẻ lớn nhất đã không trở lại nữa, và kể giờ phút đó tuổi trung bình của các trẻ thấp hơn xưa nhiều.

Những tin tức bi thảm

Hai quý sau của năm 1948 đã chứng kiến hàng chuỗi những tin tức bi thảm. Tháng 6, những cuộc nổi dạy ở Praha và ở Paris đã bị nghiền nát bởi những loạt

đại bác. Từ ngày 23 đến 26 tháng 7, trên các vùng cao ở Custoza đã xẩy ra cú sốc dứt điểm giữa quân Áo và quân Piemonte. Vụ thảm bại của Carlo Alberto nghiêm trọng tới mức người ta đã không sao tổ chức nổi cuộc phòng thủ Milan.

Nguồn tin về đến Torino hôm 29 tháng 7, gây nên những cảnh hỗn loạn nghiêm trọng. Nhà cửa của giới quý tộc và của các linh mục được đặc biệt bị coi là những cái bia của sự bắn phá.

Ngày 6 tháng 8, Gioberti chạy đến tổng thành dinh của nhà vua, can gián ông đừng ký hiệp định đình chiến, nhưng Carlo Alberto, tin chắc là quân đội không còn khả năng chiến đấu nữa, đã ra lệnh cho đại tướng Salasco ký thay vào ngày 9 tháng 8. Đó là nhìn nhận sự bại trận, là dấu chấm hết cho mọi hy vọng.

Tại Torino, các nhà chính trị tức lồng lộn trước sự thiếu khả năng của các nhà lãnh đạo và trước những âm mưu của các linh mục. Họ lạnh lùng tiến hành những cuộc điều tra tại nghị viện nhằm trừng trị những kẻ có tội. Thủ đô sôi sục. "Nhất thiết phải áp dụng những biện pháp mạnh, Francesio Cognasso viết, thay đổi chính phủ, cấm buôn bán ngoài phố, cấm yết thị những cuộc biểu tình chính trị, cấm tụ họp trên Quảng Trường để bàn luận".

Súng nổ tại nhà Pinardi

Về thời điểm này, Don Bosco đã viết: "Người ta cho là đáng đời, bất cứ lời lăng mạ nào nhắm vào các linh mục và tôn giáo. Bản thân tôi cũng đã bị tấn công nhiều lần, trong nhà cũng như ngoài đường phố. Một hôm, đang khi tôi dạy giáo lý, một viên đạn súng hỏa mai (loại súng cổ lỗ sĩ) đã từ cửa sổ bay vào, xuyên thủng ngay nách chiếc áo chùng thâm của tôi và làm bể một mảng lớn trên vách tường". Lúc ấy ngài đang ở trong nhà nguyện Pinardi và bọn trẻ đã hoảng hồn về phát súng bất ngờ ấy. Don Bosco khá điêu đứng vì viên đạn đã bắn hụt ngài chỉ trong vài ba ly đã phải trấn an chúng bằng đôi câu khôi hài:

- Đây là một trò đùa có phần hơi quá lố. Tội nghiệp cho cái áo dòng của cha, cha chỉ có mỗi cái này là bảnh hơn cả. Nhưng Đức Mẹ vẫn còn thương chúng ta.

Một đứa đã nạy đầu đạn ghim trong vách ra, đó là một viên đạn bằng sắt coi rất thô kệch.

"Một lần khác, đang khi tôi đứng giữa một đám trẻ hết sức đông đảo, một kẻ lạ mặt đã tấn công tôi ngay giữa thanh thiên bạch nhật. Và chỉ nhờ phép lạ mà, vắt giò lên cổ, tôi đã chạy được tới phòng riêng của mình và đóng sập cửa lại để trốn trong đó. Chính cha Borel cũng đã may mắn thoát chết vì một phát súng lục".

Rất nhiều nhật báo đua nhau gieo rắc sự thù nhắm vào các linh mục. Những tựa đề cũng không buông tha Don Bosco: "Cách mạng bị lật tẩy ở Valdocco và những kẻ thù của tổ quốc"

Làm việc nhằm đào tạo một lớp linh mục khác

Phong trào chống giáo sĩ điên cuồng này không chỉ làm đau lòng Don Bosco, nó còn khiến cho ngài suy nghĩ. Ngài viết: "Một tinh thần ghen ghét chống lại các Dòng Tu lớn và các dòng tu mới, nói chung chống lại hàng giáo sĩ và toàn thể quyền bính của Hội thánh. Tiếng kêu giận dữ và khinh chê đối với tôn giáo làm cho giới trẻ xa lìa luân lý, lòng đạo đức, và do đó không mặn mà với ơn gọi tham gia hàng giáo sĩ".

Chính tại đây Don bosco nhận ra mối nguy hiểm to lớn nhất: Đó là sự giảm sút các ơn gọi linh mục. Thay vì cứ để thời gian trôi qua trong sự rên rỉ, than phiền nào là thời gian đen tối quá, Don Bosco đặt lại vấn đề cách minh bạch: "Tôi có thể làm được gì để giúp cho các ơn gọi?".

Ngài thấy hầu như dân chúng chống lại các linh mục không phải là vì các linh mục không tham gia vào cuộc chiến tranh giành lại nền độc lập cho Nước Ý, mà là bởi vì phần đa giới giáo sĩ "không thuộc về dân chúng". Các ơn gọi đến

từ các gia đình quí tộc và quá lắm là giới trung lưu mà thôi. Những vai chính của thời đại mới đang khai sinh (ở bên kia của thời kỳ phục hưng chế độ vua chúa) chính là giới thợ thuyền.

Nếu đây là nguyên nhân, thì giải pháp cho vấn đề phải là hoàn toàn khác với việc tham gia vào cuộc chiến tranh tại Novara vốn đã đưa đến thất bại (như cha Cocchi đã thử làm).

Don Bosco viết: "Trong những thời buổi này, Thiên Chúa đã cho biết rõ ràng là sẽ có một tầng lớp chiến sĩ mới cho Hội Thánh mà Ngài muốn tuyển chọn: họ sẽ không đến từ các gia đình khá giả. Những người ăn uống với cuốc xẻng và đe búa sẽ phải là những người được tuyển chọn để nắm lấy những địa vị trong các hàng ngũ đang hướng bản thân họ đến cuộc đời giáo sĩ". Đấy chính là hàng giáo sĩ vô sản.

Với các phương tiện khiêm nhường mà ngài hiện có, Don Bosco đã lập tức bắt tay vào công việc theo đường nét này.

Trong số hằng trăm thanh thiếu niên đến với Nguyện Xá, ngài đã chọn lựa 13 em, và mời chúng tham gia một khóa tĩnh tâm hay linh thao. Các trẻ em ấy được Don Bosco nuôi trong nhà mình suốt ngày. Chỉ có vào ban chiều "vì không có đủ giường chiếu cho tất cả các em này, nên một phần trong số các em trở lại gia đình để nghỉ ngơi".

Vào những ngày đó, Don Bosco dấn thân "học hỏi, tìm hiểu, chọn lựa một vài em" mà ngài thấy có hy vọng ơn gọi. "Sự bình lặng của những ngày ấy – như cha Lemoyne ghi nhận – quả tương phản với sự quấy động mãnh liệt đang ngự trị ở thành phố Torino".

Trong số 13 em này, vào năm tới, ngài sẽ chọn 4 em tốt hơn cả, và cứ thế ngài tiếp tục cuộc thử nghiệm.

"Như thế - Don Bosco viết – Nguyện Xá khiêm cung của chúng ta ngày được củng cố, trong khi xuất hiện những biến cố nghiêm trọng đang làm thay

đổi bộ mặt chính trị của Nước Ý và có lẽ của cả thế giới".

Những tin buồn đến từ La Mã

Ngày 18 tháng Tám, tại Torino, các trung đoàn bại trận đầu tiên trở về. Bầu khí hẳn nhiên không tưng bừng gì, nhưng dân chúng đón tiếp những chiến sĩ mệt nhọc và đầy bụi đó với thiện cảm.

Ngày 15 tháng 9, nhà vua trở lại Torino. Tiếp đón lạnh lùng và chán nản. Có những tiếng đồn kỳ quặc chuyển khắp thành phố: các toán quân Pháp sắp tới nơi, với sự giúp đỡ của họ chúng ta sẽ tiến hành cuộc chiến tranh. Nhà vua sắp thoái vị, cách mạng sắp bùng nổ.

Tháng 11, Vua Carlo Alberto bổ nhiệm tướng Perrone, người đã bị án treo cổ vào năm 1821 xưa, làm Thủ tướng. "Một người bị án tử hình khác" vào năm 1834, ông Giuseppe Garibaldi, đang tiến hành những hoạt động riêng tư chống lại quân Áo tại Vùng Lago Maggiore [Hồ lớn]. Những náo loạn tiếp tục tại nghị viện (nơi cánh tả muốn tái thực hiện cuộc chiến) và tại thành phố. "Các binh lính Genova của lữ đoàn Savoia vào ban tối rời bỏ các doanh trại và đến hô vang tại Quảng Trường Castello: Hoan hô Đức Vua! Hoan hô Nước Cộng Hòa! Hoan hô hòa bình! Hoan hô chiến tranh! Chúng tôi bị nhốt trong những trại lính tồi tệ! Chúng tôi bị cho ăn đói".

Vào trung tuần tháng 11, những hung tin đã đến từ La Mã. Pellegrino Rossi, vị thủ tướng ôn hòa của Đức Piô IX đã bị quần chúng ám sát, "Quần chúng" buộc Đức Giáo hoàng phải triệu tập một Hạ viện Lập hiến và tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại quân Áo.

Một quần chúng quá khích đi diễn hành khắp phố xá của Torino, miệng la: "Đả đảo Piô IX! Đả đảo bọn bộ trưởng thoái hóa! Hoan hô người đã hạ sát Pellegrino Rossi! Chiến tranh! Chiến tranh!" Sợ hãi bắt đầu lan rộng. Nỗi sợ

cách mạng sẽ bùng phát và nỗi sợ rằng lại tái diễn lại tại Ý "cảnh khủng khiếp" do "đảng Giacôbin" gây nên xưa ở Pháp.

Tháng 11 vừa tàn thì từ La Mã bay đến nguồn tin là Đức Piô IX đã bỏ trốn. Ngài đã giả bộ nhượng bộ quần chúng nhưng rồi, cải trang thành một linh mục bình thường, ngài đã đến tị nạn tại Gaeta, trong vương quốc Napoli.

Năm 1848, được mở màn trong niềm hưng phấn của bao hy vọng, đã kết thúc tại Ý trong những màn sương mù của sự hoang mang. Tại các quốc gia khác, cuộc cách mạng chấm đứt trong khói lửa và sắt thép của sự đàn áp. Sau Paris và Praha, Thủ đô Vienna cũng bị pháo kích tháng 10, bởi những cỗ súng đại bác dưới quyền một vị đại tướng. Nghị viện ở Berlin đã bị bãi vào tháng 12.

Hai tín hiệu đầy hy vọng ở Valdocco

Trong vùng thấp chủng của phố Valdocco, nơi tuyết chất đống khi tiết sông hàn vừa chớm về. Don Bosco khiêm tốn đón nhận hai tín hiệu của hy vọng.

Lần đầu tiên, một đứa thuộc bọn trẻ ngài đã có diễm phúc mặc áo dòng. Tên anh là Ascanio Saviô; là người đồng hương với Don Bosco. Anh ta đã lui tới nguyện xá từ hồi nguyện xá được dời về gần Trú khu. Giờ đây, lẽ ra anh ta phải vào chủng viện, nhưng chủng viện ở Torino đã bị đóng cửa, và chủng viện Chieri cũng sắp chịu chung số phận ấy. Hội đồng Tổng Giám mục trực thuộc Tòa thánh đã đặc cách cho anh ta hoàn tất lễ nghi mặc áo dòng ở nhà Cottolenzo và sau đó lưu lại nguyện xá tiếp tay với Don Bosco.

Anh ta sẽ không lưu lại đó vĩnh viễn. Bốn năm sau anh ta sẽ vào chủng viện và sau thành linh mục triều. Nhưng anh ta sẽ nói về Don Bosco: "Tôi yêu kính ngài như thể ngài là cha đẻ của tôi vậy". Còn Don Bosco sẽ viết về anh ta như sau: "Tôi đã lập tức giao ngay cho anh ta một phần của công tác hộ trực, của các lớp giáo lý và của cuộc điều hành các lớp khác nhau. Nhờ đó tôi đã bắt đầu được nhẹ gánh phần nào". Con chiên đầu tiên đã trở thành mục tử.

Biến cố thứ hai mang tính chất hoàn toàn khác.

Ở nguyện xá hôm ấy cử hành một lễ trọng, hàng mấy trăm thanh thiếu niên đã được chuẩn bị để rước Mình Thánh Chúa. Don Bosco cử hành thánh lễ tin chắc là trong nhà tạm có để chiếc chén thánh thường lệ đầy ắp những bánh lễ đã truyền phép rồi. Khốn nỗi chén thánh ấy lại trống trơn, Giuse Buzzetti, phụ trách phòng áo (có việc gì mà thằng bé ấy lại không xung phong gánh vác đâu!) đã quên không dọn sẵn một chén đầy bánh lễ khác. Và nó chỉ nhận ra được sự sơ xuất ấy sau khi truyền phép, tức quá trễ.

Don Bosco, khi bọn trẻ kéo lên để chịu Mình Thánh, đã nhận thấy là sắp phải mời tất cả bọn chúng về chỗ. Vì không bằng lòng bắt đầu phân phát vài bánh lễ còn sót lại dưới đáy chén thánh.

Và này, trước sự ngạc nhiên của chính ngài cũng như của tên Buzzetti đang cầm dĩa bánh, các bánh thánh vẫn không hề giảm bớt. Mọi người đều được rước lễ.

Chính Giuse Buzzetti, bàng hoàng, là người tường thuật lại vụ việc cho bạn bè của mình. Và mãi đến năm 1864 nó vẫn còn kể cho các tu sĩ Salêdiêng tiên khởi nghe nữa. Don Bosco lúc ấy cũng có mặt và vẻ mặt nghiêm trọng, đã xác minh chuyện ấy: "Đúng, hôm ấy có rất nhiều bánh lễ trong chén thánh, tuy nhiên cha đã có thể cho rước lễ tất cả những ai bước lên Bàn Thánh, mà họ rất là đông đảo. Cha rất cảm động nhưng bình tĩnh. Cha đã nghĩ: "Phép lạ của việc truyền phép còn lớn hơn cả phép lạ của sự nhân gấp bánh thành nhiều. Nhưng, xin ngợi khen Chúa về mọi sự".

Đang khi nước Ý bị lung lay bởi những biến cố vang dội thì một xã tỉnh lỵ khuất lánh thuộc vùng ven đô Torino. Thiên Chúa đã âm thầm nhân gấp sự hiện diện của Ngài giữa các trẻ em của một vị linh mục nghèo hèn, một tín hiệu bí nhiệm mà cũng hết sức sáng ngời.

Chương 26 : DON BOSCO VỚI CHÍNH TRỊ VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Chính trị của tôi là kinh lạy Cha

Trong năm 1848, Don Bosco gặp cuộc đụng độ bi thảm đầu tiên với chính trị, và ngài đã chọn con đường mà sau này ngài để lại cho các Salêdiêng để làm di sản.

Ngài đã tóm tắt nó lại sau này cho Đức Cha Bonomelli, vị Giám mục của vùng Cremone, hay: "Con nhận ra rằng mình muốn làm một chút sự thiện gì đó, nên con đã gạt ra một bên mọi thứ chính trị. Con đã giữ mình khỏi dây dưa vào chính trị, và nhờ thế con đã có thể thực hiện được một điều gì đó, mà không gặp phải sự cản trở, thậm chí con còn tìm thấy được sự trợ giúp từ phía mà con không chờ đợi gì cả".

Sau khi đã suy nghĩ lâu dài về thái độ của Don Bosco không duy ở trong những sự việc của năm 1848, mà còn trong nhiều thời điểm nặng nề khác nữa của nền chính trị và của nền chính trị vĩ đại (việc thống nhất nước Ý). Xem ra chúng ta có thể liệt kê ra ở đây cách vắn gọn như sau:

1. Don Bosco xác tín rằng nền chính trị của các đảng phái chỉ có tính cách tương đối và ngài coi nó như là một sự tập hợp rất dễ thay đổi của cuộc sống (chẳng hạn ông Perrone trở thành thủ tướng của một ông vua đã muốn treo ông bằng dây tròng cổ; Cavour tuyệt đối trung thành với vua Carlo- Alberto đã bị cho nghỉ bởi chính ông vua này bởi vì lúc đó "ông

không còn trung thành nữa…". Vì thế, Don Bosco quả quyết mạnh mẽ rằng: "Không có phe phái nào nắm được tôi bao giờ cả". Do đó, Don Bosco dựa vào những nền tảng vững chắc hơn là *cánh tả* và *cánh hữu:* Đó là các linh hồn phải được cứu rỗi, các trẻ nghèo cần được nuôi nấng và giáo dục. Đó là điều ngài gọi là "nền chính trị của kinh Lạy Cha".

2. Một nhà nghiên cứu nhận xét rằng Don Bosco, trong khi quả quyết rằng ngài không làm chính trị, thì trên thực tế ngài luôn đứng về phía những nhà bảo thủ và phe thân Áo. Nhận xét này chúng tôi nhận thấy đúng một phần, nếu người ta không gán cái ý nghĩa tệ hại hơn cho thành ngữ "phe thân Áo", mà chỉ hiểu rằng câu đó muốn quả quyết Don Bosco thường nhìn thiện cảm đối với Áo Quốc. Tại chủng viện, ngài đã được đào tạo trong quan điểm bảo thủ (một điều chúng tôi đã nhận xét phía trước) và ngài coi Áo Quốc như là kẻ che chở cho Đức Giáo Hoàng. Và chuyện này không thông qua các thủ bản chính trị, mà xuyên qua các thông điệp và các diễn văn của các Đức Thánh Cha.

Cho nên việc Don Bosco quan niệm như vậy là một chuyện thông thường. Hẳn là ngài không coi đó là một tư thế chính trị nhưng là một vấn đề thuộc về đức tin hay ít nhất đó là một đòi hỏi của lòng trung thành cùng Đức Thánh Cha. Giống hệt như vào năm 1848, nhiều người Công giáo nhìn vào Nước Mỹ với thiện cảm: không phải bởi vì họ chia sẻ quan điểm chính trị của Nước Mỹ lúc bây giờ ủng hộ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc chống lại những người da mầu, nhưng là bởi vì họ coi Hiệp Chủng Quốc như là sự bảo trợ duy nhất cho nền văn minh Kitô giáo chống lại Liên bang Xô-viết của Stalin.

Hơn nữa, Don Bosco biết nhiều người Torino thuộc phe tự do và dân chủ, không phải có tính chất truyền kỳ như họ đã trở thành như thế hiện nay trong các sách lịch sử, nhưng như chính họ thực sự đã là trong đời sống chính trị

thường nhật, vừa ma mãnh, vừa lắm mưu đồ, chơi trò chơi hai mặt (ví như nhân vật Brofferio chẳng hạn).

1. Đôi khi, bất chấp ý muốn của ngài là chỉ đi theo "nền chính trị của kinh Lạy Cha", nhưng thực tế lại ép buộc ngài phải đứng về lập trường này hay lập trường khác. Trong những trường hợp này, Don Bosco đứng vào hàng những người ủng hộ Đức Thánh Cha. Có nghĩa là ngài chấp nhận lấy cho mình ý kiến của Đức Thánh Cha.
2. Trong miêu tả lịch sử biên niên Don Bonetti (7.7.1862), chúng ta đọc thấy điều ngài đã nói khi đó: "Hôm nay tôi thấy mình ở trong một nhà tại đó tôi được bao quanh bởi nhóm những người dân chủ. Sau khi đã bàn sơ qua về những chuyện vô tội vạ khác nhau, thì cuộc nói chuyền xoáy vào vấn đề các chuyện chính trị xẩy ra trong ngày. Những người tự do tốt lành này đã muốn Don Bosco nghĩ gì về chuyện dân Piemonte diễu hành tại Roma (*chúng ta đang ở trong những năm thứ tám sau các biến cố xẩy ra tại Porta Pia).* Tôi đã trả lời dứt khoát rằng: tôi đứng về phía Đức Thánh Cha, tôi là người Công giáo, tôi vâng phục Đức Thánh Cha cách mù quáng. Nếu Đức Thánh Cha nói với những người xứ Piemonte "Các con hãy đến Rôma", thì tôi cũng sẽ nói "Nào anh em hãy lên đường". Nếu Đức Thánh Cha nói rằng cuộc diễu hành của các người Piemonte tại Roma là một trò lừa bịp, một hành vi có ý đồ xấu, tôi cũng sẽ nói y nguyên như vậy. Nếu chúng ta muốn mình là những người Công giáo, chúng ta phải suy nghĩ, tin tưởng như Đức Thánh Cha đã suy nghĩ và tin tưởng".

Trước khi tranh luận về chuyện trên, và ngay cả khi muốn ngầm gợi tới quan niệm của ngài, Don Bosco *vẫn luôn là người đứng về phía Đức Thánh Cha.* Trong năm 1847-1848, Don Bosco có thiện cảm trong một thời gian ngắn với phái Công giáo tự do của những năm 1800: không phải vì ngài có xác tín rằng làm

như thế sẽ tốt đẹp hơn, mà chỉ bởi vì hướng chính trị đó xem ra là thái độ của Đức Thánh Cha. Sau bài huấn đức ngày 29 tháng Tư 1848, Don Bosco lại trở thành người bảo thủ trở lại, không phải vì đó là do thay đổi khung suy nghĩ của ngài, nhưng mà là vì chính Đức Thánh Cha đã suy nghĩ như vậy".

Nếu Đức Cha thay đổi lập trường, thì ngài cũng thay đổi ngay lập tức. "Nếu Đức Thánh Cha nói với những người dân Piemonte: "Các con hãy đến Rôma", thì khi ấy cả tôi nữa, tôi cũng đồng ý".

Don Bosco và vấn đề xã hội

Trong năm 1848, Karl Marx đã xuất bản Tuyên ngôn Cộng Sản. Đó là bước khởi sự một cuộc cách mạng ít rùm beng so với những cuộc nổi dậy của cùng năm đó, nhưng nó đi xa hơn và sâu hơn. Lập trường cộng sản tận căn và bạo động trên "vấn đề xã hội" sau cả tá năm vẫn còn làm chấn động các quốc gia Bắc Âu. Đó là cuộc tố cáo kiên quyết và rõ ràng những giai cấp bóc lột và là một lời kêu gọi một cuộc cách mạng bằng bạo lực để "lật đổ hệ thống này", một hệ thống được xây dựng trên sự bất công.

Thái độ của Don Bosco trước "vấn đề xã hội" như thế nào? Pietro Stella viết: "Hình như Don Bosco không nêu ra vấn đề làm chuyển biến các giai cấp… Xem ra có vẻ như Don Bosco không nắm bắt chiều kích mênh mông của hiện tượng nghèo khổ như là một hiện tượng được gắn kết với những sự đảo lộn xã hội" (*Sách được trích,* Cuốn II, các trang 95-96).

Nếu với những lời trên muốn khẳng định rằng Don Bosco đã không có một cái nhìn "khoa học" về hoàn cảnh kinh tế - xã hội và đã không nói về hoàn cảnh đó bằng những từ kỹ thuật (như vốn, sức lao động, v.v.), thì chúng ta đồng ý. Ngược lại, chúng ta sẽ không đồng ý nếu người ta muốn nói lên rằng Don Bosco đã không hiểu thời đại của mình và để cho mình được hướng dẫn duy bởi "các tình cảm tốt lành" mà thôi.

Don Lemoyne là người đã nhận những lời tâm sự của Don Bosco trong nhiều năm, quả quyết rằng: "Ngài là một trong những người đã nắm bắt chuyện đó ngay từ lúc ban đầu, *Ngài đã nói hằng ngàn lần rằng* phong trào cách mạng không phải là một cơn gió lốc sẽ trôi qua, bởi lẽ các lời hứa được đem hứa hẹn cho quần chúng không phải là hoàn toàn bất lương đâu, trái lại chúng đáp ứng lại các khát vọng phổ quát và sinh động của giới vô sản. Những ai đã ước ao tiếp nhận sự bình đẳng dành cho tất cả mọi người, không phân biệt các giai cấp, và tiếp nhận một sự công bình to lớn hơn và sự cải tiến số phận họ tốt đẹp hơn. Đàng khác ngài nhìn nhận rằng những của cải giàu có trở thành độc quyền của những người tư bản không có lòng dạ thương người, và những ông chủ áp đặt lên người thợ cô đơn và không được bảo vệ, những khế ước bất công, liên quan đến lương bổng và sự nặng nhọc của công việc" (M. B., Cuốn IV, tr. 80).

Don Bosco đang ở trước biên giới của hai thời đại của thế giới và cũng của Hội Thánh nữa.

Trong dòng các thế kỷ đi liền trước cuộc cách mạng kỹ nghệ, các người thợ đã qui tụ lại thành "các hợp tác xã": tức các tổ chức xã hội cứng ngắc, mang tính chất của thời Trung cổ, nhưng chúng còn thực thi được một sự bảo vệ cho các thợ thuyền. Những người nghèo khi ấy rất đông đảo. Tuy nhiên không bao giờ con số của họ lại so sánh được với khối đại chúng khổng lồ và bất hạnh của giới vô sản, bị phó mặc cho chính mình, do các nhà máy của thế kỷ thứ nhất của cuộc cách mạng kỹ nghệ tạo nên. Khuôn mẫu can thiệp của Hội Thánh ủng hộ cho những người nghèo khi ấy chính là "sự cứu tế có tổ chức" của thánh Vinh-sơn Phaolô (1581-1660).

Trong thời đại mới của kỹ nghệ này, các hợp tác xã chết dần mòn giữa những sắt vụn (cũng do bởi cuộc chiến thắng của những nguyên tắc của chủ nghĩa tự do), và những khối đông đảo các người vô sản chỉ còn giữ lại được cái tự do duy nhất là để cho mình bị bóc lột bởi các ông chủ vô cùng quyền thế. Chủ

nghĩa tự do đã tung sức ngăn cản việc hình thành các tổ chức mới nương theo các hợp tác xã thời xưa để bảo vệ các quyền của giới thợ thuyền.

Trong sự bất lực không thể tìm ra được các kế hoạch và các chương trình được hình thành tốt đẹp để hành động – như chúng ta đã nói ở trên các trang phía trước, cũng như trong sự không an tâm luôn luôn có vào thời ban đầu của một thời kỳ lịch sử, nhiều nhân vật của Hội Thánh đã sử dụng tất cả những nghị lực của họ trong các hành động trực tiếp ủng hộ cho đám dân cùng khổ, phủi sạch bụi bám trên các phương pháp cứu trợ và bác ái xưa của thánh Vinh-sơn (tức các "Hội" đã được thiết lập tại Paris để giúp cho các thợ thuyền, mang danh gọi đích xác là "các Hội' của thánh Vinh-Sơn Phaolô).

Dĩ nhiên người ta sớm hiểu rõ là việc làm từ thiện không đủ. Dù dưới hình thức mới và mang tính chất tiến bộ cao xét về mặt xã hội được thể hiện nơi các trường dạy nghề, các xưởng huấn luyện, nó vẫn còn chưa đủ. Cần phải đấu tranh cho sự công bình xã hội, cho những cơ chế và luật pháp khả dĩ đảm bảo được các quyền của các công nhân. Con đường vẫn còn dài, vì sự không thấu hiểu nơi hàng giáo phẩm, và các sự chống đối mãnh liệt của các Quốc gia tự do.

Don Bosco vào thời điểm của những năm đầu tiên của cuộc cách mạng kỹ nghệ Ý, đã dấn thân trong tình trạng mới của các sự việc, do được thúc đẩy bởi sự cấp bách của điều ngài đã thấy, và với sự tự hiến trọn vẹn của ngài để phục vụ các trẻ nghèo. Chiến thuật của *việc cần làm ngay lập tức,* việc "can thiệp ngay lập tức" (vì lý do những người nghèo không thể phung phí thời gian để chờ đợi những cuộc cải cách và những kế hoạch có tổ chức) đã trở thành dấu ấn của Don Bosco và của các Salêdiêng đầu tiên, tạo thành một chương trình "khẩn cấp" mà các người con của Don Bosco đã thực hiện cho chúng.

Nhưng xem ra sự chọn lựa này không chỉ thuần túy là một bộc phát tự nhiên. Với thời gian, hoàn cảnh đã trở thành ngày càng rõ ràng và Don Bosco ngày

càng thêm ý thức hơn về thời đại ngài được kêu gọi để sống và để thực thi sứ mệnh của ngài: đó là cái vĩ đại cũng như cái giới hạn của ngài.

"Gạt sang một bên mọi thứ chính trị" có nghĩa là gì?

Chúng ta nhận định thêm một chút về lời tuyên bố của Don Bosco với Đức Cha Bononelli (vào thời điểm của nhiều năm sau 1848): "Con ý thức được rằng nếu con muốn làm được một chút gì ích lợi, thì con phải gạt mọi thứ chính trị sang một bên".

Hạn từ "chính trị" vào thời đó có nghĩa là gì? Phải chăng là việc "liên minh các đảng phái"? Chúng ta nghĩ là không.

Hạn từ "chính trị" vào thời đó cũng bao gồm một thái độ đối với "vấn đề xã hội": đó là ủng hộ hay chống đối thị trường giá cả tự do, việc can thiệp của Nhà Nước trong các vấn đề việc làm, đình công, các tổ chức thợ thuyền xã hội chủ nghĩa, các hợp tác xã theo kiểu của ông Owen đặc biệt chăm lo cho giới thợ…, các nghiệp đoàn, chế độ luật pháp có tính cách xã hội mà Đức Cha Ketteler của Nước Đức yêu cầu, v.v….

"Đặt sang một bên mọi thứ chính trị", cũng là đừng để cho mình bị lôi kéo vào trong nội bộ của những cuộc tranh cãi xã hội (mà ngay vào thời điểm của Don Bosco cũng đã tạo thành một phần đáng kể của chương trình hành động của các đảng phái chính trị). Khi người ta hỏi Don Bosco rằng ngài nghĩ gì về ông Mazzini, thì dĩ nhiên ngài không thể chối rằng ngài không biết gì về người thuộc đảng cộng hòa không dễ chịu này, giữ vai thủ lãnh của "các Tổ hợp thợ thuyền Ý" và là thành viên của Đệ Nhất Quốc tế Cộng Sản do Marx sáng lập vào năm 1864. "Chính trị" chính là cái của ông Solaro della Margarita và của ông thủ tướng Cavour, nhưng cũng là cái của các nhà cách mạng xã hội chủ nghĩa, của nhà xã hội chủ nghĩa theo đường lối Mazzini, tức là ông Pisacane người đã cập bến miền Nam nước Ý (1857) để "thức tỉnh những đám dân bị áp bức hãy vùng

đứng dậy". Cách hành xử cụ thể của Don Bosco chính là "đừng để mình dây dưa vào các cuộc tranh cãi này". Thái độ đó ngài cũng áp đặt lên các người Salêdiêng của ngài.

Nhưng chúng tôi cũng thấy hình như Don Bosco không phải là không "đặt ra cho mình vấn đề về các giai cấp xã hội đang chuyển mình". Ngài không nêu nó ra ngay lập tức, cũng không nêu nó lên "dưới hình thức khoa học", nhưng những lời ngài nói với Đức Cha Bonomelli và được nhắc lại cả ngàn lần cho Các Salêdiêng làm chứng rằng ngài đã hiểu và đã giải quyết một vấn đề cụ thể. Có lẽ người ta sẽ còn thảo luận bao lâu người ta muốn về cách thức mà ngài đã đảm nhận lấy, nhưng chính ngài đã hiểu nó và đã giải quyết nó. Dấn mình vào cuộc tranh cãi chính trị có nghĩa là đứng về phía 'một ai đó" và do sự việc này, mình đã "chống lại một ai khác". Tự liệt mình vào số "các linh mục xã hội" có nghĩa là ngay lập tức cắt đứt mình khỏi nại tới sự giúp đỡ của giới nhà giàu và của những người có của. Còn Don Bosco thì ngài luôn cần đến các sự trợ giúp này ngay lập tức, từ khắp mọi phía, bởi vì các trẻ em ngài không muốn để cho chúng phải sống lang thang ngoài phố xá.

Với những sự trợ giúp này, ngài làm việc thiện, rất nhiều việc thiện, cách thực sự, cho những người nghèo.

Ngài nhận lấy phương hướng hành động đơn giản, cơ bản, để cho các người giàu có và các người sống dễ chịu buộc phải suy nghĩ mà giúp đỡ ngài: "Những người nghèo khổ đang có nguy cơ bị lôi cuốn vào cuộc cách mạng, bởi vì sự nghèo khó quả là không thể nào chịu nổi nữa. Tình trạng đó thật bất xứng đối với dân Kitô hữu. Những người giàu có phải đem của cải của mình phục vụ những người nghèo. Những người nghèo bị đẩy vào hoàn cảnh khốn cùng đang đòi hỏi các người giàu có phải biết chia sẻ 'bằng cách đưa con dao lên cổ người giàu'. Họ đang tạo ra 'cuộc cách mạng' làm đảo lộn tất cả và gây ra bạo lực giống như 'cảnh khủng khiếp do nhóm Giacobin'. Tất cả chuyện này sẽ là hậu quả của

sự vô cảm của những người giàu không muốn đứng ra giúp đỡ những người nghèo khổ thoát ra khỏi cảnh cùng khốn của họ".

Nếu chúng ta muốn qui về một dụ ngôn tin mừng, thì ta phải nhìn nhận Don Bosco chính là người Samaritanô nhân hậu, người đã khám phá ra kẻ bị thương, nạn nhân của những kẻ ác, rồi lôi anh ta ra khỏi hố, đưa anh ta tới quán trọ, nhờ chăm sóc cho anh ta với tiền phí tổn ông ta sẽ gánh chịu. Người ấy không thể nào là một nhà chính trị chỉ chạy đi để tổ chức một kế hoạch lập luật để thủ tiêu nạn cướp bóc mà thôi.

Với năm tháng qua đi, Don Bosco hiểu rằng hành động từ thiện cũng có những giới hạn rõ ràng của nó. Ngài cũng biết rằng ngài không phải là con người duy nhất trong Hội Thánh và ngài đã tuyên bố nhiều lần cho các người Salêdiêng rằng: "Chắc chắn là trong thế giới, cần phải có những người chú tâm tới những chuyện chính trị, để cố vấn, phát hiện ra những mối nguy hiểm và làm những chuyện khác nữa; nhưng nhiệm vụ này không phải cho chúng ta là những người nghèo!" (*M. B.* Cuốn 16, tr. 291). "Trong Hội Thánh, không thiếu những người biết giải quyết một cách thích đáng những vấn đề khó khăn và cam go này; trong một đạo quân tất có những người phải đứng ra chiến đấu và những người mang hành lý, và người đáp ứng các nhiệm vụ cần thiết khác, để đồng hoạt động cho cuộc chiến thắng" (*M.B.* Cuốn 3, tr. 487). Don Bosco chọn ưu tiên công việc giải quyết cái khẩn trương trước mắt và không để cho mình bị lôi kéo vào trong các cuộc tranh cãi chính trị để có thể nhận được sự giúp đỡ từ mọi phía: đó là chuyện có thể bị đem ra bàn cãi. Nhưng ngược lại, những kết quả của sự ưu tiên này không thể nào chối bỏ được: Việc phục vụ cho những bạn trẻ nghèo khổ chính là một phép lạ đích thực, được những người có những ý nghĩ khác nhau đều công nhận, kể cả bởi những ai có những ý tưởng khác đi nữa, kể cả những người (xuất thân từ các viện từ thiện) đang phấn đấu cho những người nghèo với các kế hoạch khác nhau.

Chỉ xin đan cử hai ví dụ. Ông Sandro Pertini, một cựu học sinh của trường Varazze, một người vô thần theo Xã hội Chủ nghĩa, sau này trở thành Tổng Thống của Nước Cộng Hòa Ý, đã viết cho giáo sư của ông là cha Rorella: "Ngày hôm nay con hiểu ra rằng tình thương yêu vô giới hạn mà con đã cảm nghiệm được đối với những người bị áp bức, những người bất hạnh, đã bắt đầu sinh ra nơi con khi con sống bên các cha. Cuộc sống đáng kính phục của vị thánh của quí cha đã dẫn đưa con vào trong thứ tình yêu thương này". Sử gia Martina quả quyết rằng các người Salêdiêng thuộc thế hệ thứ nhất khi họ đi đến một số tỉnh nhỏ nào của vùng Romagno nơi các người cộng sản và các người bài giáo sĩ sinh sống, tưởng chừng như họ sẽ chắc chắn mất thế của mình. Nhưng ngược lại họ đã chiến đầu bằng các trẻ con Nguyện Xá của họ, với ban kèn đồng, và sau một ít thời gian họ đã trở thành bạn hữu của mọi người. Người ta đã nói rằng: "Họ không phải là những linh mục giống như các linh mục khác".

Và nếu sự chọn lựa của ngài đã khác đi thì sao?

Một chuyện chắc chắn sẽ là: nếu Don Bosco đã chọn dấn mình vào cuộc tranh cãi xã hội, thì ngài sẽ chỉ mở được ít trường học và xưởng dạy nghề hơn. Và có thể hôm nay sự chọn lựa của ngài có thể bị đặt thành dấu hỏi. Ngài đã khẳng định điều đó vào ngày 24 tháng Sáu năm 1883: "Chúng ta dấn mình vào chính trị thì được ích lợi gì? Với tất cả sức lực của chúng ta, chúng ta có thể đoạt được gì? Hẳn là chẳng được gì cả ngoài việc khiến chúng ta không có thể theo đuổi nổi công cuộc bác ái của chúng ta" (*M. B.,* Cuốn 16, tr. 291).

Trong khi tóm lược theo một lược đồ sơ đẳng nhất, chính hoàn cảnh sống, chúng ta có thể "trên lý thuyết" phác họa ra một vấn đề nan giải được đặt ra cho Don Bosco như sau:

Hoặc đấu tranh chống lại *những hiệu quả của những sự bất công xã hội* (như giúp đỡ các trẻ em nghèo trong khi xin và nhận các trợ giúp của bất cứ ai) để xây

dựng nhà trường và các xưởng thợ).

Hoặc đấu tranh chống lại *những nguyên nhân của các bất công xã hội* (sáng tạo ra các hình thức tố giác công cộng, qua các tổ chức nghiệp đoàn các người thợ trẻ, từ chối sự cộng tác và sự từ thiện của những người nằm ở trong một hệ thống chính trị - kinh tế dựa trên sự bóc lột), với viễn cảnh là các nguồn từ thiện của mình sẽ bị cạn kiệt, và phải từ bỏ các trẻ nghèo mặc cho số phận của chúng.

Trong trường hợp thứ nhất, chúng ta sẽ có thể giựt giới trẻ ra khỏi những nguy hiểm trực tiếp, nhưng sẽ liều để cho mình "bị giật dây" bởi một hệ thống tại chỗ, tức là giáo huấn một lớp những người thợ trẻ sống vâng phục và dễ bảo, khiến cho chúng rốt cuộc sẽ không bao giờ phá rối những người quyền thế.

Trong trường hợp thứ hai, người ta tạo nên được một sự thay đổi về "hệ thống xã hội", nhưng liền gặp nguy cơ là không còn có thể đáp ứng cho các khó khăn trực tiếp đang đè bẹp giới trẻ.

Không chỉ riêng với Don Bosco, mà còn đối với rất nhiều các nhân vật trong Hội Thánh thời đại đó, sự chọn lựa thật là một bi kịch; dù mình có chấp nhận giải pháp nào đi nữa, mình vẫn không thể làm được *tất cả mọi sự* như mình mong muốn.

Trong mức khẩn trương của thời buổi, Don Bosco đã chọn con đường thứ nhất. Khi ngài nhận ra những giới hạn của sự chọn lựa này, ngài cảm thấy được nâng đỡ bởi toàn bộ hành động của Hội Thánh (nay gọi là Công giáo Tiến hành). Ngài nói: "Chúng ta hãy để cho các dòng tu khác cứng cáp hơn chúng ta đề ra những lập trường và hành động chính trị. Còn chúng ta, chúng ta đi thẳng tới những người nghèo".

Để kết luận:

Xem ra chúng ta có thể khẳng định rằng nếu trong Hội Thánh, những đặc sủng thì nhiều, tức là những ân huệ mà một số người nhận lãnh được vì lợi ích của

cộng đoàn, thì Don Bosco xem ra đã nhận được đặc sủng là biết can thiệp vào những nhu cầu khẩn thiết để cứu giúp giới trẻ nghèo. Đặc sủng tuy có khác, nhưng không đối chọi lại với các đặc sủng được diễn tả nơi Đức cha Ketteler (1811-1877), của Toniolo (1845-1918), của Don Sturzo (1871-1959). Do vậy, vị linh mục thành Torino có thể xếp ngang hàng với những vị trên. Bốn đặc sủng khác nhau trong lãnh vực của Hội Thánh, đã được sống với sự lương thiện và trong sáng và vì lý do đó, rất phong phú các hoa trái chân chính cho dân Thiên Chúa.

Chương 27: 1849. NĂM GAI GÓC MÀ PHONG PHÚ

Năm 1849 đã rất là gai góc, phong phú, Don Bosco viết, nó đã bắt chúng tôi phải chịu nhiều cực nhọc khốn đốn và nhiều hy sinh lớn lao.

Mọi sự bắt đầu xảy đến với ngài bằng một tin buồn của gia đình. Ngày 18 tháng 1, ông anh Antôn của ngài thình lình qua đời, hưởng dương mới bốn mươi mốt tuổi. Trong thời gian cuối đời, ông thường hay đến nguyện xá để gặp mẹ Margarita và em trai của mình. Họ trò chuyện với nhau về những vụ thu hoạch thất bát và thuế khá nặng nề của chính phủ áp đặt lên nông dân nhằm tài trợ cho cuộc chiến. Ông cũng nói cho họ hay về bảy người con mà Thiên Chúa đã ban cho ông. Đứa con áp út, em Nicolas đã về trời sau khi chào đời được mấy tiếng đồng hồ, nhưng những đứa khác thì xem ra vẫn lớn lên bình thường.

Những năm tháng, cuộc sống, đã làm hai anh em xích lại gần nhau. Thời gian mà họ từng cảm thấy lạnh nhạt đối với nhau dường như đã lùi quá sâu vào quá khứ.

Ngày 1 tháng 2, Vua Carlo Alberto khai mạc cuộc họp Hạ viện mới được bầu trong cuộc tuyển cử mới đây. Đa số áp đảo của cánh tả lắng nghe nhà vua bằng một sự im lặng thù nghịch. Trên các đường phố đám đông tiếp tục la hét: “Hoan hô chiến tranh! Đả đảo các linh mục! Nền cộng hòa muôn năm!”. Trên các nhật báo, những tranh biếm họa thô lỗ về Đức Piô IX “kẻ phản bội nước Ý”. Trên tờ báo ngày 1l Fischietto (tiếng huýt sáo nhỏ) Don Bosco bị châm biếm với một sự

khôi hài độc địa. Người ta gọi ngài là ông thánh, là "nhà người làm phép lạ của khu Valdocco".

Các băng nhóm côn đồ lại tái diễn những màn tấn công bằng những trận mưa đá quăng vào nhà Pinardi (mà Don Bosco đã thuê bao toàn bộ).

Khi cần ra ngoài, Don Bosco cùng đi với anh Brosio; và người "cảnh sát viên" tháp tùng cha đó kể lại: "Lúc chúng tôi đang đi trên đại lộ gọi là Corso Regina Margherita, một bọn du đãng nhóc con vẫn thường lăng mạ Don Bosco đều đều, đã rống lên những câu chửi rủa thô bỉ hoặc hát vang những điệp khúc tục tĩu. Một hôm, tôi đã tính tát tai chúng nhưng Don Bosco đã dừng bước và đã xích được lại gần vài đứa trong bọn, đã mua trái cây của một bà bán hàng có sạp cách đó không xa và đã đem biếu không cho "những người bạn" của mình, theo cách ngài gọi chúng như vậy.

Tờ báo "Bạn của Giới Trẻ", một thất bại!

Don Bosco lo lắng về những sự dữ gieo rắc ngay cả nơi giới trẻ bởi các tờ báo chống giáo sĩ. Những tờ báo này bán trên các đường phố, và dán cả lên tường. Các báo Công giáo thì ít ỏi, và thiếu tính cách bạo dạn chinh phục được dân chúng.

Dù có rất nhiều công việc và lo lắng, Don Bosco vào năm đó kiêm thêm công việc sáng lập, phổ biến và điều hành một tờ báo. Tên gọi là *"Người Bạn của Giới trẻ".* Báo được xuất bản ba lần trong một tuần. Ngài chuẩn bị bài vở cho tờ báo với sự cộng tác của cha Carprano và cha Chiaves. Ngài in báo tại xưởng in *Speirani-Ferrero.*

Đó là một thất bại nho nhỏ. Tam nguyệt đầu tiên có 137 số báo in. Trong tam nguyệt thứ hai có 116 số báo. Báo xuất bản cả thẩy 61 số.

Don Bosco đã trả cho nhà in 272 lire số tiền âm. Nhưng cha không bao giờ tiếc xót. Cha đã cố gắng thực hiện điều thiện. Đây là lần đầu tiên cha đã dụng độ

phải "sự vô ý thức yên lành" của những người tốt. Sách báo Công giáo bên Ý đã lùi lại phía đằng sau như một sợi dây xích nặng nề tới hơn 100 năm.

Lại chiến tranh

Trong khi đó, Torino lại hít thở không khí chiến tranh một lần nữa.

Ngày 20 tháng Hai. Thủ tướng Giorberti từ chức. Thay thế ông để đứng đầu chính phủ là bộ trưởng chiến tranh Chiodo. Phe dân chủ cánh hữu làm chủ tình hình, thúc đẩy việc tái tiếp tục chiến tranh. Ngày 2 tháng Ba, Hạ viện trình lời tâu lên Đức Vua:

- Các nghị sĩ của dân chúng khuyến cáo đức vua phế bỏ cuộc đình chiến và tuyên bố chiến tranh. Chúng thần tin tưởng vào vũ khí của Đức vua.

Ngày 12 tháng 3, thỏa ước đình chiến đã bị bãi bỏ: chiến tránh sẽ tái diễn sau tám ngày, 75.000 người ra biên giới. Nhà vua lên đường đi Alexandria. Nhưng lần này, niềm hưng phấn vắng bóng trong đám binh sĩ. Lữ Đoàn Savoia từ chối bước đi. Có những kẻ đào ngũ, một số đã bị xử bắn.

Tại Lombardia, Tướng Áo Radetzki hô vang trước binh sĩ câu khẩu hiệu mới: "Hãy tiến về Torino".

Ngày 23 tháng 3, trận đánh Novarre nổ ra trên một trận tuyến trải dài suốt bốn cây số. Miền La Biocca, trọng điểm của những trận giáp la cà, đã nhiều phen bị mất rồi lại được tái chiếm. Những thiên anh hùng ca đích thực. Đại tướng Passalacqua tử thương trong một cuộc phản công bằng lưỡi lê. Đại tướng Perrone, cựu thủ tướng, trúng thương nặng, đã được khiêng bằng tay tới trước Đức Vua để bái kiến. Chiều tối, mọi sự đều kết thúc. Pháo binh của Radetzky mạnh hơn nhiều, Đại tướng Durando sẽ kể lại là mình đã nhiều lần phải nắm tay vua Carlo Alberto mà lôi để kéo nhà vua ra khỏi cuộc hỗn chiến.

Cả trận đánh lẫn chiến tranh đều thảm bại. Trong đêm tối, cảnh hỗn loạn diễn ra rộng khắp, từ Novarre đến Olaggio, ở Moma ngổn ngang những toa xe

chất đầy các vật liệu bị bỏ lại. Binh lính rã ngũ thất thểu lê bước trên mọi ngả đường, không có võ trang, không người chỉ huy. Họ gào la:

- Về nhà thôi! Mặc cho Piô IX trả giá, mặc cho bọn nhà giàu trả giá, mặc cho những kẻ ham thích chiến tranh cứ việc trả giá, chúng ta về nhà mình đây.

Lúc một giờ sáng, Carlo Alberto thoái vị. Với một áo choàng lữ hành vắt ngang vai, ông rời Novarre trên một cỗ xe ngựa bốn bánh và lên đường đi đày, băng ngang cảnh hỗn loạn rộng khắp.

Chàng trai Vittorio Emmanuel, thẫn thờ như kẻ mất hồn, râu ria lởm chởm, hai mắt thâm quầng vì mỏi mệt, gặp vị thống tướng người Áo trong sân một nông trại. Chàng xin người ta đừng áp đặt cho mình những điều kiện không sao chấp nhận được, bằng không thì chính chàng cũng sẽ ra đi và bỏ mặc xứ Piemont rơi vào tay quân cách mạng. Khi chàng bỏ đi, một ông lính già người Áo (82 tuổi) đã nói nhỏ với tướng Hess:

- Tội nghiệp thằng bé!

Những tàn tích cuối cùng của tự do

Nhưng đáng tội nghiệp hơn cả, trong tình huống ấy, chính là đất nước. Ở Torino, tình hình rất căng. Khi người ta được biết là quân Áo đang đòi 200 triệu đồng bồi thường chiến tranh và đang chiếm đóng Alexandria, sự phản kháng "dân chủ" trào dâng như nước vỡ bờ. Người ta công khai nói đến nền cộng hòa. Người ta kịch liệt đòi phải lâm chiến trở lại. Genova nổi loạn.

Sau đám cháy lớn của vụ 1848, còn lại rất ít than hồng. Những chiến binh từng sát cánh bên nhau trên các chốt phòng thủ mùa xuân, hầu hết đều đã bị đánh bại. Các nhà ái quốc từng đòi hỏi nền độc lập đều đã bị pháo binh Áo bắt phải câm họng. Thợ thuyền đã lại tiếp tục ngày gian khổ mười hai tiếng đồng hồ. Các hiến pháp của chủ nghĩa tự do đã được rút ngắn lại ở khắp nơi. Chỉ có ở Piemonte thì bộ Pháp chế [Hiến pháp] là còn được duy trì.

Tuy vậy, các mảnh nhỏ ấy của tự do cho thấy là cực kỳ quan trọng: chung quanh Piemonte sẽ qui tụ nước Ý. Cả đến những hạt giống khác của tự do và bình đẳng, dường như đã bị phân tán trong các vùng đất màu mỡ của sự đàn áp, cũng sẽ nảy mầm theo tiến bộ chậm chạp của năm tháng dần trôi.

Sự thất bại của "các linh mục yêu nước"

Tại Novara cũng đồng lúc đánh dấu sự thất bại của "các linh mục yêu nước" Piemonte với xác tín là mình "đi theo dân tộc", cha Cocchi đã dẫn một đoàn đông đảo các bạn trẻ của Nguyện Xá Vanchiglires tham dự vào cuộc chiến chinh tại Novara. Khi họ ở Vercelli, 200 bạn trẻ đã không được vị chỉ huy sư đoàn nhìn nhận như là những binh lính. Chúng không biết tìm đâu ra lương thực và chỗ qua đêm. Sau cuộc thảm bại của binh lính Piemonte, họ trở về Torino, vào thành phố lúc ban đêm, nửa sống nửa chết vì mệt nhọc. Đó là sự tàn bại dành cho công cuộc của vị linh mục năng động xứ Druent.

Nguyện Xá Vanchiglires phải đóng cửa trong vài tháng. Cha Cocchi sống ẩn dật. Ngài lại xuất hiện trở lại vào tháng Mười, cùng với hai linh mục khác ngài đề xuất kế hoạch một nhà nội trú cho các "bạn trẻ thợ". Thế là ngài đã ngầm nhìn nhận đường lối "phi chính trị" của Don Bosco là đường lối đúng đắn.

33 lire dâng kính Đức Thánh Cha

Hằng chục ngàn di dân vào những tháng đó, đã đến để làm cho dân số Torino thêm đông nghẹt. Cuộc sống trở nên khó khăn. Giá thuê nhà cao ngất, lương bổng lại khá thấp. Một di dân Pháp, theo phe xã hội, tên là Coeurderoy, nói đến cảnh khốn khổ hết sức nghiêm trọng tại các khu dân cư. Thiếu một nền kỹ nghệ năng động. Tiền bạc đang lưu hành thì bị săn lùng bởi các thứ thuế má hết sức nặng nề. Thợ thuyền tiếp tục rất dồi dào trên các chợ búa, nhưng nếu những nhà

cửa mới liên tục được xây dựng đầy dẫy, thì người ta cũng đã thuê chúng ngay cả trước khi chúng được hoàn tất.

Trong khi đó Đức Piô IX vẫn còn sống lưu đày tại Gaeta. Hầu tước Gustavo Cavour và kinh sĩ Valinotti đưa ra một kế hoạch quyên góp tại Torino với danh nghĩa "Quà quyên góp dâng cho thánh Phêrô". Ngay cả các trẻ em Nguyện Xá cũng tham dự. Gom góp hết các đồng xu của các em lại, vào cuối tháng Ba, các em đã trao cho Ủy Ban Quyên góp 33 lire, cùng với một lá thứ chúc mừng Đức Thánh Cha.

Ngày 2 tháng Sáu vị Khâm sứ Tòa Thánh gửi tới Don Bosco một lá thư: "Một niềm cảm động dịu dàng đã khởi sắc nơi tâm hồn Đức Thánh Cha trước của dâng trìu mến và chân thành của các trẻ em thợ nghèo cùng những lời mộ mến của các em đi kèm theo. Vậy tôi xin cha cho các em hay Đức Thánh Cha rất hài lòng trước món qùa dâng này. Nó vô cùng quí báu vì nó đã được dâng cho ngài từ các trẻ em nghèo".

Đức Thánh Cha trao đổi lại với các em một món quà là một chùm 720 vòng triều thiên tràng hạt mân côi sẽ đến Torino vào ngày 21 tháng Tư 1850.

"Hai quả tim nhỏ để tạ ơn"

Ngày 24 tháng 6, lễ Thánh Gioan Baotixita, đây là ngày lễ của Don Bosco. Carlo Gastini và Felice Reviglio, bất chấp thời buổi khó khăn, quyết định biếu một món quà nhỏ cho Don Bosco. Suốt mấy tháng nay họ đã bí mật thỏa hiệp với nhau. Họ đã nhịn ăn bánh để dành dụm những đồng xu hiếm hoi, những khoản tiền thưởng nho nhỏ các em đã nhận được. Nhưng mua gì đây với những giá cắt cổ của các mặt hàng mà người ta được thấy trong các tủ kính? Cuối cùng, họ quyết định: hai quả tim nhỏ bằng bạc, loại mà thiên hạ vẫn quen mua để dâng kính Đức Mẹ, nhằm tạ ơn sau khi đã nhận được một ơn lành nhờ chuyển cầu của Mẹ. Một sự lựa chọn kỳ lạ nhưng mới dễ thương và cảm động biết bao!

Bốn đứa trẻ và một khăn mùi xoa trắng

Gastini và Reviglio là hai đứa trẻ mà Don Bosco để ý quan sát. Năm 1848, họ đã dự cuộc tĩnh tâm với mười một đứa khác. Năm nay, họ lại tĩnh tâm lần nữa với sáu mươi chín bạn bè, chia làm hai đội.

Ý niệm cố định của Don Bosco vẫn luôn luôn là "nghiên cứu, biết chọn ra vài đối tượng" có nhiều hy vọng thành đạt ơn kêu gọi làm linh mục.

Cuối cuộc tĩnh tâm, ngài gọi Giuse Buzzetti, Giacomo Bellires, Carlo Gastini và Felici Reviglio, ngài bảo chúng:

- Cần có người tiếp tay với cha ở nguyện xá.

- Tiếp tay, bằng cách nào?

- Trước hết, tiếp tục học trở lại. Những khóa cấp tốc có cả môn La văn. Sau đó, nếu Chúa muốn, các con sẽ có thể trở nên linh mục.

Bộ bốn nhìn vào mắt nhau, chúng đều đồng ý.

Don Bosco chỉ ra một điều kiện duy nhất. Ngài rút ra một cái khăn mùi xoa trắng và vo nó trong hai tay của mình.

- Cha xin các con hãy ở trong tay cha như chiếc khăn mùi xoa này: vâng lời trong mọi sự.

Trong bộ bốn ấy, chỉ có mỗi mình Bellires là đã theo học toàn bộ các lớp sơ cấp. Don Bosco, tháng tám, giao phó cậu ta vào tay nhà thần học Chiaves để cha ấy kèm cặp gắt gao cậu ta về môn La văn. Tháng chín, ngài đem cậu ta về Becchi, tại nhà của Giuse, và cậu ta bắt đầu vùi đầu vào các bài học La văn.

Họ quay về Torino vào tháng mười, vừa kịp để tham gia vào đám tang trọng thể mà cả kinh thành tổ chức cho Carlo Alberto, qua đời tại Porto.

Đại đội ở Borgo Vanchiglires

Cũng trong tháng mười ấy, được sự đồng ý của Don Cocchi và với sự đồng tình ủng hộ của Đức Tổng Giám mục, Don Bosco lại mở lại nguyện xá Thiên thần bản mệnh ở Borgo Vanchiglires. Hai kho chứa đồ làm vườn, hai buồng ngủ, một phòng lớn hơn được cải tiến thành nhà nguyện: 900 lires tiền thuê mỗi năm. Chính Don Carpano, là người sẽ điều hành nó và sẽ nhượng lại cho Don Ponte nguyện xá Thánh Lu-y.

Ở Borgo Vanchiglires vẫn tiếp tục những trận đánh tàn bạo giữa các băng nhóm. Để tiếp tay với Don Carpano, Don Bosco đã cử cảnh sát viên Brosio tới, và cả ở đây nữa, ông này cũng đã thành lập một đại đội hiếu chiến, chơi rất hăng mà đánh cũng thật đúng đối tượng, đúng lúc.

"Một ngày Chúa nhật nọ, Brosio thuật lại, xuất hiện bốn chục tên côn đồ, võ trang bằng đá, gậy và dao tính xâm nhập vào nguyện xá. Cha giám đốc sợ đến nỗi run lên như cầy sấy. Phần tôi, chẳng rõ là bọn chúng thật sự kiên quyết tấn công, tôi liền đóng cửa lại, triệu tập mấy em lớn nhất và phát cho các em những cây súng gỗ. Tôi chia các thanh thiếu niên thành những phân đội, với huấn lệnh là nếu các em bị tấn công, khi nào tôi ra hiệu thì các em sẽ nhất loạt phản công ở mọi nơi và đồng bộ, và hãy đập đánh không nương tay".

Sau khi thu gom những đứa nhỏ nhất đang khóc tỉ tê vì sợ, tôi giấu chúng vào bên trong nhà thờ, còn mình thì đứng ngay cửa ra vào, lúc ấy đang bị bọn tấn công ra sức xô cho sập bằng cách dùng hết sức để đập phá dữ dội. Trong lúc ấy, có người đã đi báo cho các quan nhân thuộc kỵ binh đã xộc tới với những thanh gươm tuốt trần.

Lần đó mọi chuyện trôi êm thắm!

Một bao đầy lá khô

Ngày 8 tháng 12, đã đến tạm trú tại nhà Don Bosco linh mục Giacomelli, bạn cố tri của ngài hồi ở chủng biện Chieri. Cha này sẽ lưu lại Valdocco hai năm. Với sự

giúp đỡ của cha ấy và của chủng sinh Ascanio Saviô, có thể gia tăng sĩ số các trẻ em thường trú, những em "nội trú", lên tới con số ba chục em.

Chúng sẽ là 36 và năm 1852, 76 năm 1853, 115 vào năm 1854. Trong năm 1860 chúng sẽ là 470 và 600 vào năm 1861. Mức cao nhất sẽ đạt được là 800 em.

Nếp sống của bọn trẻ vẫn tiếp tục cực kỳ nghèo túng. Mùa đông, ai nấy đều lạnh cóng bên trong nhà thờ cũng như ở mọi nơi khác, ngoại trừ trong bếp và trong một căn phòng có một lò sưởi đốt bằng củi. Nệm nhồi len hoặc lông bờm ngựa là một xa xỉ phẩm đối với một số em. Đa phần ngủ trên những bao nhét đầy lá khô hoặc rơm. Những đồng xu hiếm hoi của cộng thể, Don Bosco đem giao cả cho Giuse Buzzetti, khiến đứa trẻ mười bảy tuổi vào năm 1849 ấy lấy làm ngạc nhiên vì được tín nhiệm tới mức đó.

Chúa nhật, bọn trẻ "nội trú" ấy tham gia trọn vẹn vào sinh hoạt của 500 trẻ em chiếm đóng nguyện xá, vào các trò chơi, các cuộc dạo chơi.

Ngày 20 tháng Mười Một, Vua Vittorio Emmanuel, với lời tuyên bố tại thành phố Moncalieri, đã một lần nữa giải tán Hạ viện và kêu gọi 90,000 cử tri tham gia cuộc bầu cử mới. Với những lời nghiêm khắc, ông đã quở trách "Phe Dân Chủ Cánh tả" đã làm cho tổ quốc bị tàn phá, và mời gọi các cử tri đưa vào Hạ viện những con người ôn hòa hơn.

Cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 9 tháng Mười Hai, vào buổi đầu của một mùa đông đầy đe dọa lạnh giá và hoang tàn. Các nghị viên mới im lìm chấp thuận hòa ước. "Đây không phải là một nền hòa bình – như lời ông Cognasso viết - đây là một cuộc ngừng chiến trong 10 năm. Mười năm phải trôi qua trong lao động âm thầm".

Bốn xu cháo bột ngô

Trong quí chót của năm 1849, đang khi mà – theo lời các sử gia – rất đông đảo người chung quanh Torino, lâm cảnh đói khổ, thì lịch sử của Don Bosco đã ghi

nhận một số biến cố thần bí. Chúng ta có thể gọi là (nếu từ ngữ không có tính quá lố) "những phép lạ mà một linh mục được làm cho những con người tầm thường".

Bersagliere Giuseppe Brosio thuật lại phép lạ thứ nhất trong một thư viết cho Don Bonetti:

"Một hôm, tôi đang ở nhà Don Bosco, một người đàn ông đến ra mắt ngài để xin của bố thí. Ông ta kể lại là mình có năm con, mà bọn chúng đã nhịn đói suốt một ngày rồi. Don Bosco lục lọi khắp các túi, ngài chỉ kiếm được 4 xu (khoảng 1/5 của 1 lires) và ngài trao cả cho ông ta cùng với phép lành của ngài".

Khi chúng tôi chỉ còn lại một mình, Don Bosco bảo tôi rằng ngài lấy làm tiếc đã không có nhiều tiền hơn: giả như ngài có một trăm lires, ngài cũng đã tặng hết cho ông ta rồi.

Tôi thưa với ngài:

- Làm sao mà cha biết được là ông ta có nói thật hay không? Lỡ ra đó là một tên lường gạt thì sao?

- Không, ông ta rất chân thành và trung thực. Thậm chí tôi còn dám nói thêm rằng ông ta rất chăm làm và rất gắn bó với gia đình mình.

- Làm sao mà cha biết được chuyện ấy?

- Tôi đã đọc thấy trong tim ông ta.

- Chèng đéc ơi! Nếu vậy thì cha cũng thấy rõ mọi tội lỗi của tôi nữa sao?

- Phải, tôi ngửi thấy mùi của những tội ấy, ngài vừa cười vừa đáp.

Và tôi phải nói ngay rằng ngài thật sự đọc được trong tim tôi. Nếu như tôi có quên sót điều gì đó trong lúc xưng tội, ngài liền phơi bày trước mặt tôi toàn bộ vụ việc, dù tôi ở cách xa nhà ngài tới mười cây số. Có hôm tôi đã làm được một nghĩa cử của lòng quảng đại, đòi hỏi tôi phải hy sinh rất nhiều, mà không ai hay biết gì cả. Tôi đến nguyện xá. Ngay khi vừa gặp tôi, Don Bosco đã cầm tay tôi và nói:

- Phần thưởng mà ông bạn đã chuẩn bị cho mình trên Thiên Đàng mới đẹp đẽ biết bao.

- Tôi đã làm gì chứ?

Tôi hỏi ngài và ngài liền ôn lại cho tôi từng điểm một những gì đã xảy ra. Ít lâu sau, tôi tình cờ gặp lại người đàn ông đã được ngài cho bốn xu. Ông ta đã nhận ra tôi, kêu tôi dừng lại và cho tôi biết là với bốn xu ấy ông ta đã đi mua bột ngô để nấu cháo, ông ta và cả gia đình đã được ăn uống no nê, ông ta còn nói.

"Trong gia đình, chúng tôi gọi ngài là vị linh mục của phép lạ cháo bột ngô, bởi lẽ với bốn xu người ta chỉ mua đủ bột cho chưa đầy hai người ăn, vậy mà chúng tôi có cả thảy bảy người ăn no nê mà còn thừa nữa".

"Tôi đã gọi đích danh anh ta: Carlo!"

Phép lạ thứ hai, chính là hầu tước Maria Faistre, là người thuật lại bằng thư, viết bằng tiếng pháp. Bà viết: "Tôi đã nghe bài tường thuật này từ miệng của chính Don Bosco và tôi đã cố ghi lại một cách hết sức trung thực".

Một hôm người ta đã đến kiếm Don Bosco để lo cho một thanh niên trước kia vẫn thường xuyên lui tới nguyện xá và người ta cho biết là chàng ta đang ngã bệnh nặng. Don Bosco lúc ấy đi vắng và mãi hôm sau mới trở về Torino. Ngài đã chỉ có thể tới nhà người bệnh vào khoảng bốn giờ chiều hôm sau. Khi đến nhà người ấy, ngài đã thấy những tấm thảm màu đen treo trên cửa ra vào với tên tuổi của thanh niên mà ngài muốn đến gặp. Tuy vậy, ngài vẫn vào nhà để nhìn mặt anh ta lần chót cũng như để an ủi song thân của anh ta. Ngài gặp họ đang đầm đìa nước mắt và họ kể lại cho ngài nghe là con trai họ đã tắt thở từ hồi sáng. Don Bosco hỏi xem ngài có thể lên phòng đặt linh cữu để nhìn mặt người quá cố lần cuối chăng. Một gia nhân liền dẫn ngài lên đó.

"Khi bước vào phòng, Don Bosco nói, tôi chợt nảy ra ý nghĩ là anh ta chưa chết, tôi lại gần giường và gọi đích danh anh ta:

- Carlo!

Anh ta liền mở mắt và chào tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Ồ, Don Bosco!, anh ta reo lên, Cha vừa đánh thức con khỏi một giấc mơ rất là khủng khiếp!.

Lúc ấy, nhiều người nãy giờ cũng có mặt trong phòng đã bỏ chạy, cực kỳ hoảng hốt, miệng thét vang, xô đổ cả đèn, nến, còn Don Bosco thì vội vàng xé rách tấm vải liệm bọc kín chàng trai vẫn đang tiếp tục nói như vậy.

- Con thấy dường như người ta đang đẩy con vào một hang động sâu thẳm và tối om, anh ta nói, và hẹp tới mức con gần như không sao thở nổi, ở cuối hang động ấy con thấy như có một khoảng trống rộng lớn hơn và sáng sủa hơn, nơi đấy rất nhiều linh hồn đang bị phán xét và nỗi thấp thỏm kinh hoàng của con tiếp tục tăng thêm vì con thấy một số đông trong bọn họ đã bị kết án, cuối cùng đã tới phiên con và con sắp sửa phải chịu chung số phận khủng khiếp của họ vì đã xưng tội lần chót không nên, thì đúng lúc ấy cha đã đánh thức con dậy!

Lúc này cha và mẹ của Carlo đã chạy tới và được tin là con mình còn sống. Chàng trai chào họ một cách thân thiện nhưng bảo họ đừng trông mong gì chuyện mình được hết bệnh. Sau khi đã ôm hôn họ, chàng xin được ở lại với Don Bosco, là người được kể cho nghe mình đã vô phúc phạm phải một tội mà anh tin là rất nặng, và thấy mình không được khỏe, anh đã cho người đi mời Don Bosco với quyết tâm sẽ xưng thú tội lỗi, nhưng vì không gặp được ngài nên người ta đã đưa về một linh mục khác mà anh ta không quen biết do đó anh ta đã không dám xưng tội kia ra. Chúa vừa tỏ ra cho anh ta thấy là anh ta đáng sa hỏa ngục vì đã phạm sự thánh khi làm hư phép giải tội như vậy. Ngay sau đó anh ta đã xưng tội với tất cả lòng ăn năn đau đớn, và ngay khi nhận được ơn tha tội anh ta đã nhắm mắt lại và nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng".

"Tôi được biết chuyện trên bởi miệng của chính Don Bosco và tôi đã cố ghi lại một cách trung thực bao nhiêu có thể".

Một giỏ hạt dẻ không bao giờ cạn

Sự kiện thứ ba, chính Giuse Buzzetti là người thuật lại, và nó đã được xác nhận bởi Carlo Tomatis, là một trong những đứa trẻ đầu tiên đã được Don Bosco cho nương náu trong nhà của ngài.

Ngày lễ các linh hồn, Don Bosco đưa tất cả bọn trẻ vẫn trở lại nguyện xá vào ngày Chúa nhật và các ngày lễ, cho chúng ra thăm nghĩa địa và cầu nguyện ở đó. Ngài có hứa là, lúc trở về, sẽ cho chúng ăn hạt dẻ rang. Ngài đã cho múc ba bao.

Mẹ Margarita vì không hiểu ngài muốn gì nên đã chỉ cho rang ba hoặc bốn ký mà thôi.

Giuse Buzzetti, cậu bé quản lý, về đến nhà cùng với các bạn khác, thấy rõ vụ việc liền nói:

- Don Bosco thế nào cũng bệnh về chuyện này mất. Mình phải báo trước cho ngài mới được.

Nhưng trong cảnh rộn ràng huyên náo do sự trở về của cả một đoàn quân háu đói, Buzzetti đã không sao giải thích cho ngài hiểu được chuyện gì đã xảy ra. Don Bosco cầm lấy cái rổ và bắt đầu chia hạt dẻ với cái muỗng lớn đã cũ, lủng lỗ. Trong cảnh ồn áo, Buzzetti la lên để mong ngài nghe lọt tiếng mình:

- Đừng cho quá nhiều như vậy! Sẽ không đủ cho mọi người đâu.

- Nhưng dưới bếp có tới ba bao kia mà.

- Không! Chỉ có vậy thôi, có vậy thôi! Buzzetti cố trả lời ngài trong lúc bọn trẻ gào la và xô lấn nhau từng đợt trên bếp. Don Bosco quýnh lên:

- Nhưng cha đã hứa cho hết mọi người mà. Thấy họ! Còn tới đâu ta cứ tiếp tục phát tới đó.

Ngài tiếp tục chia ra cho mỗi đứa một muỗng lớn. Buzzetti lấm lét hết nhìn mấy nắm hạt dẻ rang còn sót dưới đáy rổ lại nhìn đến hàng người chờ đợi càng lúc càng dài mãi. Một đứa khác cũng bắt đầu quan sát. Và bỗng nhiên, sự câm

lặng chợt ập tới, hàng trăm đôi mắt mở rộng không sao tách khỏi cái rổ không bao giờ cạn ấy nữa…

Ai nấy đều có phần cả. Và tới hôm ấy hẳn là lần đầu tiên mà bọn trẻ, hai tay đầy ắp những hạt dẻ rẻ tiền, đã hô vang:

- Don Bosco là một vị thánh!

Chương 28: MỘT NGÔI NHÀ VÀ MỘT NHÀ THỜ

Trong quý sau cùng của năm 1848, Don Bosco đã đệ trình một thỉnh nguyện thư lên Bộ nội vụ để xin một khoản trợ cấp cho nguyện xá của ngài.

Buổi chiều một ngày Chúa nhật trong tháng 1 năm 1850, một ủy ban gồm ba nghị sĩ, Sclopis. Pallavicini và Colegno đã xuống khu Valdocco để tham quan cơ sở và làm một báo cáo cho Thượng viện và cho ông bộ trưởng.

Cảnh tượng rất tích cực, họ thấy năm trăm thanh thiếu niên chơi đùa trên mấy cái sân và trên các đồng cỏ, cầu nguyện chen chúc nhau trong nhà nguyện và ở chung quanh, họ đã thăm dò tỉ mỉ về trung tâm nương náu ba chục nội trú sinh.

Bá tước Sclipis hỏi Giuseppe Zanzine, một đứa trẻ mà ông tình cờ gặp được. Ông được biết là nó từ Varese tới, làm nghề thợ đẽo đá, mồ côi cha. Ông có biết thêm, giữa hai giọt nước mắt sầu khổ của thằng bé, là mẹ nó hiện đang ở tù.

- Tối, cháu đi đâu ngủ? - Ông bá tước hỏi, có vẻ hơi bối rối.

Cho mãi đến những ngày gần đây, cháu vẫn ngủ tại nhà người mướn cháu làm nhưng hiện nay Don Bosco đã nhận cho cháu vào ở trong nhà của ngài.

Pallavicini thảo báo cáo cho Thượng viện. Bản báo cáo này đã được ghi lại trong các công vụ chính thức của ngày 1 tháng 3, nguyên văn như sau: “Cơ ngơi của vị linh mục lỗi lạc và đầy nhiệt tình Gioan Bosco chứng tỏ rằng đây là một

cơ sở tôn giáo, đạo đức, hữu ích. Sẽ là một thiệt thòi nghiêm trọng cho thành phố nếu nó phải ngừng hoạt động hoặc biến mất vì Don Bosco thiếu sự cứu trợ. Uy ban chúng tôi khẩn thiết yêu cầu Bộ Nội vụ vui lòng yểm trợ một cách hữu hiệu cho một một công cuộc vừa có ích vừa có lợi như vậy".

Những lời trên đã đem lại cho Don Bosco một món tiền tính theo tiền lire là ba tờ tiền giấy trăm lire do Thượng viện ban và hai tờ tiến giấy ngàn lire do ngài Bộ trưởng Urbano Rattazzi trao.

Nhưng những đồng lire (được nhận một cách xứng đáng và được chúc phúc) không phải là cái lợi chính, mà còn có một lợi ích lớn hơn. Đó là tại xứ Piemont, sắp nổ ra một vụ tranh cãi lâu dài và và gian nan giữa Nhà Nước và Giáo hội. Cuộc thăm viếng và bản báo cáo của ba thượng nghị sĩ mà Don Bosco đã khơi lên, đã giúp cho nguyện xá vượt qua được cơn phong ba bão táp lớn mà không phải chịu những tổn thất nào quá đáng.

Đức Tổng Giám mục bị bắt giữ

Đó là những ngày nóng bỏng, tại phòng Đặc nhiệm người ta đang tranh luận về các dự án luật đã được đệ trình lên Bộ trưởng Tư pháp, Siccardi. Người ta tính bãi bỏ vài đặc quyền lâu đời của hàng giáo sĩ: tòa án giáo quyền (các Giám mục và các linh mục phạm pháp sẽ không còn được xét xử bởi các tòa án giáo quyền nữa, mà là bởi các tòa án phàm tục), quyền tị nạn (xưa nay cảnh sát không được bắt giữ những kẻ tội phạm nếu họ vào tị nạn trong một nhà thờ hoặc tu viện); khả năng gia tăng các tài sản của Giáo hội.

Ngày 8 tháng 4, các sắc luật Siccardi đã được tán thành bởi phòng đặc nhiệm và Thượng viện. Ngày 9 nó được phê chuẩn bởi nhà vua. Trong thành phố, những băng nhóm bài giáo sĩ như vừa thoát cũi xổng chuồng. Những đoàn người tuần hành nối đuôi nhau luôn miệng gào thét:

- Đả đảo các linh mục! Hoan hô Saccardi!

Điểm hội tụ là Tòa Tổng Giám mục. Thoạt đầu chỉ có những tiếng la và những lời thóa mạ:

- Giết chết Fransoni đi! Tống cứ khâm sứ Tòa thánh đi cho rồi!

Rồi người ta bồi thêm vào đó những cục đá. Những khung kính cửa sổ bể nát, người ta ra sức phá sập cổng ra vào. Những đội kỵ binh, gươm tuốt trần, đã phải can thiệp.

Cuối tháng bảy, Pietro Derossi di Santarosa, bộ trưởng Nông nghiệp, ngã bệnh nặng. Ông xin được chịu các bí tích. Cha xứ, thuộc Tu hội Servites CácTôi Tớ, nhận được từ Đức Tổng Giám mục lệnh phải đòi người bệnh rút lại sự tán thành đã dành cho các sắc luật Siccardi. Sactorosa từ chối, ông chết ngày 5 tháng 8 mà không được rước Của Ăn đàng

Trên các đường phố Torino, những cảnh hỗn loạn lại tái diễn. Các tu sĩ thuộc Tu hội Servites Các Tôi tớ đều bị trục xuất. Bộ trưởng bộ chiến tranh, Alphonse la Marmora, đề nghị đức Fransoni từ nhiệm chức Tổng Giám mục. Do bị từ chối, ông đã cho cảnh sát bắt giữ ngài ngày 7 tháng 5 và quản thúc tại thành Fenestrelle, gần biên giới Pháp. Từ nơi ấy Đức Tổng Giám mục sẽ bị đầy ra khỏi nước ngày 28 tháng 9.

Những toán xung kích ồ ạt tấn công các tu viện trong thành phố. Các tu sĩ thuộc các dòng Oblat Tận Hiến, Barnabite, Đa minh phải dùng đồ đạc chặn các cửa ngõ để phòng thủ trong các nhà của họ. Ngày 14 tháng 8, một gã tên Volpato đã đến Valdocco và báo cho Don Bosco biết là đến chiều tối nguyện xá cũng bị tấn công. Tốt nhất ngài nên bỏ đi ngay tức khắc cùng với bọn trẻ.

Don Bosco ngẫm nghĩ rồi quyết định ở lại. Lúc bốn giờ chiều, đoàn người biểu tình kéo xuống vùng ven. Nhưng trong đám đông (Don Lamoyne chứng thực) có một người đàn ông đã từng được Don Bosco cứu giúp. Ông cho dừng những toán đi đầu lại và nói:

- Tấn công nguyện xá là bậy. Chúng ta sẽ chỉ bắt gặp toàn những đứa con nít

nghèo khổ và một vị linh mục đang ra sức cung cấp của ăn để nuôi sống chúng. Don Bosco cũng đứng về phía nhân dân như chúng ta vậy. Hãy để ngài yên.

Người ta bàn cãi, rồi đoàn người rẽ sang một hướng khác.

Một ê kíp 4 người khác

Trong cơn phong ba bão táp, Don Bosco vẫn âm thầm hoạt động. Reviglio, Bellires, Buzzetti vẫn tiếp tục các "khóa cấp tốc" và kể từ nay họ hầu như đã sẵn sàng để dự kỳ sát hạch để được nhận áo chùng thâm. Michelino Rua, trong năm 1850, đã hoàn tất mấy lớp sơ cấp tại trường các sư huynh các trường Công giáo và Don Bosco không hề rời mắt khỏi cậu. Một hôm, ngài gọi cậu ra riêng một chỗ:

- Con có ý định làm gì năm tới này?

- Mẹ con đã nói chuyện với ông giám đốc cơ sở sản xuất vũ khí. Họ đã chịu nhận cho con vào làm việc, nhờ đó con sẽ có thể phụ đỡ gia đình.

- Cha cũng vậy. Cha đã nói chuyện với một người. Các giáo viên của con đã cho cha biết là Thiên Chúa đã ban cho con một trí thông minh tuyệt vời và sẽ rất uổng nếu con không tiếp tục theo đuổi việc học. Con nhất trí với cha chứ?

- Tất nhiên, nhưng mẹ con rất nghèo. Cha con đã chết. Cha bảo con kiếm đâu ra tiền để ăn học chứ?

- Chuyện ấy để cha lo. Con chỉ cần cầu xin mẹ con để con tiếp tục theo học các lớp La văn.

Gioan-Maria, bà mẹ, nhìn thật lâu đứa con trai cao lều nghều và ốm nhách của mình. Bà nghe nó nói về Don Bosco với sự hưng phấn và đáp:

- Mẹ bằng lòng đó, Michelino ạ. Nhưng liệu sức khỏe của con có cầm cự nổi không? Chúa đã cất đi bốn anh trai của con, mà con thì, còn ốm yếu hơn cả mấy anh ấy nữa. Hãy thưa với Don Bosco đừng bắt con học hành quá căng.

Vì Michelino ở không mấy xa nguyện xá và thật sự có ít sức khỏe, Don Bosco đã để cậu ở lại nhà cậu thêm hai năm nữa. Nhưng đến tháng 11 năm 1850, ngài đã bắt đầu gửi cậu vào trường của giáo sư Giuseppe Bonzamino. Tối đến, ngài đích thân tiến hành cho cậu các ôn tập đại số và phương pháp đo lường bằng thước tấc. Bên cạnh Rua còn có các thanh niên Angeli Saviô, Francesia và Anfossi, ê kíp thứ hai gồm bốn người mà Don Bosco hy vọng sẽ dìu dắt tới chức linh mục.

Chúa nhật, đang khi Buzzetti tiếp tay với Don Bosco, thì Micae Rua và Angelo Saviô lên đường tới các nguyện xá Vanchiglires và Porta Nuova, nơi họ phụ giúp công tác hộ trực và dạy giáo lý.

Ngày 2.2.1851, sau mười lăm tháng "trường học lửa", bộ bốn đầu tiên của ngài đã được chấm điểm đậu xuất sắc trong kỳ sát hạch tại Hội đồng giáo phận Torino. Buzzetti, Gastini, Bellires, Reviglio được nhận áo dòng ngay tại nguyện xá. Don Bosco mặt mày sáng rỡ. Ngài thấy dường như những con chiên đầu đàn của mình, rốt cuộc, nay đang biến thành những người chăn chiên. Nhưng ngài đang lầm, trong bốn chàng trai ấy (những kẻ mà ngày hôm sau, sẽ bắt đầu khóa triết học), chỉ có Bellires và Reviglio là sẽ thành linh mục, nhưng sẽ không lưu lại nguyện xá. Buzzetti sẽ vẫn ở lại với Don Bosco, nhưng không hề trở nên linh mục. Mối hy vọng đầu tiên sẽ đạt được đúng như tâm nguyện của ngài, chính là đứa bé cao lều nghều mặt xanh mét vẫn đang sống bên mẹ của nó, Michelino Rua.

30.000 lire và một thoáng chóng mặt

Sau vụ nhận áo chùng thâm của bộ bốn đầu tiên "những tu sĩ nhỏ", Don Bosco liền nghĩ đến chuyện ăn của họ. Người ta không thể nào sống được tại một điểm thuê mướn có nguy cơ bị bán đi bất kỳ lúc nào. Một chiều Chúa nhật nọ, đang khi Don Borel thuyết giáo, ngài đã thẳng thắn tấn công Francesco Pinardi:

- Nếu ông ra giá phải chăng, tôi sẽ mua đứt toàn bộ ngôi nhà của ông.

- Giá phải chăng, tôi sẽ cho cha biết sau. Cha tính trả tôi bao nhiêu nào?

- Tôi đã cho một người đàng hoàng lượng định giá cả rồi, đó là kỹ sư Spezia. Trong tình trạng hiện nay, ông ta cho tôi biết là nó đáng giá trong khoảng từ 26.000 đến 28.000 lire. Tôi đề nghị trả cho ông 30.000 lires.

- Trả bằng tiền mặt và dứt điểm chỉ trong một lần.

- Đồng ý.

- Cha hãy bắt tay tôi. Mười lăm ngày nữa, chúng ta sẽ ký văn kiện sổ công chứng.

Don Bosco bắt tay ông ta. 30.000 lire thời ấy tương đương với 50 triệu lire theo thời giá hiện nay (tính theo đôla Mỹ hiện nay là khoảng 50.000 đôla). Kiếm đâu ra số tiền này nội trong vòng mười lăm ngày? Sau đây là những gì Don Bosco đã viết một cách rất đơn sơ:

"Thế là đã diễn ra một nghĩa cử cao đẹp của Chúa Quan phòng. Ngay tối hôm ấy, Don Cafasso đã gặp chuyện khác thường trong ngày lễ, ngài đến gặp tôi và cho tôi biết là một nhân vật đạo đức, bà bá tước Casazza Riccardi, đã nhờ ngài chuyển đến tôi 10.000 lire ngõ hầu tôi có thể dùng vào việc nào đó mà tôi cho là tốt nhất để làm sáng danh Chúa. Hôm sau, một tu sĩ Rosmini đã đến, ngỏ ý sẵn sàng cho tôi mượn 20.000 lire. Tiền lời là 4% nhưng cha Rosmini nhấn mạnh là mình chỉ cần nhận được hoặc tiền lời, hoặc tiền vốn mà thôi. 3000 lires thủ tục phí đã được bổ sung bởi hiệp sĩ Cotta, tại ngân hàng mà người ta tiến hành thủ tục mua bán".

Hôm ấy là ngày 19.2.1951, thật khó mà không nhìn thấy trong vụ việc này là sự can thiệp của Chúa và còn khó hơn nữa, đối với Don Bosco, nếu không thừa thắng xông tới trên cùng một con đường ấy.

Và giờ đây, một Thánh đường nguy nga tráng lệ

Một buổi tối, cũng trong thánh đường này, đang khi mẹ Margarita vá đồ cho bọn trẻ đang say giấc mộng, ngài thì thầm như nói với lòng mình:

"Và giờ đây, ta muốn xây một Thánh đường để kính thánh Phanxicô đệ Salê".

Sợi chỉ và cây kim rơi khỏi tay mẹ Margarita:

- Một Thánh đường! Nhưng con sẽ đào đâu ra tiền chứ? Chúng ta thậm chí không kiếm nổi bánh ăn và áo mặc cho bọn trẻ đáng thương ấy, vậy mà con còn đòi nói đến một ngôi Thánh đường mới nữa chứ! Mẹ hy vọng là con sẽ suy nghĩ kỹ và sẽ thỏa hiệp đàng hoàng với Chúa trước khi dính vào một chuyện động trời như vậy.

- Mẹ à, nếu mẹ có tiền, mẹ sẽ cho con chứ?

- Tất nhiên, nhưng mẹ đâu còn gì nữa.

- Còn Chúa là Đấng vừa giàu lại vừa rộng lượng hơn mẹ, lẽ nào ngài lại không ban cho con sao?

- Làm sao mà có thể "tranh luận" với một đứa con như vậy chứ?

Mặt khác, Don Bosco có những lý do rất vững: Ngôi nhà nguyện Pinardi tuy đã được mở rộng nhưng bọn trẻ không thể nào chịu nổi khi ở trong đó vì nó có tới ba cấp bậc khác nhau. Hơn nữa, nếu vào đó cần phải bước xuống bốn bậc thang, Don Bosco viết, mùa đông và những ngày mưa thì chúng tôi bị ngập nước, trong khi mùa hè thì bị ngộp thở bởi hơi nóng và những mùi nồng nặc.

Bản vẽ, ngài đã giao cho hiệp sĩ Blanchier, còn nhà thầu là Federico Bocca.

- Tôi xin báo trước với ông, Don Bosco vừa cười vừa bảo ông này, là có khi tôi sẽ không có tiền để trả cho ông đâu đấy.

- Nếu vậy chúng tôi sẽ thi công chậm hơn.

- Không! Không được đâu! Ngược lại tôi muốn là chúng ta phải tiến hành thật nhanh sao cho một năm sau nhà thờ đã phải hoàn tất.

Federco nhún vai:

- Nếu vậy, chúng tôi sẽ thi công mau lẹ, còn cha cũng sẽ mau lẹ trong việc

chi trả.

"Đào móng rồi, Don Bosco nhớ lại, việc làm phép viên đá đầu tiên đã diễn ra ngày 20.7.1851. Hiệp sĩ Giuseppe Cotta, một trong những mạnh thường quân hào phóng nhất của Don Bosco, đã là người đặt viên đá ấy. Micae Rua là người đọc lời cảm tạ. Một diễn giả nổi tiếng, cha Barrera đã đọc diễn văn. Nói chung bao giờ người ta cũng nói ngoa trong những dịp như vậy, người ta tìm những câu ví von thật hay. Cha Barrera cũng đưa ra những câu ví von hoa mỹ của mình, nhưng ngài đã không thành công trong việc nói ngoa. Ngài nói:

- Viên đá này là hạt cải nhỏ. Nó sẽ tăng trưởng như một cây lớn mà rất nhiều trẻ em đến nương náu dưới bóng của nó.

Tiền bạc là một bài toán hiểm hóc. Don Bosco đã gõ mọi cánh cửa quen biết và cả nhiều cánh cửa khác nữa. Ngài đã thành công trong việc thu gom được mức tối đa là 35.000 lire, còn thiếu 3.000 lire nữa.

Đức Giám mục Biella, Đức Cha Losana, phổ biến một lá thư luân lưu cho tất cả các giáo xứ của địa phận ngài. Ngài nhắc đến "tất cả những đứa trẻ lớn thợ xây của vùng Biella" đã được Nguyện Xá giúp đỡ. Ngài đã kêu gọi một cuộc quyên góp đặc biêt vào Chúa Nhật. Don Bosco hy vọng rất nhiều vào chuyện này, nhưng kết quả cũng không béo lắm: tiền thu được là 1000 lire.

Bọn trẻ cũng giúp ngài theo khả năng của chúng. Don Giovanni Turchi nhớ lại: các vách tường của ngôi thánh đường mới đã lên tới ngang tầm các cửa sổ bằng kính màu, nhưng tôi và bạn bè còn bận chuyền gạch cho nhau trên các dàn giáo.

Để góp nhặt đủ số 3000 lire còn thiếu ấy, lần đầu tiên Don Bosco đã phải liều mình lao vào một cuộc xổ số quan trọng. Ngài nhớ lại: "Chúng tôi đã nhận được 3.300 món quà. Đức Thánh Cha, nhà Vua, Hoàng thái hậu đã nổi bật bởi các tặng phẩm của họ". Các lô trúng được trưng bày công khai trong một căn

phòng rộng lớn phía sau nhà thờ thánh Đaminh. Danh mục các giải trúng được minh họa bởi một tấm giấy bìa xếp lại thành tập dầy cộm.

Việc bán vé số gây nhiều tủi nhục cho Don Bosco. Nhưng số tiền thu được quả là rất lớn: 26.000 lire chẵn chòi. Kể từ cuộc thử nghiệm này, mỗi lần lâm cảnh khó khăn, Don Bosco sẽ lại nghĩ đến một cuộc xổ số. Trong những lá thư cuối cùng của đời mình, được biết bằng một bàn tay bắt đầu run rẩy, ngài sẽ còn dặn dò "xin nhận một xấp vé số cho cuộc sổ số của tôi".

Thánh đường đã được cung hiến ngày 20.6.1862. Hiện nay nó vẫn còn đó, ở cuối tòa nhà Pinardi, có hơn bị lép vế trước vẻ đồ sộ của Vương cung Thánh Đường Đức Mẹ Phù hộ, trải dài tới chỉ còn cánh cửa trước của nó khoảng ba mét. Đây là "Tiểu bộ phận" Salêdiêng bên trong những vách tường ấy, mười sáu năm trời ròng rã (từ tháng 6/1852) trái tim của cơ quan của Don Bosco đã đập đều đặn…

Vị thánh rất trẻ Đaminh Saviô đã từng đến đây để cầu nguyện. Trước bàn thờ Đức Mẹ, nằm bên phải bàn thờ chính, cậu đã tận hiến cho Đức Mẹ. Trong thánh đường ấy đã từng phục vụ nào Micae Magone, cậu bé xứ Caramagnola, nào Phanxicô Besucco, cậu bé của xứ Achentina, kẻ đã tái diễn, năm 1863, lòng nhân ái anh hùng của Đaminh Saviô.

Don Micae Rua đã làm lễ mở tay của ngài tại đây. Suốt bốn năm liền, mỗi ngày nhiều lần, mẹ Margarita, ngày càng già hơn và mệt mỏi hơn, đã thường xuyên ra vào ngôi Thánh đường này. Bà đã tìm được ở đây sự can đảm để tái diễn mỗi ngày việc phục vụ bọn trẻ đáng thương.

Ma quỉ, có lẽ thế

"Cùng với ngôi Thánh đường mới, Don Bosco ghi chú, chúng tôi đã có thể tạo điều kiện cho những đứa nhỏ nhất, nếu chúng muốn tham gia các nghi thức phụng vụ và cả các lớp tối và lớp ngày (nhà nguyện Pinardi, cả nhà thờ mới lẫn

phòng áo mới đều đã được dùng làm các phòng học suốt cả ban ngày). Nhưng làm sao mà giải quyết được cho vô vàn vô số trẻ em nghèo khác không ngừng kéo đến để xin nương náu?". Ngài thản nhiên kết luận: "Vào thời điểm có yêu cầu bức xúc ấy, quyết định đã được đưa ra là phải xây thêm một chái mới cho tòa nhà".

Mùa thu đã tới sớm, nhưng người ta đã khẩn trương tiến hành công việc; rất nhanh, người ta đã làm tới mái nhà nhưng nhằm đúng lúc ấy thì bắt đầu thời tiết xấu: "Đó là cả một trận lũ lụt kéo dài suốt nhiều ngày và nhiều đêm, nước tuôn chảy cuốn theo xi măng mới tô và còn chưa kịp khô, chỉ để lại những viên gạch và những cục đá được rửa sạch sẽ. Vào khoảng nửa đêm ngày 2 tháng 12, Don Bosco vẫn đang viết, người ta chợt nghe một chuỗi những tiếng răng rắc dữ dội cùng lúc càng mạnh hơn và càng khủng khiếp hơn. Đó là cái vách tường đang đổ ập xuống".

Với bọn trẻ khiếp hãi, Don Bosco bảo:

- Đây là một trò đùa của ma quỉ. Nhưng với sự độ trì của Chúa và Đức Mẹ, chúng ta sẽ xây dựng lại tất cả.

Ma quỉ đã làm phần việc của nó, nhưng cha quản lý Girandi sau khi khảo khát những gì còn sót lại của các vách tường, lại khẳng định rằng chúng được nhét đầy những đá vụn và cát lấy từ sông về. Thành phần vôi bị thiếu hụt. Don Bosco đã muốn tiết kiệm chi phí, và nhà thầu cũng muốn kiếm chác thêm đôi chút…

Thiệt hại của Don Bosco lên tới 10.000 lires. Công việc đã có thể tiếp tục vào mùa xuân và tòa nhà đã hoàn tất vào tháng 10-1853. "Vì chúng tôi đang hết sức cần có nhà, Don Bosco viết, nên chúng tôi đã vội vã chiếm đóng nó. Các lớp học, phòng ăn và phòng ngủ tập thể đã có thể được tổ chức và ổn định nơi chốn và số các nội trú sinh đã lên tới 65 em".

Chương 29: VÀ CHÚA ĐÃ GỬI ĐẾN MỘT CON CHÓ

Ngày 17 tháng 2 và ngày 19 tháng 3 năm 1848, Carlo Alberto đã nhượng bộ "tính đồng đẳng về các dân quyền" cho những người thệ phản và những người Do Thái, xưa nay vốn chỉ là những kẻ được dung dưỡng.

Những người Công giáo cứ ngỡ rằng những người thệ phản, nhờ đã đạt được các quyền lợi tương đương, sẽ ở yên không còn quậy phá nữa. Ngược lại, người ta đã không khỏi lo ngại khi nhận thấy là giáo phái Vaudois đang sắp sửa tung ra cả một chiến dịch dụ người theo giáo của họ.

Họ cho in ấn ba tờ báo ngày: *Tin mừng, Ánh sáng Phúc âm, Kẻ huênh hoang người xứ Piemonte*. Họ xuất bản và bán với giá rẻ mạt những cuốn sách tuyên truyền và tổ chức các chu kỳ hội nghị.

Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên với thuyết "nền văn hóa đa nguyên". Dân Công giáo Piemonte công phẫn nhưng chẳng biết phải làm gì nữa. "Họ tin tưởng vào các luật dân sự cho tới nay vẫn che chở và bảo vệ họ - như Don Bosco viết – nên cho tới bây giờ họ chỉ có vài tờ báo hằng ngày, vài công trình văn học. Họ không có một tờ báo hay tạp chí ra định kỳ nào, cũng chẳng có sách đặt vào tay những người bình dân, đơn sơ".

Các Đức Giám mục ở Piemonte nhóm họp năm 1849 tại Villanovetta (Thành phố Cuneo). "Công phẫn chẳng ích gì, các ngài kết luận. Cần phải chống trả bằng cách lăn xả vào ngành báo chí và vào việc rao giảng".

Những thành quả cụ thể của các phiên họp đã là việc phát hàng bộ sưu tập các sách tốt (tháng 9-1849), tờ báo ngày Quả chuông (tháng 3-1850) và cuốn tạp chí Công giáo (tháng 3-1853).

Riêng các ấn phẩm sau này (một bộ gồm những cuốn sách nhỏ rất sinh động) đã được Don Bosco nghĩ ra và được hỗ trợ đặc biệt bởi Đức Giám mục giáo phận Ivréa. Chương trình của nó cắt nghĩa ý hương của nhà xuất bản:

1. Các sách sẽ viết đơn giản, dáng dấp bình dân, và chứa đựng các tài liệu thuần túy liên quan đến đạo Công giáo.
2. Hằng tháng sẽ xuất bản một tập tạp chí từ 100 đến 108 trang, với giá cả năm là 1,80 lires.

Đối Thoại Giữa Những Kẻ Điếc

Sáu số đầu tiên đã được biên soạn bởi chính Don Bosco. Những số ấy ra trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 8 năm 1853 dưới tựa đề chung là: người Công giáo học hỏi về tôn giáo của mình.

Don Bosco mỉm cười khi nhớ lại là mình đã cố tìm một vị Giám mục chịu cho ngài "sự tán đồng của giáo quyền" đối với sáu cuốn sách nhỏ đầu tiên ấy. Vị tổng phụ tá ở Torino đã trả lời ngài: "Tôi không muốn đặt chữ ký của mình ở cuối tờ giấy ấy. Cha đang thách thức và đang tấn công trực diện các kẻ thù của mình". Don Bosco đã viết với sự cứng rắn của một kẻ xông ra mặt trận. Ngài không có mảy may ý niệm thế nào là sự "đối thoại". Bút pháp của ngài là bút pháp của một "bức tường đang nói với một bức tường". Cần phải cứu các thanh thiếu niên và mọi người cho Giáo hội, cho Chúa, cho cuộc sống đầu đời và để được như vậy, cần phải đấu tranh, cần đánh nhau.

Các số Tạp chí Công giáo đã được đón tiếp với rất nhiều mãn nguyện bởi một khối lượng phi thường các độc giả. "Nhưng đây đã là điểm xuất phát cho

những bùng nổ dữ dội của bọn thệ phản".

Các Mục sư Bert, Meille và Pugno thuộc Giáo hội Tin lành, đã kéo nhau xuống khu phố Valdocco. Họ cố tìm cách thuyết phục Don Bosco ngưng phát hành các cuốn Tạp chí Công giáo hoặc ít là viết lách với giọng ôn hòa hơn. Họ đã chẳng thành đạt được gì cả.

"Một tối Chúa nhật trong tháng 1, tôi được báo là có hai ông đến thăm. Họ bước vào và lên tiếng chúc mừng tôi:

- Thưa cha, cha được Chúa ban cho một phẩm chất tuyệt vời: đó là khả năng khiến quần chúng hiểu được cha và khoái đọc các bài báo của cha. Lẽ ra cha nên chuyên về các bộ môn lịch sử, địa lý hoặc vật lý. Ngược lại, cha nên dẹp quách đi những cuốn Tạp chí Công giáo, đó là những chủ đề đã được nhai đi nhai lại cả trăm lần rồi.

- Đúng vậy, những chủ đề ấy đã được luận giải trong các tác phẩm văn hóa, nhưng không một ai đã đặt nó ngay tầm hiểu biết của quần chúng.

- Chúng tôi sẵn sàng yểm trợ cha về tài chính nếu cha bắt tay vào một tác phẩm lịch sử (họ chìa ra cho tôi bốn tờ một ngàn lires) và ngưng ngay việc làm vô bổ ấy.

- Nếu đó là một việc làm vô bổ, thì cần gì phải chi tiền để bắt tôi gạt bỏ nó đi? Quí vị thấy chứ, khi trở thành linh mục, tôi đã hiến mình cho lợi ích của Hội thánh và của dân nghèo, và tôi đã kiên quyết tiếp tục, kể cả bằng cách viết và in những cuốn Tạp chí Công giáo.

Cung giọng liền đổi khác. Tiếng họ trở nên đầy đe dọa:

- Cha bậy rồi đó. Nếu cha ra khỏi đây, liệu cha có dám chắc là mình còn trở lại được không?

Tôi đứng lên, mở cửa văn phòng:

- Buzzetti, hãy dẫn mấy ông này ra tận cổng đi.

Rượu Và Hạt Dẻ

Khi bước ra, hai "ông" ấy đã nói nhỏ: "Ta sẽ còn gặp lại nhau". Don Bosco trong chương chót của Bộ hồi sử, đã giải thích "họ đã tìm cách cho ngài gặp lại" ra sao, và bình luận "hình như đã có một âm mưu nhằm chống lại tôi". Chúng tôi xin dẫn bài tường thuật của chính ngài, bằng cách tóm lược những gì mà chúng tôi cho là cần.

"Một tối nọ, đang khi tôi đứng lớp, hai người đàn ông đã kiếm tôi vì một ca khẩn cấp: tại quán trọ Quả tim vàng (số 3, 4 đường Cottlengo) có một người đang hấp hối. Tôi đã lên đường, nhưng tôi muốn được hộ tống bởi mấy đứa lớn trong số những đứa lớn nhất, bất chấp mọi nỗ lực của chúng nhằm ngăn cản tôi đi tới đó.

Đến "Quả tim vang", người ta dẫn tôi vào một gian phòng ở tầng trệt trong đó có mấy tên yêu đời đang ăn hạt dẻ với nhau. Họ muốn tôi cùng ăn, tôi đã từ chối.

- Chắc cha không từ chối uống một ly rượu của chúng tôi. Một ngụm nhỏ thì đâu có hại gì cho cha.

Họ rót rượu cho mọi người, nhưng khi đến ly của tôi, một tên trong bọn họ đã hớ hênh đi kiếm một chai khác. Tôi cầm lấy ly và nói:

- Chúc sức khỏe quý vị - rồi tôi đặt ly trở lại trên bàn.

- Cha đừng làm như vậy chứ, chơi không đẹp tí nào cả.

- Đó là một sự sỉ nhục đối với chúng tôi.

- Nhưng tôi không có hứng uống rượu.

Thế là bọn chúng liền giở giọng hù dọa:

- Chẳng làm được gì đâu, phải uống thôi.

Một tên kẹp chặt vai bên trái của tôi, tên khác khoác vai bên phải:

- Ông phải uống, dù muốn hay không cũng vậy.

- Nếu mấy người nhất thiết đòi tôi phải uống thì ít nhất phải để tôi được thoải mái hai tay chứ, vừa nói tôi vừa vùng ra khỏi tay họ. Và vì tôi không muốn uống ly rượu này, nên tôi sẽ cho một đứa trong bọn trẻ của tôi uống thay tôi.

Khi nói những lời ấy, tôi đồng thời bước một bước dài ra phía cửa, mở toang ra và mấy chàng trai lao vào.

Vừa thấy bóng mấy thanh niên to con ấy, bọn chúng liền đổi giọng ngay. Chúng xin lỗi và bảo rằng người bệnh sẽ xưng tội vào ngày mai. "Một người thân quen đã mở cuộc điều tra và đã báo lại với tôi rằng có người đã đãi chúng một bữa ăn tối với điều kiện là chúng phải ép tôi uống bằng được ly rượu mà kẻ ấy đã pha chế riêng cho tôi".

Họ Vồn Vã Chào Đón Tôi

"Những vụ mưu sát mà tôi kể lại có vẻ là những chuyện bịa đặt, tuy vậy những vụ ấy đều có thật và đều đã diễn ra trước sự có mặt của đông đảo nhân chứng.

Một tối Chúa nhật trong tháng 9, tôi đã được mời khẩn cấp tại nhà Sardi, kế bên Trú khu; để giải tội cho một bệnh nhân đang có nguy cơ lìa đời. Tôi đã kêu mấy đứa lớn đi theo. Tôi đã bắt đầu cảnh giác với hết mọi người. Mấy đứa đứng lại dưới chân cầu thang; Giuse Buzzetti và Hyacinthe Arnaud cùng tôi leo lên gác, gần cửa phòng người bệnh.

Tôi bước vào và thấy một phụ nữ thở hổn hển như thể mụ sắp tắt thở đến nơi rồi. Tôi xin bốn người đàn ông có mặt xích ra xa để tôi giải tội cho mụ.

- Trước khi xưng tội, mụ gào lên, tôi muốn rằng thằng ăn cướp này phải xin lỗi tôi đã.

- Tôi có làm gì bà đâu?

- Câm ngay! Một tên thứ ba vừa la vừa đứng bật dậy.

Tiếp theo là một vụ ẩu đả dữ dội, và trước khi tôi kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra thì ai đó đã tắt đèn tối thui và một trận mưa gậy gộc đã ào ào phóng về

phía tôi. Tôi chỉ kịp chụp lấy một cái ghế và đội nó lên đầu trong lúc co giò chạy vội về phía cửa ra vào. Những cú gậy đáng lý đập bể đầu tôi, đã làm vỡ tan chiếc ghế. Chỉ có một cú đập nhằm ngón cái trên bàn tay trái của tôi đã giật mất của tôi móng tay và phân nửa đốt ngón tay. Tôi đã quay về nhà với mấy thanh niên của mình vây bọc chung quanh".

"Hình như, Don Bosco nhận xét, tất cả được sắp đặt nhằm bắt tôi ngưng nói xấu bọn thệ phản".

"Con Xám"

"Những trò đùa hiểm ác thường xuyên mà tôi là đối tượng đã khuyến cáo tôi không nên đến Torino và cũng không nên từ đó mà quay về một mình (giữa nguyện xá và thành phố hồi ấy phải băng ngang một khoảng đất đồng không nhà trống ngổn ngang những bụi rậm và những cây cao).

Một tối nọ, khi tôi đơn phương độc mã quay về nhà trong bóng tối, không phải là không phập phồng lo sợ trong lòng, tôi đã bị đi kèm kè kè một bên bởi một con chó bự mà, thoạt nhìn đã khiến tôi hết hồn. Nhưng nhờ vuốt ve nó như thể tôi là chủ của nó vậy, hai chúng tôi đã thành bạn thân của nhau và nó đã đi kèm tôi đến tận nguyện xá. Việc này còn tái diễn nhiều lần nữa. Tôi có thể nói là "Con xám"[5] đã giúp ích cho tôi rất nhiều. Sau đây là vài vụ điển hình.

Vào khoảng hạ tuần tháng 1-1854, tôi từ thành phố một mình trở về nhằm một buổi tối trời mây u ám và mưa rơi tầm tã. Đột nhiên, tôi nhận ra là có hai người đàn ông đang bước đi không xa lắm đàng trước tôi. Họ rảo bước hoặc đi chậm lại tùy theo chính tôi bước nhanh hoặc đi chậm lại. Tôi đã thử quay gót trở lui, nhưng đã quá muộn. Chỉ nhảy hai cú là họ đã đến sát bên tôi và, chẳng nói chẳng rằng, chụp ngay một cái áo choàng lên đầu tôi. Đúng lúc ấy, con Grigio xuất hiện. Vừa sủa vang, nó vừa vung hai chân trước ngay mặt tên thứ nhất và cắn tên thứ hai một cú đau điếng, bọn chúng la toáng lên:

- Kêu con chó đi!

- Tôi sẽ kêu nếu mấy người để tôi yên.

- Hãy kêu nó liền đi, chúng nài van.

Con Grigio tiếp tục rú lên như một con sói lên cơn điên. Bọn chúng bỏ chạy, còn con Grigio bước đi cạnh tôi, đã đi kèm tôi về tới nhà.

Tất cả những tối nào mà tôi không có người đi kèm, khi tôi đến bên khu vực rừng cây bị đốn, tôi đều thấy xuất hiện con Grigio. Bọn trẻ ở nguyện xá vẫn thường thấy nó vào trong sân. Một hôm, hốt hoảng, hai đứa trẻ đã tính tấn công nó bằng những cục đá, nhưng Giuse Buzzetti đã kịp thời can thiệp.

- Hãy để nó yên, đó là con chó của Don Bosco đấy.

Thế là chúng bắt đầu vuốt ve nó và cho nó vào phòng ăn, nơi tôi đang ăn tối với vài linh mục và thân mẫu của tôi. Ai nấy đều nhìn nó với vẻ kinh hoàng, tôi bảo:

- Quí vị chớ sợ, đó là con Grigio của tôi đó, hãy để nó lại đây.

Mà thật vậy, vẽ một vòng tròn quanh bàn ăn, nó lại gần tôi với vẻ mừng rỡ. Tôi cho nó súp, bánh đồ ăn, nhưng thứ gì nó cũng chê cả. Nó dựa đầu vào khăn trải bàn như muốn chúc tôi ngủ ngon rồi để yên cho bọn trẻ dẫn ra cửa. Tôi nhớ lại là, tối hôm ấy, tôi đã về nhà trễ và một người bạn đã cho tôi "quá giang" xe của ông ta.

Carlo Tomatis, vẫn thường xuyên lui tới nguyện xá trong những năm ấy, kể lại: "Đó là một con chó có tầm vóc dị thường. Nhiều lần mẹ Margarita khi thấy nó đã phải la lên:

- Khiếp! Con vật đồ sộ thấy mà ớn!

Nó có một cái mõm dài thòng như mõm chó sói, đôi tai thẳng đứng, lông xám, thân hình cao cỡ một mét."

Micae Rua, người đã gặp con Grigio hai lần, làm chứng: một tối nọ, Don Bosco phải ra khỏi nhà vì những lý do khẩn cấp, nhưng ngài đã gặp con chó nằm

dài ngay trước ngưỡng cửa. Ngài tìm cách bắt nó xích ra, rồi lại thử bước qua người nó, nhưng lần nào con Grigio cũng gầm gừ và đẩy lui ngài về phía sau. Mẹ Margarita, lúc này đã quen biết ý của con vật, liền cất tiếng bảo con trai mình:

- Nếu con không muốn nghe lời mẹ, ít nhất hãy nghe lời con chó ấy, đừng đi đâu nữa.

Hôm sau, Don Bosco được tin là có một kẻ đầy ác ý, võ trang một khẩu súng lục, tối qua đã đợi ngài ở một góc phố.

Don Bosco đã nhiều lần muốn biết con chó ấy từ đâu mà đến. Nhưng ngài đã chẳng tìm được gì cả. Mãi đến năm 1872, bà nam tước Azelires Fassati vẫn còn hỏi ngài xem ngài nghĩ sao về con chó ấy, Don Bosco đã mỉm cười trong lúc trả lời:

- Nói rằng đó là một thiên thần chắc sẽ khiến người ta tức cười. Nhưng ta cũng không thể nói rằng đó là một con chó thông thường.

Ngủ tại tiệm giầy

Ban ngày, Don Bosco làm việc vì bọn trẻ, ngược xuôi khắp nơi để kiếm tiền, giải tội và giảng thuyết tại nhiều học viện trong thành phố. Đêm đến, ngài rút bớt nhiều giờ của giấc ngủ để vá quần áo và vớ, để viết sách. Cơn buồn ngủ cứ chồng chất mãi và giấc ngủ bất thần ập đến với ngài.

Sau bữa ăn trưa, Don Cagliero nhớ lại, đôi khi ngài đột nhiên thiếp đi, ngủ ngồi trên ghế, đầu cúi gập xuống ngực. Những kẻ có mặt ở đó đều nhón gót nhẹ nhàng rút lui để khỏi làm ngài tỉnh giấc.

Đối với ngài, thời điểm ấy là giờ cực nhất trong ngày. Lúc ấy, ngài ra khỏi nhà, đi mua sắm ngoài phố, ghé thăm các nhà hảo tâm để xin họ giúp đỡ. “Tôi vẫn tỉnh táo lúc chân bước đi”, ngài vừa mỉm cười vừa nói. Nhưng không phải lúc nào ngài cũng cưỡng lại được cơn buồn ngủ.

Một buổi trưa, ngài đang đứng ở Quảng Trường trước nhà thờ Đức Bà An ủi thì bị khống chế bởi một cơn buồn ngủ mạnh tới mức ngài không còn biết mình đang ở đâu hoặc đang cần đi đâu nữa. Ngay gần đó có một tiệm giầy, Don Bosco liền đi vào và xin người thợ giầy cho mình ngủ ngồi trên ghế ít phút.

- Xin mời cha, mời cha vào. Con lấy làm buồn, nhưng con sẽ gây phiền hà cho cha vì những cú búa đập rầm rầm của con.

- Không, anh chẳng làm phiền tôi chút nào đâu.

Ngài ngồi xuống bên chiếc bàn thợ mộc và ngủ li bì từ 14 giờ 30 đến 17 giờ chiều. Khi tỉnh giấc, ngài đưa mắt ngơ ngác nhìn quanh mình rồi nhìn đồng hồ.

- Ôi, rõ khổ cái thân tôi! Sao anh không đánh thức tôi dậy?

- Cha ơi, người đàn ông tốt bụng trả lời, cha ngủ ngon lành tới nỗi sẽ là một trọng tội nếu đánh thức cha dậy. Ôi, sao mà con muốn được ngủ như vậy quá đi!

---

[5] Don Bosco đã gọi nó là II Grigio, tiếng Ý có nghĩa là Con Xám [tiếng địa phương Piemonte là: 'I Gris

Chương 30: NỬA TÁ XƯỞNG THỢ

Trong công hàm của Tu hội Salêdiêng còn lưu giữ hai tài liệu hiến hoi: một giao kèo "về học nghề" viết trên giấy thường vào tháng Mười Một 1851; giao kèo thứ hai, cũng "về học nghề", viết trên giấy có dán tem thuế 40 xu, viết ngày 8.2.1852. Cả hai đều có chữ ký của chủ xưởng, người học nghề và Don Bosco.

Sau đây là phần cốt yếu của giao kèo thứ nhất:

"Với văn bản riêng tư này làm tại nhà Nguyện Xá Thánh Phanxicô Salê, các bên đồng thỏa thuận:

1. Ông Carlo Aimibno nhận em Giuse Bordone sinh tại Biella học nghề thợ lắp kính, hứa và cam kết dạy em trong vòng ba năm, và trao ban cho em trong ba năm học nghề những chỉ dẫn cần thiết và những qui luật tốt nhất liên quan đến nghề của em cùng với những lời khuyên bảo thích hợp liên quan đến hạnh kiểm tốt, qua việc sửa bảo khi em có thiếu sót nào, bằng lời nói chứ không phải bằng những biện pháp khác; cũng cam kết chỉ để em làm những công việc liên quan đến nghề này của em, chứ không làm những công việc khác, với sự lo liệu không để cho các công việc ấy vượt quá sức lực của em.
2. Thầy dạy nghề cũng có bổn phận cho em học nghề được tự do trong tất cả các ngày lễ trong năm.
3. Thầy dạy nghề cũng cam kết trả cho em học nghề hằng ngày là một đồng lire trong năm một, một ngày là 1 lire 50 xu trong năm hai, một ngày là 2

lire trong năm ba; và cho em được hưởng kỳ nghỉ 15 ngày mỗi năm.

4. ……..
5. Cậu Giuse Bordone hứa trong suốt thời gian học nghề làm việc cho ông chủ với sự mau mắn, bền bỉ và chú tâm; dễ dạy, kính trọng và vâng lời.
6. ……..
7. Vị giám đốc của Nguyện Xá hứa sẽ trông coi để đưa hạnh kiểm của cậu học nghề đạt được kết quả tốt nhất".

Một ngón tay trên nhiều ung nhọt

Trong văn bản giao kèo này, Don Bosco đã đặt một ngón tay lên nhiều ung nhọt. Một số các ông chủ đã sử dụng các thanh thiếu niên học nghề của họ như những người tôi tớ và người rửa bát đĩa. Don Bosco buộc họ phải sử dụng các em học nghề duy nhất trong công việc của nghề nghiệp của chúng mà thôi. Các ông chủ đánh đập chúng, và Don Bosco đòi hỏi việc sửa dạy phải được làm qua lời chỉ dạy mà thôi. Cha chăm lo cho sức khỏe, việc nghỉ lễ và các ngày nghỉ hằng năm. Cha đòi hỏi một mức lương có tăng lên từ từ, bởi vì năm học nghề thứ ba, người học nghề trên thực tế đã là một người thợ rồi.

Trong văn khế giao kèo thứ hai, bên cạnh tem thuế còn có mộc hoàng gia, với các tiêu đề: "Giao kèo giữa ông Giuse Bertolino, thầy dạy nghề mộc cư trú tại Torino, và cậu thiếu niên Giuse Odasso sinh tại Mondo vì, qua sự can thiệp của linh mục Gioan Bosco, và với sự giám sát và bảo vệ của cha cậu bé là ông Vincentê Odasso, quê quán Garesso, có nhà ở tại Torino".

Bản văn hầu như là một bản sao in các-bon của bản giao kèo thứ nhất. Chỉ có một chi tiết đáng kể. Don Bosco buộc ông chủ dạy nghề phải cam kết hành xử không phải như "ông chủ" mà như là "người cha". Chúng ta đọc thấy trong khoản 1:

"Ông Bertolino Giuse, thầy dạy nghề mộc… cam kết dành cho cậu Giuse Odasso trong khóa học nghề của cậu… những lời khuyên có ích lợi mà một người cha tốt lành ban cho người con của chính mình liên quan tới hạnh kiểm luân lý; sửa bảo em với tình yêu thương trong trường hợp có thiếu sót nào, tuy nhiên luôn luôn chỉ thuần là những lời cảnh cáo chứ không bao giờ với các hành vi tàn tệ".

Don Bosco là người phát minh ra các giao kèo học nghề. *Công cuộc Giáo dục giới ăn xin* (được thiết lập năm 1774) đã qui định các giao kèo này từ bấy lâu. Nhưng hai bản giao kèo có chữ ký của Don Bosco này là hai bản cổ nhất được lưu giữ tại Torino. Có lẽ chúng ta được phép nghĩ rằng (trừ phi có những tài liệu khác làm chứng khác đi) ngoài *Công cuộc giáo dục giới ăn xin* và các nỗ lực của Don Bosco, ta hầu như thấy không có ai khác đã đứng ra bảo vệ các người trẻ học nghề vào thời đó.

Chúng ta không thể nghĩ rằng các cha mẹ trẻ em học nghề đã đứng ra, vì họ nghèo và dốt nát. Chúng ta cũng không thể nghĩ là chính quyền dân sự thời đó đã đứng ra, vì thứ chủ thuyết tự do của họ: họ sẽ để mặc cho các trẻ học nghề bị bóc lột theo luật của "sự cạnh tranh tự do".

Đơn độc, không được bảo vệ, trong tay ông chủ

Buổi đầu, nhà Nguyện xá (mà Don Bosco gọi là "nhà đón người cơ nhỡ", nay chúng ta gọi chính xác hơn là Trường Nội Trú") đón tiếp cách riêng các lao động trẻ. Sau thằng bé đến từ Val Sesia, tạt vào gian bếp của mẹ Margarita nhưng một ngày mưa tầm tã, sau Buzzetti và Gastini, mỗi năm đều có hàng chục đứa khác nữa. Có những đứa ở lại đó ba năm, đứa khác hai tháng, lại có những đứa suốt đời luôn. Chỉ mãi đến năm 1856, các học sinh mới chiếm đa số trong các nội trú sinh.

Sự ưu tiên dành cho các lao động trẻ đã được thúc đẩy bởi điều kiện cơ cực của họ. Các sắc lệnh của nhà vua năm 1844 nhằm bãi bỏ các nghiệp đoàn, đã bỏ rơi các thợ thuyền, cách riêng là những thợ trẻ, đơn độc và vô phương tự vệ trong tay người chủ. Carlo Alberto đã ngậm đắng nuốt cay việc thành lập các "hội cứu tế", điều mà chính phe tự do cũng chống đối luôn.

Don Bosco giao phó bọn trẻ của ngài cho các ông chủ, bảo vệ chúng bằng những hợp đồng đôi bên cùng có lợi, đến gặp chúng hàng tuần như là "người chịu tránh nhiệm đối với gia đình". Nếu người chủ không tôn trọng các thỏa hiệp, ngài sẽ rút lại người thợ tập nghề.

Năm 1853, khi tòa nhà mới đã xây dựng xong, ngài liền quyết định mở ngay tại nhà của mình những xưởng thợ đầu tiên.

Hai bàn thợ mộc đã bắt đầu

Mùa thu năm 1853, Don Bosco mở xưởng đóng giày và xưởng may. Xưởng đóng giày được đặt trong một gian hết sức nhỏ hẹp hồi ấy được dùng làm phòng áo mini của nhà nguyện Pinardi, kế bên tháp chuông, hai bàn thợ mộc và bốn cái ghế đẩu. Don Bosco là huấn luyện viên đầu tiên: ngài ngồi trước bàn thợ mộc, lấy búa gõ từng cú một lên một đế giày đặt trước mặt bốn đứa trẻ. Sau đó, ngài dạy chúng sử dụng dùi và cái vuốt ngựa. Mấy ngày sau, ngài nhường chức huấn luyện viên ấy cho ông Đa Minh Goffi, lao động bảo vệ của nguyện xá.

Bọn thợ nay được "cắm dùi" trong gian bếp, trong khi nồi xoong và các bếp lò thì được chuyển qua nhà mới. Các thầy dạy cắt may đầu tiên là mẹ Margarita và lại vẫn là Don Bosco, dạy chúng may vá cắt y hệt như ngài đã được học ở bác Gioan Roberto, ở Castelnuovo hồi nào.

Trong mấy tháng đầu năm 1854, gần như để giỡn chơi, ngài mở xưởng thợ thứ ba: xưởng đóng sách. Không một đứa nào trong bọn trẻ biết làm nghề này.

Một hôm, vây quanh mình là vài thiếu niên, ngài trải lên bàn những tờ giấy đã in sẵn dành cho cuốn sách mới nhất của ngài. Các Thiên thần Bản mệnh. Rồi ngài đưa tay chỉ một đứa trong bọn.

- Con sẽ làm thợ đóng sách!

- Con hả! Nhưng con thậm chí còn chưa hiểu đóng sách là gì nữa.

- Dễ ợt, lại đây nào. Con thấy chứ? Mấy tờ giấy khổ lớn này được gọi là "chữ ký". Phải gấp chúng làm hai, rồi lại làm hai và thêm một lần làm hai nữa. Rồi đó! Hãy làm thử xem sao!

Với sự tiếp tay của những đứa khác đang vây quanh bàn, mọi tờ giấy đã được xếp xong xuôi. Don Bosco đặt các chữ ký chồng lên nhau.

- Thế đó, vậy là cuốn sách đã làm xong. Bây giờ, phải khâu cho nó dính lại.

Họ kêu mẹ Margarita đến "cứu bồ" và với một cây kim lớn và vài mũi chích vào ngón tay, họ đã thành công, keo để gián bìa là một ít bột trắng quậy với nước.

Còn phải làm một công đoạn nữa: cắt xén cho thành hình cuốn sách. Làm thế nào đây? Xúm quanh bàn, bọn trẻ thi nhau đưa ra những ý kiến khác nhau: dùng kéo, một con dao, một bàn chà. Don Bosco xuống bếp và lấy con dao phay bằng thép thường dùng để xắt nhỏ hành khô và ngò. Bằng vài cú chắc nịch, ngài cắt bỏ từng xấp giấy. Bọn trẻ cười thích thú, Don Bosco cũng vậy; nhưng xưởng thợ đã được "khai trương" và tổ chức trong một phòng tòa nhà mới.

Một năm để có xưởng in

Khoảng cuối năm 1856, xưởng thợ thứ tư đã được khai trương: xưởng một.

Sự việc lập tức trở thành một việc nghiêm túc. Một nhóm khá đông thiếu niên đã rút khỏi cơ xưởng trong thành phố và đã đến "cắm dùi" trong một căn phòng lớn có thiết đặt các bàn thợ mộc, các đồ nghề, kho dự trữ gỗ. Ông Corio là công trình sư đầu tiên.

Xưởng thợ thứ năm, được mong đợi nhiều nhất, chính là xưởng in. Don Bosco đã phải tranh đấu gần trọn một năm mới nhận được giấy phép của Quận, cấp ngày 31.12.1861.

Buổi đầu thật khiêm tốn, hai cái máy rập mà bọn trẻ làm cho xoay bằng sức mạnh của các cổ tay. Nhưng, vào thuở sinh tiền của Don Bosco, nhà in ấy đã biến thành nhà in vừa quan trọng vừa hiện đại, cạnh tranh với những nhà in xịn nhất trong toàn thành: bốn máy rập, mười hai máy in chạy bằng mô-tơ, máy đúc để làm bản kẽm, lò đúc chữ, đúc bản in khắc.

Năm 1862, Don Bosco mở xưởng thứ sáu và cũng là xưởng thợ cuối cùng của ngài, lò rèn, tiền thân của các xưởng cơ khí hiện nay.

Bốn cách thức để tìm ra cách thức tối ưu

Để các xưởng thợ của mình hoạt động được, Don Bosco đã đụng phải nhiều khó khăn và đã phải thử nghiệm liên miên nhiều công thức khác nhau.

Thoạt tiên, ngài sử dụng các thầy dạy nghề với lương bình thường. Kết quả, họ lo làm việc chứ không lo cho sự tiến bộ của các học sinh cũng như cho sự hoạt động tốt của xưởng.

Công thức thứ hai, các thầy dạy nghề phải chịu trách nhiệm hoàn toàn, kể cả việc tìm ra các đơn đặt hàng như thể họ là những ông chủ vậy. Kết quả, bọn trẻ bị đối xử không khác gì những lao công bị đặt dưới quyền ông giám đốc.

Thí nghiệm thứ ba, Don Bosco chịu trách nhiệm hoàn toàn, cả về mặt đạo đức lẫn hành chánh, đối với các xưởng thợ, chỉ để lại cho các thầy dạy nghề việc đào tạo tay nghề cho các thợ tập sự. Lại thêm một kết quả tiêu cực nữa: sợ bị qua mặt bởi những học sinh xuất sắc nhất, các huấn luyện viên giảng dạy rất ít, bỏ mặc cho học sinh làm biếng.

Công thức tối ưu, Don Bosco đã tìm ra khi ngài đào tạo thành công các trưởng xưởng hoàn toàn gắn bó với ngài: các sư huynh Salêdiêng, cũng là những

tu sĩ như các thầy tư giáo và các linh mục, nhưng chuyên lo cho các trường dạy nghề.

"Ai không hoàn toàn nghèo thì không có chỗ trong Nhà này"

Trường nội trú Nguyện Xá không phải là "xưởng đào tạo các người thợ", mà là một nhà thực hiện một nền giáo dục đích thực. Bởi lý do đó, trong năm học 1854-1855, Don Bosco khai mào "cuốn nội qui thứ nhất" trình bày dung mạo của Công cuộc dành cho các thợ học nghề trẻ (trong phần Phụ lục có bàn đến các nội qui lệ liên quan đến các học sinh trẻ học văn hóa).

Người thợ trẻ được nhận vào đây phải ở lứa tuổi từ 12 đến 18 tuổi, "mồ côi cha hay mẹ và hoàn toàn nghèo và bị bỏ rơi. Nếu có các anh hay các cậu có khả năng đảm nhận việc giáo dục, thì em đó không nằm trong mục tiêu của Nhà".

Bản nội qui giới thiệu cho các bạn trẻ "những người mà mỗi bạn trẻ phải phục tùng, và các em phải coi họ như những bề trên của Nhà". Các vị đó là Cha Giám đốc (trách nhiệm về bổn phận của mỗi một người và về luân lý của các học sinh trong trường), cha Tổng Quản hay Quản lý, Cha Giám linh hay linh hướng (có nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu thiêng liêng của các em), hộ trực (phân phát bánh, coi sóc phòng ăn, các xưởng thợ, các nhà ngủ).

Nội qui khích lệ các nhân đức chính là lòng sùng kính đối với Thiên Chúa, làm việc, vâng phục các bề trên, yêu thương các bạn hữu, nết na. Nội qui ra luật về hạnh kiểm tại nhà và ngoài nhà. Nó nêu lên "ba cái xấu hết sức phải xa lánh": là nói phạm thượng, gian lận và ăn cắp.

Thời khóa biểu tiên liệu việc thức dậy vào ban sáng, thánh lễ với kinh nguyện và lần hạt mân côi, bữa ăn sáng và công việc. Tất cả phải có mặt trong bữa ăn trưa và trong giờ chơi lớn vào buổi sau trưa. Rồi các học sinh học nghề lại tái làm việc trở lại. Vào buổi chiều các học sinh được tiên liệu phải làm bài. Ngày học kết thúc với kinh chiều và những lời huấn tứ tối của Don Bosco dành cho cả

gia đình trường nội trú Nguyện Xá. Các học sinh cũng được khích lệ tham dự hằng tháng một cuộc tĩnh tâm ngắn (gọi là buổi Dọn Mình Chết Lành), và mỗi năm một khóa tĩnh tâm.

Về lãnh vực tôn giáo, Don Bosco luôn luôn ít đòi hỏi đối với các học sinh học nghề so với các học sinh học văn hóa. Nhưng khi thấy trong số các em học nghề có những dấu hiệu của đời sống thiêng liêng đáng kể, ngài đã ủng hộ việc thành lập "Hội các bạn kính Thánh Giuse": tức là một nhóm tập trung các bạn tốt hơn cả và thôi thúc các bạn này đào sâu đời sống Kitô hữu và tông đồ.

Chương 31: NHỮNG HỌC SINH KHOÁC ÁO NHÀ BINH

Ngày 1.11.1851, Don Bosco về thăm quê cha đất tổ, xứ Castelnuovo d'Asti. Chiều tối, tại nhà thờ, ngài đã đảm nhận bài giảng trong nghi thức cầu cho những người quá cố. Trong số các em của ca đoàn. Có một đứa bước theo ngài về tòa giảng và cứ đứng lỳ ở đó mà nhìn ngài miệng há hốc trong suốt bài giảng. Và Don Bosco nhận thấy là nó vẫn tiếp tục yên lặng quan sát ngài khi họ đã quay về phòng áo. Ngài gọi nó:

- Dường như con có điều gì cần nói với cha, phải không?

- Phải chứ, thưa ông. Con muốn đi Torino với cha để học và trở thành linh mục.

- Tốt. Vậy con hãy bảo mẹ con đến nhà xứ gặp cha sau bữa ăn tối nay.

Thằng bé tên là Gioan Cagliero, nó đã mồ côi cha. Bà mẹ cùng đến với Giovanni sau bữa ăn tối.

- Thế ra, bà Têrêxa à, Don Bosco nói đùa, bà tính bán con trai của bà cho tôi thật sao?

- Dạ, đâu có! Người đàn bà vừa cười vừa đáp. Ở đây những con bê mới là mặt hàng để bán buôn. Còn bọn con nít, chúng con chỉ dùng làm quà biếu mà thôi.

- Thế lại còn hay hơn nữa. Bà hãy chuẩn bị cho cháu nó vài bộ đồ và mai này tôi sẽ đem nó theo với tôi.

Hôm sau, lúc hừng đông Gioan Cagliero đã có mặt tại nhà thờ. Cậu giúp lễ cho Don Bosco, dùng bữa điểm tâm với ngài, ôm hôn thân mẫu và gói hành trang kẹp dưới nách, kêu lên với vẻ nóng lòng:

- Thưa Don Bosco, chúng ta đi chứ?

- Ngủ trong chiếc thúng đựng mì dòn.

Họ cuốc bộ suốt quãng đường dài. Thật ra, Giovanni đã rảo qua hai lần lộ trình ấy vì vừa nói chuyện với Don Bosco nó vừa chạy phía trước, đuổi bắt bướm trên các đồng cỏ, nhảy qua các kênh mương. Cagliero nhớ lại:

"Don Bosco, suốt dọc lộ trình, đặt ra cho tôi cả ngàn câu hỏi, còn tôi, tôi đã đáp trả ngài cả ngàn câu. Kể từ giờ phút ấy, với ngài tôi đã không còn giữ kín bất cứ điều gì nữa. Trong khi nghe các chuyện tiếu lâm của tôi, ngài đã nửa đùa nửa thật bảo tôi rằng tôi sẽ phải chuyển biến tốt hơn. Cuối cùng, chúng tôi đã đến Torino.

Tối mồng 2 tháng 11, chúng tôi đều mệt nhoài. Don Bosco giới thiệu tôi với mẹ Margarita qua câu nói:

- Mẹ ơi, con dẫn về cho mẹ một thằng bé quê ở Castelnuovo nè!

Mẹ Margarita đáp:

- Phải rồi, con thì chỉ được cái là lôi bọn con nít ở đâu về, còn mẹ, mẹ chẳng biết phải nhét chúng vào chỗ nào nữa.

- Thằng này nó nhỏ tới mức chúng ta có thể cho nó ngủ trong thúng đựng mì dòn. Với một sợi dây, chúng ta sẽ treo nó lên tuốt trên sàn nhà, như một lồng chim bạch yến vậy.

Mẹ Margarita bật cười và bắt đầu kiếm cho tôi một chỗ. Quả thật chẳng có một chỗ trống nào cả, và đêm ấy tôi đã phải ngủ dưới chân giường một người bạn.

Hôm sau, tôi đã để ý thấy cảnh nghèo bao trùm ngôi nhà ấy. Các phòng ngủ của chúng tôi, dưới tầng trệt, đều chật hẹp, nền lót đá lượm ngoài đường phố.

Trong gian bếp, chỉ có vài cái đĩa bằng thiếc với một lượng muỗng cũng ngang ngang như vậy. Nĩa, dao, khăn ăn, phải nhiều năm sau chúng tôi mới được thấy trên bàn ăn của mình. Don Bosco đích thân dọn cho chúng tôi ăn, giúp chúng tôi giữ phòng ngủ cho gọn gàng ngăn nắp, giặt giũ và vá quần áo cho chúng tôi, phục vụ chúng tôi trong những công tác hèn kém nhất.

Chúng tôi để mọi thứ làm của chung. Chúng tôi cảm thấy đang ở trong một gia đình hơn là một trường học, dưới sự chỉ đạo của một người cha rất yêu thương chúng tôi, và chẳng có ưu tư nào khác hơn là lo mưu ích cho chúng tôi cả về tinh thần lẫn vật chất.

Gioan Cagliero đã chứng tỏ, ngay từ buổi đầu, một trí thông minh sắc sảo và một bản lĩnh vui tươi. Cậu ưa thích trò chơi với một tình cảm lai láng như nước vỡ bờ vậy.

Micae Rua vẫn tiếp tục sống tại nhà thân mẫu, nhưng sáng nào cũng dẫn đầu nhóm học sinh và, cùng nhau, họ lên đường vào thành phố, lại nhà giáo sư Bonzanino. Don Bosco đã giao cho Rua vai trò làm giám thị, với nhiệm vụ ngăn chặn bất kỳ ai cúp cua. Micae rất ít khi giữ được Cagliero trong vòng kỷ cương. Vừa ra khỏi nguyện xá, Giovanni liền đổi hướng, phóng như bay về khu Porta Palazzom Cổng Dinh và dừng lại trước bọn mãi võ Sơn Đông và các lều bạt của gánh xiếc lưu động. Rồi, a lê hấp! Vẫn co giò chạy, đến trường! Khi những đứa khác tới nơi, cậu đã đứng sẵn trước cửa, mồ hôi nhỏ giọt, nhưng hài lòng thấy rõ. Micae lườm nguýt lên "Đạo binh bất trị":

- Sao bạn không đi chung với chúng tôi?

- Tại tớ khoái đi ngõ khác, như vậy thì có gì là bậy chứ?

- Bạn cần phải vâng lời.

- Bộ tôi không vâng lời sao? Tôi phải đến trường, thì tôi đến rồi đây. Tôi phải đúng giờ, thì tôi có bao giờ đến trễ đâu. Mắc mớ gì cậu nếu tớ khoái đi coi mấy tên lang băm mãi võ…".

Gioan Cagliero sau này sẽ thành vị Giám mục Hồng y Salêdiêng tiên khởi. Bên cạnh Rua, cậu sẽ là một trong những trụ cột kiên cố nhất của Tu hội Salêdiêng. Nhưng về tính khí Rua và Cagliero mãi mãi vẫn sẽ rất khác nhau, Micae: cần mẫn, kiên trì, cân nhắc chín chắn; Gioan: liều lĩnh, đam mê, hung hãn. Cả hai đều sẵn sàng nhảy vào lửa vì Don Bosco.

"Con sẽ đi qua biển Đỏ và sa mạc"

Ngày 22.9.1852 Micae Rua vào ở luôn tại nguyện xá với tư cách nội trú sinh, hôm sau cùng với Don Bosco, mẹ Margarita sáu mươi bốn tuổi, và hai mươi sáu bạn học, cậu cuốc bộ về xóm Becchi. Don Bosco sẽ giảng tuần chín ngày dọn mừng lễ Mân Côi tại Castelnuovo và bọn trẻ sẽ được đón tiếp bởi anh Giuse của ngài.

Trước giờ xuất phát, Don Bosco gọi Micae đến và bảo:

- Sang năm, cha cần con phụ cha một tay để điều hành nhà của chúng ta. Ngày 3 tháng 10, là lễ Đức Mẹ Mân Côi. Cha xứ ở Castelnuovo sẽ đến Becchi và trong ngôi nhà nguyện nhỏ, ngài sẽ cho con mặc áo chùng thâm của các thầy tư giáo. Khi trở lại nguyện xá, con sẽ là thầy hộ trực kiêm thầy giáo của bạn mình. Con đồng ý chứ?

- Đồng ý!

Tới ngày lễ, trên chiếc xe đưa họ về Torino, Don Rua nhớ lại là, phá tan sự yên lặng, Don Bosco đã bảo cậu:

- Micae yêu quí của cha, giờ đây con đã bắt đầu một cuộc sống mới. Nhưng con nên biết rằng trước khi vào được Đất hứa, con sẽ phải đi qua Biển đỏ và Sa mạc đã. Nếu con giúp cha, thì chúng ta sẽ đi qua cả hai nơi ấy một cách yên ổn, và chúng ta sẽ tới Đất hứa.

Micae ngẫm nghĩ một lát. Cậu không hiểu rõ lắm. Rồi, đến phiên mình phá tan sự yên lặng, cậu hỏi:

- Cha còn nhớ cuộc gặp gỡ đầu tiên của chúng ta chứ? Cha đã phân phát những mẫu ảnh đeo nhưng chẳng còn mẫu nào cho con cả. Lúc ấy cha đã làm một động tác lạ lùng như thể cha muốn cho con nửa bàn tay của cha vậy. Điều ấy có nghĩa ra sao?

- Con vẫn chưa hiểu à? Lúc ấy cha muốn nói là hai chúng ta sẽ ăn đồng chia đủ với nhau mọi sự. Tất cả những gì là của cha cũng sẽ là của con luôn: những món nợ, những trách nhiệm, những rắc rối.

Và Don Bosco mỉm cười.

- Nhưng rồi con sẽ thấy là sẽ có vô số những cái rất tuyệt vời. Và sau hết mọi sự, cái tuyệt nhất trần đời: Thiên Đàng.

Bảo hành năm mươi năm

Thứ ba trong tuần Phục Sinh năm 1853. Bầu trời Torino phủ đầy những đám mây u ám. Gioan Francesia và Micae Rua, bạn học cùng lớp và là đôi bạn thân sống chết có nhau, đang cùng nhau ôn tập bài học tiếng Ý. Nhưng Micae tỏ ra lơ đãng, xa vắng. Hình như một nỗi buồn mênh mang đã phủ chụp xuống trên cậu. Francesia, sau khi đã hỏi bạn hai lần cùng một câu, đột ngột gấp sách lại và gào lên:

- Ê kìa! Bữa nay cậu mắc chứng gì vậy?

Cắn lấy môi để khỏi bật khóc, Micae thì thầm:

- Anh Gioan của tớ chết rồi… Lần sau, sẽ đến phiên tớ…

Đó là người cuối cùng trong đám anh em còn sống tại nhà. Kể từ nay, bà mẹ, trong nơi thường trú của mình tại cơ sở sản xuất vũ khí, sẽ chỉ còn một thân một mình. Don Bosco hay tin và để giải khuây cho Micae, đã đưa cậu đi với mình rảo qua khắp kinh thành Torino. Ngài phải giải quyết một vụ việc gần nhà thờ Gran-Madre Đức Bà Cả, trên bờ sông Pô. Họ rảo bước, miệng nói về nguyện xá. Những ngày vừa qua, Torino đã mừng kỷ niệm lần thứ tám, 50 năm "Phép lạ

Mình Thánh Chúa" và Don Bosco đã phát hành một tập sách nhỏ bán đắt như tôm tươi. Bất chợt, Don Bosco dừng bước và chậm rãi nói:

- Năm mươi năm sau, người ta sẽ mừng kỷ niệm lần thứ chín 50 năm phép lạ cả thể này, nhưng cha sẽ không còn sống tới đó. Phần con, con sẽ vẫn còn sống. Lúc ấy con hãy nghĩ đến việc cho in lại cuốn sách nhỏ của cha nhé!

Micae thử tưởng tượng đến thời gian xa lắc, xa lơ ấy: năm 1903. Cậu gật đầu:

- Cha đi quá xa đấy, Don Bosco ạ, khi tuyên bố là con sẽ còn sống tới đó. Phần con trái lại, con thật sự sợ rằng thần chết sắp chơi con một vố đau…

- Chẳng chơi được vố nào cả, dù đau hay là không đau, Don Bosco cắt ngang. Cha bảo đảm với con là năm mươi năm sau, con vẫn còn sống nhăn. Hãy cho tái bản cuốn sách nhỏ ấy, đồng ý chứ?

(Năm 1903, Don Rua vẫn còn sống nhăn, thật thế, là đấng kế vị của Don Bosco trên chóp đỉnh của Tu hội Salêdiêng. Năm ấy ngài bảy mươi tuổi và ngài đã cho in lại cuốn sách nhỏ).

Bọn "con ông cháu cha" và đám học sinh khoác áo nhà binh

Tuy bận chăm lo cho đám thợ thuyền trẻ, Don Bosco vẫn không quên các học sinh. Mục tiêu của ngài, chúng tôi đã thông báo nhiều lần, là nhằm chuẩn bị cho mình những cộng sự viên: các chủng sinh, các linh mục sẽ phụ giúp ngài trong các công tác của ngài, và còn chuẩn bị cả các ơn kêu gọi làm linh mục cho các giáo phận, bằng cách tuyển chọn giữa bọn trẻ "lớn lên giữa cây cuốc và cái búa", để bù đắp tình trạng thiếu hụt linh mục.

Nhóm bốn người đầu tiên mà ngài đã chuẩn bị đã khiến ngài hơi thất vọng, như chúng tôi đã có nói. Nhưng Rua, Cagliero, Francesia đã hoàn toàn đáp ứng lại các kỳ vọng của ngài. Bên cạnh họ, Angelo Saviô, Rocchietti, Turchi, Durando, Cerrutti, đang tiến bộ khả quan.

Chế độ nội trú cho các học sinh ra đời có hơi hấp tấp nhưng phát triển rất mạnh: 12 nội trú sinh trong năm 1859, 35 trong năm 1854, 65 vào năm 1855, 121 vào năm 1857,….

Các học sinh của ba lớp La văn cao nhất đến học tại nhà Don Bonzanino, rồi họ chuyển sang lớp hùng biện và nhân bản của Don Matteo Picco, người tổ chức các lớp trong khu phố Đức Bà An Ủi.

Hai trường tư ấy đều có thành phần học sinh là con em những gia đình khá giả ở Torino, phải trả học phí rất cao. Bọn trẻ của Don Bosco, trái lại, đều được nhận cho học miễn phí.

Đám "con ông cháu cha", lúc đầu, đều nhạo báng lũ cùng đinh với những tấm áo khoác nhà binh "tạo cho kẻ ăn mặc như vậy dáng dấp của dân buôn lậu hoặc một vẻ kệch cỡm, lố bịch". (Những tấm áo khoác ấy, cũng như cái mũ chào của lính, Don Bosco đã được Bộ trưởng làm quà cho, chúng giống như cái mền hơn là những áo khoác ngoài, Don Lemoyne nói, nhưng chúng che mưa, che tuyết rất tốt). Bonzanino không chấp nhận những lời chế nhạo: "Giá trị của một thiếu niên, ngài nghiêm khắc tuyên bố, được căn cứ vào những cuốn tập làm bài chứ không phải vào màu mè của áo quần che thân". Căn cứ theo điểm số, lũ cùng đinh luôn ăn đứt bọn công tử bột. Bọn trẻ của Don Bosco học tập rất tốt. Tình yêu của Don Bosco biết cách tỏ ra yêu sách, tình yêu ấy không chịu đựng nổi những kẻ làm biếng. Năm 1863, giáo sư Prieri, thuộc trường đại học Torino, đã tuyên bố: "Tại nhà của Don Bosco, người ta học tập tốt, học tập ra trò".

"Cha thấy mình thoải mái được ở giữa bọn trẻ"

Những chuyến đi đi về về thành phố không phải là điều lý tưởng đối với Don Bosco. Vả lại, rất nhanh, các phòng lớp của Don Bonzanino và Don Picco đã hết còn đủ chỗ để chứa toàn thể học sinh của nguyện xá.

Ngay khi Gioan-Baotixita Francesia, mười chín tuổi, đã hoàn thành xuất sắc các khóa La văn của mình, ngài liền giao cho anh ta lớp 8 của trường trung học phổ thông. Hồi ấy là tháng 11-1855.

Năm sau bắt đầu hoạt động lớp 6 và lớp 7, điều hành bởi một giáo dân, bạn thân của Don Bosco, giáo viên Bianchi.

Năm 1861, các học sinh ba lớp cấp I trung học vượt con số 200 em. Các giáo viên là những thầy tư giáo Francesia, Provera, Anfossi, Durando, Cerruti.

Trong Phụ lục của "Nội qui" dành cho các học sinh phổ thông, có qui định là Nguyện Xá chỉ nhận các em học sinh phổ thông có đủ ba phẩm chất: "Có khả năng đặc biệt để theo học văn hóa", "có lòng đạo đức trổi vượt", "có ý muốn ôm ấp ơn gọi giáo sĩ, nhưng đồng thời để cho các em tự do theo đuổi ơn gọi sau khi các em đã hoàn thành lớp 12 trong đó có cả môn học La tinh".

Nội qui không nhấn mạnh cách dứt khoát đến điều kiện phải là các em mồ côi hay trong điều kiện nghèo toàn diện. Nhưng phần đông các học sinh văn hóa đều đến từ các môi trường nghèo, và giai thoại các học sinh của Don Bosco đi học ở ngoài Nguyện Xá khi mặc những trang phục nhà binh xác minh điều đó tương đối rõ ràng.

Thời khoa biểu của các em học nghề và học chữ trùng hợp với nhau. Dĩ nhiên là có những khác biệt là trong khi các em học nghề phải trải qua những giờ học trong xưởng thợ, thì các em học văn hóa sẽ học tại trường và trong phòng hội chung.

Cha Lemoyne ghi nhớ rằng: "Cho tới năm 1858, Don Bosco cai quản và điều hành Nguyện Xá giống như một người cha điều hành gia đình của mình. Các trẻ em không cảm thấy có sự khác biệt lớn giữa Nguyện Xá và gia đình riêng của mình. Chúng không phải xếp hàng mà đi từ nơi này sáng nơi khác, không có các hộ trực nghiêm khắc, cũng không có các luật lệ chi li".

Don Bosco ở giữa các trẻ em mỗi khi ngài có thể. Ngài nói rằng: "Không có

các trẻ em của cha, cha không thể nào sống được". Chỉ có một lý do nghiêm trọng mới có thể ngăn cản cha ở giữa chúng, để nói chuyện và tham gia trò chơi của chúng. Ngài cũng dành nhiều thời gian để có mặt trong nhà học riêng của chúng. Ngài làm chuyện này không phải vì thiếu các hộ trực, mà vì "ngài cảm thấy dễ chịu ở giữa chúng", và trên cùng một bàn ghế với chúng để "viết hay suy gẫm về các cuốn sách sắp xuất bản của ngài".

Vào cuối bữa ăn tối, (và điều này còn tiếp diễn cho mãi tới cuối năm 1870), có một chuỗi dài các con cái ùa vào phòng Don Bosco, nơi đây Don Bosco cũng vừa mới ăn xong. Chúng thi đua nhau chạy cho nhanh để có thể ở gần Don Bosco hơn các bạn khác, để thấy cha, hỏi han cha, lắng nghe cha, cười vì hết câu chuyện vui này đến câu chuyện vui khác cha kể. Các trẻ em ngồi quanh ngài, trên các chiếc bàn phía trước, hay đứng, có bạn khác lại còn quì gối nữa. Don Bosco rất thích thú lối gặp gỡ thân mật này, "đó là đĩa món ăn ngon nhất cho bữa tối của ngài".

"Don Bosco không có thể hiểu hết giá trị của gia đình...?"

Bầu khí tu trì vây bọc các học sinh trẻ thật là dày đặc. Họ là những mầm non tao nhã của những ơn gọi làm linh mục tương lai. Don Bosco muốn rằng họ phải chìm đắm trong bầu khí của tinh thần tu hành, Bí tích, đầy tình yêu đối với Mẹ Maria và đối với Giáo hội.

Xưng tội là thói quen hàng tuần hoặc mỗi nửa tháng của mọi người. Ngày nào Don Bosco cũng ngồi tòa để giải tội suốt hai hoặc ba giờ đồng hồ. Tiếng tăm nổi như sóng cồn của ngài về khả năng "đọc được tội lỗi" đã động viên chúng tin tưởng tuyệt đối nơi ngài. Rước lễ, chỉ ít năm sau ngày khai trương môi trường nội trú, đã trở thành một bí tích hàng ngày đối với đông đảo thanh thiếu niên. Có rất ít đứa bỏ không chịu Mình Thánh Chúa ít nhất là một lần trong một tuần.

Người ta hít thở lòng sùng kính Đức Mẹ. Lòng sùng kính này đạt tới đỉnh cao nhất trong những năm của Đaminh Saviô và vào thời điểm đang tiến hành việc xây cất Đại thánh đường Đức Mẹ Phù Hộ.

Lòng yêu mến Đức Giáo Hoàng vẫn còn là một điểm cố định trong tâm tình Kitô giáo của Don Bosco. Thiên hạ sẽ nói ngài "hết lòng với Đức Thánh Cha còn hơn cả chính Đức Thánh Cha để ý tới vị trí của Ngài" và người ta không hoàn toàn sai khi nói thế. Đây đã không chỉ là những lời nói suông: để vâng theo lời cầu mong của một Đức Giáo Hoàng, Don Bosco sẽ "xả láng", thí bỏ những năm cuối cùng trong đời sống của ngài. Bọn trẻ đã hấp thu nhuần nhuyễn tinh thần của ngài.

Don Bosco cũng có thể sai lầm chứ! Theo các nhà tâm lý học hiện đại cũng như các nhà giáo hội học, thì Don Bosco có sai lầm lớn liên quan đến kỳ nghỉ hè tại gia đình các học sinh. Ngài đã muốn rút vắn tới mức tối đa kỳ nghỉ hè như vậy. Ngài cho đó là một nguy hiểm nghiêm trọng cho các ơn gọi.

Các chuyên viên ngày nay nói với chúng ta rằng: "Don Bosco, người con của thời đại mình, đã không hiểu nổi giá trị của gia đình và của giáo xứ như là một Giáo hội địa phương ươm mầm cho ơn gọi". Có lẽ chúng ta có một chút e ngại trước một nhận xét quyết liệt như thế đối với Don Bosco! Cứ tính thử các con số xem cái mà Don Bosco đã đạt được về ơn gọi: chỉ trong năm 1861 tại Nguyện Xá đã nẩy sinh 34 ơn gọi linh mục". Nhà của ngài được giới chống giáo sĩ gọi là "một nhà máy sản xuất các ơn gọi linh mục". Vào cuối đời ngài, các linh mục xuất thân từ Nguyện Xá Valdocco tính đến cả ngàn người. Và chắc chắn họ không phải là một đội quân của những người đã bị đàn áp. Gia đình và giáo sĩ quả có đóng góp lớn cho ơn gọi, nhưng hiện nay trong một xã hội tục hóa, môi trường gia đình và xã hội cũng có thể lây nhiễm những quan điểm tục hóa, và thiếu hẳn những giá trị đích thực của một gia đình Kitô giáo và tự nó cũng chưa đủ sức bảo vệ, vun trồng và quí chuộng ơn gọi. Cho nên ơn gọi cũng cần được

bảo vệ trong những môi trường giáo dục giàu tinh thần gia đình. Hơn nữa, Don Bosco xác tín rằng nơi các linh mục, điều thiết yếu chính là Đức Khiết tịnh. Cần phải bảo vệ các "tư giáo nhỏ" này trong thời thể lý tế nhị của tuổi dậy thì. Đó là một nhận định chí lý, mà chúng ta dù vẫn phải giữ chắc giá trị của gia đình và của giáo xứ trong tư cách Giáo hội địa phương, vẫn cần phải tìm cách cứu vãn bầu khí giáo dục lành mạnh, thân tình và làm phát huy sự quí chuộng đối với Đức khiết tịnh.

Chương 32: 1854 - CHÚNG TA SẼ ĐƯỢC GỌI LÀ SALÊDIÊNG

Ngày 26.01.1854, ở Torino, trời rét như cắt da cắt thịt, nhưng trong căn phòng nhỏ của Don Bosco, có tỏa ra một hơi nóng đúng mức cần thiết. Don Bosco đang nói với bốn thanh niên đang rong ruổi đuổi theo từng lời của ngài với một trí tưởng tưởng đầy tin tưởng.

"Các con thấy là Don Bosco đang làm tất cả những gì mình có thể, nhưng ngài chỉ có một mình. Ngược lại, nếu các con giúp cha một tay, thì cùng nhau chúng ta sẽ có thể làm được những điều kỳ diệu. Nhiều trẻ em nghèo đang chờ chúng ta. Cha cam đoan với các con là Đức Mẹ sẽ gởi đến cho chúng ta những nguyện xá rộng lớn khang trang, những Thánh đường, những tòa nhà, những trường học và rất nhiều vị linh mục kiên quyết phụ giúp chúng ta. Và chuyện đó xẩy ra ở Ý, ở Châu Âu, chưa gì cha đã thấy một cái mũ giám mục rồi.

Bỡ ngỡ, bốn thanh niên nhìn lẫn nhau. Họ tưởng như mình đang ngủ mơ. Tuy vậy, Don Bosco đâu có ngủ mơ, ngài rất nghiêm túc và có vẻ như đang đọc thấy tương lai:

- Đức Mẹ muốn rằng chúng ta hãy phát động một Tu hội. Cha đã tự hỏi từ lâu nên đặt tên cho Tu hội ấy là gì. Cha đã quyết định là chúng ta sẽ được gọi là Salêdiêng.

Trong bốn thanh niên ấy có những viên đá tảng để làm nền móng cho tu hội Salêdiêng. Trên cuốn sổ tay của mình, tối hôm ấy, Micae Rua đã cẩn thận ghi

chép: “Chúng tôi đã họp nhau tại phòng Don Bosco, Rocchietti, Artiglires, Cagliero và Rua. Ngài đã đề nghị chúng tôi hãy tiến hành, với sự trợ giúp của Chúa và của Thánh Phanxicô đệ Salê, một cuộc thử nghiệm thực hành Đức ái đối với người khác. Sau đó chúng tôi sẽ đưa ra một lời hứa và rồi nếu có thể chúng tôi sẽ tuyên khấn với Chúa. Những ai làm việc thử nghiệm ấy và những ai sẽ làm vậy sau này, sẽ được nhận danh hiệu Salêdiêng.

Dàn dây leo và những bông hồng

Những “dự đoán tương lai” mà Don Bosco thông tri cho mấy thanh niên của mình tối hôm ấy, cũng chính là những điều mà mấy năm về trước đã khiến thiên hạ tưởng ngài bị điên và suýt nữa thì đã đem ngài vào nhà thương điên.

Nhưng Don Bosco đã lặp lại những điều ấy với một sự chắc ăn lì lợm bởi lẽ (như Don Borel đã nói thế) “ngài thấy những điều ấy trong giấc mơ“. Năm 1847, ngài đã mơ một “giấc mơ cơ bản” được dùng làm chương trình. Đây là những lời của chính ngài trong các vụ việc thông thường. Chỉ mãi đến năm 1864 ngài mới kể lại giấc mơ này, trong phòng đợi của mình cho mấy tu sĩ Salêdiêng tiên khởi, trong đó có Don Rua, Don Cagliero, Don Durando, Don Barberis:

“Một ngày trong năm 1847, sau khi đã ngẫm nghĩ về cách thức mưu ích cho giới trẻ, Nữ vương Thiên Đàng đã hiện ra với cha (cách dùng từ rất hữu hạn của Don Bosco, thông thường ngài quen nói: Cha đã thấy trong giấc mơ bà rất đẹp…) và đã dẫn cha vào một khu vườn thần tiên. Trong đó có nhiều cổng xây hình vòng cung đẹp lộng lẫy trông ra một dàn dây leo bằng gỗ tuyệt đẹp được viền hai bên và phủ đầy bởi những cây hoa hồng diễm lệ đang nở rộ. Cả mặt đất cũng phủ đầy những bông hồng. Đức Trinh Nữ bảo cha:

- Hãy bước đi dưới dàn dây leo này, đây là con đường mà con phải đi qua đi lại hoài.

Cha bắt đầu bước đi. Nhiều cành cây từ trên cao thòng xuống trông tựa như những tràng hoa. Cha chỉ thấy toàn hoa hồng là hoa hồng, ở bên phải cũng như bên trái, hoa hồng ở trên đầu cha, hoa hồng ở trước mặt cha. Nhưng hai chân cha vướng vào những cành lá nằm ngổn ngang trên mặt đất và làm cha bị thương. Khi đưa tay gạt một cành cây chắn ngang lối đi, cha đã bị gai chích, hai tay cha và toàn thân cha be bét máu. Những bông hồng giấu ẩn một lượng gai nhọn vô số kể.

Tất cả những ai thấy cha tiến tới đều nói:

- Don Bosco lúc nào cũng bước đi trên những bông hồng. Mọi sự đều tốt đẹp đối với ngài!.

Họ đâu có thấy gai nhọn đã cào nát tay chân cha.

Rất nhiều các chủng sinh, các linh mục và các giáo dân sống đời phàm tục mà cha ngỏ lời mời gọi đã bắt đầu hớn hở đi theo cha, ngất ngây trước vẻ đẹp của những bông hoa ấy. Nhưng họ đã hiểu là mình phải tiến bước giữa đám gai nhọn và họ bắt đầu la lên: “chúng ta bị gạt rồi”, nhiều người bỏ đi. Cha ở lại, hầu như chỉ còn một mình. Cha nói:

- Lẽ nào ta lại phải đi lại một mình trên con đường này sao?

Nhưng cha đã sớm được an ủi. Cha thấy bước về phía mình một đám đông gồm các linh mục, các chủng sinh, các giáo dân sống đời phàm tục, tất cả đều nói với cha:

- Chúng con xin hết mình vì cha. Chúng con sẽ theo cha.

Cha lại tiếp tục lên đường, bước đi dẫn đầu cả bọn họ. Chỉ có vài người đã nản lòng và đã dừng lại. Phần đông đã đi với cha tới nửa đoạn đường.

Sau khi đi qua hết dàn cây leo, cha thấy mình đứng trong một khu vườn tuyệt đẹp. Những kẻ trong đám người ít ỏi tháp tùng cha đều đã gầy xọp hẳn đi, đầu tóc rối bù, mình mẩy đẫm máu. Lúc ấy một làn gió hiu hiu nhẹ thổi, và cùng lúc gió mát, mọi người đều hồi phục sức khỏe. Một ngọn gió nữa nổi lên và như

có phép lạ, cha thấy xung quanh mình là cả một đám đông vô số những người trẻ tuổi và những chủng sinh, những cộng tác viên sống đời phàm tục và cả những linh mục nữa, ai nấy đều bắt đầu làm việc với cha trong công tác dìu dắt giới thanh thiếu niên. Cha nhận ra được trong đám ấy một số bộ mặt rất quen thuộc, nhưng rất nhiều người khác cha chưa hề quen biết.

Lúc ấy, Đức Mẹ là Đấng đã dẫn đường cho cha, phán bảo cha:

- Con biết ý nghĩa của những gì con đang thấy cũng như những gì con đã thấy trước kia chứ?

- Thưa không.

- Con đường mà con đã đi qua băng ngang những bông hồng và những gai nhọn tiêu biểu cho nỗi lo toan cho giới trẻ mà con sẽ phải đảm trách. Con sẽ phải bước đi bằng đôi giầy hãm mình phạt xác. Gai góc là những trở ngại, những khổ đau, những nỗi khó chịu sẽ tập kích con. Nhưng con chớ có sờn lòng nản chí. Với đức ái và với sự hãm mình, con sẽ thắng và sẽ đến được với những bông hồng không có gai".

Ngay khi Đức Mẹ Chúa Trời vừa dứt lời, cha liền chợt tỉnh và thấy mình đang ở trong phòng ngủ của mình.

Cha đã thuật lại cho các con chuyện này, ngài kết luận, ngõ hầu mỗi người chúng ta đều vững tin rằng chính Đức Mẹ là Đấng mong muốn có Tu Hội của chúng ta, và ngõ hầu chúng ta càng ngày càng thêm quyết tâm hoạt động cho danh Cha cả sáng.

Được hướng dẫn bởi niềm tin bình thản ấy, Don Bosco ngày nào cũng tung lưới vào giữa các thanh thiếu niên của mình nhằm làm tăng trưởng số lượng các tu sĩ Salêdiêng tương lai của mình. Ngài nói, cứ như là ngẫu nhiên: "Con có thích Don Bosco không? Con có thích ở lại với cha không?" hoặc "lẽ nào con lại không tiếp tay với cha để giúp đỡ các thanh thiếu niên? Con thấy đó, thậm chí nếu cha

có tới một trăm linh mục và một trăm chủng sinh, cha vẫn sẽ có đủ việc làm cho mọi người. Chúng ta sẽ có thể đi cùng khắp thế giới".

"Cha trả lương cho tôi ra sao?"

Tại Avigliresna có một linh mục lớn hơn Don Bosco ba tuổi. Tên cha ấy là Victor Alasonatti. Don Bosco đã gặp cha ấy nhân tuần tĩnh tâm ở Nhà tĩnh tâm Thánh Inhaxio. Họ trở thành bạn thân của nhau. Don Alasonatti, tại Avigliresna, là giáo viên dạy trường sơ cấp và rất được lòng bọn con nít. Cha ấy hơi nghiêm túc, đòi hỏi, một phong cách chững chạc, nhưng ai nấy đều rất quý mến cha.

Nhiều lần Don Bosco đã chọc ghẹo cha nhằm giỡn chơi:

- Cha có bao nhiêu con cái? Ba chục hả? Vậy mà cha không thấy mắc cỡ sao? Làm sao mà cha lại dám làm việc chỉ cho ba chục đứa con nít chứ? Thôi đi, cha hãy tới giúp tôi một tay ở Torino đi.

- Thế về thù lao, cha sẽ cho tôi những gì nào?

- Bánh ăn, việc làm, và Thiên đàng. Sách vở thì cha sẽ chẳng chồng chất được nhiều, nhưng giấc ngủ thì cha sẽ có thể để giành bao nhiêu tùy thích".

Từ câu nói đùa này đến câu nói đùa khác, Don Alasonatti bắt đầu ngẫm nghĩ nghiêm chỉnh. Don Bosco biết thế và trong quý đầu của năm 1854 ngài đã viết cho cha ấy một lá thư trong đó ngài chỉ ghi vỏn vẹn mấy lời: "*Hãy đến giúp tôi đọc kinh nhật tụng*".

Ngày 14 tháng 08, sau khi giải quyết xong mọi việc riêng, Don Alasonatti: đến nguyện xá với một va ly nhỏ trên tay và một cuốn kinh nhật tụng kẹp dưới nách. Cha ôm hôn Don Bosco và bảo ngài:

- Tôi đến rồi đây. Đâu là chỗ tôi sẽ 'cắm dùi' để đọc kinh nhật tụng đây?

Don Bosco đưa cha ấy vào văn phòng nơi có cất giữ các sổ sách kế toán.

- Chỗ này đây. Đây sẽ là giang sơn của cha. Cha đã dạy đại số quá nhiều, nên đối với cha những phép toán cộng và toán trừ chắc chắn sẽ dễ như trở bàn tay.

Don Alasonatti tỏ ra nghiêm túc:

- Từ giờ phút này, cha cứ việc chỉ huy, còn tôi sẽ luôn tuân lệnh. Và cha khỏi cần nể nang nhân nhượng với tôi; bởi lẽ nước Thiên đàng, tôi muốn chiếm lấy bằng được cho mình.

Kể từ ngày ấy, Don Alasonatti đã biến thành cái bóng khiêm tốn và có phần khắc khổ của Don Bosco. Cha ấy kê vai gánh gác cho ngài mọi công việc bao có thể: quản lý toàn bộ trong nhà, công tác hộ trực, giữ gìn sổ sách xuất nhập, các danh bộ, việc thảo các thư từ vừa vô cùng cực nhọc vừa hết sức khó khăn.

Khi cha đã mệt và sau này khi sức khỏe bắt đầu suy sụp, cha đọc thấy trong sách kinh nhật tụng trên một tấm phiếu mà cha cố tình đặt vào đó để đánh dấu trang mình đang đọc tới: "Hỡi Vittorio, mi đến đây để làm gì chứ? " Bên cạnh, cha đã thêm một câu mà Don Bosco thường hay lập lại với những người thân của mình khi ngài thấy họ mệt mỏi: "Chúng ta sẽ nghỉ ngơi trên thiên đàng".

Ngay hôm sau ngày đặt chân đến nguyện xá, Don Alasonatti đã phải khởi công sứ mạng của mình tại Valdocco một cách lạ đời; người ta yêu cầu ngài tới cứu giúp một người bị bệnh dịch tả. Một cách cực kỳ mãnh liệt, nạn dịch tả vừa bùng nổ tại Torino.

Thần chết trên các đường phố ở Khu Borgo Dora

Hung tin đến Torino vào tháng bảy. Dịch tả đã xâm nhập vùng Ligurie, gây nên 3.000 nạn nhân tại Genova. Những ca đầu tiên đã được ghi nhận ở Torino ngày 30 và 31 tháng Bảy. Nhà vua, hoàng hậu và toàn thể hoàng tộc vội vã rời khỏi kinh đô trên cỗ xe ngựa cửa đóng bít bùng. Họ đến tị nạn tại lâu đài Castelette, cửa ngõ dẫn vào các thung lũng Lanzo và Suse.

Trọng điểm sát phạt của nạn dịch là khu Borgo Dora, chỉ cách khu Valdocco một quãng đường ngắn. Tại đó, trong những ngôi nhà tồi tàn, những người di cư

sống chen chúc nhau, một đám cư dân thiếu ăn và không hề có một phương tiện vệ sinh nào. Trong vòng một tháng, 800 người ngã gục, 500 người tử vong.

Ông thị trưởng Notta tung ra lời kêu gọi cho toàn thành: cần có những người can đảm đến cứu giúp các bệnh nhân, chuyển họ vào các bệnh viện nhỏ hầu sự lây lan khỏi biến thành vết dầu loang.

Ngày 05.08.1854, lễ Đức Bà xuống tuyết, Don Bosco ngỏ lời với bọn trẻ. Ngài bắt đầu bằng một lời hứa:

- Nếu các con đặt mình trong tình trạng được ơn nghĩa với Chúa và không phạm một tội trọng nào, cha bảo đảm với các con là không một ai sẽ bị bệnh dịch tả cả.

Rồi ngài đưa ra một lời kêu gọi:

- Các con đều biết là ông đô trưởng đã phát động một lời kêu cứu. Các y tá và các điều dưỡng rất cần cho việc chăm sóc những người bị dịch tả. Nhiều người trong các con còn quá nhỏ. Nhưng nếu trong số những người lớn nhất có ai muốn đi cùng cha tới các bệnh viện và các nhà cá biệt, chúng ta sẽ làm được một việc thiện rất đẹp lòng Chúa.

Ngay tối hôm ấy, mười bốn người đã đăng ký vào danh sách. Mấy hôm sau, ba mươi đứa khác đã tranh thủ xin được phép nhập bọn với bạn bè đã đi trước, dù chúng còn rất trẻ.

Đó là những ngày lao động gian khổ, chẳng có gì là hấp dẫn. Các y sĩ khuyên nên săn sóc các bệnh nhân bằng cách vừa xoa bóp vừa chà mạnh hai cẳng chân nhằm đẩy mạnh việc ra mồ hôi. Bọn trẻ được chia làm ba nhóm: những đứa lớn tuổi nhất phục vụ suốt bất kể giờ giấc trong các bệnh viện và tư gia của các nạn nhân, nhóm thứ hai đảo quanh các đường phố nhằm phát hiện ra những bệnh nhân mới, nhóm thứ ba, những đứa nhỏ nhất, ở lại nguyện xá sẵn sàng đáp ứng mọi lời cầu cứu.

Don Bosco tiến hành mọi biện pháp phòng bệnh. Mỗi người đều phải mang

theo một chai giấm và phải rửa tay sau khi đụng vào các bệnh nhân.

Rất thường xẩy ra, Don Lemoyne kể lại, chuyện những người bệnh bị thiếu khăn trải giường, thiếu quần áo che thân. Bọn trẻ đến báo lại cho mẹ Margarita. Bà đã tới tủ đựng quần áo vải vóc và vét sạch vài món còn sót lại trong đó. Chỉ vài hôm sau đã chẳng còn gì nữa. Một y tá đến kể lại với bà là hiện đang có một kẻ bất hạnh đang lăn lộn trên cái giường ọp ẹp không có khăn trải giường gì cả.

- Không có cái gì để phủ lên giường sao?

Mẹ Margarita ngẫm nghĩ rồi đến gỡ tấm khăn trắng che bàn thờ ra và đặt vào tay thằng bé:

- Con hãy đem nó cho người bệnh của con đi. Mẹ không tin rằng Chúa sẽ phiền hà về chuyện này đâu.

Những tên khổng lồ mặt mày rầu rĩ

Gioan Cagliero, mười sáu tuổi, một tối cuối tháng tám, khi từ bệnh viện trở về, chợt cảm thấy khó chịu. Có lẽ vì, trong tiết trời oi ả mấy ngày vừa qua, cậu đã ăn phải những trái cây hư thối. Y sĩ, được Don Bosco cấp tốc mời đến, đã đưa ra lời chuẩn đoán khủng khiếp: "bệnh thương hàn".

Suốt cả tháng chín, cơn sốt không ngừng dằn vặt cậu. Những ngày cuối cùng, cậu chỉ còn có da bọc xương và cảm thấy mình sắp đi luôn. Hai y sĩ, được mời đến thăm bệnh nhân, tuyên bố là trường hợp đã tới hồi tuyệt vọng. Họ khuyến cáo nên cho cậu chịu các bí tích sau hết.

Don Bosco hết sức bối rối. Ngài hết lòng yêu quý cậu bé ấy. Ngài không đành lòng báo tin ấy cho cậu. Ngài đề nghị Giuseppe Buzzetti thay mình làm việc ấy với tất cả sự tế nhị. Trong lúc ấy, ngài xuống nhà thờ lấy của ăn đàng.

Giuseppe Buzzetti vừa nói xong với Cagliero thì Don Bosco trở lại với hộp đựng mình thánh. Nhưng ngài không tiến tới, ngài đứng lặng mấy giây đứng nhìn vào khoảng không như thể ngài đang chứng kiến một cảnh tượng mà

những kẻ khác không ai nhìn thấy. Rồi ngài tiến lại giường người bệnh, nhưng điều gì đó đã chuyển biến một cách sâu sắc trong ngài. Nỗi buồn, vẻ bối rối của những phút trước đó đã tan biến. Ngài có vẻ vui tươi, ngài mỉm cười. Gioan thì thầm:

- Đây là lần xưng tội cuối cùng của con chăng? Con sắp chết thật sao?

- Không, vẫn chưa tới ngày con được về Trời đâu. Còn rất nhiều việc phải làm, con sẽ khỏi, con sẽ mặc áo chùng thâm…con sẽ trở thành linh mục… và rồi… và rồi với cuốn nhật tụng dưới tay, con sẽ phải vòng tới vòng lui nhiều lần!…còn cuốn kinh nhật tụng, con sẽ lại phải trao lại cho nhiều người khác nữa…và con sẽ đi xa, rất xa.

Nói xong những lời ấy, Don Bosco đem của ăn đàng trở lại nhà thờ.

Mấy ngày sau, sốt hạ và Gioan đã có thể quay về Castelnuovo để tĩnh dưỡng một thời gian dài.

Một thời gian sau, Buzzetti và Cagliero đã hỏi nhau xem Don Bosco đã thấy gì khi bước vào phòng bệnh. Câu trả lời, chính Don Bosco đã cung cấp sau này:

"Cha vừa đặt chân tới ngưỡng cửa thì, đột nhiên, cha thấy một luồng sáng chói lòa. Một con bồ câu trắng tinh, miệng ngậm một cành lá ô liu, đáp xuống trên giường người bệnh. Nó dừng lại chỉ cách vài phân bộ mặt tái mét của Cagliero và buông rơi cành lá xuống trên trán em. Liền ngay sau đó, cha thấy hình như các vách tường của căn phòng đều mở tung ra để lộ những chân trời xa tắp và bí hiểm. Chung quanh giường xuất hiện một tập đoàn những bóng người nguyên sơ bán khai. Hình như đó là những con người rừng rú với một vóc dáng cao lớn. Nhiều người có nước da đậm màu, có xâm những hình bí ẩn mầu đỏ lợt, những tên khổng lồ với gương mặt đầy kiêu hãnh và đầy rầu rĩ ấy, lom khom cúi xuống người bệnh và run rẩy, bắt đầu xì xào:

- Nếu ngài có mệnh hệ nào, thì ai là người sẽ đến cứu giúp chúng ta?

Thị kiến kéo dài không lâu, nhưng cũng để cha đạt được niềm xác tín là

Cagliero sẽ khỏi bệnh".

Tám phút đã thuộc hết một trang

Sau các cơn mưa đầu mùa của tháng Mười, những đợt công phá của bệnh dịch tả giảm đi thấy rõ. Dù vài ca vẫn còn diễn ra trước thềm mùa đông, nhưng ngày 21 tháng 11 người ta cũng tuyên bố là đã kết thúc "tình trạng khẩn cấp". Từ ngày 01 tháng 08 đến 21 tháng 11, người ta ghi nhận được trong toàn thành 2.500 ca với 1.400 người chết.

Bọn trẻ của Don Bosco, mà không một đứa nào nhiễm bệnh, bắt đầu trở lại trường. Vài đứa trở về gia đình để nghỉ phép một thời gian ngắn.

Cũng như những năm khác, Don Bosco lại lên xóm Becchi để mừng lễ Đức Mẹ Mân côi. Trong thời gian ngài ở đó, ngài đã có dịp tiếp một vị khách đến thăm, đó là một bạn học cũ thời ngài còn ở chủng sinh, Don Cagliero, nay là giáo viên một trường sơ cấp ở Mondonio.

- Người ta có cho tôi biết, cha ấy nói sau mấy lời chào hỏi, là đồng thời với những tên vô lại, cha cũng thâu nhận vào nguyện xá của mình những đứa trẻ đàng hoàng có nhiều hy vọng trở thành linh mục. Tại Mondonio, tôi có một em bé được sinh ra cho cha. Tên em là Đaminh Saviô. Em không có bao nhiêu sức khỏe, nhưng về mặt tốt lành, tôi sẵn sàng cá độ là cha chưa bao giờ gặp được một đứa bé nào như em cả. Đây đúng là một Thánh Luy Gonzaga đích thực.

- Cha nói quá rồi đó, Don Bosco mỉm cười. Dù sao, tôi cũng muốn gặp mặt em bé ấy. Tôi còn lưu lại đây mấy hôm nữa. Cha hãy lo cho tôi làm quen với em cùng lúc với thân phụ của em. Chúng tôi sẽ nói chuyện với nhau và sẽ biết là em có những năng khiếu và những phẩm chất nào.

Ngày 2.10.1854, cuộc hội ngộ đã diễn ra trước nhà Giuse. Don Bosco đã quá xúc động bởi cuộc gặp gỡ này, đến nỗi ngài đã thuật lại với cả những tình tiết vụn vặt nhất, như thể ngài đã bấm máy thu hình và ghi âm vậy. Ngôn từ là cách

diễn đạt của những năm 1850, nhưng cảnh quay thật sống động, khiến ta có cảm giác như đang có mặt tại hiện trường vậy:

Hôm thứ hai đầu tháng mười, sáng tinh sương, tôi thấy một em bé có cha ruột đi kèm tiến lại gần để trò chuyện với tôi. Gương mặt em vui tươi, vẻ tươi cười mà đầy kính cẩn của em đã cuốn hút tia nhìn của tôi:

- Con là ai? Tôi hỏi, con từ đâu tới?

- Con là Đaminh Saviô, em đáp, mà Cugliero đã nói với cha và hai cha con tới từ Mondonio.

Tôi đưa em ra riêng một chỗ và sau khi nói về việc học mà em đã theo đuổi, và cuộc sống mà em đã kinh qua, một niềm tin trọn vẹn đã được xác lập giữa hai chúng tôi: em với tôi, tôi với em.

Tôi đã phát hiện nơi em ấy một tâm hồn thực sự trong tinh thần của Chúa và tôi đã hết sức ngạc nhiên khi thấy những thành quả mà ân sủng đã thực hiện được nơi một em bé còn trẻ người non dạ như vậy.

Sau một cuộc trò chuyện khá lâu, trước khi tôi kịp lên tiếng kêu cha em, em đã nói với tôi những lời lẽ chính xác này:

- Thế nào, cha nghĩ sao? Cha đưa con về Torino để con ăn học chứ?

- Ờ, cha thấy hình như là vải tốt đấy (1) (vải tốt: hiểu theo nghĩa bóng là có năng khiếu, phẩm chất đạo đức tốt (chú thích của dịch giả)).

- Vải ấy có thể dùng vào việc gì ạ?

- Vào việc may một bột đồ đẹp để dâng lên Chúa.

- Nhưng con tính làm gì khi đã học xong môn La văn?

- Nếu Chúa thương ban cho con những ân sủng cần thiết, con sẽ hết lòng ao ước được trở thành linh mục.

- Tốt, bây giờ cha muốn biết con có đủ những tính năng cần thiết cho việc học hay không. Con hãy cầm lấy cuốn sách nhỏ này (đó là tập sách nhỏ của hộ

Tạp chí Công giáo), hãy học thuộc trang này nội ngày hôm nay, ngày mai con sẽ đến trả bài cho cha.

Nói vậy rồi tôi để mặc cho em đi chơi, còn tôi thì bắt đầu nói chuyện với cha của em. Chưa đầy mười phút sau, Đaminh đã trở lại, miệng cười tươi nói, em thưa với tôi:

- Nếu cha muốn, con xin đọc thuộc lòng trang ấy ngay bây giờ ạ!

Tôi đón lấy cuốn sách và vô cùng ngạc nhiên, tôi phải nhận rằng em không chỉ đã thuộc lòng từng chữ trong bài báo mà còn hiểu rất đúng ý nghĩa hàm chứa trong đó.

- Hoan hô!, tôi bảo em, con đã học thuộc bài sớm hơn hạn định, nên cha cũng trả lời con sớm hơn. Được rồi, cha sẽ đem con theo về Torino và kể từ giây phút này con đã được kể vào số các con cái thân yêu của cha, nhưng con hãy, ngay từ bây giờ cầu xin Chúa để ngài giúp đỡ chúng ta, con cũng như cha, chấp hành tốt thánh ý của Ngài.

Không biết làm gì hơn để bày tỏ ưng thuận và lòng biết ơn của mình, em đã cầm lấy tay tôi, siết chặt, hôn nhiều lần và sau hết thưa với tôi:

- Con mong sao cha sẽ không bao giờ phải than phiền về hạnh kiểm của con.

Khi nghĩ lại những lời của Don Cugliero, Don Bosco đã phải kết luận rằng cha ấy đã không nói ngoa. Giả như thánh Lu-y mà chào đời giữa vùng đồi núi Montferrat và là con nhà nông dân, thì thánh nhân cũng không thể nào khác với em bé tươi tỉnh này, kẻ luôn ôm mộng trở nên "một bộ đồ đẹp để dâng lên Thiên Chúa".

Một tấm biển treo tường bí ẩn

Trong lúc ấy, đang khi dưỡng bệnh tại Castelnuovo, Gioan Cagliero đã phạm phải một sơ suất. Cậu đã ăn rất nhiều nho (hồi ấy đang là mùa hái nho) và một

cơn sốt nặng đã tái phát. Don Bosco hay tin liền đến thăm cậu. Ngài gặp bà mẹ đang tuyệt vọng:

- Thằng Gioan của con sắp tiêu rồi! Nó đang mê sảng, nó cứ nói mãi về chuyện nhận áo chùng thâm trong khi cơn sốt đang sắp đưa nó về bên kia thế giới.

- Không đâu bà Têrêxa tốt bụng ạ, con trai bà đâu có mê sảng. Bà hãy chuẩn bị ngay cho nó chiếc áo chùng thâm ấy để tôi cho nó mặc vào tháng này. Cơn sốt sẽ không bắt được nó đâu, nó còn quá nhiều việc phải làm trên cõi đời này.

Và đó là chuyện đã xảy ra thật. Ngày 22 tháng 11, lễ thánh nữ Cécilires, Gioan Cagliero, hoàn toàn bình phục, đã được mặc áo chùng thâm. Cha giám đốc chủng viện ở thủ đô, linh mục Vogliotti, cho phép thầy Cagliero theo học chủng viện trong lúc vẫn tiếp tục thường trú tại nhà Don Bosco.

Ngày 19 tháng 10, về phần mình, Đaminh Saviô gia nhập nguyện xá. Cậu cùng thân phụ bước vào phòng của Don Bosco và chợt để ý đến một tấm biển treo trên tường với những lời lẽ bí hiểm: Da mihi animas, Coetera tolle.

Khi thân phụ ra về rồi, cậu đã cố vượt thắng mối e ngại ban đầu của mình và đã hỏi Don Bosco về nghĩa lý của những lời treo trên tường. Don Bosco giúp cậu dịch: "Lạy Chúa, xin ban cho con các linh hồn, và hãy cất đi mọi sự khác". Đây là câu châm ngôn đã được Don Bosco chọn cho hoạt động tông đồ của ngài. Khi đã hiểu ra, Đa Minh đã được chính Don Bosco kể lại như vậy - trầm ngâm trong giây lát, rồi tuyên bố:

- Con hiểu rồi, ở đây người ta không kinh doanh bằng tiền bạc mà là bằng các linh hồn. Con hy vọng là linh hồn của con sẽ góp phần vào việc kinh doanh này.

Và như vậy là đã bắt đầu đối với Đa Minh cuộc sống mỗi ngày của cậu. Chắc hẳn cậu cũng khoác lên vai chiếc áo choàng nhà binh và mỗi sáng, cùng với băng nhóm nhỏ dưới sự chỉ đạo của Rua, cậu cũng lên đường tới trường học của Don

Bonzanino. Ngày của cậu cũng là ngày có phần ảm đạm của một học sinh trẻ: bài làm, bài học, các tiết học, sách vở, bạn bè. Don Bosco theo sát cậu từng ngày, sẽ viết về cậu: "Kể từ ngày gia nhập, em đã tuyệt đối chính xác ít ai theo kịp trong việc hoàn thành tốt bổn phận của mình".

Những bóng đèn tròn muôn mầu trên hai bờ sông Pô

Cuối tháng 11, nguyện xá chìm trong một bầu không khí đặc biệt. Tuần chín ngày dọn mừng Đức Mẹ Vô Nhiễm bắt đầu và hồi ấy là năm 1854. Đức Piô IX, từ La Mã, đã loan báo là ngày 8 tháng 12 ngài sẽ công bố tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội của Mẹ Maria. Trong toàn thể thế giới Công giáo lòng yêu mến Đức Mẹ đã được thức tỉnh, người ta lo chuẩn bị những lễ nghi long trọng linh đình.

Don Bosco, tự cảm thấy "được hướng dẫn bởi tay" Đức Trinh nữ, tối nào cũng nói về vấn đề ấy với bạn trẻ của mình, và tuần chín ngày đã được sống trong một tâm tình sốt mến cao độ. Khi nói chuyện ngoài sân hoặc trong văn phòng của mình, ngài thường hỏi bọn trẻ xem chúng muốn "biếu gì cho Mẹ" nhân ngày lễ kính Mẹ. Đa minh Saviô đáp lại:

- Con muốn đánh một trận không khoan nhượng với tội trọng và con muốn sốt sáng cầu xin Chúa và Đức Mẹ: "Chẳng thà bắt con chết đi còn hơn là để con sa ngã phạm tội".

Đây là sự lập lại của một lời hứa mà cậu đã đề ra nhân dịp mình rước lễ lần đầu: "Thà chết chẳng thà phạm tội". Đây không phải là một câu độc đáo do cậu tự chế ra, mà là những lời cuối cùng trong kinh ăn năn tội mà vào thời ấy bổn phận đạo quen đọc sau khi xưng tội. Nhiều trẻ em đã từng nhận câu này làm lời hứa nhân dịp cuộc gặp gỡ đầu tiên của mình với Chúa Giêsu Thánh Thể. Kể cũng lạ khi ta bắt gặp cũng câu này xen giữa những lời hứa đã được hoàng hậu Adélaide, phu nhân của Vittorio Emmanuel đệ nhị, gợi ý cho hoàng thái tử

Humberto de Savoia (sẽ lên ngôi vua vào tháng 1-1878), gần như cùng độ tuổi với Đa minh Saviô (sinh năm 1842, còn Humberto thì năm 1844). Người ta vô cùng cảm kích khi nghĩ rằng hàng ngàn trẻ em đã lãng quên lời hứa ấy trong các trò chơi của tuổi ấu thơ. Đa Minh thì ngược lại, đã trung thành với lời hứa ấy một cách anh hùng mãi tới giờ từ giã cõi đời.

Ngày 8 tháng 12, Đức Piô IX trước một tập đoàn đông đặc các Hồng y và các Giám mục, đã công hố như một chân lý đức tin rằng Mẹ Maria, ngay từ giây phút đầu đời của Ngài, đã được Thiên Chúa giữ cho khỏi "tội nguyên tổ".

Đa Minh Saviô, nhân một lúc tạm nghỉ trong ngày lễ tại Nguyện xá, đã bước vào bên trong nhà thờ Thánh Phanxicô Salê, quì gối trước bàn thờ Đức Mẹ, rút từ trong túi ra một mẩu giấy nhỏ trên đó cậu đã viết mấy hàng. Đó là kinh tận hiến của cậu cho Đức Mẹ Chúa Trời, một kinh nguyện ngắn sẽ trở nên nổi tiếng trong đại gia đình Salêdiêng.

"Lạy Mẹ Maria, con xin dâng Mẹ trái tim con xin làm cho nó mãi mãi là của Mẹ. Lạy Chúa Giêsu, và Mẹ Maria, xin hãy mãi mãi là bạn của con. Nhưng xin thương xót con, xin khiến cho con chết tức khắc còn hơn là bị rủi ro mắc phạm dù chỉ một tội mà thôi".

Tối đến, khắp cả kinh thành Torino đều ngời lên những đốm sáng lộng lẫy tuyệt vời. Hàng ngàn những ngọn đèn nhỏ muôn mầu rực sáng tại các cửa sổ, trên các sân thượng, dọc theo hai bờ sông Pô. Quần chúng lũ lượt xuống đường, và mấy đám rước kiệu vĩ đại kéo về Thánh đường Đức Bà An Ủi. Các thanh niên của khu Valdocco xúm quanh Don Bosco, cũng vừa diễu hành vừa hát vang khắp các phố phường của chốn đế đô.

Đứa bé mô côi ở khu phố Thánh Đa Minh

1854, các năm đầy rẫy những biến cố trong cuộc sống của Don Bosco, đã kết thúc bằng một tình tiết gợi buồn. Kế bên nhà thờ Thánh Đa Minh, hội đồng

thánh phố đã phải khẩn trương mở một viện mồ côi tạm bợ để đón nhận khoảng một trăm đứa bé trai mà nạn dịch tả đã cướp mất bố mẹ. Khi những cơn lạnh đầu mùa kéo đến, ông đô trưởng Notta đã ngỏ lời với các Học viện Công giáo để người ta nhận nuôi một số đứa. Don Bosco đã đón nhận hai mươi em. Một trong những đứa ấy tên là Pietro Enria và nó nhớ lại biến cố ấy như sau:

"Một hôm, Don Bosco đã tới. Tôi chưa từng gặp ngài lần nào. Ngài hỏi họ và tên của tôi, rồi ngài bảo tôi:

- Con có muốn đến với cha không? Chúng ta sẽ mãi mãi là bạn tốt của nhau.

Tôi đáp:

- Vâng, thưa ông.

- Người đang đứng cạnh con, là anh trai của con hả?

- Vâng, thưa ông.

- Hãy bảo anh ấy cùng đến luôn một thể.

Mấy ngày sau, anh em chúng tôi được dẫn đến nguyện xá cùng với vài đứa khác. Mẹ tôi đã chết vì nạn dịch tả và bố tôi hồi ấy cũng mắc cùng một chứng bệnh. Tôi còn nhớ là mẹ của Don Bosco đã la ngài:

- Con thì lúc nào cũng nhận thêm những đứa mới, nhưng ta sẽ nuôi ăn và may mặc cho chúng ra sao đây?

Bản thân tôi, quả vậy, lúc mới gia nhập tôi đã phải ngủ nhiều đêm liền trên một đống lá khô mà chẳng có gì đắp ngoài một cái mền nhỏ. Don Bosco và mẹ ngài, tối đến vá lại quần áo và những cái áo vét rách bươm của chúng tôi vì chúng tôi chỉ có độc nhất một bộ mà thôi.

Cho bọn trẻ mồ côi, Don Bosco đã thu xếp một chỗ đặc biệt trong tòa nhà mới. Ròng rã hơn một năm trời, ngài đứng lớp giảng dạy cho chúng, buổi đầu chỉ có mình ngài, rồi sau đó với sự giúp đỡ của các thầy tư giáo và các bạn thân. Những đứa khác trong nguyện xá gọi chúng là "Lớp những Bé lùn" vì bọn trẻ mồ côi đều còn nhỏ xíu.

Pietro Enria đã sống suốt đời với Don Bosco, chính ngài là người đã ở bên săn sóc nó như săn sóc một đứa con ruột thịt trong căn bệnh cuối cùng của nó và đã vuốt mặt cho nó.

Bệnh dịch tả, trong số bao nhiêu chứng bệnh khác từng xảy đến trong thành phố, ít ra đã đem đến đôi điều tốt lành cho Nguyện xá, ít là do hệ quả của tình thế: sự cứu giúp mà bọn trẻ đã cống hiến một cách quảng đại cho những người bị dịch đã khiến chúng được biết đến và được hâm mộ bởi các thị dân. Một lời biểu dương của ông đô trưởng đã tranh thủ được cho chúng niềm tin của các nhà cầm quyền. Sự kiện hầu như không sao tin nổi nữa là không một đứa nào trong những trẻ chí nguyện ấy (nói được là ngụp lặn ngay giữa sự lây lan) đã bị nhiễm bệnh, đã thuyết phục rất nhiều người là nên coi trọng những lời lẽ "điên khùng" của Don Bosco.

Chương 33: 1855 – NHỮNG THIẾU NIÊN "PHẠM PHÁP" Ở KHÁM LỚN

Năm 1855 đã chứng kiến một vụ đối đầu hết sức gây cấn giữa Nhà nước và Giáo Hội.

Tháng 10-1852, thay thế cho Massimo d' Anzelio, Camille Cavour đã trở thành Thủ tướng. Kẻ hậu duệ đáng ngại và giàu sụ này, xuất thân từ một gia đình quý tộc, đã quất những đòn đau điếng vào xứ Piemonte ù lì ngái ngủ. Các luật gia tỉnh lẻ, quen thói ngâm nga trên các băng ghế tại nghị viện những câu thơ của các thi hào Dantes và Mameli, đã được kêu gọi hãy nói đến những vấn đề thực tiễn như: ngân sách chi thu, chính sách thuế má, những vụ đầu tư vốn. Các tuyến đường xe lửa vươn tới độ dài 850 cây số, ngang tầm với tất cả các tuyến đường khác của Ý. Tại Ligurie, đã khai sinh tổ hợp công nghiệp Ansaldo (tổ hợp công nghiệp lớn nhất nước Ý), các nông trường xây dựng Odero và Orlando. Người ta đẩy mạnh việc đào các kênh mương tại vùng Vercelli. Nông nghiệp được ưu đãi bởi việc bãi bỏ các sắc thuế đánh vào các loại hạt giống.

Khoảng cuối năm 1854, đã được đề nghị như là sự cải tổ về kinh tế, một dự án luật đã được đệ trình lên phòng đặc nhiệm do chính Bộ trưởng Urbain Ratazzi: "Một mục tiêu chuẩn xác, sử gia Francesco Traniello viết, nhằm triệt hạ ảnh hưởng của Giáo Hội". Dự luật này đề nghị giải thể các dòng tu chiêm niệm, tức những dòng nào không chuyên lo việc giảng dạy, cũng như việc thuyết giáo, và cả việc chăm sóc những người bệnh, và việc tịch biên toàn bộ tài sản của các

dòng ấy do Nhà nước tiến hành, sẽ có thể cung ứng cho nhu cầu của các giáo xứ nghèo hơn cả.

Đây là một sự can thiệp trắng trợn của nhà nước vào đời sống của Giáo Hội, Traniello viết, đặc biệt nghiêm trọng bởi lẽ Nhà nước đoạt lấy quyền quyết định đâu là những dòng tu có thể, theo một tiêu chuẩn tính theo sản phẩm, còn là hữu ích cho xã hội. Và Camille Cavour đã đi tới chỗ quá quắt khi khẳng định rằng những dòng tu bị giải thể thậm chí còn chẳng có ích gì cho Hội Thánh nữa. Về phần mình, các lực lượng Công giáo, đứng đầu là các vị Giám mục, lại quả quyết rằng "đạo luật nhắm vào những người anh em ấy" vi phạm trắng trợn các nguyên tắc phân quyền giữa Giáo Hội và Nhà nước mà chính Cavour đã nhiều phen công bố là nền tảng cho chính sách của ông ta.

Người ta thấy trước là, bất chấp sự chống đối mãnh liệt của giới Công giáo, đạo luật rồi đây sẽ được thông qua tại phòng đặc nhiệm và tại Thượng viện. Chỉ duy nhà vua mới có thể chặn đứng nó lại mà thôi.

"Những đám ma lớn tại triều đình!"

Một chiều đông giá lạnh nhằm tháng 12-1854 (các nhân chứng nói rằng Don Bosco lúc ấy mang một đôi bao tay cũ, rách và cầm trên tay một gói thư từ). Don Bosco thuật lại cho Don Alasonatti, Rua, Cagliero, Francesia, Buzzetti và Anfossi là mình đã mơ một giấc mơ kỳ lạ: ngài đang ở giữa khu đất dành cho các trò chơi thì đột nhiên, đã thấy xuất hiện một người hầu của chốn cung đình, mặc đồng phục đỏ, lớn tiếng la: "Đám ma lớn tại triều đình! Đám ma lớn tại triều đình!". Ngài nói với các thầy tư giáo của mình là, ngay khi thức giấc, ngài đã biên thư cho nhà vua để thuật lại giấc mơ ấy của mình.

Năm hôm sau, giấc mơ lại tái diễn. Người hầu áo đỏ trở lại trên lưng ngựa và la: "Thông báo: không phải đám ma lớn tại triều đình mà là những đám ma lớn tại triều đình!" lúc hừng đông, Don Bosco viết một lá thư khác cho nhà vua,

khuyến cáo ông nên "nghĩ cách làm sao để đẩy xa cả các mối đe dọa lẫn các hình phạt, và nhân cơ hội này yêu cầu nhà vua hãy hết sức chống đối lại đạo luật đang được nói đến".

Ngày 5.1.1855, Hoàng Thái hậu Maria Terêxa ngã bệnh nặng. Sau việc trở bệnh nặng đột ngột, bà từ trần ngày 15 tháng 1, hưởng dương 54 tuổi. Linh cữu được chuyển từ hầm mộ của gia tộc Savoia đến vương cung thánh đường Superga ngày 16, nhằm một hôm tiết trời cực kỳ giá lạnh.

Ngày 20-1, người ta ban Bí tích Xức dầu bệnh nhân cho Hoàng hậu Maria-Aldelaide, phu nhân của Quốc vương Vittorio Emmanuel đệ nhị. Hai ngày trước, bà đã hạ sinh một hoàng nam và bà đã không hồi sức lại được. Bà tạ thế ngày hôm ấy. Bà chỉ mới ba mươi ba tuổi.

Ngày 11-12, sau hai mươi ngày bệnh nặng, hoàng tử Ferdinand de Savoia đã qua đời, quận công xứ Genova, bào đệ của nhà vua. Ông thọ ba mươi ba tuổi.

Các thầy tư giáo tại nguyện xá (là những người duy nhất biết các giấc mơ và các thư mà Don Bosco gởi cho nhà vua) đều "thật kinh khi thấy ứng nghiệm một cách chớp nhoáng như vậy những lời tiên tri của Don Bosco", Don Lemoyne viết, "ngay cả trong thời kỳ dịch tả hoành hành, người ta cũng chưa bao giờ thấy ba mồ mả của hoàng gia mở ra chỉ trong vòng một tháng trời".

Don Francesia khẳng định là vua Vittorio Emmanuel đệ nhị đã hai lần ngự giá đến gặp Don Bosco và nhà vua đã tỏ ra rất giận dữ đối với ngài.

Dù sao chăng nữa, đạo luật phế bỏ đã được thông qua tại phòng đặc nhiệm (94 phiếu thuận đối với 23 phiếu chống) và tại thượng viện (53 thuận, 42 chống). Nhà vua duyệt ký ngày 29-5. Thế là đã bị phế bỏ, theo những số liệu do Don Lemoyne đưa ra, 334 nhà tù trong đó thường trú 5.456 người. Từ La Mã đã được thông báo "vạ tuyệt thông bất khả kháng" (mà việc giải vạ chỉ dành riêng cho Đức Giáo Hoàng) nhắm vào "các tác giả, các kẻ xách động và các người thừa hành luật pháp".

Trong khoảng thời gian đó, hoàng tử út của nhà vua, Victorio Emmanuel Leopold, cũng từ giã cõi đời, mới có bốn tháng tuổi.

Là thánh nhân hay là kẻ mang xui xẻo (tất cả đều tùy thuộc người ta đứng từ phía nào mà nhìn sự việc), Don Bosco đã thấy trước tất cả một cách chính xác.

Người Salêdiêng thứ nhất

Mỗi một tuần, Don Bosco tiếp tục lặng lẽ qui tụ các thầy tư giáo của mình. Ngài đã nói đến *Đức khó nghèo, Đức Khiết tịnh và Đức Vâng phục,* ba nhân đức mà Hội Thánh luôn luôn coi như là "con đường dẫn tới Thiên Chúa". Ngài đã cắt nghĩa cho họ là bất cứ ai khấn các lời khấn này, nghĩa là long trọng thế hứa với Thiên chúa là mình sẽ thực hiện chúng trong đời sống của mình.

Sau một năm tròn Ngài đã thực hiện các buổi nói chuyện này, ngài thấy Rua có vẻ là người đã được chuẩn bị nhất. Ngài nói cho cậu:

- Con có cảm thấy khấn được các lời khấn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục chăng?

Micae – như cậu sẽ thú nhật sau này – nghĩ rằng đó chỉ có nghĩa là "gắn bó bản thân mình hơn với Don Bosco", nên nhận lời.

Ngày 25.3.1855, ngày lễ Truyền tin. Trong căn phòng nghèo nàn của Don Bosco, diễn ra một nghi thức không có gì là long trọng. Don Bosco đứng, lắng nghe. Còn Rua, quì trước tượng Chúa chịu nạn, thì thầm công thức:

- Con xin tuyên khấn cùng Thiên Chúa sống khó nghèo, khiết tịnh, vâng phục, và tôi đặt mình tôi trong tay Don Bosco….

Không có ai khác làm nhân chứng. Ấy thế mặc lòng, trong giờ phút đó một Tu Hội đã phát sinh. Don Bosco là Đấng Sáng lập. Micae Rua là người Salêdiêng đầu tiên.

Kể từ giờ phút đó, đối với cậu cũng như đối với cả Cagliero và Francesia,chuyện khó nhất chính là ngủ được. Không phải là họ không muốn

ngủ: có những lúc họ đứng mà ngủ đấy. Nhưng họ không thể tìm ra giờ mà ngủ.

Họ phải tiếp tục việc học của họ và thi đủ mọi môn học mà vào thời đó có rất nhiều môn dồn dập và rất khó. Đồng thời Don Bosco trao cho họ việc dạy giáo lý, hộ trực trẻ tại nhà ăn và trong xưởng thợ, cũng như trong các lớp học cho các em mồ côi.

Ngày Chúa nhật, Don Bosco sai họ làm việc tại các Nguyện Xá. Nguyện xá Thiên Thần Bản Mệnh năm đó đột xuất thiếu mất vị giám đốc. Don Bosco chỉ định Micae Rua làm giám đốc, với tuổi mới 17. Nguyện xá này được các em thợ cạo ống khói lui tới. Các em này đeo bên vai cuộn giây và cái dũa gỗ. Chúng đi lại khắp phố xá với tiếng rao đặc biệt, và chờ xem có gia đình nào mời gọi chúng quét sạch bên trong lòng các ống khói trước khi mùa đống tới, lúc mà các lò sưởi cần phải được thông ngon lành để sưởi ấm cho cả căn nhà.

Đó là những em rất bé nhỏ, vì những ống khói lò sưởi mà chúng phải leo vào trong vừa dài lại vừa chật hẹp. Chúng có khuôn mặt và đôi bàn tay đen vì mồ hóng.

Trong suốt một thời gian dài, Micae tới Nguyện Xá đó vào sáng Chúa nhật, quét dọn các căn phòng nhỏ, sắp dặt trật tự nhà thờ. Khi các đứa trẻ đầu tiên tới, cậu giúp các em chuẩn bị xưng tội với cha đến làm lễ tại đó. Lúc 9 giờ thì đã có khoảng một trăm em tới, và Micae "đóng vai trò của Don Bosco" trong suốt cả ngày. Cậu khởi xướng các trò chơi, nói chuyện với đám trẻ, hỏi thăm những công chuyện vất vả của chúng, và dạy các bài giáo lý cho các em.

Buổi chiều, khi dọc theo các con đường, đèn khí đốt cháy sáng, các trẻ em giã từ. Có vài em đi theo Rua tới tậnValdocco.

- Chào nhé, Micae, chúng ta lại gặp nhau Chúa nhật tới!

Rua trở về nhà mệt nhoài. Một chút đồ ăn tối còn để hâm nóng cho cậu, cho Cagliero, Francesia, Anfossi là những người trở về từ các nguyện Xá khác, cũng mệt nhoài như cậu. Thế rồi họ leo lên gác xép sát mái , nơi có giường của họ.

Micae nhắc nhớ lại là cậu thường nằm xuống là ngủ ngay, nhanh như chớp. Cagliero thức dậy vào một buổi sáng thứ hai kia trên chiếc ghế, tay còn đang cầm giày. Cậu chưa kịp leo lên đến giường đã ngủ ngay trên ghế rồi.

Đồng hồ báo thức ban sáng reo vang sớm lắm, sớm đến đáng sợ; vào lúc bốn giờ sáng, và là bốn giờ sáng trong không khí lạnh của nước Piemonte, bên Ý… Gioan Cagliero nhớ lại rằng mùa đông tại Torino đâu phải là chuyện đùa. Tại phòng gác xép sát mái nhà của chúng tôi, chẳng có lò sưởi ấm, chẳng có ống nước. Để rửa mặt, vào buổi chiều chúng tôi phải sách các chậu nước lên đó. Nhưng vào buổi sáng giá lạnh đã biến nước thành nước đá rồi. Để rửa mặt, chúng phải mở gác xép, lấy tuyết trên mái nhà xuống, và thực hiện việc vò nát tuyết mạnh mẽ trên tay, trên mặt, trên cổ. Sau ít phút, da chúng tôi bốc khói! Khi ấy chúng tôi quấn mình trong chiếc chăn và bắt đầu thời gian học: Rua thì học tiếng Do thái để đọc Cựu Ước, Francesia thì gọt dũa những vần thơ La-tinh, tôi thì sáng tác những bài tập âm nhạc".

Vào tháng 11 năm 1855, Nguyện Xá bắt đầu mở các lớp cấp II trong nhà. Francesia cùng với tất cả những công việc khác, kiêm thêm công việc giáo viên dạy văn chương, Rua thì dạy toán, Cagliero dạy âm nhạc.

Có khi người ta nghĩ: Không biết Don Bosco có điên không khi để cho các bạn trẻ theo ngài chất đống các bổn phận học hành với các công việc bề bộn và mệt nhọc khác? Thế rồi ta phải suy nghĩ lại xem kết cuộc như thế nào: Gioan Cagleiro làm tới Hồng Y, chết vào tuổi 88; Mice Rua, đứng đầu Tu Hội Salêdiêng, sống đến năm 73 tuổi; Gioan Francesia, nhà La-tinh học có tiếng ở Âu Châu, trụ hạng cho đến năm 92 tuổi. Don Bosco "biết" được rằng công việc, dù rất khắc khổ đến mấy đi nữa, cũng không giết người ta quá sớm đâu!

Đối đầu trực diện với Bộ trưởng

Các họa sĩ chuyên vẽ tranh biếm họa chính trị thời ấy, khi họ minh họa chính phủ, thường vẽ Camillo Cavour với một thân hình mèo và những hàng ria thật dài, còn Urbano Ratazzi (Bộ trưởng nội vụ) thì như một con chuột cống vậy. "Gatass và Ratass" là bí danh của hai ông vào thời ấy.

Đối với Ratazzi (bất chấp những tư thế trái ngược rất rõ nét đối với hầu hết các quan niệm chính trị), Don Bosco gặp được đủ mọi thuận lợi. Ông Bộ trưởng nội vụ ngưỡng mộ ngài vì ngài hoạt động" vì lợi ích của quần chúng nhân dân và khi cứu vớt các trẻ em nghèo, giải thoát chính phủ khỏi cả núi những lo toan chồng chất".

Năm 1845, trên đường dẫn tới Stupinigi, một khám đường mới đã được mở ra tại Torino: khám Lớn. Đây là trung tâm "cải tạo" dành cho các thanh thiếu niên; nó có thể chứa tới ba trăm phạm nhân. Don Bosco thường xuyên lui tới nơi ấy một cách đều đặn và ngài ra sức kết thân với bọn trẻ ấy, bị kết án thông thường vì tội trộm cắp hoặc du thủ du thực.

Các phạm nhân trẻ được chia làm ba loại. Loại "bị canh chừng đặt biệt" mà tối đến bị đem nhốt vào Xà lim riêng, loại "bị canh chừng thông thường" mà người ta bắt phải bước đi thẳng thắn bằng những phương tiện quen dùng trong một nhà tù, và loại "suy đồi" sở dĩ có mặt trong đó là tại có ai đó, quá mỏi mệt vì chúng, đã phủi tay rũ bỏ "của nợ" ấy bằng cách giao chúng cho cảnh sát. Chúng qua thời gian tù tội của mình bằng những công việc nhà nông và trong xưởng thợ nội bộ.

Trong mùa chay năm 1855, Don Bosco đã mở một khóa giáo lý nghiêm chỉnh cho tất cả các phạm nhân, tiếp nối bằng ba ngày tĩnh tâm và kết thúc bằng một cuộc xưng tội chung đích thực.

Don Bosco đã hết sức cảm kích vì thiện chí của chúng, đến nỗi ngài đã hứa sẽ tặng chúng "một món quà đặc biệt". Ngài đến gặp vị quản đốc và đề nghị tổ

chức cho bọn trẻ (đã bị cảnh giam cầm biến thành đê tiện) một cuộc dạo chơi hào hứng đến tận Stupinigi.

- Cha nói năng nghiêm chỉnh đấy chứ? Ông quản đốc hỏi với vẻ ngạc nhiên.

- Nghiêm chỉnh hơn ai hết.

- Cha có biết là tôi sẽ phải chịu trách nhiệm về những tên đào thoát không?

- Sẽ chẳng có một ai đào thoát cả. Tôi xin hứa danh dự với ông.

- Cha hãy nghe đây, tranh luận nữa cũng vô ích. Nếu cha muốn có một cái phép như vậy, cha hãy lên hỏi ngài Bộ trưởng ấy.

Don Bosco lên đường đến gặp Ratazzi và thản nhiên trình bầy đề án của mình.

- Đồng ý, ông Bộ trưởng nói. Một cuộc dạo chơi chắc chắn sẽ có ích đối với các tù nhân trẻ. Tôi sẽ ra những lệnh cần thiết sao cho suốt dọc lộ trình sẽ có bố trí đủ số những cảnh sát viên mặc thường phục.

- Ồ không! Don Bosco kịch liệt phản đối. Điều kiện duy nhất mà tôi đặt ra đó là không có một cảnh vệ nào bảo vệ chúng tôi cả. Và ngài phải hứa danh dự với tôi như vậy. Nguy cơ, chính tôi là người gánh chịu. Nếu có đứa nào đào tẩu, chính tôi là kẻ mà ngài sẽ tống vào tù.

Họ cùng cười, rồi Ratazzi trở lại nghiêm chỉnh:

- Don Bosco, cha hãy biết điều một chút, không có các cảnh sát viên, cha sẽ không dẫn về cho tôi được một mống nào đâu.

- Còn tôi thì tôi xin nói ngược lại là tôi sẽ dẫn chúng về đủ số. Chúng ta hãy cá độ với nhau nào.

Ratazzi ngẫm nghĩ vài giây, rồi:

- Được rồi, tôi chấp thuận. Tôi tin tưởng ở cha và tôi cũng tin tưởng ở các cánh sát viên là, trường hợp xẩy ra đào tẩu họ sẽ không mất quá nhiều thời gian để bắt trở lại cho tôi vài ba đứa.

Một ngày tự do

Don Bosco trở lại khám Lớn và thông báo về cuộc dạo chơi. Các tù nhân trẻ hú lên vì mừng rỡ. Ngay khi chúng vừa yên lặng trở lại, ngài nói tiếp:

- Cha đã hứa danh dự là toàn thể các con không trừ một ai, các con sẽ ứng xử đàng hoàng và sẽ không tìm cách đào tẩu. Ngài Bộ trưởng cũng đã hứa danh dự với cha là ngài sẽ không cử cảnh vệ tới, dù là mặc đồng phục hay thường phục cũng vậy. Nhưng giờ đây, cả các con nữa, các con cũng phải hứa với cha, nếu như dù chỉ có một người đào thoát mà thôi, cha sẽ bị mất uy tín và bị ô danh vĩnh viễn. Người ta chắc chắn sẽ không bao giờ còn cho phép cha đặt chân trở lại đây nữa. Liệu cha có thể tin cậy ở các con được không?

Chúng thảo luận với nhau trong chốc lát. Rồi mấy đứa lớn nhất tuyên bố:

- Chúng con xin hứa với cha. Chúng con sẽ trở lại đầy đủ và chúng con sẽ ứng xử đúng qui cách.

Hôm sau, khí trời mát dịu: một ngày xuân đẹp trời. Họ lên đường đi Stupinigi dọc theo những lối mòn do dân quê vạch sẵn. Họ chạy, họ nhảy, hò la…Don Bosco là trung tâm điểm của cả đám, luôn miệng nói đùa và kể chuyện này đến chuyện khác. Phía trước con lừa đủng đỉnh bước đi, lưng mang nặng lương thực, thực phẩm.

Tại Stupinigi, Don Bosco cử hành Thánh Lễ. Họ ăn trên cỏ và họ hăng say lao vào những cuộc thi và những trò chơi dọc theo ven sông Sangone. Họ đến tham quan khu công viên và lâu đài hoàng gia. Một bữa lót lòng, rồi lên đường ra về vào lúc mặt trời lặn. Con lừa không còn phải chuyên chở gì nữa mà Don Bosco thì có phần hơi mệt. Bọn trẻ đưa ngài lên yên và tay kéo dây cương dọc đến trước nhà tù mà miệng vẫn còn vang tiếng hát. Ông quản đốc vội vàng nhẩm đếm: chúng vẫn còn đủ số.

Phút chia tay thật buồn diễn ra trước cổng Khám Lớn. Don Bosco chào từng đứa một và quay về nhà, cõi lòng se thắt vì đã chỉ có thể giải phóng chúng vỏn vẹn mỗi một ngày.

Ông bộ trưởng, ngược lại khi được báo cáo lại vụ việc, đã vô cùng mừng rỡ như sau một thắng lợi lớn.

- Tại sao cha làm được những chuyện như vậy mà chúng tôi thì lại không sao làm nổi? Một hôm ông ta đã hỏi Don Bosco.

- Bởi vì nhà nước thì lo chỉ huy và trừng trị. Họ đâu có làm được gì hơn nữa. Trong khi đó thì tôi, tôi yêu thương bọn trẻ ấy. Và vì là linh mục nên tôi có một sức mạnh tinh thần mà ngài không thể nào hiểu được.

Chín trang để trình bày phương pháp của mình

Người ta thường hay xin Don Bosco giải thích trong một cuốn sách hệ thống giáo dục của ngài. Sự thiếu thời gian, sự bất khả dừng lại để tư duy một cách có hệ thống về các lực truyền trong các hoạt động của mình đã ngăn ngài để đời cho chúng ta một tác phẩm "có tính khoa học".

Năm 1876, ngài thu hết can đảm và vẽ lại một bản "phác thảo" về hệ thống giáo dục" dùng trong các nhà Salêdiêng". Tác phẩm này chỉ gồm vỏn vẹn chín trang giấy.

"Hệ thống này hoàn toàn dựa vào lẽ phải, tôn giáo và sự thân thương. Nó loại trừ mọi sự trừng phạt thô bạo và ra sức tránh cả đến những hình phạt nhẹ nữa".

Vị giám đốc và những người hộ trực như là những người cha thân thương. Họ trò chuyện, hướng dẫn khuyên bảo và sửa sai với lòng dịu hiền. Người học sinh không bao giờ bị hạ nhục, trở thành một người bạn, gặp được nơi thầy hộ trực một vị ân nhân muốn giúp em trở nên tốt, tránh cho em những sự hạ nhục, những hình phạt và những nỗi cay đắng xót xa.

Nhà giáo dục, nhờ tranh thủ được niềm tin của kẻ thọ ân, sẽ có thể theo em khi em đã là người trưởng thành, có thể khuyên bảo em và thậm chí cải tạo em.

Việc thực thi hệ thống này hoàn toàn được đặt cơ sở trên những lời sau đây của thánh Phaolô: "Đức ái thì hiền hòa và nhẫn nại, nó chịu đựng tất cả nhưng hy vọng tất cả, nó nhận chịu bất kể sự quấy rối nào". Do đó, chỉ duy người Kitô hữu mới có thể áp dụng biện pháp mà nhà giáo dục cần phải liên tục sử dụng tới.

Vị giám đốc, ngoài ra phải tận hiến hoàn toàn cho những kẻ mà ngài đảm trách và bao giờ cũng phải có mặt cạnh chúng những khi mình rảnh rỗi."

Giấc mơ về "đời sống Nguyện Xá xưa" như một lời kêu gọi

Nếu Don Bosco viết các khảo luận một cách khó khăn, thì lại là một nhà ảo thuật trong việc thông tri cuộc sống đã được sống trong khi kể chuyện. Do đó, nhiều nhà chuyên môn đã quả quyết rằng trong khi *khảo luận về hệ thống giáo dục dự phòng* nghèo nàn, thì "giấc mơ" Don Bosco kể trong lá thư năm 1884 là một bản diễn tả sống động và hấp dẫn nhất của tính bén nhạy giáo dục của Don Bosco.

Don Bosco ở lại tại Roma vào tháng Năm năm đó để thương lượng về các chuyện quan trong cho Tu hội. Ban đêm thì ngài "mơ" về Nguyện Xá xưa (Nguyện xá mà những Đaminh Saviô, Rua, Cagliero đã sống) và có thể đem đối chất nó với Nguyện Xá của thời buổi 1884 tại Valdocco. Thế là ngài đã đọc cho viết lá thư ngày 10-5-1884. Cha Pietro Stella quả quyết: "Đây có thể được coi là một trong các tài liệu hữu hiệu và phong phú nhất về khoa sự phạm của Don Bosco".

Chúng ta hãy tóm lược lá thư đó lại như sau.

"Cha thấy mình như đáng ở trong Nguyện Xá xưa vào giờ chơi. Đây là một quang cảnh rất sống, rất động, rất vui. Người chạy, người nhẩy, người giúp cho kẻ khác nhẩy. Người thì chơi nhẩy xa kiểu nhái, người thì chơi trò "Phá Vạch

đứng", kẻ thì chơi banh. Chỗ này một nhóm tụ lại, say sưa nghe một linh mục kể chuyện, chỗ khác một thầy tư giáo ở giữa các em chơi trò *lừa bay* và *Trò chơi Hành nghề.* Bọn trẻ hát, cười khắp nơi; và khắp nơi có các tư giáo và linh mục, và bọn trẻ bao quanh họ, cảnh huyên náo vui vẻ. Người ta quả thấy được giữa thanh thiếu niên và các bề trên có sự thân tình, tin tưởng. Cha rất sung sướng trước cảnh tượng này, và người đi theo cha nói với cha:

- Cha xem, tình thân mật đưa đến sự quyến luyến, và sự quyến luyến đem lại niềm tin tưởng. Và điều đó cởi mở lòng con người, các thanh thiếu niên thì bộc lộ lòng mình không hề sợ hãi cho các thầy dạy, các hộ trực và các bề trên của mình. Chúng thành thật trong khi xưng tội, và rất dễ dạy bảo trước bất cứ điều gì mà người chúng chắc chắn chúng đang được người ấy yêu thương, ban lệnh cho chúng.

Vào lúc đó một người học trò xưa của cha, anh Giuse Buzzetti, lại gần cha và nói với cha:

- Cha có muốn xem các thanh thiếu niên hiện nay của Nguyện Xá không?

Cha thấy tất cả chúng đang chơi. Nhưng cha không còn nghe thấy những tiếng la hét vui vẻ và các tiếng hát nữa, cũng chẳng có cái náo động hay sức sống như trong cảnh trước. Nơi nét mặt lộ ra sự buồn chán, sự mệt mỏi, khinh bỉ, lãnh đạm. Bên cạnh những học sinh vô tư, vui đùa, chạy nhảy, cha thấy một số đông lủi thủi một mình, tựa vào cột, đứng ở cầu thang, những người khác đưa mắt ranh mãnh nghi ngờ, nhìn quanh. Thánh Lu-y chắc cũng cảm thấy đỏ mặt, hổ thẹn khi phải ở với chúng.

- Các học sinh bây giờ khác xa với thời chúng ta ngày xưa biết mấy! – Buzzetti thốt lên.

- Tiếc quá! Nhưng làm sao chúng ta có thể giúp các bạn trẻ thân yêu của chúng ta được sinh động nhỉ?

- Phải dùng tình yêu, cha ạ.

- Tình yêu à? Thế học sinh của cha chưa được yêu mến đầy đủ sao? Con không thấy cha đã chịu nhiều đau đớn, cực nhọc vì chúng, cho đến bây giờ cha vẫn đang chịu bao đau khổ, lao lực, mệt nhọc, nhục mạ, chống đối, bách hại, chỉ vì để mang lại của ăn, nhà ở, thày dạy, và nhất là để lo cho phần rỗi linh hồn của chúng. Còn các giám đốc, tổng quản, thầy giáo, hộ trực, họ đã chẳng tiêu hao những năm tháng tuổi trẻ của họ cho chúng là gì sao?

- Nhưng còn thiếu một điều tốt hơn – Buzzetti nhấn mạnh. Đó là yêu mến chúng chưa đủ, mà chúng còn phải biết được, thấy được là chúng ta yêu mến chúng.

- Nhưng chúng không thấy được rằng chúng ta đã làm tất cả mọi sự vì lòng yêu mến chúng sao.

- Không.Vậy thì còn cần phải làm gì nữa?

- Chớ gì chúng cảm thấy chúng được yêu mến nơi những gì mà chúng thích thú, khi thấy họ chia sẻ những sự thích thú của tuổi thơ của chúng, nhờ thế chúng học để đem lòng yêu mến những chuyện mà tự nhiên chúng không thích mấy: đó là kỷ luật, học hành, hãm dẹp bản thân. Con xin nói rõ hơn: cha hãy xem kìa, xem các học sinh đang trong trò chơi kìa. Thế các Salêdiêng của cha đang ở đâu?

Cha quan sát và thấy rất ít các cha và các thầy hòa mình với học sinh, còn chơi với chúng lại còn ít hơn nữa. Các bề trên không còn là linh hồn của trò chơi, đa số đi đi lại lại, nói chuyện với nhau, không chút bận tâm gì đối với học sinh. Một số khác chỉ biết điềm nhiên nhìn trẻ chơi, không nghĩ gì đến chúng; có những người canh chừng xa xa, xem có ai lỗi phạm, họa hiếm lắm mới có người biết cảnh cáo sửa lỗi, nhưng đầy đe dọa, vài tu sĩ Salêdiêng muốn tới tiếp xúc với một nhóm thanh thiếu niên nào đó, nhưng cha thấy chúng khôn khéo tìm cách xa lánh các thầy và các bề trên của chúng.

Vậy nên Buzzetti mới tiếp tục nói:

- Ngày xưa ở Nguyện Xá có bao giờ cha xa chúng con đâu, nhất là trong các giờ chơi? Cha còn nhớ những năm hạnh phúc đó chứ? Thật sung sướng như thiên đàng, một thời kỳ mà chúng con luôn ghi nhớ với biết bao nhiêu tình mến; bởi vì khi ấy tình yêu là luật sống giữa chúng ta, và giữa cha và chúng con nào có gì dấu ẩn.

- Đúng vậy, hồi đó mọi sự đều là nguồn vui đối với cha. Nhưng bây giờ con thấy đấy, những cuộc gặp khách liên tục, rồi những công việc bề bộn và sức khỏe yếu kém khiến cha không thể nào làm việc ấy được nữa, con hiểu chứ?

- Vâng, con hiểu. Cha không thể, nhưng tại sao các tu sĩ Salêdiêng không bắt chước cha? Tại sao cha không nhấn mạnh, không đòi hỏi các tu sĩ của cha phải đối xử với thánh thiêu niên như chính cha đã đối xử? Hãy yêu thích những gì các thanh thiếu niên yêu thích, rồi chúng sẽ thích những điều các bề trên yêu thích. Ngày nay bề trên chỉ còn là bề trên chứ không còn là người cha, người anh em hay người bạn nữa; vì thế chúng sợ hãi và ít yêu mến các ngài. Vậy nếu muốn sống một lòng một trí vì yêu mến Chúa Giêsu, thì cần phải phá tan bức tưởng ngăn cách, đố kị và thay vào đó bằng lòng tin yêu, tín nhiệm. Có như thế, việc vâng phục mới hướng dẫn thanh thiếu niên như người mẹ dìu dắt con mình. Khi ấy hoàn cảnh sống hòa thuận, an vui xưa kia sẽ trở lại trong Nguyện Xá.

- Nhưng phải làm sao để có thể phá đổ bức tường ngăn cách đó?

- Phải thân thiết với các thanh thiếu niên, nhất là trong giờ chơi. Thiếu thân thiết, sẽ thiếu yêu thương, thiếu yêu thương, tất nhiên sẽ thiếu tín nhiệm. Ai muốn được yêu mến, thì cần phải tỏ ra mình yêu mến. Chúa Giêsu Kitô đã trở nên bé nhỏ với những người bé nhỏ, và đã mang lấy thân phận hèn yếu của chúng ta. chính Ngài là vị Thầy của tình thân thiện. Bao lâu thầy giáo còn ngồi trên ghế giảng, thì bấy lâu vẫn còn là một vị thầy dạy mà thôi, nhưng một khi hòa mình đi chơi chung với thanh thiếu niên, thầy sẽ trở thành như một người có lòng thương mến. Rất nhiều thanh thiếu niên biết cải hóa vì vài lời rỉ tai các

em lúc các em đang hăng hái vui chơi. Ai biết mình được yêu sẽ đáp lại tình yêu, và ai được yêu mến sẽ được mọi sự, nhất là nơi các thanh thiếu niên. Tín nhiệm là dòng điện lưu hành giữa thanh thiếu niên và Bề Trên. Chính nhờ có tình yêu đó mà bề trên chịu đựng mọi lao nhọc, nhàm chán, vô ơn, quấy phá, thiếu sót, lơ đãng của trẻ nhỏ. Chúa Giêsu đã không bẻ gãy cây sậy dập nát, cũng chẳng dập tắt tim đèn còn leo lét. Ngài là gương mẫu của các con. Nhờ thế sẽ không còn thấy ai làm việc vì hư danh; phạt để trả thù lòng tự ái của mình bị tổn thương; để cho tạo vật chiếm hữu con tim của mình, và vì nịnh hót kẻ ấy, mà sao nhãng tất cả các trẻ khác, hay vì vị nể mà sợ cảnh cáo những ai đáng cảnh cáo. Tại sao chúng ta lại phải thay thế tình yêu bằng một thứ luật lệ lạnh lùng?

Don Bosco kết luận lá thư dài này bằng những lời ngài viết trong khi khóc (theo như chính chứng từ của vị thư ký của ngài):

"Chỉ cần một bạn trẻ bước vào trong nhà Salêdiêng là Đức Trinh Nữ Rất thánh lập tức tiếp nhận em đó vào trong sự che chở đặc biệt của Mẹ. Hỡi các con thân mến, đã gần đến thời gian cha phải lìa bỏ các con mà đi về cõi đời đời. Các con biết người cha già cả này mong muốn điều gì nơi các con chăng? Không có gì khác ngoài việc các con trở lại với các thời kỳ hạnh phúc của Nguyện Xá: đó là những ngày thương mến đậm đà và tin tưởng giữa các người trẻ và các bề trên; những ngày của tinh thần chiếu cố và chịu đựng lẫn nhau, vì tình yêu Chúa Giêsu Kitô, những ngày của tình tương thân tương ái; những ngày của các trái tim rộng mở cho nhau với tất cả sự đơn sơ và ngay thẳng, những ngày của đức yêu thương và của niềm vui đích thực dành cho tất cả mọi người".

Ai vào Nguyện xá hay nhà Salêdiêng là Đức Trinh nữ Maria tiếp nhận em đó vào trong sự che chở của Mẹ!

Chương 34: VĨNH BIỆT MẸ GIÀ VÀ MỘT CẬU BÉ

Chúa nhật đầu tháng Tư 1855, Don Bosco giảng cho các con cái mình để nói với chúng về sự thánh thiện. Một số đứa mặt mày nhăn nhó như khỉ gặp mắm tôm. Riêng Đaminh Saviô rất chăm chú lắng nghe. Don Bosco giảng giải, bằng giọng truyền cảm và đầy sức thuyết phục của ngài, nên cậu cảm thấy rằng bài giảng dường như được soạn riêng cho chính mình. Đạt đến sự thánh thiện, như chàng hoàng tử Lu-y Gonzaga, như nhà truyền giáo vĩ đại Phanxicô Xaviê, như các thánh tử đạo của Hội thánh…

Kể từ giờ phút ấy, Đaminh bắt đầu mơ mộng, và giấc mơ của cậu chính là nên thánh.

Ngày 24 tháng 6, ngày lễ bổn mạng của Don Bosco, một lễ lớn ở Nguyện Xá, cũng như mọi năm, đáp lại lòng quí mến và thiện chí mà bọn trẻ đã chứng tỏ với ngài, Don Bosco tuyên bố: ai ước nhận được từ nơi cha. Cha cam đoan sẽ làm hết khả năng của mình để ai nấy đều được mãn nguyện.

Một tờ giấy với năm từ

Khi đọc các tờ giấy, Don Bosco bắt gặp những đề nghị cả nghiêm túc lẫn phi lý. Nhưng ngài cũng gặp những thỉnh nguyện quá lố khiến ngài mỉm cười: một đứa đã mong muốn có một trăm ký kẹo nu-ga "để ăn suốt năm". Trên tấm giấy của Saviô, ngài gặp năm từ: "Xin giúp con nên thánh".

Don Bosco coi trọng những lời trên. Ngài gọi Đaminh Saviô đến và bảo:

- Cha muốn cống hiến cho con công thức của sự thánh thiên, nó đây: thứ nhất: niềm vui, những gì khiến con bối rối và cướp mất sự bình an đều không đến từ Thiên Chúa. Thứ hai: các bài vở trường lớp và các bổn phận đạo đức của con, hãy chuyên cần trong lớp, trung kiên trong việc học, trung kiên trong kinh nguyện. Làm mọi sự ấy, không phải do tham vọng mà do lòng mến Chúa. Thứ ba: mưu ích cho người khác, hãy luôn luôn giúp đỡ chúng bạn, cho dù việc này đòi hỏi con phải hy sinh nhiều. Toàn bộ sự thánh thiện là như thế đó.

Đaminh tiến tới thật. Trong cuộc sống của Đaminh Saviô mà Don Bosco đã viết ngay sau khi cậu qua đời, rất nhiều sự kiện bình thường mà đầy cảm động đã được kể lại. Chúng tôi chỉ xin đơn cử một chuyện duy nhất.

Một hôm, một thiếu niên đem vào nguyện xá một tạp chí bằng tranh và những hình vẽ đi ngược lại với sự đoan trang nết na. Năm sáu đứa bạn bu lấy nó. Chúng ngắm nghía với vẻ đầy thích thú, Đaminh tiến lại gần; Cậu đón lấy tờ báo từ tay chủ nó và xé vụn ra. Thằng bé phản kháng, nhưng Đaminh cũng phản kháng với giọng kẻ cả:

- Mấy thứ đồ quỉ này mà bạn dám đem vào nguyện xá ư? Đang khi Don Bosco phải cực khổ đêm ngày để giúp chúng ta trở nên những công dân lương thiện và những người Kitô hữu tốt, thì bạn lại lôi vào nhà của ngài những văn hóa phẩm đồi trụy dơ dáy. Những hình ảnh ấy xúc phạm đến Chúa và không được phép lọt vào đây.

Kỳ nghỉ hè đã đến và đã trôi qua mau lẹ.

Khi bọn trẻ trở lại nguyện xá vào tháng mười, Don Bosco gặp lại Đaminh Saviô và đã xúc động mạnh:

- Con không nghỉ ngơi gì trong kỳ hè sao?

- Thưa cha, có chứ, sao vậy?

- Con xanh xao hơn thường lệ nhiều, tại sao thế?

- Chắc tại con mệt vì đường xa, và cậu mỉm cười thản nhiên.

Nhưng đó không phải là một cơn mệt mỏi đột xuất. Đôi mắt trũng sâu, bộ mặt xanh mét và gầy guộc cho thấy rõ là sức khỏe của Đaminh đã bị tổn thương nghiêm trọng. Don Bosco quyết định áp dụng những biện pháp đề phòng.

"Năm nay con sẽ không lên học trên thành phố nữa. Đi về lầm lũi dưới mưa rơi và tuyết lạnh có thể gây nguy cho con. Con sẽ theo học các lớp của Don Francesia ngay tại đây, trong nhà này. Nhờ vậy, con có thể nghỉ thêm ít nhiều vào buổi sáng. Và đừng có quá tích cực trong việc học, sức khoẻ là một tặng phẩm của Chúa, ta không được phép phá hoại nó".

Đaminh vâng lời. Nhưng mấy hôm sau, như thể cậu đã thấy trước chuyện gì đó thật nghiêm trọng sắp xảy đến với mình, cậu đã thưa với Don Bosco.

- Xin cha hãy giúp con nên thánh, lẹ lên!

Hội Bạn "Đức Mẹ Vô nhiễm"

Đaminh đã trở thành người bạn lớn của Micae Rua và của Gioan Cagliero, dù mỗi người ấy đều hơn cậu cả bốn đến năm tuổi. Các bạn thân khác của cậu đều là những thiếu niên xuất sắc, mới gia nhập nguyện xá mấy năm gần đây: Bongiovanni, Durando, Cerutti, Gavio, Massaglires.

Đến đầu năm 1855, số nội trú sinh của nguyện xá là 153 em: 63 học sinh học sinh và 90 thợ phụ.

Mùa xuân, Đaminh chợt nảy ra một ý kiến tuyệt vời. Sao không qui tụ tất cả các thiếu niên có thiện chí vào một "hội kín" để đào tạo thành một nhóm gắn bó chặt chẽ với nhau gồm những tông đồ nhỏ trong tập thể các trẻ em khác? Cậu đem điều này ra nói với mấy người bạn, ý kiến được mọi người đồng tình ủng hộ. Họ quyết định đặt tên hội là "Hội Vô Nhiễm".

"Don Bosco cho phép lập hội, nhưng khuyến cáo không nên hấp tấp tiến hành công việc. Làm một cuộc thử nghiệm, thảo một bản nội qui rồi ta sẽ bàn lại

sau".

Họ đã thử, sau phiên họp đầu tiên, họ tìm xem nên rủ những ai đăng ký. Ít thôi, đáng tin cậy, biết giữ kín. Họ thảo luận về trường hợp Francesia, vị giáo viên rất trẻ dạy bộ môn văn chương, một chàng trai ngây thơ vô tội, là bạn của mọi người. Nhưng họ đã gạt chàng qua một bên vì đó là một người hay nói [lắm mồm], với chàng, bí mật sẽ không giữ kín được lâu.

Hội đồng giao cho ba người đã được ghi danh việc phác thảo bản nội qui: Micae Rua, mười chín tuổi, Giuse Bongiovanni, mười tám, Đaminh Saviô, mười bốn. Don Bosco khẳng định là chính Đaminh Saviô đã thảo văn bản. Mấy người kia nhuận chính lại.

Bản nội qui ngắn gọn gồm hai mươi mốt điều khoản. Các hội viên hứa trở nên tốt hơn dưới sự bảo trợ của Đức Mẹ và với sự trợ giúp của Chúa Giêsu Thánh Thể, hứa giúp đỡ Don Bosco bằng cách trở nên, với sự thận trọng và tế nhị, những tông đồ nhỏ giữa chúng bạn, hứa gieo rắc niềm vui và sự hòa thuận chung quanh mình.

Điều 21, điều khoản cuối cùng, tóm lược tinh thần của Hội: "Một niềm tin tưởng chân thành, đầy tình con thảo, vô bờ nơi Mẹ Maria, một sự trìu mến phi thường đối với Mẹ. Một lòng sùng kính bền lâu sẽ khiến chúng ta làm chủ mọi trở ngại, kiên trì trong các quyết định, nghiêm khắc với chính mình, hòa nhã với người khác, và đúng mực trong mọi sự.

Hội đã được khai sinh ngày 8.6.1856 trước bàn thờ Đức Mẹ, trong nhà thờ thánh Phanxicô Salê. Mỗi người đều hứa sẽ trung thành với lời tuyên hứa.

Hôm ấy, Đaminh đã thực hiện được kiệt tác phẩm của mình. Cậu chỉ còn sống được chín tháng, nhưng Hội Vô Nhiễm của cậu sẽ tồn tại hơn một trăm năm (tính chẵn đến năm 1967). Trong tất cả các nhà và nguyện xá Salêdiêng, nó đã là đội quân ưu tú gồm các thiếu niên tự nguyện hiến thân cho những ơn kêu gọi làm linh mục tương lai.

Các thành viên Hội chọn "chăm sóc" cho một hàng mục thiếu niên mà họ gọi là những "thân chủ" theo cách nói riêng của họ: những đứa vô kỷ luật, lắm mồm như vẹt và ham đánh nhau như gấu. Mỗi hội viên bảo lãnh một đứa và đóng vai "Thiên thần Bản mệnh" của nó bao lâu còn cần thiết để đưa nó về đường ngay nẻo chính. Những tên "lính mới tò te" là hạng mục thân chủ thứ hai. Họ giúp chúng qua buổi ban đầu một cách thoải mái. Thời gian mà chúng chưa quen biết ai, chưa biết chơi các trò chơi tập thể, nói năng toàn bằng thổ ngữ của quê hương mình, tâm hồn trĩu nặng nỗi buồn xa nhà xa quê.

Mùa chay 1856, Đaminh Saviô (một cậu bé gợi nhớ cho Don Bosco về khuôn mặt của Lu-y Comollo, vừa xanh xao vừa căng thẳng) cuối cùng đã vướng phải một vài sự thái quá. Cậu đã nghe các bài đọc của phụng vụ thời ấy vốn luôn kêu gọi người ta làm việc hãm mình đền tội, nên chính cậu ta cũng muốn chính mình thực hiện. Don Bosco đã được một hộ trực nhà ăn cho biết Saviô đã ăn chay.

Cha gọi cậu bé lập tức đến với cha. Trong một cuộc nói chuyện thẳng thắng, cha biết được từ chính miệng Saviô nói ra là cậu không những đã ăn chay, mà còn vượt xa hơn thế: cậu đã bỏ ra một bên chăn đắp (trong khi trời rất lạnh), đã đặt những cục gạch vào giường dưới chiếc nệm để làm cho giấc ngủ bị khuấy động. Don Bosco chặn đứng cách quyết liệt:

- Cha cấm con *tuyệt đối* bất cứ việc hãm mình, đền tội nào. Hay đúng hơn cha cho phép con làm duy một việc đền tội: là *vâng lời*. Đó là một việc đền tội đòi hy sinh lớn, và làm đẹp lòng Chúa, mà không làm hại sức khỏe. Con hãy vâng lời và thế là đủ.

Mẹ Margarita ra đi về cõi vĩnh hằng

Ngày 15.11.1856, mẹ Margarita ngã bệnh. Bệnh viêm phổi nặng rất dễ gây tử vong đối với sáu mươi tám năm tuổi vốn đã kiệt quệ vì bao công việc nặng nhọc

của bà. Trong khoảnh khắc, sự sống của nguyện xá như ngưng lại. Họ làm sao mà sống nổi nếu không có bà? Quanh giường bệnh của bà, các thầy tư giáo của Don Bosco và những trẻ em lớn đã luân phiên nhau túc trực đêm ngày. Biết bao lần bọn chúng đã từng đi vào gian bếp của bà và nói:

-Mẹ ơi, mẹ cho con một trái táo nhé?

-Mẹ ơi, xúp nấu xong rồi chứ?

-Mẹ ơi, con chẳng còn cái mùi xoa nào cả.

-Mẹ ơi, con làm rách quần rồi nè.

Đức anh hùng của người phụ nữ cao quí sắp tạ thế ấy chỉ nảy sinh từ những cái quần rách cần vá lại, từ rơm rạ cần cắt về, từ quần áo cần giặt và từ nồi niêu xoong chảo. Nhưng trong thân phận vô danh tiểu tốt ấy, có một sức mạnh không bao giờ chúng nản: lòng nhân hậu dịu dàng của người mẹ.

Chính từ bà mà Don Bosco đã lãnh hội được phương pháp giáo dục dự phòng của bà. Ngài là người đầu tiên đã được nuôi dạy bằng lẽ phải, tôn giáo và tình thương. Tu hội Salêdiêng đã được ru trên gối mẹ Margarita, người mẹ hiền mà giờ đây sắp sửa tàn lụi như một ngọn đèn cạn dầu.

Từ xóm Becchi, Giuse đã đến với mấy đứa cháu lớn. Don Borel, cha giải tội của bà từ hồi bà tới Torino đến nay, đã đến mang theo của ăn đàng cho bà.

Bà thu hết sức tàn để nói với Gioan của mình:

- Hãy coi chừng vì có nhiều kẻ, thay vì vinh danh của Chúa, chỉ tìm sự thành đạt của cá nhân mình… kề bên con, có những kẻ yêu thích sự nghèo khổ nơi người khác chứ không phải nơi bản thân mình, những gì ta đòi hỏi người khác, ta phải là những kẻ đầu tiên thực thi trước đã.

Bà không muốn Gioan thấy bà đau khổ, cho đến giờ phút chót bà vẫn nghĩ đến những kẻ khác.

- Đừng đứng đần ra đó Gioan ạ! Thấy mẹ thế này chỉ khiến con càng thêm khổ sở thôi. Con hãy nhớ rằng cuộc đời này được tạo ra là để ta chịu thương chịu

khó. Hạnh phúc thật là ở trong cuộc sống đời đời… bây giờ, con hãy ra ngoài đi, mẹ xin con đó, hãy nghe lời mẹ… hãy cầu nguyện cho mẹ. Vĩnh biệt con.

Cận kề mẹ già đang chết dần chết mòn, còn lại Giuse và Don Alasonatti. Bà lụi tắt vào lúc ba giờ sáng ngày 25.11.1856. Giuse vào phòng Don Bosco và vòng tay ôm lấy cổ ngài mà khóc tức tưởi.

Hai giờ sau, Don Bosco gọi Giuse Buzzetti. Đó là người bạn của những giờ phút bi ai hơn cả, là kẻ duy nhất mà ngài không thấy mắc cỡ khi khóc than trước mặt người ấy. Ngài đến làm lễ trong nhà nguyện đặt dưới hầm mộ của thánh đường Đức Bà An ủi. Tiếp đó, họ cùng quì gối trước Đức Mẹ và Don Bosco đã thầm thì: "Giờ đây, các con cái của con và con không còn có mẹ trên thế gian này nữa. Xin mẹ hãy luôn ở bên chúng con và hãy đóng vai Mẹ hiền của chúng con".

Bốn ngày sau, Micae Rua đến gặp thân mẫu của mình, bà Gioan- Maria:

- Từ khi mẹ Margarita về chầu Chúa, Micae thưa với mẹ, chúng con chẳng còn biết phải làm gì nữa. Chẳng có ai để nấu súp, để vá những chiếc vớ rách. Mẹ ơi, mẹ không thèm đến với chúng con sao, hở mẹ?

Với tuổi đời năm mươi sáu năm già cỗi, bà Gioan-Maria đã đi theo con trai mình và đã trở thành người mẹ thứ hai của nguyện xá. Bà sẽ lưu lại đó suốt hai chục năm.

Một cậu bé trò chuyện với Chúa

Tháng 12-1856. Các đường phố Torino đã được rắc đầy những lọn tuyết đầu mùa. Đêm đến, đèn đường bật sáng. Cũng như mọi tối, Don Bosco cúi khom người tại bàn làm việc trước một đống thư từ đang chờ ngài hồi âm. Ngài sẽ phải trả lời đến tận nửa đêm. Nhưng ai đó đang gõ nhẹ lên cửa.

- Vào đi, ai vậy?

- Con đây! Đaminh Saviô vừa đáp vừa nhanh nhẹn bước vào. Lẹ lên, cha ơi, xin cha hãy đi với con, có một việc từ thiện phải làm ngay tức khắc.

- Bây giờ sao? Ngay giữa đêm hôm thế này à? Con tính đưa cha đi đâu chứ?

- Lẹ lên, Don Bosco, lẹ lên.

Don Bosco do dự, nhưng khi nhìn Đaminh, ngài thấy gương mặt cậu, lúc thường rất bình thảng, đang rất là nghiêm trọng. Cả đến các lời lẽ của cậu cũng đầy vẻ thúc bách, khác nào một mệnh lệnh. Don Bosco trỗi dậy, lấy nón và đi theo cậu.

Đaminh xả hết ga phóng xuống cầu thang, ra sân, không chút ngại ngần lao vào các đường phố trong kinh thành, quẹo vào một con lộ đầu tiên, rồi con lộ thứ hai. Cậu không nói với ngài lời nào, cũng không hề dừng bước. Giữa trận địa bát quái đầy những đường phố và những con hẻm chằng chịt, cậu xăm xăm tiến tới, vững tin ở mình. Cậu leo lên một thang gác, Don Bosco vẫn theo cậu: tầng 1, tầng 2, tầng 3. Đaminh dừng lại, gõ cửa. Trước khi người ta ra mở cửa, cậu đã thưa với Don Bosco:

- Đây là nơi mà cha phải vào.

Và cậu quay trở về nhà. Cửa mở, một người đàn bà xuất hiện đầu tóc bù xù. Bà thấy Don Bosco và reo lên:

- Chính Chúa nhân lành đã gửi cha tới. Lẹ lên, lẹ lên kẻo trễ mất. Chồng con đã vô phương, mất đức tin nhiều năm nay. Giờ đây, ông ấy sắp chết. Ông ấy cầu mong được xưng tôi.

Don Bosco tiến đến bên giường bệnh và thấy một người đàn ông đầy hoảng hốt bên bờ vực thẳm của sự tuyệt vong. Ngài giải tội cho ông ban phép lành tha tội. Ít phút sau người ấy trút hơi thở cuối cùng.

Mấy ngày trôi qua, Don Bosco vẫn chưa hết cảm kích vì những gì đã xẩy ra với mình. Làm thế nào mà Đaminh có thể biết được chuyện liên quan đến người bệnh ấy? Ngài lại gần em vào một lúc mà không một ai có thể nghe lén họ được.

- Đaminh, tối hôm nọ khi con vào phòng cha để gọi cha, ai đã nói với con về người bệnh ấy vậy? Làm sao mà con lại quen biết được ông ấy?

Lúc ấy đã xảy ra một điều mà Don Bosco không hề mong đợi. Cậu bé nhìn ngài với một vẻ rầu rĩ và bật khóc. Don Bosco không dám đặt thêm cho cậu những câu hỏi khác, nhưng ngài hiểu rằng trong nguyện xá của mình hiện có một cậu bé có thể trò chuyện với Chúa.

Trên Thiên Đàng, con có thể thấy các bạn của con chứ?

Tháng 2-1857, mùa đông ở Torino trở nên rất khắc nghiệt Đaminh Saviô càng ngày càng xanh xao, vàng võ. Cậu bị dằn vặt. Bởi một chứng ho dữ dội và sức lực của cậu suy giảm rất nhanh. Lo lắng, Don Bosco đã cho mời hai y sĩ đến để khám cho cậu.

Giáo sư Vallauri, sau một cuộc xét nghiệm tỉ mỉ, tuyên bố:

- Cơ thể èo uột và tình trạng căng thẳng thường xuyên của đầu óc em chẳng khác gì những cây giữa đang bào mòn sức sống của em vậy.

- Tôi có thể làm gì cho em? Don Bosco gạn hỏi.

Vallauri trong vẻ thất vọng và nhún vai. Y khoa trong những năm ấy, hầu như chỉ là con số không.

- Hãy gửi trả em về hít thở không khí trong lành của quê hương và hãy bắt em tạm ngưng việc học một thời gian.

Khi hay biết quyết định, Đaminh đành nhẫn nhịn tuân theo. Nhưng cậu rất khổ tâm vì phải bỏ dở việc học, bỏ lại bạn bè và cách riêng là Don Bosco.

- Nhưng sao con lại không muốn về hưởng sự có mặt của những người thân yêu của con chứ?

- Tại con muốn lìa đời tại đây, tại nguyện xá.

- Đừng nói như vậy chứ. Tạm thời con cứ về nhà đi, con sẽ khỏi bệnh, rồi con sẽ trở lại.

- Chuyện ấy thì không được đâu! Đa minh vừa mỉm cười vừa lắc đầu. Con ra đi và con sẽ không trở lại nữa. Don Bosco, đây là lần cuối cùng chúng ta trò chuyện với nhau. Xin cha hãy cho con biết: con còn có thể làm được những gì nữa cho Chúa?

- Hãy dâng cho Ngài những đau khổ của con.

- Và còn gì nữa?

- Hãy dâng cho ngài mạng sống của con.

- Từ trên Thiên Đàng liệu con có thể thấy bạn bè của con tại nguyện xá và cha mẹ của con không?

- Tất nhiên, Don Bosco khẽ nói mà cố dằn nỗi xúc động của lòng mình.

- Và con sẽ có thể đến gặp họ chứ?

- Nếu Chúa muốn, con sẽ có thể trở lại.

Chúa nhật ngày 1 tháng 3, lời chào cảm động nhất của Đa minh đã dành cho các bạn thân trong "Hội". Rồi chiếc xe của cha cậu đã đến để đưa cậu về Mondonio. Đến góc phố mà cậu vẫn còn vẫy tay để chào nguyện xá, chào bạn bè thân quen, chào Don Bosco "của mình" vẫn đang đứng đó, lòng buồn rười rượi nhìn theo chiếc xe bò đang xa dần. Cậu học trò ưu tú của ngài đã ra đi, vị thánh nhỏ mà Đức Mẹ đã ban cho nguyện xá của ngài từ ba năm nay.

Cậu chết gần như bất ưng ngày 9.3.1857. Cha cậu có mặt bên cậu. Cậu chỉ có vừa đủ sức để thì thầm:

- Vĩnh biệt cha… hồi nãy cha xứ bảo con… nhưng con không nhớ nổi… đẹp biết bao, cảnh tượng con đang thấy…

Đức Piô XII đã phong thánh cho cậu ngày 12.6.1954. Vị thánh đầu tiên mới 15 tuổi đầu.

Một băng giải màu máu

Don Bosco còn thấy lại cậu một lần nữa, trong "giấc mơ" lớn. Cha mơ tại Lanzo vào đêm 6 tháng Mười Hai 1876. Bài tường thuật của cha chiếm 10 trang dày đặc trong Cuốn *Hồi Sử 12.* Chúng ta chỉ bằng lòng với việc nêu lên một vài đoạn.

"Cha thấy mình đang ở trên bờ cánh đồng bằng mênh mông, màu xanh như màu biển cả. Nhưng đó không phải là nước, mà là thủy tinh trong suốt. Trong không gian có tiếng âm nhạc vang lên thật dịu dàng.

Thình lình một con số đông đảo vô kể các bạn trẻ xuất hiện, số những người đã ở Nguyện xá và các trường của chúng ta thì Cha biết được, nhưng phần đa, cha không biết. Đi đầu có Đaminh Saviô, Cha Alasonatti, cha Chiala, cha Giulitto và nhiều thầy, nhiều linh mục, mỗi người dẫn đầu một đội binh các bạn trẻ.

Chỉ có Đaminh Saviô tiến lên tới gần cha đến nỗi cha có thể đưa tay chạm tới. Em yên lặng, mỉm cười đẹp lắm. Áo em trắng ngời, dát vàng điểm kim cương, tuôn đến chân. Một giải băng hồng quấn ngang lưng điểm các viên ngọc quí giá san sát nhau. Cha như ngây ngất vì kinh ngạc. Em đeo vòng hoa kết bằng kim cương và dải vàng… thả lỏng xuống. Từ đấy tỏa ra một ánh sáng siêu phàm, sáng ngời hơn mặt trời, rực rỡ như ban sáng mùa xuân, tỏa chiếu trên gương mặt sáng và hồng đẹp khôn tả; đầu em đội triều thiên bằng bông hồng, tóc em bồng bềnh tỏa xuống vai. Em thật đẹp, thật đáng yêu, thật quyến rũ giống như…giống như một Thiên thần!.

Bỗng Saviô cắt đứt sự im lặng:

- Sao cha im thế, và như không có mặt? Xưa cha đâu có sợ hãi gì? Dám đối đầu với mọi vu khống, bách hại, thù địch, hiểm nghèo đủ thứ? Vậy sự can đảm của cha ở đâu? Sao cha không nói?

Cha mấp máy:

- Cha chẳng biết nói gì? Vậy con là Đaminh Saviô sao?

- Con đây, cha không nhận ra con sao?

- Sao cha lại gặp con ở đây?

- Con đến để nói chuyện với cha, biết bao lần con đến nói chuyện với cha khi còn ở trần gian! Cha nhớ không, xưa cha yêu con lắm? Cha đã tỏ cho con vô vàn dấu của tình bằng hữu, và biết bao nét thân thương! Vậy con không đáp ứng lại tình yêu của cha sao? Con tín nhiệm vào cha rất nhiều.

Cha lấy lại bình tĩnh và nói:

- Cha đang ở đâu?

- Cha đang ở nơi cực lạc.

Cha ngất ngây chiêm ngắm Saviô và thẳng thắn hỏi em:

- Tại sao con mặc áo trắng ngời như vậy?

- Tại sao con thắt lưng bằng dải hồng?

Một giọng nói cất lên những lời từ Kinh Thánh:

- Họ là những kẻ đồng trinh và đi theo Chiên Con khắp mọi nơi". Lúc đó cha mới hiểu dải hồng đỏ màu máu biểu trưng cho các hy sinh lớn lao em đã làm, các nỗ lực ghê gớm gần như tử đạo em chịu để giữ nhân đức trong sạch. Màu áo trắng ngời là sự vô tội của ngày chịu phép rửa em đã giữ được.

- Vậy sao những người này lại đứng sau con? Don Bosco hỏi Saviô.

- Con nắm vai trò sứ giả của Thiên Chúa! Trong quá khứ, Dòng đã làm nhiều chuyện thiện ích. Cha hãy nhìn kia kìa con số vô tận các bạn trẻ … ở cổng vào cái vườn này, có viết gì?

- Cha thấy rồi: cảnh vườn Salêdiêng.

- Vâng, tất cả họ là các Salêdiêng, hay được giáo dục dưới sự hướng dẫn của cha, có liên hệ với cha và được cứu rỗi bởi cha hay bởi các linh mục, giáo sĩ của cha và những người khác đã được cha đưa vào con đường ơn gọi. Con số họ sẽ là hàng triệu người đông hơn thế nếu cha đã tin tưởng và trông cậy nơi Chúa nhiều hơn.

- Thế còn hiện tại?

Saviô cho cha xem bó hoa đẹp đẽ em đang cầm ở tay. Nào hồng, nào hoa viôlet (tím), hoa hướng dương, hoa nhài, các bông cúc, hoa huệ, hoa cây thường xanh, và giữa các bông hoa trội lên các hạt. Saviô đưa bó hoa cho cha và nói:

- Bó hoa này cha hãy đem cho các con cái của cha để họ dâng lên cho Chúa: Hoa hồng đức ái, hoa violet chỉ đức khiêm nhường, hoa hướng dương chỉ đức vâng lời, hoa nhài chỉ đức hãm mình đền tội và khổ chế, các bông lúa chỉ việc rước lễ thường xuyên.

- Vậy còn tương lai?

- Thiên Chúa chuẩn bị những chuyện lớn lao cho Tu hội. Năm tới sẽ trổi lên cho Tu hội một bình minh vinh quang rạng rỡ rực sáng như ngọn đèn nơi bốn phương trời, từ đông sang tây, từ nam tới bắc.

Một vinh quang lớn được chuẩn bị cho Tu hội. Một tương lai sẽ vô cùng rạng rỡ và nó sẽ mang ơn cứu độ cho vô vàn vô số người. Nhưng với điều kiện là các con cái cha phải sùng kính Đức Mẹ, giữ đức khiết tịnh vừa đẹp lòng Chúa.

- Còn cha thì sao?

- Ồ nếu cha biết cha còn phải chịu đựng biết bao chuyện nữa!

Cha vội vã đưa tay nắm lấy đứa con thánh của cha nhưng tay cha xem ra cầm không khí và không thể ôm siết được gì cả."

Chương 35: THẦY TU HAY KHÔNG, TÔI SẼ VẪN Ở LẠi VỚI DON BOSCO

Một ngày mùa hạ năm 1857, Don Bosco gặp gỡ bộ trưởng Rattazzi. Câu chuyện trao đổi về "công cuộc Nguyện Xá" mà vị bộ trưởng rất quí trọng, nhất là kể từ nỗ lực của các bạn trẻ giải cứu những người bị bệnh dịch, và sự kiện dẫn các tù nhân của nhà tù Generala đi chơi ngoài trời. Theo như cha Lemoyne, cuộc trao đổi như sau:

- Tôi chúc cha sống được nhiều năm. Nhưng rồi cha cũng phải chết. Vậy khi đó các trẻ của cha sẽ ra sao?

- Vậy tôi xin hỏi lại ngài, thưa bộ trưởng: Tôi phải làm gì để đảm bảo việc tồn tại công cuộc của tôi?

- Tôi khuyên cha nên chọn những giáo sĩ mà cha tín nhiệm, để lập nên một Hội, thấm nhuần tinh thần của cha, và cha dạy dỗ họ về hệ thống giáo dục của cha. Bây giờ thì họ sẽ là những người trợ lực cho cha, nhưng tương lai họ sẽ là những người kế tục cha.

Don Bosco mỉm cười:

- Nhưng cách đây hai năm chính ngài đã chấp thuận luật hủy bỏ nhiều dòng tu. Thế mà bây giờ lại chính ngài đề nghị lập một cộng đoàn tu trì mới. Liệu chính phủ có để cho nó được sống chăng?

- Luật hủy bỏ các dòng tu tôi biết rõ chứ. Ông bộ trưởng Rattazzi tới lượt mình lại mỉm cười. Còn cha, cha có thể thiết lập một hội mà không ai có thể làm

cho nó chết đi được.

- Bằng cách nào?

- Một Nhà Nước thế tục sẽ không bao giờ nhìn nhận một "Tu Hội" trong tư cách nó thuộc về Giáo Hội, hay thuộc về một thẩm quyền khác với nó. Nhưng nếu đó là một Hội trong đó mỗi thành phần đều duy trì các quyền dân sự, tuân giữ Pháp Luật nhà nước, đóng thuế đàng hoàng, thì nhà Nước sẽ không nói gì cả. Trước mặt nhà nước, Tu Hội này không khác chi một Hiệp Hội của các công dân tự do, những người liên kết lại với nhau và sống cùng nhau vì một mục đích từ thiện, giống như các Hội khác qui tụ lại vì mục đích thương mại để cứu trợ lẫn nhau. Còn như nếu ở trong nội bộ của chúng, những hội viên này cũng vẫn chấp nhận quyền bính của các Đức Giám mục, và của Đức Thánh Cha, thì nhà nước vẫn để mặc kệ. Lý do là tất cả các hội của các người công dân tự do luôn luôn được phép, miễn là họ tôn trọng luật pháp và quyền bính của nhà nước.

Don Bosco cảm ơn ông bộ trưởng, và hứa chắc với ông là mình sẽ suy nghĩ kỹ về điều này. Bộ trưởng Rattazzi chỉ làm một việc là tạo nên một hình thức trong sáng cho các ý tưởng mà Don Bosco đã ấp ủ từ nhiều năm nay. Ngài đang thực sự nghiên cứu thiết lập một Tu Hội mà "về mặt Giáo Hội" nó là Dòng Tu, còn "về mặt Nhà Nước", nó là một Hội của các công dân tự do. Cái khó khăn chính là liệu Tòa Thánh có chấp nhận quan điểm mới này chăng: một quan điểm chấp nhận trên thực tế việc chia tách giữa Nhà Nước và Giáo Hội (đó là nguyên tắc của phe tự do), và là một cuộc đổi mới đối với các khung cổ điển về đời tu sĩ chăng? Cho tới bây giờ thì các tu sĩ đều luôn là tu sĩ "trước mặt Giáo Hội cũng như trước mặt Nhà Nước".

Bản Phác thảo viết tay về một Tu Hội mới đang phát sinh

Trong khi suy nghĩ về việc phải dùng công thức viết thế nào, thì Don Bosco lại quan tâm tới các nhân viên sẽ tạo nên Tu Hội này. Các cộng sự viên của cha,

người này sang người khác, đã lần lượt bỏ cha. Con đường phải theo đã được Bà lạ trong giấc mơ chín tuổi chỉ cho cha thấy: Con phải làm phát sinh các mục tử từ trong đám chiên con.

Thầy Micae Rua vào tháng Ba năm 1855 được tuyên khấn các lời khấn lần đầu tiên.

Và tháng sau tới lượt cha Alasonatti tuyên khấn.

Trong năm 1856 tới lượt thầy Gioan Baotixita Francesia, người đã sáng tác một bài hát La-tinh để hát vào dịp đó.

Chẳng có ai trong số những người này lại nghĩ mình là thành phần của một dòng tu nào cả. Họ chỉ nghĩ qua lời khấn mình liên kết nhiều hơn với Don Bosco "để dành cho cha một cánh tay".

Don Bosco tiếp tục cẩn trọng cách ghê gớm: Dòng tu và thầy tu không phải là một của thời đại đó. Ngài cẩn thận tránh mọi thứ "giống với những phong tục của dòng tu: việc nguyện ngắm thường xuyên, với kinh kệ, và việc tuân giữ nhiệm nhặt" *(E. Ceria).*

Hơn thế nữa, vào cuối năm 1859 Don Bosco không được ai cho phép gì cả để tự phong mình là "người đứng dầu một dòng tu". Ngài chỉ được quây quần bởi các thầy tư giáo đã lãnh nhận áo chùng thâm giáo sĩ. Tất cả chuyện này được phép bởi vì Đức Tổng Giám Mục nhìn thấy đó là điều cần thiết cho "công cuộc các Nguyện Xá". Đàng khác những thầy tư giáo này luôn phải chịu thi cử tại Tòa Giám Mục, và theo học các lớp học tại chủng viện, trừ một số ít được miễn chuẩn vì công việc của họ đang rất cần tại Nguyện Xá. Don Bosco cai quản các Nguyện Xá, trường Nội Trú Valdocco, các tư giáo, dưới quyền của Đức Tổng Giám Mục Fransoni của Tổng Giáo Phận Torino.

Vậy là không cần vẻ bề ngoài, nhưng nội dung bên trong thì dần được cô đọng lại. Cần phải phác họa một đường nét cho Tu Hội, tức là "một bản Hiến luật" minh định các điểm cốt yếu của tinh thần và phương pháp hành động.

Don Bosco âm thầm làm công việc này ngay từ năm 1855: kín múc từ nguồn kinh nghiệm của Ngài, từ "các luật của Nguyện Xá" vốn đã vạch ra đường nét cho Nguyện Xá, từ việc bàn thảo, dựa vào các luật của các dòng tu xưa và các Tu hội mới đây, như Tu Hội Bác ái của cha Rosmini và Tu Hội Tận hiến của cha Lanteri.

Cuộc trò chuyện với bộ trưởng Rattazzi (trong đó vị bộ trưởng chỉ nhắc lại điều đã được công khai trình bày tại Hạ viện) là một luồng sáng lóe lên giúp Ngài hiểu là mình có thể đem điều cốt yếu của đời sống tu sĩ vào trong những hoàn cảnh mới do chế độ chính trị mới đề ra. Don Bosco sẽ kiên quyết bảo vệ quyền dân sự cho các tu sĩ của Ngài.

Vào cuối năm 1857, bản văn đầu tiên của Tu luật Salêdiêng đã viết xong. Sau này nó sẽ được phân chia thành Hiến luật và Qui chế. Công tác hoàn tất luật dòng để xin sự chuẩn nhận của giáo quyền bắt đầu.

Được báo cáo về sáng kiến của Don Bosco, Đức Tổng GiámMục Fransoni từ nơi lưu đày ở Lion nhiệt tình khích lệ Don Bosco. Để nắm chắc phần thành công, Ngài khuyên cha đến thưa chuyện về kế hoạch này với Đức Thánh Cha Piô IX.

Cuộc gặp gỡ với Đức Thánh Cha

Trong những ngày đầu tiên của tháng hai năm 1858, Micae Rua trải qua nhiều giờ thức đêm chép tay cẩn thận và nắn nót bản viết tay của Luật Tu Hội. Don Bosco nhắn nhủ Rua:

- Con hãy chép cho thật đẹp. Chúng ta sẽ cùng nhau mang nó đến với Đức Thánh Cha.

Ngày 18 tháng Hai, hai cha con đi tới Rôma. Đây là một cuộc hành trình đầy khó khăn vào thời đó: khi thì đi đường bộ, khi thì đi đường biển, với một hộ chiếu đàng hoàng. Trước khi lên đường, Don Bosco đã nghĩ nên để lại nhà một bản di chúc. Nguyện Xá được trao phó cho cha Alasonatti.

Ngày 9 tháng Ba, Don Bosco có cuộc bệ kiến Đức Thánh Cha Piô IX. Đức Thánh Cha tỏ lòng ưu ái mà dấu ấn còn tiếp tục mãi. Ngài không dấu sự cảm phục trước hoạt động sôi nổi của vị linh mục Torino này. Ngài chấp thuận ý hướng sáng lập Tu Hội thích nghi với thời đại, nhưng cũng thêm những lời dạy bảo: Điều quan trọng nhất con phải liên kết các hội viên lại bằng "các lời khấn tu sĩ đích thực", chứ không chỉ bằng "các lời hứa" như Rattazzi đã gợi ý. Ngài cũng nói với Don Bosco là chính Đức Thánh Cha cũng cần phải suy nghĩ thêm về công việc này. "Các con hãy lên đường, hãy cầu nguyện, rồi một ít ngày nữa các con hãy trở lại để nói cho cha hay ý kiến của con".

Hạnh phúc vì sự tiếp nhận ân cần này, Don Bosco tái duyệt lại Tu luật và cho Rua chép lại.

Ngày 21 tháng Ba có một cuộc bệ kiến Đức Piô IX lần thứ hai. Đức Thánh Cha đã suy nghĩ và diễn tả ra ý nghĩ của Ngài như sau:

"Cha tin chắc là kế hoạch này sẽ tạo nhiều lợi ích lớn lao cho giới trẻ. Con phải thực hiện nó. Tu luật phải nhẹ nhàng và dễ tuân giữ. Cách thức về tu phục, các việc thực hành đạo đức không cần phải khác biệt với các giáo dân. Có lẽ để nhằm mục đích này, con sẽ gọi *Tu Hội* thay vì *Dòng Tu.* Nói tóm lại, con hãy làm sao để mỗi hội viên của Tu Hội này trước mặt Hội Thánh là một người tu sĩ, còn trong đời sống xã hội họ là người công dân".

Don Bosco nghĩ ngay rằng Đức Thánh Cha Piô IX cũng nghĩ giống Rattazzi. Nên cha trình lên Đức Thánh Cha bản văn ngắn gọn của Tu luật:

"Trong Tu luật mà con đã sửa lại theo các lời căn dặn của Đức Thánh Cha này, chỉ chứa đựng tất cả kỷ luật và tinh thần mà trong suốt 20 năm qua đã hướng dẫn chúng con".

Tu luật này không có dáng dấp đan sĩ gì cả. Đây chính là một Hội, hay Tu Hội gồm các giáo sĩ và giáo dân kết hiệp lại với nhau qua các lời khấn và tất cả họ đều ước muốn tận hiến chính mình cho lợi ích của giới trẻ nghèo. Đứng trước

Nhà Nước họ là các công dân: "Mỗi người khi vào Tu Hội, không mất đi quyền dân sự và sau khi đã thực hiện các lời khấn, họ vẫn duy trì quyền sở hữu các của cải của mình. Trước mặt Hội Thánh họ là các tu sĩ: "Những hoa quả của cải của họ, trong suốt thời gian họ sẽ ở lại trong Tu Hội, phải được nhượng lại cho Tu Hội".

"Trong cuộc bệ kiến thứ ba vào ngày 6 tháng Tư – theo lời cha Ceria kể lại trong *Biên niên sử Tu Hội Salêdiêng* – thì Đức Piô IX đã trả lại bản thảo cho Don Bosco, nói là Don Bosco hãy trao nó vào tay Đức Hồng Y Gaude".

Vị Hồng y người Piemonte này có mối giao hảo hết sức tốt đẹp với Don Bosco. Ngài đã đọc, sửa lại nó một lần nữa. Sau đó Ngài khuyên Don Bosco hãy đem thực hành thí nghiệm Tu Luật đã được sửa lại này. Sau đó hãy trình bày lại với Đức Thánh Cha.

Vào ngày 14 tháng Tư, Don Bosco rời Rôma.

Một tuần lễ để quyết định cuộc sống của Tu Hội

Ngày 9 tháng 12 năm 1859, Don Bosco nghĩ tới lúc công khai hóa về Tu Hội. Ngài nói với các "người Salêdiêng" qui tụ lại trong phòng của Ngài gồm 19 người, những lời như sau:

"Từ lâu cha đã nghĩ đến việc sáng lập Tu Hội. Bây giờ là thời gian đi đến bước cụ thể. Đức Thánh Cha Piô IX đã khích lệ và ca ngợi đề nghị của cha. Thực ra Tu Hội này không phát sinh bây giờ: nó đã hiện hữu qua Luật Nguyện Xá mà các con đã tuân giữ như một truyền thống… Nhưng giờ đây một bước tiến lên phía trước, để chính thức thiết lập Tu Hội và tiếp nhận Tu Luật. Tuy nhiên các con phải biết rằng sẽ chỉ được ghi danh vào Tu Hội này tất cả những ai sau khi đã suy nghĩ chín chắn, muốn thực hành vào thời gian thích hợp các lời khấn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục… Cha để cho các con một tuần lễ để suy nghĩ về điều này".

Ra khỏi phòng họp, tất cả đều im lặng một cách bất thường. Thế rồi đột nhiên họ bắt đầu phát biểu rằng Don Bosco đã có lý để tiến hành một cách chậm rãi và thận trọng. Có tiếng lẩm bẩm rằng Don Bosco muốn biến họ thành các thầy tu. Cagliero bước những bước đi trên khu sân phía trong để đắn đo suy nghĩ những tư tưởng đối nghịch cùng nhau.

Thế rồi ước vọng để "ở lại với Don Bosco" lấn chiếm lấy ý nghĩ của đa số. Cagliero buột miệng nói ra một câu mang tính cách lịch sử: "Dù là thầy tu hay không phải thầy tu, tôi quyết ở lại với Don Bosco".

Trong "Hội Nghị kết ước" diễn ra vào ngày 18 tháng Mười Hai, trừ 2 người trong số 19 người nói trên, tất cả họ đều tham dự vào buổi họp. Sau đây là nội dung cuộc họp được cha Alasonatti đúc kết lại:

"Trong phòng của linh mục Gioan Bosco, vào lúc 09 giờ tối, chúng tôi qui tụ lại gồm các thành viên sau: Don Bosco, linh mục Alasonatti Vittorio, các tư giáo Saviô Angelo phó tế, Micae Rua phụ phó tế, Gioan Cagliero, Gioan Tẩy giả Francesia, Phanxicơ Provera, Carlo Ghivarello, Giuse Lazzero, gioan Bonetti, Gioan Anfossi, Luy Marcellino, Phanxico Cerruti, Celestino Durando, và thanh niên Luy Chianale.

Tất cả đều đồng ý cùng nhau tạo thành Tu Hội hay Dòng tu…

Họ nhất trí xin Don Bosco, là người khởi xướng và cổ xúy, để đảm nhận chức danh Bề Trên Cả, và Ngài chấp thuận với điều kiện là phải có vị Phó bề trên cả gọi là Tổng quản: ý kiến là chức vụ này do người viết biên bản này đảm nhận…

Họ nhất trí chọn Giám linh là phụ phó tế Micae Rua. Phó tế Angelo Saviô được chấp thuận làm quản lý. Ba vị cố vấn được bầu chọn là các tư giáo Gioan Cagliero, Gioan Bonetti và Carlo Ghivarello. Thế là việc thiết lập cơ quan quản trị được thiết lập xong cho Tu Hội chúng ta *(mà sau này được gọi Thượng Hội đồng).*

"Nếu không làm linh mục, cậu sẽ làm gì tại Nguyện Xá?"

Tu Hội ra đời, Don Bosco rất vui. Nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng một ngấn buồn vẫn còn in hằn trong sâu thẳm tâm hồn cha: trong số 17 người đã chấp nhận lời mời gọi, không có anh Giuse Buzzetti rất thân thiết của cha.

Khi sử dụng khẩu súng lục (để bảo vệ những đồ vật trưng bày trong cuộc sổ số), cậu ta đã gặp phải tai nạn nghiêm trọng là mất ngón tay trỏ trái. Điều này vào thời đó được coi là một cản trở nghiêm trọng để có thể trở thành linh mục. Tai nạn này "cùng với lòng khiêm cung", như cha Lemoyne nhận xét, đã thuyết phục Buzzetti không nhận tu phục giáo sĩ.

Nhưng cậu dâng hiến mọi thời giờ trong ngày của cậu cho Don Bosco của mình tại Nguyện Xá. Cha Lemoyne kể ra: Cậu chăm sóc nhà cửa, hộ trực tại phòng ăn, sắp xếp bàn ghế, cung cấp những gì cần thiết cho việc dọn quét dọn nhà cửa, dạy các lớp tại trường giáo lý, chăm lo việc quản lý và việc chuyển các *Tập san Công giáo.* Cậu cũng điều khiển trường dạy hát cho tới năm 1860, cho tới khi cậu nhường công việc đó cho anh Gioan Cagliero. "Với trí minh mẫn và hoạt động nhanh nhạy, cậu là linh hồn của mọi cuộc sổ số, lo lắng tìm việc làm cho các xưởng, lo mua lương thực và những thứ cần thiết".

Cậu cảm nhận Nguyện Xá như là xương thịt của bản thân mình. Khi tòa nhà gần xây dựng xong bị sụp đổ, cậu đã giám sát các hóa đơn cách tỉ mỉ và đã tìm ra các mặt hàng mua đã quá hạn, nên đã mắng nhiếc nặng lời với người chủ thầu. Chính Don Bosco đã phải làm cậu lắng dịu lại:

- Chúng ta phải kiên nhẫn. Con sẽ xem Chúa sẽ giúp chúng ta.

- Vâng, vâng, Chúa sẽ giúp chúng ta! Nhưng chính cha đã phải thức khuya, làm việc ngày đêm để kiếm từng đồng một [6], còn đây họ ăn cắp của cha hàng ngàn đồng trong một lúc. Cần phải cho họ một bài học quyết liệt.

- Thôi chúng ta để cho sự việc trôi qua. Nếu họ đáng hình phạt, Chúa sẽ cho họ bài học.

Cha Lemoyne tiếp tục kể rằng Buzzetti giữ vai trò vệ sĩ cho Don Bosco, đi theo ngài khi có nguy hiểm, tới gặp ngài vào ban tối. Gương mặt cứng cỏi của cậu, bộ râu đỏ xồm xoàng của cậu làm biến tan nơi những kẻ ác ôn cái ý định tấn công vị linh mục của khu Valdocco [7] này.

Hai người em thợ xây của cậu mà một người đã trở thành thợ cả, nhiều lần nói với cậu:

- Nếu anh không làm linh mục, thì anh ở lại Nguyện Xá làm gì? Nếu Don Bosco chết đi, mà anh không có nghề nào trong tay, thì anh xoay sở làm sao?

- Don Bosco đã đảm bảo với anh rằng sau khi ngài chết, thì vẫn luôn có miếng bánh dành cho anh. Đối với anh, thế là đủ rồi.

Tuy nhiên chàng trai trẻ 27 tuổi này, người vốn sẵn sàng hiến mạng sống mình cho Don Bosco, lại không cảm thấy phải khấn dòng và trở thành người Salêdiêng.

Người "giáo dân" thứ nhất được nhận vào Tu Hội Salêdiêng chính là Giuse Rossi. "Ban Cố Vấn của Tu Hội Salêdiêng" nhóm họp ngày 2.2.1860 đã quyết định tiếp nhận cậu. Với Rossi, tiếng "sư huynh" bắt đầu xuất hiện trong ngữ vựng của Dòng, để chỉ về người Salêdiêng giáo dân.

Cơn khủng hoảng của Giuse Buzetti

Ngày 14 tháng Năm 1862 đánh dấu bước kiện cường Tu Hội Salêdiêng. Họp nhau lại tại phòng Don Bosco, "các hội viên" đáp lại lời mời gọi của ngài, "hứa với Thiên Chúa sẽ tuân giữ Luật Dòng khi họ khấn khó nghèo, khiết tịnh và vâng lời trong ba năm". Con số họ là 22 người, không kể Đấng Sáng lập.

Vào cuối buổi họp, Don Bosco nói: "Trong khi anh em tuyên những lời khấn này trước mặt cha, thì cha cũng tuyên khấn trước Chúa Chịu Đóng Đinh cho

suốt cả đời cha, bằng cách hiến dâng cha như của lễ hy sinh cho Chúa".

Trong nhóm 22 người này có hai giáo dân thuộc thành phần rất khác biệt nhau: một người tên là Giuse Gaia, là đầu bếp trong nhiều năm tại Nguyện Xá, còn người kia là Feredico Oreglires thuộc vùng San Tefano [thánh Stêphanô], một nhà quí tộc thành Torino. Don Bosco đã chinh phục được người này trong một khóa tĩnh tâm, giúp cho chàng ta khép lại "một giai thoại cuộc sống mạo hiểm và ăn chơi". Trong suốt 9 năm trời chàng đã giúp Nguyện Xá rất nhiều việc, rồi sau đó vào dòng Tên.

Một cám dỗ dễ dàng vào những năm kế tiếp khi thấy các giáo dân tham gia đời sống Tu Hội, thì người ta ưa coi các hội viên bậc giáo dân chỉ là "những người đầy tớ giúp việc" cho nhà, hay ít ra chỉ là "tu sĩ bậc hai".

Có lẽ chính đó là nguyên nhân phát sinh "cơn khủng hoảng" của Buzetti. Cuốn năm trong Bộ Hồi Ký đã kể lại chuyện này, và chúng ta liệt kê lại như sau:

Cậu ta thấy rằng gia đình trong chế độ gia trưởng xưa kia đã bị biến thể bởi Tu luật; cậu thấy là dần dà việc điều hành nhà Nguyện Xá và nhiều công việc xưa kia được trao phó cho cậu được chuyển sang tay các giáo sĩ. Buồn bã và thất vọng, cậu quyết định ra đi. Cậu đã tìm được một chỗ làm tại Torino và đến chào biệt Don Bosco. Với sự thẳng thắn vốn có, cậu nói cho ngài hay rằng đã từ lâu cậu trở thành chiếc bánh xe ở đằng cuối cùng, phải vâng lời những người mà xưa kia cậu đã thấy họ vào Nguyện Xá khi còn là những đứa con nít, mà cậu còn phải dạy chúng hỉ mũi nữa. Cậu biểu lộ nỗi buồn phải lìa xa căn nhà mà xưa kia cậu đã đến khi nó chỉ là một cái mái dại ra.

Don Bosco không nói với cậu rằng "Con để cha lại một mình ư? Cha sẽ làm gì nếu không có con?" Ngài không phàn nàn cho chính bản thân ngài. Ngài nghĩ tới cậu, tới người bạn thân thiết của ngài: "Con đã tìm được một chỗ làm việc rồi ư? Họ sẽ trả cho con lương bổng tốt đẹp chứ? Con có tiền không, và chắc là con đang cần tiền chi trả cho những phí tổn lúc ban đầu". Ngài mở ngăn kéo bàn ra:

- Con biết rõ hơn cha những ngăn kéo này, Con cứ lấy đi tất cả những gì con cần, và nếu không đủ, con cứ nói cho cha, cha sẽ lo liệu, Buzetti yêu mến, cha không muốn con phải chịu thiếu thốn vì cha.

Thế rồi Don Bosco trìu mến nhìn cậu, vẻ nhìn mà chỉ có mình ngài mới có thể có được đối với các trẻ em con cái thân thương của ngài:

- Chúng ta đã luôn luôn yêu thương lẫn nhau. Cha tin rằng con sẽ không bao giờ quên cha.

Thế là Buzetti bật khóc. Cậu khóc rất lâu và nói:

- Không, con không muốn rời bỏ Don Bosco. Con sẽ luôn luôn ở với cha.

Người sư huynh Don Bosco có trong trái tim ngài

Có lẽ biến cố này đã kích thích Don Bosco minh định rõ nét hơn dung mạo Salêdiêng giáo dân, "người sư huynh" trong Tu Hội Salêdiêng.

Ngày 31.3.1876, trong một buổi "huấn từ tối" dành cho các học sinh thợ, ngài đề ra ơn gọi của người Salêdiêng giáo dân là gì: "Các con hãy chú ý là giữa các hội viên của Tu Hội không hề có một sự phân biệt nào cả; tất cả đều được đối xử như nhau, nào là người thợ, tư giáo và linh mục; chúng ta đều coi nhau tất cả như anh em".

Năm 1877, Giuse Buzetti quyết định làm đơn xin gia nhập Tu Hội Salêdiêng. Don Bosco muốn chính mình trình đơn xin của cậu lên Ban Cố Vấn Tu Hội, được thiết lập hầu như hoàn toàn từ những đứa bé nhỏ xíu ngày xưa Buzetti "đã dạy hỉ mũi". Cậu được chấp thuận với toàn bộ số phiếu và chúng ta tin rằng đây chính là một trong những ngày tuyệt vời nhất trong cõi lòng Don Bosco.

Kể từ đó rất nhiều các sư huynh tham gia vào Tu Hội Salêdiêng với các chức vụ rất khác biệt nhau: Pelazza và Gambino làm giám xưởng; Marcello Rossi là người gác cổng; Nasi coi phòng bệnh; Giuse Rossi quản thủ viên; Enria tạp vụ;

Falco và Ruffato nấu ăn. Nhưng tất cả trong vai trò sư huynh đều "phụ giúp các linh mục" trong trách nhiệm tông đồ: dạy giáo lý, hộ trực và là nhà giáo dục.

"Cám dỗ hạ thấp vai trò sư huynh Salêdiêng" vào những năm cuối đời Don Bosco lại quay trở lại. Trong "Tổng Tu Nghị thứ ba" của Tu Hội vào năm 1883, có người nói: "Cần phải *duy trì trình độ thấp cho các sư huynh"*, huấn luyện họ như là một loại tu sĩ tách biệt". Don Bosco đã phản ứng mãnh liệt: "Không, không, không. Các hội viên sư huynh giống như tất cả mọi người chúng ta". Và khi nói chuyện với các Salêdiêng giáo dân này trong cùng năm đó, ngài quả quyết cách mạnh mẽ: "Anh em không phải là những người trực tiếp làm việc hay phải khó nhọc, trái lại anh em là người điều hành. Anh em phải như những chủ nhân trên các người thợ, chứ không phải là các người đầy tớ…Đấy chính là ý tưởng về người sư huynh Salêdiêng. Cha thật cần có nhiều người đến giúp đỡ cha theo cách thức đó! Do đó cha bằng lòng khi thấy các con thích hợp và tươm tất; anh em cần được ngủ nghỉ trên giường tử tế và trong khu ngủ xứng đáng, vì anh em không phải là bề dưới mà là bề trên".

Cha Braido là một học giả về vấn đề này đã quả quyết: "Dung mạo sư huynh (*Theo Ý Don Bosco*) không xuất phát đột xuất giống như một cuộc tạo nên hoàn toàn mới mẻ và độc đáo, trái lại nó được nổi lên cách tiệm tiến, giữa những chao đảo và bấp bênh".

Chúng ta dám quả quyết rằng "dung mạo sư huynh" mà Don Bosco mang trong lòng mình qua bao nhiêu năm tháng chính là dung mạo của Giuse Buzetti: một con người được tín nhiệm, khiêm nhượng, luôn luôn hiện diện trong những giờ phút khó khăn và tế nhị, vốn cảm nhận Nguyện Xá là gia đình của mình, máu thịt của mình, nếu Nguyện Xá được vẻ vang, thì chính bản thân anh cũng được vẻ vang. Anh không hiểu biết nhiều về chuyện pháp lý nhưng với bất cứ giá nào "Anh muốn ở lại với Don Bosco".

[6] Đồng tiền Ý gọi là đồng lire.

[7] Khu Nguyện Xá của Don Bosco nằm ở khu có tên là “Valdocco”.

Chương 36: MICAE MAGONE, MỘT ĐỨA BÉ VÀ BẢY CẢNH SÁT

Trong những năm sau năm 1850, Don Bosco cật lực làm nẩy sinh "Tu Hội Salêdiêng". Nhưng cũng thực là một sai lầm nghiêm trọng khi nghĩ rằng những suy nghĩ, các cuộc hành trình, gặp gỡ để thiết lập Tu Hội lại tách biệt ngài khỏi các trẻ em của ngài. Don Bosco không bao giờ là "một người đứng đầu một xí nghiệp", mà chính là "người cha gia đình". Và trong gia đình của ngài, sự hiện diện của trẻ em được ngài coi là yếu tố thiết yếu.

Vừa khi sau các cuộc hành trình, gặp gỡ, các công chuyện mà trở về, Don Bosco liền ngồi tòa giải tội tiếp các học sinh. Cha luôn nghĩ đến đám trẻ từ các căn phòng của cha tại Roma, cũng như trên các toa xe lửa khi nó ngừng lại tại trạm.

Vào một buổi chiều đầy sương mù, đứng dưới mái ga xe lửa Carmagnola vào năm 1857, cha đợi chuyến tầu đi Torino. Bất cứ một khách chờ xe lửa nào khác, trong cái rét ẩm ướt này, thì cũng đều tìm một nơi kín đáo hơn tại phòng đợi. Nhưng Don Bosco khi chợt nghe tiếng trẻ con vui chơi, đã nhìn sâu vào đám sương mù để tìm chúng.

Cha viết rằng: "Giữa những tiếng la hét, cha nghe rõ ràng một giọng nói át hẳn các tiếng khác. Đó là một giọng nói của một thủ lĩnh, được mọi đứa trẻ khác nghe theo như một lệnh. Thế là trong lòng cha nẩy sinh ước muốn xem em nào lại có thể điều hành lũ trẻ giữa những tiếng la hét vui vẻ này".

Cha đã lại gần. Vừa khi thấy có bóng áo thâm lộ ra trong đám sương mù, đám trẻ ba chân bốn cẳng chạy. "Chỉ có một em đứng lại, tiến lên, tay chống nạnh, vẻ hung hãn, lên tiếng nói với cha như sau:

- Ông là ai? Ông muốn gì với tụi con?".

Phải mất xe lửa hay là mất đứa bé

Don Bosco nhìn chằm chặp vào đứa bé từ mái tóc bồng bệnh, cho tới sâu thẳm của con mắt đầy tự hào, và cha thấy nơi em một sức sống dồn dập, nhưng tiếc là đang trôi dạt vô phương hướng. Qua cuộc đối thoại ngắn ngủi, sự nghi ngại tan biến, và cha biết được tên em: "Micae Magone", hoàn cảnh của em, "13 tuổi, cha chết", viễn cảnh tương lai, "con đã học nghề vô phương rỗi nghề".

Tầu hỏa hú còi, có thể cha không kịp theo chuyến tầu hỏa. Nhưng mất em bé này còn là một điều không may mắn lớn lao hơn thế nhiều. Cha liền trao tay em một mẫu ảnh Đức Mẹ và nói cùng em:

- Con hãy đi tới cha Aricácio, cha phó của con. Hãy nói với cha ấy là vị linh mục cho con mẫu ảnh này muốn biết thông tin về con.

Sau ít ngày Don Bosco nhận được lá thư của cha phó xứ Camagnola nói rằng: "Cậu bé Magone là một đứa trẻ nghèo khổ, mồ côi cha; mẹ em lo nghĩ kiếm lương thực cho gia đình, nên không coi sóc em được; tính cuồng vọng và phóng khoáng thả lỏng của em đã khiến em không ít lần bị đuổi khỏi trường học; tuy nhiên em đã học khá tốt hết lớp ba tiểu học.

Về luân lý, con nghĩ là em có lòng tốt, và có phong hóa đơn sơ; nhưng kiềm chế em là một điều rất khó. Trong lớp học cũng như trong lớp giáo lý, em luôn phá phách khắp chốn; khi nào em ngưng khuấy động, thì lập tức có sự bình an; khi nào em ra khỏi nơi đó, thì tất cả cảm thấy hạnh phúc.

Tuổi của em, sự nghèo khổ và tư chất cùng trí thông minh của em khiến em đáng được hưởng lòng bác ái cưu mang giúp đỡ em!".

Don Bosco trả lời thư rằng nếu em bé và mẹ em chấp nhận, thì ngài sẵn lòng cho em đến ở Nguyện xá.

Cha Aticácio gọi Magone lại, nói với em về vị linh mục hôm đó. Tại Torino, ngài có một nhà rộng lớn có hằng trăm trẻ em chạy nhẩy, vui chơi và học chữ hay học nghề chăm chỉ. Rồi cha kết luận: "Ngài bằng lòng tiếp nhận cả con nữa vào nhà của ngài. Con có muốn đi tới đó không?". Ngài nghe em trả lời: "Gớm thật! Con đi chứ!".

Bà mẹ đi theo đứa con vai mang tay nải quần áo, mà lòng xe thắt lại vì cảm động. Thế rồi Magone tới Nguyện Xá tại Valdocco. Sau đây là cuộc đối thoại đã được Don Bosco ghi lại:

"Em chạy tới gặp cha và thưa:

- Thưa cha, con đây, con là Micae Magone mà cha đã gặp ở ga xe lửa Camagnoloa.

- Cha đã biết cả rồi; con vui lòng đến đây chứ?

- Vâng, vâng, thiện chí thì con không thiếu.

- Vậy cha căn dặn con đừng lật đồ lộn xộn tứ tung nhé!

- Ồ, cha cứ yên tâm, con sẽ không làm cha khó chịu. Trong quá khứ con đã không kiềm chế mình tốt; nhưng trong tương lai con không muốn sống như thế nữa. Hai bạn của con đã vào tù rồi, còn con…

- Con cứ yên tâm. Con chỉ nói cho cha hay con muốn học văn hóa hay nghề nghiệp.

- Con sẵn sàng làm theo ý cha muốn. Tuy nhiên nếu con được chọn, con thích học văn hóa.

- Và sau khi học xong, con muốn làm gì?

- Nếu một đứa vô lại như con… nói tới đó em bé cúi đầu cười.

- Con nói tiếp đi, nếu một đứa vô lại…

- Nếu một đứa vô lại như con có thể trở thành đủ tốt để làm linh mục, con sẽ

rất vui lòng làm linh mục.

- Vậy chúng ta sẽ xem một đứa vô lại sẽ có thể làm được gì, Cha cho con học văn hóa".

Kể từ lúc đó hát xướng, chạy nhảy, la hét trở thành cuộc sống của em. Dĩ nhiên em chưa trở thành một vị thánh nhỏ. "Hội Đức Mẹ Vô Nhiễm" đặt bên em một cậu bé khác để giúp em sửa chữa với tất cả tấm tình tốt lành. Em bé thiên thần đó còn phải làm nhiều việc. Có những lời buột phát từ miệng em, những câu nói thô tục, những lời phạm thượng…Nhưng mỗi lần người bên em sửa bảo em, Micae dù rất náo nhiệt, cũng đã lập tức cám ơn và tái bắt đầu lại tốt hơn.

Có một điều bé Magone ghét nhất: đó là tiếng chuông kết thúc giờ chơi và gọi em tới việc học hay tới giờ lớp. Cắp sách dưới cánh tay, Magone đi giống như người đi làm việc khổ sai.

Nỗi buồn của một đứa bé

Nhưng tiếng chuông tan học thì thật là vui cho Magone. Don Bosco, người đã theo dõi em với sự chăm chú yêu thương, nhận xét"Em xem ra vọt khỏi lớp học như một phát đại bác: em bay nhẩy mọi góc, làm cho tất cả quay cuồng vui nhộn". Trong trò chơi em là một thủ lĩnh. Kể từ khi em đến, phe của em hầu như luôn chiến thắng.

Thế là một tháng trôi qua.

Một ngày kia, Magone bắt đầu ngấm buồn. Từ một góc đơn côi, em nhìn các bạn vui chơi, em lẩn tránh các bạn đang la hét, và có khi không ai thấy, em nức nở khóc. Xem ra có cả bức màn sầu muộn rơi xuống trên khuôn mặt em. Chúng ta hãy nhường lời cho Don Bosco kể:

"Cha theo dõi Magone khi sự việc trên xẩy ra cho em. Một ngày kia cha cho gọi em tới và nói với em như sau:

- Magone thân mến, cha muốn con làm cho cha một ân huệ nhé; con đừng từ chối đó.

- Cha cứ nói đi – em trả lời cách cương quyết - con sẵn lòng làm bất cứ điều gì cho cha.

- Cha cần con để cho cha một thời khắc làm chủ lòng con, và con hãy tỏ rõ cho cha tại sao mấy ngày nay con buồn bã thế.

- Vâng, đúng thế… Con thất vọng về con và con không biết làm sao nữa.

Rồi em bé bật khóc. Cha để cho nó khóc xả đi nỗi buồn; rồi cha vui cười nói diễu:

- Con có biết viên tướng Magone, thủ lãnh của đám trẻ ở Camagnola chứ? Thế con thuộc loại tướng tá nào? Mà sao con không nói ra được cái làm con buồn sầu?

- Con muốn lắm, nhưng con không biết diễn tả ra như thế nào.

- Con nói cho cha một lời thôi.

- Con có lương tâm rối rắm.

- Thế là đủ cho cha rồi, con ạ! Cha đã hiểu tất cả. Con có thể ổn định mọi sự cách hết sức dễ dàng. Con hãy nói cho cha giải tội là con có điều gì đó phải tái xem lại ở thời đã qua, thế rồi vị linh mục ấy sẽ nói cho con về đường đời sống của con, con chỉ còn có việc thưa với ngài là có hay không thôi".

Có mấy vị linh mục tới giải tội tại Nguyện Xá, nhưng hầu như tất cả lũ trẻ đến xưng tội với Don Bosco. Buổi chiều hôm đó, Magone tới gõ cửa văn phòng của cha:

- Don Bosco ơi, chắc là con quấy rối cha… Nhưng Chúa đã đợi chờ con lâu lắm rồi, và con không thể để cho ngài chờ đợi thêm nữa cho tới ngày mai.

Với sự giúp đỡ của Don Bosco, Magone đặt dưới chân Chúa Chịu Đóng đinh những khốn nạn bé nhỏ của em, mà em tưởng nghĩ là chúng lớn ghê ghớm lắm, và kêu xin Chúa tha thứ cho em. Don Bosco nhân chứng của sự phục sinh của

em, ghi nhận: "Micae đã mất đi niềm vui vẻ khi em đã bắt đầu hiểu được rằng sự bằng lòng chân thật không phát sinh từ việc chạy nhẩy, mà từ tình bạn hữu cùng Chúa và từ sự an bình của lương tâm. Khi em thấy các bạn em tới rước lễ và trở thành tốt hơn, còn em thì không cảm thấy lương tâm mình an ổn, nên đã rơi vào cảnh lo lắng…Sau khi xưng tội xong, em cảm kích thốt lên:

- Con hạnh phúc quá!".

Ngày hôm sau, tại sân chơi Nguyện Xá, Magone lại trở lại đứng đầu đội chơi, và dẫn dắt đội tới cuộc chiến thắng đáng ghi nhớ. Cậu lại trở lại với vai trò của vị vua của niềm vui vẻ.

Những cú đấm tại Quảng Trường Castello

Don Bosco khi kể lại câu chuyện Micae Magone, đã bộc lộ cho chúng ta thấy diễn tiến qua đó ngài thực hiện hằng trăm và hằng trăm các cuộc gặp gỡ các bạn trẻ "mà sự dữ đã bắt đầu hoạt động trong họ". Ngài biết đến những cách thức hết sức đơn giản để giao hòa họ lại cùng Thiên Chúa và dẫn dắt họ trên con đường thánh thiện.

"Đây là lúc – theo lời Don Bosco nói – mà tiếng chuông mời gọi vào nhà thờ không còn đáng ghét đối với Magone nữa: trái lại nó gọi em tới gặp gỡ cùng Chúa Giêsu, Đấng đã trở thành bạn hữu của em".

Trên mặt trận chinh phục sự tốt lành và niềm vui vẻ, Micae Magone thực hiện cuộc chiến đấu với phong thái đầy sung lực và hết sức tự nhiên của mình, khác hẳn với phong thái dịu dàng của Đaminh Saviô. Giữa nhóm bạn trẻ tụ lại ở mái cổng, có một bạn trẻ kể chuyện thiếu thanh nhã

Với sự trợ giúp của Don Bosco em vạch ra "một kế hoạch xung trận" để duy trì và phát huy tình bạn hữu này: đó là quyết tâm gìn giữ sự trong sạch hoàn toàn của cuộc sống của em; quyết tâm tới cùng để phổ biến lòng tốt và niềm vui giữa các bạn hữu".

Trên cuốn sổ tay, Magone viết bẩy quyết định mà cậu gọi là bẩy khẩu súng các-bin" để bảo vệ tình bạn hữu cùng Chúa. Chúng như sau:

1. Thường xuyên gặp gỡ cùng Chúa Giêsu trong việc rước lễ và trong tòa cáo giải.
2. Yêu mến Mẹ Maria rất thánh với tất cả tình thương yêu dịu dàng.
3. Cầu nguyện rất nhiều.
4. Năng kêu cầu Chúa Giêsu và Đức Mẹ.
5. Không dễ dãi đối với thân xác của mình.
6. Luôn luôn làm một việc gì đó.
7. Tránh xa các bạn xấu.

(*Thật dễ dàng để nhận ra rằng trong 7 điểm này chính là hành trình mà Don Bosco đề nghị với các bạn trẻ để đảm bảo cho mình được nên những con người tốt lành).*

Trên chiến tuyến của lòng tốt và niềm vui, Magone đã chiến đấu với sự hăng nồng và vô vị lợi, hoàn toàn khác với cách thức dịu dàng của Đaminh Saviô. Trong nhóm tách riêng ra dưới vòm hành lang, có một bạn trẻ kể những chuyện xấu, có kẻ cười hô hố, kẻ khác thì muốn bỏ đi, nhưng không dám. Magone hiểu hết, em lại gần phía sau bạn trẻ xấu đó, rồi đưa bốn ngón tay lên miệng theo kiểu những người chăn cứu, rồi thổi thành tiếng hét long óc anh bạn đang kể chuyện. Bạn kia nhẩy lên vì khiếp hãi rồi giận dữ la lên:

- Mày điên hả?

- Tao điên hay mày điên khi kể những chuyện dơ bẩn này?

Một hôm Don Bosco đem Magone đi với ngài để làm một vài nhiệm vụ. Họ đi vào Quảng Trường Castello [8]. Hai đứa trẻ đang đánh bạc, và một đứa thốt ra những lời phạm thượng thánh danh Chúa. Magone liền tiến thẳng tới nó và tát cho nó hai tát. Đứa bé nguyền rủa Chúa đó sững người ra rồi lập tức tấn công lại Magone. Cả hai người bắt đầu đấm đá nhau giữa đám đông đứng vòng quanh

theo dõi. Don Bosco buộc phải đến giữa hai đứa trẻ để tách cả hai người ra. Magone thét lên:

- Mày hãy cảm ơn vị linh mục này đi, nếu không tao đã lột da mày đề ăn mừng lễ rồi.

Don Bosco phải khuyên nhủ Magone không cần thiết phải đánh đập người ta mỗi khi nghe họ thốt lên lời phạm thượng đến Thiên Chúa.

Nhưng em không chỉ có khả năng đánh nhau mà thôi. Em ngày càng trở nên biết phục vụ và dễ thương, quảng đại. Em giúp các bạn nhỏ hơn em để xếp lại giường nghỉ cho ngăn nắp, lau sạch các tấm thảm, ôn lại bài học cho các em kém thông minh.

Don Bosco đặt tay trên đầu Magone

Don Bosco rất bằng lòng với hạnh kiểm của Magone, nên vào mùa thu, cha dẫn em cùng với các bạn trẻ tốt hơn cả qua một vài ngày nghỉ hè tại Becchi.

Đến tháng mười năm 1858, Magone bắt đầu năm học thứ hai tại Valdocco.

Ngày 31 tháng 12 năm đó, khi cho huấn từ tối, Don Bosco nhắn nhủ tất cả phải bắt đầu và tiếp tục năm học cách tốt lành, trong ơn sủng của Thiên Chúa, bởi vì có lẽ "đối với một em nào đó trong chúng con – như lời cha nói – sẽ là năm cuối đời". Bàn tay của Don Bosco đặt nhẹ trên đầu Magone khi ngài nói những lời này. Cậu bé suy nghĩ: "Hay là cha nói tới tôi lời cảnh báo ấy?". Em không hãi sợ. Em chỉ nói trong lòng mình rằng: "Tôi phải chuẩn bị mình đây".

Ba ngày sau, cậu thấy đau ở bụng: đây là cơn đau cậu đã cảm thấy trong các năm trước, đôi khi cơn đau lại trở lại. Có lẽ đó là một cơn đau ruột thừa kinh niên. Cậu đi đến nhà bệnh, và chuyện này xem ra không đáng lo ngại. Don Bosco nhìn em từ của sổ và hỏi thăm xem em có chuyện gì. Ngài chỉ nghe em trả lời:

- Không có gì đâu cha. Những cơn đau bình thường ấy mà!.

Nhưng chiều tối ngày 19 tháng giêng cơn đau thình lình nổi lên ghê gớm. Mẹ em được gọi lên khẩn cấp. Bác sĩ chạy tới, nghe thấy em thở ngột ngạt, mệt nhọc, tay giang ra trong sự bất lực của thuốc men thời đó. Ông ta chỉ nói được rằng: "Chuyện này xấu rồi". (các cuộc giải phẫu ruột thừa chỉ được thử nghiệm vào cuối thế kỷ đó).

Ngày 21 tháng giêng, Magone đang ở vào những giây phút cuối cuộc đời. Mẹ em phải trở về quê chăm lo cho các đứa con nhỏ hơn của bà, nhưng Don Bosco thì vẫn ở đó, bên giường bệnh của em. Em đột xuất thốt lên:

- Đã đến lúc rồi. Don Bosco xin giúp con với… Cha hãy nói cho mẹ của con xin mẹ tha cho con vì đã làm phiền lòng mẹ. Xin cha nói với mẹ rằng con thương mẹ nhiều, rằng mẹ hãy can đảm lên nhé…Con đợi mẹ trên Thiên đàng…

Đã tới nửa đêm. Magone thiếp đi một lúc. Rồi em như bừng tỉnh từ giấc ngủ sâu, với vẻ mặt thanh thản, em nói cùng Don Bosco:

- Cha hãy nói với các bạn con là con đợi chúng trên thiên đàng… Giêsu, Giuse, Maria…

Gương mặt em lặng im, trong vẻ thanh thản của sự chết.

Nền "chính trị vĩ đại" tức là Việc Thống Nhất Nước Ý

Năm 1859 Nguyện Xá bắt đầu bước vào một thảm cảnh nhỏ nhưng vô cùng đau đớn là cái chết của Magone, và hoàn tất với việc chính thức thiết lập Tu Hội Salêdiêng.

Tại nước Ý xẩy ra những biến cố và những thay đổi lớn.

Diễn tiến nước Ý và Âu Châu trong những năm sau năm 1848 đã liên tục có các bước lúc đầu âm thầm, nhưng ngày càng ồn ào và to lớn lên.

Vào tháng Mười hai năm 1852, Luy Napoleon, cháu của Napoleon Buonaparte bằng một cuộc đảo chính đã tuyên bố mình là hoàng đế Nước Pháp, với tên là Napoleon III. Ông tự giới thiệu với Âu Châu như người tiếp nối vinh

quang của Đại đế Napoleon xưa: sẵn sáng ủng hộ những quốc gia đòi quyền độc lập khỏi đế quốc Áo.

Vào tháng mười năm 1852, tại Paris, ông Gioberti qua đời. Năm 1853, tại Torino ông Silvio Pellico và Cesare Balbo qua đời. Cùng với họ kết thúc thời kỳ Phục Hưng lãng mạn và thời kỳ ủng hộ Đức Giáo Hoàng và phản đối việc Đức - Áo cai quản Ý. Giai đoạn mới của thời kỳ Phục Hưng được thống trị bởi ông Cavour, vừa quỉ quyệt vừa bất cần đạo lý. Năm 1855, ông ta đã phái một đạo quân Piemonte tham gia cuộc chiến tại đảo Crimea bên cạnh cánh quân Pháp và Anh đang thực hiện cuộc chiến tranh với quân Nga. Chống lại "kế hoạch quân sự điên" này, tại nghị viện Piemonte nổ ra cuộc tranh cãi xôi nổi giữa cánh tả và cánh hữu. Tại Luân Đôn Mazzini nguyền rủa. Sao lại đem quân đội mình vào chỗ chết trong một cuộc chiến xa xôi đó trong khi xứ Piemonte đang sống trong cảnh bần cùng (bánh ăn giá 80 xu [tức gần một đồng lire] một kí lô trong khi lương công nhật của một người thợ chỉ là ba hay bốn đồng lire), trong khi những khát vọng của người ý còn nằm trong tương lai?

Nhưng Cavour nhìn xa hơn. Vào mùa xuân năm 1856 trong Hội Nghị Hòa Bình ở Paris, ông ta đã có thể ngồi bàn Hội nghị với các lãnh tụ của các "cường quốc Châu Âu". Những chiến sĩ chết tại đảo Crimea là tấm vé tham dự hội nghị cho ông ta, và cho phép ông ta "mở ra cuộc thảo luận về vấn đế Nước Ý".

Ngày 14 tháng giêng 1858, Orsini thuộc phe Mazzini cho nổ bom tại Paris vào lúc Napoleon III đi tới nhà Hát Lớn. Một trăm người bị thương, Napoleon an toàn. Orsini bị hành hình vào ngày 13 tháng Ba, nhưng trước đó trong nhà tù ông ta đã viết hai lá thư cho vị Hoàng đế : ông ta lên án "sự sai lầm tai hại của tâm trí ông ta" và mời gọi Hoàng đế hãy giải phóng cho Nước Ý.

Cavour lợi dụng các thời điểm này. Ông lôi kéo chú ý của Hoàng đế Pháp tới nỗi hoang mang rất nguy hiểm liên quan đến bán đảo Ý. Hoặc là phải giải quyết

hoặc là để nổ ra cuộc cách mạng của những phần tử quá *khích (những người như Orsini quả thật rất nhiều).*

Vào tháng Bảy 1858 có một cuộc họp bí mật tại Plombière. Cả Napoleon III và Cavour đều đồng ý một cuộc chiến tranh chống lại nước Áo và một trật tự tương lai cho Nước Ý phía Bắc là Vương Quốc Piemonte – Lombardia – Venetia, dưới quyền hoàng gia Savoia; ở Trung ý là vương quốc dành cho một hoàng tử Pháp; phía Nam là vương quốc thứ ba cho một người cháu của đại tướng Gioakim Murat. Nước Đức Giáo Hoàng sẽ thu hẹp lại tại vùng Latium, và Đức giáo Hoàng tồn tại như chủ tịch của liên bang ba vương quốc. Nước Pháp sẽ nhận được phần thưởng là vùng Nice và vùng Savoia.

"Nếu cần thì hãy dựng các hàng rào cản tại Torino"

Ngày 10 tháng Giêng 1859, vua Vitor Emmanuel II ngỏ với Hạ Viện bài diễn văn về "tiếng kêu đau đớn". "…Chúng ta không thể vô cảm với tiếng kêu đau đớn đang âm vang lên tại khắp các miền Nước Ý." Napoleon III đồng ý với câu nói này; đây là lời tuyên bố chiến tranh với Nước Áo.

Ngày 23 tháng Tư, đáp lại cuộc tập hợp của các tình nguyện quân tại Piemonte, Nước Áo gửi tối hậu thư. Nó bị từ chối vào ngày 26. Chiến tranh khởi sự. Quân đội Piemonte gồm 60.000 quân tràn sang biên giới. Từ nước Pháp, ngày 30 tháng Tư sư đoàn Bataille [Chiến Trận], đội quân tiên phong của đạo quân 120.000 do chính vị hoàng đế đích thân chỉ huy.

Khi quân Pháp tới, Torino như say sưa. Constanza d' Azeglio đã viết: "Tôi đã thấy họ diễu hành trên Quảng Trường Castello giữa tiếng reo hò của quần chúng. Tôi nhìn từ ban-công của bộ cùng với ông Farina và Ricasoli. Bá tước Cavour được đám đông nhận ra, đã được chào đón nồng nhiệt. Tôi không còn nhận ra thành phố rất yên lặng và buồn chán của Torino xưa nữa: nào là ánh

sáng thắp sáng từ các của sổ, nào là những tiếng hát hò, kêu la, hoan hô nhiệt liệt."

Quân Áo gồm 160.000 người cố gắng chiến đấu chống quân Piemonte trước khi đoàn quân của Napoleon đến. Với bước hành quân ồ ạt, họ tiến tới Novara, Vercelli, Trino, đe dọa Ivrea. Và đoàn quân tiên phong của họ tiến tới Chivasso (25 cây số cách Torino). Lũ lụt ở cánh đồng hạ lưu đã làm chậm bước tiến của họ, nhưng không chận họ lại được. Thành phố Torino hốt hoảng. Tướng Sonnaz buộc phải tập họp mặt trận tự vệ tại Doire Batee. Bá tước Cavour báo điện tín cho đức Vua: nếu cần chúng ta sẽ chiến đấu tại Stura, và chúng ta sẽ dựng hàng rào cản tại các đường phố Torino.

Nhưng Napoleon đã tới. Ông ta chuyển quân rất nhanh bằng đường hỏa xa. Cuộc chiến lớn đầu tiên giữa quân Pháp và quân Áo xẩy ra tại Magenta (vào ngày mùng 4 tháng Sáu). Sau một ngày bất bấp bênh, quân Pháp đã nắm phần chiến thắng.

Bốn ngày sau một tin vĩ đại báo tới Torino: Ngày 8 tháng Sáu, Hoàng đế Pháp và Đức vua Piemonte hội kiến tại Milano.

Sau đó một tin mới: Hoàng đế Áo là Francois Joseph đã rời Vienna nước Áo để đích thân nắm quyền chỉ huy đạo quân của mình. Một trận chiến kinh khủng đang được chuẩn bị.

Phêrô Enria lúc đó 18 tuổi đã nhắc nhớ lại rằng: "Vào năm 1858, giống như đã xẩy ra trong những năm 1848 - 1849, một nhiệt tình chiến tranh đốt nóng lên giữa các trẻ con của dân chúng Torino. Hàng trăm trong số chúng trải rộng ra nơi những khu đất trống vắng bao quanh thành phố, chia ra thành hai mặt trận và chơi trò chiến tranh. Các cuộc chiến chỉ là trận giả, nhưng tinh thần rốt cuộc cháy bùng lên và cả những trận mưa đá diễn ra. Điều đó xẩy ra trong suốt những ngày Chúa Nhật và các ngày lễ.

Tôi nhớ lại là vào một Chúa Nhật kia, Don Bosco đi vào nhà nguyện để nói

chuyện với các trẻ em Nguyện Xá. Nhưng ngài ngạc nhiên vì chỉ thấy có các em nội trú. "Những đứa khác đi đâu cả rồi?" Ngài hỏi. Không ai biết cả. Ngài đi ra ngoài và tiến về phía các cánh đồng cỏ: ngài tìm thấy lũ trẻ Nguyện Xá chiến đấu cùng nhau xối xả. Có tất cả ba trăm đứa với những cục đá lớn bay trong không khí. Don Bosco tiến vào đám hỗn chiến này. Từ xa tôi đứng nhìn ngài. Tôi sợ là ngài sẽ phải ăn các cục đá ném ra. Nhưng ngài bước 50 bước tới giữa đám trẻ. Khi chúng thấy ngài, chúng ngừng tay. Ngài nói trong khi mỉm cười: "Bây giơ chúng con đã chiến đấu rồi, đã tới giờ vào học giáo lý." Không đứa nào chạy trốn cả. Chúng theo ngài vào trong nhà thờ.

Thảm cảnh Hỏa ngục trong suốt 12 giờ

Cuộc chiến kinh hoàng giữa quân Áo vá quân Pháp- Piemonte diễn ra trong ngày 24 tháng Sáu, ở phía nam hồ Garda. Vào rạng sáng, sư đoàn thứ nhất của Piemonte do tướng Durando chỉ huy, đã tấn công quân Áo tại "Madona thuộc vùng Scoperta", rồi đến sư đoàn ba và năm, dưới lệnh của tướng Durando và Cucáchiari, đã tung các đợt tấn công khủng khiếp lên cao nguyên San Martino đang đầy các lưỡi lê của quân Áo. Napoleon III, đứng ở dưới các ngọn đồi Solferino, tiếp tục gửi các sư đoàn tiến về phía trung tâm điểm của đạo binh Áo, quyết chọc thủng nó bằng mọi giá.

Vào khoảng 10 giờ, cuộc chiến hỏa ngục diễn ra: tiếng canôn rền rĩ, tiếng súng nổ ran, hàng chục ngàn chiến sĩ thét gào. Đống hỗn độn thật kinh khủng: nào là tiếng la hét của các thương binh hòa với những tiếng la hét xung trận của các trung đoàn, tiếng ngựa phi của các đoàn kỵ binh mang những lưỡi gươm lấp loáng, những tiếng nổ điếc tai, những ánh lửa phát ra từ các trái lựu đạn nổ trên các tuyến chiến trường. Các cuộc phản công khủng khiếp của đạo quân áo trắng của người Áo diễn ra khốc liệt. Cả một rừng lưỡi lê tiến lên với sức mạnh của sự tuyệt vọng. Từng đợt sóng người của các tay súng Pháp bị đẩy lùi rồi lại buộc

phải dồn lên tấn công trong đám hỗn độn của các tay gươm của kỵ binh. Những binh lính tái tấn công tới lần thứ mười, lần thứ mười lăm. Rất nhiều người tay siết cây súng, vừa khóc vừa chạy. Những người khác thì hét lên để lấy can đảm.

Lập tức sau trưa, cuộc tấn công của quân Pháp biến thành một chuỗi các cuộc đánh sát lá cà dữ tợn để dành cuộc chiếm nghĩa trang, ngọn đồi Bạch dương và tháp Solferino. Đội quân Zouave Anêrie của Napoleon III tiến công như điên: họ tung mình vào đoàn quân Áo và thực hiện các cuộc tàn sát.

Vào 3 giờ trưa, lá cờ Pháp bay phất phới trên đồi Solferino. Nhưng tại cánh trái, quân Piemonte không thể tiến thêm một bước. Cuộc tiến công toàn bộ được quyết định vào lúc 5 giờ chiều. Trong khi cuộc tấn công diễn ra, bầu trời đầy mây đen. Những ánh chớp đầu tiên lóe sáng khắp trời. Trong khi các lữ đoàn Piemonte tấn công cách tuyệt vọng các hàng ngũ quân đội của thống chế chỉ huy trận Benedek của Áo, thì cơn mưa đậm hòa với mưa đá tràn ngập chiến trường. Sau cơn bão, xuyên qua lớp mây mù gió thổi tạt đi, người ta đã thấy lấp ló ánh các vì sao đầu tiên, và quanh đỉnh núi San Martino, người ta lại tái bắt đầu cuộc tấn công. Vào lúc 9 giờ tối, Vittore Emmanuel tung đội kỵ binh tuần tiễu của xứ Montferrato. Cú sốc cuối cùng thật là kinh khủng. Những người Áo bại trận sau 14 giờ chiến đấu.

Kết trận chiến, trên các cánh đồng Solferino, 30.000 người nằm la liệt. Những tiếng kêu của các thương binh và những người hấp hối vang lên đồng một lúc, như một đám hát hãi hùng. Henri Dunant, một chàng trai Thụy Sĩ, người sáng lập viện tương lai của Hội Chữ Thập Đỏ đi vòng quanh với cây đèn lồng để thăm chiến trường. “Đó thật là một cuộc quan sát thảm cảnh hỏa ngục, chàng ta thốt lên, vâng thật đúng là ở trong chốn thâm cung của hỏa ngục: Những tử thi méo mó, tan nát, biến dạng, cụt tay, chân đang khóc lóc, cầu nguyện, nguyền rủa; những người bị thương lết mình đây đó tìm những sự trợ giúp bao có thể.” Vào lúc mặt trời mọc của tháng Sáu, bầu không khí trở thành

ghê sợ: Mùi thối của tử thi, các đám mây của ruồi nhặng, các vết thương hôi thối, các tiếng kêu man dại.

Vâng, đây chính là cảnh chiến tranh, chiến tranh thực sự, chứ không phải cảnh chiến tranh mà báo chí Torino hôm đó tôn vinh như là một buổi đại lễ. Trong một tờ báo xuất bản vào cuối năm 1859, Don Bosco lên tiếng chống lại tất cả những lời hồ hởi của lúc đó. Ngài viết: "Sau trận chiến tại Solferino, tôi luôn luôn nói chiến tranh là điều khủng khiếp, và tôi tin rằng nó thật là điều nghịch lại đức bác ái."

Sự thành công của "chính trị thực dụng"

Napoleon nhận ra ngay mọi khía cạnh của cuộc tàn sát này. Và những tin tức khác đến làm ông bối rối: vùng Toscana, Parma, Modena và các lãnh thổ thuộc Tòa Thánh đều nổi dậy và biểu lộ sự gắn bó của họ với xứ Piemonte. Điều này loại bỏ kế hoạch đã được lấy tại Hội nghị Plombières về "một vương quốc ở miền Trung ý" sẽ được trao phó cho một vị hoàng từ Pháp. Hơn nữa cuộc đại bại của quân Áo tạo nên phản ứng của họ là đem quân Áo-Phổ tập trung tại bờ sông Rhin.

Không báo trước cho các đồng minh Piemonte, Napoleon ký hiệp ước đình chiến tại Villafranca ngày 11 tháng Bảy. Vittor Emmanuel chỉ thâu nhận được vùng Lombardia [9] mà thôi.

Tin này tới Torino như một gáo nước lạnh. Trong lúc phiền muộn, Cavour đã định tự tử. Napoleon III trở về Pháp đi ngang qua Torino. Tại đó người ta tiếp đón ông cách lạnh nhạt. Vua Emmanuel tháp tùng hoàng đế Napoleon cho tới Susa, cám ơn ông vì tất cả những gì ông đã làm cho nước Ý. Nhưng vừa khi ông lấy xe lửa trở về Torino, ông nói nhỏ:

- Rốt cuộc, hắn đã đi khỏi rồi!

Trong những tháng dấy động tiếp theo, xứ Toscana (thủ phủ là thành phố Firenza), rồi xứ Emilires-Romagna (thủ phủ là Bologna) kết hợp lại với Piemonte, Liguria, Sardegna và với xứ Lombardia. Năm sau, Garibaldi xuất chính với đạo quân của Đạo Binh Một Ngàn Người Lính đã chinh phục Sicilires và Nam Ý. Vào tháng Hai năm 1961 Hạ viện mới sẽ tuyên bố Vittore Emmanuel là "vua nước Ý".

Nền chính trị thực dụng của Cavour đã chiến thắng. Grazia Mancini, người đã sống trong những tháng đầu tiên của năm 1861, khi ông đi dạo tại San Carlo, đã viết: "Khuôn mặt tốt lành, có sức diễn đạt, mãn nguyện của ông ta đã nói lên thật rõ ràng: Mọi sự đã diễn tiến tốt đẹp. Đôi mắt nhỏ bé rực sáng qua mắt kính; ông bước đi khoan thai, cân bằng cơ thể to béo của ông trên đôi chân mỏng manh, xoa xoa đôi bàn tày nhỏ nhắn quí phái không đeo găng của ông."

Ngày 7 tháng Sáu năm ấy (1861), một tin bất ngờ không ai tưởng tượng nổi lan ra khắp Torino: Bá tước Cavour đã chết. Đây là một cú đau điếng cho vương quốc Ý non trẻ.

---

[8] Castello có nghĩa là Pháo đài

[9] Là nơi có thủ phủ là thành phố Milano.

Chương 37: NHỮNG CUỘC DÃ NGOẠI TỚI CÁC VÙNG MIỀN MONFERRATO VÀ CUỘC SỐNG TẠI NGUYỆN XÁ

Mỗi năm vào Lễ Mân Côi, Don Bosco đem những học sinh tốt nhất của ngài tới Becchi. Những năm đầu con số chúng khoảng 20 người. Thế rồi con số đó tăng lên. Năm 1858, nó đạt đến trăm em.

Cha Lemoyne viết: "Trong những ngày đầu tiên của tháng Mười, từ Nguyện Xá, các nhóm ca viên, nhạc viên và những em khác lên đường. Mỗi người mang một túi đựng quần áo để thay đổi trong kỳ hè, ít bánh, phó mát và trái cây".

Tại Becchi người anh của Don Bosco là Giuse Bosco luôn luôn niềm nở tiếp đón họ, mắt nhắm lại mỗi khi thấy đám trẻ chạy vào vườn nho của ông, dĩ nhiên là chúng làm giảm bớt sự thu hoạch của mùa hái nho.

Chúa nhật đầu tháng Mười họ mừng lễ mẹ Mân Côi, sau đó là các cuộc hành trình dã ngoại kéo dài suốt mười hoặc hai mươi ngày, hay hơn nữa.

Cho tới năm 1858, tổng hành dinh luôn luôn là Becchi: họ khởi hành sáng sớm tới một xứ sở không quá xa, rồi tối họ trở về nhà. Bắt đầu từ năm 1859, các cuộc dã ngoại thực sự chuyển mình thành các cuộc "hành trình đường dài" xuyên qua núi đồi của vùng Monteferrato.

Don Bosco chuẩn bị trước cho cuộc hành trình. Các cha xứ và các vị ân nhân đã sẵn sàng đón nhận các nhóm đã ngoại mệt nhọc và đói bụng. Cuộc hành trình

đi xuyên qua các con đường miền quê, các ngọn dồi và các vườn nho. Họ đi thành từng nhóm, hát xướng và đánh trống, trong khi thúc đẩy các chú lừa tiến bước, mang trên lưng chúng các dụng cụ trang trí và những gì cần thiết cho buổi diễn kịch. Luôn luôn Don Bosco đi sau cùng, bao quanh bởi một đám trẻ luôn để tai lắng nghe các mẩu chuyện cha kể về các xứ sở mà họ đi qua.

Và đội quân nhỏ dàn thành hàng, với ban nhạc đi trước, khi họ đến gần xứ sở định đến. Họ muốn long trọng tiến vào đó.

Cha Anfossi viết: "Tôi luôn luôn nhớ lại các cuộc du hành mạo hiểm này. Chúng luôn đem lại cho tôi muôn điều kỳ diệu và thỏa mãn.Tôi đã đi theo Don Bosco qua các ngọn đồi Monteferrato từ năm 1854 đến 1860. Chúng tôi gồm hằng trăm đứa trẻ và chúng tôi thấy được danh tiếng thánh thiện mà Don Bosco được hưởng. Các hoạt động tại các làng mạc này chính là một khải hoàn. Các cha xứ ở vùng phụ cận đón tiếp ngài khi ngài đi qua và nói chung cả chính quyền dân sự nữa. Dân chúng ngó qua cửa sổ hay đi ra khỏi nhà, những nông dân ngưng công việc của họ để xem vị thánh đi qua, các bà mẹ tiến lại gần ngài, giới thiệu các con mình cho ngài và quì gối xin phép lành của ngài. Theo thói quen chúng tôi thường đi thẳng tới nhà thờ tại mỗi địa phương để thờ lạy Chúa Giêsu Thánh Thể. Thế là nhà thờ chật ních người đến. Don Bosco liền lên tòa giảng, ngỏ lời cùng giáo dân. Sau đó chúng tôi hát bài "Đây Nhiệm Tích Vô cùng Cao Quí" với âm nhạc đi kèm. Sau cùng Don Bosco ban phép lành Thánh Thể.

Nhóm trẻ ăn đồ khô, nhưng thật là dư giả, theo lối nhà quê. Dân chúng vui vẻ mang tới cho các chú bé của Don Bosco những giỏ hoa trái, bánh nông thôn, pho mát và những bình rượu nho.

Họ ngụ tại hiên những nhà có mái dài hay những căn phòng, trên những bao đan bằng lá hay cói.

Một em bé lên năm tuổi có tên là Philip Rinaldi

Trong những năm 1859-1860 họ đến các xứ Villa San Secondo, Montiglio, Pica, Marcucáco, Albugnano, Montafia, Primeglio, Cortazzone, Pino d' Asti…

Năm 1861, Nhóm hành trình vui vẻ này đi tới Casale Monteferrato, Mirabello, Lu, San Salvatore và Valenza. Họ tiếp tục lên xe lửa đi tới Alexandria và từ Alexandria tới Torino.

Năm 1862, họ hành trình đi Calliresno, Grana, Montemagno, Vignale, Casorzo, Camagna và Mirabello. Các con đường sắt của Nhà Nước năm đó còn dành cho Don Bosco cả hai toa xe lửa để trở về Torino xuất phát từ nhà ga Alexandria.

Năm 1863 và 1864, một chuỗi nhưng khó khăn làm ngưng lại các cuộc dã ngoại này. Các trẻ em chỉ còn thực hiện các cuộc dã ngoại tới Becchi, Mondonio là quê hương của Đaminh Saviô thôi.

Những cuộc dã ngoại này ghi ấn không thể nào quên nơi các trẻ em của con Don Bosco, và chính là "thư giới thiệu" Don Bosco với các xứ sở vùng Menteferrato. Từ đây Ngài đưa được vào Nguyện Xá biết bao nhiêu ơn gọi rực rỡ.

Khi ngài đến Lu vào năm 1861, trước căn nhà của gia đình Rinaldi, ngài thấy chín bạn trẻ đứng xếp hàng như chín ống kèn dương cầm. Đứa thứ tám là một đứa bé năm tuổi tên là Philip Rinaldi. Cậu bé cảm phục ngước nhìn vị linh mục bằng một dấu vẫy tay đã làm dậy lên cả một dàn nhạc kèn đồng, và khi tiếng kèn ngưng, cậu ta vỗ tay thật to. Don Bosco gặp lại cậu bé này nửa tiếng sau, tại sân phía trong khu nhà Rinaldi, nơi cha của cậu là ông Cristoforo Rinaldi cho cha mượn một chiếc xe ngựa đưa cha đi tới San Salvatore. Trước khi đi, ngài vuốt ve các đứa trẻ nhút nhát đang ngạc nhiên ngó ngài, rồi nhìn một lúc lâu vào đôi mắt của đứa bé Philip Rinaldi. Chú bé sau này sẽ trở thành Đấng Kế Vị thứ ba của Don Bosco, để đứng đầu Tu Hội Salêdiêng.

Một cậu bé có mái tóc hung và trời mưa

Vào năm 1862, ban nhạc tới Montemagno. Một em bé chơi tại thung lũng; em nghe thấy tiếng kèn trổi của ban nhạc, bỏ các bạn và giầy lại và chạy tới Quảng Trường của xứ sở đó. Em dùng khuỷu tay đưa đẩy để len lỏi tới hàng đầu. Don Bosco xem đứa bé lạ lùng có mái tóc hung đó, và trước khi để cho em bé đi, ngài đã hỏi em:

- Con là ai?

- Con là Lu-y Lasagna.

- Con có muốn đến Torino với cha không?

- Để làm gì cơ?

- Để học như những em nhỏ khác.

- Có.

- Vậy con hãy nói với mẹ con mai đến nói chuyện với cha tại Vignale, tại nhà cha xứ nhé.?

Lu-y Lasagna lên 12 tuổi. Em vào Nguyện Xá vào cuối tháng Mười. Em lanh lẹ như tia sét, nhưng vô cùng nhạy cảm. Em nhớ nhà quá, và ít ngày sau em trốn về nhà. Một trong những bề trên có ý không đón em trở lại nữa, nhưng Don Bosco đảm bảo với ngài rằng:

- Đứa bé này là một tấm vải tốt, cha sẽ thấy đấy.

Lu-y trở lại, gắn bó với Don Bosco. Cậu trở thành vị giám mục Salêdiêng thứ hai và một vị truyền giáo rất vĩ đại.

Trời không mưa đã ba tháng. Các vườn nho trên các sườn đồi khô hạn. Don Bosco đến giảng tuần tĩnh tâm trong ba ngày để chuẩn bị cho lễ Đức Mẹ Lên Trời và ngài thình lình loan báo ở giữa bài giảng rằng:

- Nếu trong vòng ba ngày anh chị em giải hòa cùng Thiên Chúa bằng một lần xưng tội và đi chịu lễ vào chính ngày lễ, thì tôi xin hứa cùng anh chị em, nhân

danh Đức Mẹ rằng trời sẽ mưa thật to.

Khi ngài xuống khỏi tòa giảng, cha xứ liền đến vẻ mặt cau có nói với ngài rằng:

- Này cha, cha can đảm lắm đấy chứ?

- Về chuyện gì thưa cha?

- Cha đã dám hứa công khai rằng sẽ có mưa vào chính ngày lễ.

- Con, con nói chuyện đó ư?

- Tất cả mọi người đều đã nghe rõ. Và đấy là những chuyện con không thích thú lắm!

Dân chúng thì tin vào lời Don Bosco. Nhiều năm sau đó, Cha Rua và cha Cagliero là những vị đi theo Don Bosco còn nhắc nhở tới nỗi nhọc nhằn của những giờ dài giải tội cho dân chúng.

Lời tiên tri đã lan rộng sang các xứ bên cạnh. Nhiều người tò mò chờ đợi, những người khác thì hoài nghi.

Ngày lễ Mẹ Lên Trời đến, nhằm vào ngày thứ Năm. Bầu trời thật quang đãng. Vào ban trưa chẳng một chút mây bay trên bầu trời.

Cha Lu-y Porta làm chứng rằng: "Trong khi chúng tôi tới nhà thờ để đọc kinh chiều với bá tước Fassati, chúng tôi nói về cơn mưa Don Bosco đã hứa đó. Dù cho từ lâu đài của bá tước tới nhà thờ chúng tôi chỉ mất mười phút đi bộ, mà mồ hôi vẫn chảy nhễ nhãi trên trán. Tới phòng áo, vị bá tước nói với Don Bosco:

- Don Bosco thân mến, lần này cha đã phải cam chịu một thất bại rồi. Cha đã hứa một trận mưa rào và bây giờ thì một cái gì khác hẳn một trận mưa đang xẩy ra.

Cuối giờ kinh chiều, Don Bosco mặc áo lễ ngắn mầu trắng và quàng dây các phép, rồi bước lên tòa giảng. Và trong khi ngài đọc kinh *Kính Mừng* trước khi giảng, thì ánh sáng mặt trời bắt đầu tối nhạt lại. Cha nói được vài phút thì sấm

chớp bắt đầu. Don Bosco ngưng nói một chút, trong niềm cảm kích sâu xa. Một trận mưa rào to và dài đập vào các cửa kính nhà thờ.

Cha Porta tiếp tục kể lại chuyện trên: "Các bạn hãy nghĩ hôm đó từ lòng Don Bosco tuôn ra những lời hùng hồn như thế nào vào đúng lúc mưa nhu trút đổ xuống. Đó chính là bài thánh ca tạ ơn Đức Nữ Trinh Maria.

Sau Chầu Thánh Thể, dân chúng ở lại trong nhà thờ và dưới vòm phía cuối nhà thờ chờ đợi vì mưa còn tiếp tục đổ xuống.

Những trận bão mùa hè tại Monteferatto thường đi kèm theo mưa đá. Quả là cũng có chút mưa đá rơi xuống vào hôm đó. Những người nhiệt tình đã đi tìm hiểu ngay lập tức và cắt nghĩa rằng "trước đó mưa đá đã đổ xuống trên các vườn nho của xứ Grana", một làng bên cạnh xứ Montemagno hôm đó đang mừng lễ Bổn mạng của mình, khi có một cuộc khiêu vũ diễn ra tại Gana, là điều luôn làm các cha xứ hết sức bực mình.

Cô gái xứ Mornese có tên là Maria Mazzarello

Trong cuộc dã ngoại mùa thu năm 1864 đó, Don Bosco cùng đám trẻ tới Mornese. Trời đã tối. Dân chúng đến gặp họ dẫn đầu là cha xứ Valle và cha Pestarino. Ban kèn đồng trổi nhạc, nhiều người quì xuống khi Don Bosco đi qua để xin cha chúc lành. Các bạn trẻ và dân chúng đi vào nhà thờ dự chầu Thánh Thể, rồi ăn tối.

Sau đó được khích lệ bởi các tràng vỗ tay nhiệt liệt, các trẻ của Don Bosco đã có một buổi hòa nhạc ngắn bằng các khúc quân hành và nhạc nhẹ. Ở hàng đầu có cô gái 27 tuổi Maria Mazzarello. Cuối buổi hòa nhạc, Don Bosco nói đôi lời:

- Bọn cha đã thấm mệt và các trẻ của cha ước ao một giấc ngủ ngon lành… Ngày mai, chúng ta sẽ nói chuyện dài với nhau.

Hôm sau, vào ban sáng, cha Pestarino giới thiệu "Các Con Đức Mẹ Vô Nhiễm" với Don Bosco. Don Bosco rất ấn tượng bởi lòng tốt và quảng đại của

các cô gái trẻ này. Ngài nói đôi lời với họ, khích lệ họ hãy bền đỗ trong cuộc sống họ đã chọn và trong thực hành việc thiện.

Maria Mazzarello sẽ trở thành Mẹ Bề Trên đầu tiên của Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ (tức các sơ Salêdiêng).

Một người kế vị thứ ba của Don Bosco: cha Philip Rinaldi; một giám mục: Đức Cha Lu-y Lasagna; một Đồng Sáng Lập Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ; tất cả điều đó là thành quả tuyệt diệu của các cuộc dã ngoại vào các tháng Mười: thật là tuyệt vời.

Khi nói về các cuộc dã ngoại tại vùng Monteferrato, chúng tôi đã phải nói quá sớm về một vài diễn tiến của lịch sử. Chúng tôi thành thật cáo lỗi và xin tuần tự tái lấy lại diễn trình tường thuật của chúng tôi.

Thánh lễ đầu tiên của Don Rua

Ngày 28 tháng Bẩy năm 1860 Don Rua được thụ phong linh mục.

Don Bosco đã sai ngài chuẩn bị mình chịu chức trong cuộc tĩnh tâm tại Hội các Linh mục Thừa sai. Vào cuối cuộc tĩnh tâm, Micae Rua viết cho Don Bosco một lá thư bằng tiếng Pháp (vào thời đó ngôn ngữ được dùng của các cha thừa sai là tiếng Pháp), xin Don Bosco ban cho mình một kỷ niệm vào ngày quan trọng nhất của cuộc đời của mình.

Don Bosco khi ấy đang ở Nhà Thờ Thánh Inhaxio gần Torino, và chính ngài cũng đang dự tuần tĩnh tâm. Ngài đã trả lời Don Rua bằng tiếng La-tinh:

"Con đã viết cho cha bằng tiếng Pháp và con đã làm điều tốt đẹp. Vậy con hãy là người Pháp trong ngôn ngữ và lời nói; còn tâm hồn con, trái tim con, và hành động của con thì phải luôn là người Roma can trường và kiên quyết".

Cha Gioan Baotixita Francesia viết lại rằng:

"Ngày 29 tháng Bảy đó, Don Bosco trở về nhà từ Tu viện thánh Inhaxiô. Tôi cùng đi với ngài. Bởi lý do Don Bosco không chịu nổi việc đi lại trên xe đò công

cộng, nên tôi đi xe ngựa với ngài, và ngồi gần đánh xe ngựa. Chúng tôi thật ngạc nhiên khi thấy từ xa bóng ba người mặc áo chùng đen mà dần dần chúng tôi nhận ra đó là thầy Rua, thầy Durando và thầy Anfossi. Don Bosco xin người đánh xe ngựa dừng xe lại và hỏi:

- Các ngài đi đâu thế?

Cha Rua trả lời:

- Chúng con tới Casale nơi có Đức Cha Balma có nhiệm vụ phong chức linh mục cho con.

- Ồ! Cha hy vọng Chúa sẽ nhận lời con. Xin con thay mặt cha, chào Đức Cha Balma nhé.

Chúng tôi vui vẻ nhìn ba người bạn này đang đi bộ, như những người nghèo, đi đến Đức Cha để lãnh nhận chức thánh.

Thánh lễ mở tay của Don Rua được tổ chức lớn tại Nguyện Xá vào Chúa nhật tới. Bàn thờ được trang trí với những cụm hoa trắng toát do các bạn nhỏ quét ống khói lò sưởi của Nguyện Xá Thánh Lu-y mang tới.

Khi trở về căn phòng nhỏ của mình, sau ngày vui lớn, Don Rua tìm thấy trên bàn viết nhỏ nhắn của mình lá thư của Don Bosco. Ngài đọc: "Con sẽ thấy rõ hơn cha về công cuộc Salêdiêng vượt qua biên giới nước Ý và được thiết lập trên nhiều phần trên thế giới. Con sẽ phải làm việc nhiều và phải chịu đau khổ nhiều; nhưng con biết đó, chỉ có bằng việc vượt qua Biển Đỏ và sa mạc, thì mới tới được Đất hứa. Hãy chịu đau khổ với lòng can đảm; và ngay cả dưới thế này, con sẽ không thiếu những an ủi và sự trợ giúp của Chúa".

Sau lễ mở tay của Don Rua, Don Bosco có được sự thanh thản rõ rệt hơn, một cảm thức vững vàng gây ấn tượng mạnh. Nguyện Xá giờ đây đã là một nhà lớn rộng. Các thanh thiếu niên nội trú lên đến 500 em. Trong bốn xưởng thợ đang hoạt động rất hữu hiệu, có tới ba trăm học sinh thợ học nghề. Don Bosco thường xuyên phải vắng mặt: cho tất cả được ăn no không phải là một chuyện

dễ. Nhưng Don Bosco bình thản thực hiện những chuyến đi vòng quanh để xin lòng từ thiện: Don Rua kể từ nay đã là một Don Bosco thứ hai tại Nguyện Xá.

Ngày 23 tháng 6 năm 1860, một tin đau đớn đến với Don Bosco: cha Cafasso qua đời. Ngài biết được quá trễ về tình hình nguy kịch của người bạn vĩ đại của ngài. Ngài vội cùng thầy Phanxico Cerruti trẻ trung lên đường, nhưng khi tới thì cha Cafasso vừa qua đời. Ngài quì xuống bên giường và cầu nguyện lâu giờ. Người Ngài mắc nợ ít ai bằng chính là cha Cafasso. Cha đã tin nơi ngài, tin vào sứ mệnh của ngài, ngay cả khi ngài nghi ngờ về nó. Cha đã luôn giúp đỡ ngài, luôn khích lệ ngài. Ngài chính là vị cha tinh thần của ngài theo nghĩa chính xác của từ ngữ.

400 chiếc bánh mì trong một thúng bánh

Ngày 22 tháng 10 năm 1860. Phanxicô Dalmazzo 15 tuổi gia nhập Nguyện Xá. Cậu sinh tại Cavour, đã theo học những năm đầu tiên của mình tại Pinerolo, nhưng ở đó "cậu đã được đọc những tập san *"Báo đọc Công giáo",* nên cậu đã hỏi xem Don Bosco là ai. Sau khi biết được rằng tại Torino có nhà nội trú cho các bạn trẻ, nên cậu quyết đến đó tham gia đời sống các con cái Don Bosco". Cậu được tiếp nhận để theo học năm cuối cùng của trung học cấp II.

Tuy nhiên sau 20 ngày theo học, Dalmazzo thất vọng. "Tôi đã quen sống sung sướng tại nhà tôi, tới đấy, tôi không thể nào làm quen với những bữa cơm thanh đạm được, rồi lại còn phải thích nghi với những thói quen của nhà Nguyện Xá. Thế là tôi viết thư cho mẹ lên đón tôi về nhà, bởi vì tôi đã quyết chí trở về nhà rồi".

Ngày 11 tháng Mười một, mẹ cậu đã lên đón cậu. "Trước khi ra đi, tôi muốn xưng tội lần chót với Don Bosco. Tôi đợi tới phiên mình trong giờ thánh lễ. Sau đó, khi ra khỏi thánh lễ, mỗi đứa trẻ đều nhận được một cái bánh mì để ăn điểm tâm sáng.

Trong khi tôi chờ đợi tới phiên mình xưng tội, thì hai bạn trẻ đi tới vì họ phải phân phối các ổ bánh mì. Chúng nói với Don Bosco:

- Thưa cha, không còn bánh để ăn sáng nữa.

- Cha phải làm gì bây giờ? – Don Bosco trả lời - Các con hãy đi tới nhà ông Magra, người làm bánh mì, và nói ông đưa bánh thêm cho.

- Ông Magra đã nói là ông không trao bánh cho chúng con nữa, vì chưa trả ông tiền bánh.

- Vậy thì để đấy, chúng ta sẽ tính. Các con hãy để cha giải tội xong đã.

Tôi nghe rõ những câu thì thầm trao đổi đó. Thế rồi tới lượt tôi xưng tội, và tôi bắt đầu xưng tội. Thánh Lễ đã tới lúc truyền phép Mình Máu Thánh, và hai đứa trẻ lại trở lại:

- Don Bosco ơi, chẳng còn gì cho bữa ăn sáng cả.

- Nhưng chúng con hãy để cha giải tội đã, rồi chúng ta sẽ xem. Các con hãy vào nhà kho hay nhà cơm xem, liệu có cái gì giúp ta giải quyết chăng?

Trong khi chúng đi, thì tôi tiếp tục xưng tội. Tôi vừa xưng tội xong, thì một trong hai đứa trở lại lần thứ ba:

- Chúng con đã thu gom mọi sự, nhưng có rất ít bánh.

- Các con hãy đem đặt chúng trong thúng bánh. Chính cha sẽ phân phát bánh. Các con hãy để cha yên để giải tội đã.

Don Bosco tiếp tục giải tội cho những đứa trẻ còn lại. Trong khi đó, gần cửa mở ở phía sau bàn thờ Đức Mẹ, có đặt sẵn thúng bánh. Tôi thì nghĩ lại các câu chuyện phép lạ người ta đã kể về Don Bosco, nên tôi tò mò, đi đến một chỗ thuận lợi để xem chuyện gì xẩy ra.

Bên cửa đó, có mẹ tôi đứng chờ tôi:

- Phanxicô con, hãy đến với mẹ đi.

Nhưng tôi ra dấu cho mẹ hãy đợi tôi một chút. Khi Don Bosco đến, lấy từ thúng ra một chiếc bánh, thì tôi nhìn vào thúng bánh, và thấy thúng ấy chỉ chứa

độ 15 hay hai mươi cái bánh. Do đó tôi cố đứng ở bậc cầu thang phía sau Don Bosco, không cho ngài thấy tôi, với đôi mắt mở thật to. Don Bosco bắt đầu phát bánh. Các trẻ con xếp thành hàng tiến lên phía ngài, vui vẻ nhận lấy bánh từ ngài và hôn tay ngài, trong khi ngài nói với mỗi đứa một lời hay mỉm cười với chúng.

- Tất cả các học sinh, với con số khoảng 400 em, đều đã nhận được bánh. Kết thúc việc phân phát bánh, tôi lại muốn xem lại thúng bánh, và tôi vô cùng kinh ngạc vì thấy thúng bánh vẫn còn y nguyên số bánh lúc ban đầu. Tôi ngỡ ngàng qúa, liền vụt chạy lại cùng mẹ tôi và nói với mẹ:

- Con không đi về nhà nữa, con không muốn rời khỏi đây, con ở lại đây. Mẹ tha thứ cho con vì con đã làm cho mẹ phải đến tận Torino. Vậy đấy, tôi xin kể lại cho các bạn tất cả những điều chính mắt tôi đã thấy và tôi xin nói cho các bạn: Đừng rời bỏ một vị thánh như Don Bosco.

- Đó là lý do duy nhất khiến tôi ở lại Nguyện Xá và sau này ghi tên tôi vào số các con cái của Don Bosco".

- Phanxicô Dalmazzo đã trở thành Salêdiêng, và 8 năm làm Giám đốc trường Trung Học Valsalice, và 7 năm là Tổng đại diện Tu Hội Salêdiêng tại Tòa Thánh.

Thi hành đức ái vì các người nghèo mà thôi

Trước lúc khởi đầu năm học 1860-1861, Don Bosco nhận thấy con số học sinh ghi danh vào Nguyện Xá quá đông. Ngài sợ rằng mình sẽ "trao ban những hoa trái của đức bác ái" cho những kẻ thực sự không là đối tượng chính đáng của đức bác ái. Nhằm đạt được mục đích đó, ngài cho tái in vào chương trình của nhà nội trú một câu ngắn mới này: Các học sinh trong hai tháng đầu phải đóng tiền học và tiền ăn chính xác. Chỉ sau khi các em đã chứng tỏ hạnh kiểm tốt, xứng đáng được hưởng sự trợ giúp của lòng bác ái, thì món tiền phải đóng đó sẽ được giảm xuống hay miễn hẳn. Cha Lemoyne kể lại thông tin này, có ghi nhận: "Tuy nhiên Don Bosco với lòng bác ái của ngài đã làm không ít luật trừ".

Và đây là các điều kiện ngài đã in ấn và phân phát cho niên khóa 1860 – 1861:

Cho các học sinh thợ:

- Phải mồ côi cả cha lẫn mẹ.
- Đủ trọn 12 tuổi và không quá 18 tuổi.
- Nghèo khổ và bị bỏ rơi.

Cho các học sinh học văn hóa:

- Phải hoàn tất các lớp tiểu học và muốn học lên các lớp cấp II.
- Đáng được nhận vì trí thông minh và đời sống luân lý tốt.
- Đã qua hai tháng thử với tiền đóng là 24 lire mỗi tháng, sau đó những điều kiện đối xử được thể hiện tùy theo sự xứng đáng em tỏ ra.
- Trong số các "qui định tổng quát" được kể ra kế tiếp đó, thì đáng kể là qui định sau đây: "Tất cả quần áo thì các em phải tự lo liệu, trừ phi các em có thể chứng tỏ được rằng chuyện đó các em không thể làm được vì hoàn cảnh nghèo túng".

"Một ban được qui tụ bí mật" vào năm 1861

Trong năm 1861 có một chuyện xẩy ra rất lạ lùng, hầu như độc nhất, và hết sức quan trọng. Cha Alasonatti, cha Rua, thầy Cagliero, thầy Francesia và 10 Salêdiêng khác tập hợp lại thành "một ban bí mật". Tất cả đều xác tín rằng những gì xẩy ra xung quanh Don Bosco thường có một tính cách ngoại thường và thậm chí còn thật sự là siêu nhiên. Không ghi nhớ lại được các biến cố đó sẽ là bỏ qua đi một kho tàng. Vì thế mỗi người phải "duy trì lấy những ý niệm này" cách trung thành. Vậy mỗi người hãy ghi chú lại. Trong các cuộc họp đều đặn của phân ban này, các ghi chú được đọc cho mọi người nghe và được sửa lại để cho chứng từ của mỗi người thật sự chính xác với sự việc xẩy ra.

Cha Lemoyne kể lại sự kiện này trong cuốn thứ mười của Bộ Hồi Sử, ghi nhận rằng: "Chúng ta có thể yên tâm về sự thật mà những nhân chứng này truyền lại. Trong nhiều năm trôi qua, có những người mới đến thế chỗ cho những người cũ với cùng một công việc được thực hiện như ban bí mật này đã đề ra, vì tấm lòng yêu mến Don Bosco và vì sự thật của các sự việc được ghi lại".

Chúng ta rất biết ơn các người Salêdiêng đầu tiên này. Họ đã đầy ắp các công việc, mà còn cố gắng giành giật thời gian từ giấc ngủ để thực hiện công trình đáng ghi nhớ, vô cùng quí giá đó. Nếu không có nó, rất nhiều ghi nhận về Don Bosco sẽ bị đánh mất hay sẽ bị chìm vào trong lớp sương mù của các huyền thoại.

Điều ấy không ngăn cản chúng ta có thể và phải làm một số những nhận định về các dữ liệu đã được ghi lại này và về những người đã viết chuyện đời sống Don Bosco dựa trên các chứng từ của họ. Không phải để trách cứ các thành viên trong ban "lịch sử" này (đó chắc chắn là một chuyện điên rồ), nhưng là để giúp chúng ta hiểu rõ hơn câu chuyện thực về Don Bosco.

Thứ nhất: Thường Don Bosco nói nhiều và thoải mái trong tình thân mật với các con cái của mình, và ngài hoàn toàn có quyền làm như thế. Người đích thân nói chuyện với các học trò thì ở trong tư thế khác với người "đọc để cho người ta ghi lại chính xác lịch sử". Vậy ta phải coi những lời Don Bosco nói như là những lời thân tình, dễ dãi, chứ không phải những tài liệu lịch sử đúng luật. Điều đó giống những chuyện anh hùng Napoleon kể lại tại hòn đảo Saint Helena, nơi ông bị cầm tù, hay giống như những chuyện Lutero nêu lên trong bàn ăn, hay nhiều chuyện khác nữa. Những tường thuật Napoleon kể lại tất nhiên đầy ắp mối cảm kích, những tia lóe sáng của vinh quang, những kỷ niệm anh hùng, nhưng thật là một lầm lẫn lớn nếu có ai đó coi đấy như là những lời chứng được tuyên thệ là đúng thật một cách chi li với lịch sử. Chúng ta cần phải luôn luôn đem đối chiếu chúng với các tài liệu ta thu thập được, những bản đồ chiến trận,

những thư từ đã được viết và những khế ước. Có thể đã xẩy ra là những chuyện Don Bosco kể lại tuy không có tầm mức lớn lao lại đã được nhận định như là tuyệt đối chính xác và nghiêm chỉnh cho đến các chi tiết nhỏ của chúng.

Thứ hai: Những người thu lượm lại các sự kiện và những lời nói của Don Bosco do công việc nặng nhọc họ đã phải làm tại Nguyện Xá và do sự thiếu hiểu biết về các công việc Don Bosco đã làm ở ngoài thành phố, nên họ *đã ghi nhận lại tất cả những điều Don Bosco đã làm,* nhưng đồng thời họ hầu như không ghi lại gì cả *một chút gì về điều cùng lúc đó đang xẩy ra tại thành phố Torino và các vùng xung quanh.* Vì lý do đó, tuy tất cả những điều Don Bosco nói đều tuyệt đối chính xác, nhưng toát ra từ các tường thuật của họ một cảm nghĩ là *chỉ có mình Don Bosco mới làm nổi những chuyện này* trong khi tại Torino chỉ có Thiên Chúa mới biết còn có biết bao nhiêu người đang nỗ lực làm thử các kinh nghiệm tông đồ khác nhau và quyết theo đuổi các quyền xã hội mà dân chúng cần có được. Ai được nhìn như có một mình, thì luôn được coi như là đứng hàng nhất; Don Bosco cũng thế, dựa theo các lời ghi chú của các con cái của mình, thì xem ra như là người duy nhất có những trực giác lớn về giáo dục này, và chỉ duy mình ngài mới dám có những sáng kiến trên. Nhưng nếu chúng ta xét duyệt các sự kiện trong tổng thể của chúng, ta sẽ thấy được rằng Don Bosco quả thật vĩ đại, nhưng bên cạnh ngài, trước và sau ngài, còn có rất nhiều người đã nỗ lực làm việc trong cùng một đường nét trên.

Chẳng hạn trong công cuộc xây cất Đền Thờ Đức Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu (mà chúng ta sẽ nói đến trong chương sau), ta thấy như có vẻ đây là một công trình có tính cách độc nhất: nào là chi phí thật quá lớn lao, những quà dâng thật vĩ đại, sự hoàn thành quá mau chóng trong việc xây dựng, con số dân chúng vô cùng đông đảo vào ngày khánh thành. Nhưng khi ta xét kỹ lại lịch sử của Torino, thì ta cũng thấy cùng một lúc có biết bao nhiêu nhà thờ đã được xây dựng, mà các chi phí cũng xít sao ngang nhau:

Nhà thờ Năm Phí tổn

Giáo xứ Thánh Giulires 1863 650,000 lires

Giáo xứ Thánh Phêrô và Phaolô 1865 540,000 lires

Giáo xứ Đức Mẹ Vô Nhiễm. 1867 220,000 lires

Đền Đức Mẹ Phù Hộ 1868 890,000 lires

Giáo xứ Thánh Barbara 1869 336,000 lires

Giáo xứ Thánh Maxime 1853 1,500,000 lires

Với so sánh ở trên, Đền thờ Đức Maria phù Hội không mất đi chút nào tầm quan trọng của nó. Nó vẫn tồn tại như một phép lạ của lòng can đảm, của đức tin, và đức ái. Nhưng được đặt trong bối cảnh của bốn nhà thờ khác, ta nhận ra được bình diện chính xác của Đền Thờ Đức Mẹ Phù Hộ này. Cho nên nhìn một mình, nó giống như một cây thông mọc ngoài sa mạc, nhưng nhìn trong bối cảnh chung, nó là một cây thông giữa một khu rừng. Luôn luôn vẫn là một cây thông, nhưng trong trường hợp thứ hai, thì cây thông này chẳng phải là độc tôn, chỉ mình nó mới đáng được ngưỡng mộ.

Chúng ta cũng có thể nói như thế về các lớp học tối, các xưởng thợ, việc gửi các nhà truyền giáo lên đường, tất cả đều là những chuyện đáng kinh ngạc của cả một tổng thể những việc phi thường trong Hội Thánh Công giáo. Như thế, Don Bosco hiện lên không phải như "một hiện tượng", mà như là một vị thánh trong một bối cảnh Công giáo đầy dấn thân, đã biết dùng đức tin của mình mà khơi dậy những phép lạ chân chính. Ngài bên cạnh các linh mục can trường khác (dù không phải là một vị thánh như ngài đi nữa) đã cùng nhau làm việc với cùng một lòng tin và lòng can đảm như nhau.

Thứ ba: Thiên Chúa đã ban ân huệ huyền nhiệm cho Don Bosco. Ngài mơ được những giấc mơ bộc lộ tương lai cho ngài, loan báo các biến cố sẽ được thực hiện đúng như vậy tới từng chi tiết. Nhưng ngài cũng vẫn là một con người, một linh mục khốn khổ, mà thường khi vẫn phải tìm kiếm một cách khiêm cung như

mỗi người trong chúng ta, chỉ thấy được một chút xa hơn cái đầu mũi của ngài. Cũng xẩy ra là ngài cho các ý kiến, nuôi những hy vọng, thực hiện những tiên đoán lúc thì xẩy ra đúng vậy, lúc thì không (chẳng hạn như trong trường hợp cha Guanella mà Don Bosco cố giữ lại ở Nguyện xá trong khi sứ mạng của cha lại ở nơi khác). Việc ghi nhận các dự kiến của Don Bosco, các niềm hy vọng của ngài, để rồi chắc chắn rằng chúng buộc phải xẩy ra đúng như vậy làm ta không đánh giá đúng mức về Don Bosco. Đó là cất đi khỏi ngài quyền được là con người phải qui phục như bất cứ những con người nào khác cho các bước thăng trầm của cuộc sống. Đó là một thứ sai lầm của "tâm trí" qua đó người ta đã lượm lặt những dữ kiện, những lời nói của Don Bosco và trao cho chúng cái gía trị tuyệt đối. Cách riêng ngày hôm nay, chúng ta phải biết ơn các nhân chứng đã thuật lại cho chúng ta những thành công phi thường và cả những sự e dè, ái ngại, những phân vân và những sai lầm của mẫu người "thật mênh mông" mà cũng thật "người thường" của Don Bosco, cha của chúng ta.

Nhưng tất cả những nhận định ở trên không thể được coi là những lời quở trách. Các Salêdiêng đầu tiên mà các công việc ghi chép của họ dù cho bất toàn, nhưng quả có một giá trị đáng kể giúp chúng ta biết về Don Bosco.

Chương 38: ĐỀN THỜ LỚN ĐƯỢC NHÌN THẤY TRONG GIẤC MƠ

Vào tháng Mười 1844, Don Bosco có hai giấc mơ. Chúng ta đã nói đến chúng trong chương 18, nhưng bây giờ chúng ta phải tái trở lại với chúng, và trích dẫn chúng dài hơn. Giấc mơ thứ nhất, chúng ta trích nó từ cuốn sách Hồi Ký Nguyện Xá do chính Don Bosco viết, còn giấc mơ thứ hai chúng ta trích từ cuốn sách do cha Barberis và cha Lemoyne viết.

"Người nữ mục tử mời cha nhìn về phía Nam. Đưa mắt nhìn, cha thấy một cánh đồng, tại đó người ta đã gieo trồng hạt bắp, các củ khoai tây, cải bắp, xà lách và nhiều loại rau cỏ khác.. Bà còn nói với cha: "Con hãy nhìn thêm nữa", và cha nhìn trở lại. Khi ấy cha thấy một nhà thờ cao và tuyệt đẹp. Một ban nhạc, dàn nhạc hòa tấu và hát xướng đang mời gọi cha hát lễ. Quanh nhà thờ có một băng chữ màu trắng với hàng chữ: *Hic domus mea, inde gloria mea* "Ở đây là nhà của ta, từ đấy tỏa sáng vinh quang của Ta" (*Hồi Ký Nguyện Xá, bản tiếng ý của do cha Ceria ấn hành, tr. 136*).

Giấc mơ ba nhà thờ

"Cha như thấy mình trên một cánh đồng bằng chứa đầy một đám rất đông các thanh thiếu niên. Có những trẻ đánh nhau, và những kẻ khác thì nguyền rủa và nói phạm thương. Một đám mây gồm những viên đá bay trong không khí, do

đám trẻ đang đánh nhau. Cha định rời xa nơi này thì thình lình cha thấy một Bà bên cạnh cha và nói với cha:

- Con hãy tiến lên phía trước giữa các trẻ này và làm việc.

Cha tiến lên, nhưng để làm gì? Chẳng có chỗ nào cả để tiếp nhận bất cứ trẻ nào. Thế là cha quay đầu về phía Bà đó, bà nói với cha:

- Đây là nơi chốn! – Bà chỉ cho cha thấy một cánh đồng cỏ.

- Nhưng đây đâu phải là cánh đồng cỏ - Cha nói. Bà trả lời:

- Con ta và các Tông đồ đã không có lấy một mãnh đất nhỏ để tựa đầu.

Cha bắt đầu làm việc trên cánh đồng cỏ đó, khích lệ, rao giảng, giải tội. Nhưng tất cả những cố gắng đó sẽ vô ích thôi nếu cha không tìm thấy một khu có một tòa nhà nào đó để qui tụ các trẻ.

Khi ấy Bà nói cho cha:

- Con hãy nhìn kìa.

Cha nhìn thấy một nhà thờ thấp và nhỏ, ở cuối một cái sân và có rất đông trẻ. Cha tái làm việc trở lại. Nhưng nhà thờ trở nên quá chật, nên cha chạy lại với Bà, và Bà chỉ cho cha thấy một nhà thờ khác lớn hơn nhà thờ trước nhiều, với một căn nhà bên cạnh. Sau đó cha đi ra xa khỏi đó một chút, trong một khoảng đất đang canh tác, gần như ở trước mặt nhà thờ thứ hai. Bà nói thêm:

"Ở nơi này, nơi các vị tử đạo quang vinh của Torino là Aventore và Ottavio đã chịu chết vì đạo tại đây, trên các chỏm đất cao đã từng thấm máu và được thánh hóa bởi máu của các ngài, Ta muốn Thiên Chúa được tôn vinh một cách phi thường".

Trong khi nói vậy, Bà bước thêm một bước, đặt chân ngay tại chỗ xẩy ra cuộc tử đạo, rồi Bà chỉ cho cha một cách chính xác nơi đó [10].

Trong thời gian đó cha thấy mình được bao bọc bởi một số rất đông các trẻ, với con số càng lúc cáng gia tăng; nhưng trong khi nhìn Bà Nữ Chăn Chiên, thì các phương tiện và các nơi chốn dành cho cha sử dụng cũng tăng lên; thế rồi cha

thấy một nhà thờ thật rộng lớn ở chính nơi mà Bà đã chỉ cho cha như là nơi xẩy ra cuộc tử đạo của các vị thánh trong đạo binh Tebea, với rất nhiều tòa nhà xung quanh và một đài kỷ niệm tuyệt đẹp ở giữa" (*M. B. cuốn II, tr. 289).*

Don Bosco đã luôn luôn để mắt đến "cánh đồng gieo trồng hạt bắp, các củ khoai tây, cải bắp, xà lách và nhiều loại rau cỏ khác", mà ngài đã nhận ra nó chính xác ở phía bên ngoài bức tường xây quanh Nguyện Xá. Ngài đã đặt cho nó một tên mới là "cánh đồng của các giấc mơ". Vừa khi có đủ tiền, ngài liền mua lại mảnh đất vào ngày 20 tháng Sáu 1850. Nhưng năm 1854 (năm xẩy ra nạn dịch hạch, trong đó ngài buộc phải thâu nhận cùng một lúc 20 em mồ côi), ngài lại phải bán mảnh đất đó đi để trả các món nợ gấp gáp. Sau đó mảnh đất lại trở thành sở hữu của ngài vào ngày 11 tháng Hai 1863. Nhưng vào những tháng cuối cùng của năm 1863, đã xẩy ra những chuyện mới.

"Đây sẽ là Nhà Thờ Mẹ cuả Tu Hội chúng ta"

Một buổi chiều tháng Mười Hai năm 1862, Phaolô Albera (một cậu trai 17 tuổi năm đó được nhận vào Tu Hội Salêdiêng) nghe lời tâm sự của Don Bosco. Vào một thứ Bẩy, Don Bosco giải tội cho tới 23 giờ, và chỉ vào giờ muộn như thế, ngài mới xuống nhà cơm với cậu bé Phaolô Albera để ăn chút gì đó. Ngài rất lo lắng và thình lình ngài bắt đầu kể: "Cha đã giải tội cho nhiều bạn trẻ, và cha chả còn biết rõ những gì cha đã làm và đã nói, tới mức cha bị thu hút bởi một ý tưởng. Nó khiến cho cha chia trí và cứ ám ảnh lấy cha. Cha đã nghĩ: nhà thờ của chúng ta quá nhỏ, không chứa nổi tất cả các bạn trẻ của chúng ta. Vì thế chúng ta phải xây dựng một nhà thờ khác, đẹp hơn, lớn hơn, huy hoàng hơn. Chúng ta sẽ gọi nó là nhà thờ Đức Maria Phù Hộ. Cha không có lấy một xu, cha cũng chẳng biết cha sẽ lấy tiền từ đâu, nhưng điều đó không quan trọng. Nếu Thiên Chúa muốn, chúng ta sẽ làm".

Ít lâu sau đó, ngài lại nói về kế hoạch này với Gioan Cagliero. Và đây là chứng từ của Cagliero: "Vào năm 1862, Don Bosco nói với tôi là ngài nghĩ đến xây dựng một nhà thờ to lớn và xứng đáng với Đức Nữ Trinh rất thánh.

Ngài nói:

- Cho tới bây giờ, chúng ta đã cử hành đại lễ kính Đức Mẹ Vô Nhiễm. Nhưng Đức Mẹ muốn là chúng ta tôn kính Mẹ dưới tước hiệu Đức Maria Phù Hộ: thời đại của chúng ta thật khốn quẫn khiến chúng ta thực sự cần đến Đức Trinh Nữ rất thánh phù hộ chúng ta để gìn giữ và bảo vệ đức tin Kitô giáo. Và con còn biết tại sao không?

Tôi mới trả lời:

- Con tin đó sẽ là Nhà Thờ Mẹ của Tu Hội tương lai của chúng ta và là trung tâm từ đó phát xuất tất cả các công cuộc khác của chúng ta phục vụ cho giới trẻ.

- Con đã đoán đúng - ngài nói với tôi. Đức Maria phù Hộ chính là Người Sáng Lập và là sự nâng đỡ các công cuộc của chúng ta" (*M. B.,*Cuốn VII, tr. 334).

Một nhà thờ lớn hơn có khả năng chứa các thanh thiếu niên, "nhà thờ mẹ" của Tu Hội; đó là hai lý do khiến Don Bosco lên kế hoạch xây dựng Đền Thờ Đức Mẹ Phù Hộ. Nhưng ngài còn nêu lên lý do thứ ba: *Thời đại chúng ta thật khốn quẫn...* Chúng ta tin rằng cần phải cắt nghĩa các từ ngữ này để người ta không liệt chúng vào loại "các lời phàn nàn đại để" mà vào mỗi thời lại rộ lên nơi miệng các chuyên viên than phiền.

Những biến cố tại Spoleto và Đức Maria Phù Hộ

Sử gia Giacono Martina viết rằng lịch sử Hội Thánh vào giữa những năm 1800 "ghi đậm dấu của một cú sốc dữ tợn giữa cái cũ và cái mới, giữa những cơ cấu của một xã hội chính thức là Kitô giáo và sự khẳng định ngày càng rõ nét của một nền thế tục hóa đời sống xã hội. Do đó hiện lên một hình ảnh của một thời kỳ then chốt trong lịch sử Hội Thánh được diễn tả bằng những hạn từ mới như là

cuộc đối đầu giữa Kitô giáo và các nền văn hóa của các thời kỳ lịch sử khác nhau mà Kitô giáo gặp phải.

Một trong những thời điểm dữ dằn nhất của "cú sốc ghê gớm đó" là thời điểm xẩy ra vấn đế về Roma và về Quốc gia của Đức Giáo Hoàng. Sau cuộc chiến tranh thứ hai vì nền độc lập của Nước Ý, theo như tác giả Pietro Stella, thì Nước Đức Giáo hoàng (hay các bang thuộc Đức giáo Hoàng) mà các người Công giáo coi là cần thiết cho sự độc lập của Đức Thánh Cha, xem ra đã bị "Vương Quốc Ý chinh phục". Các Đức giám mục của miền Trung Ý tức là miền Umbria [11] vào ngày 2 tháng Hai 1860 đã mời gọi các tín hữu cầu nguyện Thiên Chúa "qua sự chuyển cầu của Trái Tim vẹn sạch Đức Mẹ Maria, Mẹ Thiên Chúa, Đấng Phù Hộ Các Giáo hữu".

Tại Spoleto, một thành phố nhỏ miền Umbria, có tin đồn một phép lạ cả thể trong dân chúng. Trong tháng Ba năm 1862, qua một bức ảnh cổ xưa, được lưu giữ tại một nhà thờ hoang tàn, Đức Mẹ có nói chuyện với một em bé lên năm tuổi và chữa lành một nông dân trẻ. Các khách hành hương tuôn về nhà thờ này.

Đức Tổng Giám Mục Spoleto, đức Cha Arnaldi, gửi tới tờ báo Công giáo mang tên Sự hài Hòa, một bài viết hồ hởi về những biến cố này. Ngài nói đến những cuộc hành hương quan trọng đến từ miền Todi, Perugia, Foligno, Nocera, Narni, Norcia.

Cũng Đức Giám mục trên vào tháng Chín 1862 đã đề xuất ý tưởng xây một đền thờ lớn tại những nơi xẩy ra các phép lạ, và trao cho bức ảnh Đức Mẹ (cho tới khi đó còn gọi là "Đức Mẹ Sao Sáng") này cái tên "Phù Hộ Các Giáo Hữu" (*Auxilium christianorum).*

Don Bosco "rất hài lòng" khi đọc bài viết của Đức Cha Arnaldi. Cũng đồng thời Ngài có giấc mơ quan trọng về *Hai cái neo "tựa vào hai cột trụ".* Sự kiện diễn tiến như Pietro Braido tổng kết lại trong chương XIV của cuốn "Don Bosco Vi Linh Mục Của Các Bạn Trẻ Trong Thế Kỷ Của Tự Do" của ngài như sau:

Lá thư viết cho Đức Piô IX ngày 13.2.1863 kết thúc với việc hình dung ra một trong các khía cạnh đặc trưng của lòng sùng kính Đức Maria dưới tước hiệu Phù Hộ là sự gắn kết không thể tách lìa của nó với việc thờ phượng phép Thánh Thể. Don Bosco gợi ý rằng "Đức Thánh Cha làm sáng tỏ tư tưởng cao vời cho rằng Thiên Chúa gợi hứng trong lòng con người trong khi ngài công bố khắp nơi lòng tôn sùng Bí tích rất thánh và lòng sùng kính Đức Nữ Trinh là hai chiếc neo đem đến ơn cứu độ cho nhân loại lầm than" [12]. Để báo trước các biến cố đau thương, Don Bosco cũng gợi ý trong thư viết ngày 10.3.1863 rằng: "Mẹ Hội Thánh lại một lần nữa phải đương đầu và gánh chịu những sự khuấy động của các con cái bội bạc của mình. Ở đây chúng con tăng cường cầu nguyện và đặt tất cả niềm cậy trông của chúng con nơi Chúa Giêsu Thánh Thể và nơi Đức Maria Vô nhiễm rất thánh. Con hy vọng là Chúa Quan Phòng sẽ kéo dài đời sống của Đức Thánh Cha, và sau những cơn bão táp, Đức Thánh Cha có thể thấy được những ngày quang đãng và bình an cho Hội Thánh" [13]. Các cuộc giao chiến, các nơi ẩn náu và các cuộc chiến thắng dưới hai dấu hiệu cao cả trên đã được chính Don Bosco trình bày một cách thật huy hoàng trong bài giảng ngắn vào buổi chiều 30 .5 .1862 cho 500 em Nguyện Xá. Ngài đã áp dụng vài hình phạt, vừa thích đáng vừa đúng thời đúng lúc và đúng dịp cho một vài em vào ngày trước lễ Chúa Lên Trời, những em này "đã trốn khỏi Nguyện Xá mà không có phép của bề trên", "bằng cách leo tường". Ngài đã huấn từ cho các em như sau:

Cha sẽ kể cho chúng con một chuyện dụ ngôn, vậy các con hãy chăm chú nghe xem các con sẽ hiểu nó ra sao nhé (…). Các con hãy tưởng tượng thấy mình bên bờ biển và không cảm thấy rõ đâu là khoảng đất xung quanh mình ngoại trừ ngay chỗ chân mình đứng. Trên toàn thể mặt biển có vô số những thuyền bè có mang chiếc mỏ sắt nhọn hoắc để đi tới đâu, chúng đục thủng các thuyền bè khác tới đó. Trong số những chiếc tầu này, có những chiếc mang vũ khí, ca-nông, súng, những chiếc khác thì mang những sách vở, những đồ dễ cháy, thế rồi tất cả

chúng quay mũi tầu tới tấn công một chiếc tầu khá lớn, nhằm húc đổ nó, đốt cháy nó và gây tại hại cho nó bao có thể. Giữa biển các con hãy tưởng tượng mình thấy hai cột cao lớn: trên một cây cột có tượng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm rất thánh, ở dưới có ghi chữ: *Auxilium Christionorum* (Đấng Phù Hộ Các Giáo Hữu). Trên chiếc cột kia, một cây cột còn to hơn và cao hơn, có Mình Thánh ngự trên đó, to tương ứng với cây cột, có ghi các lời: *Salus Credentium* (Ơn Cứu Độ cho các tín hữu). Ở chân cột còn có biết bao nhiêu sợi dây xích khác được cột vào các neo, chờ đón các tàu chạy tới cột vào. Chiếc tàu lớn hơn do Đức Thánh Cha hướng dẫn, và ngài làm hết sức để đưa tàu tới giữa hai cây cột trụ này. Nhưng những chiếc thuyền khác đã tìm mọi cách tấn công và phá hoại chiếc tàu này, với khí giới, với những chiếc mỏ sắt nhằm xuyên thủng, với những đám cháy đốt lên bằng các sách báo, nhưng tất cả đều thất bại và luống công; tất cả các khí giới và vật dụng đều bị xé nát và chìm lỉm. Có khi những viên đạn ca-nông xuyên thủng chỗ này chỗ khác của cạnh tàu, nhưng chỉ một cơn gió thổi từ hai cột trụ ào tới là các lỗ thủng lành lại ngay, và con tàu tiếp tục chạy. Trên hành trình, Đức Thánh Cha một lần ngã xuống, thì lại đứng dậy, một lần nữa ngã gục rồi chết. Ngài vừa chết một vị khác đã lên thay ngay lập tức, và vị này dẫn con tàu đến giữa hai cột trụ, và ngài cột dây sắt với neo vào chiếc cột Bánh Thánh Thể và vào cột Đức Maria Thụ Thai Vô Nhiễm. -Thế rồi một cơn chấn động lớn lao trên toàn mặt biển. Tất cả những chiếc tàu đã tấn cống tàu của Đức Thánh Cha đã bị phân tán và trốn chạy, va chạm vào nhau, tàu nào chìm thì tìm cách làm chìm luôn các tàu khác. Những tàu đậu ở xa thì cẩn thận đi lùi lại, và sau khi những con tàu khác đã bị chìm vào trong vòng nước xoáy, thì những chiếc tàu còn lại vội vàng chèo về phía chiếc tàu lớn: và khi chúng tới đó, chúng cũng vội cột mình vào những chiếc neo treo ở hai chiếc cột và tại đó chúng tìm được sự yên hàn tuyệt đối". Kể tới đây, Don Bosco giúp tìm lời giải thích khi hỏi cha Rua, và cha Rua đã trả lời một cách đơn giản là "Con thấy chiếc tàu lớn của

Đức Thánh Cha chính là Hội Thánh (…) Còn những người bảo vệ Hội Thánh chính là những người tốt, yêu mến Toà Thánh, còn những người khác là những kẻ thù". Don Bosco đồng ý và thêm: "những chiếc tàu của kẻ thù chính là những cuộc bách hại đang được chuẩn bị chống lại Hội Thánh. Điều đã xẩy ra cho tới bây giờ chưa là gì cả" [14].

Lời kỷ niệm Don Bosco gửi cho các học sinh Mirabello ngày 30.12.1863 chính là "Lòng sùng kính Đức Maria rất thánh". Ngài đã bình luận: "Các con rất thân mến, các con hãy tin rằng cha không nghĩ là mình nói quá khi quả quyết rằng việc chịu lễ thường xuyên là một cột trụ lớn trên đó một cực trái đất được cột vào, và lòng sùng kinh Đức Mẹ là một cột trụ khác nữa mà cực bên kia của trái đất được cột vào" [15].

Với những niềm xác tín về Đức Mẹ Phù Hộ như thế, năm 1863 Don Bosco đã tậu thêm đất để xây tường vòng quanh Đền thờ tương lai. Năm 1864, ngài cho thực hiện công việc đào bới, tậu vật liệu, và tiến hành công việc xây dựng Thánh Đường Đức Mẹ Phù Hộ.

Một Tên gọi của Thánh Đường khiến người ta phải nhăn mặt

Don Bosco trao cho kỹ sư Antôn Spezia lo việc lập họa đồ Đền thờ dưới hình thập giá La-tinh trên một diện tích 1,200 mét vuông. Chiều dài nhất của thánh đường là 48 mét. Với cuộn họa đồ trong tay, Don Bosco đem tới tòa thị chính để xin sự chấp thuận. Về bảng vẽ chính quyền không có ý kiến gì; ngược lại họ còn hứa (dù chỉ thuần túy bằng miệng) tài trợ cho thánh đường một món trợ cấp ngoại thường là 30,000 lires mà tòa thị chánh ban cho một nhà thờ giáo xứ mới.

Điều làm cho người ta nhăn mặt chính là tước hiệu của nó là *thánh đường kính Đức Mẹ Maria Phù Hộ.* Các sự kiện tại Spoleto, lá thư của các Đức Giám mục vùng Umbria, các cuộc tranh luận với tờ báo *Sự hài Hòa* đều khiến cho chính quyền thị chánh e ngại. Tước hiệu này xem ra có tính cách phản bác.

- Vậy liệu chúng ta có thể đổi cái tước hiệu lạ kỳ này chăng? Ví dụ gọi nó là Nhà Thờ Đức Mẹ Mân Côi, hay Đức Mẹ Hòa bình, hay Đức Mẹ Núi Các-men?… Đức Mẹ quả có lắm tước hiệu cơ mà.

Don Bosco mỉm cười.

- Các vị cứ chấp thuận dự án của tôi đi. Còn về tước hiệu, thì chúng ta luôn luôn có thể thỏa thuận với nhau.

Nhưng người ta đã chẳng bao giờ đi tới thỏa thuận về điều đó cả: Don Bosco vẫn giữ nguyên tước hiệu trên.

Bắt đầu với tám đồng xu

Sau khi nhận được phép xây cất, Don Bosco trao nhiệm vụ xây cất cho nhà thầu Carlo Buzzetti (anh của Giuse Buzzetti. Người có tên Carlo này Don Bosco đã gặp tại nhà thờ thánh Phanxicô Assisi, đã trở thành người dẫn dắt công trình xây dựng đáng tin cậy. Thế rồi Don Bosco gọi cha quản lý Saviô và lệnh cho cha khởi sự công việc chuẩn bị đất đai.

"Nhưng thưa Don Bosco, chúng ta sẽ làm sao đây? Đây đâu có phải là một nhà nguyện, mà là một nhà thờ rất lớn và tốn phí rất nhiều tiền. Sáng hôm nay tại nhà chúng ta thậm chí còn chưa có tiền để trả tiền tem cho các lá thứ gửi đi.

- Con hãy bắt đầu chuẩn bị đất đai, Don Bosco trả lời. Có bao giờ chúng ta đã bắt đầu một công việc mà có sẵn những món tiền cần thiết đâu? Con hãy để cho Chúa quan Phòng còn có việc phải làm chứ".

Các công việc đã khởi sự vào mùa thu năm 1863, rồi tái bắt đầu lại vào tháng Ba 1864.

Vào cuối tháng Tư, do lời mời của người thầy, Don Bosco cùng với các linh mục của ngài và nhiều học sinh khác, đi xuống hầm đào để đặt viên đá đầu tiên. Sau lễ nghi này, Don Bosco quay về phía Carlo Buzzetti và nói với anh ta:

- Cha muốn ngay lập tức trao tiền cho các công việc to lớn này.

Ngài lấy cái ví của ngài ra và mở nó, và đổ hết tất cả những gì có trong đó vào tay chủ thầu là 8 xu, tức là chưa tới được nửa lire Thấy Buzzetti há hốc mồn ra, ngài lập tức nói thêm:

- Con cứ an tâm. Đức Mẹ sẽ nghĩ đến chuyện đem tiền bạc cần thiết tới.

Dĩ nhiên là Đức Mẹ sẽ nghĩ cách, nhưng để có tiền bạc đến, thì cũng luôn cần mồ hôi cùng sự mệt nhọc của Don Bosco.

Ai đã nghiên cứu dung mạo của hai vị thánh đồng thời tại Torino: là Cottolengo và Don Bosco, tất thấy mình bị đánh động bởi sự khác biệt của các ngài: Cả vị này lẫn vị kia đều nhận được sự trợ giúp của Chúa Quan Phòng. Nhưng trong khi cha Cottolengo nói: "Chúa Quan Phòng đã chuẩn bị sẵn số tiền mà chúng ta đang cần. Chúng ta hãy đợi tiền sẽ đến"; thì Don Bosco lại nói: "Chúa Quan Phòng đã chuẩn bị tiền sẵn mà chúng ta đang cần. Chúng ta hãy đi tìm tiền đó đi".

Cha Phaolô Albera, người kế vị thứ hai của Don Bosco, vốn sống gần ngài trong thời gian đó, đã nói rằng: "Chỉ những ai chứng kiến mới có một ý niệm chính xác về công việc và những hy sinh cha chúng ta đã đảm nhận lấy cho mình trong suốt những năm hoàn thành ngôi thánh đường Đức Mẹ Maria Phù Hộ Các Giáo Hữu, được nhiều người coi là một công cuộc táo bạo, vượt lên trên sức lực của một linh mục khiêm nhượng đã phải chịu trách nhiệm hoàn thành nó".

Don Bosco ráng ép trí tưởng tượng của mình để ép buộc lòng quảng đại của dân chúng. Ngài gửi khắp cả Torino và sứ Piemonte bằng vô số những thư từ và thư luân lưu; ngài tung những lời kêu gọi quyên góp; ngài kêu mời những người nặng ký của trần gian ở Torino, Firenza, Rôma đóng góp. Vào tháng Năm 1866 Don Bosco viết cho kỵ sĩ Oreglires: "Số người thợ xây phải tiếp tục làm việc tại nhà thờ đã bị giảm xuống thành tám người, vì thiếu các phương tiện. Đây là lúc nguy kịch cần đến bàn tay Ngài cứu vớt chúng tôi".

Đức Mẹ đi quyên góp cho Don Bosco

Nếu "Don Bosco khổ sở" vượt thắng được những khó khăn, đó chính là nhờ sự trợ giúp của đức Maria Phù Hộ vì Người đứng ra thực hiện "những việc quyến góp kết quả nhất". Tin đồn về "những ân huệ" lớn nhỏ mà Đức Mẹ ban cho những ai giúp đỡ xây dựng thánh đường lan tỏa mau chóng tại Torino và tại nhiều miền Nước Ý.

Ơn có tiếng vang lớn nhất có lẽ là ơn mà thượng nghị sĩ Giuse Cotta nhận được. Ông vốn là ân nhân của Don Bosco và rất được biết đến trong những môi trường chính trị và tài chánh tại Torino.

Cha Lemoyne kể rằng trong khi vị thượng nghị sĩ 90 tuổi ốm liệt giường mà các bác sĩ không hé lộ một tia hy vọng, thì Don Bosco đến tìm ông. Ông chỉ còn thều thào nói với Don Bosco:

- Chỉ còn ít phút nữa là con phải đi vào cõi vĩnh cửu.

- Không, thưa thượng nghị sĩ! Don Bosco vui vẻ trả lời. Đức Mẹ hãy còn cần thượng nghị sĩ trên trần gian này. Ngài còn phải giúp tôi xây dựng nhà thờ.

- Không còn hy vọng nữa, thưa cha, vị thượng nghị sĩ nói nhỏ.

Đức tin của Don Bosco đưa ngài tới chỗ vững tâm lạ thường. Ngài nói như diễu:

- Thượng nghị sĩ sẽ làm gì nếu Đức Mẹ cho nghị sĩ ơn lành bệnh?

Ông cười, cố lấy sức bình sinh, giơ hai ngón tay ra phía Don Bosco:

- Hai ngàn lires nhé. Nếu con khỏi bệnh, con chuyển hai ngàn lires trong sáu tháng cho công trình xây dựng nhà thờ Valdocco.

Ba ngày sau vị thượng nghị sĩ xuất hiện trước Don Bosco lành lặn:

- Con đây, ông nói cùng Don Bosco. Đức Mẹ đã chữa con và con đến cùng cha để trả phần nợ thứ nhất của con.

Chúng ta sẽ chỉ đan cử ra ở đây hai ơn lạ nữa, khi mà Don Bosco vào ngày 11 tháng Hai 1868 viết cho kỵ sĩ Oreglires rằng: "Mỗi ngày Đức Maria Phù Hộ đều làm những chuyện ngày càng nổi bật để giúp nhà thờ. Điều đó lấp đầy hằng cuốn sách…" Vào dịp điều tra để tôn phong chân phước cho Don Bosco, Đức Cha Bertagna làm chứng qua tuyên thệ rằng: "Trong cuộc tĩnh tâm tại Tu viện thánh Inhaxiô, Don Bosco xin tôi lời khuyên để biết ngài có nên tiếp tục ban các phép lành cho những người bệnh với các ảnh của Đức Maria Phù Hộ và của Chúa Cứu thế chăng, bởi vì ngài nói người ta đồn rất dữ về rất nhiều các trường hợp chữa lành tiếp nối nhau và chúng giống như những việc diệu kỳ. Liệu điều này xấu hay tốt? Tôi đã nghĩ là nên khuyên Don Bosco tiếp tục ban các phép lành của Đức Mẹ Phù Hộ".

Người mẹ, đứa trẻ thơ và những đồ trang sức của người nghèo

Một hôm Don Bosco đi phố. Khi trở về Nguyện Xá, ngài thấy ở gần cửa ra vào có một người đàn bà nghèo ẵm một đứa bé khoảng một tuổi trong vòng tay mình. Đức bé gầy gò, đầy mụn nhọt, bất động và câm như chết rồi. Don Bosco ngừng lại rồi hỏi người mẹ:

- Em bé ốm bao lâu rồi?

- Nó luôn như vậy từ lúc mới sinh.

- Bà có đem em tới bác sĩ khám bệnh chăng?

- Có, nhưng bác sĩ nói là không thể làm gì cho nó được.

- Và bà có bằng lòng thấy nó khỏe mạnh lại chăng?

- Có, nhưng con không đáng hưởng một ơn huệ như vậy. Nếu con bé khỏi, con sẽ dâng tất cả những gì quí giá nhất con có.

- Vậy bà chuẩn bị nhé, khi bà có thể, bà hãy đi xưng tội và chịu lễ. Trong vòng 9 ngày bà hãy đọc một kinh Lạy Cha và một Kinh Kính Mừng, và xin chồng bà cùng đọc với bà. Đức Mẹ sẽ nhận lời bà.

Rồi ngài chúc lành đứa bé bằng phép lành Đức Mẹ Phù Hộ.

Mười lăm ngày sau, vào một Chúa Nhật, tại phòng áo của nhà thờ, giữa những người tìm gặp để nói chuyện với Don Bosco, có một người đàn bà mang theo một đứa bé có đôi mắt sáng và rất sinh động. Khi bà ta tới với Don Bosco, bà ta đã thốt lên tươi tỉnh:

- Này cha, đây là đứa con của con.

- Bà muốn gì, thưa bà?

Don Bosco không nhớ được về phép lành cha đã ban cho bà. Người đàn bà nhắc lại và kể cho ngài là vào ngày thứ ba hay thứ tư của tuần chín ngày, đứa bé trai của bà đã được lành bệnh. Rồi bà ta nói thêm:

- Bây giờ con đến để thi hành lời con đã hứa.

Trong khi nói vậy, bà ta lấy ra một cái hộp trong đó có những đồ trang sức của người nghèo: một cái vòng đeo cổ, một chiếc nhẫn và một đôi hoa tai. Don Bosco bối rối, chắc hẳn ngài đã nghĩ đến những đồ trang sức của mẹ ngài. Nhưng người đàn bà nói tiếp:

- Con đã hứa với Đức Mẹ là con sẽ dâng hiến những cái gì quí hóa nhất đối với con. Và con xin cha vui lòng nhận lấy.

Don Bosco lắc đầu:

- Bà thân mến, thế bà lấy gì để đương đầu với cuộc sống chứ?

- Không, chúng con sống ngày này qua ngày khác với tiền lương của chồng con, người đang làm việc tại lò đúc.

- Vậy hai ông bà có thể giữ lại được gì chăng?

- Làm sao cha nghĩ chúng con có thể giữ lại được gì với có 3 lires một ngày công thôi?

- Còn chồng bà có vui lòng để bà dâng những vật này chăng?

- Vâng, ông ấy biết và ông ấy bằng lòng.

- Nhưng như thế ông bà sẽ chẳng còn lại gì cả. Ông bà sẽ làm gì khi ốm đau

hay gặp tai nạn?

- Chúa biết chúng con nghèo và Ngài sẽ lo liệu. Còn con, con phải làm điều con đã hứa.

Don Bosco hết sức cảm động:

- Này bà nhé, chúng ta sẽ làm như sau: Đức Mẹ không đòi ở bà một hy sinh quá lớn như vậy. Nếu bà thật sự muốn dâng cho Đức Mẹ một dấu của lòng biết ơn của bà, thì bà chỉ cần cho tôi chiếc nhẫn thôi, còn chiếc vòng đeo cổ và đôi hoa tai thì bà giữ lại.

- Ồ không! Con đã hứa là dâng tất cả và con phải cho đi tất cả.

- Bà hãy cứ làm như tôi nói với bà. Đức Mẹ bằng lòng với chuyện đó mà.

- Có thật không cha? Con không muốn nuốt lời của mình.

- Bà không nuốt lời của mình đâu. Tôi quả quyết với bà như vậy nhân danh Đức Mẹ.

Người đàn bà xem ra còn có chút ít hoài nghi, sau cùng bà ta kết luận:

- Vậy, con làm như vậy. Nhưng nếu cha có muốn cầm hết số vàng của con, thì cha cứ lấy nhé.

Don Bosco nhắc lại với bà ta là đừng ái ngại và đưa tay vuốt nhẹ đứa bé (*M.B., Cuốn X, các trang 94-95).*

Người làm công nhật xứ Alba

Một người từ xứ Alba đến với Don Bosco sau cả một ngày một đêm cuốc bộ. Ông ta xưng tội, rước lễ, rồi trình diện với Don Bosco để thi hành một lời hứa. Ông ta kể lại rằng ông ta đã ốm, bác sĩ đã nói thế là xong đời rồi; thế là ông ta hứa với Đức Mẹ là ông ta sẽ đem đến cho Đức Mẹ tất cả những gì ông ta có nếu ông ta được khỏi bệnh. Rồi bỗng nhiên ông ta khỏi bệnh. Don Bosco thấy người này ăn vận khốn khổ quá; ông ta rút ra một mảnh giấy từ trong túi, cẩn thận gỡ

nó ra. Giữa tờ giấy có một đồng bạc: một lire. Ông ta đưa nó cho Don Bosco rồi trịnh trọng lên tiếng:

- Đây là tất cả những gì con có, tất cả của cải của con.

- Ông làm nghề gì?

- Làm công tại vườn. Con làm việc mỗi ngày.

- Ông sẽ trở về nhà thế nào?

- Con sẽ trở về nhà y như con đến đây: tức là đi bộ.

- Ông không mệt ư?

- Cũng khá mệt, vì cuộc hành trình khá dài.

- Ông chưa ăn gì cả chứ?

- Dĩ nhiên rồi, vì con muốn chịu lễ. Trước nửa đêm con có ăn một mẩu bánh mì con mang trong túi.

- Và bây giờ ông còn gì để ăn chăng?

- Không còn gì cả, thưa cha.

- Vậy chúng ta sẽ làm như vầy nhé: hôm nay ông ở lại đây với cha. Cha cho ông ăn bữa trưa và bữa tối. Ngày mai, nếu tiện, ông sẽ trở về nhà.

- Thật là tuyệt vời! Con đem đến đây một đồng lire, và cha cho con ăn tốn tới hai hay ba lires!

- Này nhé: ông đã dâng cho Đức Mẹ một món quà. Còn bây giờ, Don Bosco thực hiện món quà dâng của mình: đó là một ít cháo và một ly rượu thôi, chứ có gì?

- Con xin thưa rõ với cha là con không nhận. Con biết Don Bosco và Đức Mẹ có duy một túi tiền chung thôi. Vậy nên bây giờ con xin cuốc bộ về nhà của con. Nếu con đói, con sẽ ăn xin. Nếu con mệt, con sẽ ngồi nghỉ dưới bóng cây. Nếu con muốn ngủ, người ta sẽ vui lòng cho con nằm trên rạ mà ngủ. Còn lời hứa của con với Đức Mẹ, thì con phải hoàn tất nó một cách đúng mức. Con xin chào cha và xin cha cầu nguyện cho con".

Và rồi không thêm một lời nào nữa, ông ta lên đường (*M.B.,* Cuốn X, các trang 97-98). [16]

---

[10] Nơi này Don Bosco đã xác định chính xác, là nơi hiện tìm thấy trong nhà nguyện các hài cốt của Vương Cung Thánh Đường Đức Mẹ Phù Hộ. Trên nền đá có ghi dấu chữ thánh giá mạ vàng.

[11] *Umbria* nằm ở miền trung nước Ý, giáp Tuscanà về phía Tây, Marche về phía Đông và Lazio về phía Nam. Vùng này chủ yếu là đồi núi. ..

[12] Em I 553-554.

[13] A Pio IX, 10 marzo 1863, Em I 561.

[14] Lett. Del 5 giugno 1862 di Cesare Chiala (1837-1876). Piu tardi salesiano, al cav. Federico Oreglires di S. Stefano, ASC A 0050401, Fdb *929 C 10-D1; P. Stella, Don Bosco nella storia della religiosità catolica II,* 547-554.

[15] Em I 1629.

[16] Trong chương này, chúng ta đã nói tới ba giấc mơ của Don Bosco: Đó là những giấc mơ "Một Nhà Thờ Lớn trên cánh đồng bắp", "Ba ngôi Nhà Thờ", "Hai cột trụ".
Xin cho phép tôi được có một nhận xét cá nhân của mình.
Về các giấc mơ của Don Bosco, người ta đã viết rất nhiều, nói chung là nghiêm chỉnh và có uy tín. Khốn thay, cũng có người bàn đến một cách kỳ quặc khiến cho người đọc phải tự hỏi những người viết đó có mơ nhiều hơn là Don Bosco đã mơ chăng.
Để cắt nghĩa các giấc mơ này và để loại bỏ tất cả tính chất "phi thường" của cuộc sống của Don Bosco, người ta đã sử dụng cả đến các giả thiết cắt nghĩa theo lối khoa học, chẳng hạn dựa trên khoa nghiên cứu các hiện tượng thần kinh ngoài lãnh vực tâm lý bình thường (nhưng những cách thức cắt nghĩa đó ngày nay đã bị hoài nghi một cách nghiêm chỉnh và bị các nhà thông thái loại bỏ), hay coi những giấc mơ là một thứ "huyền thoại hóa" mà những người kể lại các sự việc và các lời nói của Don Bosco đã rơi vào, để rồi họ minh nhiên lên án các giấc mở trên như là các chứng từ giả.
Chúng tôi chân nhận rằng người ta có quyền đặt ra những giả thiết để làm việc và nghiên cứu hầu có thể kiệm nghiệm cách thích đáng các giấc mơ này. Nhưng chúng tôi không thấy chính đáng khi người ta chấp nhận mọi thứ giả thiết đưa ra để nghiên cứu về chúng, chỉ trừ duy nhất cái giả thiết coi chúng chính là sự can thiệp của Thiên Chúa trong đời sống của Don Bosco. Nếu người ta hành xử đàng hoàng, thì người ta cũng buộc phải đưa cả cái giả thiết siêu nhiên này vào để nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh. Vậy một sự kiểm nhận nghiêm chỉnh của sử gia buộc phải lưu ý đến việc chọn lựa các chứng từ đã tuyên thệ trước tòa án phong á thánh cho Don Bosco về lời chứng của mình. Việc chối bỏ một cách tiên thiên các chứng từ được thực hiện với lời thề, chỉ vì muốn bảo về các lý thuyết đáng hoài nghi trên, cho thấy rằng công việc điều tra lịch sử ấy đã không được theo đuổi một cách nghiêm chỉnh, trái lại nó xuất phát từ các thiên kiến muốn loại trừ ánh sáng siêu nhiên. Làm như vậy là rơi vào các tín điều của chủ nghĩa thực chứng (cho rằng không thể nào tiếp nhận những cái gọi là siêu nhiên cả, và do vậy vô ích nếu chúng ta muốn nhận định về nó).
Chúng tôi không phải là những chuyên viên trong lãnh vực này. Nhưng chúng tôi tin rằng để có một ý niệm chính xác về các giấc mơ của Don Bosco, thì vô cùng quan trọng phải biết Don Bosco thực sự đã nghĩ gì về các giấc mơ của ngài, và những người sống cùng ngài đã nghĩ gì. (Điều này dĩ nhiên là chưa phải là tất cả các dữ kiện mà một sử gia cần đến, nhưng nó chính là một bước xuất phát cho một cuộc nghiên cứu nghiêm chỉnh).

Vậy chúng tôi xin cho mình quyền kể lại một số câu nói của Don Bosco và của những người đã sống bên cạnh ngài trong nhiều năm trời. Chúng tôi không sửa lại bản văn của các nhân chứng này, dù cho làm thế có thể khiến cho những người không quen với lối diễn tả bằng tiếng Ý của những năm 1800 (tức là trong thế kỷ XVII) sẽ gặp khó khăn để hiểu được các câu văn thời xưa đó.

Giấc mơ 9 tuổi. Chứng từ tự thuật của Don Bosco

"Bà nội biết khá đủ về thần học – vì bà hoàn toàn không biết chữ - để tuyên bố phán đoán cuối cùng như sau: "Đừng bận tâm về mộng mị". Cha cũng đồng quan điểm với bà nội; tuy nhiên cha không hề cất bỏ giấc mơ đó khỏi tâm trí cha được. Những điều cha sẽ kể lại sau đây sẽ trao cho giấc mơ một cái ý nghĩa của nó" (*Hồi Ký Nguyện Xá,* do cha E. Ceria xuất bản, tr. 25).

Giấc mơ về ngôi nhà thờ lớn trên cánh đồng bắp: Chứng từ tự thuật của Don Bosco

Giấc mơ này làm tôi suốt đêm trằn trọc suy nghĩ; nó kéo theo nhiều chi tiết. Tôi không hiểu nổi ý nghĩa của nó vào thời điểm đó, bởi lẽ tôi không tin vào nó lắm; nhưng tôi dần dần hiểu ra hiệu quả của nó khi các sự việc thành sự. Thậm chí sau này, cùng với một giấc mơ khác, tôi đã sử dụng nó làm chương trình cho các quyết định của tôi" (Hồi Ký Nguyện Xá, do E. Ceria xuất bản, tr. 136).

Chứng từ của Don Bosco do cha Lemoyene thuật lại

*"*Trong những năm đầu tôi dần dần đặt tin tưởng vào những giấc mơ này như chúng đáng được hưởng. Rất nhiều lần tôi đã coi đó là trò do trí tưởng tượng của tôi tạo ra. Trong khi kể lại những giấc mơ này, trong khi loan báo những cái chết sắp tới, tiên báo tương lai, rất nhiều lần tôi tư lự không dám chắc chắn, vì không tin tưởng rằng mình đã hiểu chúng và sợ rằng mình nói những chuyện dối trá. Tôi tới mức đã phải thú nhận cùng cha Cafasso về mối nguy hiểm nếu tôi nói chúng ra. Ngài nghe tôi, suy nghĩ một chút rồi nói: "Bắt đầu từ lúc mà cha thấy là những điều cha nói đang được thực hiện, thì cha có thể an tâm và tiếp tục tiến bước". Tuy nhiên chỉ sau đó một năm khi chàng trai Casalegno chết, và tôi đã được thấy cậu nằm trong quan tài, đúng hệt như tôi đã mơ, thì tôi mới không còn ngần ngại để tin rằng những giấc mơ này thực sự là những lời cảnh cáo của Chúa" (*M. B.,* Cuốn V, tr. 376).

Chứng từ của cha Lemoyne

Cho tới khoảng năm 1880, khi kể lại các giấc mơ này, Don Bosco đã không bao giờ nói đó là những thị kiến. Nhưng với riêng tôi, vào những năm sau cùng này, tuy rằng ngài không bao giờ nói chính tiếng "thị kiến", nhưng ngài để cho tôi sử dụng chúng trong các cuộc trao đổi thân mật giữa chúng tôi" (*M. B.* Lời dẫn nhập, Cuốn XVII).

Chứng từ của cha Berto, thư ký của Don Bosco trong suốt 20 năm

"Ngài tiên báo trước khi nó xẩy ra về cái chết của hầu hết các trẻ em của Nguyện Xá, một cách chính xác về thời điểm và các hoàn cảnh của việc các em trẩy sang thế giới bên kia. Có những lần này hay lần khác, ngài cảnh báo các cậu bé một cách rõ ràng; có khi ngài nêu những vần đầu của cái tên những người sẽ chết. Những lời tiên báo đó, như tôi nhớ lại, đã hoàn toàn xẩy ra như vậy; tôi có thể xác nhận được chúng. Chỉ họa hiếm mới có những luật trừ, nhưng đúng như chúng diễn ra, chúng khẳng định về tinh thần tiên tri của Don Bosco. Chính tôi là linh mục Berto, là nhân chứng mắt thấy tai nghe, viết ra những lời này" (*M. B.,* Cuốn V, tr. 387).

Cảm nghĩ của cha Ceria

Người viết 9 *cuốn sách Hồi Sử* cuối cùng trong tiểu sử Don Bosco này đã gia nhập Tu Hội 3 năm 8 tháng trước khi Don Bosco qua đời, trong bài Dẫn Nhập cho cuốn XVII, đã phân loại các giấc mơ của Don Bosco thành ba nhóm:

- Những giấc mơ chỉ thuần túy là những giấc mơ như chuyện chúng ta mơ vào những đêm bụng tiêu hóa không tốt: suy nghĩ cho nghiêm chỉnh thì không nên liệt chúng vào trong hạnh sử của Don Bosco. Một số chúng được đem vào trong Bộ Sách Hồi Sử chỉ để giúp chúng ta bao có thể biết được những yếu tố của cuộc đời Don Bosco.
- Các giấc mơ không chỉ là những giấc mơ, mà chính là các thị kiến xẩy ra ngay giữa ban ngày, chẳng hạn giấc mơ tỏ lộ tương lai của Gioan Cagliero.

- Những giấc mơ mơ về ban đêm biểu lộ những chuyện bí mật hay tương lai.
Tuy nhiên cha Ceria nhận xét như sau: Khó mà phân biệt giữa ba loại giấc mơ này. Có lần chúng ta không biết khi nào Don Bosco mơ thấy mình đang ở trong góc phải của chính diện Đền thờ thánh Phêrô, ở lưng chừng giữa theo đường thẳng đứng tính từ tượng thánh Phêrô và Bức khảm ghép mảnh đá "mosaic" ghi lại hình Đức Thánh Cha Pio IX, và Don Bosco chẳng hiểu nổi làm sao ngài lại tới được chỗ đó. Ngài muốn xuống. Ngài gọi, la hét lên, nhưng chẳng ai tới. Sau cùng vì khiếp sợ, ngài giật mình tỉnh dậy. Người ta sẽ nói đó là một giấc mơ do việc tiêu hóa không tốt mà xẩy ra. Thế rồi cha Ceria tiếp tục viết: Nhưng nếu ta nhìn hốc nằm ở chính diện của nhà thờ thánh Phêrô này vào năm 1936, thì sẽ thấy có bức tượng vĩ đại của Don Bosco do nhà điêu khắc Canonica đặt ở vị trí giữa hai bức tương thánh Phêrô và Đức Thánh Cha Pio IX đó. Thế là chúng ta hiểu rõ đây thật sự không phải là giấc mơ được tạo ra bởi sự tiêu hóa không tốt.

Chương 39: DON RUA, TỪ MIRABELLO CHO TỚI HỘI KHÁNH THÀNH VƯƠNG CUNG THÁNH ĐƯỜNG ĐỨC MẸ PHÙ HỘ

Tại Mirabello, thuộc giáo phận Casale Monferrato, cha xứ có một trường trung học trong khuôn viên giáo xứ. Ngài mời Don Bosco tới nhận nhà trường. Sau khi chắc chắn được rằng mình sẽ là "chủ nhân ông tại trường của mình" và được quyết định rằng trường sẽ nhận ưu tiên các ứng sinh trẻ tới chức linh mục, Don Bosco tiếp nhận trường học đó.Khi đó ngài bận tới tận cổ trong công cuộc xây dựng thánh đường Đức Mẹ Phù Hộ, nhưng ngài cũng quyết tìm mọi biện pháp để sáng kiến thành lập trường Mirabello đi tới thành công. Đức Cha Calabiana, Giám mục Casale, lúc ấy đang có rất ít ơn gọi tới chức linh mục, đã hoàn toàn chấp thuận dự án. Do đó trường này được gọi là " tiểu chủng viện".

Vào mùa thu năm 1863, Don Bosco gọi Don Rua đến và bảo:

- Cha xin con một hy sinh lớn. Người ta đã đề nghị chúng ta mở một "tiểu chủng viện" tại Mirabello, trong vùng Monteferato. Cha tính sai con tới đó để điều hành trường. Đây là nhà Salêdiêng đầu tiên được mở ngoài vùng Torino. Hằng ngàn con mắt bám sát chúng ta xem "chúng ta tiến hành ra sao". Cha hoàn toàn tín nhiệm vào con. Cha sẽ cho con các hội viên cần thiết để cho nhà này bắt đầu tốt đẹp".

Cha Rua lúc đó 26 tuổi. Don Bosco cùng ngài nghiên cứu danh sách các Salêdiêng sẽ đi theo cha Rua. Các tư giáo Provera, Bonetti, Cerruti,Albera, Dalmazzo và Cuffia đã được chọn.

Họ cũng nghiên cứu một công thức sẽ sớm đem lại cho họ những kết quả tốt: Đó là sẽ có một số những em tốt hơn cả được chọn ra từ Nguyện Xá để đem tới trường trung học Mirabello để là; "men tốt" giữa con số 90 em học sinh nam được nhận trong năm đầu tiên tại đó.

Bốn trang giấy mang giá trị của một di chúc

Cha Rua tới Mirabello sau lễ Đức Mẹ Mân Côi vào đầu tháng mười. Ngài đem theo bốn trang giấy gồm các lời khuyên quí báu mà Don Bosco đã viết cho ngài.

Cha Pietro Stella nói là "Bốn trang giấy này có giá trị của một bản di chúc. Don Bosco phản ánh tại đây toàn bộ cung cách của các mối quan tâm chính yếu của một người cha, một nhà giáo dục, một linh mục đang mưu cầu ơn cứu độ của các linh hồn".

Chính Don Bosco cũng rất ý thức là mình đã thành công trong việc vạch ra trong những dòng chữ này một trong các bản tóm lược tốt nhất của hệ thống giáo dục của ngài, đến độ sau đó ngài đã viết lại những trang này (có thêm bớt và thay đổi đôi chút) cho các Giám đốc Salêdiêng, dưới đề tài: *Các lời tâm niệm ký thác lại cho các Giám đốc.*

Chúng ta thử ghi nhận lại một bản tổng hợp sau đây:

"Cha nói với con tiếng nói của một người cha dịu dàng muốn mở lòng mình cho một trong các con cái thân thương nhất của cha.

Với chính mình con

- Đừng sợ gì cả.

- Hãy tránh các việc hãm mình trong của ăn của uống.

Mỗi đêm con nghỉ ít là sáu tiếng.

- Con hãy cử hành Thánh Lễ và Đọc Kinh Thần vụ với lòng đạo đức, sùng tín và chăm chú.

- Mỗi buổi sáng hãy nguyện gẫm một chút, và trong ngày hãy đi viếng Thánh Thể một lần.

- Hãy cố gắng làm cho mình được yêu mến trước khi làm cho các trẻ nể sợ mình; khi con ra lệnh hay sửa trị, hãy lo làm cho mọi người hiểu được rằng đó là vì lợi ích chứ không phải do sự nổi nóng và ý riêng của con. Hãy chịu đựng mọi sự khi phải đứng ra ngăn ngừa tội lỗi.

- Hãy suy nghĩ kỹ càng trước khi lấy các quyết định quan trọng.

- Khi con phải làm một báo cáo về một người nào, con hãy cố gắng làm sáng tỏ vấn đề trước khi đưa ra một phán quyết.

Với các thầy giáo

- Hãy cố gắng thường xuyên nói chuyện với họ. Nếu con hay được rằng họ cần bất cứ một điều gì, thì hãy làm hết sức để lo liệu cho họ chuyện đó.

- Hãy lo sao để họ tránh các tình yêu riêng tư và thiên vị đối với các học trò.

Với các giám thị

- Hãy cố gắng liên hệ với họ để biết quan điểm của họ về hạnh kiểm của các trẻ em. Hãy lo sao cho họ mau mắn trong nhiệm vụ của họ. Họ cần phải tham gia trò chơi của các trẻ em.

Với các học sinh

- Không nhận dưới bất cứ lý do nào một học sinh từng bị đuổi khỏi các trường khác hay qua những cách thức khác, học sinh này đã được báo cho con là có những thói quen xấu.

- Con hãy tìm mọi cách để có thể dự các giờ chơi giữa các trẻ. Hãy lợi dụng dịp để nói đôi lời rỉ tai thân ái, mà con biết nói ra khi có cơ hội trong lúc này hay lúc khác và khi con cảm thấy điều đó nên làm. Đây chính là một bí mật để con làm chủ trái tim của các trẻ.

- Con hãy lo liệu khai sinh Hội Bạn Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội.

Với các học sinh ngoại trú

- Đức ái và sự lịch thiệp là những đặc tính của một giám đốc, đối với các học sinh nội trú lẫn ngoại trú.

- Liên quan đến những vấn đề vật chất, con hãy hết sức nhường nhịn bao có thể, dù mình có phải chịu thiệt thòi, miễn là duy trì được tình bác ái.

- Trong những chuyện thiêng liêng, hay luân lý mà thôi, thì mọi sự phải được giải quyết vì vinh danh cao cả của Thiên Chúa và ích lợi của các linh hồn. Những công việc, sự cứng cỏi, tinh thần trả thù, tự ái, lý lẽ, yêu sách, và thậm chí cả danh dự nữa, ta đều phải hy sinh tất cả trong trường hợp này.

Và sau đây là những điều được thêm vào mà Don Bosco đã thực hiện khi ngài chép lại những điều trên để làm thành *Những lời tâm huyết dành cho các giám đốc:*

- Con hãy lo sao để không ra lệnh làm những việc vượt quá sức hay nguy hại cho sức khỏe.

- Trước bất cứ một quyết định nào, con hãy nâng lòng lên cùng Thiên Chúa trong ít phút giây.

- Hãy hết sức lo liệu để các học sinh biết đến con và con biết đến chúng bằng việc trải qua những thời gian con có được để ở bên chúng.

- Con hãy để lại cho người khác các biện pháp trấn áp và kỷ luật.

- Hãy hết sức lo liệu để nương theo các khuynh hướng của mỗi người, trong khi ưu tiên trao phó các nhiệm vụ cho những người mà con biết là họ ưa thích các nhiệm vụ đó nhất.

- Mình phải cố gắng cần kiệm trong mọi sự, nhưng hãy lo liệu sao để những người đau ốm không thiếu thốn gì cả.

- Sự suy xét, thời gian, kinh nghiệm cho cha chạm tới được bằng tay là thói tham ăn, ham muốn, sự khoe khoang đã tạo nên sự đổ vỡ của các Tu Hội rất

phồn vinh và các dòng tu quan trọng. Những năm tháng trôi qua sẽ làm cho con được biết các chân lý mà có lẽ giờ đây con coi là không thể tin nổi".

Những lời nói rỉ vào tai của Don Bosco

Don Bosco gợi ý với Don Rua: "Hãy tìm cách nói nhỏ vào tai những lời thân ái mà con có thể nói ra…". Những lời nói nhỏ của Don Bosco chính là một trong những bí quyết của công việc giáo dục, theo như chứng từ của các học trò của ngài. Cha Lemoyne đã cố gắng thu thập "các lời nói nhỏ" này qua việc hỏi han các học trò của Don Bosco. Dây là một số các ví dụ:

- Con có khỏe không? Và linh hồn con thì sao?

- Con giúp cha một chuyện lớn nhé, Con có biết chuyện gì chăng? Đó là chuyện giúp con nên tốt đó mà!

- Khi nào con sẽ trở nên niềm an ủi lớn cho cha?

- Con có muốn đập tan các cái sừng của con quỉ bằng một cuộc xưng tội tốt chăng?

- Con có muốn chúng ta trở nên những người bạn tốt của nhau trong các công chuyện của linh hồn con không?

- Con có sợ Chúa sẽ tức giận với con không? Nếu sợ, con cứ chạy tới Đức Mẹ.

- Thiên đàng đâu phải cho những kẻ lười biếng.

- Hãy cầu nguyện, cầu nguyện tốt đẹp và con chắc chắn sẽ cứu rỗi được mình.

- Con có cảm thấy mình ở trong cơn bão táp chăng? Hãy kêu cầu Đức Mẹ là Ngôi sao Biển.

- Con hãy nghĩ đến sự phán xét của Thiên Chúa.

- Đừng tin tưởng quá vào sức mạnh của mình.

- Con hãy nghĩ đến Chúa và con sẽ làm cho mình trở nên tốt hơn và hạnh phúc hơn.

- Con hãy giúp cha nhé. Cha muốn làm cho con trở nên hạnh phúc bây giờ và trong đời sau.

- Nếu con giúp cha, cha sẽ làm cho con trở nên một thánh Lu-y mới.

- Ai bền đỗ đến cùng sẽ được ơn cứu rỗi.

- Các con hãy làm việc, hãy làm việc thật nhiều, và chúng ta sẽ nghỉ ở trên thiên đàng.

- Can đảm lên! Một góc thiên đàng sẽ làm mọi chuyện khó khăn được ổn định trở lại.

Một bà mẹ, và biết bao nhiêu chuyện phải làm

Don Bosco ước ao mẹ của Don Rua đi theo ngài tới Mirabello. Đây là một sự để ý đầy tế nhị đến cha Rua. Bà chăm sóc đến việc giặt dũ quần áo cho các trẻ, nhưng nhất là bà chính là yếu tố tạo sự quân bình trong những thời điểm xuống tinh thần không tránh khỏi được của người con còn trẻ của bà.

Có một số vấn đề vào lúc khởi đầu liên quan đến các văn bằng, nhưng Các Salêdiêng tại Mirabello đã sớm nhận được các kết quả mỹ mãn, nhất là trong việc đánh thức các ơn gọi linh mục. Một lịch sử biên niên đã kể lại với tất cả lời khen ngợi rằng "Don Rua tại Mirabello hành xử y như là một Don Bosco tại Torino".

Vào đầu năm 1865,Tu Hội Salêdiêng đạt đến con số 80 hội viên, trong đó có 11 linh mục. Các thầy giáo sĩ được sai đến Mirabello với cha Rua – là Bonetti và Provera – đã trở thành các linh mục. Tại Torino, bên cạnh Don Bosco và Don Alasonatti cũng có các cha Cagliero, Saviô, Francesia, Ruffino, Ghivarello, durando cũng đã được thụ phong linh mục.

Tuy nhiên cũng trong năm đó Tu Hội Salêdiêng phải trải qua một thử thánh cam go. Trong vòng vài tháng, năm thành viên Salêdiêng đầu tiên đã bị loại ra

khỏi vòng chiến, các trẻ nội trú đạt tới con số 500 em, đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ đã nuốt trửng những số tiền khổng lồ và khiến cho Don Rua tới mức kiệt sức.

Bức họa Đức Maria Phù Hộ

Trong những tháng đầu tiên của năm 1865, Don Bosco bận tâm nghĩ đến bức họa Đức Maria Phù Hộ thật vĩ đại phải được đặt trên vòm đền thờ mới. Ngài trao cho họa sĩ Lorenzone thực hiện và cố gắng diễn tả cho vị họa sĩ những điều ngài muốn được thấy trong bức họa này:

"Trên cao có Đức Thánh Trinh Nữ ngự giữa các thiên thần, được bao quanh bởi các Thánh Tông đồ, các Ngôn sứ, các Trinh nữ, các Thánh Hiển tu. Ở phía dưới sẽ là dân Thiên Chúa thuộc các miền khác nhau trên trái đất đang đưa cao tay lên Mẹ để kêu cầu Mẹ trợ giúp".

Họa sĩ Lorensô để cho ngài nói xong, mới hỏi:

- Thế bức họa này cha sẽ đặt ở đâu?

- Trong nhà thờ mới.

- Thế cha nghĩ như thế là ổn à? Chúng ta tìm ra khu phòng nào để mà vẽ nó đây? Chúng ta cần cả một Quảng Trường Pháo Đài (Castello)!

Don Bosco phải nhìn nhận là vị họa sĩ có lý. Nên cuối cùng phải quyết định là quanh Đức Mẹ chỉ vẽ có các Tông đồ và các Vị tác giả các Tin Mừng. Ở dưới bức họa, chỉ vẽ có Nguyện Xá mà thôi.

Họa sĩ Lorenzone chọn nơi vẽ là căn phòng lớn của dinh thự Madama (Dinh Bà) và ông bắt đầu công trình kéo dài trong suốt ba năm.

Ông thành công tạo nên khuôn mặt từ mẫu của Đức Mẹ Maria Phù Hộ với cả một sự dịu dàng lớn lao. Một linh mục của Nguyện Xá kể lại:

"Một hôm tôi vào xưởng vẽ để nhìn bức họa. Họa sĩ Lorenzone trèo trên một cái thang, vẽ những nét vẽ cuối cùng trên dung mạo Đức Mẹ. Ông ta không quay lại khi tiếng chân tôi lao xao bước vào phòng vẽ, mà tiếp tục làm việc. Ít lâu

sau đó, ông ta xuống khỏi thang và bắt đầu chiêm ngắm. Thình lình, ông ta nhận ra tôi có mặt, ông liền cầm lấy cánh tay tôi và dẫn tôi đến một chỗ nào đó có đủ ánh áng.

- Em hãy nhìn Mẹ đẹp biết bao! Ông ta nói với tôi. Đây không phải là công trình của tôi. Không phải là tôi vẽ. Có một bàn tay khác hướng dẫn tay tôi. Cháu hãy nói với Don Bosco là bức họa sẽ thật là tuyệt vời!

Ông vô cùng phấn khởi. Thế rồi ông lại tiếp tục công việc vẽ vời.

Khi bức họa được đưa vào thánh đường và dựng ở nơi đã được định trước, thì họa sĩ Lorenzone đã quì gối xuống và bắt đầu khóc to lên như một đứa trẻ.

Chào biệt Don Alasonnati sang thế giới bên kia và chào đón Don Rua trở lại Nguyện Xá

Vào buổi sáng ngày 8 tháng Mười năm 1865, thầy tư giáo Cibrario từ Lanzo đến Valdocco, báo tin cho Don Bosco hay Don Alasonatti dưỡng bệnh tại đó đã qua đời vào ban đêm, và có đem đến cho Don Bosco một trong số các lá thư của ngài. Ngài đã trải qua 11 năm cuối đời trong một công việc đầy những hy sinh âm thầm. Cả đống những hồ sơ, biên nhận, các sổ sách bề bộn khiến cho ngài đã phải thức trắng nhiều đêm. Thiên đàng là nơi ngài đã xin Chúa trước khi đến Nguyện Xá, và ngài đã quyết đảm bảo cho mình chỗ ấy một cách nghiêm chỉnh. Vào tháng Chín, một mụn lớn ở cổ đã làm cho ngài phải chịu đau đớn kinh khủng.

Don Bosco nhắc nhớ đến kỷ niệm về ngài cho các bạn trẻ với tất cả sự cảm động của một người anh thương nhớ người em của mình. Đối với Nguyện Xá, đây là một sự mất mát quá nghiêm trọng.

Tại Mirabello, Don Rua đã chuẩn bị chương trình của ngài cho một năm học mới. Nhưng cha Rovera đã từ Torinmo đến đó báo tin:

- Don Bosco muốn cha trở lại Nguyện Xá. Cha Bonetti sẽ đảm nhận công việc điều hành trường học. Xin cha sớm lên đường bao có thể.

Cha Rovera kể lại rằng:

- Khi đó Don Rua đang viết lách tại bàn giấy. Nhưng ngài không một chút do dự: không nêu một câu hỏi nào hay xin một lời cắt nghĩa. Ngài đứng dậy liền, lấy sách nguyện của mình và nói: "Nào chúng ta đi!" Ngài để mẹ ngài ở lại Mirabello, cho tới khi tìm được một người khác lo việc giặt giũ cho các học sinh.

- Tại Torino, Don Bosco nói cho ngài một cách thật đơn giản: Những gì cha đã làm tại Mirabello, bây giờ hãy tiếp tục tại Valdocco.

Don Bosco trao phó cho ngài mọi sự: các xưởng với 350 em học sinh học nghề, công trình xây dựng Vương Cung Thánh Đường, việc xuất bản Báo Đọc Công giáo (12,000 ấn bản) cùng với nhiệm vụ đọc và trả lời phần lớn các thư từ người ta viết cho Don Bosco.

Ban sáng Don Bosco phải gặp gỡ liên tục khách viếng thăm

Cha Lemoyne kể lại rằng: "Các cuộc gặp gỡ này bắt đầu có từ năm 1846, và tăng dần, tăng dần. Trong năm 1858, Don Bosco còn có thể ra khỏi nhà vào lúc 10g30 hay 11 giờ sáng. Nhưng vào năm 1860, số người đến đông đến độ ngài phải ở lại trong phòng suốt ban sáng, từ 9 giờ sáng tới 1 giờ sau trưa, và điều này cứ tiếp tục như thế cho tới cơn bệnh cuối cùng của ngài. Khi Don Cafasso qua đời, Don Bosco được coi như người kế tục tinh thần của Don Cafasso. Tất cả những gì có ở Torino, gồm những người tốt lành, nổi nang, trổi vượt trong mọi giai tầng xã hội Torino đều chạy đến với Don Bosco".

Don Cagliero còn thêm: "Tôi luôn luôn trông thấy rất nhiều người tới đó để gặp ngài. Họ xin ngài cầu nguyện cho họ, đón nhận chúc lành của ngài, xin ngài lời khuyên bảo về các việc lành phải thực hiện, mang tới cho ngài những quà dâng vì lợi ích của các con cái của ngài, hoặc chỉ vì một mục đích duy nhất là được thấy ngài và nói chuyện với ngài. Đó là những người thuộc mọi tầng lớp

dân chúng, nhưng cũng có cả các khách chính quyền và các vị bộ trưởng, các bề trên của các chủng viện và các đức Giám mục".

Một trạng sư năng được Don Bosco tiếp đón đã kể lại rằng: "Ngài có nhiều việc khẩn trương phải làm. Bất chấp điều đó, ngài không bao giờ nôn nóng để cắt ngắn các cuộc nói chuyện. Ngài vừa đáng kính trọng, vừa đơn giản vừa thân ái. Tôi được nghe rất nhiều lần rằng: Ồ, Don Bosco đón tiếp tôi tốt đẹp biết mấy!"

Don Gioakim Berto, thư ký của ngài, thường nghe ngài khích lệ các bệnh nhân rằng Thiên Chúa luôn nâng đỡ những người tới nhà của Người. Don Bosco luôn nhắc lại rằng: "Chúa là một người Cha tốt lành không bao giờ cho phép chúng ta phải chịu đau khổ vượt quá sức lực của ta". Nếu các bệnh nhận gợi lại những việc lành họ đã làm, thì Don Bosco thốt lên: "Thiên Chúa không quên một điều gì cả. Ngài trả cho họ dồi dào trên thiên đàng. Thiên Chúa là Đấng trả công khôn sánh".

Cha Dalmanzo kể lại rằng:

- Một hôm, có một người buôn bán giàu có, nhưng vô tín ngưỡng, đến gặp Don Bosco. Ông ta chỉ đến đó vì tò mò. Thế rồi tôi thấy ông ta ra khỏi phòng Don Bosco mà rất hồi hộp, đã thốt lên hết thảy ba hay bốn lần rằng:

- Ôi, thật là một con người, một con người tuyệt vời!

Lúc đó tôi mới hỏi ông ta xem ông ta đã nhận được từ Don Bosco những lời lẽ nào. Ông ta trả lời:

- Tôi đã học ở Don Bosco những chuyện tôi không được nghe thấy từ miệng các linh mục khác.

Trong khi ngài đưa tôi ra cửa, ngài nói với tôi:

- Chúng ta hãy làm sao để một ngày kia, ông với tiền bạc của ông, và tôi với sự khó nghèo của mình, chúng ta đều có thể gặp gỡ nhau trên thiên đàng.

Ông De Amicis nhìn thấy tượng Đức Mẹ Phù Hộ vĩ đại trên vòm của Đền Thờ

Vào năm 1866, các công việc xây dựng Đền Thánh tiến tới việc hoàn thành vòm chính của nhà thờ, rồi ngừng lại. Don Bosco chẳng còn tiền nữa. Ngài liền ra lệnh thay thế vòm chính của thánh đường bằng một mái vòng cong đơn giản và hoàn thành công trình theo cách đó. Nhà thầu Buzetti, cha quản lý Saviô, hoàn toàn kinh ngạc trong nỗi đau đớn: Một thánh đường được xây dựng như thế sẽ mất đi một phần lớn vẻ đẹp của nó. Họ quyết định dời lại lại công việc dựng mái vòm này khoảng một tháng, để tiến sang các công trình phụ khác, chờ xem may ra Don Bosco đổi ý kiến. Chính lúc đó thượng nghị sĩ Cotta tới:

- Vậy cha quyết định bỏ vòm chính hả?

- Nào có ai muốn bỏ đi một cái gì đâu; Chúng tôi thiếu các phương tiện, và bây giờ thì phải lo việc đóng lại mái che trước khi mùa đông tới.

- Vậy thì các cha hãy cứ thi hành bản vẽ của nhà thờ y như nó đã là. Các phương tiện sẽ không thiếu đâu.

Rồi ông thượng nghị sĩ nói thêm với Don Bosco:

- Tôi có các dữ kiện để khẳng định rằng Chúa giờ đây đã ban cho tôi gấp trăm lần những gì tôi đã dâng cúng vì tình yêu mến Ngài.

Mái vòm chính được nâng cao lên. Ngày 25 tháng Chín 1866, Don Bosco với một học sinh nhỏ, leo lên trên giàn giáo. Họ cùng nhau đặt viên đá đóng lại ổ chốt cuối cùng của toàn bộ các tảng đá của mái vòm.

Vào năm 1867, một bức tượng vĩ đại của Đức Mẹ được đặt trên đỉnh của vòm chính nhà thờ. Don Bosco viết rằng: "Tượng này cao khoảng 4 mét và tượng Mẹ ở phía đầu được bao quanh bởi 12 ngôi sao bằng đồng mạ vàng. Khi được dọi sáng lên, Tượng Mẹ trở nên rực rỡ cho những ai ngắm nhìn từ xa vào lúc tượng Mẹ được soi sáng bởi những luồng ánh sáng của mặt trời. Người ta

phải thốt lên rằng chính tượng Mẹ đã nói lên rằng: Mẹ ở lại đây để đón nhận các lời cầu nguyện của các con cái mẹ, để đổ đầy ân sủng và các chúc lành cho những người yêu mến Mẹ".

- Vùng Valdocco và vùng Borgo Dora tiếp tục là một vùng ngoại ô nghèo nàn, đôi khi có dáng dấp buồn thảm: nào là những cánh đồng để hoang, các mái nhà và các lều trú của các dân nghèo, rồi đến một mái nhà lớn chứa sự đau đớn, tức là những đứa bé và những bệnh nhân khốn khổ, gọi là "nhà Cottolengo", nhà chứa các người cùng khổ, kế đến là các công cuộc của bà bá tước Barolo và của Don Bosco.

- Khi lái các chiếc xe ngựa để đi về các miền quê, các gia đình quí tộc và giàu có của thành phố thường đi xuống khu phố nghèo khổ này.

- Edmondo De Amicis, một văn sĩ nổi tiếng và theo đúng mốt, cùng xuống khu phố lạ lùng này. Trong cuốn sách tả lại Thành Phố Torino, ông ta viết: "Tiếp nối với khu phố lạ lùng và buồn thảm này, là một vùng quê bao quanh nó, bằng phẳng và im lặng, nhất là vào mùa đông, vào giờ phút hoàng hôn, khi ở phía trên các mái nhà và các cánh đồng phủ đầy tuyết – đang chìm vào trong bóng mờ nhạt của buổi chiều – ta vẫn còn thấy nhấp nháy nhờ các tia sáng cuối cùng của mặt trời, bức tượng mạ vàng của Đức Mẹ Maria Phù Hộ, đứng thẳng trên mái vòm chính của nhà thờ đơn độc đó, với hai tay của tượng dang ra ôm lấy dẫy núi Alpe.

Đây chính là lúc những lời tiên tri "điên" đã trở thành hiện thực

Ngày 9 tháng Sáu 1868, tượng Mẹ Phù Hộ được thánh hiến.

Vào 10 giờ 30, Đức Cha Ricácardi, Tổng giám mục Torino bước lên bàn thờ chính để dâng thánh lễ Đầu tiên. Ngày sau đó, Don Bosco cử hành thánh lễ, có Don Francesia và Don Lemoyne giúp lễ. Tại nhà thờ, 1200 bạn trẻ tham dự.

Đây là lúc vô cùng cảm kích. "Những lời tiên tri điên rồ" của Don Bosco đã trở thành thực tại trước tất cả mọi con mắt. "Thánh đường kỳ diệu và cao trổi" vươn cao lên cách lạ lùng trong "một cánh đồng gieo cây bắp và khoai tây". Quanh vòm chính nhà thờ, trên một tấm biển bằng vải trắng, người ta đọc thấy dòng chữ: *HIC DOMUS MEA, INDE GLORIA MEA* (ĐÂY LÀ NHÀ CỦA MẸ, TỪ ĐÂY GIÃI TỎA VINH QUANG CỦA MẸ). Bàn thờ thì được bao quanh bởi một con số mênh mông các trẻ em".

Có người cao giọng nhắc đến Don Bosco vào ngày hôm ấy, như để tưởng thưởng ngài vì những cay đắng ngài đã từng phải uống cạn trong suốt những năm cuối cùng. Ngài đã đáp lời cách khiêm cung: "Cha không phải là tác giả của những công trình lớn lao này. Chính Chúa, chính Đức Maria Phù Hộ đã đoái thương sử dụng đến một linh mục thấp hèn là Don Bosco để thực hiện chúng. Mỗi một viên đá của ngôi nhà thờ này là một ân huệ của Đức Mẹ Maria".

Hai ngày hôm sau báo *Unità Catolica (Công giáo thống nhất)* trong bài tường thuật về lễ cung hiến, đã viết một câu làm Don Bosco vô cùng hài lòng: "Ngôi thánh đường này được chính những người nghèo dựng nên, và phục vụ những người nghèo".

Ngày lễ lớn lao đó chắc chắn đã không làm cho Don Bosco "mất khôn". Nếu ngài có bị cám dỗ rơi vào cảnh đó, thì những khó khăn bức bách lại bắt đầu giữ cho ngài khỏi sa vào cảnh đó. Ngài viết trong vòng những ngày đó rằng: "Cái giá của gian khổ khiến chúng ta kinh ngạc. Giữa Torino, Mirabello và Lanzo (một trường trung học thứ ba mà ngài đã mở trong thời kỳ này) mỗi tháng khiến chúng ta phải trả 12 ngàn lires duy nhất cho bánh ăn".

Cha Rua suy sụp

Người đã phải hy sinh bản thân nhiều nhất trong thời gian đó (và luôn luôn trong sự thinh lặng) chính là Don Rua. Trong vòng hơn một tháng, ngài chỉ ngủ

không hơn ba hay bốn giờ hằng đêm. Công việc quá mức đã kết thúc bằng việc nắm phần thắng trên cơ thể ngài.

Ngày 29.7.1868, ngài ngã quỵ. Ngài ngã xuống theo đúng nghĩa chữ trên vòng tay của một người bạn khi đi vào Nguyện Xá. Được đưa vào phòng, một bác sĩ đã xét nghiệm ngài và báo động: Đây là chứng viêm màng bụng cao độ.

Don Bosco khi ấy vắng mặt; người ta cho tìm ngài ngay lập tức. Và buổi chiều Don Bosco trở về, nhưng khi vừa thấy ngài các trẻ em liền ào tới xưng tội với ngài. Don Bosco vẫn giữ vẻ rạng rỡ ngoại thường.

Don Saviô nói với ngài:

- Xin cha đến gặp Don Rua ngay lập tức; cha ấy có thể ra đi bất cứ lúc nào.

- Không thể, không thể được. Don Rua sẽ không bao giờ ra đi mà không xin phép cha. Cha còn phải giải tội cho các trẻ em đã.

Ngài giải tội cho tới nửa đêm. Rồi thay vì tới bệnh xá, ngài đi dùng bữa tối. Quanh ngài mọi người giữ sự thinh lặng nặng nề. Người ta không thể hiểu được tại sao ngài thông thường vẫn tỏ ra rất lo lắng cho các bệnh nhân, mà lúc này lại tỏ ra rất không tế nhị với người cộng tác viên chính của mình đang đang tha thiết xin gặp ngài.

Sau khi đã ăn xong, Don Bosco lên phòng của mình để cất túi đồ của mình, và rồi sau đó ngài mới quyết định tới gặp Don Rua. Người bệnh đang đổ mồ hôi lạnh trên trán. Cha đang cảm thấy thật sự khó chịu. Thấy Don Bosco, cha liền thì thầm:

- Nếu đây là giờ của con, xin cha nói cho con. Con không sợ chết đâu.

- Chết sao? Don Bosco thốt lên. Rua thân mến, cha không muốn thế; con có hiểu chăng? Cha sẽ cảm thấy lạnh nếu không có con! Chúng ta còn phải làm việc và làm việc, không có vấn đề chết gì cả!

Ngài nhìn thấy trên bàn có bình dầu để cử hành bí tích xức dầu bệnh nhân, liền hỏi:

- Ai là người tốt lành muốn cử hành bí tích xức dầu kẻ liệt cho Don Rua?

- Chính con đó, Don Saviô trả lời.

- Con thật là những người ít đức tin. Hãy can đảm lên Don Rua ạ! Nghe này: ngay cả khi cha có vất con qua cửa sổ, con cũng sẽ không chết. Bây giờ, các con hãy đem đặt dầu bệnh nhân vào chỗ của nó và để nó ở yên chỗ ấy.

Ba tuần sau, Don Rua khỏi bệnh. Sau một tháng rưỡi dưỡng bệnh, ngài trở lại sân lớn chơi như một trong số các trẻ em. Ngài chưa hoàn toàn trong tình trạng chạy nhẩy được, nhưng ngài chơi cùng với các em nhỏ nhất. Cùi xuống sát đất, ngài nhắm những trái banh nhỏ bằng đất nung với ngón tay cái còn thiếu bình tĩnh.

Tháng 8-1876, sau bữa ăn tối, một Salêdiêng đột xuất hỏi Don Bosco:

- Phải chăng những người Salêdiêng chết vì làm việc quá nhiều?

- Điều này đúng, Don Bosco trả lời, Tu Hội chúng ta không vì thế mà phải chịu bất cứ một tai hại nào, trái lại là đàng khác. Nhưng không phải hoàn toàn đúng thế. Chỉ có một người xưng đáng danh hiệu là nạn nhân của công việc, đó chính là Don Rua. Nhưng tạ ơn Thiên Chúa! Chúa vẫn gìn giữ ngài vững mạnh và khỏe khoắn.

Chương 40: MỘT GIAI ĐOẠN MỚI CHO CÁC NGƯỜI SALÊDIÊNG

Kể từ khi Don Bosco lo việc xây dựng đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ, người ta có cảm tưởng rằng ngài như bị nén lại, hầu như bị tù hãm bởi công cuộc của ngài. Lịch sử diễn ra bên cạnh ngài không có vẻ là lịch sử của riêng ngài nữa.

Có vẻ như "Lịch sử Salêdiêng" bắt đầu như thể đang tiến hành song song, nhưng trong tính cách độc lập với một lịch sử "khác", (tức là lịch sử của nước Ý), với những giai đoạn những thành công, những cuộc chiến cá biệt của nó: việc thiết lập dòng Con Đức Mẹ Phù Hộ, cuộc xuất phát truyền giáo, việc khởi đầu Hội Cộng Tác Viên, cuộc chiến xứng đáng trong danh dự nhưng cam go, trắc trở với hàng giáo phẩm Torino cho sự độc lập của Tu Hội, những bước hành động vắt cạn sức lực tại Roma để đạt được sự phê chuẩn Hiến Luật Salêdiêng.

Lịch sử diễn ra ở bên ngoài cổng lớn của Nguyện Xá

An tượng kể trên là không đúng. Lịch sử của nước Ý với những bước nặng nhọc tiến tới việc thống nhất, những cú đụng độ đầy giận dữ của các quyền bính chính trị chống lại Giáo Hội, lịch sử "không chính thức" của các cuộc chiến thợ thuyền, cuộc di cư khổng lồ, sức căn thẳng của khối đống quần chúng nhằm đạt tới một sự chuyển biến tốt đẹp hơn của ngành giáo dục và của văn hóa hòa trộn vào hoạt động của Don Bosco như là một hệ thống các đường mạch máu, định hướng cho ngài, gợi ý cho ngài các cách thức mới để cảm nhận các sự việc.

Vì lý do này, mà xem ra thật nguy hiểm (và hời hợt) nếu mình bỏ hẳn qua một bên các biến cố lớn đang diễn ra ở ngoài cánh cổng của Nguyện Xá.

Sau cái chết của ông Cavour (6.6.1861), một nhóm các nhân vật được gọi là "cánh hữu lịch sử" kế tục ông trên đỉnh cao quyền lực trong vòng 15 năm. Họ đã trưởng thành bên cạnh ông Cavour, nhưng dù cho họ đã hấp thụ được nghiệp chính trị của Cavour, họ lại không có được sự chói sáng của thiên tài Cavour. Đó là những ông Sella, Lanza và Rattazzi của vùng Piemonte (Torino); Jacini và Visoconti Venosta của vùng Lombardia (Milano); Minghetti và Farini của vùng Emilires (Bologna); Ricasoli và Peruzzi của vùng Toscana (Firenza); Spaventa và Massari của vùng nam Ý. Họ có khuynh hướng và những quan tâm của giới trưởng giả giàu có và của giới quí tộc chủ sở hữu đất đai nông nghiệp.

Đối diện với Giáo Hội, họ kiên định theo đường lối của Cavour tách Giáo Hội ra khỏi Nhà Nước, và không e ngại giáng đòn mạnh trên giới giáo sĩ và các Đức Giám Mục bị nghi ngờ là đứng ra bảo vệ các quyền giáo hoàng.

Đối mặt với "cánh hữu lịch sử này", cánh tả năm Hạ viện. Họ khác hẳn với cái chúng ta gọi ngày hôm nay là cánh tả. Những thành phần của cánh tả xưa này cũng xuất thân từ giới quí tộc và giàu có (trên con số 22 triệu người Ý, chỉ có 400,000 người có quyền bầu cử, và chỉ có 200,000 người thi hành quyền bầu cử này mà thôi).

Crispi, Depretis, Bertani, và những người lãnh đạo chính của cánh tả coi những việc cải tạo dân chủ ôn hòa là chương trình hành động của họ (tức là việc mở rộng quyền bầu cử) và một hành động chống giáo sĩ quyết liệt hơn.

Nước Ý, trước khi chiếm đóng vùng Latium (tức là những bang thuộc Giáo Hoàng) và ba vùng Vennezie có 22 triệu dân. 80% trong số họ không biết đọc biết viết, và con số các học sinh đại học chỉ là 6500 người. 70% người Ý sống tại miền quê và canh tác đất đai. Chỉ có 18% dân số làm việc trong ngành kỹ nghệ. Các tập đoàn kỹ nghệ lớn nhất là Ansaldo, tại vùng Ligurie (vùng ven biển của

xứ Genes) sử dụng đến 1000 công nhân. Các đường xe lửa đạt tới 2,000 cây số. Thương thuyền Ý đứng thứ ba trên thế giới, sau nước Anh và Nước Pháp.

Cuộc chiến chống lại bọn cướp và cuộc di dân vĩ đại

Trong năm 1861, tại miền nam nước ý khởi sự cuộc chiến chống lại các băng đảng cướp. Có lẽ đây là trang sử bi thảm nhất và đau đớn nhất của lịch sử Nước Ý.

Các "tên cướp" là những băng nhóm có võ trang là một số người trung thành với dòng tộc vua chúa tại Napoli và Hai vùng Cicilie gọi là Borboni; nhưng phần đa các băng nhóm nói chung là những băng nhóm lang thang, sống ngầm trong xã hội, cướp bóc và nhận tiền chuộc các con tin. Francesco Traniello viết rằng "Sự nở rộ của các băng đảng đưa ra ánh sáng những giới hạn của nền chính trị mà cánh hữu tự do theo đuổi. Cuộc thống nhất quốc gia đã bị coi như là một việc lạm dụng quyền lực, một cuộc đô hộ thực sự các xứ sở ở miền Nam nước Ý".

Các nhà chính trị Cánh Hữu biểu lộ một sự khinh bỉ đối với miền nam nước Ý: Ông bộ trưởng Farini viết: "Đó không phải là Nước Ý, mà là châu Phi. Những người Beduin so với những người thô lỗ (Nam Ý) này, phải được kể như tinh hoa của các nhân đức chân chính". Cho nên cánh hữu chống lại các băng đảng mà không động tới cái nguyên nhân đích thực của nạn bằng đảng: đó là việc vô chữ nghĩa chạm tới 90% dân chúng, cảnh khốn cùng xã hội, cuộc nổi dậy trong tuyệt vọng của cư dân thành phố chống lại một Nhà nước yêu sách thuế má nặng nề và đưa thanh niên đi xa qua các cuộc động viên bó buộc.

Cuộc chiến đấu chống lại các băng đảng cướp quả là một cuộc chiến tranh thực sự, được thực hiện với một đội quân 120,000 người, với các trận chiến, tình hình bao vây, các tòa án quân sự, các cuộc hành hình bằng vũ khí.

Hơn 5,000 tên cướp bị giết trong 5 năm từ 1860 đến 1865. Cuộc chiến tranh đi đến thắng trận, nhưng những vấn đề miền Nam Ý vẫn còn y nguyên. Những

cư dân miền nam bị đè bẹp và hạ nhục, đã bám víu một phong trào trốn tránh dưới cái tên "cuộc di dân". "Trong những năm liền sau 1861, tác giả Micae Marotta viết, cuộc di dân của người Ý mang lấy đặc tính của cả một khối đông, với mức trung bình hằng năm là 500,000 người".

Trong khi sai các nhà thừa sai đầu tiên của mình đi Achentina, Don Bosco nói với họ:

- Các con hãy ra đi tìm những người anh em của chúng ta tại đó mà sự cùng khốn và mạo hiểm đã dẫn họ tới những miền đất xa lạ.

Chiến tranh du kích tại Torino

Năm 1862 cuộc chiến giữa Nước Ý và Tòa Thánh nhằm chiến được Roma tái bắt đầu. Garibaldi với sự thỏa thuận của thủ tướng Rattazzi, rời Caprera, xuống tàu Palerme và chuẩn bị một cuộc xuất quân để chinh phục vùng Latium (là tỉnh Tòa Thánh) và thành phố Roma. Một mình đối diện với những phản ứng mãnh liệt của Napoleon III và các người Công giáo Ý, chính phủ quyết định cho quân đội ngoại quốc đem lực lượng võ trang thường trực ra chặn đường tiến quân của Garibaldi, người đã xuống tàu tại Calabra.

Ngày 29 tháng 8 xảy ra cuộc đụng độ tại chân núi Aspromonte (một ngọn núi cao 1,956 mét trên đỉnh dãy núi Calabre). Những lính kỵ binh của quân đội Ý do đại tá Pallavicini chỉ huy tấn công và bắt giam Garibaldi.

Ngày 15.9.1864, Nước Ý ký hiệp ước với Napoleon III. Hoàng đế chấp nhận rút quân Pháp đang đóng tại Roma để bảo vệ Đức Thánh Cha và chính phủ Ý hứa tôn trọng chủ quyền của Đức Giáo Hoàng trên thành Roma. Để chứng tỏ thiện chí, chính phủ thực hiện việc chuyển thủ đô từ Torino lên Firenza.

Vừa khi quyết định này được thông báo đến Torino, thì thành phố này bừng bừng lửa giận dữ. Ngày 20 tháng 9, sáu ngàn người tập họp tại Quảng Trường Castello và la hét: "Đả đảo nhà vua, hoan hô Nước Cộng Hòa!"

Ngày hôm sau, một đám đông đằng đằng sát khí tập hợp tai San Carlo để la hét phản đối tờ bào *Gazetta del Popolo* (*Báo tin của quần chúng).* Thình lình, trên những đường phố bên cạnh, đám dân đụng phải lính an ninh công cộng đi tuần tiễu với lưỡi lê mờ sẵn. Bị thương và chết. Đám đông buộc phải phân tán, nhưng sau đó lại tập hợp lại được một vài giờ sau đó, và bắt đầu tấn công tổng hành dinh của cảnh sát. Trong thời gian đó tại Quảng Trường Castello, đang diễn ra một cuộc biểu tình hòa bình. Nhưng thần kinh lúc ấy hết sức căn thẳng. Một đội lính cảnh sát nhận được lệnh bắn vào đám đông: mười người chết nằm trên những vỉa hè. Khi ấy cơn giận của quần chúng nổi dậy: Các văn phòng tòa báo Gazzetta bị phá hủy dưới lằn mưa đá gạch, các cửa tiệm buôn bàn ghế bị tấn công. Dân chúng cầm lấy khi giới. Ông bộ trưởng nội vụ sợ xảy ra một cuộc nội chiến, nên ra lệnh cho 28,000 binh lính và một trăm khẩu ca nông tràn vào. Các đại bác được đặt trên Đồi Các thầy Capuxin, miệng các khẩu đại bác quay về phía trung tâm thành phố.

Buổi chiều ngày 21 tháng chín, Don Bosco tập hợp tất cả các thanh thiếu niên lại dưới các lớp hành lang của nhà Valdocco để cầu nguyện cho Torino và cho dân chúng của nó.

Ngày 22, cuộc loạn đả lại bắt đầu từ 9g30 sáng. Một hàng những người lính cảnh sát mang khí giới canh gác tổng hành dinh của cảnh sát lại bị một trận ném đá tấn công. Hai người cảnh sát bị thương trầm trọng. Bị bức tới đường cùng, các ông bạn cảnh sát liền nã súng ngang tầm vai con người: Kết quả là 26 người chết.

Đức vua nổi giận, yêu cầu chính phủ từ chức. Vị thủ tướng mới được bổ nhiệm là tướng La Marmora. Những cuộc náo loạn ngừng lại, nhưng sau đó thành phố thủ đô đã sớm được đưa về Firenze.

Torino cảm thấy mình bị phản bội.

Cơn khủng hoảng tôn giáo: Kinh Thánh và lớp học về thị trường chứng khoán

Và chính Đức Thánh Cha cũng cảm thấy mình bị phản bội. Đức Piô IX thấy mình không còn được sự che chở về mặt quân sự của Napoleon III nữa, đã trở nên cứng cỏi trong các lập trường chống chủ nghĩa tự do của ngài. Xuyên qua văn bản *Syllabus (Bản liệt kê các tà thuyết),* ngài lên án tổng thể các "giáo thuyết hiện đại". Trong các dòng cuối cùng của tập tài liệu, Đức Thánh Cha chối việc Hội Thánh "có thể và phải dung hòa mình và liên minh với sự tiến bộ, với chủ nghĩa tự do và với nền văn minh hiện đại".

Đức Thánh Cha cùng với rất nhiều môi trường Công giáo, đã cảm thấy e ngại trước cơn khủng hoàng tôn giáo như có vẻ đang thay đổi bộ mặt thế giới.

Tác giả Traniello đã trích dẫn đoạn văn sau đây: "Các giới lãnh đạo mới và các chủ xí nghiệp thích chọn các lớp học về thị trường chứng khoán hơn là lớp học Kinh Thánh. Các khối đông quần chúng vô sản mới bị mất gốc và bị bóc lột, đã cải hồi một cách dễ dàng để gia nhập cuộc đấu tranh giai cấp hơn là sống theo các mối phúc của Tin Mừng. Việc rời bỏ các miền quê để lên các thành phố, những sự thay đổi chỗ ở do đòi hỏi của nghề nghiệp và nơi làm việc, các điều kiện sống mới và nói chung sự tan vỡ của cơ chế xã hội cũ tạo nên những thay đổi sâu xa trong lối suy nghĩ, làm quay ngược những đoàn lũ dân chúng quan trọng khỏi các vị cha xứ và mục tử của họ. Toàn bộ sự thể này mang dáng dấp một cuộc từ chối các nguyên tắc Công giáo truyền thống, một sự từ bỏ hay giảm thiểu việc thực hành Kitô giáo, và trên hết, một sự chống đối lại giáo quyền vẫn còn gắn chặt với một thế giới kể từ nay đã lỗi thời rồi".

Hoàn cảnh khủng hoảng này, vốn đã đạt tới tột đỉnh của nó trong cuộc chinh phục Roma của các nhóm quân đội Ý vào năm 1870, đẩy những người Công giáo tái bố trí lại lực lượng của mình, tự tổ chức mình như là "một quốc gia

trong một quốc gia". Để bảo toàn các giá trị riêng của mình và tạo nên những thế hệ mới trong bầu khí Kitô giáo, (trong sự song hành với các tổ chức của Nhà Nước chống giáo sĩ) các người Công giáo tạo nên các Hội "Công giáo" cứu trợ lẫn nhau, các nhà băng "Công giáo", các chi nhánh bảo hiểm "Công giáo", các trường trung học cấp II và III "Công giáo" để giáo dục con em của họ.

Don Bosco đã sống cách thâm sâu cái thời điểm lịch sử nước Ý này. Ngài động viên phần lớn các nỗ lực của ngài để mở "các trường Công giáo" tới mức đưa Tu Hội của ngài vào trong "giai đoạn mới": là giai đoạn của các trường học. Chúng ta sẽ nói rộng rãi hơn về đề tài này trong phần thứ hai của chương này.

Lịch sử không chính thức của giới thợ thuyền

Bên cạnh dòng lịch sử chính thức của nước Ý, diễn ra các biến cố khác, thường bị quên lãng bởi các sách kể lại lịch sử vĩ đại của nước Ý.

Những năm này chứng kiến "nỗi khổ to lớn" của dân nghèo. Các thợ thuyền tại Piemonte phải làm việc trong các xưởng thợ 12 giờ mỗi ngày với những đồng tiền lương buộc người ta phải ăn đói, không có sự tương trợ lẫn nhau, không có bảo hiểm xã hội. Những nông dân tạo thành một đa số rất lớn của dân chúng như chúng ta đã nói tới. Ngay vào tháng Ba, họ đã dẫn con cái khoảng 12 tuổi của họ tới chợ búa, để các chủ đất thuê chúng đi làm việc. Chuyện này đã xảy ra ngay vào thời Don Bosco còn là một em bé. Và chuyện này còn kéo dài rất lâu (và nó còn kéo dài cho tới tận năm 1981 trong một số vùng của nước Ý như Puglires, tức là vùng bàn chân của bán đảo Ý). Các người con gái thì chăm sóc "các bện tóc tóc dài" của chúng, rồi đem cắt đi và bán nó khi các em tới 18 tuổi: đó là phương thức tốt nhất để chuẩn bị món tiền hồi môn khi cưới hỏi.

Những đám di dân cũng rời khỏi Piemonte đang thiếu các luật lệ để điều hành công việc lao động và đảm bảo an sinh xã hội; những người di dân từng mùa một sang Pháp và Thụy Sĩ, còn những di dân vĩnh viễn thì qua Mỹ Châu.

Vào năm 1864 tại Luân Đôn khai sinh "Quốc Tế Những Người Lao Động Thứ Nhất". Vào lúc khởi đầu nó gồm ba trào lưu chính: phe Nghiệp Đoàn Anh nhắm đến các việc cải cách tuần tự để tạo điều kiện tốt hơn cho các người thợ, cho họ được tham dự trực tiếp hơn vào hành động chính trị; các môn sinh của nhà Xã Hội Pháp Proudhon đứng ra thúc đẩy cuộc đấu tranh giai cập và chủ nghĩa cộng sản Mac-xít và tìm cách thiết lập "các hợp tác xã thợ thuyền" để dần dần hủy bỏ chủ nghĩa tư bản; các người theo Mazzini vốn đã xây dựng tại nước Ý 450 "Hiệp Hội Công Nhân" với 120,000 người ghi danh.

Tuy nhiên dần dà từng chút một, Quốc Tế này bị thống trị bởi Các-Mác mà qua các cuộc thanh lọc kế tiếp nhau, đã loại bỏ những ai đã không suy nghĩ như ông ta và áp đặt chính các ý tưởng cộng sản của ông ta.

Trong cùng năm 1864 này, đức Cha Ketteler, Giám mục Mayenne, xuất bản cuốn sách *Vấn đề Thợ thuyền và Kitô giáo.* Đây là một chương trình của *nền Công giáo xã hội Đức*. Ngài yêu cầu sự can thiệp của Nhà Nước để lập nên bộ luật lao động và việc tiên liệu xã hội. Các luật này sẽ đảm bảo một mức lương tối thiểu, giới hạn các giờ làm việc, đảm bảo việc nghỉ ngơi hằng tuần, cấm đưa phụ nữ và trẻ con vào làm việc, cung ứng cho sự an sinh xã hội, tái lập lại sự quan trọng của các "xã hội cấp trung" giữa cá nhân và Nhà Nước: Đó là gia đình, thị trấn, các cơ chế địa phương, các hội tự do.

Dưới áp lực của các phong trào này và của các cuộc tranh đấu của giới thợ thuyền, những năm này đã chứng kiến được các cuộc chinh phục chậm chạp và gian khổ. Năm 1864, chính phủ của Napoleon III nhìn nhận các công nhân có quyền đình công. Năm 1866, chính phủ Bỉ nhìn nhận các nghiệp đoàn lao động đầu tiên (dưới áp lực mạnh của các hội đoàn Công giáo). Những việc thừa nhận trong các lãnh vực này được thể hiện tiếp theo tại Áo (1870), tại Anh (1878), và tại Pháp (1884).

Ngày 1 tháng năm 1866 bắt đầu một chiến dịch quốc tế nhằm giảm thiểu

ngày lao động thành 8 tiếng đồng hồ thôi. Người ta tính ra có đến 5,000 cuộc đình công và nhiều cuộc biểu tình. Khắp nơi cảnh sát và quân đội đàn áp dã man. Tại Chicago, có rất nhiều cái chết và các người lãnh đạo các cuộc biểu tình này đã bị treo cổ.

Trong mười năm sau cùng của thế kỷ XIX, hầu như tất cả mọi Quốc gia Châu Âu đều dùng các luật mới để giảm thiểu thời gian lao động của một ngày còn 10 giờ thôi, đồng thời cấm sử dụng lao động trọn thời gian đối với các trẻ trai dưới 13 tuổi, phê chuẩn các luật pháp về việc ngăn ngừa tai nạn, về vệ sinh, về ngày nghỉ Chúa Nhật. Giữa năm 1883 và 1889, do việc thôi thúc của những người Công giáo Phe Trung, và các người xã hội của Lasalle, chính phủ Đức ban hành luật bảo hiểm bó buộc chống lại các tai nạn, bệnh tật và tuổi già. Việc này sớm được bắt chước bởi các quốc gia Áo, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Bỉ và Ý.

"Thuế đánh trên cảnh đói của dân chúng"

Vào nằm 1868, dân quê Ý đã nghèo cùng cực, lại còn phải gánh chịu một thứ thuế độc ác: thuế "đánh trên bột mì". Việc say nghiền bột mì và lúa mạch đều bị đánh thuế nặng nề và điều này tác động mạnh đến những người chỉ có lương thực để sống là bánh mì và "bánh đúc lúa mạch Ý" (la polenta), tức là những kẻ nghèo nhất của xứ sở. Thế là dậy lên cả một làn sóng những cuộc nổi dậy nghiêm trọng nhất trong toàn thể đất nước. Traniello viết rằng : Chống lại những kẻ giết người này đôi khi vang lên khẩu hiệu: "Hoan hô Đức Thánh Cha và quân Áo!". Có hằng trăm người chết và bị thương. Nhưng chính quyền vẫn nhất quyết giữ y nguyên "thứ thuế đánh vào những người đói khổ" trên.

Ngay tại Nguyện Xá và trong các nhà khác của Don Bosco nơi các học sinh "nuốt trửng cả núi bánh mì nhỏ", thứ thuế trên bột mì này đã làm phí tổn gia tăng: "Bánh mì mắc mỏ khiến chúng tôi khốn khổ: Đó là lời Don Bosco viết vào những tháng đó.

"Những Trường Trung Học Salêdiêng" phát sinh

Bắt đầu từ năm 1863, với việc mở trường tiểu chủng viện Mirabello, Don Bosco đã được nhiều nơi tại nước Ý yêu cầu thiết lập không phải Nguyện Xá, mà là các trường trung học. Don Bosco chấp nhận (nhưng luôn luôn mở một Nguyện Xá tại chính nơi trường học đó).

Thế là trong vòng ít năm sau, Tu Hội Salêdiêng dấn thân làm việc trong các trường học để dạy dỗ các em tiểu học, trung học và nghề nghiệp.

Chúng ta đã nói đến lý do tại sao trong các trang trước. Sau đây là câu trả lời trọn vẹn của cha Pietro Stella: "Sự rộ nở của các trường Công giáo và việc nhân rộng chúng xảy ra vào nửa thứ hai của thế kỷ XIX, khi nền chính trị và pháp luật Ý càng ngày dựa trên những nền tảng của chủ nghĩa tự do… Sự bất đồng sâu xa giữa nước Ý theo Pháp quyền, được thiết định bởi lớp lãnh đạo và nước Ý đích thực, được tạo thành bởi các tầng lớp đông đảo của phe đối lập Công giáo và các lực lượng khác đang trên đà hình thành (đảng xã hội…), đưa đến kết quả là tại các trường công cộng Ý, có một đường hướng thế tục và rõ ràng chống giáo sĩ (với các cuộc đụng độ gây cấn về việc dạy tôn giáo tại các lớp học). Do phản ứng, sự việc trên khơi dậy nơi các người Công giáo một khuynh hướng tự tổ chức bản thân mình trong mọi lãnh vực: hội đoàn tôn giáo, các nhiệm vụ cứu trợ lẫn nhau, các ngân hàng bình dân, các hội bảo hiểm, *các trường trung học giáo dục các trẻ em,* nhắm nhiều hơn tới các tầng lớp trưởng giả loại nhỏ và dân chúng thợ thuyền và nông dân, hầu như là tạo nên một xã hội ở trong xã hội Nhà Nước.

Điều này cắt nghĩa tại sao vào năm 1863, người ta dự vào một sự nhân rộng các trường trung học, các trung tâm, các trường dạy nghề, các trường canh nông, các chủng viện mở ra hay điều hành bởi các người Salêdiêng với ưu tiên dành cho các học sinh nội trú… Trường học Salêdiêng góp phần tăng sức mạnh cho

các lực lượng Công giáo tại ý và trong thế giới qua công việc đóng góp một con số rất lớn các thế hệ người trẻ".

Các trường dạy học sinh học nghề gọi là *các trung tâm học nghề*. Chúng chỉ tiếp nhận duy có các em mồ côi và bị bỏ rơi". Ngược lại các *trường trung học* thì dành cho các học sinh, tuy nhiên cũng rõ nét là phục vụ cho các trẻ nghèo. Đó luôn luôn là ý muốn minh nhiên của Don Bosco.

Buổi chiều 7.3.1859, sau khi từ Roma trở về, ngài chuyển giao cho các Salêdiêng những lời căn dặn sau đây của ĐứcThánh Cha Piô IX: "Chúng con hãy chăm lo đến các em nghèo của quần chúng. Hãy giáo dục các trẻ nghèo và đừng bao giờ có các trường phục vụ các em nhà giàu và quí tộc. Hãy ấn định tiền học phí vừa phải. Đừng nâng giá học phí. Đừng nhận điều hành các nhà trường sang giàu. Nếu anh em giáo dục những trẻ nghèo, và sống nghèo, người ta sẽ để cho anh em sống yên lành và anh em sẽ làm được nhiều việc thiện" (*M. B.* Cuốn IX, tr. 566).

Thực tế tương ứng với các chỉ dẫn này, không chỉ trong các năm đầu tiên. Năm 1875, Don Bosco có thể viết: "Tại Alassio, Varazze, Sampierdarena, nền tài chánh hầu như là zêrô". Năm 1898, mười năm sau cái chết của Don Bosco, tại một trường ở Bologna do vị thư ký riêng của Don Bosco điều hành, có 181 em được sống trong đó. Con số các em mồ côi, được nuôi dạy hoàn toàn miễn phí là 69 em. Tiền ăn học nội trú toàn bộ hằng tháng là 25 lires chỉ có 33 em trả được thôi. Tất cả số còn lại là 99 em bình quân trả được nửa số tiền ăn học. Thu nhập hằng năm là 23,000 lires, còn tốn phí hằng năm là 46,000 lires. Một sự thiếu hụt thu nhập 100%, đó là một con số "lành".

Năm trường trung học đầu tiên

Năm 1864 khai sinh trường Lanzo. Don Bosco gửi cha Ruffino (24 tuổi) tới trong tư cách giám đốc cùng với 7 tư giáo. Cảnh nghèo khó và xập xệ làm bạn

hữu với họ suốt các tháng đầu tiên. Thầy tư giáo Sala sau này là Tổng Quản lý Tu Hội, viết lại rằng: "Căn nhà trống rỗng, một vài bức tường đã hư hỏng một nửa… Chẳng có ghế, bàn chuẩn bị các phần ăn và chúng tôi ăn trên một cánh cửa hư được đặt trên hai cái bộ ngựa. Các cửa sổ không có khuôn kiếng được đóng lại bằng các tấm khăn lau tay và các tấm chăn. Chúng tôi thì ngủ trên rơm rạ".

Năm thứ nhất trường có 37 học sinh nội trú, với một đám đông ngoại trú vô kỷ luật. Vào tháng ba, thầy tư giáo Provera do một cơn bệnh và sự kiết lực đã trở thành hoàn toàn không làm việc được. Sang tháng 7, cha giám đốc trẻ chết vì bệnh lao. Trường được trao phó cho bảy thầy tư giáo còn sống sót. "Chúng tôi làm việc rao sao ư? - cha Sala nhớ lại – Chúng tôi không muốn người ta nói trường tiến hành xấu bởi vì trường chỉ có duy chúng tôi là những thầy tư giáo trẻ điều hành thôi".

Năm tiếp theo sau Don Lemoyne tới điều hành trường, và mọi chuyện bắt đầu tiến triển tốt đẹp hơn.

Năm 1870 mở trường Alassio. Giám đốc là cha Cerruti, 26 tuổi.

Năm 1871 mở trung tâm dạy nghề Marassi, được chuyển về Samperdarena vào năm sau. Don Albera làm giám đốc ở tuổi 26. Trường bắt đầu với ba xưởng thợ cho các "trẻ em mồ côi và bị bỏ rơi". Ngoài các lớp dạy nghề, Don Bosco cũng muốn có một phân ban cho các trẻ em "nghĩ tới theo đuổi ơn gọi linh mục".

Năm 1871, 20 Salêdiêng vào *Trường Dân lập* Varazze. Don Francesia, một trong các học trò đầu tiên của Don Bosco, hướng dẫn họ. 20 Salêdiêng này đã mở trong ba năm một trường trung học tại Cherasco, nhưng họ đã buộc phải từ bỏ nó.

Don Bosco đến nói chuyện tại trường trung học và ngỏ với một đám đông dân chúng của vùng Varazze đang vỗ tay mừng ngài. Ngài tươi cười nói:

- Để cho các trẻ con theo học sinh sống, thì không cần dân chúng vỗ tay

trong không khí, mà hãy vỗ tay vào túi tiền! Nếu vào giờ ăn, tôi chỉ bằng lòng vỗ tay mà thôi… thì các trẻ em sẽ đứng lại!…

Năm 1878, Don Bosco tiếp nhận trường Valsalice cho các thanh thiếu niên con nhà quí tộc.

Đây là một thời kỳ nặng nề cho Tu Hội. Một Hội 7 linh mục Torino đã mở trên ngọn đồi Torino một trường trung học cho các thanh thiếu niên quí tộc, nhưng trường đã kết thúc trong cảnh vỡ nợ. Đức Tân Tổng Giám mục Gastaldi đang khi có những mối tương quan căng thẳng với các Salêdiêng, đã gọi Don Bosco đến và buộc ngài phải tiếp nhận lấy trường này. Don Bosco không muốn biết đến chuyện này. Từ lâu ngài đã khẳng định rằng: "Không có chuyện đó! Không bao giờ cả, bao lâu cha con sống! Đó sẽ là sự hư hoại của chúng ta". Nhưng Đức Tổng giám mục thì sẵn sáng buộc ngài phải tiếp nhận ngay cả bằng lệnh vâng lời.

Don Bosco trao vấn đề cho Công nghị của Tu Hội và tất cả mọi người đều có ý kiến tiêu cực. Ngài liền lên Lanzo để hỏi ý kiến cha Lemoyne, và cha này đã trả lời ngài: "Cha cứ từ chối đi. Cha đã chẳng nói đi nói lại rằng tiếp nhận các trường quí tộc sẽ đem sự suy sụp đến cho Tu Hội chúng ta, và chúng ta phải luôn luôn giữ vững lập trường phục vụ các trẻ em nghèo của dân chúng cơ mà?"

Sau cùng, để tránh đối đầu với quyền bính Giáo Hội, Don Bosco đã phải chấp nhận trường này. Trong suốt 5 năm, trường này là một gánh nặng cho Tu Hội. Có rất ít học sinh mà lại phải chịu một chi phí khổng lồ. Nguyện Xá Valdocco phải giúp đỡ trường bằng những đợt trợ cấp quan trọng về tiền bạc. Don Bosco đã cay đắng thốt lên rằng:

- Thật là những người nghèo lại phải đứng ra cứu giúp những người giàu!

Rốt cuộc, vào năm 1887, trường này đã trở thành sở hữu của nhà dòng sau khi đã trả một món tiến lớn là 130,000 lires. Thế là Don Bosco thay thế các học sinh con nhà quí tộc bằng các thầy chủng sinh Salêdiêng. Có một tấm bảng rất

lớn dựng ở cổng ra vào: *Chủng viện của các Vùng đất Thừa sai.* Vấn đề lương tâm của Valsalice sau 15 năm đã được giải quyết tốt đẹp.

Một bước ngoặt đánh dấu cho một nguyên tắc nền tảng

Chúng ta dừng lại ở đây danh sách các cơ sở mới được thiết lập. Khi Don Bosco qua đời, các nhà Salêdiêng rải rác trong sáu nước là 64 nhà. Con số Các Salêdiêng là 768.

Để kết luận, chúng tôi xin đưa ra một nhận xét.

Bắt đầu từ năm 1864, sau sự rộ nở của các Nguyện Xá và các *trung tâm dạy nghề,* còn phát sinh thêm *các trường trung học*.

Nguyện Xá Chúa Nhật (bao có thể hằng ngày nữa) vẫn tồn tại là "công cuộc thứ nhất của Tu Hội". Luật dòng Salêdiêng đã khẳng đinh như vậy và thực tế của hoạt động của Các Salêdiêng khẳng định điều đó. Nơi các công cuộc lớn lao mở ra tại Ý và Ác-hen-ti-na, Tây-ban-nha, Brasil, ta thấy tái sinh động cảnh trí náo nhiệt của Nguyện Xá Valdocco. Các đấng kế vị Don Bosco nhấn mạnh đến điều này; đối với tất cả mọi công cuộc Salêdiêng: thì cần có cạnh nó một Nguyện Xá.

Nhưng Don Bosco vào đầu năm 1864, đã nắm bắt được một nhu cầu mới của con cái của dân chúng; các trường học nghiêm chỉnh và có phẩm chất cung cấp một nền dạy dỗ chắc chắn và Kitô hữu. Đây chính là một bước ngoặt đối với Tu Hội: từ cảnh náo nhiệt của các Nguyện Xá, một số ngày càng đông Các Salêdiêng chuyển mình vào hàng ngũ lớp lang của các trường trung học.

Không ngại ngùng nắm bắt lấy bước ngoặt này, xem ra Don Bosco đã thiết lập một nguyên tắc nền tảng cho Tu Hội ngài:

Yếu tố thiết định có tính cách bất biến của sứ mệnh Salêdiêng chính là giới trẻ nghèo, các người con cái của dân chúng: Đối với họ, Các Salêdiêng buộc phải thích nghi công cuộc của họ hầu có thể đọc được cách nhanh chóng và can đảm các dấu chỉ và các đòi hỏi của thời đại. Tắt một lời, không phải giới trẻ nghèo khổ sẽ phải thích

nghi chính mình họ với các người Salêdiêng và các công cuộc Salêdiêng, trái lại chính Các Salêdiêng và các công cuộc của họ phải thích nghi với các đòi hỏi của giới trẻ bình dân.

Chương 41: MORNESE CŨNG GIỐNG NHƯ VALDOCCO

Ngày 24.6.1866, tại Nguyện Xá cử hành lễ Quan Thầy của Don Bosco. Các giám đốc của hai nhà Salêdiêng đầu tiên là Mirabello và Lanzo đã đến. Cha Lemoyne, giám đốc Lanzo kể lại rằng:

"Mặt trời đã lặn và mặt trăng lộng lẫy tỏa sáng bầu trời. Tôi lên phòng Don Bosco và ở lại một mình với Don Bosco trong hai tiếng đồng hồ. Trên các cửa sổ và vòng bảo vệ ban-công có đốt sáng hàng trăm và hàng trăm ngọn đèn đủ mầu sắc. Don Bosco và tôi, chúng tôi tiến ra phía cửa sổ. Quang cảnh thật là hấp dẫn. Don Bosco mỉm cười. Thình lình tôi thốt lên:

- Don Bosco, cha có nhớ đến các giấc mơ xưa không? Đây các bạn trẻ, đây các linh mục và các thầy tư giáo mà Đức Mẹ đã hứa với cha. Gần 25 năm đã trôi qua và bánh chẳng thiếu đối với bất cứ một ai cả.

- Chúa thật tốt lành – Don Bosco trả lời. Thế rồi chúng tôi lại rơi vào trong thinh lặng tràn đầy ngàn nỗi xúc động. Thế rồi tôi lại bắt đầu lên tiếng lần thứ hai:

- Don Bosco, cha không thấy là còn thiếu một cái gì đó để hoàn tất công việc của cha sao?

- Chuyện gì?

- Thế cha lại không nghĩ làm một cái gì đó cho giới trẻ nữ hay sao? Cha không nghĩ rằng chúng ta nên có một Tu Hội các sơ do cha sáng lập, đó sẽ là

triều thiên hoàn thành công cuộc của cha sao? Các sơ sẽ làm được biết bao nhiêu sự thiện cho các học sinh nghèo. Họ có thể làm cho các cô gái điều chúng ta làm cho các trẻ nam.

Don Bosco tư lự một chút, rồi nói:

- Phải, chuyện đó cũng sẽ được thực hiện. Chúng ta sẽ có các sơ. Nhưng không ngay lập tức; cần đợi một chút.

Cha Pietro Stella nghĩ rằng Don Bosco trong một thời gian đã nuôi một hy vọng là sẽ kết hợp lại với Tu Hội Salêdiêng những công cuộc của Marria – Louisa Clarac, một nữ tu Bác Ái đã làm việc không cách Nguyện Xá thánh Lu-y bao xa.

Kế hoạch này nếu Don Bosco đã thực hiện, cũng không có một tuổi thọ lâu dài.

Ngược lại trong các cuộc gặp gỡ với hai nhân vật: Don Pestarino và Maria Đomenica Mazzarello mang tính quyết định.

Dịch bệnh sốt nổi mụn, những tên phù thủy và con mắt soi mói

Năm 1860, giữa mùa hè, trên các ngọn đồi Mornêsê nổ tra dịch sốt nổi mụn. Cuộc chiến tranh giành độc lập lần thứ hai vào năm trước đó đã cất đi mạng sống của nhiều người cha gia đình. Giờ đây dịch sốt này phát xuất từ các giếng nước nơi nước tù tùng và thối ủng trong mùa hè, trải rộng nỗi khiếp hãi trong tất cả miền Alexandrina.

Giống như mỗi khi một nạn dịch sốt lây nhiễm phổ biến mọi nơi, người ta ưa nói đến các phù thủy và con mắt xấu. Vi trùng, vệ sinh, diệt vi trùng là những tiếng thời bấy giờ chưa ai biết.

Các gia đình nơi đồn là có nạn dịch thì bị mọi người từ bỏ. Những người lành lặn khóa mình lại nơi nhà riêng của mình.

Có một gia đình mang họ Mazzarello là một trong những nhà đầu tiên bị lây dịch bệnh. Trước hết là ông chồng, sau tới bà vợ, rồi các con cái của ông ta. Ít lâu sau người cha và đứa con bị chết.

Don Pestarino, vị linh mục mà người ta gọi là "vị linh mục nhỏ nhắn mà rất dễ thương" đi thăm giáo dân và nhận ra họ đang thực sự cần một người đến giúp đỡ họ. Ngài đi thẳng tới nhà có cha mẹ cũng mang họ Mazzarello và cô con gái tên là Maria. Nàng là một thiếu nữ mạnh khỏe, 23 tuổi. Nàng làm việc như một người đàn ông và cầu nguyện như một thiên thần.

- Tại nhà ông cậu, chú của con, có hai người sắp chết. Con nghĩ sao nếu mình tới giúp họ một tay?

Maria im lặng một lúc lâu. Cô cũng sợ như mọi người đều sợ. Vị linh mục tốt lành nhìn cô yên lặng và chờ đợi. Maria thì thầm:

- Nếu ba con bằng lòng, con sẽ đi.

Cha cô là một người tín hữu nghiêm chỉnh. Thế là Maria đi vào nhà đang lây bệnh. Trật tự và sự sạch sẽ vãn hồi ngay. Các phương thuốc và của ăn đã sẵn sàng vào đúng những lúc đã định trước.

Nhưng trong khi những người đau bệnh được chữa khỏi và xuống khỏi giường, thì bệnh dịch sốt lại chụp xuống thân Maria –Domenica. Khuôn mặt trái soan đẹp đẽ của cô trong có vài ngày đã trở thành một tam giác có nước da lợt lạt và căng thẳng. Thầy thuốc tới và lắc đầu; cái chết đã sẵn sàng ở đó cả rồi. Ông ghi toa thuốc… Nhưng cô Maria kiệt lực liền lên tiếng:

- Cháu cám ơn ông, nhưng xin ông vui lòng đừng ghi thêm những toa thuốc khác. Cháu sẽ không cần gì thêm nữa, trừ việc Chúa sẽ đến đón cháu thôi.

Nhưng giờ phút của cô đã không bao giờ đến cả. Cô còn phải làm việc nhiều trên trái đất này trước khi Chúa đến đem cô đi.

Thế là chẳng cần thuốc men, Maria đã bất chợt khỏi bệnh. Nét mặt cô lại đượm những mầu sắc của sự sống. Tuy nhiên tứ chi cô như có một sự mệt nhọc,

yếu đuối không thể vượt qua được. Cơn sốt quá lớn đã làm đổ vỡ toàn bộ cơ thể cường tráng của cô.

Vậy thì giờ đây mình phải làm gì đây? Có nhiều thanh niên muốn bàn chuyện hôn nhân với cô. Cô chẳng thiếu một đức tính nào để trở thành một người vợ và một người mẹ tốt. Nhưng cô không hề muốn dần mình vào những câu chuyện như thế. Cô tự hỏi: "Rồi tôi sẽ làm gì đây?"

Cô Maria Mazzarello đã ghi danh vào Hiệp Hội đạo đức các nữ tử của Đức Mẹ Vô Nhiễm. Ý tưởng của nhóm này xuất phát từ một nữ giáo viên của vùng xứ sở này, tên là cô Angela Macagno. Don Pestarino đã gợi ý cho cô viết một lược đồ về luật của Hiệp Hội. Sau đó ngài đã gửi nó tới tay cha Frassinetti, một cha xứ nổi tiếng ở Genova. Theo những lời gợi ý này cha Frassinetti sáng tác "một bộ luật của Hiệp Hội Đạo Đức Con Đức Mẹ Vô Nhiễm. Hội này mau chóng trải rộng ra khắp nước Ý.

Don Pestarino đã thiết lập "Hiệp Hội Đạo đức" thứ nhất tại Mornese ngày 9-12-1855 với 5 thanh nữ. Người trẻ nhất là cô Maria Mazzarello, 18 tuổi.

Maria Mazzarello có một bạn nữ mà cô không hề giữ bí mật nào với cô ta: đó là cô Petronilla, cũng là một người Con Đức Mẹ Vô Nhiễm. Một ngày nọ trong năm 1861, Maria nói với cô này rằng:

- Em đã quyết định học nghề may. Khi em đã biết rõ nghề này, em sẽ mở một xưởng và dạy cho các trẻ nữ nghèo. Chị có ưng làm nghề may không? Chúng ta sẽ ở với nhau; chúng ta sẽ sống chung như trong một gia đình thân ái.

Một năm trôi qua. Maria va Petronilla đã thiết lập một xưởng may vá nhỏ ở cạnh xứ sở của mình. Khoảng mười thiếu nữ đến học may. Thế rồi một chuyện mới xẩy ra làm đảo lộn mọi sự.

Bốn con mắt vẻ đầy hãi sợ

Vào mùa đông năm 1863, khi các thiếu nữ đi giày và mặc áo mưa chống tuyết, vừa rời xưởng may về nhà mình, thì Maria và Petronilla nghe tiếng gõ cửa. Họ mở cửa ra thì thấy một người đàn ông góa vợ, làm nghề buôn bán lưu động cùng với hai đứa bé gái. Ông ta xin gửi hai cô coi sóc chúng không những trong ngày mà còn cả trong đêm nữa, vì ông ta không ở nhà mình cũng chẳng chăm lo cho chúng được. Hai đứa trẻ mồ côi đứng đó, với những con mắt sợ hãi. Đứa lớn 8 tuổi, đứa nhỏ 6 tuổi. Petronilla cầm tay đứa lớn, còn Maria thì dắt đứa nhỏ. Họ đốt lửa lớn tại lò sưởi.

Thế là chẳng có chương trình trước, xưởng may đã biến thành một mái nhà nhỏ cho các trẻ nữ nghèo. Maria và Petronilla đi gõ cửa các người bên cạnh và mượn được hai chiếc giường và một ít bột để làm món cháo.

Khi dân chúng biết được tại Mornese các cô Mazzarello "đã tiếp nhận trong nhà mình những bé gái mồ côi", thì nhiều người đem củi, đôi chăn, nửa túi bột mì. Họ cũng mang cả những bé gái nhỏ đang cần một mái ấm. Ít lâu sau, nhóm trẻ đã lên tới 7 em.

Trước khi bắt đầu làm việc tại xưởng, các trẻ nhỏ đọc kinh Kính Mừng. Khi chuông nhà thờ vang lên báo hiệu giờ, cô Maria liền nhắc nhở: "Một giờ bớt đi trên trần gian, một giờ thêm vào trên thiên đàng". Cô muốn rằng các em học nghề của cô làm việc cho Chúa: "Mỗi một mũi kim là một hành vi tình yêu dâng lên Thiên Chúa".

Sáng ngày Chúa Nhật, Maria cũng muốn "làm sự thiện cho tất cả mọi trẻ nữ trong xứ mình". Một hình thức Nguyện Xá phát sinh. Trong các ngày lễ, hai bạn nữ tập họp các trẻ em lại, dẫn các em tới nhà thờ và giúp các em vui chơi hay đi dạo.

Một vị linh mục đi tìm việc làm

Cha Đominico Pestarino sinh tại Mornese; ngài được thụ phong linh mục năm 23 tuổi tại chủng viện Genova. Trong vài năm, ngài ở lại làm việc tại chủng viện, cho tới năm 30 tuổi, đáp lại lời mời trợ giúp của một vị cha xứ già, ngài đã trở lại quê hương. Ngài tự giới thiệu mình tại tòa giảng bằng những lời sau đây: "Tôi đi tìm công việc, không phải tại những cánh vườn nho của chúng ta, mà là tại đây, nơi nhà thờ, trong vườn nho của Thiên Chúa tốt lành. Có nhiều chỗ được cống hiến cho tôi, nhưng tôi ở đây giữa anh chị em nếu anh chị em cung cấp công việc mà tôi tìm kiếm".

Ngài gặp Don Bosco lần đầu tiên tại Genova, trong nhà cha Frassinetti. Nhưng cuộc gặp gỡ có tính cách quyết định là ở trên xe lửa, khi cả hai người ở tại xe lửa giữa thành phố Acqui và Alexandria. Don Bosco đề nghị ngài tới thăm Nguyện Xá Valdocco. Mấy tháng sau đó, Don Pestarino tới thăm Nguyện Xá.

Quang cảnh rất đông trẻ em đang lớn lên cách vui tươi trong một trường học làm việc và thấm nhuần đức tin làm cho người tới thăm viếng hết sức phấn khởi. Ngài nói với Don Bosco:

- Xin cha hãy đem con về với cha.

Don Bosco đồng ý để ngài trở thành Salêdiêng (trên thực tế, vào năm sau, Don Pestarino đã tuyên khấn), nhưng Don Bosco lại muốn ngài ở lại Mornese nơi có rất nhiều chuyện quan trọng khiến ngài trở thành tối cần thiết tại đó. Dẫu sao đi nữa, các mối tương quan với Don Bosco đã trở thành những mối tương quan của sự công tác và sự lệ thuộc. Kể từ giờ phút đó Don Pestarino tham gia các cuộc họp của các giám đốc Salêdiêng.

Tại Mornese trong thời gian đó, cũng có một điều mới mẻ khác. Hai người con của Đức Mẹ Vô Nhiễm xin với Maria và Petronilla để được "sống như họ". Khi họ hỏi ý kiến Don Pestarino, thì ngài trả lời:

- Tại sao không? Với hai chúng con mà thôi, chúng còn có quá nhiều chuyện để làm khiến chúng con không kham nổi nữa.

Thế là họ tạo thành một cộng thể: bốn cô gái dạy may cho các trẻ nữ và giữ vai trò các bà mẹ cho 7 đức bé gái ở với họ cả ngày đêm.

Năm 1864, như chúng ta đã nhắc đến trong chương 37, Don Bosco tới Mornese với các trẻ trai trong kỳ nghỉ hè – dã ngoại vào mùa thu. Ngài lưu lại đây 5 ngày, Maria Mazzarello tham dự bài huấn đức mà Don Bosco ban cho các con Đức Mẹ Vô Nhiễm. Mỗi buổi chiều cô cũng nghe các huấn từ tối Don Bosco nói cho các trẻ trai. Có người trách cô là không tiện lắm. Cô trả lời:

- Don Bosco là một vị thánh, em cảm nhận được điều này.

Vào năm sau, *Các Con Đức Mẹ Vô Nhiễm* chia ra thành hai nhóm. Những người đã quyết định sống đời cộng thể với Maria và Petronilla thì cư ngụ tại nhà cha Pestarino là nơi các cô thấy thuận lợi để cư ngụ hơn, và không xa nhà thờ giáo xứ lắm, và giữ nguyên tên *Các Con Đức Mẹ Vô Nhiễm*. Còn những người khác như Angelina Maccagno thì thích ở lại gia đình của họ hơn, và họ lấy tên của nhóm mình là *Các Chị Em Ursoline* mới.

Cuốn vở nhỏ bị lạc mất

Dân chúng Mornese tại khu gọi là Borgo Alto, xây dựng một trường trung học để cho các cậu con trai có các lớp để học. Don Bosco đã hứa là ngài sẽ gửi các Salêdiêng của ngài tới khi ngôi nhà xây xong. Cả xứ sở tham gia vào công trình, bằng những tiền dâng cúng hay góp ngày công lao động.

Năm 1867, ngôi nhà nguyện của Trường Trung Học hoàn thành. Vào tháng 12, Don Bosco đến cử hành thánh lễ tại đó. Ngài kêu xin Chúa ban các chúc lành của Người xuống trên trường học và dân chúng tại Mornese. Ngài dừng chân tại đó trong 4 ngày và ban một bài huấn đức cho nhóm Các Con Đức Mẹ Vô Nhiễm bé nhỏ này.

Năm 1869, Don Bosco thúc đẩy bước chuyển động để tiến hành việc thiết lập "gia đình thứ hai". Mắt của ngài giờ đây đã nhắm chắc vào các cô gái

Mornese, và không kèn trống, ngài gửi cho Maria và Petronilla một cuốn vở nhỏ "viết bằng chính tay của ngài, chứa đựng thời khóa biểu và một luật nhỏ để họ cùng với các cô gái nhỏ của họ bắt đầu sống một đời sống qui củ hơn" (*M. B.*, Cuốn X, tr. 591).

Cuốn sách nhỏ này đã bị lạc mất; Sơ Petronilla nhớ lại rằng "trong cuốn sách đó có những lời khuyên sau đây: Cố gắng sống thường xuyên trong sự hiện diện của Thiên Chúa; Cầu nguyện qua việc sử dụng các lời kêu cầu thường xuyên; giữ thái độ cư xử hiền lành, kiên nhẫn, dễ thương; để ý nhiều đến các trẻ nữ, luôn giữ cho chúng bận bịu với các công việc và chuẩn bị chúng cho một đời sống đạo đức, đơn sơ, thẳng thắn và tin tưởng" (*M.B*. Cuốn 10, Tr. 592).

Năm 1870, Don Bosco tới ở lại tại Mornese 3 ngày: để nghỉ ngơi hầu lấy lại đối chút sức lực của mình và cũng để quan sát gần đời sống cộng thể của các chị em. Ngài muốn thấy "cuốn vở nhỏ đó" có tác động gì nơi đời sống của họ. Ngài hoàn toàn mãn nguyện"

Ngày 30.1.1871, tại Nguyện Xá, Don Bosco họp các giám đốc Salêdiêng của ngài, có Don Pestarino tham dự và trình bày về sự phát triển tại Mornese.

Ngày 24.4.1871, Don Bosco họp Công Nghị Tu Hội. Hiện diện Don Rua, Don Cagliero, Don Saviô, Don Ghivarello, Don Durando, Don Albera. Ngài công bố quy tụ họ lại vì "một công việc có tầm quan trong lớn lao". Sau đây là những lời của ngài, theo biên bản cuộc họp:

"Một số lớn các nhân vật đã nhiều lần khích lệ cha hãy làm cho các trẻ nữ một ít điều thiện mà nhờ ơn Thiên Chúa chúng ta đã làm cho các trẻ nam. Nếu cha đã nghe theo những khuynh hướng cá nhân của cha, tất cha đã tránh thứ tông đồ này. Nhưng cha sợ mình đi ngược lại với dự định của Chúa Quan Phòng. Vậy, cha mời gọi chúng con suy nghĩ trước mặt Chúa để lấy một quyết định sẽ mang lại một vinh quang to lớn hơn cho Thiên Chúa và lợi ích to lớn hơn cho các linh hồn. Trong tháng này các lời cầu nguyện của chúng ta sẽ hướng nhiều

về việc xin Chúa ban cho chúng ta ánh sáng cần thiết trên công chuyện quan trọng này".

Khi không còn bột bắp để làm món cháo bắp

Felicina Mazzarello, em của Maria, kể lại cuộc sống trong những thời gian đầu tiên đó: "Chuyện vẫn thường xẩy ra là cộng đoàn thiếu đồ ăn cần thiết, nhất là bột bắp để làm món cháo bắp; và khi có được, thì lại thiếu củi để nấu chín cháo.

Thế là chị Maria cùng với một vài chị em khác của chúng ta đi ra cánh đồng và đến dưới các gốc cây để tìm củi khô, rồi vác đem về nhà, chuẩn bị đồ ăn. Khi cháo bắp đã nấu xong, họ đem ra sân, đổ ra đĩa lớn và đặt trên nền đất, rồi mời cả cộng đoàn tham gia bữa tiệc tuyệt vời này. Đĩa và thìa thì thiếu, nhưng chẳng thiếu thức ăn rất ngon và niềm vui chan hòa".

Vào cuối tháng Năm 1871, Don Bosco lại nhóm họp Công nghị để hỏi ý kiến các thành viên. Tất cả các vị đều nhận xét là thời giờ thuận lợi đã tới để phục vụ cho giới trẻ nữ. Don Bosco rút ra kết luận như sau:

"Trong trường hợp này, hiện nay chúng ta có thể nói rằng Thiên Chúa chắc chắn muốn chúng ta chăm sóc cho các trẻ nữ và để đi tới một cái gì cụ thể, cha đề nghị là nhà cha Pestarino vừa mới xây dựng xong tại Mornese thì được dành cho công cuộc này".

Vào giữa tháng sáu, Don Pestarino đã mời Don Bosco tới một cách khẩn cấp. Cha Pestarino tốt lành đã tường thuật về cuộc gặp gỡ này như là một buổi nói chuyện thanh thản và hoàn toàn như một lời truyền lệnh. Tuy nhiên cuộc đối thoại giữa hai vị có thể rất khác thế, rất sôi nổi và ý kiến rất trái ngược nhau, nếu chúng ta lưu ý đến lời sơ Petronilla kể lại rằng "thường khi cha Pestarino trở về nhà sau cuộc gặp gỡ với Don Bosco, vẻ ngài như đang ở trên tầng trời thứ bẩy, nhưng lần này ngài lại có vẻ rất ái ngại, rối rắm và lo lắng". Sau đây là lời kể lại của cha Pestarino:

“Don Bosco nói lên ước muốn của ngài là lo chăm sóc cho việc giáo dục Kitô giáo của các trẻ nữ, con cái của dân chúng, và tuyên bố rằng Mornese là nơi mà ngài coi là thích hợp nhất: các Con Đức Mẹ Vô Nhiễm ở đó có thể đáp ứng cho những tiếng gọi họ sống đời sống chung, tách biệt khỏi thế gian và bắt đầu một Tu Hội các Con Đức Mẹ Phù Hộ, phục vụ cho lợi ích của biết bao nhiều trẻ nữ của dân chúng. Don Pestarino không hề e ngại, đã trả lời rằng: “Nếu Don Bosco *(và đây chỉ là lời khẳng định của lời tường thuật lại của riêng cha Pestarino mà thôi)* muốn nhận lấy việc hướng dẫn và che chở Tu Hội, thì các cha sẵn sàng đặt bản thân cha trong tay ngài”.

Trong thời điểm này, tại nhà của Maria và Petronilla đã có các thiếu nữ khác cùng dấn thân như Teresa Pampuro, Caterina Mazzarello, Felicina Mazzarello, Gioavnnina Ferrettino và các em nhỏ tuổi hơn là Rosina Mazzarello Baroni, Maria Grosso, Corinna Arrigotti.

Hai khó khăn đặc biệt khiến cho cha Pestarino “ái ngại và bối rối là: Các thiếu nữ này là những Kitô hữu tốt nhưng không có ai trong số họ đã nghĩ đến việc trở thành các nữ tu. Don Bosco muốn trao trường trung học Borgo Alto này làm nơi ở cho các Con Đức Mẹ Phù Hộ; nhưng dân xứ này đã thực hiện công việc xây cất là nhắm đến sao để có được một trường trung học cho các lớp học của các cậu con trai của họ. Sự thay đổi sẽ gợi dậy hầu như là một cuộc cách mạng rồi.

Ý kiến của Đức Thánh Cha và sự bực bội của dân xứ đó

Trong tháng 6.1871 đó, Don Bosco đi Roma để trình bày kế hoạch mới của ngài cho Đức Piô IX. Sau khi đã xin một vài ngày sau để “suy nghĩ kỹ lại”, Đức Thánh Cha nói với ngài: “Kế hoạch của con hiện ra cho cha như là ý của Thiên Chúa. Cha nghĩ là các sơ này phải nhận việc dạy dỗ và giáo dục các trẻ nữ như là mục đích chính của Tu Hội, giống như Các Salêdiêng nam đã làm cho các trẻ nam.

Còn về việc các sơ này lệ thuộc vào ai, thì dĩ nhiên là lệ thuộc vào con và các người kế vị con. Theo ý này, con hãy nghĩ đến Hiến luật và hãy bắt đầu viết bản thảo Hiến luật. Những gì còn lại sẽ đến sau".

Ngày 29.1.1872, theo lệnh của Don Bosco, Don Pestarino tập họp lại 27 Con Đức Mẹ Phù Hộ để họ bầu bề trên thứ nhất của họ. Lá phiếu chọn Maria Mazzarello, nhưng cô khiếp sợ và xin các chị em miễn chước cho cô. Họ vẫn kiên quyết trong sự chọn lựa này và cha Pestarino quyết định trao toàn quyền quyết định lại vào tay Don Bosco. Maria cảm thấy yên lòng: Don Bosco chắc chắn biết rõ là cô không đủ khả năng, nên chắc chắn sẽ miễn chước cho cô khỏi gánh trách nhiệm. Ngược lại Don Bosco biết rõ cô đủ khả năng như thế nào và xác nhận cô trong trách nhiệm bề trên khiến cho cô không khỏi bồn chồn lo lắng.

Giờ đây phải làm sao để cho các Con Đức Mẹ phù Hộ có được một chỗ ở vững bền. Nhưng làm sao để tiến hành được mà không làm dấy lên sự bất mãn của dân trong xứ sở? Một diễn tiến giúp thực hiện giải pháp này. Số là nhà của cha có nguy cơ sụp đổ. Chính quyền thị xã đã quyết định đập nó xuống và xây dựng lại. Trong khi chờ đợi, chính quyền xin cha Pestarino cho cha xứ được sử dụng đến căn nhà mà cha Pestarino có ở gần nhà thờ.

- Thế còn các cô gái đang dạy lớp may và nuôi dạy, cung cấp chỗ ăn chốn ở cho chúng, thì đi đâu?

Các vị trong ban hội đồng xã suy nghĩ và gợi ý:

- Cứ gửi các cô ấy đến trường đang xây dựng ở Borgo Alto. Tại đấy có tầng trệt đã làm xong và chưa có ai ở.

Don Pestarino thở phào sung sướng: Người ta đã ra lệnh cho cha làm điều cha không dám xin. Việc di chuyển chỗ ở được thực hiện bằng các chiếc xe của dân quê mà không quên dời các nong nuôi tằm là một trong những nguồn tài nguyên sinh lời quí báu của đám các cô gái nghèo này.

Ngay lập tức, việc di chuyển không khơi dậy một sự ngạc nhiên nào. Nhưng tiếng đồn lan rộng ra trong xứ sở rằng các Con Đức Mẹ (mà con số tăng thật nhanh) kể từ nay sẽ chiếm ngôi trường trung học mất để tạo thành một Tu Hội mới. Lập tức nổi lên "những tiếng than phiền dai dẳng và tiếng phản đối chung" (*M. B.* Cuốn X, tr. 613). Sử gia Writh thì viết chi tiết hơn nữa: "Dân chúng tại Mornese gào lên rằng dây là một sự phản bội. Các Con Đức Mẹ Phù Hộ bước những bước đầu tiên trong một bầu khí không được thông cảm, hầu như là thù nghịch. Và điều tệ hại đó cộng thêm vào với cảnh khó nghèo và thiếu thốn đã quá lớn rồi".

"Trong xứ sở đồn đại lời ra tiếng vào rằng những chuyện này chẳng kéo dài được lâu đâu – như lời sơ Felicina mazzarello viết. Theo kiểu loài người mà nói, thì đó là chuyện đương nhiên thôi vì các cô thiếu thốn mọi sự. Tuy nhiên cô Maria – Domenica chẳng sợ hãi. Cố tiếp tục cuộc sống mệt nhọc và hy sinh của mình. Tòa nhà đang xây dựng chưa hoàn tất, cô cả ngày lo lắng dồn dập lại. Còn việc giặt giũ thì thế nào? Con sông Roverno chẳng xa xứ Mornese mấy. Ngày giặt quần áo đến, cố lấy một ít bánh đem theo, hay một mảng lớn cháo bột bắp đặc, rồi cô đi tới con sông cùng với một số các bạn hữu. Tại đó các cô làm công việc giặt giũ của mình. Cô trở về nhà mệt nhọc và quần áo ẩm ướt, cô lập tức lo cho các chị em khác thay quần áo và chuẩn bị cho họ một thứ đồ ăn ấm áp nào đó. Cô thực sự là một người mẹ dào dạt tình thương".

Mùi thơm của nắm hạt dẻ

Ngày 5.8.1872, mười lăm Con Đức Mẹ Phù Hộ nhận áo dòng. Mười một người trong số họ cũng khấn ba năm sống trong Tu Hội, trong đó có cô Maria Mazzarello.

Đức Cha Sciandra trao thánh giá cho 15 sơ:

- Các con tốt lành, hãy nhân lấy hình ảnh của Đức Giêsu yêu dấu của các con. Ngài sẽ là sự an ủi cho các con trong những khó khăn mà các con sẽ gặp phải.

Don Bosco dự lễ nhận áo dòng và tuyên khấn. Sau đó với sự đơn sơ đầy âu yếm, ngài nói:

- Các con phải chịu khổ cực, cha tin điều ấy bằng chính mắt cha, bởi vì cả thế giới đều nghịch lại với các con, diễn cợt các con; ngay cha mẹ các con cũng quay lưng khỏi các con. Các con đừng ngạc nhiên. Trong kinh phụng vụ kính Đức Trinh Nữ, các con đã đọc: "Cây cam tùng của tôi tỏa hương thơm ngát". Các con có biết khi nào cây cam tùng tỏa hương thơm chăng? Khi nó bị đập nát. Các con rất thân mến, chớ gì chuyện các con bị đối xử thậm tệ như các con hiện nay trên trần gian này không làm cho các con kinh ngạc. Các con hãy can đảm lên và tự an ủi mình vì chỉ bằng cách thế như vậy các con mới trở nên có khả năng thực thi sứ mệnh của mình. Nếu các con sống một cách xứng đáng với hoàn cảnh của các con, các con có thể làm ích cho linh hồn các con và cho linh hồn những người bên cạnh các con".

Cảnh nghèo nàn của họ đúng là đang gần như là cảnh khốn cùng. Món ăn chính của cộng đoàn là món cháo bắp và những hạt dẻ luộc. Một sơ của những thời ban đầu kể lại rằng: "Mùi thơm của nắm hạt dẻ này bắt đầu tỏa ra từ hai giờ trước đó và làm chúng tôi ngây ngất".

Nhiều sơ sử dụng khúc gỗ cuộn giẻ làm cái gối đầu. Toàn bộ những chiếc gối nhỏ có trong nhà đều dành cho các trẻ nhỏ. Maria Mazzarello đã không muốn cho các sơ trẻ phải thực hành việc đền tội này, nhưng mẹ không thể nào cắt nghĩa nổi tại sao chính mẹ là người đầu tiên đã nghĩ ra cách thế đền tội đó.

Cái chết gõ cửa

Ngày 29.1.1874, cái chết lần đầu tiên len lỏi vào trường trung học. Maria Poggio, một sơ trẻ thuộc nhóm đầu tiên, đã ra đi. Cô sống vui tươi, luôn sẵn sàng giúp đỡ, nên hữu ích cho mọi người, và trông nom các người đau ốm. Cô phải chịu đói và lạnh rét trong mùa đông năm ấy! Cô đã ra đi trong sự thinh lặng, chẳng làm phiền ai.

Đám tang của cô sơ trẻ tuổi này đã qui tụ toàn thể dân làng lại. "Nhiều người khóc", cha Pestarino nhớ lại. Điều đó tái tạo lại sự hòa bình giữa dân chúng và các cô thanh nữ xanh xao đang theo hàng tiến bước trong bộ áo các sơ và lần tràng hạt này. Kể từ ngày hôm đó, bột bắp để nấu cháo và bột mì để làm bánh không còn thiếu trong kho nữa.

Nhưng cái chết vẫn còn đến gõ cửa nhà.

Ngày 15 tháng Năm, Don Pestarino đọc cho các sơ nghe một trang sách về sự vắn vỏi của cuộc sống. Ngài nói: "Có lẽ cái chết sẽ bắt chộp lấy tôi trong vòng một năm, trong vòng một tháng, hay một tuần, hay một ngày, một giờ, hay có thể ngay trong lúc đọc sách này!" Vào lúc đó, vị linh mục bật khóc. Các sơ đều rối loạn.

Vào 11 giờ trưa, đang khi ngài làm việc, ngài đã ngã xuống đất. Ngài chết vài giờ sau đó. Ngài hưởng dương 57 tuổi.

Họ lập thành nhóm ba người, lên đường dưới cảnh tuyết rơi

Ngày 9.12.1876, dưới cảnh tuyết rơi, ba sơ đầu tiên lên đường. Họ đi tới Vallecrosia, miền Liguria, để mở một Nguyện Xá và một trường cho các thiếu nữ.

Ngày 19.3.1876, 7 sơ khác lên đường tới Torino. Cách Nguyện Xá của Don Bosco 50 mét, các sơ khai mạc một Nguyện Xá và một trường cho trẻ nữ. Nhà này sẽ trở thành suốt 40 năm nhà trung tâm của các Con Đức Mẹ Maria Phù Hộ.

Trong năm 1876, 26 sơ lên đường từ nhà Mornese: các sơ đã mở các trường và Nguyện Xá tại Biella, Alssio, Lu Monferrato, Lanzo Torinese. Một nhóm 7 sơ lên đường tới Sestri Levante. Họ đi thiết lập một trại tại vùng biển cho các trẻ nam và nữ bị bệnh lao. Giữa đám trẻ mặt mũi ghê sợ này, có sơ Henriette Sorbone làm việc với một niềm vui thanh thản. Sơ xưa kia là một em bé mồ côi, dắt theo bốn em nhỏ của mình tới nhà Mornese.

Năm 1878, các Con Đức Mẹ Phù Hộ đã trở thành một gia đình đông đảo, tỏa ra khắp thế giới. Theo lệnh của Don Bosco, trung tâm của Tu Hội chuyển từ Mornese đến Nizza Monferrato. Đối với Maria Mazzarello, đây là một nỗi đau xé lòng. Cô chào biệt cha mẹ tuổi đã rất cao, rồi tới nghĩa trang thăm mộ cha Pestarino và chào biệt căn nhà nhỏ nơi cô đã học may cho các trẻ nữ đầu tiên.

Không bao giờ chuyện làm bề trên tổng quyền làm mẹ Mazzarello đánh mất sự nhạy bén với những mối tương giao và tiếp xúc. Mẹ tiếp tục hộ trực các trẻ nữ nhỏ nhất tại nhà ngủ, với con mắt chăm chú và trìu mến. Một em bé mà vì chứng sưng buốt ngồi co quắp, khoanh tròn chân tay, ép lại cùng nhau, rồi lén đưa mắt xem có ai nhìn thấy em, sau đó để nguyên quần áo, chui vào trong chăn chân vẫn đi giày… Mẹ Mazzarello thấy cảnh em này đang làm, nhưng không nói gì cả. Mẹ xuống nhà bếp lấy một chậu nước ấm, ống đo nhiệt độ, và vải len. Mẹ đặt toàn bộ những thứ đó gần bên giường em rồi thì thầm:

- Bây giờ con hãy đưa chân cho mẹ xem. Đừng sợ, mẹ sẽ không làm cho con đau đâu.

Cái chết đến với những bông hoa của tháng Năm

Tháng Giêng năm 1881, các sơ bắt đầu nhận thấy sức khỏe của Mẹ Mazzarello suy giảm. Có người thì thầm với mẹ rằng mẹ phải để ý tới sức khỏe của mình, nhưng mẹ mỉm cười trả lời:

- Sẽ tốt hơn cho mọi người nếu mẹ ra đi. Như vậy người ta sẽ có thể chọn một bề trên có khả năng hơn mẹ.

Cơn bệnh của mẹ trở nên tệ hại hơn khi mẹ hành trình cùng một nhóm các sơ được sai đi truyền giáo tại châu Mỹ. Vì thời tiết xấu, mẹ buộc phải qua đêm nằm co quắt trong một góc xó, vẫn mặc y nguyên quần áo và run rẩy vì cơn sốt. Sáng ra, mẹ không thể dậy khỏi giường. Sau đó chút ít, mẹ đã hết sức cố gắng đứng dậy để đi theo các con của mẹ cho tới bến cảng. Nhưng sau vài giờ mẹ không thể chịu nổi nữa.

Bị viêm màng phổi nghiêm trọng như thầy thuốc chuẩn bệnh. 40 ngày cảm sốt và ở xa nhà mình, với cách chữa duy nhất là hành hạ da lưng mình bằng giác hơi là cách thức chữa bệnh duy nhất được biết tới vào thời bấy giờ và khiến cho lưng của mẹ xưng dộp lên.

Thế rồi cơn sốt biến mất, nhưng thầy thuốc phán một cách minh bạch và hung hãn là mẹ chỉ còn có thể sống được ít tháng nữa thôi.

Trở về Nizza, mẹ gặp Don Bosco và nói với ngài:

- Thầy thuốc nói quá rõ. Thưa Don Bosco, con còn có thể chữa khỏi bệnh được nữa chăng?

Don Bosco không trả lời thẳng vào câu hỏi mà chỉ kể cho mẹ nghe một câu chuyện:

- Có một hôm, thần chết đến gõ cửa một tu viện. Thần chết nói cho tất cả các sơ rằng: "Hãy đến theo ta!"; nhưng tất cả họ đều khựng lại vì họ còn có nhiều chuyện phải làm. Cuối cùng thần chết đến với bà bề trên và nói: "Này đến lượt bà phải làm gương tốt đấy nhé. Hãy đi với ta!" Bà bề trên buộc phải chấp nhận và vâng lời".

Mẹ Mazzarello hiểu, mẹ cúi đầu và cố gắng mỉm một nụ cười.

Xanh xao và kiệt sức, mẹ trở về Nizza. Buổi lễ lớn các sơ tổ chức để đón mẹ về khiến mẹ hết sức cảm động. Mẹ chân thành cảm ơn:

- Trên trần gian dù có chuyện gì xẩy ra đi nữa, chúng ta đừng có vui quá hay buồn quá. Chúng ta luôn ở trong vòng tay của Thiên Chúa, ngài là cha chúng ta, và chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng làm điều ngài muốn.

Kết cuộc xẩy ra vào mùa xuân. Qua các khung kính cửa sổ, mẹ thấy cảnh cây xanh và hoa nở. Mẹ thích nghe tiếng của các trẻ nữ chạy nhảy và vui chơi không tư lự. Mẹ còn muốn nói với các sơ của mẹ:

- Các con hãy thương yêu nhau. Hãy đoàn kết. Các con đã từ bỏ thế gian; các con đừng tạo nên một thế gian khác ở trong nơi này. Các con hãy nghĩ đến điều khiến các con vào Tu Hội.

Mẹ chịu đau khổ, nhưng không muốn làm buồn lòng một ai. Mẹ cố gắng hát. Thiên Chúa đến tìm mẹ vào sáng sớm 14 tháng Năm. Mẹ thì thầm nói lên được tiếng "Hẹn gặp lại trên trời". Mẹ đạt được 44 tuổi.

Caterina Daguero, một sơ còn rất trẻ với 25 xuân xanh, được gọi kế tục mẹ đứng đầu các con Đức Mẹ Phù Hộ. Sơ đã vào Dòng lúc 18 tuổi. Mẹ Maria Mazzarello đã giúp cho cô bé vượt thắng nỗi buồn và gian khổ của các ngày đầu tiên. Năm 1879 sơ đã trở thành giám đốc công cuộc Torino. Sự gần gũi với Don Bosco đã thức tỉnh nơi sơ sáng kiến thiết lập một Nguyện Xá và một trường học, làm lộ ra những phẩm chất sâu xa: sự vững vàng, quân bình và lòng tốt.

Dưới sự thúc đẩy của bề trên mới, các Con Đức Mẹ Phù Hộ (FMA) phát triển các công cuộc tại Ý, Pháp, Nam Mỹ. Khi Don Bosco qua đời, họ đã đi được một hành trình dài: Họ điều hành 50 nhà, con số các sơ đạt đến 390 và các tập sinh lên đến cả trăm người.

Chương 42: CUỘC CHINH PHỤC RÔMA VÀ CƠN RÙNG MÌNH CỦA SỰ CHẾT

Vào năm 1870 xảy ra hai biến cố quan trọng trong lịch sử của Hội Thánh và của nước Ý: Công đồng Vaticano I và việc quân đội Ý chiếm thành Rôma.

Công đồng ở Rôma và phản-công đồng tại Napoli

Công Đồng chính thức khai mạc ngày 8.12.1869. Đức Piô IX nêu lên hai mục tiêu chính: một là trình bày giáo thuyết Công giáo đối lại với những sai lầm của thời hiện đại và việc định tín sự bất khả ngộ của Giáo Hoàng.

Ba trăm năm đã trôi qua kể từ Công Đồng cuối cùng là công đồng Trento kết thúc. Đức Piô IX ngỏ lời kêu gọi đầy hối thúc tới các Giám mục của Hội Thánh ly khai Đông phương để mời họ tham dự Công Đồng Vaticano I. Những vị này đã trả lời tiêu cực và thiếu lịch thiệp.

Các người phái Thệ phản cũng được mời tham dự, nhưng công thức mời nói đến "cơ hội tốt lành để trở về với đoàn chiên duy nhất của Chúa Kitô" nghe không mấy thuận tai đối với họ.

Phe Tam điểm Ý, một tổ chức ngầm có những nghi thức riêng chống Giáo Hội, trong thời đại chống giáo sĩ dữ dằn, đã công bố một "phản công đồng" tại Napoli và tiếp nhận sự tán đồng đầu tiên đến từ Giuseppe Garibaldi và văn hào Vitor Hugo. Trong nhiều tỉnh những cuộc biểu tình của quần chúng đã được tổ chức để công bố "một cuộc chiến tranh quyết liệt với Đức Giáo Hoàng".

Số các Đức Giám mục tham dự Công đồng gồm: 200 Giám mục Ý, 70 Giám mục Pháp, 40 Giám mục Áo-Hungary, 36 Giám mục Tây Ban Nha, 19 Giám mục Ái Nhĩ Lan, 18 Giám mục Đức, 12 Giám mục Anh, 50 Giám mục Đông phương, 40 Giám mục Hoa Kỳ, 9 Giám mục Canada, 100 Giám mục của các quốc gia khác và của các lãnh thổ truyền giáo. Cùng với các Đức Giám mục, còn có cả các Dòng tu và các Tu Hội đại diện tham gia. Toàn bộ là 700 Nghị Phụ Công Đồng.

Ngày 20.1.1870, Don Bosco đi Rôma và tới đó vào ngày 24. Ngày 8 tháng Hai, ngài có hai cuộc bệ kiến tư với Đức Thánh Cha. Đức Piô IX xin ngài cho phát hành giữa dân chúng một cuốn sách lịch sử nhỏ nêu rõ sự bất khả ngộ của Đức Thánh Cha. Don Bosco đã vâng lời vào cuối năm đó: ngài gửi tới tất cả mọi độc giả của *Báo Đọc Công giáo* một ấn bản mới của cuốn *Lịch Sử Hội Thánh* của ngài, với một phần cuối dành để nói về Vaticano I và sự bất khả ngộ.

"Trời Cao nói với vị Mục tử của các mục tử"

Trong một cuộc bệ kiến kế tiếp (vào ngày 12 tháng Hai), Don Bosco trao vào tay Đức Thánh Cha những trang sách về "các sự thấy trước liên quan đến tương lai". Những dòng chữ đầu nói: "Vào buổi chiều vọng lễ Hiển Linh năm 1870 đang diễn ra, các vật trong phòng của con biến mất và con đang trong sự chiêm ngưỡng các điều siêu nhiên. Việc này kéo dài rất ít thời gian, nhưng con thấy được rất nhiều điều". Bản tường trình (mà chúng ta còn giữ lại được bản viết tay của chính Don Bosco) được viết trong một văn thể giàu tưởng tượng, tiên tri, trộn lẫn các lời công kích, các dự kiến, các lời kêu gọi thường có tính cách huyền bí và lẫn lộn. Đoạn văn đánh động Đức Thánh Cha nhất (và cũng là đoạn đủ rõ ràng cho chúng ta nữa) là đoạn sau đây:

"Bây giờ là tiếng nói của trời cao cho vị Mục tử của các mục tử: Ngươi đang ở giữa Phòng Hội Lớn cùng với Bồi thẩm đoàn của ngươi; nhưng kẻ thù của sự

thiện không một chút nghỉ ngơi. Nó nghiên cứu và sử dụng đến tất cả mưu đồ chống lại ngươi. Nó gieo vãi sự bất hòa giữa các vị Bồi thẩm của ngươi, khơi dậy các kẻ thù trong số các con cái ngươi. Các quyền lực của thế kỷ này mửa ra lửa và cố gắng bóp nghẹt các lời trong họng của các kẻ gìn giữ luật của ta. Điều ấy sẽ không xảy ra được. Chúng sẽ làm sự dữ, nhưng lại tạo ra sự dữ cho chính mình chúng. Còn ngươi, hãy tiến nhanh hơn. Nếu người ta không có thể gỡ mối cho các khó khăn, thì hãy cắt đứt chúng. Nếu ngươi phải rơi vào những nỗi khổ não, thì đừng dừng bước. Nhưng hãy tiếp tục cho tới khi đầu Con Rắn Biển gây ra sự khủng khiếp bị chặt đứt. Cú đánh này làm cả trái đất lẫn hỏa ngục run rẩy. Nhưng thế giới này sẽ tìm lại được sự an ổn và những kẻ tốt lành sẽ hoan hỉ. Vậy ngươi hay gọi hai người Bồi thẩm đến gần ngươi thôi, nhưng bất cứ ngươi đi dâu, ngươi hãy tiếp tục và hãy hoàn tất công cuộc đã được trao phó cho ngươi.

"Những ngày qua đi nhanh, các năm sống của ngươi đang tiến đến con số đã được xác định. Nhưng vị Nữ Hoàng Vĩ đại sẽ luôn luôn là sự phù hộ cho ngươi và cũng như trong quá khứ, Mẹ luôn luôn trong tương lai sẽ vẫn là *magnum et singulare in Ecáclesian praesidium (Đấng Phù Hộ vĩ đại và độc nhất của Hội Thánh)".*

Hai mươi dòng sau đó, Don Bosco nói về tương lai của Đức Thánh Cha:

"Giờ đây ngài già nua, yếu đau, không được bảo vệ; bị bóc lột. Tuy nhiên, với lời nói lôi cuốn, ngài sẽ làm cho thế gian run sợ". (Việc chiếm Nước Tòa Thánh sẽ xẩy ra vào ngày 20.9.1870).

Những lời đe dọa đen tối trên Nước Pháp

Trang của những điều "dự kiến" vào tháng Hai năm 1870 mà xem ra là trang có tính cách không thể nào tin nổi nhất chính là trang nói về nước Pháp. Vào thời đó, Napoleon III còn là ông vua quyền lực nhất của Châu Âu. Cuộc chiến thảm bại chống lại nước Phổ (nó xẩy ra vào ngày 19.7.1870) và cuộc thảm sát ở Công

Xã Paris (trong thời gian từ tháng Ba đến tháng Năm) là chuyện không thể nào nghĩ tới được. Sau đây là các lời Don Bosco viết:

"Các luật pháp của nước Pháp không còn biết đến Đấng Tạo Thành nữa, và Đấng Tạo Thành sẽ tỏ cho nó biết và viếng thăm nó ba lần với cây gậy của cơn lôi đình của Ngài.

Ngài sẽ đánh hạ sự kiêu ngạo của nó bằng những lần bại trận, cướp đoạt và phá hủy các mùa gặt, xúc vật và con người của nó. Các kẻ thù của nó sẽ đưa nó đến cảnh khổ ải, đói và sợ hãi cùng cách đáng ghê tởm đối với các nước. Nhưng khốn cho ngươi nếu ngươi đã không nhìn nhận bàn tay của Đấng đánh ngươi… Người sẽ rơi vào tay những kẻ xa lạ và những kẻ thù ngươi sẽ thấy từ xa các dinh thự ngươi giữa những ngọn lửa. Các nơi ở của ngươi sẽ trở thành một đống hoang tàn đẫm trong máu của các anh hùng của ngươi đã biến mất".

Trong những ngày sau, Don Bosco đã gặp gỡ nhiều vị Giám mục và sử dụng uy tín mà ngài có để khích lệ các ngài tiến hành mau chóng tín điều bất khả ngộ. Có vẻ như sự can thiệp mang tính cách mạnh mẽ nhất của ngài là ở nơi Đức cha Gastaldi, khi ấy là Giám mục Saluzzo và là một người bạn lớn của ngài.

Don Lemoyne quả quyết rằng Đức Piô IX thật hài lòng với nhiệt tình của Don Bosco nên một ngày kia đã nói với ngài:

- Con không thể từ giã Torino để đến ở lại tại Roma chăng? Liệu Tu Hội của con có vì thế mà bị thiệt hại không?

- Thưa Đức Thánh Cha, đó sẽ là sự tiêu tan của Tu Hội! (*Đời Sống Thánh Gioan Bosco*, Cuốn II, tr. 44).

Don Bosco rời Rôma ngày 22 tháng Hai.

Ngày 24 tháng Tư, Công đồng phê chuẩn tài liệu *Dei Filius (Con Thiên Chúa)* với sự nhất trí hoàn toàn. Đây là một tài liệu trình bày cô đọng và rõ ràng giáo thuyết Công giáo về Thiên Chúa, Mặc Khải và đức Tin. Nó nhấn mạnh cách

riêng tới ý tưởng là khoa học và đức tin một khi được hiểu cách đúng đắn, thì không thể đối nghịch lại nhau, bởi vì cả hai đều đến từ Thiên Chúa.

Liệu Đức Thánh Cha có thể bất khả ngộ?

Vào ngày 15 tháng Năm, tại phòng họp khoáng đại của Công đồng bắt đầu cuộc thảo luận về sự bất khả ngộ của Đức Thánh Cha. Cuộc thảo luận chung tiếp tục cho đến ngày 4 tháng Sáu. Đức Hồng Y Bonnechose ngày hôm đó đã viết trong cuốn sổ tay hoạt động của ngài rằng: "Người ta nói chúng tôi hành trình một cách khó khăn trên một con tàu bị sóng đánh trong đó mọi người đều bị say sóng".

Có hai trào lưu phân rẽ giữa các Nghị Phụ khi phải đối diện với những cuộc thảo luận cam go ở bên trong cũng như bên ngoài Công đồng. Phần đa số ủng hộ sự bất khả ngộ. Thiểu số (gồm khoảng 60 Giám mục Đức, Pháp, Ý và Mỹ) coi việc định tín cho nó là một cản trở nghiêm trọng cho việc xích lại gần với các Giáo Hội Thệ phản. Đức Piô IX nhiều lần cho thấy sức nặng của quyền bính của ngài ủng hộ cho việc định tín này.

Ngày 18 tháng Bảy Công đồng phê chuẩn bản văn liên quan đến sự bất khả ngộ. Một nhân chứng kể lại rằng: "Đây là một ngày mưa rơi nặng hạt trên Rôma và liên tục có những đợt bão rất khốc liệt. Trong khi Đức Cha Valenziani đọc bản văn, các cửa sổ bị lay mạnh bởi sấm sét và khi các ánh chớp ngừng lóe sáng, thì một sự tối tăm nặng nề ập xuống.

Quyết định của Công đồng có chữ ký của Đức Thánh Cha, định nghĩa chân lý sau đây là tín điều [17]:

"Đức Giáo Hoàng Rôma tuyên bố ex cathedra (từ ngai tòa chính thức của ngài), trong sức mạnh của quyền tông đồ tối cao của ngài, thì ngài hoàn thành nhiệm vụ vị cha hướng dẫn và tiến sĩ của tất cả các Kitô hữu. Khi trong những điều kiện đó, ngài định tín một giáo thuyết liên quan đến đức tin hay phong hóa,

để nó được tiếp nhận như là một tín điều bởi Hội Thánh toàn cầu, thì ngài hưởng sự bất khả ngộ. Do sự kiện này, các định tín (khá là hy hữu) của Đức Giáo Hoàng đều không thể thay đổi được, không phải vì Hội Thánh coi chúng là như vậy, mà vì chính chúng là như vậy".

Công việc dành cho tín điều bất khả ngộ đã hoàn tất, Công đồng quyết định tạm nghỉ trong 4 tuần. Khi nhóm họp trở lại, Công đồng quyết nghị về các Đức Giám Mục. Nhưng các biến cố nghiêm trọng đã dồn dập nối tiếp nhau tại Châu Âu.

Lính thiện xạ Ý ở Cổng Porta Pia của thành Rôma

Ngày 19.7.1870, Napoleon III tuyên bố chiến tranh đối với Nước Phổ. Đây quả là một cuộc thảm họa. Những cuộc chiến bại của quân Pháp dồn dập nối tiếp nhau cho tới trận chiến tại Sedan (mùng 2 tháng Chín) tại đó Napoleon bị bắt làm tù nhân.

Nước Pháp đã không đầu hàng. Pháp công bố mình là Nước Cộng Hòa và dời chính phủ về Tours, nhưng sau cùng nó vẫn phải nhượng bộ. Hòa ước được ký một cách nhục nhã tại Francfort vào tháng Năm 1871, sau khi Paris cố gắng chuyển biến mình thành một Nước Cộng Hòa Công Xã, nhưng rồi nó đã bị đè bẹp bởi chính quân đội Nước Pháp (14,000).

Khi Napoleon bại trận tại Sedan, chính phủ Ý cảm thấy được rảnh tay để đương đầu với Roma. Họ đã chiếm được Venezia thông qua "một cuộc chiến tranh bất hạnh vì độc lập lần thứ ba" (1866). Giờ đây 60,000 quân dưới quyền của tướng Raffaele Cardona đã nhận lệnh đóng quân trên biên giới Latium để chuẩn bị chinh phục Rôma. Quân đội của Đức Giáo Hoàng có 14,000 người. Trong những trường hợp này, nhiều người khuyên Đức Thánh Cha Piô IX rời khỏi Rôma. Một chiếc tàu Anh sẵn sàng đưa ngài qua đảo Malta. Những người khác thì đề nghị ngài sang Tây Ban Nha, hay Châu Mỹ. Đức Thánh Cha thì coi

như ngài đã sai lầm khi trốn sang Gaita vào năm 1848, đã quyết ở lại tại chỗ. Ngài quả thực đã cho hỏi ý kiến của các người thân tín. Don Bosco được Đức Thánh Cha rất tin tưởng ở sự chín chắn trong nhận định, khi được hỏi, đã trả lời cho ngài: "Chớ gì người lính canh, Thiên thần của Ít-ra-en, hãy ở lại tại vị trí của ngài và canh gác đá tảng của Thiên Chúa và hòm bia thánh". Lá thư trả lời đó đã được bàn tay viết chữ đẹp của Don Cagliero ghi chép lại, được gửi khẩn cấp cho Đức Thánh Cha.

Thủ phủ Civitavecáchia của Rôma (bên cạnh bờ biển Tyrrene, nằm cách xa Rôma 75 cây số theo hướng Tây Bắc) đã bị bao vây phía đất liền và khép kín lại bởi hạm đội ngoài khơi, nên đã đầu hàng tướng Nino Bixio vào đêm 14, 15 tháng chín. Cùng lúc đó quân đội của tướng Cardona đã vào vùng Latium và bao vây Rôma. Vào lúc 5g30, ngày 20-9, một cánh quân pháo binh của sư đoàn Anoletti nổ súng vào cổng Thánh Gioan. Đó chỉ là nghi binh. Mục tiêu đích thật là cổng Porta Pia. Đội quân thiện xạ Ý mở đường thâm nhập vào công viên của thành phố Patrizi và giải tỏa toán quân có súng đang cản đường bước tiến của pháo binh. Khi tới con đường Momentana, các tay điều khiển pháo binh mở cuộc oanh kích vào Cổng Porta Pia. Trước 9 giờ sáng, một lỗ hổng 30 mét đã mở vào trong tường thành. Các đơn vị thiện xạ thứ 12 và 34 vượt qua bức tường.

Hai hay ba phút trước 10 giờ, trên bàn giấy của Đức Thánh Cha, có tin tới báo tường thành đã bị sập đổ. Do dấu hiệu đã được hiểu ngầm trước đó, Đức Thánh Cha ra lệnh lá cờ trắng được kéo lên trên pháo đài Thánh Thiên Thần và ngài ra lệnh cho tướng Ksanzler đầu hàng.

Bản đối chiếu tử vong của đôi bên cho biết con số tử vong không cao lắm, nhưng vẫn luôn luôn là điều rất đau lòng: 56 người tử trận, 141 lính bị thương về phía nước Ý; còn bên phía tòa thánh thì có 20 người tử trận và 49 người bị thương.

Lên tiếng chống lại những người thực hiện cuộc xâm chiếm Rôma "dù cho

họ là những người nắm giữ các chức vị cao nhất", Đức Thánh Cha ra vạ tuyệt thông cấp độ cao.

Don Lemoyne viết: Don Bosco "nhận được tin Rôma bị chiếm đóng khi ngài ở tại Lanzo, và trước sự ngạc nhiên của những người hiện diện, ngài tiếp nhận tin này một cách bình thản, như là ngài nghe được điều mà ngài đã biết từ một thời gian trước rồi".

Đức Thánh Cha thông báo cho các Nghị Phụ Công đồng còn đang ở lại Rôma rằng: Trong hoàn cảnh của các sự việc tang thương này, vì nhận thấy rằng các nghị phụ Công đồng không thể có đủ sự tự do cần thiết, cũng như sự yên ổn và bình an để bàn về những chuyện của Hội Thánh… chúng tôi ngưng lại việc cử hành Công đồng chung Vaticano".

Cơn rùng mình của sự chết tại Varazze

Việc chiếm đóng Rôma, sự kết thúc Nước của Đức Giáo Hoàng có một tiếng vang cực kỳ to lớn, chúng ta không thể nào tưởng tượng ra được. Đó là sự kết thúc của một thời đại kéo dài 1,500 năm. Nhiều người đã nghĩ đó là sự kết thúc của Giáo Hội.

Một năm sau đó, Tu Hội trẻ trung và mỏng manh Salêdiêng cảm thấy tới lượt mình lại phải cảm nhận một thời điểm của một sự rùng mình của sự chết. Ngày 6.12.1871, trong khi ở Varazze (trên vùng Riviera nước Ý, khoảng 40 cây số về phía đông của Genova), Don Bosco ngã xuống đất và ngất xỉu. Những nhân chứng e ngại rằng đó là một cuộc đột quỵ các mạch máu não. Người ta đã xốc Don Bosco dậy và đưa ngài vào trong nhà Salêdiêng. Tại đó phải đặt ngài trên một cái giường giống như một đứa trẻ con.

Bệnh này sau vài ngày còn trong nỗi lo lắng, hoài nghi, thì nay lộ ra hết sức nguy kịch. Từng đợt một, thân thể của Ngài phủ đầy những mụn bong bóng đỏ trên da, vừa nhỏ, vừa cứng. Những nỗi đau đớn không tưởng nổi và nhiệt độ lên

cao một cách đáng lo sợ. Người ta đã lo cho ngài của ăn đàng, trên hành trình gần tới mồ.

Tại Torino, thật là cả một sự kinh ngạc. Nếu Don Bosco chết, thì điều gì trong công cuộc của ngài còn có thể cứu vãn được? Don Rua, cánh tay mặt của ngài mới có 34 tuổi. Nhiều Salêdiêng dâng hiến cuộc sống mình cho Don Bosco. Và hình như Don Bosco đã nói: "Cha phải chết tại Varqzze. Những năm sẽ đến sau này là một hồng ân mà Thiên Chúa đã ban cho một vài người nào đó trong số các con cái của cha".

Cơn bệnh kéo dài hai tháng. Vào lúc ban đầu, những tin tức thật làm hoảng sợ, nhưng để tránh gây rối loạn cuộc sống tại Nguyện xá, người ta chỉ chuyển tin bằng điện tín, qua những chữ dùng khá chung chung.

Nhưng chi tiết này đã thực sự trở thành dịp để biểu lộ những dấu chứng của tình yêu bao bọc lấy Don Bosco.

Giữa Varazze (là nơi Pietro Enria, một em mồ côi vào thời nạn dịch năm 1854, đã đi xuống vùng Varazze để coi sóc Don Bosco) và Giuseppe Buzzetti (người đang run sợ tại Torino vì anh không có những tin tức chi tiết về sức khỏe của Don Bosco) bắt đầu thể hiện một loại "thư kín đáo". Những lá thư giữa hai em "cựu học sinh" của Don Bosco không văn hoa, nhưng đầy những chỗ đồng cảm, chứa đựng một tình cảm yêu thương tha thiết, tuyệt đối chân thành, độc đáo.

Những lá thư đầy tràn tình yêu thương dịu dàng

Chúng ta ghi lại ở đây một ít đoạn văn:

Ngày 23.12.1871, Enria viết cho Buzzetti:

"Với một nỗi buồn mênh mang, tôi buộc phải báo cho bạn những tin không tốt lắm về người cha khốn khổ của chúng ta. Hôm nay cơn sốt không rời ngài một giây phút nào. Trong suốt cả ngày, ngài luôn ướt sũng do toát mồ hôi. Ngài

thường khiến tôi lo sợ bởi vì ngài rên rỉ rất nhiều trong khi ngủ. Tôi chạy lại giường của ngài, nhưng ngài nói với tôi: không sao cả.

Ôi! Buzzetti thân mến, tôi đau khổ quá đến nỗi không đủ sức viết thơ cho bạn. Xin các bạn nói cho người ta cầu nguyện, và phải cầu nguyện với hết cả tấm lòng cơ, và Chúa Giêsu hài đồng sẽ thương đến chúng ta. Bây giờ đã hai giờ sáng, ta có thể nói là ngài đã thiếp đi một chút. Chúc các bạn một ngày lễ vui tươi. Tôi sẽ qua ngày lễ này ở bên giường cha của tôi và cha của các bạn".

Buzzetti đã trả lời thư:

"Tôi chưa đọc xong lá thứ của bạn viết ngày 23 vì buồn quá, vì hoàn cảnh éo le, và vì tôi không cầm nổi nước mắt trong khi biết được rằng Don Bosco thân yêu của chúng ta đau đớn ngày một nhiều.

Tôi đã cầu nguyện và xin mọi người cùng cầu nguyện; tôi cũng xin Chúa Hài Đồng Giêsu để tôi được chịu đựng tất cả những đau đớn mà Don Bosco đang phải chịu đựng kể cả cái chết nếu đó là điều tôi phải chịu, để Don Bosco được mau chóng bình phục và còn được sống nhiều năm nữa.

Bạn hãy tiếp tục viết thư cho tôi nhé, đừng sợ làm tôi khó chịu, ngược lại bạn sẽ làm tôi khó chịu nếu bạn để trôi qua một ngày mà không viết thư thông báo tin tức cho tôi về sức khỏe của người cha thân yêu của chúng ta. Bạn hãy ôm hôn bàn tay thánh thiện của cha thay cho tôi và xin cha chúc lành cho tôi".

"Buzzetti thân mến, ngày 3.1.1872, sức khỏe của cha mến yêu của chúng ta đã khá hơn, nhưng chầm chậm thôi. Những mụn nhỏ vẫn tiếp tục thay nhau nổi lên khiến cho ngài phải khó chịu đôi chút và làm cho ngài lên cơn sốt nhẹ".

Buzzetti trả lời: "Bạn Pietro thân mến, chúng tôi đang đợi các tin tức. Hôm qua, tôi đã kết thúc tuần chín ngày. Bởi đó nếu Đức Mẹ Maria Phù Hộ thấy chúng tôi có đáng được hưởng nhờ tình yêu của Mẹ, thì xin Mẹ cho Don Bosco của chúng ta được khỏe mạnh trở lại; bằng không, chúng tôi tiếp tục làm phiền Mẹ trong suốt bao lâu chúng ta thấy cần.

Bạn phải biết rằng trời lạnh như quỉ, và mọi ngày chúng ta thấy có nhiều thùng nước bị vỡ ra vì nước đóng băng giá, kể cả các thùng nước trên gác xếp của bạn".

Khi Don Bosco bắt đầu thực sự khỏe lên, Enria gửi một bức điện tín cho Buzzetti: "Lễ hôm qua, Cha đã dậy được. Việc bạn thăm cha làm cha vui. Hôm nay tốt hơn nhiều". Những lời: "Cha đã dậy được" lập tức lan rộng ra khắp Nguyện Xá, khiến mọi người thật sung sướng.

Nhờ sức khỏe ngày một hồi phục, nên Enria trong hai hay ba ngày không gửi đi các tin tức và Buzzetti viết cho anh:

"Bạn Pietro thân mến, bạn còn sống chứ? Nếu bạn còn, như tôi hy vọng, thì tại sao bạn không giữ lời hứa của bạn là không để qua đi một ngày mà không viết thơ cho tôi hay về Don Bosco yêu quí? Vậy, bạn đừng đánh lừa tôi nghe".

Enria lập tức trả lời: "Sức khỏe của Don Bosco mỗi ngày một khá hơn. Nhiều lần cha đã thốt lên: "Ôi! Những ngày chúng ta gặp gỡ nhau tại Nguyện Xá!…" Và ngài bối rối và suy nghĩ mông lung về chuyện phải làm khi trở lại căn nhà được chúc phúc của chúng ta".

Ngày 15 tháng 2, Don Bosco đã có thể trở lại Torino. Ngài qua cửa chính mà vào Thánh Đường Đức Mẹ Phù Hộ. Trong nhà thờ, các học sinh và nhiều bạn hữu của Valdocco chờ ngài. Vừa khi ngài tiến vào cung thánh ở trước bàn thờ, thì Buzzetti xướng lên các thánh vịnh *Laudate, pueri, dominum* "Hỡi các bạn trẻ, hãy hát mừng Chúa". Quì gối trước Nhà Tạm và trước Đức Mẹ Phù Hộ, Don Bosco cầu nguyện lâu giờ. Rồi ngài cám ơn các học sinh và mời gọi các em cám ơn Đức Mẹ.

"Enria đã quì gối trong khu ca đoàn, như lời cha Amadei nhắc nhở lại; Buzzetti cầm tay anh ta và đi theo anh ta ra ngoài". Họ ôm nhau mà khóc.

[17] Sắc lệnh Công đồng được biên soạn thành một câu duy nhất trong bản gốc. Ở đây chúng ta cắt ra thành bốn câu cho dễ đọc. Những chữ trong ngoặc được thêm vào để diễn rõ ý nghĩa.

Chương 43: CÁC CỘNG TÁC VIÊN. TỨC CÁC SALÊDIÊNG GIỮA ĐỜI

Trong những năm 1870 kế hoạch của Don Bosco về các cộng tác viên biến thành cụ thể. Giống như các ý tưởng của Don Bosco, điều này không phải thình lình mà đến: tất cả các căn rễ của nó đã có từ lâu rồi. Chính ngài đã viết:

"Khi mới bắt đầu công cuộc các Nguyện Xá vào năm 1841, nhiều vị linh mục đạo đức và tận tụy cùng các giáo dân đã đến giúp đỡ, vun trồng cho vụ mùa thu hoạch đã rộ lên rất phong phú trong các lãnh vực giới trẻ đang gặp nguy hiểm. Các cộng sự viên hay các cộng tác viên trong mọi cơ hội đều là sự nâng đỡ cho các công cuộc mà Chúa Quan Phòng phó thác cho chúng ta".

Chào biệt cha Borel

Don Bosco nhắc nhở trước hết đến các linh mục. Chúng ta đã gặp các linh mục này trong dòng các biến cố của cuộc sống ngài. Trước hết tại Nguyện Xá lưu động, rồi tại Valdocco. Có những sự tương phản đối lại với các ý kiến "điên rồ" của ngài, rồi "thái độ chính trị" của ngài. Nhưng tình yêu cụ thể cho giới trẻ làm cho ngài vượt thắng các trở ngại và các rào cản. Pietro Merla, Luigi nasi, Leonardo, Murialdo, Inhazio và Giuse Vola, Giacinto, Carpano và cách riêng cha Cafasso, và "cha bé nhỏ" Don Borel luôn luôn gắn bó với công cuộc của Don Bosco, như là những cộng tác viên trung thành và hy sinh của Don Bosco.

“Người cha bé nhỏ” Borel nhắm mắt trên trái đất này vào ngày 9.9.1873. Don Bosco khóc bên cạnh ngài vào giờ phút ngài dần tắt lịm sự sống. Don Bosco nói:

- Ngài xem ra như là một “vị linh mục nhỏ bé không đáng kể là gì cả, nhưng ngược lại người thợ của Thiên Chúa này đã làm tất cả sự thiện to lớn mà dù cho đến 10 linh mục khác cũng không thể nào làm được.

Vào lúc qua đời, ngài không để lại thậm chí số tiền cần thiết cho việc an táng của ngài. Nhưng Don Bosco biết rõ đã bao lần ngài đã dốc trọn túi tiền của ngài vào tay Don Bosco, mà không cần biết đó là những đồng xu nhỏ hay những đồng tiền Napoleon bằng vàng. Các giám đốc Salêdiêng được Don Bosco gọi về tham dự đám tang ngài, mang quan tài ngài trên vai. Các thầy tư giáo, các thanh thiếu niên, ban kèn động của Nguyện xá đi theo ngài tới nghĩa trang. Đó là những linh mục, những thầy tư giáo, những thanh thiếu niên mà Don Bosco đã nói về họ với cha Borel vào năm 1844 rằng: “Nhưng tuy vậy chắc chắn có những người đó, vì chính mắt con trông thấy họ”.

Những người nam nữ thiện chí

Bên cạnh các linh mục, còn có các giáo dân. Một số thuộc về các gia đình quí tộc: Bá tước Cays (người sẽ trở thành Salêdiêng và linh mục ở tuổi cao), bá tước Fassati de Montemagno, hầu tước Callori di Vignale, hầu tước Scaranmpi di Pruney. Những người khác là những người thợ thuyền hay buôn bán. Don Bosco thường nhắc nhở đến một người buôn bán tạp hóa tên là ông Giuse Gaglirerdi với tất cả lòng tri ân lớn lao, vì ông đã cống hiến thời giờ và cả tiền bạc dành dụm cho Nguyện Xá.

Sự hợp tác của các giáo dân này mang tính chất khác nhau. Don Bosco xin họ trước hết hãy sẵn sàng để “dạy giáo lý” vào các ngày Chúa Nhật và các ngày trong tuần trong thời gian mùa chay. Một số còn giúp ngài trong các lớp buổi tối

và hộ trực các thanh thiếu niên. Những người khác thì đi tìm việc làm cho các bạn trẻ cách riêng cho những em ra khỏi nhà tù.

Không chỉ có các cánh đàn ông thôi. Chúng ta đã nhắc nhở đến "những bà mẹ" làm việc tại Nguyện Xá: mẹ Margarita, Mẹ của Don Rua, Mẹ của Michel Magone, em của Mẹ Margarita, mẹ của linh mục kinh sĩ Gastaldi.

Người mẹ kể chót này đích thân lo việc giặt giũ quần áo của các trẻ em và phân phát cho chúng vào thứ bảy. "Đó là điều rất cần thiết, như Don Bosco nói. Trong số các trẻ nghèo khổ, có những em không bao giờ thay đổi những bộ quần áo bẩn thỉu các em đang mặc, và chúng thật bẩn thỉu đến độ không ông chủ nào muốn tiếp nhận chúng trong xưởng thợ của họ".

Trong các ngày Chúa Nhật, bà Gastaldi tập họp các trẻ em lại, và như là "một vị tướng trong một đạo quân", bà đi duyệt lại cách tỉ mỉ quần áo và sự sạch sẽ của mỗi đứa, kể cả giường chiếu mà thường đã trở thành những tổ rận nhỏ và bốc mùi hôi.

Nhiều người không tham gia trực tiếp vào công việc này, nhưng là bằng tiền nong. Một vị linh mục cho các trẻ con nghèo nhất tất cả số tiền mà ngài nhận được từ những người họ hàng giàu có. Một chủ nhà băng đều đặn cung cấp tiền hằng tháng, như thể chính ông là "một em đã được Don Bosco cứu về" Nguyện Xá. Một người thợ đều đặn đem đến tiền ông ta đã dành dụm được.

Các người Salêdiêng ngoại trú: một ý tưởng bị gạt bỏ

Don Bosco càng ngày càng tin rằng cần thiết phải tập họp lại các cộng sự viên của ngài thành một hiệp hội.

Ngài thực hiện một thí nghiệm vào năm 1850, khi qui tụ bảy người ngài tín nhiệm "gồm toàn các người giáo dân Công giáo". Nhưng không thành công.

Năm 1864, ngài có một thí nghiệm mới. Trong khi trình diện Hiến luật của ngài tại Roma, ngài đưa vào một "chương" khiến cho nhiều Đức Ông và Đức Cha

nhíu mày. Trong chương đó ngài nói đến các "Salêdiêng ngoại trú". Bất cứ ai, dù cho là họ sống tại gia đình, đều có thể trở thành các người Salêdiêng. Không phải tuyên các lời khấn dòng, nhưng chỉ cần cộng tác vào công việc của Các Salêdiêng để phục vụ cho thanh thiếu niên nghèo khổ. Ở khoản 5, ngài đã tiên liệu thẳng thắn rằng tất cả các Salêdiêng ra khỏi Tu Hội "vì lý do chính đáng", sẽ trở thành "hội viên ngoại trú" của Tu Hội.

Chương này bị gạt bỏ khi Roma duyệt xét. Với một sự bướng bỉnh của người xứ Piemonte, Don Bosco tái trình bày lại khoản luật này, trước hết có sự mô phỏng, rồi sau đó đặt nó vào phần phụ lục nhưng vô phương. Để được sự chấp thuận cho Luật Dòng (sẽ được phê chuẩn vào năm 1874), ngài buộc phải cam chịu rút nó lại.

Kế hoạch "Các Salêdiêng ngoại trú" đã bị đẩy lùi, Don Bosco lập tức làm việc để thực hiện một cái gì tương tự như vậy. Năm 1874, ngài phác họa những đường nét lớn của Hiệp Hội Thánh Phanxicô Salê. Các Giám đốc mà ngài tham khảo biểu lộ rất ít sự phấn khích. Hiệp Hội này có khác chi các hiệp hội đạo đức khác. Don Bosco lắc đầu:

- Các con chưa hiểu được. Nhưng các con sẽ thấy hiệp hội này sẽ là sự nâng đỡ cho Tu Hội chúng ta. Các con hãy bắt đầu suy nghĩ về nó đi.

Don Bosco trao ba mục tiêu chính cho Hiệp Hội này:

1. Thứ nhất là làm sự tốt lành cho chính bản thân mình, trong khi thực hành đức bác ái đối với đồng loại, cách riêng đối với các trẻ em nghèo và bị bỏ rơi.
2. Thứ hai tham gia vào các công cuộc đạo đức và tôn giáo mà Các Salêdiêng theo đuổi.
3. Tiếp nhận các trẻ em nghèo, dạy dỗ chúng trong nhà riêng của mình, bảo vệ chúng chống lại các mối hiểm nguy.

Các Cộng Tác Viên Salêdiêng

Trong năm 1876, ngài tìm được công thức vĩnh viễn. Ngài gọi đó là hiệp hội đạo đức các cộng sự viên của ngài, tức là "Các Cộng Tác Viên Salêdiêng". Ngài viết và in ấn ngay lập tức luật cho họ và gửi tới Đức Thánh Cha để được chấp thuận. Ngài trở về với một "chiếu thư" (lá thư mục vụ) của Đức Piô IX viết ngày 9.5.1876.

Các mục tiêu vẫn đồng nhất với danh sách các mục tiêu đã nêu lên hai năm trước: Làm sự thiện cho chính mình qua đời sống Kitô hữu dấn thân, giúp đỡ Các Salêdiêng trong các công cuộc của họ, giải cứu những mối nguy hiểm đang đe dọa thanh thiếu niên.

Những phương tiện đều y như các phương tiện của người Salêdiêng: việc dạy giáo lý, các cuộc thao luyện thiêng liêng, mối quan tâm đến các ơn gọi linh mục, việc phổ biến sách báo tốt, kinh nguyện và của bố thí.

Hạn từ cuối cùng này đã tạo nên nhiều sự lập lờ nghĩa đôi. Có một số người Salêdiêng giảm thiểu trên thực tế hoạt động của các Cộng Tác Viên thành sự đóng góp tài chánh cho các công cuộc của Các Salêdiêng. Don Bosco đã phản đối một cách quyết liệt chống lại sự đánh giá thấp về người cộng tác viên này.

Ngài nói tại Toulon vào năm 1882 rằng: "Cần phải hiểu mục đích của Hiệp Hội Cộng Tác Viên này. Các Cộng Tác Viên không chỉ thuần túy có nhiệm vụ thu thập các quà dâng cho các công cuộc của chúng ta, mà còn phải nỗ lực dùng mọi phương tiện để cộng tác vào phần rỗi của các anh chị em mình, cách riêng của giới trẻ".

Trong các cuộc hành trình của ngài tại Ý và ra ngoại quốc, Don Bosco cam chịu rất nhiều sự gian khổ để làm tăng hiệu lực của các Cộng Tác Viên của Ngài. Cha Wirth viết: "Genova và xứ Liguria cung cấp cho ngài nhiều lực lượng Cộng Tác Viên. Tại nước Pháp, Nice trở thành một trung tâm quan trọng có tính chất

đa sắc tộc của thành phố. Tại Marseille, các Cộng Tác Viên rất sốt sắng khiến Don Bosco cảm thấy ở giữa họ một bầu khí như gia đình".

Tại Tây Ban Nha, có một trong những dung mạo Cộng Tác Viên độc đáo là bà Dorotea de Chopitea. Bà đã trở thành "người mẹ của các công cuộc Salêdiêng"; và án vụ phong chân phước cho bà đã được khởi sự.

Tờ "tập san Salêdiêng" cũng đã vươn tới các vùng Sotto il Monte

Don Bosco đã muốn trao cho các cộng tác viên Salêdiêng một dụng cụ được dùng để giúp giữ gìn họ hiệp nhất với nhau và với trung tâm của các công cuộc Salêdiêng. Đó là tập san Salêdiêng, một tờ báo ra hàng tháng. Số đầu tiên xuất hiện vào tháng tám năm 1877.

Don Bosco quý chuộng tờ tập san này cách riêng đến độ ngài đích thân chuẩn bị các số xuất bản đầu tiên. Khi ngài không thể tiếp tục kham nổi công việc này nữa, ngài đã rút ra một vị Giám đốc trong số các Giám đốc của ngài, để ủy thác cho vị ấy tờ tạp san này: Đó là Don Gioan Bonetti (người cũng nằm trong ban Thượng Cố Vấn). Khi người ta hỏi Don Bosco là gửi tờ báo Salêdiêng này tới những ai, Don Bosco trả lời: "Gửi cho những ai muốn nó và cả những người không muốn nó".

Trong Tập san Salêdiêng có công bố cả các lá thư đầu tiên của các nhà truyền giáo Salêdiêng, được cả giới trẻ lẫn người lớn đọc một cách say mê.

Trong tập san này Lịch sử Nguyện Xá của Don Bosco viết lần đầu tiên được xuất bản nhiều đợt và rất được chờ đợi, kích thích tính hiếu kỳ lạ lùng của giới độc giả. Người ta cũng đọc thường xuyên về những công cuộc Salêdiêng trên khắp thế giới, những ơn lạ lùng nhất của Đức Maria Phù Hộ.

Tập san hiện đại ra hằng tháng này thâm nhập vào mọi nơi, chiếm được lòng của nhiều bạn hữu về với Don Bosco và các công cuộc của ngài. Đức Thánh Cha Gioan XXIII, sinh tại xứ Sotto il Monte nhắc nhở lại như sau: "Những năm đầu

đời của cha đã được làm cho rạng rỡ, vui tươi và che chở bởi hình ảnh thân ái của Đức Mẹ Phù Hộ. Ồ! Một bức hình Mẹ rất đơn sơ lấy từ trang bìa của tập san Salêdiêng mà bác của cha là Zaverio đã nhận được và đọc cho bọn cha cũng như đã đọc cho mọi người nghe với một nhiệt tình say sưa. Bức hình Đức Mẹ được đặt ngay ở đầu giường cha.

Biết bao nhiêu kinh nguyện đầy tín thác được dâng lên trước bức ảnh này! Và Đức Maria Phù Hộ đã luôn trợ giúp cha".

Năm 1888, trong khi nói chuyện với cha Lemoyne, Don Bosco tỏ lộ cho ngài một ý tưởng dần dà thành hình và trở thành càng ngày càng rõ ràng cho ngài: "Đó là mục đích của các cộng tác viên không phải là giúp đỡ Các Salêdiêng, nhưng là để phục vụ Hội Thánh, các Đức Giám mục, các cha xứ, dưới sự hướng dẫn của Các Salêdiêng".

"Cha Morand Writh viết: "Khi Don Bosco chết vào năm 1888, thì một chuyện trở nên hiển nhiên: Lực lượng Tông đồ của Tu Hội Salêdiêng nhỏ bé đã được nhân lên gấp mười nhờ sự trợ giúp huynh đệ của các Cộng Tác Viên. Rất nhiều người trong số họ đã xứng đáng được coi trên thực tế, nếu không phải là trên pháp lý, như những người Salêdiêng đích thực trong thế giới".

Chương 44: FRANCESCO, EUSEBIO, FILIPPO, MICHELE VÀ NHIỀU BẠN HỮU KHÁC

Năm 1870, Don Bosco trọn năm mươi tuổi. Cuộc sống của ngài nóng nẩy và sinh động như một dòng thác đổ từ núi trong những thập niên đầu tiên, nay mở rộng ra tựa dòng sông lộng lẫy. Mười tám năm của cuộc sống ngài được ghi lại tỉ mỉ trong 100kg các tài liệu và chứng từ, rồi được thu gọn lại trong 9 cuốn Hồi Sử Về Một Cuộc Sống (*memorie biografiche*), mà hai trong số đó vượt quá 1000 trang.

Hiển nhiên là mỗi một cuốn tiểu sử về Don Bosco luôn phải áp dụng cho nó hạn từ "cắt gọn lại". Các sự kiện, các cuộc gặp gỡ, các bài nói chuyện cho các trẻ em, các giấc mơ đầy cảm kích và rất đầy tình người; chúng ta rất tiếc là phải để qua một bên hằng chục và hằng chục chuyện trong số chúng. Và mặc dù vậy, con số các trang chúng ta hiện tham khảo được như đã được thiết định, chúng ta vẫn còn buộc phải chấp nhận cắt bớt đi một cách cương quyết.

Tuy nhiên trong chương này, chúng ta lấy lại một chút các sự kiện đã bị bỏ đi. Chúng tôi xin kể ra "theo vòng xoay tự do" một số những sự việc, những cuộc gặp gỡ đầy sức đánh động của những năm này trong khi xin lỗi nếu chúng tôi không thể liên kết chúng thành một chuỗi "hoàn toàn logic". Đàng khác cuộc sống không luôn luôn sử dụng đến logic như là hành trình chính của nó.

"Tôi đã ăn cắp hai ổ bánh mì tròn"

Vào tháng tám năm 1872. Tiếng chuông đổ và một nhóm đông kinh khủng các trẻ con chạy như bay khỏi các lớp học và các xưởng thợ trong khi la to lên:

- Bánh mì! Bánh mì!

Hai người làm bánh mì đã để ở cuối sân bốn chiếc thúng lớn đan bằng cây liễu dầy ắp những bánh mì mới tinh và mùi thơm ngon. Người ta la to:

- Mỗi người một cái, không được lấy thêm!

Francesco Picácollo, một đứa trẻ 11 tuổi, mới đến đây từ xứ Pecácetto Torinese, nhìn đám trẻ xếp hàng dài này và đợi đến lượt mình. Nó đã ăn cháo vào ban trưa, nhưng sau nhiều giờ, tính thèm ăn lại nổi dậy. Nó nghĩ rằng một ổ bánh mì thì chẳng đủ cho cơn đói của nó. Cần tăng gấp đôi phần ăn, Nguyện Xá thì nghèo, và bánh phải giới hạn theo khẩu phần năm đó (1872).

Trong khi nó suy nghĩ tất cả chuyện đó, nó quan sát thấy rằng một số các bạn nó, sau khi đã nốc xong một cái bánh, lại yên ổn xếp lại vào hàng để lấy thêm chiếc bánh thứ hai, rồi thứ ba mà không có ai nhận thấy.

"Thế là tôi – như lời Francesco kể lại sau này – cũng để cho mình bị chiến thắng bởi tính thèm ăn: tôi ăn cắp hai ổ bánh rồi trốn ra sau dẫy hành lang để ăn hau háu. Thế rồi cơn hối hận xâm chiếm lấy tôi. Tôi đã ăn cắp, nhưng làm sao ngày mai tôi dám rước lễ đây? Tôi phải đi xưng tội!"

Nhưng cha giải tội tôi là Don Bosco, và tôi sẽ làm ngài đau lòng biết mấy khi hay biết rằng tôi đã ăn cắp. Làm thế nào đây? Không phải vì xấu hổ, nhưng là vì không muốn làm Don Bosco đau lòng, tôi trốn ra khỏi cửa nhà thờ và chạy thẳng tới đền thờ Đức Mẹ An Ủi không cách xa đó mấy.

Tôi vào trong nhà thờ tương đối tối, tôi chọn tòa giải tội kín ẩn hơn cả và tôi bắt đầu xưng tội:

- Con xưng tội ở đây bởi vì con xấu hổ không dám xưng tội với Don Bosco! (Tôi không buộc phải nói lên điều này, nhưng tôi quá quen với sự thành thật khiến tôi thấy nói lên điều đó là quan trọng).

Một giọng nói trả lời tôi:

- Nói đi con, Don Bosco sẽ không bao giờ biết gì cả đâu.

Đó chính là giọng Don Bosco! Khốn rồi! Tôi toát mồ hôi trán. Nếu Don Bosco ở Nguyện Xá, sao cha lại có thể ở đây? Phải chăng đó là phép lạ ư? Không, không phải phép lạ. Don Bosco đã được mời tới giải tội ở nhà thờ Đức Mẹ An Ủi để giải tội như thường lệ, và tôi rơi đúng vào tòa giải tội của Don Bosco.

- Nói đi, con người nhỏ tốt lành của tôi. Chuyện gì đã xẩy ra với con?

Tôi run lên như một chiếc lá.

- Con đã ăn cắp hai ổ bánh mì.

- Và hai bánh mì đó làm con đau ốm ư?

- Không.

- Vậy nó làm con bối rối ư? Con đói chứ?

- Vâng.

- Đói bánh và khát nước, đó là cơn đói và cơn khát tốt lành; khi con cần sự gì, con cứ xin Don Bosco. Ngài sẽ cho con tất cả bánh mà con muốn. Nhưng con nhớ nhé: Don Bosco ao ước con có lòng tin nơi cha, hơn là muốn con hoàn toàn vô tội. Nếu con tin nơi cha, cha có thể giúp con, nhưng với cái vẻ bề ngoài vô tội của con, con sẽ liều trượt và té, và chẳng có ai đưa tay ra cho con. Sự giàu có của Don Bosco chính là sự tin tưởng của các trẻ con của ngài; con đừng quên điều đó, Francesco ạ!

Năm sau tôi lên lớp 8 và một ngày trong bữa ăn, người ta nói cho tôi hay là mẹ tôi đợi tôi ở phòng khách. Tôi ra gặp mẹ và thấy mẹ khóc:

- Mẹ ơi, sao thế?

- Không có gì cả, Francesco nhỏ bé của mẹ, nhưng con biết đấy, chúng ta nghèo và cha quản lý nói nếu chúng ta còn tiếp tục không trả được tiền nội trú, thì ngài buộc phải cho con về nhà.

Mẹ tôi đã khóc trước lời đe dọa này và tôi cũng khóc chia tay mẹ, vì tôi phải vào lớp. Nhưng vào giữa giờ chơi sau trưa, tôi lại thấy mẹ đợi tôi tại cổng, và lần này mẹ sung sướng mỉm cười. Mẹ nói với tôi:

- Francesco ạ, con thấy mẹ bây giờ không còn khóc nữa. Mẹ đã đi gặp Don Bosco và cha nói với mẹ: "Bà tốt lành, hãy nói với con bà rằng nếu cha quản lý cho nó đi khỏi cửa nhà trường, thì bảo nó đi lối nhà thờ và đến gặp tôi. Don Bosco sẽ không bao giờ đuổi nó".

Rồi mẹ tôi ôm tôi và về nhà. Tối hôm đó cha quản lý đã cho gọi tôi và tôi sợ hãi, nên đã đi gặp Don Bosco trước đã. Tôi gõ cửa phòng ngài:

- Ai đó?

- Con đây, Picácollo Francesco.

- Con vào đi. Sao đấy, Francesco?

Rồi cha lấy một tờ giấy ra:

- Mẹ con nợ tiền nội trú mấy tháng?

Tôi nói số tháng cho cha và Don Bosco tế nhị viết cho tôi một biên nhận cho cả năm và ký tên. Không ai nhận thấy được lòng quảng đại của cha, ngay cả cha quản lý là người tôi đem đến biên nhận này. Tôi thật kinh ngạc nhất là trước thái độ tế nhị mà cha đã giúp tôi bằng cử chỉ thân ái này của cha.

Ba năm trôi qua. Tôi đã lên lớp 12. Một hôm chúng tôi là những học sinh lớn nhất bao bọc lấy Don Bosco và đi lại cùng ngài dọc hành lang có cột và mái vòm. Tôi muốn một mình nói chuyện với ngài, nhưng tôi không dám xin ngài. Như mọi lần, ngài đã nhận ra ngay được ý tôi, liền kéo tôi riêng ra rồi nói với tôi:

- Cha nghĩ con có điều gì muốn nói với cha?

- Cha đã đoán ra. Nhưng con không muốn chúng bạn con nghe được.

Tôi rồi thì thầm vào tai ngài:

- Con muốn làm một qùa tặng cho cha. Con nghĩ cha sẽ hài lòng.

- Con muốn cho cha món quà gì?

- Cha hãy nhận con vào số các Salêdiêng của cha!

Don Bosco mỉm cười:

- Con muốn cha sẽ làm gì với với típ người ngô ngộ như con?

Thế rồi thình lình cha trở nên nghiêm nghị và nói với tôi:

- Cám ơn, Francesco ạ! Con không có thể cho cha một món qùa dễ thương hơn thế. Cha nhận con, không phải cho cha, mà để hiến dâng con và tận hiến con hoàn toàn cho Chúa và cho Mẹ Maria Phù Hộ.

Francesco Picácolo đã trở thành Salêdiêng và linh mục, làm việc hơn 30 năm tại Sicilire trong vai trò giáo viên, Giám đốc, rồi trách nhiệm các công cuộc Salêdiêng tại tỉnh dòng Sicilire. Ngài sống cho tới năm 1930.

Eusebio Calvi di Palestro

Cũng trong năm 1872 đó, một học sinh ngoan khác tên là Eusebio Calvi de palestro rất lo lắng vì cha mẹ cậu không thể trả tiền ăn học nội trú. Don Bosco thấy cậu buồn nên mới hỏi:

- Con sao thế, Eusebio?

- À, thưa Don Bosco, cha mẹ con không có thể trả tiền ăn học nội trú cho con nữa và con buộc phải thôi học.

- Nhưng con có là bạn của Don Bosco không?

- Ồ, có!

- Vậy thì chúng ta dàn xếp chuyện này dễ dàng thôi. Con hãy viết cho cha con rằng ông đừng lo gì về quá khứ, còn trong tương lai, thì ông cứ trả theo sức của ông.

- Cha con muốn biết con số chính xác, cha con muốn đem tất cả những gì ông có thể được để lo trả.

- Cho tới hôm nay, thì tiền ăn học hằng tháng là bao nhiêu?

- 12 lire mỗi tháng.

- Con hãy viết cho cha con là chúng ta ấn định là 5 lire nhé. Và ông cứ cố gắng trả theo mức ông có thể. Con hãy đến bàn văn phòng để cha làm cho con một biên nhận cho cha quản lý.

Eusebio Calvi cũng trở thành Salêdiêng và linh mục, làm việc tại Calabre và tại Sicile và sống cho đến năm 1923. Có rất nhiều, tính tới nhiều ngàn trẻ em, theo như cha Adamei viết, đã nhận được những dấu bày tỏ tình thương như thế của Don Bosco.

Don Bosco không mấy hạnh phúc vì sự từ chối

Khi Don Bosco tới Lu vào dịp các cuộc dã ngoại vào mùa thu (như chúng ta đã kể ra ở chương 37), trong sân nhà Rinaldi, ngài trìu mến vuốt ve em bé Filippo lên 5 tuổi.

Khi em bé lên 9 tuổi, tên của Don Bosco lại sôi động lại trong cuộc sống của nó. Tại xứ Mirabello, trong tầm bắn súng tính từ xứ Lu, Don Bosco đã mở một "tiểu chủng viện".

Đứa bé có vóc dáng lớn, lại rất dịu hiền, vai đeo gói đồ, ôm hôn từ biệt mẹ, rồi lên xe của bố để tới trường mới. Nó có trái tim hơi xe lại, giống như tất cả các đứa trẻ lần đầu tiên bỏ nhà lên ở trường nội trú. Nhưng nó nghiêm trang và suy nghĩ kỹ càng. Nó hiểu hy sinh này có thể mở cho cuộc sống nó những chân trời mới thay vì những cánh đồng ruộng và nương nho của cha nó.

Cậu có giáo viên dạy lớp là thầy Paolino Albera. Cậu viết: "Đối với tôi, thầy Albera là một thiên thần bản mạnh. Chính thầy có nhiệm vụ canh giữ tôi, và thầy đối xử với tôi theo đức ái dịu dàng khiến tôi ngạc nhiên mỗi khi nghĩ lại". Nhưng

tiếc là không chỉ có một mình thầy Albera. Có một thầy hộ trực khác có những cách thức thô lỗ khiến các bạn trẻ cảm thấy bị xúc phạm.

Don Bosco hai lần từ Torino đến thăm "tiểu chủng viện", và ngài nói chuyện lâu với Filippo. Họ đã trở nên đôi bạn.

Tuy vậy vào mùa xuân, xẩy ra một chuyện buồn. Filippo cảm thấy mệt nhọc do việc học gây cấn trong mùa đông. Trong một ngày cậu quá sức căng thẳng, thầy hộ trực đụng độ với cậu một cách đặc biệt, với những lối xử sự thô lỗ. Filippo không mất sự điểm tĩnh. Cậu đi thẳng tới cha Giám đốc, nói với ngài rằng cậu muốn về nhà. Xem ra đó chỉ là một cách tức tối nhất thời, nhưng không phải như vậy. Filippo đã quyết định như vậy, và không ai có thể làm cậu thay đổi quyết định.

Filippo đã nhận được một số thư từ Don Bosco trong những năm kế tiếp. Trong mỗi lá thư, Don Bosco đều khuyên cậu nghĩ lại, để quay về trường: "Những nhà của Don Bosco sẽ luôn luôn mở rộng cho con".

Rất ít khi Don Bosco lại nhấn mạnh nhiều như thế với một em bé. Xem có vẻ như ngài thấy một cái gì nơi tương lai của đứa bé. Nhưng đứa bé tuy vẫn là bạn thân của Don Bosco, lại không cảm nhận được điều Don Bosco cảm nghĩ.

Năm 1874, Filippo được 18 tuổi, và Don Bosco tới gặp cậu tại xứ Lu. Chính lúc ấy có một người đàn bà nghèo khổ đến. Bà ta chống nạng bước đi và có một cánh tay đau yếu. Bà ta đến xin Don Bosco chữa lành mình. Vị thánh đã ban cho bà phép lành Đức Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu, và bà ta, trước ánh mắt nhìn của Filippo, đã ném nạng xuống mà bước đi được để trở về nhà hoàn toàn khỏi bệnh. Cậu thanh niên trẻ này rất cảm động, nhưng cậu đã trả lời "không" cho lần không biết thứ bao nhiêu Don Bosco mời gọi theo ngài tới Torino. Tiếng thứ "không" đó đã đè nặng lên cậu trong suốt cả cuộc đời: "Chớ gì Chúa và Đức Mẹ làm cho tôi sẽ không bao giờ lạm dụng ơn huệ của Chúa sau khi đã bao lần từ

chối ân sủng của các ngài trong quá khứ", đó là lời cậu nói với tất cả lòng khiêm nhường.

Tiếng "không" này mà cậu đã đáp lại cho Don Bosco sẽ trở thành tiếng thưa không đầu tiên trong một chuỗi những tiếng thưa không khác. Cậu bắt đầu nói không cho việc cầu nguyện, nói không cho mẹ cậu lên tiếng quở trách cậu nối kết những mối tình bạn nguy hiểm, thưa không cho cha xứ mời gọi cậu đi tới nhà thờ thường xuyên hơn. Có cả một "cơn khủng hoảng tôn giáo" mà cậu sẽ vượt thắng nhờ lời cầu nguyện của mẹ cậu.

Khi Don Bosco quyết bước vào một cuộc chiến

Năm 1878, Filippo Rianaldi tròn 20 tuổi. Cha mẹ của một cô gái tốt lành đến xin ba Cristoforo của Filippo đồng ý đám cưới giữa Filippo với con gái của ông ta. Nhưng từ Torino cũng có Don Bosco đến, quyết thực hiện một cuộc chiến để mang Filippo về với ngài.

Có một cuộc nói chuyện lâu dài và quyết định. Với một sự ngoan cường của người nông dân, Filippo đưa ra tất cả một chuỗi những khó khăn của cậu. Nhưng Don Bosco cũng là một nông dân như cậu, và ngài tranh luận từng điểm một với cậu một cách bình tĩnh. Ngài đã khám phá ra nơi chàng trai này tấm vải làm nên một người Salêdiêng vĩ đại, và ngài không muốn chàng ta trốn thoát. Filippo viết lại: "Ngài đã chiếm lấy tôi dần dà, dần dà. Cha mẹ tôi để cho tôi tự do, và sự chọn lựa của tôi hướng về phía Don Bosco".

Tháng 11 năm 1877, Filippo Rinaldi tới Samperderena, nơi Don Bosco đã mở một nhà cho "các ơn gọi muộn". Với 21 tuổi, chàng nông dân xứ Lu tái mở cuốn văn phạm Ý và văn phạm La-tinh ra. Những thời ban đầu thật là cam go. Trên vở làm bài đầu tiên, bên cạnh cả một rừng chữ thập đỏ, xanh, còn có cả số điểm thấp nhục nhã. Tuy nhiên với sự ngoan cường qua đó trong bao nhiêu năm

cậu đã cưỡng lại tiếng gọi của Don Bosco, ngày này qua ngày khác Filippo gò bước trên con đường gay cấn của học hành.

Cha giám đốc của nhà Sampierderena lại chính là thầy Paolo Albera mà Filippo say mê tại Mirabello. Trong những thời điểm trắc trở cậu tìm được niềm an ủi nơi ngài. "Một ngày kia cậu nói với ngài là cậu sợ mình sẽ một lần trong những lần trốn của mình, thì ngài trả lời rằng ngài sẽ tới để đem cậu trở lại".

Ngày 13.8.1880, Filippo quì gối dưới chân Don Bosco, tuyên các lời khấn khó nghèo, khiết tịnh và vâng phục. Cậu đã trở thành người Salêdiêng. Cậu được 24 tuổi.

Trong mùa thu, cậu bắt đầu bước trèo cao tới chức linh mục. Cậu tiếp nhận các chức nhỏ, rồi chức phụ phó tế, chức phó tế. Có một đặc điểm đầy sức thu hút sự hiếu kỳ: Filippo tiến lên phía trước không phải bởi cậu muốn, mà là bởi Don Bosco đã ra lệnh cho cậu phải làm. Cậu kể lại rằng: "Don Bosco nói với tôi: trong ngày đó con sẽ thi cử…, con sẽ nhận chức này. Tôi vâng lời từ lần này sang lần khác". Không bao giờ Don Bosco lại cư xử với một ai khác như đã cư xử với Filippo: Với họ, Don Bosco chỉ khích lệ, mời mọc. Còn với Rinaldi thì Don Bosco ra lệnh. Don Bosco chắc chắn đã đọc được rõ ràng tương lai của chàng trai trẻ này.

Vào vọng Giáng Sinh 1882, Don Filippo Rianaldi cử hành thánh lễ đầu tiên, Có Don Bosco hiện diện, rồi ôm hôn tân linh mục, Don Bosco hỏi:

- Giờ đây con bằng lòng chứ?

Câu trả lời khiến cho người ta phải buông thõng tay xuống:

- Nếu cha giữ con lại với cha, thì có. Nếu không, con cũng chẳng biết mình sẽ làm gì.

Nhưng ít ngày sau Don Coastamagna trở về Torino từ vùng truyền giáo nam Mỹ và Don Filippo lần đầu tiên cảm thấy vô cùng phấn khích, đã xin Don Bosco

để đi truyền giáo. Nhưng lần này, chính là tới lần Don Bosco nói "không" với Rinaldi:

- Con sẽ ở lại đây. Tới các khu truyền giáo, thì con sẽ sai những người khác.

- Đấng kế vị thứ nhất của Don Bosco để đứng đầu Tu Hội chính là Don Rua; vị thứ hai chính là Don Albera; người thứ ba chính là Don Filippo Rinaldi. Cha già Francesia nói về ngài: ngài chỉ còn thiếu có giọng nói của Don Bosco thôi. Tất cả điều còn lại thì Rinaldi giống hệt Don Bosco".

Vị Kinh sĩ ngưng công việc để nghỉ ngơi

Năm 1872 Don Bosco thực hiện một chuyến viếng thăm ngắn ngủi ở Genova. Cha Amadei kể lại:

"Giữa những người khác, Don Bosco đã đến thăm kinh sĩ Ampugnani đang sống tại Marassi và là người đã giúp ngài mua trường trung học Alassio. Don Bosco hỏi vị kinh sĩ:

- Vậy bây giờ cha làm gì?

- Con hở? Không làm gì cả, chỉ nghỉ ngơi thôi.

- Sao, sao cha lại nghỉ ngơi? Cha đang khỏe, lại còn trẻ nữa.

- Con đã làm việc rất nhiều bên Mỹ, và bây giờ con nghỉ ngơi.

Don Bosco trở nên rất nghiêm nghị:

- Vậy cha không hay là sự nghỉ ngơi của một linh mục là ở thiên đàng chăng? Còn chúng ta phải chịu trả lẽ rất ngặt trước Thiên Chúa về quãng thời gian đã mất chăng?

Vị kinh sĩ bị đánh động bởi những lời như thế, mà không biết chạy tới ai để giúp ngài thoát khỏi điều này. Một ngày sau đó, ngài trở về nhà Salêdiêng, và nói với vị giám đốc của nhà đó để cho ngài đánh đàn, dạy âm nhạc, giảng thuyết. Ngài thốt lên rằng:

- Don Bosco đã nói với con những lời thật kinh khủng!

Don Bosco còn gặp cả Bề Trên Tổng quyền dòng Anh em hèn mọn thánh Phanxicô - Phaolô, một con người hết sức uyên bác, hiện đang làm cha xứ. Ngài chào vị linh mục cách cung kính, sau đó Don Bosco mới nói:

- Chắc là cha rất bận rộn với các công việc của dòng cha!

- Thật sự ra có rất ít việc. Chúng tôi rất ít người, cha biết không? - Cha có bao nhiêu tập sinh?

- Chẳng có tập sinh nào cả.

- Còn các học viên thì sao?

- Chẳng có ai.

- Sao vậy? – Nét mặt Don Bosco trở nên nghiêm trọng, lời lẽ ngài run lên. Vậy cha không làm gì cả để ngăn chặn cho một dòng tu đã có bao công lao lớn với Hội Thánh khỏi chết đi, vì nó đã không còn đạt tới mục tiêu mà Đấng Sáng Lập ra nó đã đặt ra và ngài vẫn còn có biết bao nhiêu lời tiên tri rất vinh quang đang cần phải được thể hiện chăng?

- Nhưng chúng con không có các ơn gọi!

- Nhưng nếu cha không tìm ra ơn gọi tại nước Ý, cha hãy đi sang Nước Pháp, hay Nước Tây Ba Nha, hãy sang châu Mỹ, Châu đại dương. Cha có một trách nhiệm vô cùng quan trọng, một sự tính sổ nghiêm chỉnh mà cha còn phải làm trước mặt Thiên Chúa. Biết bao nhiêu lao nhọc, đau đớn thánh Phanxico Phaolô đã phải chịu đựng khi thiết lập Tu Hội của ngài? Còn cha, cha lại chấp nhận để mất đi biết bao nhiêu kinh nguyện, biết bao nhiêu lao nhọc, biết bao nhiêu hy vọng đó sao?

Vị linh mục Tổng quyền tốt lành cảm thấy như mình bị dồn đến chỗ không. Ngài hứa sẽ làm hết sức để tìm những ơn gọi mới".

Những người thợ xây trẻ của Nguyện Xá Chúa nhật

Ai nhìn vào cuộc sống của Don Bosco trong thời kỳ này đều có thể có ấn tượng là Nguyện Xá Chúa Nhật mà ngài đã từng sống trong những năm vinh quang của ngài, giờ đây đã mất hút trong đàng chân trời. Nhưng thật sự không phải vậy. Dĩ nhiên Don Bosco đã bận rộn tới 90% bởi nhà to lớn của các học sinh cũng như của các anh em học nghề chứa đến 800 thanh thiếu niên và bởi các công cuộc Salêdiêng khác đang nhân rộng thêm. Nhưng ngài không quên Nguyện Xá "của ngài". Những chứng từ không phải nhiều lắm, nhưng cũng đủ để nêu cao lãnh vực Nguyện Xá này.

Enrico Angelo Bena kể lại rằng: "Tôi đến Nguyện Xá vào dịp mùa chay năm 1871. Tôi đến từ vùng Magnano Biellese và tôi phải vất vả làm nghề thợ xây. Vào ngày thứ nhất của tuần thánh, theo như cha xứ của tôi đã căn dặn cho tôi và cho các bạn khác, tôi tới Nguyện Xá của Don Bosco. Tôi rất thích. Mỗi năm, khi trở lại Torino từ tháng ba đến tháng mười một, tôi tiếp tục lui tới Nguyện Xá, bởi vì tôi không ghi danh vào quân đội.

Lối vào Nguyện Xá trong những năm đó ở phía bên trái đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ. Lối vào là một cổng thô làm bằng những tấm ván. Có ba hay bốn linh mục tại Nguyện Xá. Don Bosco thường đến vào ban sáng để cử hành Thánh lễ, và vào ban chiều để dạy giáo lý. Năm thứ hai tôi đến Torino, tôi được chịu lễ lần đầu tại Nguyện Xá. Tất cả mọi người đều được mặc áo sạch sẽ. Ai không nhận được áo từ gia đình của mình, thì nhận áo từ Don Bosco. Chính ngài cử hành thánh lễ trong nhà thờ thánh Phanxicô Salê và trao Mình Thánh cho chúng tôi. Sau đó khi ra khỏi nhà thờ, bàn ăn được dành cho chúng tôi: có bánh, phó mát, dồi. Don Bosco đi qua trao cho chúng tôi một chút rượu mà ngài rót vào các ly của mỗi người chúng tôi. Ngài cũng phân phát bánh ga-tô nữa.

Khi một bạn trẻ có áo quần, giầy rách, thì Don Bosco phân phát cho họ quần áo và giầy dép tuy có vá lại, nhưng rất chắc. Điều tôi thích thú là các cuộc chơi

kỵ sĩ tấn công nhau, hay cuộc chơi thi đua chạy lướt và những món quà chúng tôi nhận được. Ban kèn đồng chơi những điệu rất thích thú".

Trong năm 1871, cậu thợ trẻ của vùng Villa Miroglio tên là Francesco Alemano cùng với cả gia đình đến Torino, và cậu ta bắt đầu lui tới Nguyện xá Chúa Nhật. Ngày đầu tiên cậu ta đến đó thì gặp Don Bosco. Sau khi đọc giờ kinh phụng vụ, thì có tổ chức một cuộc sổ số nho nhỏ và Alemanno thắng được một món quà là chiếc cra-vát. Don Bosco quàng cra-vát vào cổ cậu ta và hỏi:

- Con tên là gì?

- Franceso Alemanno

- Con đã đến Nguyện Xá được lâu chưa?

- Đây là lần đầu tiên.

- Con có biết Don Bosco không?

Cậu ta tỏ vẻ bối rối, rồi ngước đôi mắt nhút nhát lên, cậu ta nói:

- Don Bosco là cha đó.

- Con sẽ biết rõ Don Bosco hơn nếu con để cho ngài làm ích cho linh hồn con.

- Thưa cha, đó chính là điều con tìm kiếm, một người bạn chăm lo cho linh hồn con.

- Thật là kỳ diệu! Chiều hôm nay, con đã thắng sổ số được một chiếc cra-vát và cha, với chiếc cra-vát này, cha sẽ cột chặt con vào Nguyện Xá mà con không thể xa nó được nữa".

- Francesco đã trở nên một người bạn thực thụ của Don Bosco. Từ Nguyện Xá, cậu chuyển sang Tu Hội Salêdiêng.

Các người thợ trẻ, việc phân phát những quần áo cho các trẻ nghèo khổ hơn cả, các câu chuyện trao đổi giữa cha và con với các bạn trẻ : đó luôn luôn là Nguyện xá của Don Bosco vẫn còn tiếp tục sống và phát triển mạnh mẽ dưới bóng Đền Thờ Đức Mẹ Phù Hộ.

Don Bosco trao Nguyện Xá cho cha Barberis hướng dẫn trong một vài năm. Rồi trao cho Don Pavia điều khiển nó rất lâu năm. Thế là trong những năm dài của thời cha Pavia, Nguyện xá được trợ giúp bởi một sư huynh huyền thoại Giovanni Garbellone. Đó là một con người có tính hướng ngoại đôi chút và kỳ quái, chính là một bằng chứng sống động của quyền giáo dục phi thường của Don Bosco, con người vốn biết biến các đức tính tự nhiên dù là của những con người nghèo khổ nhất, thành các sức mạnh có giá trị to lớn.

Trong suốt 50 năm, Garbellone là linh hồn của Nguyện Xá Chúa Nhật. Trong cuốn sổ tay của thầy, thầy đã giữ sáu ngàn tên của các bạn trẻ được chuẩn bị rước lễ lần đầu. Kể từ năm 1884, cậu trở thành nhạc trưởng của Ban Kèn đồng mà thầy đã dẫn dắt một cách oai vệ cho tới năm 1928, năm thầy qua đời.

Don Bosco đã chiếm lãnh tình cảm của thầy bởi một cử chỉ tín nhiệm lớn lao. Ngài đã đặt vào tay thầy 30.000 lire (một con số kếch xù để đem đi trả một món nợ. Garbello khi đó mới có 28 tuổi, và là một con người nghèo khổ. Cử chỉ này chạm tới tim thầy một cách sâu xa đến độ kể từ đó thầy luôn sẵn sàng dù là ném mình vào trong lửa vì Don Bosco.

Michele Unia, một nông dân

Ngày 19.3.1871, một thanh niên nông dân 27 tuổi đến Nguyện Xá. Tên cậu ta là Michele Unia. Cậu ta nói với Don Bosco rằng cậu muốn học để trở thành linh mục, nhưng không phải là Salêdiêng.

- Con muốn trở lại Rocácaforte thuộc Mondoi, xứ sở của con.

- Nhưng nếu Chúa muốn cho con một sứ mệnh to tát hơn thì sao?

- Nếu Chúa cho con hiểu ra được rằng đó là thánh ý của Ngài…

- Nếu Thiên Chúa tỏ lộ cho cha điều chỉ mình con biết về con mà thôi, và nếu cha nói điều đó cho con ở đây, thì liệu đó có phải là một dấu chỉ đủ cho con thấy rằng ngài muốn con là một linh mục Salêdiêng chăng?

Michele Unina không biết liệu mình có thể lấy những điều cha nói đó là nghiêm chỉnh chăng hay chỉ như là một trò chơi vui thôi. Cậu ta suy nghĩ một chút, rồi nói:

- Được, xin cha nói cho con hay rằng cha thấy trong lương tâm của con.

Don Bosco đã nói cho cậu tất cả. Ngài nêu một danh sách các hành động tốt và các tội của cậu, cho tới những chi tiết nhỏ nhất. Unia tưởng như là mình đang mơ:

- Và cha còn biết con hơn là con có thể tưởng tượng ra được. Khi đó con lên 13 tuổi, con ở trong ca đoàn nhà thờ của con, và vào dịp hát kinh chiều. Một trong các bạn của con, ngồi kế bên con, ngủ, với cái đầu ngẩng lên và miệng mở to ra. Con có những trái mận trong túi. Con đã chọn trái to nhất và đã đút vào miệng đang mở to của thằng bé khốn khổ ấy. Cảm thấy nó bị nghẹt thở, nó đứng dậy và chạy khắp nơi như một đứa điên. Nó phải ngưng buổi hát kinh chiều. Con cười bò lê bò càng, nhưng cha xứ đã bạt tai con cả nửa tá.

Michele Unia đã ở lại với Don Bosco. Đó là vị truyền giáo Salêdiêng đầu tiên đến với những người cùi ở Colombia, trong một vùng đất xa tít gọi là Agua de Dios (Vùng Nước của Thiên Chúa). Ngài đã sống ở đó giữa 730 người bị chứng bệnh ghê gớm đó. Với một công việc thật cực nhọc, cuối cùng ngài đã bị kiệt sức hoàn toàn, và qua đời. Ngài đã trả lại một khuôn mặt mang phẩm giá thực sự của những con người và của con cái Thiên Chúa cho họ.

Chương 45: ĐI XA HƠN

Trong những năm 1871-1872, Don Bosco có một giấc mơ đầy kịch tính. Có vẻ ngài đã kể lại với Đức Piô IX, rồi với một số Các Salêdiêng. Trong số họ có cha Barberis và cha Lemoyne đã kỹ lưỡng ghi các điểm lại.

"Cha thấy mình đang ở trong miền đất man rợ và hoàn toàn chưa được biết tới. Đấy là một đồng bằng mênh mông chưa được canh tác, và không có các ngọn núi hay ngọn đồi nhô lên. Tuy nhiên ở đằng chân trời xa tắp, người ta thấy được nhô lên những dẫy núi gồ ghề, lởm chởm. Cha thấy có những người đi ngang qua cánh đồng bằng này. Họ gần như để trần, thân hình to lớn ngoại thường và vẻ hung dữ. Tóc họ dài và thô, màu đồng thậm và đen. Họ chỉ mặc áo da súc thùng thình tỏa xuống từ bờ vai. Họ mang khí giới là lao và cung nỏ.

Những bộ lạc này ở rải rác và xuất hiện trong những cảnh khác nhau: một số người chạy và săn các con vật hoang dã; những người khác thì đi qua lại, dùng lao giơ cao những miếng thịt máu me. Có những người giao tranh chống lại nhau; những người khác thì chống lại các người lính mặc theo lối Âu châu và mảnh đất đó phủ đầy xác chết. Trước cảnh tượng đó cha rùng mình khiếp sợ.

Và này tại chân trời xuất hiện rất nhiều người theo lối ăn vận và cách hành động của họ, cha hiểu được rằng đó là những vị truyền giáo thuộc các dòng khác nhau. Họ tiến bước tới đó để rao giảng cho các người man rợ này đạo thánh của Chúa Giêsu Kitô. Cha quan sát kỹ họ, nhưng cha không nhận ra ai cả. Họ tiến vào giữa những người man rợ. Những người man rợ này vừa khi thấy họ, thì tiến đánh và giết họ. Trên các cây gậy dài của họ, họ buộc những chiến tích rùng rợn.

Những con người tình nguyện mới sẵn sàng liều mạng

"Sau khi đã thấy những cảnh kinh khủng trên, cha tự nhủ: "Làm thế nào để có thể cải hồi những con người hung dữ này?"

Trong khi đó cha thấy từ xa một nhóm các nhà truyền giáo khác có đám thanh thiếu niên đi trước, gặp gỡ những người man rợ này với những vẻ mặt vui tươi. Cha run lên trong khi suy nghĩ: "Chúng sẽ giết họ mất". Cha lại gần họ, thấy họ chính là các thầy tư giáo và các linh mục. Cha chăm chú nhìn họ và nhận ra họ là những người Salêdiêng của chúng ta. Những người đầu tiên cha biết rõ, còn những người khác đi theo họ, tuy cha không thể đích thân mình biết đến họ, nhưng cha có cảm tưởng đó là những nhà truyền giáo Salêdiêng như là tất cả các người truyền giáo của chúng ta.

"Sao lại vậy?", cha tự hỏi trong lòng. Cha không muốn để họ cứ tiến lên và cha muốn ngăn cản họ. Cha chờ đợi từ lúc này sang bất cứ lúc nào đó, họ cũng sẽ chịu cùng một số mệnh như những nhà truyền giáo tiên khởi, nhưng trái lại cha thấy họ tới làm cho các bộ tộc man rợ này vui hẳn lên. Họ đã hạ các vũ khí của đám dân này xuống, khiến cho chúng mất hết vẻ man rợ và tiếp nhận những người của chúng ta với những dấu thân thiện, lễ phép. Ngạc nhiên quá, cha mới tự nhủ: "Nào chúng ta xem chuyện sẽ kết thúc như thế nào!" Cha thấy các nhà truyền giáo của chúng ta tiến vào giữa đám dân man rợ, dạy dỗ chúng và chúng vui lòng lắng nghe họ. Họ dạy dỗ và chúng chú ý học hỏi. Họ khích lệ chúng và chúng tiếp nhận và đem ra thực hành các lời khuyên nhủ của họ.

Cha tiếp tục quan sát: Các nhà truyền giáo đọc kinh Mân Côi và các người mạn rợ đáp lại bằng lời kinh của họ. Sau này một khoảng cách thời gian ngắn, Các Salêdiêng còn đi sống ở giữa đám dân này, và chúng bao bọc lấy họ. Các nhà truyền giáo quì gối xuống, các người man rợ cũng qùi gối xuống sau khi đã hạ các khí giới. Và này đây một người Salêdiêng cất cao giọng: Hãy ca ngợi Đức Mẹ

Maira, hỡi các tiếng nói của các tín hữu. Đám đông đều đồng thanh tiếp tục bài ca này cách thật mạnh mẽ đến nỗi cha khiếp sợ và thức giấc.

Giấc mơ này tác động mạnh mẽ trong đời Don Bosco. Chính ngài quả quyết: "Sau giấc mơ này, cha cảm thấy phát sinh trong lòng cha một niềm ước ao xưa là làm việc trong cánh đồng tông đồ truyền giáo".

Don Bosco bắt đầu nghĩ đến các xứ truyền giáo khi ngài còn là một học sinh trẻ tại Chieri. Cha Lemoyne kể rằng: "Khi ấy, tại Piemonte, công cuộc Truyền giáo đã mang lấy một tầm mức khổng lồ. Những sách vở miêu tả những sự khó nhọc và những cuộc tử đạo của các nhà truyền giáo đã được hăm hở đọc. Và Gioan Bosco cảm thấy một ước muốn hăng nồng hiến mình cho các xứ truyền giáo xa lạ".

Công đồng Vaticano I (1869-1870) đã đóng góp một cách nghiêm chỉnh cho việc phát triển các xứ truyền giáo. Lợi dụng các chuyến hành trình tới Nước Ý (nơi hàng giáo sĩ rất đông đảo so với các hàng giáo sĩ tại các xứ xở truyền giáo của mình), các Đức Giám Mục của hai Châu Mỹ và châu Á đã tìm cách ghi danh những linh mục và những sơ muốn gia nhập các lãnh địa của các ngài.

Nhiều đơn cầu xin các hội viên cũng đã được gửi đến Valdocco. Đức Cha Barbero xin Don Bosco gửi các sơ tới Hydebad, tại Ấn độ. Đức cha Alemanày, giám mục San Francisco tại California, cũng xin ngài mở tại đó một trường dạy nghề. Don Bosco trả lời bằng các quà dâng, nhưng chưa nghĩ "cách cụ thể" đến các xứ truyền giáo.

Một năm sau đó , Don Bosco một giấc mơ về "cánh đồng bằng với những con người có những bộ mặt hung dữ" vừa kể ở trên, và Don Bosco cảm thấy "ước ao xưa" lại nổi dậy. Kể từ lúc đó, ngài đi tìm miền truyền giáo mà Chúa Quan Phòng ủy thác cho các người Salêdiêng đấy, là nơi nào. Những đơn yêu cầu thiết lập công cuộc bên kia biển tiếp tục được gửi đến và ngài xem xét chúng với một sự chú tâm khác hẳn trước.

Đi tìm một chi tiết: Hai con sông và một vùng sa mạc

Don Bosco kể lại rằng: "Những người da đen trong giấc mơ, trước đó tôi đã tin rằng đó là những người Phi châu và Êthiopi. Nhưng sau khi đã hỏi những người biết đến vùng này, và đã đọc những sách địa dư, tôi bỏ ra một bên những vùng này. Thế rồi tôi dừng lại ở Hong Kong, một hòn đảo của Trung Hoa. Tôi còn tìm hiểu về Nước Úc. Từ Đức Cha Quinn, tôi nhận được những lời cắt nghĩa về tình trạng của các dân bản địa này, nhưng các miêu tả của ngài không tương ứng với điều tôi đã thấy. Thế rồi tôi hướng trí tôi tới miền Mangalore và Malabar.

Cuối cùng vào năm 1874, vị lãnh sự Achentina tại Savone, Gazolo, nói một tiếng về các người Salêdiêng cho Đức Tổng Giám Mục của Buenos-Aires. Ngài nói lên ý nguyện của ngài là các người Salêdiêng sẽ đến Achentina. Khi ấy tôi đi tìm các sách địa lý về vùng nam Mỹ Châu và tôi đọc chăm chú. Điều đáng kinh ngạc là theo như các sách và các bức tem thư minh họa về vùng này, tôi nhận ra thật sự các người man rợ này ở ngay trong vùng đất Nam Achentina".

Có một chi tiết mà Don Bosco cứ mãi tìm cho được trong các bản đồ để khám phá ra "nơi được chỉ định bởi Thiên Chúa". Don Amadei, một trong các hạnh sử gia chăm chú nhất về Don Bosco gợi lại rằng: "Trong lãnh vực tông đồ của giấc mơ, ngài đã ghi nhận hai con sông ở cửa một sa mạc rất rộng, mà ngài không thể tìm ra được trên các tấm bản đồ mà ngài đã xem rất kỹ. Đó chính là con sông Rio Colorado và con sông Rio Negro tại Pantagonia; ngài chỉ biết được về điều này trong dịp ngài nói chuyện lần đầu tiên với vị sĩ quan chỉ huy Gazzolo, lãnh sự viên của Achentina tại vùng Savone. Tôi (Don Amadei) nhớ lại chính mình đã thấy một trong những tấm bản đồ cũ mà Don Bosco đã nghiên cứu trong đó ta đọc thấy ở dưới Nam Mỹ có những tiếng: "Vùng đất Pantagonia, nơi các dân ở đó là những người khổng lồ" (M.B. Cuốn 10, tr. 1273).

Suy nghĩ về những biến cố này, Piero Stella bình luận: "Rõ ràng là ý hướng của Don Bosco là tìm kiếm một con đường cho việc bành trướng công cuộc của ngài ở ngoài đất Âu châu. Ngài đã nghĩ đến và mơ tới những nơi truyền giáo theo nghĩa sát từ ngữ nhất, *in partibus infidelium* (trong những vùng đất của những người chưa có đức tin), và theo nghĩa mơ hồ nhất của thời đại đó: tức là nơi những dân tộc hung dữ và man rợ… Tại Achentina, có các người man rợ: còn tốt hơn nữa: là có những người man rợ ở trong đầu óc ngài. "Những người man rợ" là tiếng ma thuật gợi nên mối quan tâm thích thú và sự tò mò hơn cả… Có cả một bầu khí của huyền thoại bao bọc lấy những dân man rợ của vùng Pantagonia này, được miêu tả như những người khổng lồ bởi những tay thám hiểm xa xưa nhất, và cũng được trình bày lại ngay vào thế kỷ XIX, theo như trí tưởng tượng của những người diễn tả về họa hình các sách du hành, như là những người khổng lồ mà những người Châu Âu, với những cái mũ ba múi của họ, chỉ đứng cao tới thắt lưng của những người dân bản địa vừa mới sinh ra đấy. Họ là những người man rợ mà vào năm 1864 còn được miêu tả trong Từ điển Những Sự Hiểu Biết ích lợi, xuất bản tại Torino, với "những vai rộng, đầu to tướng, tóc đen và kết bện lại, ít râu, dung mạo lạnh lùng và thân mình cao hai mét. Họ là những người có lẽ là cao lớn nhất trên trái đất". Sự hung dữ của họ là hình ảnh của vùng lãnh thổ chưa được khai hóa, không có cây cối, không có người ở, tại đó gió mạnh tàn phá, và cũng tại đó họ cưỡi những con ngựa chạy ngang dọc cực nhanh, mang những vũ khí như dây rợ, trái ném, và giáo mà họ sử dụng rất khéo léo".

Một thư luân lưu để tìm những người tình nguyện

Một lời xin cụ thể đến từ Đức Tổng Giám mục Buenos Aires vào cuối năm 1874. Don Bosco nói:

- Những lá thư này cha đã đọc ở Công Nghị của Tu Hội vào buổi chiều 22-12.

Đức Tổng Giám mục đề nghị hai nơi: Một là đảm nhiệm tại Buos Aires một giáo xứ có các di dân Ý cư ngụ, được dâng kính cho Mẹ Từ ái; hai là điều hành tại San Nicolas một trường trung học các trẻ nam mới hoàn thành cách đây ít lâu. San Nicolas là một trung tâm rất quan trọng của Tổng Giáo phận Buenos Aires.

Don Bosco trả lời bằng tiếng Áchentino bằng việc trình bày ba điểm về chương trình của ngài:

1. Ngài sẽ sai một vài linh mục sang Buenos Aires để xây dựng tại đó một điểm xuất phát cho Các Salêdiêng vào Mỹ Châu. Họ sẽ chăm sóc "cách riêng cho giới trẻ nghèo và bị bỏ rơi, cho việc dạy giáo lý, cho các trường học, việc rao giảng, các Nguyện xá Chúa Nhật;
2. Thời gian thứ hai, Các Salêdiêng cũng sẽ đảm nhận công cuộc giáo xứ San Nicolas;
3. Từ hai địa bàn đầu tiên này, Các Salêdiêng sẽ có thể "được mời tới những chỗ khác".

Trong điểm thứ ba, Don Bosco bao hàm hay dưới một hình thức nào đó dấu ẩn cái dự tính của ngài là "dấn thân càng sớm càng tốt vào với những sắc dân man rợ".

Bằng cách này ngài đã xác định bằng các hạn từ cụ thể và thực hiện một phương pháp riêng để Tin Mừng hóa trong địa hạt truyền giáo. Các tu sĩ của Don Bosco không dấn thân ngay lập tức vào môi trường của các bộ lạc xa xăm, nhưng họ sẽ tạo nên những nền tảng tại những vùng đất an ổn trước đã, khi làm việc cho những di dân Ý rất đông đảo tại Achentina và thật sự họ đang thiếu thốn sự trợ giúp tôn giáo và luân lý. Từ các địa bàn đó, họ sẽ ra đi để đảm nhận những thí nghiệm tông đồ khác "ở tuyến đầu".

Don Ceria kể rằng: "Khi ấy vị thánh đã không lộ ra bất cứ một điều gì cả trong nhà, và ngài chuẩn bị một màn kịch đáng ngạc nhiên nhất. Buổi chiều 29-1, nhằm vào lễ thánh Phanxicô Salê, ngài cho tập họp các học sinh tập nghề, các học sinh văn hóa, cùng các hội viên tại phòng hội nơi các bạn học, tại đó đã được dựng lên một sân khấu. Don Bosco bước lên đó cùng với ông lãnh sự Achentina trong bộ đồng phục rất đẹp của ông, cùng với các thành viên của Thưởng Công Nghị và các giám đốc Salêdiêng".

Với một cộng đồng hết sức chăm chú, Don Bosco công bố là với sự chấp thuận của Đức Thánh Cha, các người Salêdiêng đầu tiên sẽ sớm lên đường tới các nơi truyền giáo vùng Nam Mỹ. Những lời của ngài không khơi lên một nỗi sợ hãi vì những mối hiểm nguy sẽ gặp phải tại đó, hay vì hành động này quả có quá táo bạo chăng, nhưng một sự hồ hởi không thể tả được giữa các bạn trẻ cũng như các người Salêdiêng.

"Một nắm men mới đã bắt đầu rắc lên giữa đám học trò và các Salêdiêng. Các ơn gọi tới chức linh mục đang nhân rộng và các đơn xin gia nhập Tu Hội tăng lên cách thấy được. Nhiệt tình truyền giáo tỏa rộng khắp thế giới". Cha Eugenia Ceria đã viết những lời trên trong Lịch sử biên niên của Tu Hội đã bình luận như sau: "Nếu chúng ta nhận định về ấn tượng đã có được, thì phải báo cáo lại rằng vào thời kỳ đó khi Tu Hội còn có vẻ một gia đình kết chặt lại quanh thủ lãnh của mình. Sự bùng phát được thình lình ban cho trí tưởng tượng trong ngày hôm đó bỗng khiến cho nó vượt ra khỏi những chân trời có giới hạn để rồi nó lập tức làm cho lớn rộng lên cái ý tưởng tốt đẹp mà người ta đã có về Don Bosco và về công cuộc của ngài. Một lịch sử thứ hai đã bắt đầu cách thực sự cho Nguyện xá và Tu Hội Salêdiêng".

Ngày 5 tháng Hai, Don Bosco loan báo cuộc xuất phát truyền giáo thứ nhất cho tất cả các Salêdiêng cư trú tại Valdocco. Lá thư luân lưu của ngài kêu gọi

những người tình nguyện làm đơn xin truyền giáo. Ngày xuất phát truyền giáo được ấn định trên nguyên tắc vào tháng Mười.

Sự hồ hởi gia tăng khắp nơi, hầu như tất cả mọi người đều xung phong đi truyền giáo. Những tiếng như "một lịch sử mới đã bắt đầu" hình như không phải là quá đáng.

Người dẫn đầu đoàn truyền giáo là đứa trẻ có hai người Da đỏ khổng lồ đu lên

Chính Don Bosco đứng ra tổ chức mười một cuộc xuất phát truyền giáo trong suốt dòng cuộc sống ngài; nhưng không có cuộc xuất phát truyền giáo nào vượt qua được lòng nhiệt thành và cơn sốt bỏng của cuộc xuất phát truyền giáo thứ nhất.

Nó đã được chuẩn bị cho tới tận chi tiết nhỏ nhặt. Để cho các con của ngài được tiếp nhận như là "những người bạn giữa đám bạn hữu", Don Bosco đã liên lạc với các nhân vật tại Bueos Aires. Để cho họ có được tất cả những gì cần thiết, ngài đã quay về với các cộng tác viên và chính ngài cũng phải ngạc nhiên về sự quảng đại của họ.

Các nhà truyền giáo lên đường sẽ phải diễn tả cái tốt đẹp nhất của Tu Hội non trẻ và nhỏ bé. Trong số những người đã đáp lại lời kêu gọi của ngài (một đám rất đông đảo), Don Bosco chọn ra sáu linh mục và bốn sư huynh. Có một số người đã kết thúc tồi tệ: Don Bosco không phải lúc nào cũng xét đúng người đúng chỗ, cũng chẳng phải lúc nào ngài cũng nắm bắt được ánh sáng soi sáng từ Trời cao.

Gioan Caglireo sẽ là thủ lãnh của cuộc xuất phát truyền giáo này. Đó là đứa trẻ mà Don Bosco đã thấy hai người da đỏ không lồ có nước da mầu đồng đu lên. Với cái tuổi 37, Don Caglireo là một linh mục cường tráng, vui vẻ, thông minh và có một hoạt động sôi nổi. Cha chuẩn bị mình để trở nên con người của hoàn

cảnh mới tại Nam Mỹ. Khó có thể tượng ra cảnh Nguyện xá không có Caglireo: cha có văn bằng thần học, giáo sư của các thầy tư giáo trẻ, một bậc thầy khôn bì, và một nhà soạn nhạc. Cha chịu trách nhiệm về các hoạt động khá tế nhị, dẫn dắt đời thiêng liêng cho nhiều Tu Hội trong thành phố. Sự ra đi truyền giáo của cha sẽ tạo nên một sự vắng mặt rất nặng nề.

Don Bosco đã ghi danh cha vào nhóm xuất phát truyền giáo qua một phương cách kỳ lạ. Don Ceria kể lại rằng:

"Sau khi giữ thái độ tư lự và im lặng, một ngày kia Don Bosco nói với Caglireo đang đứng bên cha:

- Cha muốn sai một trong những linh mục ở với cha lâu nhất để cùng đồng hành với các người đi truyền giáo tại Mỹ Châu: người ấy sẽ ở lại với họ trong vòng ba tháng, cho tới khi họ đã ở lại đó một cách tốt đẹp. Bỏ mặc họ ngay lập tức không có một sự nâng đỡ nào, hay một người cố vấn nào có được sự tín cẩn của họ, đối với cha xem ra là một điều khá đau lòng".

Caglireo trả lời:

- Nếu Don Bosco không tìm ra được một người nào khác và muốn chọn con vào nhiệm vụ đó, con sẵn sàng.

- Tốt lắm! – Don Bosco kết luận.

Nhiều tháng trời qua đi mà không thấy Don Bosco có lúc nào khơi lại chuyện này trong khi nói chuyện. Nhưng khi ngày xuất hành đến gần, thì thình lình một hôm Don Bosco nói với ngài một cách đột ngột:

- Về vấn đề lên đường đi Mỹ Châu, con có luôn luôn ở trong cùng một tâm tưởng không? Hay là con chỉ nói thế để diễu cợt thôi?

- Cha biết rõ con không bao giờ diễu cợt với Don Bosco cả.

- Tốt, vậy trong trường hợp này, con hãy chuẩn bị, thời gian đã đến rồi.

Don Caglireo chạy đi để bắt đầu việc chuẩn bị. Trong vài ngày, bằng cách làm việc cật lực để sắp đặt đâu vào đó.

Và cứ như vậy, với sự đơn sơ quen thuộc và dễ chịu, vị truyền giáo thứ nhất và cũng là nhà truyền giáo vĩ đại nhất Salêdiêng bắt đầu sứ mệnh của mình. Nhưng ba năm nhằm chuẩn bị cho nhà tân truyền giáo làm quen với môi trường mới, đã được kéo dài thành 30 năm đối với Don Caglireo.

Một linh mục khác có giá trị xuất phát đi truyền giáo là Don Fagnano, có tâm hồn của một nhà tiên phong, là cựu chiến binh của tướng Garibaldi. Bốn linh mục còn lại là những vị Cassinis, Tomatis, Bacácino và Allavena. Bốn sư huynh trong phái đoàn này là Scavini; thầy dạy nghề mộc, Gioia đầu bếp và thầy dạy đóng giày, Molinari thầy dạy âm nhạc, và Belmonte quản lý.

Hai mươi lời kỷ niệm viết bằng bút chì

Mùa hè được dành cho những người lên đường để học tiếng Tây ban nha.

Sang tháng Mười, Don Caglireo dẫn họ tới Rôma để lãnh nhận phép lành của Đức Thánh Cha. Đức Piô IX vừa vào phòng đã nói:

- Ồ Cha già mất rồi. Đâu là các nhà truyền giáo trẻ của cha? Vậy ra các con là các con của Don Bosco và các con đi rao giảng Tin Mừng cho Achentina. Các con sẽ có một khung cảnh rộng rãi tại đó để làm việc thiện. Các con hãy nêu gương nhân đức ở giữa các dân tộc này. Cha mong ước là các con sẽ trở thành đông đảo hơn bởi vì công việc thì bất tận và mùa gặt thì dồi dào giữa các bộ lạc man rợ đó.

Rồi họ trở lại Torino. Eugenia Ceria kể lại rằng: "Một cuộc xuất phát truyền giáo ở cuối Châu Mỹ vào năm 1875 có một cái gì đó anh hùng lắm trước con mắt của những người sống trong góc nhỏ mất hút của thành phố Torino gọi là Valdocco. Người ta nhìn các người lên đường như những nhà quán quân quảng đại đã tung mình cách kiên quyết vào cuộc gặp gỡ với mầu nhiệm. Trong khi xem thấy họ đi lại trong bộ áo kỳ lạ, ai cũng muốn tìm gặp họ để trao đổi với họ vài điều".

Ngày 11.11.1875, tại đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ, Don Bosco nói lời chào biệt cùng họ. Và lúc 16 giờ, nhà thờ đầy ắp người. Vào cuối kinh chiều, Don Bosco lên tòa giảng và vạch ra cho các người lên đường một chương trình cho hoạt động của họ. Trước hết họ sẽ chăm sóc cho các di dân Ý tại Achentina:

"Cha căn dặn các con cách mạnh mẽ đặc biệt về hoàn cảnh đau thương của nhiều gia đình Ý. Các con sẽ gặp rất đông các trẻ em và cả các người lớn sống trong sự ngu dốt đáng buồn không biết đọc, biết viết và bất cứ nguyên tắc tôn giáo nào. Các con hãy đi tìm kiếm các anh chị em của chúng con mà sự nghèo khổ và bất hạnh đã dẫn họ tới vùng đất xa lạ này…".

Tiếp đến họ sẽ bắt đầu truyền giáo tại Pantagonia:

"Chúng ta bắt đầu một công cuộc lớn, không phải vì chúng ta tin mình hoán cải cả thế giới trong vòng vài ngày, không. Nhưng ai sẽ biết được cuộc xuất phát truyền giáo này sẽ ra sao và xem xem từ một cây nhỏ bé, nó sẽ trở thành một cây lớn thế nào? Ai biết được rằng nó sẽ giống như cây hạt cải hay hạt kê, nhưng sẽ mọc lên và sản sinh thiện ích to lớn?".

Cuối cùng, với tình huynh đệ, Don Bosco ôm hôn các người lên đường. Mối cảm xúc thật lớn khi các người đi truyền giáo đi dọc theo nhà thờ, bước qua các lớp học sinh và bạn hữu. Tất cả muốn bao bọc lấy họ. Don Bosco là người cuối cùng bước tới cửa cuối nhà thờ. Quang cảnh thật là vĩ đại: Sân nhà thờ chứa đầy dân chúng; những hàng dài các xe cộ chờ đợi các nhà truyền giáo, ánh sáng đèn lồng soi sáng vào ban đêm. Don Lemoyne ở bên Don Bosco, nói với ngài:

- Don Bosco ơi, đây là khúc khởi đầu của câu *Inde exibit gloria mea* ("Từ đây sẽ tỏa ra vinh quang của Mẹ"; xem Chương 38).

- Đúng đấy, Don Bosco trả lời với sự xúc động sâu xa.

Đây là thời điểm mà người ta có thể đánh mất đi ý thức về thực tại.

Nhưng Don Bosco đứng chắc đôi chân trên mặt đất. Vài tháng trước đó ngài đã tuyên bố: "Nguyện Xá Valdocco của chúng ta là gì so với thế giới? Một hạt

nguyên tử. Nhưng tuy nhiên chúng ta có biết bao việc phải làm khởi sự từ góc xa xôi này, này đây chúng ta nghĩ đến việc sai những người tại nơi đây hay nơi kia. Ôi, Chúa tốt lành biết bao!".

Mỗi người lên đường đều nhận được một tờ giấy với "20 lời ghi niệm đặc biệt" do chính Don Bosco viết. Ngài đã biên ra những lời này trên một cuốn sổ tay nhỏ của ngài trong một cuộc hành trình trong toa xe lửa, rồi ngài đã cho các người đi truyền giáo chép ra nhiều bản. Đó là những điều cốt yếu nói lên ý niệm của ngài về việc truyền giáo Salêdiêng. Chúng ta chỉ nêu ra ở đây năm điều có ý nghĩa nhất:

1. Hãy tìm kiếm các linh hồn, chúng không phải tiền bạc, hay những vinh dự hay các phẩm trật.

2. Hãy chăm sóc những người ốm đau một cách đặc biệt.

3. Hãy làm cho thế giới thấy chúng ta là những người nghèo trong áo mặc, ăn uống, nhà cửa, và các con sẽ nên giàu có trước mặt Thiên Chúa và trở thành những người làm chủ trái tim con người.

4. Giữa các con, hãy yêu thương nhau, khuyên bảo nhau, sửa lỗi cho nhau, đừng có ghen tỵ, giận hờn; trái lại, chớ gì cái tốt của một người là cái tốt của tất cả mọi người; những nỗi đau khổ của một người phải được coi là những nỗi đau khổ của tất cả mọi người, và mỗi người đều nỗ lực để chữa chúng cho lành hay ít nhất là làm thuyên giảm chúng.

5. Trong những lao nhọc và thử thách, chúng ta đừng quên rằng chúng ta có một phần thưởng lớn trên trời. Amen.

Cùng ngày 11 tháng 11 đó Don Bosco đồng hành cùng các nhà truyền giáo tới Genova nơi họ xuống tàu hơi nước Savoia của Pháp vào ngày 14. Một nhân chứng nhớ lại rằng Don Bosco mặt đỏ rực do nỗ lực ngài cố kiềm hãm sự cảm động của mình.

Tương lai hiện lên ở đằng chân trời chẳng có chút gì là sự nghỉ ngơi, nhưng

Don Caglireo mang theo mình một tờ giấy nhỏ trên đó Don Bosco đã viết cho ngài là: “Các con hãy làm điều các con có thể; Thiên Chúa sẽ làm cái mà chúng ta không thể làm được. Các con hãy tín nhiệm vào Chúa Giêsu Thánh Thể và vào Mẹ Maria Phù hộ và các con sẽ thấy phép lạ sẽ ra sao”.

Chương 46: PANTAGONIA, ĐẤT HỨA

Họ tới Buenos Aires ngày 14.12.1875 và thấy mình ở giữa các bạn hữu. Cùng với Đức Tổng Giám mục của thành phố và các linh mục, còn có 200 di dân Ý hô vang lên lời chào đón của mình. Thậm chí họ còn tìm ra được một nhóm các cựu học sinh của Nguyện Xá Valdocco.

Nhưng họ còn kinh ngạc "trước cảnh tượng của số dân chúng tính tình tốt lành và có truyền thống tốt đẹp, rất kính trọng các linh mục, quảng đại với nhau, nhưng hoàn toàn không biết gì về đạo và không được sự giúp đỡ nào về tôn giáo cả. Dựa trên những lá thư đầu tiên họ gửi về, thì hầu như 30,000 dân Ý tại Buenos Aires, và hầu như 300,000 di dân Ý trong đất nước Áchentina, do thiếu các linh mục đồng hương, nên hầu như bị bỏ mặc cho bản thân họ. Don Caglireo và các anh em hội viên Salêdiêng cảm thấy mình như là nước mưa bị hút hết bởi mảnh đất khô hạn" (Cha Pietro Stella).

Sau vài ngày, Các Salêdiêng chia ra thành hai nhóm, như đã được quyết định tại Torino: Don Caglireo với hai hội viên cư trú tại nhà thờ dâng kính Đức Mẹ đầy lòng thương xót, để điều hành một giáo xứ có di dân Ý sống; còn Don Fagnano hướng dẫn 6 hội viên Salêdiêng khác đến San Nicolas, để sinh động một trường trung học trẻ nam.

Tại Buenos Aires, cái thật thích hợp với hoàn cảnh theo ý Chúa Quan Phòng là hoạt động Nguyện xá ngày lễ, được mở ra ngay lập tức. Trong thành phố lớn này thiếu hoàn toàn việc phục vụ cho các trẻ em. "Don Caglireo và các cộng tác viên của ngài đều há hốc miệng ra ngạc nhiên khi tìm thấy mình bị bao quanh

bởi đám trẻ. Đa số chúng là trẻ Ý. Khi được mời làm dấu Thánh Giá, chúng nhìn họ ngạc nhiên, vì không hiểu họ muốn nói gì. Khi hỏi chúng để biết xem chúng có đi lễ Chúa Nhật chăng, chúng trả lời là chúng không nhớ bởi vì chúng không biết khi nào là ngày Chúa Nhật và khi nào không phải là ngày Chúa Nhật" (P. Stella).

Khắp nơi đều thiếu các trường học và trong khoảng vài tuần Don Caglireo bị tấn công bởi các lời yêu cầu, không chỉ ở Áchentina, mà còn ở nước Uraguay bên cạnh. Đức Khâm sứ Montevideo trong khi khích lệ gửi tới các Salêdiêng, đều đã nêu lên những con số đau đớn: Trong toàn thể đất nước Uraguay, lớn bằng một nửa Nước Ý, không có cả tiểu chủng viện lẫn đại chủng viện, và chỉ có duy nhất một trường học Công giáo.

Còn những người man rợ thì sao?

Việc nghĩ đến những người man rợ đã từng là động cơ giúp rất nhiều người trong số họ quyết định vượt Đại dương, thì lúc ấy hãy còn tạm gạt sang bên cạnh.

Don Caglireo hiện chú tâm đến ba công cuộc mà ngài thấy là cần thiết phải mở ngay lập tức. Trước hết là một trường dạy nghề, "một xưởng huấn luyện các ngành nghề đáp ứng cho các nhu cầu hiện tại, sẽ là một biến cố phải được ghi lại trong lịch sử của quốc gia, khiến cho công chúng ai ai cũng phải kinh ngạc, và mang đến ích lợi thật to lớn" (thư cho Don Bosco ngày 5.2.1876). Rồi một Trường Trung Học tại Montevideo: một trường trung học Kitô giáo đầu tiên tại thủ đô Uraguay. Và sau cùng là một công cuộc cho các trẻ nam tại một khu nghèo nhất của Buenos Aires: "La Boca", nơi di dân Ý sống, và bị cai quản bởi các người tam điểm.

Không ai dám đi qua phố xá tại nơi đó. Don Caglireo lập tức tới đó, qui tụ một nhóm trẻ trong khi phân phát cho chúng các ảnh Đức Mẹ, và đã thành công

nói chuyện với một vài gia đình. Đức Tổng Giám mục hay tin đó, đã nói với cha:

- Anh em đã mắc một sai lầm to lớn. Tôi đã chưa bao giờ dám đến đó và tôi cũng đã không cho phép các linh mục của tôi đến đó. Ai đến đó tất sẽ gặp những nguy hiểm lớn.

- Nhưng tuy vậy con thật sự đang tính lại đó.

Quả vậy, hai hay ba ngày sau, cha Caglireo đã quay trở lại đó. Các trẻ chạy lại với cha và nói bằng tiếng vùng Genova:

- Ông linh mục cho ảnh đã đến!

Thế là chúng tái lập lại những cảnh xưa kia ở vùng ngoại ô Torino:

- Cha sẽ cho ảnh cho những người tốt nhất… Vậy ai là người xấu nhất nào… Các con có biết làm dấu thánh giá chăng? Và có biết đọc Kinh Kính Mừng Maria chăng?!…

Những người đàn ông, đàn bà đi ra đứng ở ngưỡng cửa nhà để xem vị linh mục dám ở lại giữa những đứa trẻ phá phách này và còn hứa dành cho chúng một khu đất với các trò chơi, các bài hát, âm nhạc và niềm vui nữa. Tuy nhiên tại Valdocco, người ta vẫn cứ hỏi đến các tin tức về đám dân man rợ. Eugenio Ceria viết: "Pantagonia đã là một tiếng làm bừng dậy trí tưởng tượng của các bạn trẻ. Biết bao nhiêu em mơ về các cuộc mạo hiểm giữa những người Da Đỏ đang đi khắp các vùng đất mênh mông không người ở này". Don Bosco phải nuôi những trí tưởng tượng của giới trẻ và không để mất đi nhiệt tình này.

Các nhà truyền giáo gửi qua những lá thư gửi về các tin tức mà họ lượm lặt đây đó. Lúc đầu còn chưa được chính xác lắm, nhưng dần dần với thời gian các tin tức trở thành chính xác hơn. Sau đây là một lá thư viết ngày 10.3.1876:

"Những điều kiện sống vật chất và tinh thần của các người Da đỏ, tức là các bộ lạc Pampas và Patagon lấp đầy tâm hồn chúng con bằng nỗi cay đắng. Các thủ lãnh các bộ lạc này chiến đấu chống lại chính phủ. Họ phàn nàn về những sự sỉ nhục và những phiền toái. Họ tránh né các đơn vị đồn trú để rồi giữ chân các

đơn vị đó lại, rồi đi lại khắp các vùng quê, đánh cắp, rồi trang bị mình với những khẩu xúng carabin hiệu Remington, bắt tù cả đàn ông, đàn bà và trẻ con, ngựa và cừu. Về phía các binh lính của chính phủ thì thực hiện một cuộc chiến sinh tử với họ đến độ tinh thần họ thay vì bình thản, lại càng ngày càng căng thẳng lên quá mức, và nổi máu trả thù. Điều này có thể đã khác đi nếu thay vì các binh lính, chúng ta có các thầy dòng Capuxin hay các nhà truyền giáo khác: Họ sẽ cứu được biết bao các linh hồn và sự thịnh vượng, an sinh xã hội được thiết lập nơi các người man rợ này. Trong hoàn cảnh chiến tranh và căng thẳng hiện tại của những người Da đỏ chống lại chính phủ, những nhà truyền giáo chỉ có thể làm được rất ít điều hoặc không thể làm được gì cả…"

Những bạn trẻ đến từ Torino

Don Bosco từ Torino am hiểu rõ tình hình: Thành phố Buenos Aires đầy các di dân, nhắc nhở cho ngài cảnh thành phố Torino với các bạn trẻ đến đó từ các vùng thung lũng cao, khi ngài còn là một linh mục trẻ.

Ngài chuẩn bị một cuộc xuất phát truyền giáo thứ hai. Ngày 7.11.1876, ngài gửi tới Mỹ Châu 23 Salêdiêng để cho tại đó Don Caglireo có thể thiết lập các công cuộc xem ra là khẩn trương nhất. Trong số các nhà truyền giáo này có Don Brodato và Don Luigi Lasagna ("Cậu bé có tóc hung hung") là những người tạo nên một lực đẩy rất quan trọng cho công cuộc Salêdiêng. Đây là một cố gắng làm đổ máu Tu Hội Salêdiêng còn non trẻ và mỏng manh. Ngài viết cho Don Caglireo: "Cuộc xuất phát truyền giáo này làm cho chúng ta nền nhà lún sâu vào nước tới tận cổ, nhưng Thiên Chúa giúp đỡ và chúng ta sẽ thoát mình được ra khỏi đó".

Tuy nhiên, Don Bosco không muốn người ta từ bỏ quá vội kế hoạch lúc khởi đầu: đó là việc Tin Mừng hóa các người Da đỏ.

Ngài đề nghị một kế hoạch mà từ xa xem ra hoạt động tốt: đó là mở các trường trung học trong các tỉnh gần với các lãnh thổ của người Da đỏ, tiếp nhận các con cái của dân man rợ này và qua chúng tiếp cận được với những người lớn, "trong khi nỗ lực vun trồng ơn gọi mà tình cờ có thể xuất hiện ở nơi những học trò của mình. Bằng cách này ta hy vọng chuẩn bị được các nhà truyền giáo cho các vùng Pampas và Patagoni. Những người man rợ sẽ trở thành các nhà rao giảng Tin Mừng cho chính các người man rợ khác".

Nhưng kế hoạch này tại chính địa bàn của nó không thể thực thi được. Don Costamagna, Don Fagnano, Don Lasagna thực hiện các cuộc xâm nhập truyền giáo vào giữa các bộ lạc mất hút trong đồng quê mênh mông, rất xa khỏi các thành phố trung tâm của quốc gia, nhưng họ không bao giờ gặp được khuôn mặt nào của người man rợ cả. "Các thành phố gần với lãnh thổ của dân Da đỏ" không hiện hữu. Để tới được với những vùng đất dân Da đỏ, thì phải cùng đi với các nhà mạo hiểm và các con buôn du hành xuống phía nam thành từng đoàn lữ hành, hoặc đi bằng tàu buồm, trong khi trải qua hằng ngàn Kilô mét. Tới đó có dân Da đỏ qui tụ lại, nhưng chỉ là ít căn nhà lều mà sau này sẽ trở thành các thành phố của tương lai.

Sáng tháng 11-1877, Don Bosco sai tới Achentina một đoàn truyền giáo thứ ba gồm 18 người. Người ta đã gọi là đây là "một đạo binh Thánh giá gồm các trẻ con", bởi vì có trong đó cả các thầy tư giáo trẻ. Nhưng các kết quả sẽ chứng mình rằng Don Bosco có lý.

Cùng với Các Salêdiêng nam, lần đầu tiên cũng có cả các Con Đức Mẹ Phù Hộ, các sơ Salêdiêng) mà Mẹ Mazzarello đã theo họ tới tận tàu biển. Sau nhóm nhỏ các Con Đức Mẹ này, hằng ngàn những người nữ truyền giáo khác cũng sẽ vượt đại dương.

Đức Tổng Giám mục Buenos Aires hiểu được rằng Don Bosco đã làm cho Giáo phận của ngài những điều "vượt hết mọi giới hạn có thể". Ngài muốn

chứng tỏ lòng biết ơn của mình. Để đi vào quan điểm của chính Don Bosco, ngài sai vị Tổng đại diện của ngài, Đức Cha Espinosa, và hai Salêdiêng lên đường đi tới tận Pantagonia, vùng đất của dân Da đỏ. Bằng cách này Don Bosco rốt cuộc có thể tiếp nhận được "những tin tức hằng mong mỏi về các người man rợ".

Pampas

Vùng đồng bằng phía Tây và phía Nam Buenos Aires được chia thành Humid Pampa với nền nhiệt cao và Dry Pampa có khí hậu khô hạn hơn. Humid Pampa chiếm phần lớn diện tích của Buenos Aires, tỉnh Córdoba, phần lớn tỉnh Santa Fe và tỉnh La Pampa. Phần phía Tây của tỉnh La Pampa và tỉnh San Luis nằm trong vùng Dry Pampa. Đất đai ở đây thiếu nước cho trồng trọt, chủ yếu được sử dụng để chăn thả gia súc.

Pantagonia

Nằm trong các tỉnh Neuquén, Río Negro, Chubut và Santa Cruz. Phần lớn vùng này có khí hậu bán hoang mạc phía Bắc đới lạnh và hoang mạc phía Nam nhưng thực vật phát triển ở vùng rìa phía Tây và được tô điểm bởi rất nhiều hồ. Tierra del Fuego có khí hậu mát mẻ và ẩm ướt, được điều hòa bởi sự tác động của biển.

Ngày 7.3.1878, trên bờ sông Paranà, Don Coatamagna, Don Rabagliresti và vị tổng đại diện lên một chuyến tàu chạy hơi nước để đi về phía Nam. Họ cập bến Bahia Blanca, cách thủ đô 1000 km đường biển, về hướng Nam. Từ đấy, họ tiếp tục đi thêm 250km trên con sông Rio Negro, "theo một cách thức nào đó" để đến Pantagonia.

Nhưng nỗ lực này không những thất bại, mà còn có nguy cơ rơi vào thảm họa. Một trận bão nổi dậy. Gió từ khu Pampa lay động và quật ngã mọi sự trong ba ngày hai đêm. Con tàu chạy bằng hơi nước sau cùng bị hư hại và buộc phải quay trở lại bến cảng Buenos Aires.

Lá thư miêu tả cảnh tượng bão tố này của Don Costamagna đã có một sự thành công không tưởng tượng được giữa giới trẻ của Valdocco và các độc giả của Tập san Salêdiêng.

"Thánh giá tiến bước sau lưỡi gươm. Kiên nhẫn thôi!"

Cuộc xuất phát truyền giáo thứ hai tới vùng đất các người Da đỏ bắt đầu vào 16.4.1879. Julio Roca, Đại tướng và Bộ trưởng chiến tranh hành quân về miền Nam với 8000 quân. Đó là một cuộc hành quân càn quét chống lại các bộ lạc dân bản địa vẫn tiếp tục gây nên những vụ giết người và những cuộc đánh du kích.

Trong các cuộc hành quân trước đây không ít người da đỏ đã bị giết, những người khác thì được dẫn về Buenos Aires và được phân tán đi các gia đình để làm nô lệ. Trong các bộ lạc còn sống sót thì có cả một niềm căm phẫn sâu xa đối với những người da trắng. Người ta có thể dễ dàng ước đoán rằng họ thà làm cho mình bị tiêu diệt hết còn hơn là đầu hàng. Cũng dễ tiên liệu rằng các binh lính dễ dàng để cho mình tham gia vào các cuộc tàn sát thông thường như thế.

Do vậy vị bộ trưởng chiến tranh muốn thử sử dụng đến "các phương tiện luân lý". Ông đã xin với Đức Tổng Giám mục các vị linh mục hoạt động trong chiến dịch mới này như là những vị tuyên úy quân đội, và đồng thời như là các nhà truyền giáo giữa các bộ lạc người da đỏ. Đức Tổng Giám mục đã mời vị tổng đại diện của ngài cùng các Salêdiêng là cha Costqmagna và cha Otta.

Chuyện này không làm vui lòng cha Costamagna mấy, như lời cha Bodrato viết cho Don Bosco vào thời gian đó. "Ngài sợ rằng người linh mục dây mình vào giữa đám binh lính tất làm cho dân chúng quay gót khỏi Tin Mừng. Dù sao đi nữa, thì hơn bao giờ hết cần phải cầu nguyện cho họ".

Cuộc hành quân đi qua các thành phố Buenos Aires, Azul, Cahúe, Choele – Choel, Pantagònes bao gồm 1300km đi ngựa, hay đi trong các xe ngựa nghiêng ngả trên đường đá sỏi khởi hành theo hướng cực Tây. Đây là cuộc "hành trình

truyền giáo" đầu tiên của các Salêdiêng được Don Costamagna kể lại qua các thư từ gửi cho Don Bosco trong suốt chặng đường. Chúng được đọc với một cảm xúc lớn tại Valdocco, và được công bố trong tờ Tập San Salêdiêng và những tờ báo Công giáo, khơi dậy một niềm phấn khởi vô bờ.

Sau đây là một số đoạn:

"Với ông Bộ trưởng chiến tranh và nhiều binh lính, chúng tôi đã lên đường đi Azul, là xứ sở ở tận cùng nước Áchentina. Sau khu vực đó là sa mạc to lớn của vùng Pampa.

Thánh giá tiến bước sau lưỡi gươm. Kiên nhẫn thôi! Đức Tổng Giám mục đã chấp nhận như thế và chúng tôi phải cúi đầu. Một con ngựa được trao cho chúng tôi và một chiếc xe ngựa dành cho tất cả chúng tôi: Chúng tôi đã chất lên đó bàn thờ, đàn Hácmonium, và những chiếc va-li của chúng tôi.

Ngày đầu tiên chúng tôi thỉnh thoảng còn thấy những chiếc lều hay những mái nhà làm bằng da súc vật. Đó là nơi ở của những người da đỏ Pampas, những người coi như đã hoàn toàn khai hóa rồi. Nước da họ mầu đen rất xậm, mặt họ thườn thượt. Khi chúng tôi đi ngang qua họ, chúng tôi chào họ bằng đôi lời trong ngôn ngữ của họ và chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình đi về phía sa mạc…

Cahúe là một đồn nằm ở giữa sa mạc, trên đường ranh giới giữa Áchentina và các bộ lạc những người da đỏ. Đồn này gồm một pháo đài bằng đất, khoảng 40 căn nhà và các túp lều làm bằng da thú vật gọi là các "toldos" của hai bộ lạc dân da đỏ có tên là "những người Eripaylá và những người Manuel Grande. Tôi đã mượn một con ngựa và đã đến gặp gỡ các bộ lạc này.

Trong khi tôi lại gần các chiếc lều, tôi cảm thấy trái tim đập thình thình: Tôi phải làm sao đây?… Chính người con trai của tộc trưởng bộ lạc *Eripaylà* đến gặp tôi; may quá, anh ta nói tiếng Tây Ban Nha. Anh ta tiếp đón tôi cách thân tình, dẫn tôi tới cha của anh ta và đứng ra làm thông ngôn. Tộc trưởng tiếp đón tôi với tấm lòng ưu ái và nói với tôi rằng ông ao ước tất cả mọi người trong bộ tộc

được dạy dỗ trong đạo Công giáo và tiếp nhận phép rửa tội. Khi ấy tôi được thoải mái tập họp các đứa trẻ trai lại và tôi bắt đầu dạy giáo lý. Với một chút khó khăn tôi dạy cho chúng học làm dấu Thánh Giá…

Tại miền Carhúe, chúng tôi đã rửa tội cho 50 đứa con trai da đỏ và cho 20 con cái của các người Kitô hữu và nếu Thiên Chúa muốn, chúng tôi đã có thể ở đó ít là một tháng! Nhưng ông Bộ trưởng chiến tranh khẩn cầu chúng tôi đi theo ông ta. Chúng tôi chẳng đã phải lên đường với một ước vọng nồng nhiệt sớm được trở lại nơi đây bao có thể…

Chúng tôi đi con đường sa mạc, không những cùng đồng hành với quân đội mà còn với những thành viên của các bộ tộc da đỏ mà theo lệnh của ông bộ trưởng họ buộc phải đem các túp lều da của họ tới vùng Choele-Choel, để tạo nên một đám dân chúng mới trên những vùng lãnh thổ mới. Cuộc di dân luôn luôn là sự di chuyển từ sa mạc này đến sa mạc khác trong suốt một tháng…

Ngày 11 tháng 5, sau khi đã đi qua các ngọn đồi và các thung lũng, ao hồ và thác nước, sau cùng chúng tôi đã tới con sống Rio Clorado, một con sông gần bằng con sông Pô ở Torino. Trên bờ con sông này chúng tôi cử hành thánh lễ.

Tôi xin và được phép đồng hành với đoàn quân tiên phong dẫn đường cho đoàn xe ngựa, và đã tới con sông Rio Negro trước tiên. Tôi chạy ngựa tiến lên phía trước trong ba ngày giữa những bụi gai, và làm mọi điều có thể, cho dù là rất khó, để cho quần áo tôi khỏi trở thành rách bươm. Sáng ngày 24 tháng 5, thức dậy từ hừng đông, sau khi đã phủi đám sương trắng toát trên chiếc giường của tôi (tôi phải gọi nó là như thế), tôi sưởi ấm tôi bên ngọn lửa tốt lành và tôi lên đường bằng ngựa khi nhảy và chạy nước đại cho tới vùng Choele – Choel. Vào lúc 16g34, khi mặt trời bắt đầu biến mất sau dẫy núi Cordilliera, tôi bước chân vào đất bên bờ sông Rio Nigro, tức là bên ven Pantagonia, bởi vì con sông này phân chia nó ra khỏi vùng pampa. Từ đáy lòng mình, tôi xướng lên bài thánh thi tạ ơn đối với Đức Mẹ Maria Phù Hộ, trong ngày lễ này của Mẹ…”

Cuộc săn lùng con người

"Ngày hôm sau, tôi vội vã đi kiếm tìm ở Choele-choel những tù nhân chiến tranh da đỏ để dạy giáo lý cho họ. Tôi nhận thấy cảnh khốn khổ của họ thật tang thương. Có những người một nửa người trần trụi; họ không có lều trại, mà phải ngủ ngoài trời, không nơi náu ẩn. Đích thị họ là những con người nghèo! Trong khi thấy tôi đến, họ bao vây lấy tôi, cả đàn ông và đàn bà, trẻ trai và trẻ gái…"

Các nhà truyền giáo tới vùng Pantagònes, một khu dân cư chừng 4000 người dân sống trên vùng Rio Negro và từ đó chúng tôi trở lại Buenos Aires vào cuối tháng Bẩy.

Nhưng chiến dịch quân sự trên vùng Rio Negro còn tiếp tục trong hai năm, cho tới tháng Tư 1881. Bị bỏ mặc cho nỗi sợ hãi và thất vọng, các người da đỏ băng qua dẫy núi Cordiliera trốn qua nước Chile và định cư tại đó. Tộc trưởng Manuel Namuncurá can đảm kiêu hãnh, với một đơn vị những người chiến binh da đỏ ít ỏi, trốn vào dẫy núi Cordiliera và ẩn náu ở vùng thung lũng cao.

Kể từ giờ phút đó các người da đỏ ngưng là một đội quân, Những nhóm nhỏ tập họp lại mà còn sống sót, bị dồn đến cảnh sống sợ sệt và nghèo khổ, trong những năm kế tiếp đã trở thành đối tượng của một cuộc săn lùng âm thầm và không thương hại, để bắt họ đem về làm những kẻ nô lệ cho các nông trại hoặc đơn giản là thủ tiêu họ.

Ngày 5.8.1879, Đức Tổng Giám mục Buenos Aires trao phó vùng truyền giáo Pantagònes cho Don Bosco. Don Bosco trao trách nhiệm cho Don Costamagna thương lượng nghiêm chỉnh với Đức Tổng Giám mục về "việc mở một nhà chính cho các sơ và anh em Salêdiêng. Còn tôi (Don Bosco) thì sẽ lo liệu các nhân sự và đồng thời các phương tiện vật chất".

Trong lá thư chúc năm mới cho các cộng tác viên viết ngày 1.1.1880, ngài loan báo bước khởi đầu của vùng truyền giáo Pantagonès. "Tôi đã tiếp nhận

vùng đó, với lòng tin tưởng vào Thiên Chúa và vào lòng bác ái của các cộng tác viên".

Ở vùng hạ lưu con sông Rio Negro, ở hai bên bờ sông, có hai khu tập trung dân lớn là Pantagonès và Viedma. Ngày 15.12.1879 hai nhóm các Salêdiêng lên đường tới Buenos Aires. Các điểm truyền giáo Pantagonès và Viedma đã được trao phó cho họ. Don Fagnano, cha xứ của vùng Pantagones, với hai linh mục, hai sư huynh và bốn sơ, sẽ phải chăm sóc cho các khu kiều dân và các bộ tộc sống ở giữa hai con sông Rio Negro và Rio Colorado: một vùng lãnh thổ được gọi là "La Pampa" rộng như Bắc Ý trải dài từ Piemonte tới Venezia. Don Milanesio, cha xứ của vùng Viedma, phải chăm lo cho tất cả dân chúng tại phía nam sông Rio Negro, trong vùng gọi là Pantagonia: một vùng lãnh thổ lớn như "vùng bán đảo Ý từ sông Pô cho tới Calabria, nằm ở giữa Nước Ý với đảo Cicilires".

Don Fagnano thực hiện chiến thật *"lo sao cho thật nhiều người đến với nhà của chúng ta"*. Trong khoảng 10 tháng, ngài đã xây dựng hai trường học cho trẻ nam và trẻ nữ. Khóa học sinh đầu tiên là 88 em, trong số đó có cả các em da đỏ.

Don Milanesio thì theo chiến thuật hoàn toàn khác, là *"đi tìm dân chúng tại chính nơi họ sống"*. Ngài lên ngựa và đi tìm những người dân da đỏ. Trong một thời gian ngắn, ngài đã học ngôn ngữ của họ, đi tới được và trở thành bạn của nhiều bộ lạc, cứu các nhóm và các gia đình bị cô lập bởi sự đàn áp của các người da trắng. Với bộ râu phất phơ trước gió, ngài đã trở thành hình mẫu cho các nhà truyền giáo tiên phong. Các người da đỏ biểu lộ lòng tín nhiệm và kính trọng ngài. Họ thậm chí kêu đến tên ngài dưới một hình thức ma thuật để bảo vệ họ khi những người da trắng tự nhận mình, là "những người văn minh" xử tệ với họ.

Các chiến thuật của cả hai nhà truyền giáo vĩ đại này bổ sung cho nhau một cách hoàn hảo. Viedma và Patagonès trở thành những địa bàn có những trường tiểu học và trung học có ảnh hưởng, tại đó một thế hệ công dân mới được chuẩn

bị: vừa lương thiện, Kitô hữu, tôn trọng các người da đỏ. Chúng trở thành các điểm chiến lược tại đó các nhà truyền giáo du hành trong khi men theo các dòng sông, tiến về phía các thung lũng, đồi núi, để đi thăm các lều trại của dân da đỏ và các công xưởng của những người da trắng.

Manuel Namuncura, vị tộc trưởng cuối cùng của tộc Araucan, khi ông quyết định thương lượng cuộc đầu hàng với chính phủ, đã chọn cha Melanesio như là người trung gian. Dưới sự che chở của ngài, vị tộc trưởng hạ vũ khí tại đồn Roca vào ngày 15.5.1883. Bù lại, ông ta đã nhận được chức tước, quân phục và sự đối xử đích danh của một đại tá trong quân đội.

"Cha đã thấy tận trong bụng của các núi non"

Cũng trong năm 1883, ở khoảng cách hằng ngàn cây số, Don Bosco lại thấy trong một giấc mơ mới miền Nam Mỹ và các nhà truyền giáo của ngài.

"… Cha đã nhìn qua cửa xổ một toa xe lửa và thấy lướt qua mặt cha các cảnh trí khác nhau và đáng ngạc nhiên. Rừng, núi, đồng bằng, sông rất dài và mênh mông. Chúng tôi đã đi hằng ngàn cây số qua bờ một khu rừng nguyên sinh chưa từng có ai thám hiểm…

Cha đã thấy tự trong bụng của núi non và trong chốn thâm sâu của các đồng bằng. Cha đã thấy trải ra trước mắt cha nhưng sự phong phú không thể so sánh được của các quốc gia này mà một ngày kia người ta sẽ khám phá ra. Cha thấy rất nhiều mỏ kim loại quí, những vựa than đá vô tận, những mỏ dầu khổng lồ mà người ta chưa tìm thấy được ở những nơi khác…

Con tàu hỏa tiếp tục cuộc hành trình của nó xuyên qua vùng Pampa và Pantagonia. Chúng tôi tới eo biển Magellan (chót điểm của Nam Mỹ).

Chúng tôi đi sâu xuống lòng đất. Chúng tôi có trước mắt Puntas Arenas [18]. Đất của nhiều dặm đầy những tầng ngầm than, gỗ, xà, ván, các thứ kim loại, có

thứ ở thể thô, có thứ đã được tinh luyện. Bạn của cha chỉ cho cha thấy tất cả các thứ đó và nói:

- Cái mà ngay hôm nay còn nằm trong kế hoạch, thì tương lai sẽ được thực hiện.

Cha kết luận:

- Tôi đã thấy quá đủ rồi. Xin anh hãy dẫn tôi đi tới các Salêdiêng của tôi tại Pantagonia.

Chúng tôi trở lại nhà ga và chúng tôi lại tiếp tục lên xe lửa, sau khi đã trải qua một cuộc hành trình rất dài, đầu máy xe lửa dừng lại ở một thị trấn quan trọng. Cha xuống xe lửa và liền gặp được các người Salêdiêng…

Cha đến giữa họ. Họ đông lắm. Nhưng cha không biết họ và trong số họ không có một ai là những cựu học sinh của cha. Tất cả nhìn cha kinh ngạc như thể cha là một người không quen biết. Cha nói với họ:

- Các con không biết cha ư? Các con không biết Don Bosco à?

- Ôi, Don Bosco chúng con biết tiếng tăm cha, nhưng chúng con chỉ trông thấy cha trong các bức hình thôi. Còn gặp gỡ Don Bosco dĩ nhiên là không.

- Còn Don Fagnano, Don Costamagno, Don Lasagna, Don Milanesio thì đang ở đâu?

- Chúng con không biết các ngài. Có những người đã gặp các vị ấy xưa kia, đó là các Salêdiêng đến từ Âu Châu. Nhưng bây giờ, những người ấy đã chết từ lâu rồi.

Với câu trả lời như vậy, cha lấy làm ngạc nhiên:

- Nhưng đây là mơ hay là thực tại?

Chúng tôi lại lên xe lửa, còi xe lửa rít lên và lên đường đi về phía Bắc… Trong nhiều giờ kéo dài, chúng tôi tiến đến phía các bờ của những con sông rất dài. Khi thì nó đi bên trái, khi thì nó đi bên phải. Trên những bờ sông đó xuất hiện rất nhiều bộ lạc man rợ. Và người bạn của cha nhắc lại:

- Đây là mùa gặt của những người Salêdiêng! Đây là mùa gặt của những người Salêdiêng!

Trong giấc mơ dài và kích thích trí tưởng tượng này, vị hướng dẫn huyền bí của Don Bosco tiên báo cho ngài thời gian cần thiết để "cứu chuộc" hoàn toàn những dân tộc man rợ này của miền Nam Mỹ:

- Điều này sẽ hoàn thành trước khi kết thúc thế hệ thứ hai. Mỗi một thế hệ là 60 năm.

Và ngài cũng đề ra phương pháp qua đó các nhà truyền giáo sẽ đạt được kết quả:

- Với mồ hôi và máu.

Giấc mơ cuối cùng của Don Bosco

Trong đêm 9 đến 10 tháng 4-1886, Don Bosco mơ thêm giấc mơ truyền giáo cuối cùng. Ngài kể lại với một giọng vỡ tiếng do mệt nhọc và xúc động cho Don Rua và thư ký của ngài là cha Viglietti. Đây là một thị kiến vĩ đại và thanh thản về tương lai.

Từ các việc ghi nốt do các thính giả, chúng ta nêu lên những đoạn được coi là cốt yếu:

"… Từ đỉnh cao, Don Bosco nhìn thật xa, tận chân trời. Ngài trông thấy một số rất đông đảo các thanh thiếu niên đang chạy xung quanh ngài, đồng hành với ngài trong khi họ lên tiếng:

- Chúng con đã đợi cha, chúng con đã chờ đợi cha nhiều lắm: nhưng bây giờ cha ở đây rồi, và cha không chạy thoát khỏi chúng con được nữa!

Một Nữ chăn chiên dẫn dắt một nhóm bất tận đàn chiên nói với ngài":

- Hãy nhìn kỹ nè! Hãy nhìn kỹ, tất cả các con! Các con thấy gì chăng?

- Chúng con thấy những đồi núi, rồi biển; rồi lại núi và biển.

Một đứa trẻ nói:

- Con đọc thấy: Valparaiso.

Đứa khác nói:

- Con đọc thấy Santiago.

- Vậy – người nữ chăn chiên tiếp tục nói – hãy đi khỏi địa điểm này và con sẽ thấy những điều mà Các Salêdiêng phải làm trong tương lai! Con hãy vạch một đường thẳng rồi nhìn đi.

Những bạn trẻ nhấp nháy con mắt, rồi đồng loạt thốt lên:

- Chúng con đọc thấy "Bắc Kinh".

- Bây giờ con hãy kéo một đường thẳng từ điểm này sang điểm kia, từ Bắc Kinh tới Santiago [19], hãy phác họa ra một trung tâm ở giữa Phi Châu và con sẽ có một ý tưởng chính xác về tất cả những gì người Salêdiêng phải làm.

- Nhưng làm sao có thể thực hiện được tất cả các chuyện này? - Don Bosco thốt lên – Các khoảng cách thật rất dài, các miền lại khó khăn và các người Salêdiêng thì không mấy đông đảo.

- Con đừng lo. Các con của con sẽ hoàn thành được mà; và rồi còn các con của các con của con… Con hãy vạch ra một đường từ thành phố Santiago cho tới trung tâm của Phi Châu. Con thấy gì?

- Mười trung tâm ga xe lửa.

- Đúng thế, các trung tâm này mà con thấy sẽ là những trung tâm dạy học và huấn luyện nhà tập. Thế con còn thấy thiếu gì chăng?

- Mười trung tâm.

- Phải, những trung tâm mà con thấy đó chính là các trung tâm học vụ và các tập viện sẽ cung cấp vô số các nhà truyền giáo để đáp ứng các nhu cầu của các miền nay. Và bây giờ con hãy quay sang phía khác. Tại đó con thấy mười trung tâm nằm ở giữa Phi Châu và Bắc Kinh. Và những trung tâm này cũng cung cấp các nhà truyền giáo cho tất cả các miền này. Tại đó có cả Hong Kong và

Calcutta, rồi Madagascer. Những trung tâm đó và nhiều trung tâm khác nữa sẽ có những nhà cửa, các trung tâm học vụ và các nhà tập".

Khi Don Bosco kết thúc cuộc đời dương thế của ngài, thì đã có 150 Salêdiêng và 50 Con Đức Mẹ Phù Hộ làm việc tại Mỹ Latinh. Họ thiết lập vững chắc trong năm quốc gia: Áchentina, Uraguay, Bresil, Chile, Equador. Trong vòng 13 năm, cả một công việc lớn lao như vậy đã được thực hiện.

---

[18] Khu cuối cùng của Nam Mỹ nay vẫn chưa có đường xe lửa cho tới năm 2003. Giấc mơ của DonBosco vẫn còn chờ thực hiện.

[19] Thủ đô nước Chile.

Chương 47: DON BOSCO VÀ ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC GASTALDI

Năm 1882, khi nói chuyện với kinh sỹ Coloniatti, Don Bosco thưa về Đức Tổng Giám Mục Torino là Lorenzo Gastaldi rằng:

- Kể từ nay chỉ còn thiếu một việc duy nhất là ngài thọc một con dao vào trong tim tôi mà thôi.

Một lời khẳng định vô cùng nghiêm trọng, có khả năng đóng băng lại việc "phong Chân Phước" cho bất cứ người nào dám tuyên bố như vậy. Tuy nhiên các chuyên gia của Tòa Thánh, sau khi đã dùng kính hiển vi mà tra cứu trong một thời gian lâu dài, đã tuyên bố rằng các nhân đức của Don Bosco thật là anh hùng: Tất cả các nhân đức, kể cả đức kiên nhẫn. Trong những lời này, họ đã không tìm thấy một hành vi giận dữ hay mất kiên nhẫn. Đó chỉ là tiếng thốt lên rất nhân loại của một linh mục khốn khổ đã đi tới chỗ giới hạn cuối cùng (nhưng chưa ra ngoài các giới hạn) của sự chịu đựng.

Trong chương này, chúng ta kể lại các biến cố được xét "như là gai góc" trong quá khứ và vì lý do đó, đã được giữ trong yên lặng hay để lướt qua bởi các người viết về sử hạnh Don Bosco.

Ngày nay chúng ta tin rằng các Kitô hữu đã trưởng thành, đã lớn lên rồi. Chúng ta tin rằng đấy không phải là nguyên nhân tạo nên một gương mù, mà đúng hơn rất có tính cách xây dựng để biết được rằng những "con người vĩ đại của Thiên Chúa" cũng có thể lầm lẫn. Và làm sao nhân danh Thiên Chúa, họ

không những có thể chịu đau đớn mà còn làm cho những người khác phải đau đớn. Bởi vì trên mặt trái đất này, chúng ta chỉ là những con người khốn khổ, dù chúng ta có mặc lên một sắc phục nào đi nữa, hay có mang lon cấp bậc nào đi nữa trên vai áo của chúng ta.

Sự lạnh nhạt của Đức Cha Ricácardi

Don Bosco trong những năm ngài đã thực hiện được những công việc rực rỡ, để phải chịu đựng một cuộc đụng độ lâu dài, nhục nhã, đau đớn với Đức Tổng Giám Mục của mình, giống như phải mang một mão gai.

Đức Cha Fransoni chết trong cảnh lưu đày tại Lyon năm 1862. Ngài đã phong chức linh mục cho Don Bosco; ngài đã thấy công cuộc của Don Bosco sinh ra và lớn lên; ngài đã nâng đỡ nó, và tặng cho Nguyện xá tên gọi là "giáo xứ của các trẻ em không có giáo xứ".

Vì những bất đồng chính trị, Torino mãi cho tới năm 1867 mới lại có thể có được tổng Giám mục: là Đức Tổng Ricácardi, thuộc dòng tộc bá tước Nero. Đức tổng mới hơn Don Bosco 7 tuổi, và cả hai vị là bạn tốt. Ngài nhận việc bổ nhiệm làm tổng Giám mục Torino đang khi là Giám mục Savone. Don Bosco tới thăm ngài và quàng tay quanh cổ ngài để ôm hôn. Ngài đã nói là ngài đã biết rõ khả năng đã được công nhận của Don Bosco để làm việc cho giới trẻ và những thiện ích Don Bosco đã làm cho các linh mục của ngài tại tiểu chủng viện Mirabello. Ngài tới Torino với một chương trình rõ nét: trao phó cho Don Bosco việc tái sinh các tiểu chủng viện Giaveno và Bra và việc tái tổ chức lại tiểu chủng viện Chieri.

Tuy nhiên có một cái gì đổ vỡ ngay trong cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai vị. Don Bosco loan báo cho ngài hay ngài đã lập một Tu Hội kể từ năm 1859 và Tòa Thánh đã ban cho mình sự chấp thuận ban đầu với "Sắc lệnh ngợi khen" vào

năm 1864. Đức Tổng Ricácardi như từ mây rớt xuống. Ngài nói với một chút bực bội:

- Tôi cứ nghĩ rằng Tu Hội của cha thuộc quyền giáo phận và do sự kiện này, nó thuộc về tôi. Tôi đã nghĩ rằng công việc của cha hoàn toàn được hiến dâng cho giáo phận của tôi…

Sự ngạc nhiên và cay đắng của Đức Cha Ricácardi thật dễ hiểu: trong thời điểm thoát ra được khỏi biết bao nhiêu các kẻ thù, thì tất nhiên người ta phải tập trung các lực lượng của giáo phận lại, tạo nên sự thống nhất và siết chặt lại các hàng ngũ xung quanh Đức Tổng Giám mục của mình, thì tiếc thay khi đó Don Bosco lại lẩn trốn. Don Bosco đang khao khát một sứ mệnh rộng lớn hơn và giờ đây lại đang nhìn về hướng Hội Thánh hơn là về hướng giáo phận Torino.

Sự lạnh nhạt của đức Tổng giám mục Ricácardi đối với Don Bosco và công cuộc của cha ngày càng lớn lên trong suốt ba năm sau.

Khi đại Chủng viện của tổng giáo phận bị đóng cửa, nhiều thầy tư giáo đã tới nương mình tại Valdocco, một số khác thì tới viện Cottolengo. Điều này đã lôi cuốn rất nhiều thiện cảm tới với Don Bosco, khiến cho Nguyện xá trở thành như thành lũy của Chúa quan phòng, một nơi ẩn cư cho các hy vọng của giới tư giáo trẻ trung của giáo phận Torino.

Còn giờ đây, hoàn cảnh đã thay đổi khác đi. Ngày 11.9.1867, Đức Tổng Giám mục viết cho Don Bosco:

"Về những gì liên quan tới các thầy tư giáo của giáo phận, tôi không cho phép họ học hành cũng như dạy học hay hộ trực các nhà ngủ và các lớp học nữa. Tôi làm điều này để cổ võ các thầy tư giáo chăm lo việc học hành của họ. Tôi quyết định là sẽ chỉ trao ban các chức thánh cho những người ở chủng viện mà thôi".

Đối với Don Bosco, những thời gian ảm đạm đã bắt đầu: nhiều chủng sinh không còn có ý hướng ở lại luôn mãi với Don Bosco, họ từ giã Nguyện xá và

chuyển sang chủng viện giáo phận. Những ai đã gắn kết mình với Don Bosco bởi các lời khấn, thì dễ hiểu là họ xin cho biết họ bao giờ mới có thể làm linh mục.

Don Bosco đến nói chuyện với Đức Tổng Giám Mục Ricardi và lên tiếng sốt bỏng rằng:

- Theo lệnh của Đức cha, thì các linh mục trẻ phải đến ở trong trung tâm giáo phận, và các chủng sinh thì phải tới chủng viện. Vậy Don Bosco phải ở lại một mình với các trẻ con sao?

Đức Tổng giám mục vẫn cương quyết giữ lại lập trường của mình. May mắn là sợi dây căng thẳng không kéo dài lâu. Ngày 1.3.1869, một sắc lệnh của Tòa Thánh (do Don Bosco tha thiết khẩn cầu) đã chấp thuận chính thức Tu Hội Salêdiêng. Một sắc lệnh khác cho Don Bosco quyền trao ban "thơ giới thiệu chịu chức linh mục" trong vòng 10 năm cho các thầy tư giáo đã ở tại Nguyện xá kể từ trước năm 14 tuổi. Điều ấy có nghĩa là các bạn trẻ ở Nguyện xá từ tuổi nhỏ có thể được Don Bosco giới thiệu sau này để chịu chức thánh với thư được đảm bảo do chính ngài viết, dù cho người đã không lui tới chủng viện.

Đức Cha Ricácardi qua đời tháng Mười năm 1870.

"Nếu con muốn, thì cha ban điều đó cho con"

Đức thánh cha Piô IX rất quí mến và đánh giá cao Don Bosco và hỏi thăm ngài trong việc lựa chọn đức Tổng Giám Mục mới cho Torino. Don Bosco đề cử Đức cha Lorenzo Gastaldi, Giám mục Sluzzo. Đó là bạn của ngài và Tu Hội của ngài đã nhận được nhiều sự giúp đỡ từ vị Giám mục này. Đức Piô IX biết rõ sự phản ứng nhạy cảm của Đức Gastaldi, nên không đồng ý. Nhưng Don Bosco nhấn mạnh và Đức thánh Cha (theo chứng từ của Don Amadei) chấp nhận lời đề cử với lời lẽ:

- Con muốn điều đó, vậy cha ban cho con. Cha cho con lo liệu việc loan báo cho Đức Cha Gastaldi biết rằng cha trao cho ngài làm Tổng Giám Mục Torino,

và trong vòng hai năm, cha sẽ làm cho ngài cái gì đó còn lớn hơn thế nữa. (*Đó là một sự gợi ý cách rõ ràng tới việc sẽ tuyển chọn ngài lên chức Hồng Y).*

Don Bosco lập tức đánh điện tín cho Đức Cha Gastaldi:

"Thưa ngài, con được vinh dự là người thứ nhất tham dự vào việc ngài sẽ được bổ nhiệm làm Tổng giám mục Torino".

Khi Don Bosco vừa từ Rôma trở về, Đức Cha Gastaldi vội bay về Torino. Vừa gặp cha Lemoyne, ngài ôm hôn cha, rồi cùng cha tới với Don Bosco. Ngài không thể ở im, mà rất là hồi hộp hăm hở. Thế là ngài xuất hiện trước mặt Don Bosco. Vị Giám mục cầm lấy tay Don Bosco, đi theo cha, rồi nói chuyện thân mật rất lâu cùng cha" (*M.B.,* Cuốn X, Tr. 446). Với một bóng dáng của sự thiếu cẩn trọng, khi kết thúc câu chuyện, Don Bosco cho ngài hiểu ra rằng Don Bosco đã góp phần của mình trong việc Đức Thánh Cha tuyển chọn ngài. Don Bosco nói cho ngài hay chính các lời của Đức Thánh Cha:

- Bây giờ ngài là Tổng Giám mục, còn trong vòng hai năm nữa sẽ có một cái gì hơn thế nữa.

Đức tổng ngắt lời:

- Chúng ta hãy để chuyện đó lại cho Chúa Quan Phòng.

- Đó là một hành vi khiêm cung ư? Nhưng cũng có thể nhuốm màu bị tự ái!

Tình bằng hữu của Don Bosco với Gastaldi có thể thực sự nói là gặp một sự thử thách của một trái bom. Mẹ của Đức Giám mục đã làm việc nhiều năm tại nguyện xá, và bà coi Don Bosco như là con của bà (Don Bosco và Đức Cha Gastaldi có cùng một tuổi).

Khi Don Bosco tìm cách để có từ Đức Giám mục một lá thư kêu gọi Rôma chấp thuận Tu Hội, Đức Cha Gastaldi đã viết một lá thư tuyệt đẹp như sau:

"Hiện Chúa làm chứng cho rằng Đức Tổng Giám Mục Fransoni trong khi còn sống trong lưu đày tại Lyon, đã quả quyết coi Tu Hội này là một chúc lành đặc biệt của Trời Cao, bởi vì tại đó nhiều người trẻ có thể được chuẩn bị cho

chức linh mục tại đó trong khi các chủng viện của giáo phận bị đóng cửa" (11.7.1867).

Mười tháng sau ngài còn viết rằng:

"Thiên Chúa nhân từ thương thi ân dồi dào tại đây các chúc lành của Ngài: một sứ mệnh cách riêng phục vụ cho giới trẻ lộ ra rõ ràng nơi đây… Người ký tên dưới đây đã thấy, như là một phép lạ, trong lòng Tu Hội này một nhà thờ vĩ đại *(Đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ),* tạo thành một cảnh quan kỳ diệu những ai muốn quan sát thật kỹ, và thánh đường ấy đã tiêu hao đến cả một triệu lires mà các vị linh mục nghèo này, sống thiếu mọi sự, phải nai lưng ra lo tìm kiếm: Đây thật như một công trình chứng tỏ rằng Thiên Chúa chúc phúc cho Tu Hội này".

Trong cuốn sách *Các Kỷ Niệm Lịch Sử,* ngài đã viết về khu phố Valdocco: "Lãnh thổ này hiển nhiên đã được Thiên Chúa chúc phúc bởi sự có mặt của những Tu Hội bác ái và đạo đức như Nhà Nhỏ của Chúa Quan Phòng (Cottolengo) và Nguyện Xá Thánh Phanxicô Salê (Don Bosco)".

Don Bosco luôn luôn ngỏ với ngài như với một người anh em bạn. Ngài gửi cho vị Giám mục họa đồ Đền thờ Đức Mẹ Phù Hộ để ngài duyệt xét và Don Bosco cũng chấp nhận những thay đổi mà Đức Cha Gastaldi đề nghị.

Ngài là một vị Giám mục vĩ đại

Tại Torino, Đức Tổng Giám Mục Gastaldi là một vị Tổng Giám Mục vĩ đại.

Đức Cha, Đức Giám mục Aoste, đã phác họa chân dung ngài như sau: "Ngài được sinh ra để làm Giám mục. Uy lực trong tư cách ngài, khí lực của các kế hoạch và các quyết định của ngài, mức uyên bác của sự hiểu biết của ngài, lời nói lưu loát của ngài, lòng đạo đức sốt sáng của ngài, sự gắn bó của ngài với giáo thuyết của tòa thánh, tình yêu đam mê của ngài đối với các linh hồn và đối với Hội Thánh, tất cả đã cho ta thấy nơi ngài một vị thủ lãnh của dân chúng".

Để hoàn tất bức tranh này, còn cần phải thêm vào đó những lời lẽ của Đức Cha Ré, Giám mục Alba, người đã đệ trình dưới hình thức tuyên thệ: "Đức Tổng Giám Mục, với nhiều phẩm chất tốt lành, cũng có một ý tưởng hơi quá đáng về quyền bính của mình và về sự hiểu biết của mình, đàng khác tính cách mau lẹ của ngài khiến ngài lấy những quyết định vội vã mà ngài không thích quay ngược trở lại vì sợ điều đó sẽ làm giảm uy quyền của ngài".

Thời gian của những niềm lạc quan hỗn độn của "Chế độ Phục hưng" đã trôi qua. Công đồng Vaticano I đã bẻ lái con tàu đi sang "việc tập trung hóa" của Hội Thánh. Mỗi một địa phận phải tự tổ chức mình theo một cách nhất định quanh vị Giám mục của mình là người trực tiếp lệ thuộc vào Đức Thánh Cha.

Đức Tổng Giám mục Gastaldi là một người cải tạo vĩ đại cho Tổng giáo phận Torino. Ngài trả lại sức sống và kỷ luật cho chủng viện. Ngài thâu thập lại trong lòng bàn tay của mình cả các lực lượng Hội Thánh của thành phố. Trong các thư mục vụ, ngài khai mở trí hiểu về các vấn đề cụ thể của Hội Thánh cho các tín hữu và kêu gọi họ hãy vững vàng trong đời sống đức tin của họ hơn. Sau đây là hai ví dụ:

Trích từ thư mục vụ năm 1873: "Trong năm vừa qua, 40 linh mục giáo phận qua đời, và chúng tôi đã phong chức cho 14 vị mới! Anh em nghĩ sao, hỡi các anh em cùng các tín hữu thân ái? Hàng giáo sĩ sẽ còn bao nhiêu kể từ đây cho đến một số năm nữa, nếu anh em không đến trợ giúp chúng tôi và không không cung cấp cho chúng tôi tất cả các phương tiện hầu đem lại cho giáo phận có nửa triệu linh hồn này tất cả những linh mục mà nó cần đến?".

Trích từ thư mục vụ 1877 về việc giáo dục các trẻ nữ: "Việc giáo dục mà chỉ giới hạn trong việc vun trồng tình cảm tôn giáo cho các thiếu nữ, làm cho các em trở nên dễ thương liên quan tới những chuyện *có tính cách tình cảm* trong các thực hành đức tin; một thứ giáo dục chỉ bằng lòng với các hình ảnh trình bày Đức Maria được đặt tại các nhà nguyện, với các đèn sáng, và đồ trang trí bàn thờ,

các nghi lễ phụng vụ rực rỡ, các tiếng đàn tiếng hát du dương, hương thơm ngào ngạt, các bài giảng làm thức tỉnh các tình cảm của con tim; nhưng lại không đả động gì cả đến hành vi hy sinh, tới sự từ bỏ, sự khiêm nhường, sự tha thứ vì tình yêu Chúa Giêsu, toàn bộ nền giáo dục như thế sẽ không bao giờ có thể tự nhận là Kitô hữu, ngoại trừ theo một nghĩa hết sức bất toàn; nền giáo dục đó sẽ không bao giờ làm cho các thiếu nữ được thực sự trở thành các Kitô hữu của Chúa Kitô.

Ngài có một lòng sùng kính vững mạnh và kiên trì đối với Đức Mẹ Maria. Vào buổi chiều trước khi ngài chết, ngài đã muốn tới đền thờ Đức Mẹ của lòng thương xót. Ngài nói: "Nào chúng ta hãy đến tìm Mẹ chúng ta, chúng ta hãy đặt mình dưới tà áo Mẹ. Thật là an ủi được sống, được chết dưới tà áo Mẹ".

Khi tin cái chết của ngài (vào ngày 25.3.1883) tới Vatican, Đức Hồng Y Nina, người bảo trợ chính thức của Tu Hội Salêdiêng, nhuốm một vẻ buồn thảm sâu xa. Sau đó ngài đã đặt bút viết rằng: "Tôi nghĩ các hành vi cuối cùng của hoạt động mục vụ của ngài tác động đến các người Salêdiêng khốn khổ của tôi có thể gây nên sự cản trở cho việc phong thánh cho ngài". Người ta không nghĩ phong thánh cho một dung mạo nửa vời.

Sai lầm nền tảng của Don Bosco

Như vậy tại sao giữa Don Bosco và Gastaldi lại xẩy ra một cơn bão tố ghê gớm và cay đắng như vậy? Tại sao sức căng thẳng trở nên quá nghiêm trọng, khiến cho Vatican phải mở ra một phiên tòa, và chính Đức Thánh Cha Lêô XIII phải xâm mình vào? Don Bosco đã mắc một sai lầm nền tảng và đã phải trả giá mắc. Trong một lá thư dài gửi cho Đức Tổng Giám Mục từ xứ Borgo San Martino ngày 14.5.1873, Don Bosco đã hết sức năn nỉ để thuyết phục ngài trở lại với tình bạn xưa cùng mình. Nhưng vào cuối lá thư, Don Bosco đã viết những dòng chữ oái ăm này: "Con ước ao rằng Đức Tổng Giám mục nên biết được một số thông tin giữ kín tại tòa nhà chính phủ, đã bị rò rỉ bởi một vài nhân viên chính phủ để

rồi lan truyền đi khắp Torino rằng vị kinh sĩ Gastaldi đã được làm Giám mục của Saluzzo cũng là nhờ sự đề xuất của Don Bosco. Và nếu ngài đã trở thành Tổng Giám Mục Torino, thì cũng do đề xuất của Don Bosco".

Cái sai lầm nền tảng của Don Bosco chính là việc tin rằng những lời lẽ này và thái độ này sẽ gợi lên lòng biết ơn, trong khi thực ra chúng chỉ khơi dậy sự hằn học, bực dọc nơi Đức Tổng Giám mục Gastaldi.

Trong thời điểm lá thư này được viết, những sự can thiệp của Đức Tổng Giám mục đã dạt tới những mức độ rất nặng nề rồi. Giờ đây Don Bosco lại dại dột viết ra những dòng kể trên, thì nỗi tức giận của Đức Tổng Giám mục Gastaldi càng tệ hại biết mấy. Nhắc nhở lại những chuyện trước kia, thì lẽ ra Don Bosco đã phải hiểu ngay từ những ngày đầu tiên khi Đức Tổng Giám mục tới địa phận Torino, Don Bosco cũng đã mắc phải những sai lầm y như vậy, cho dù có tầm cỡ nhỏ bé hơn. Ngay lập tức khi Đức Cha Gastaldi được bổ nhiệm làm Đức Tổng Giám mục Torino, Don Bosco không chỉ cầu xin, mà còn thuyết phục ngài bổ nhiệm kinh sĩ Bertagna làm phó đại diện Giáo phận. Vào lúc Đức Tổng Giám mục vào thành phố, Don Bosco ở bên cạnh ngài; lúc ấy Don Bosco đã đảm bảo là đã nhận được từ giới chính quyền thành phố chống – giáo sĩ một sự đảm bảo cho một cuộc đón tiếp long trọng (một điều đã không xẩy ra). Đối với một người bình thản, thì những cách bày tỏ này nói lên một tình bạn chân thành; nhưng đối với một người tính dễ tự ái quá mức, thì những lời lẽ trên có nghĩa là những cách thức hành động của một người muốn làm "kẻ che chở" (theo chứng từ của Đức Cha Ré).

Vừa khi vào tới nhà thờ chính tòa và ngồi trên tòa dành cho Giám mục, Đức Tổng Giám mục Gastaldi đã mạnh mẽ khẳng định rằng việc tuyển chọn ngài là một cử chỉ bất ngờ của Chúa Quan Phòng, mà *ngài không hề coi đó như là một ân huệ do loài người thí ban.* Chính Chúa Thánh Thần là Đấng duy nhất đã đặt ngài làm đầu của Tổng Giáo Phận. Đức Tổng đã nhắc lại những lời này nhiều lần

trong cùng một bài diễn văn và với một sự nhấn mạnh ngoại thường. Đó là dấu hiển nhiên tỏ ra rằng ngài muốn rũ sạch khỏi vai ngài một thứ che chở". Đó cũng là dấu ngài sẽ không đời nào chấp nhận tiếng đồn theo đó Don Bosco đã kiếm cho được việc bổ nhiệm ngài vào chiếc ghế này, một tin đồn đã lan ra trong khắp thành phố. Kinh sĩ Sorasio có mặt trong bài diễn văn đó, đã thì thầm:

- Không hay cho Don Bosco rồi, không hay cho Don Bosco rồi! (*M.B.,* Cuốn X, tr. 230).

Don Adamei đã viết rằng đó là "những ánh chớp đầu tiên" báo hiệu "một cơn bão tố bất ngờ".

Nhưng lá thư 14.5.1873 đã khai mào toàn bộ cơn bão tố đó. Ngay cả cho một người bạn đi nữa, thì cũng khó mà tiếp nhận một lời tự hào như sau: "Chính tôi đã xin được chiếc huy hiệu Kỵ Sỹ cho bạn". Đối với một Đức Tổng Giám mục như Gastaldi là "một con người có một ý tưởng quá mức về quyền bính Tổng Giám Mục của mình", thì những lời trên có khác chi mật đắng.

Ngay cả bốn năm sau đó, khi nói chuyện với nhà thần học Tresso, cựu học sinh được Don Bosco quí mến, người tìm cách đem lại sự hòa bình giữa hai người bạn, Đức Tổng Giám mục cũng đã chua chát nhận định:

- Don Bosco tự hào đã lo cho cha làm Giám mục; Ông ta còn viết cho cha một lá thứ để quở trách tôi về chuyện này; nhưng tôi đã gửi thư ấy đi Rôma để cho họ thấy rõ vị thánh nổi tiếng mà họ đặt biết bao tin tưởng đó.

Trách nhiệm của báo chí

Các tờ báo chống giáo sĩ đã đánh hơi được khả năng xúi Đức Tổng Giám mục chống lại Don Bosco, và khi có dịp là họ thực hiện ngay. Tờ *Fanfulla* ngày 16.10.1871 đã viết: "Để bổ nhiệm các Giám mục trong các địa phận của Nước Ý, người ta đã sử dụng tới các đề nghị của Don Bosco của Torino, được gọi cách đặc biệt về Rôma". Tại Milan, một tờ báo gọi Don Bosco là "Đức Thánh Cha bé

nhỏ của xứ Piemonte" (và như người ta biết, một Giám mục thì phải lệ thuộc vào Đức Thánh Cha). Tờ *Gazzetta của Torino,* ngày 8.1.1878 đã viết: "Don Bosco nổi tiếng đã có mặt ở Rôma. Ngài được hưởng các cuộc vào Vaticano danh giá, tại đó Đức Thánh Cha nhìn ngài với con mắt thiện cảm. Ngay cả các cửa của chính quyền cũng rộng mở ra cho Don Bosco". Trong số 6-7 tháng 5 – 1876, tờ *Lanterna del Ficácanaso* còn viết rằng Đức Tổng Giám mục đã cấm Don Bosco cử hành Thánh lễ bởi vì ngài đã quá gắn bó với Rôma, tách mình khỏi quyền bính Giám mục của ngài và đòi hỏi gia sản thừa kế cho các người hấp hối. Rồi tờ báo kết luận: "Chúng ta sẽ xem xem ai quyền thế hơn, phải chăng là Don Bosco hay là Đức Tổng Giám mục Gastaldi".

Những hàm ý mà báo chỉ kể ra ở trên (và của cả những phương tiện khác mà chúng tôi không thể đan cử các danh tính ra) đã đổ thật nhiều dấm vào các vết thương nhức nhối này.

Cắt nghĩa sự kiện sứt mẻ tình bạn giữa hai người bằng những hạn từ như vậy, xem ra sự bất đồng giữa hai vị có thể bị nhìn một cách thiên vị. Một đàng đóng một vai trò trong chuyện này là sự được yêu mến và khâm phục của Don Bosco và tính nhạy cảm quá mức của Gastaldi, một người không muốn làm một thứ "đại diện" cho Don Bosco" (theo như những lời phát biểu của nhà thần học Belasio trong năm 1876). Nhưng còn một vai trò khác còn quan trọng hơn được thủ diễn bởi các yếu tố khác nhau mà chúng ta sẽ lần mò ra (dù là qua một sự trình bày vắn gọn) khỏi cuộn chỉ đã càng ngày càng rối tung lên trong suốt 13 năm của cuộc chung sống giữa hai nhân vật này.

Quyền lực đúng mức và quyền lực đi quá mức

Đức Tổng Giám mục đã làm những chuyện lớn để tái cơ cấu lại giáo phận. Nhưng cái giá của những sự mất mát những con người mà ngài phải trả để thực

hiện những chuyện này là khá cao: kết án các nhân vật trong địa phận, sự cứng ngắc thiếu mềm dẻo, các quyết định thiếu cân nhắc, các thủ tục đáng ghét.

Với năm tháng trôi qua, "cái tính khí quá mạnh" của ngài càng trở nên nghiêm trọng. Kinh sỹ Sorasio, thư ký của Tòa Giám Mục là người vào thời đó phải chấp thuận một số những việc can thiệp nặng nề, đã viết vào năm 1917 cho Đức Hồng Y chủ tịch Thánh Bộ Lễ Nghi rằng: "Thiên Chúa tha thứ cho con. Đây là thời gian của quyền lực và quyền lực toàn năng, nếu không muốn nói nhiều hơn nữa".

Ngài dễ dàng cấm các linh mục của ngài hành lễ và giải tội (từ thông dụng bên Công giáo là "treo chén", tức là những hình phạt nghiêm trọng đối với hàng giáo sĩ). Nhiều người đã theo đuổi một vụ kiện tại Rôma chống lại ngài. Trong tháng Hai 1878, tại Tòa Thánh, có tới 30 vụ kiện tụng giữa Đức Tổng Giám Mục Gastaldi và các linh mục của địa phận Torino.

Trong những thời gian đầu tiên (khi sợi dây liên hệ còn thả lỏng), Don Bosco đã kêu xin để ủng hộ cho một giáo sĩ cấp cao tại nhà thờ chính tòa, tuy có một chút bướng bỉnh, nhưng rất tốt lành. Đức Tổng Giám Mục đã cấm vị đó cử hành thánh lễ và giải tội, và vị linh mục khốn khổ đó vì xấu hổ phải rời thành phố Torino.

Một trường hợp vang âm khác là trường hợp của nhà thần học Bertagna mà Don Bosco đã gợi ý để được bổ nhiệm làm phó đại diện của giám mục. Khi đó vị này dạy thần học luân lý tại Trung Tâm Mục Vụ Giáo sĩ kể từ 20 năm qua. Ngài thình lình bị cấm dạy vào tháng Chín 1876. Ngài đã chịu cú đau này trong im lặng và tới ẩn náu tại xứ quê hương ngài là Castelnuovo trong khi Trường Mục Vụ giáo sĩ bị đóng cửa. Do bị nhục nhã, Don Bertagna đã ốm nặng. Sau đó, vào năm 1879, Đức Giám Mục Asti là Đức Cha Saviô, đã gọi ngài về Asti và bổ nhiệm làm Tổng Đại diện. Cha Bertagna xứng đáng được coi là một trong những nhà luân lý có uy tín nhất trong thời đại ngài. Năm 1884, Đức Hồng Y Alimonda

(người kế vị Gastaldi) đã phong chức Giám mục Phụ tá của giáo phận Torino và đặt ngài làm Giám đốc chủng viện của Tổng Giáo phận.

Cha Luigi Testa, thuộc Dòng Tên, rất được lắng nghe tại Rôma, đã viết khi ấy rằng: "Tôi đã giàn xếp rất nhiều các chuyện bất đồng giữa Đức Tổng Giám Mục Gastaldi và các nhân vật quan trọng… Tại Rôma, người ta mệt nhọc và đầy ắp đến cổ các vụ việc của Tổng giáo phận Torino này".

Tuy nhiên sẽ nông cạn nếu coi Tổng Giám Mục Gastaldi là một hỏa diệm sơn. Do bản chất tự nhiên, ngài khiêm nhường, quảng đại, dễ mến. Như người ta nói: Ngài có một "trái tim vàng". Nhưng đối với các công việc ngài xử lý, vừa khi ngài cảm thấy mình trong tư cách Tổng Giám Mục, thì xẩy ra ngay điều mà trong lịch sử Hội Thánh (tôi nghĩ mình có thể nói như vậy đã đến với nhiều nhân vật: Ngài liền trở thành quyền uy, bất biến. Những nhân vật này tỏ ra "không thương xót nhân danh Thiên Chúa". Người ta cảm nghiệm ở nơi họ cái con người đại diện cho Thiên Chúa toàn năng hơn là đại diện của "Con Thiên Chúa – trong vai bác thợ mộc, Đấng đã nên tôi tớ của các tôi tớ, đã rửa chân cho những tôi tớ khác và để cho mình bị đóng đinh vào thập giá"!

Yếu tố thứ nhất: Nguyện Xá của Don Bosco thiếu kỷ luật

Sự cứng rắn của Đức Tổng Giám mục, càng trở nên cứng cỏi hơn vì sợ mình "bị coi là một tạo vật của Don Bosco" trước con mắt các giáo dân của mình, và ngài đã dùng nó đế chống lại Tu Hội trẻ còn trong trứng nước.

Yếu tố thứ nhất ngài tấn công chính là "tính cách thiếu kỷ luật tại Nguyện Xá". Cha Pietro Stella viết: "Ngài không chịu nổi nhiệt tình giống như sức một núi lửa của Nguyện Xá và của Tu Hội Salêdiêng, là cái được làm chủ bởi nắm tay của Don Bosco, nhưng nó có thể hiện ra đối với những người bên ngoài như là một đống ồn ào và hỗn độn chứa đựng các sức lực không ăn khớp với nhau,

khiến cho trong tương lai rất gần sẽ phải đòi hỏi đến các biện pháp can thiệp đau đớn của quyền bính hợp pháp".

Cả những người khác tại Torino cũng có ấn tượng tiêu cực về bầu khí của sự thân tình thánh thiện mà sự vui tươi của Don Bosco tạo nên. Đức cha Gaetano, đặc trách về các chuyện của Tòa Thánh tại chính phủ Torino, trong một bài tường trình dài đã viết: "Tôi có một ấn tượng đau đớn khi thấy vào các giờ chơi các thầy giáo sĩ trộn lẫn với đám trẻ đang theo học các nghề may, mộc, đóng giầy, v.v…, họ chạy nhẩy, vui chơi, với rất ít sự trang nghiêm giáo sĩ. Don Bosco tốt lành thì bằng lòng là các thầy tư giáo của mình cầm lòng cầm trí tại nhà thờ là đủ, còn ít quan tâm đến gieo sâu vào trong lòng họ những tình cảm của sự nghiêm trang của bậc sống của mình mà họ muốn ôm ấp". Theo Đức Cha Tortone, thì Don Bosco lẽ ra phải dạy các thầy tư giáo của mình "giữ một khoảng cách" khỏi các trẻ học may hay đóng giày. Cái đó thực là rất xa với cảm nhận của Don Bosco.

Một lý do khác của sự căng thẳng

Với "cái tính cách vô kỷ luật" này, thì xem ra Đức Tổng Giám Mục Gastaldi đã nghĩ đến đích thân sửa chữa lại. Và chúng tôi xin đan cử ra đây hai giai thoại khá huyền bí mà chúng ta khó có thể cắt nghĩa thấu suốt được, nhưng có lẽ nó nói lên lý do khác của "mối quan hệ rất căng" giữa đôi bên.

Vừa mới nhận chức Tổng Giám Mục Torino, thì Don Bosco ốm nặng tại Varazze (như chúng ta đã kể). Đức Tổng Giám Mục Gastaldi hỏi thăm tin tức, và khi ngài nghiệm ra bệnh tình Don Bosco nghiêm trọng, ngài liền hỏi cha Cagliero:

- Vậy anh em có vững chắc và quyết tâm trong ơn gọi của anh em không?
- Thưa Đức Cha chúng con hiện có hơn 150 hội viên.
- Vậy nếu người cha Don Bosco của anh em qua đời thì sao?

- Chúng con sẽ tìm một người "Bác" tiếp nối chỗ của cha.

- Tốt lắm, tốt lắm! Nhưng chúng ta hy vọng là Chúa gìn giữ ngài.

Cha Amadei bình luận rằng: Đối với cha Cagliero, thì hình như nếu Don Bosco có chết đi, thì các Salêdiêng sẽ chạy tới ngài để xin ngài điều hành". Đó cũng là ý tưởng của Đức Ông Marengo, người mà Don Cagliero kể lại cuộc gặp gỡ trên, và ngài có bình luận rằng: "May là cha đã không nói gì thêm. Một đề nghị thêm sẽ rất tai hại cho Tu Hội".

Khi Don Bosco lành bệnh trở lại Torino từ Varazze, Đức Tổng Giám Mục tới chào ngài. Kinh sỹ Anfossi có mặt tại Valdocco, kể lại rằng trong khi các trẻ con tìm cách nói lên một lời chào đón để chúc mừng Đức Tổng Giám Mục đến, "thì tôi thấy Đức Tổng Giám Mục xuống cầu thang với những bước đi vội vã mà Don Bosco không theo kịp. Ngài không quan tâm đến những tiếng chúc mừng của đám trẻ. Tôi mới nói với Don Bosco:

- Buổi lễ kết thúc không tốt rồi. Liệu có điều gì chăng?

Don Bosco trả lời:

- Cha còn muốn gì thêm nữa! Đức Tổng Giám Mục muốn đứng đầu Tu Hội và chuyện này không thể được; người ta sẽ không bao giờ thấy chuyện này xẩy ra… (M. B. Cuốn X, tr. 311).

Cụ thể Đức Tổng Giám Mục Gastaldi muốn đề nghị gì? Chắc là ngài muốn Don Bosco có quay trở lại phía sau để biến các Salêdiêng thành một Tu Hội thuộc giáo phận? Rất có thể sự thể là như thế. Thật mạo hiểm biết mấy khi nghĩ rằng Đức Tổng Giám Mục suy nghĩ đến chuyện ngài trở thành thủ lãnh thực thụ của Tu Hội Salêdiêng? Năm 1874, ngài sẽ viết cho Đức Hồng Y Bizzari như sau: "Don Bosco là một thiên tài đặc biệt để giáo dục của học sinh, nhưng hình như cha không có cái tài năng đó để giáo dục các giáo sĩ trẻ". Còn Đức Tổng Giám Mục thì ngài nghĩ mình có tài năng đó để đưa tay nắm chắc lấy Tu Hội trong giây lát và "sắp đặt mọi chuyện vào chỗ của nó". Còn Don Bosco kể từ đây sẽ

tiếp tục là "người cha tốt lành" sao cũng được của Nguyện Xá. Cái khả thể đó giờ đây đã vuột khỏi tay Đức Tổng Giám Mục, nên ngài tìm cách áp đặt một kỷ luật sắt, mà đã sớm trở thành một cuộc bách hại. Mọi khiếm khuyết, mọi sự chậm trễ đều bị lên án là "sự bất tuân phục", "sự nổi loạn", "sự vô kỷ luật".

Nói thêm các chi tiết khác sẽ là chuyện không có cảm quan tốt. Cuộc cãi lộn rốt cuộc vẫn là những cuộc cãi lộn.

Luật Tu Hội được phê chuẩn vĩnh viễn

Ngày 30.12.1873 Don Bosco lên đường đi Rôma.

Có cuộc thảo luận tại Tòa Thánh, sau khi đã có những cuộc dãn lại và đặt lại vấn đề rất nặng nề, về một vấn đề sinh tử cho Tu Hội Salêdiêng: việc phê chuẩn vĩnh viễn Tu luật.

Đức Thánh Cha bổ nhiệm một ủy ban gồm bốn Hồng Y.

Các cuộc thảo luận và các việc sửa liên tục bản văn kéo dài cho tới tháng Tư. Đức Tổng Giám Mục Gastaldi can thiệp chống lại việc phê chuẩn qua lá thư ngài viết cho Đức Hồng Y Bizzari trình bày quan điểm của ngài như chúng ta đã nêu ra ở phía trước: Don Bosco có khả năng giáo dục các người trẻ nhưng không có khả năng giáo dục các giáo sĩ và các linh mục.

Vào đầu tháng Tư có cuộc biểu quyết cuối cùng của ủy ban các Hồng Y: ba phiếu thuận, một phiếu chống. Đức Piô IX được cho hay còn thiếu một phiếu nữa để giải quyết cuộc thảo luận, đã tuyên bố:

- Lá phiếu đó sẽ là của Tôi.

Hôm đó là ngày 3 tháng Tư, Mười ngày sau sắc lệnh chấp thuận vĩnh viễn Tu Hội Salêdiêng được ban hành. Thánh bộ lúc này được đặt dưới quyền lệ thuộc chặt chẽ vào Đức Thánh Cha ban cho Don Bosco năng quyền mười năm giới thiệu bất cứ người Salêdiêng nào để thụ lãnh các Chức Thánh.

Nhưng tại Torino sự việc không thay đổi gì cả.

Các danh sách "những biện pháp trừng phạt"

Ngày 16.12.1876, Don Bosco trình bày trong một lá thư cho Hồng Y Ferrieri các "điểm chính của sự xích mích". Và đây là danh sách:

- Tháng Chính 1876, Don Bosco bị treo quyền giải tội (Kinh sĩ Zappato bình luận trong cơn tức giận: "Nhưng đó là những chuyện chỉ những kẻ say sưa mới phải gánh chịu!"). Don Bosco buộc phải rời khỏi Torino vì các trẻ em có thói quen xưng tội với ngài. Không bao giờ Đức Tổng Giám Mục cho biết lý do của biện pháp này;

- Cấm các nhà Salêdiêng tổ chức giảng Tuần Tĩnh tâm cho các giáo viên ngoại trú;

- Thu hồi phép giảng thuyết khỏi một số các linh mục Salêdiêng;

- Đức Tổng Giám Mục từ chối tham dự vào các cuộc cử hành lễ long trọng của Nguyện Xá và cấm mời các Đức Tổng Giám Mục khác (ngay cả các đợt xuất phát truyền giáo cũng chỉ được cử hành không có Giám mục);

- Từ chối ban phép Thêm Sức cho các trẻ em Nguyện xá và cấm các Đức Giám Mục khác ban thêm sức tại đó.

Don Bosco bình luận trong một lá thư rằng: "Những biện pháp này giả thiết các lý do nghiêm trọng, và chúng con không được biết các lý do đó. Điều này tạo nên một gương mù trong thành phố".

Ngày 25.3.1878, Don Bosco cho Đức Hồng Y Oreglires hay một danh sách mới "các hình phạt":

- Don Bosco bị đe dọa ngưng lập tức quyền giải tội nếu ngài viết bất cứ một điều gì bất lợi cho Đức Tổng Giám Mục, trừ trường hợp viết cho Đức Thánh Cha, cho Đức Hồng Y Quốc Vụ Khanh, cho Đức Hồng Y đặc trách Các Dòng Tu;

- Một số các Salêdiêng bị ngưng quyền giải tội, và còn tiếp tục bị ngưng như thế suốt 8 tháng;

- Đức Tổng Giám mục từ chối phong chức cho những ứng sinh linh mục được đệ trình lên ngài, điều đó gây thiệt hại cho các nhà Salêdiêng và các công cuộc truyền giáo Salêdiêng.

Nhưng Đức Tổng Giám Mục còn gửi tới Rôma "các danh sách" của ngài nữa. Cha Ceria viết: "Sự tiếp tục không ngừng nghỉ các lời tố giác vì bất cứ lý do gì mà Đức Tổng Giám Mục coi là không đáng vinh dự cho Don Bosco và Tu Hội của ngài kết cuộc đã dẫn tới những sự nói bóng gió, hay thì thầm làm mất uy tín của Don Bosco và Tu Hội của ngài giữa các Hồng Y không có một sự hiểu biết chính xác về các sự việc".

Chẳng hạn Đức Hồng Y Ferrieri, trong suốt cả đời sống ngài, chống lại các Salêdiêng, tin chắc rằng đó là "một đống hỗn độn giả tạo và tạm bợ của một số đông tụ tập lại".

Nhưng điều làm đau lòng Don Bosco hơn cả chính là sự kiện chính bản thân Đức Piô IX, sau bao năm luôn luôn là bạn và người che chở cho Don Bosco, đã lạnh lùng đối với ngài. Don Ceria viết: "Việc liên tục trình bày Don Bosco như là một con người bướng bỉnh và nổi loạn đã tác động trên tình cảm của Đức Thánh Cha".

Đức Piô IX qua đời vào ngày 7.2.1878. Don Bosco lúc đó đang ở Rôma và gõ mọi cánh cửa để được bệ kiến ngài, nhưng đã không thể được thấy ngài.

Đức Thánh Cha mới thử thách Don Bosco

Ngày 20.2.1878, Mật tuyển viện các Hồng Y đã bầu Đức Leon XIII làm Đức Thánh Cha mới.

Ngài tiếp nhận Don Bosco vào bệ kiến ngày 16.3.1878. Lập tức một tin đầy phấn khởi loan báo về cuộc bệ kiến này: Đức Thánh Cha chấp nhận ghi danh mình vào danh sách các Cộng Tác Viên, nhìn nhận "ngón tay của Thiên Chúa" trong các công cuộc Salêdiêng, ban những chúc lành nồng nhiệt cho các nhà

truyền giáo. Nhưng chỉ có một điểm việc thông tin chỉ thoáng qua mà thôi: về phía "những khác biệt của chúng ta với Đức Tổng Giám Mục Torino, thì Đức Thánh Cha nói là là ngài đợi báo cáo chính thức của Thánh Bộ các Dòng Tu".

Trong tường trình riêng tư cho các Salêdiêng, Don Bosco nói kém vẻ đắc thắng hơn: "Ngài cho thấy rõ ràng ngài đã phải chịu đau khổ đến mức nào: những cuộc bệ kiến bị ngăn cản, những lá thư bị chặn lại, sự chống đối công khai hay bí mật từ mọi phía, những lời nói cứng cỏi và cay đắng, nhục nhã".

Đức Thánh Cha Leon XIII hiển nhiên biết đến các cuộc tranh cãi nghiêm trọng đang treo lơ lửng trên đầu vị linh mục Torino này và nếu ngài giải quyết chúng với bàn tay đeo găng, thì chính ngài lại hết sức lo lắng tìm hiểu cách tường tận. Quanh Don Bosco, các đối thủ rất nhiều và rất thiện chiến.

Một trong các người bạn trung thành của Don Bosco vào thời điểm đó là Đức Hồng Y Alimonda, người đang tìm cách để "chứng minh" cho Đức Leo XIII về sự thánh thiện của Don Bosco; một bằng chứng nghiêm chỉnh trong đó tỏa sáng tất cả cái giá trị của vị linh mục khổ đau này.

Vậy trong thời điểm đó người ta đã cố gắng xây tại Rôma một Đền thánh kính Thánh Tâm Chúa Giêsu. Bất chấp những cố gắng của chính bản thân Đức Thánh Cha tham gia vào công việc này, lời kêu gọi các Giám mục của toàn thế giới, cuộc lạc quyên được thực hiện trong nhiều quốc gia, các công việc đã phải ngừng lại ở ngay tại sân nền móng mà thôi.

Đức Thánh Cha thất vọng về chuyện này. Chính trong những trường hợp này, Đức Hồng Y Alimonda can thiệp vào:

- Tâu Đức Thánh Cha, Con đề nghị với Đức Thánh Cha một phương thức chắc chắn để công trình này thành công.

- Phương thức nào?

- Trao nó cho Don Bosco.

- Nhưng Don Bosco sẽ nhận hay sao?

- Tâu Đức Thánh Cha, con biết rõ Don Bosco và lòng sùng kính hoàn hảo và tuyệt đối dành cho Đức Thánh Cha. Nếu Đức Thánh Cha đề nghị chuyện này với Don Bosco, con tuyệt đối chắc chắn là Don Bosco sẽ nhận lời.

Don Bosco khi đó đã ngụp chìm trong các phí tổn lớn lao. Ngài đã xây dựng hai thánh đường: Nhà thờ thánh Gioan, Tác giả Tin Mừng, tại Torino và Nhà thờ Đức Mẹ Phù Hộ tại Vallecrosia [20] Ngài còn đang xây dựng ba nhà tại Marseille, Nice, la Spezia, và đã 65 tuổi.

Ngày 5.4.1880, Đức Lêô gọi ngài đến. Đức Thánh Cha đưa ra đề nghị và thêm rằng nếu Don Bosco nhận, thì Don Bosco sẽ làm một việc rất thánh thiện và "vô cùng tốt đẹp" đối với Đức Thánh Cha. Don Bosco trả lời:

- Ước ao của Đức Thánh Cha đối với con là một lệnh. Con chấp nhận nhiệm vụ mà Đức Thánh Cha đã ưu ái trao phó cho con.

- Nhưng cha không thể cho con tiền bạc được.

- Con không xin tiền bạc. Con chỉ xin chúc lành của Đức Thánh Cha. Và nếu Đức Thánh Cha cho phép, thì ở bên cạnh nhà thờ này, chúng con sẽ xây một Nguyện Xá với một trung tâm lớn từ đó có thể rất nhiều trẻ em sẽ được gửi tới trường học và các xưởng học nghề và nghệ thuật, cách riêng là các trẻ em thuộc các khu phố bị bỏ rơi.

- Tốt lắm. Cha chúc lành cho con và tất cả những người sẽ góp sức cho công cuộc thánh thiện này.

Tiến trình xét xử tại Vatican

Các mối tương quan với Đức Tổng Giám Mục trong những tháng này càng trở nên tệ hại hơn. Don Bosco để bảo vệ Tu Hội buộc phải đem sự việc lên Vatican, nơi diễn ra một phiên xử bình thường.

Người cháu của Đức Tổng Giám Mục tên là Lorenzina Mazé della Roche, khi lo việc tiến hành phong chân phước cho Don Bosco, đã tuyên bố bằng lời thề

rằng:

"Kể từ năm 1873, xẩy ra những chuyện xích mích giữa Don Bosco và Đức Tổng Giám Mục Gastaldi, người bác đáng kính của tôi…Tôi được biết những tin đồn giữa công chúng và qua những lời tâm sự của Don Bosco cho chính bản thân tôi và cho mẹ của tôi, để khích lệ chúng tôi tìm cách trực tiếp báo cho Đức Tổng Giám Mục những chuyện xì xầm đang phổ biến cách riêng giữa hàng giáo sĩ và đồng thời kinh qua các kênh báo chí. Cáo hại cho cả hai bên. Những cuộc đối kháng đã là chiếc gai đâm mãi mãi vào trái tim tôi và vào trái tim mẹ tôi…

Trong tất cả các cuộc nói chuyện với mẹ tôi và với tôi về điều này, ta thấy rõ được là Don Bosco đã đau khổ đến mức nào vì các thử thách cam go… Nhưng Don Bosco luôn luôn nói về Đức Tổng Giám Mục với một sự tôn kính và một đức bác ái mà chúng tôi cảm thấy phải ngưỡng mộ mà noi gương.

Trên trang nhật ký của tôi vào những năm đó, tôi rút ra được những lời tôi đã ký thác vào đó: "Tại sao Đức Tổng Giám mục, Bác của chúng ta lại đã thay đổi như thế? A! Con người đã đóng vai trò buồn thảm là khơi dậy cuộc bất hòa như vậy, chắc chắn sẽ cảm thấy những sự hối hận lớn lao".

Tôi như nhận thấy rằng một trong những kẻ chủ yếu khơi dậy những cuộc bất hòa này phải kể vị thư ký của Đức Tổng Giám Mục Bác của chúng tôi, tức là nhà Thần học Tommaso Chiuso, vừa mới chết cách đây vài năm, đó là người mà tôi ngầm nhắc tới trong những lời tôi vừa nói đến ở trên. Tôi rất thường được mời tới dùng bữa với Bác của tôi Đức Tổng Giám Mục, tôi đã nghe được những lời diễu cợt và những lời châm biếm liên quan tới những người ở Valdocco, hay đúng hơn: những người ở chỗ đó…

Tôi ghi nhận trong những trang nhật ký của tôi những lời của Don Bosco: "Mình cứ muốn mình phải mạnh mẽ và duy trì sự can đảm đi, nhưng để rồi chất đống những phản cảm và những phản cảm, và trái tim khốn khổ cảm nhận những sự tê tái của chúng và tan nát ra". Chưa bao giờ tôi đã trông thấy trong

suốt cả đời tôi là Don Bosco đã đổi dạng cả dung mạo, nhưng mà lần đó, trong khi ngài nói chuyện, thì mặt ngài lúc thì xanh lợt, lúc thì tím lại…

Đàng khác, tôi có thể và phải làm chứng rằng Bác đáng kính của tôi trong khi nói với tôi đã tỏ ra là rất đau khổ, không những chỉ qua các lời nói, mà còn trong những nét buồn bã, vì lẽ những mối tương quan với Don Bosco đã không còn được như lúc ban đầu của Nguyện Xá nữa".

Cuộc xử án giữa Don Bosco và Đức Tổng Giám Mục đã được bàn cãi ngày 17.12.1881. Tám Hồng Y tham dự vào đó. Hai vị bỏ phiếu ủng họ Đức Tổng Giám Mục, 4 vị bỏ phiếu cho Don Bosco. Đức Thánh Cha sau khi đã nhận ra kết quả, đã cho ngừng cuộc bàn cãi lại. Ngài nói với Đức Hồng Y Nina, Đấng bảo vệ chính thức cuả Tu Hội Salêdiêng:

- Phải cứu vãn quyền bính. Don Bosco nhân đức nên có thể thích nghi với mọi sự.

Đó là ván bài thứ hai mà Đức Thánh Cha muốn thử, để đo lường mức thánh thiện của Don Bosco.

Chén đắng dành cho Don Bosco

Chính Đức Thánh Cha ấn định các điều kiện cho cuộc "hòa giải", với một khuôn phép ngôn từ chỉ có trong một nền ngoại giao tinh tế. Tuy nhiên điều cốt yếu lộ ra rất rõ và không để lại chỗ cho một sự tránh né. Đó là một đàng Don Bosco phải viết một lá thư xin lỗi Đức Tổng Giám Mục, một đàng Đức Tổng Giám Mục trả lời là ngài sung sướng lấy một tảng đã lấp đi cái quá khứ.

Don Bosco phải nuốt mật đắng. Ngài họp Hội đồng của Tu Hội lại, và đọc nguyên bản của tờ "Hòa giải". Tất cả đều kinh ngạc. Có người đề nghị là phải xin một thời gian để suy nghĩ đã. Chính Don Cagliero đã cho nổ bung cái nút khúc mắc đó bằng những lời thẳng thắn:

- Đức Thánh Cha đã nói và chúng ta buộc phải vâng lời. Đức Thánh Cha đã lấy quyết định trên vì ngài biết Don Bosco và ngài biết rằng mình có thể tin tưởng vào Don Bosco. Không cần phải có gì thêm nữa. Chỉ cần duy một việc là phải vâng phục".

Don Bosco đã viết thư xin lỗi. Và Đức Tổng Giám Mục đã trả lời: "Với tất cả tấm lòng, tôi chấp thuận lời xin tha thứ".

Ngày sau đó Don Bosco viết cho Đức Hồng Y Nina một lá thư theo đó người ta có thể đo lường được liều thuốc cay đắng mà ngài đã phải cố nuốt và những hậu quả chua chát đang dần thể hiện:

"Tại Tòa Giám mục, người ta vui sướng vì những sự nhục nhã người ta đã làm cho Don Bosco phải đau khổ. Những chuyện đàm tiếu, phổ biến với ác ý, cắt nghĩa sai lệch, đè bẹp những người Salêdiêng khốn khổ. Đã có hai vị giám đốc nhà xin rút lui khỏi Tu Hội vốn đã trở thành trò cười của các bậc quyền thế. Đàng khác các linh mục của chúng con và các chủng sinh của chúng con cũng xin y như thế. Tuy nhiên con muốn giữ tuyệt đối im lặng, như con đã viết cho Đức Hồng Y đáng kính".

Thanh thản nhưng hoàn toàn suy sụp

Đức Lêô XIII, vị Đại Giáo Hoàng trong lịch sử Hội Thánh khởi sự từ giờ phút đó đã có những cử chỉ tốt lành rất tinh tế đối với Don Bosco. Chính ngài bổ nhiệm Don Gioan Cagliero làm Giám Mục Salêdiêng đầu tiên và còn ban cho các "đặc ân" làm cho Tu Hội được quyền miễn trừ không chỉ trong 19 năm, mà còn vĩnh viễn khỏi sự lệ thuộc vào quyền bính của các Đức Giám Mục trong vấn đề tế nhị là việc phong chức thánh.

Nhưng khi ngài mới được bầu làm Giáo hoàng, Ngài đã tìm thấy ở Vatican có cả một môi trường thù nghịch với Don Bosco và qua hai thử thách trên, ngài đã đo lường được sự thánh thiện của Don Bosco.

Để xem xem một viên đá có chứa vàng hay không, người ta phải vất nó vào trong độ nhiệt của nồi nấu kim loại. Nếu nó sản xuất ra vàng, nó sẽ là một khoáng sản quí, còn nếu không nó chỉ là rác rưởi. Don Bosco đã bị thử thách như thế. Từ ngài xuất ra vàng, và là vàng ròng. Tuy nhiên con người nhân loại của ngài bị tiêu hao, thành bọt. Cha Morand Writh viết: "Kể từ năm 1884, Don Bosco chỉ còn là cái bóng của chính mình".

Xin lỗi Đức Tổng Giám Mục là người đã quất đòn vào ngài trong suốt 10 năm trời là cái đã khiến ngài phải trả giá quá mắc. ngài không sinh ra, như chúng ta đã nói, để mà đưa má bên kia cho người ta vả. Ngài buộc cho người ta phải chấp nhận ngài bằng một nỗ lực kinh khiếp. Việc xây dựng thánh đường Thánh Tâm Chúa Giêsu đã nuốt chửng một triệu rưỡi lires, đã buộc ngài phải gánh chịu trong những năm sức khỏe thể lý giảm thiểu, những nỗi khó nhọc vượt quá sức con người.

Don Bosco đã chấp nhận tất cả bởi đức tin vào Đấng Đại Diện Chúa Kitô và bởi tình yêu Tu Hội đang cần một cách tuyệt đối sự quí mến của Đức Thánh Cha.

Don Bosco đã thoát ra khỏi những thử thách này một cách thanh thản nhưng hoàn toàn suy sụp. Vì lý do đó Tu Hội đã triển nở một cách rực rỡ: Tu Hội đã được phát sinh từ một linh mục chịu đóng đinh.

---

[20] Vallecrosia là một đô thị ở tỉnh Imperia trong vùng Liguria, tọa lạc khoảng 120 km về phía tây nam của Genoa và khoảng 30 km về phía tây của Imperia. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2004, đô thị này có dân số 7.264 người và diện tích là 3,6 km2.

Chương 48: CÁC CUỘC HÀNH TRÌNH LỚN. QUA PHÁP VÀ TÂY BAN NHA...

"Cây Thánh Giá của Công trình Nhà Thờ Thánh Tâm" bắt đầu đè nặng lên vai Don Bosco.

Trước tiên Don Bosco sai Don Dalmazo, rồi Don Angelo Saviô tới Rôma để tìm hiểu về công việc và "kiểm soát những chi phí". Tiếc thay theo một truyền thống thông thường tại Roma, thì "các công trình của Giáo Hoàng là có ăn cho mọi người". Don Bosco chuyển đến cha Dalmazzo những những yêu cầu rất thúc bách theo hướng này: "Có thiếu một kiểm soát viên theo dõi các đồ đạc nhập vào không?", "Hãy để ý đến giá cả", "Ai coi sóc các vật liệu buộc phải di chuyển sang chỗ khác?", "Người ta có làm việc ít? Có ăn cắp trong nhà hay ở ngoài? Có phí phạm vật liệu? Nhất là những chiếc bàn?", "Hãy để một người biết công việc giám sát"…

Thế rồi Don Bosco lại tái thúc đẩy cả một bộ máy hoạt động quyên góp tiền đã bao lần được thử nghiệm: Các thư luân lưu bằng nhiều ngôn ngữ, các cuộc xổ số, việc quyên góp, các thư cá nhân. Công việc này không phải là một thứ đũa thần. Nó đòi hỏi nhiều lao nhọc, những sự nhục nhã, việc kiểm soát, những nặng nhọc ghê gớm của nhiều hội viên. Gánh nặng hơn cả chính Don Bosco đưa vai gánh vác.

"Cha gánh vác nhà thờ Thánh Tâm Chúa trên đôi vai"

Don Rua trong lời khai có kèm theo việc tuyên thệ trong án vụ phong chân phước cho Don Bosco làm chứng rằng: "Thật xe lòng thấy cha lên xuống các bậc cầu thang để xin bố thí, và trơ mặt chịu những sỉ nhục gay go. Ngài chịu đau khổ biết mấy, nên đôi khi giữa những người thân, trong nơi riêng tư, có hỏi ngài là làm sao một người có thể cúi mình xuống như vậy, ngài trả lời: "Cha gánh vác nhà thờ Thánh Tâm Chúa trên đôi vai". Một lần khác, trong khi nói đùa vui vẻ, ngài nói: "Người ta nói Hội Thánh bị bách hại. Còn cha, ngược lại, cha có thể nói Hội Thánh bách hại cha!". Người ta có thể nói được rằng cha đã rất yếu ớt về vấn đề sức khỏe trong nhiều năm rồi, và một công việc nặng nề như vậy sẽ làm cạn kiệt một phần lớn sức lực của cha nữa".

Nỗi mệt nhọc nặng nề nhất mà cha phải dấn mình vào chính là "cuộc hành trình lớn sang Pháp" mà cha đi từ tỉnh này sang tỉnh khác để ăn xin trong suốt 4 tháng: từ 31-1 cho đến 31-5 năm 1883.

Chúng tôi xin có một thoáng nhận định. Don Bosco khi đó đã 68 tuổi, cha còn sống được 5 năm nữa. Tu Hội của cha đã phát triển rộng rãi và thế giới đang trải qua một trong những thời kỳ biến động sâu xa nhất về các ý tưởng và các cơ cấu. Don Bosco đáng lý đang cần phải có có thời giờ để có thể thử làm một tổng hợp ý tưởng của ngài, các trực giác của ngài là những cái tạo nên nền tảng cho các công cuộc của ngài. Ngài phải sử dụng chút ít thời gian còn lại để tái suy nghĩ lại về các chương trình hành động của mình trong bối cảnh xã hội đang thay đổi nhanh chóng, để cung cấp một tổ chức vững chắc cho Tu Hội.

Trái lại, trong những năm còn khả năng làm việc cuối đời, ngài bị bó buộc "phải đi kiếm các đồng tiền xu" để xây dựng một nhà thờ. Đấy chẳng phải là việc đi xin tiền cho các trẻ nghèo khổ của ngài, mà là đã xây dựng những bức tường của một nhà thờ tại Roma. Từ vòm mái cho tới tận đất, đấy là một câu chuyện hoàn toàn làm cho người ta phải sững sờ.

Nhưng đồng thời, chính những năm "bị đốt cháy" này đã buộc Don Bosco

phải thực hiện hai cuộc hành trình lớn (qua Pháp và Tây Ban Nha), đã trở thành cho ngài một cuộc khải hoàn của "người của Thiên Chúa". Những thời gian đó cho ngài cơ hội để đốt sáng lên "cảm thức về Thiên Chúa" giữa những khối quần chúng đông đảo.

Marx đã định nghĩa "tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng" có sức làm quên đi mọi sự. Bakounine đòi hỏi các người tham gia phong trào của ông ta phải công khai hành nghề "chủ nghĩa vô thần". Công Xã Paris [21] lại vừa mới biểu lộ những dấu hiển nhiên của chủ nghĩa vô thần chiến đấu. "Các Hội Thánh Kitô giáo buộc phải duyệt xét lại các toan tính của mình, không phải với các hiện tượng vô tín ngưỡng có giới hạn trong các lãnh vực tương đối của các nhà lãnh đạo, mà là với sự xa lìa thực hành tôn giáo và sự vâng phục Hội Thánh rất nghiêm trọng" (*Trích từ Francesco Traniello*).

Toàn thể xã hội đánh mất cảm thức về Thiên Chúa và sự kính trọng thần linh đối với sự sống của con người. Trong những ngày của Công Xã Paris, sự vô đạo của các thành viên Công xã hiển nhiên không tệ hại hơn sự vô đạo của những người phe trưởng giả đã dập tắt Công xã bằng những phát đại bác, giết hết thảy 14000 công nhân (và những công nhân thời đó là những đàn ông, đàn bà và trẻ con).

Don Bosco đã gánh chịu những nỗi mệt nhọc cuối cùng của ngài không phải vì một nhà thờ hay vì các người trẻ nghèo khổ, mà còn vì tất cả một thế hệ đang liều đánh mất cảm thức về Thiên Chúa và về những giá trị của cuộc sống. Thế hệ này tại Pháp và tại Tây Ban Nha tái khám phá ra được "cảm thức về Thiên Chúa" và "sự tận tụy phục vụ tha nhân" nhờ vào cuộc hành trình của ngài.

Paris bừng lửa nhiệt tình

Chúng ta hãy dõi theo cuộc hành trình sang Pháp qua bài tường thuật của Henri Bosco dựa trên không chỉ các tài liệu Salêdiêng mà còn trên cả các tờ báo ở Pháp

vào thời đó.

Khi lên đường, mắt Don Bosco hầu như mù, ngài hầu như không thể đứng nổi trên đôi chân ngài do chứng giãn tĩnh mạch. Thân thể ngài gần như kiệt lực. Ngài vào Pháp qua ngã thành phố Nice là thành phố từ 18 năm qua đã không còn thuộc về Ý nữa. Ngài tới Paris qua ngã Toulon – Marseille – Avignon – Lyon – Moulins. Một cuộc hành trình chậm rãi kéo dài 2 tháng 19 ngày.

Không một ai, lại càng không phải chính ngài, đã có thể tiên đoán trước được nỗi cảm xúc lạ thường, sự hồ hởi, việc dân chúng tuôn đến, và sức cháy bừng của niềm tin được khơi dậy bởi "một linh mục nghèo khổ thuộc miền quê".

Những người cẩn trọng đã khuyên ngài: "Đừng đi Pháp. Tại Paris người ta đang xây dựng Thánh Đường kính Thánh Tâm Chúa Giêsu tại Mont Martre. Nó đã ngốn hằng triệu Francs và vẫn còn chưa xong. Vậy liệu có ai còn có thể cho cha một xu nào chăng?"

Tại Lyon, các nhà thờ đầy ắp. Chiếc xe ngựa những người đón tiếp dành cho ngài bị bao vây, siết thắng và đông cứng lại. Người đánh xe ngựa sốt ruột bởi sự náo nhiệt của đám đông nên đã thốt lên: "Đánh xe cho quỉ còn dễ hơn đánh xe cho một linh mục như vị này".

Tại Paris, người ta đã sợ một sự thất bại hoàn toàn. Nước Ý chính thức vừa chuyển mình từ liên minh với Pháp sang liên minh với Đức và Áo bởi hiệp ước ba Đồng Minh. Và Don Bosco là người Ý. Hơn nữa, chính quyền ở đây chống giáo sĩ cách gắt gao.

Bất chấp sự nhạy cảm của mình, Paris đã tiếp đón vị tông đồ của những người nghèo với một sự nhiệt tình đầy đam mê. Don Bosco đến vào ngày 19.4.1883, và ở lại đó năm tuần lễ (trừ một lần dừng chân ngắn tại Amiens và Lille). Ngài được đón tiếp tại một gia đình bạn hữu tại Paris, số 34 Đạo lộ Messine. Tuy nhiên mỗi buổi sau trưa ngài đi đường Ville- l' Êvêque tới ở nhà các Tu sĩ Tận Hiến cho Thánh Tâm Chúa, và ngài thực hiện việc này để tránh

cho chủ nhà đón tiếp ngài khỏi bị áp lực của đám đông lập tức tràn tới nơi ngài ở.

Người ta đồn thổi: "Đó là một vị thánh"; lời quả quyết này rất nguy hiểm. Sẽ có cả một đống người sẵn sàng tỏ ra mối hoài nghi và chỉ một chuyện không không mà thôi cũng đủ để chuyển mọi sự thành một trò cười. Ngài để cho người ta thoải mái chụp hình ngài, một mình hay cùng những người khác. Có người trách ngài rằng: đó là một chuyện phù phiếm. Nhưng ngài trả lời: "Đó là một phương tiện tốt, không phải để cho người ta biết tôi, mà để công bố cho dân chúng biết công cuộc của tôi". Ngài giúp cho các người viết sử hạnh ngài được dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ của họ hơn, như bác sĩ vùng Espiney, người đầu tiên viết tiểu sử ngài bằng tiếng Pháp. Cuốn sách này có những chỗ sai lớn, nhưng nó đã được in 50.000 bản trong vòng vài tháng.

Một bức hình chụp Don Bosco Tại Pháp

Có một bức hình chụp Don Bosco, là một hình chụp nổi tiếng nhất được chụp tại Paris. Khuôn mặt Don Bosco trong bức hình chụp này thật già, mệt nhọc, tàn tạ; ngài già một vẻ già không thể tin được, giống như một tờ giấy nhàu nát. Những nét nhăn hằn lên trên trán, miệng ngài vẻ tốt lành, những méo mó do vẻ phờ phạc không cách nào hồi phục được. Mắt ngài chìm sâu sau dẫy lông mày dày đặc, chỉ hơi lóe lên một chút ánh sáng, thật là một ánh nhìn hầu như mù lòa; Nhân vật sống sau khuôn mặt này từng biết đến sự đau khổ gồm cả đau khổ của mình và đau khổ của những người khác mà ngài đã coi như là những người thân của mình, mà ngài đã cứu vớt họ để ở dưới trần gian này họ sống mà được bớt đi những đau khổ, và có một thiên đàng mà người ta được thị kiến thấy vào giờ chết của họ. Thoạt nhìn, khuôn mặt này gợi ra cho người ta thương xót ngài hơn là hồ hởi.

Nhưng trên bức hình chụp này người ta cũng thấy đôi bàn tay của Don Bosco; những bàn tay của một người lao động, một con người lao động lương thiện, một con người lao động đầy quyền lực để tạo nên sự sống. Đôi bàn tay này giơ lên để chúc lành cho những người đau ốm, vuốt ve những đứa trẻ và đem lại sức khỏe giống y như nước của Lộ Đức. Khi thấy những bàn tay này giơ lên, hoạt động, những người Paris không còn thấy xót thương cho Don Bosco, nhưng là xin ngài xót thương họ. Họ nhìn thấy nơi ngài con người được Thiên Chúa sai tới đem lại niềm hy vọng, giống như một con người của Thiên Chúa, kẻ phân phát những sự chữa lành và những ân sủng của Chúa Quan Phòng.

Tại thủ đô cũng nhắc lại những chuyện y như tại tỉnh lỵ. Dân chúng chạy ùa tới ngài càng đông hơn và càng vội vã hơn và Don Bosco chịu nhiều đợt ào đến thô bạo hơn và cực nhọc hơn. Đó là cái khác lạ duy nhất.

Trong những ngày đó người ta đọc thấy trên tờ *Le Figaro:* Trước căn nhà của phố Ville-l' Évêque, nơi Don Bosco bước xuống, các dòng xe đậu lại suốt ngày trong cả một tuần lễ. Những bà lớn cầu khẩn ngài làm các phép lạ cho họ và cho thân quyến họ, các phép lạ ngài làm, như người ta nói, thật rất dễ dàng".

Tờ báo *Le Pèlerin* thì viết: "Người ta kể lại, và thậm chí người ta còn sáng tác ra các phép lạ… Các bà thuộc thế giới cao tuổi chạy tới sau các vết của vị thánh không hề lo để thế gian vỗ tay khen mình, và giảng những bài giảng cho mọi giới, bất phân biệt đó là những cô như Mađalêna, hay đó là là một người ăn mày, và dành thời giờ cho một người thợ cũng y như cho một ông hoàng tử".

Một ngày của một linh mục nghèo

Don Bosco dậy sớm, vào 5 giờ sáng, và đi ngủ vào nửa đêm, khi đã mệt nhoài. Vào 6 giờ sáng bắt đầu các cuộc thăm viếng. Rồi ngài đi cử hành thánh lễ tại xứ này hay xứ kia, luôn luôn người ta rình gặp ngài khi vừa ra khỏi nhà thờ, với những câu hỏi dồn dập, những yêu cầu tới tấp, rồi những lời cầu xin, những lời

xin cầu nguyện. Người ta muốn nói chuyên với ngài, chạm đến ngài, hay ít là trông thấy ngài. Người ta chặn ngài lại ở mọi nơi, tại cầu thang, trong hành lang, tại cửa phòng áo, trên đường phố. Tiếng Pháp của ngài không xuôi, giọng không chuẩn, sự lưu loát không tốt lắm.

Tại Tổng Hiệp Hội cầu nguyện cho các người tội lỗi ăn năn trở lại", ngài chuẩn bị cử hành thánh lễ. Đám đông thật lớn: có người muốn vào, không vào được; người ấy ngạc nhiên mới hỏi:

- Có gì vậy?

Một phụ nữ thuộc quần chúng trả lời:

- Chúng tôi đến để dự thánh lễ, thánh lễ cầu cho những kẻ có tội. Có một vị thánh sắp cử hành thánh lễ.

Khi người ta xin ngài ban cho họ phép lạ "của ngài", Don Bosco trả lời: "Tôi là một tội nhân, xin cầu cho tôi. Nhưng chúng ta cùng nhau kêu xin Đức Mẹ Phù Hộ. Chính Mẹ chữa lành, lắng nghe, hiểu hết, và thương xót chúng ta. Mẹ từ trời cao trả lời cho chúng ta. Tôi, tôi chỉ biết cầu xin Mẹ mà thôi". Nhưng khi con người khốn khổ này cầu xin, thì Đức Mẹ luôn trả lời. Người ta tin rằng Đức Mẹ đang ở đây, ngay bên cạnh ngài, sẵn sàng làm theo điều ngài kêu xin.

Các bậc có quyền bính tiếp đón ngài cách thân tình. Đức Hồng Y Lavigerie đợi ngài ở nhà thờ Thánh Phêrô biệt danh Tảng Đá Lớn, và nói chuyện với cử tọa hiện diện trong khi nhiệt tình gửi gắm ngài cho lòng quảng đại của họ. Ngài gọi Don Bosco là "vị thánh Vinh sơn Phaolô của nước Ý".

Những lời kêu gọi tới lòng quảng đại không chỉ được đáp ứng bởi những gia đình giàu có, mà còn bởi cả dân chúng khiêm tốn. Tất cả mọi người dâng cúng cho ngài. Don Bosco đón nhận các tiền giấy, các đồng nhỏ, các lượng vàng, và cả đến các đồ trang sức. Có xẩy ra những lúc Don Bosco chẳng còn biết để tiền ở đâu nữa.

Ngài rời Paris để đi Lille và Amiens; cũng cùng một lòng nhiệt tình như vậy

tại những nơi đó. Trước những nhát kéo kinh khủng cắt áo chùng thâm của ngài, ngài thốt lên:

- Tất cả những người điên không ở hết trong các viện tâm thần!

Sau đó là chuyến trở về. Trong xe lửa hai người bạn của ngài là Don Rua và Don Barruel im lặng. Họ đang suy nghĩ lại về những ngày trong mơ mà họ không bao giờ quên. Thình lình Don Bosco cắt đứt sự im lặng:

- Don Rua, cha có nhớ lại con đường đi từ Buttiglires đến Murialdo không? Tại đó, ở phía bên phải, có một cái đồi và trên đồi đó có một cái nhà nhỏ bé. Đó là nơi ở của tôi và mẹ tôi. Trên những cánh đồng đó lúc tôi còn là một chú bé, đã đưa các con bò đi ăn cỏ. Nếu tất cả các ông tại Pháp biết được rằng họ hầu như đã đưa một chú bé nhà quê nghèo nàn tại Bécchi này tới chỗ vinh quang đấy…

Đức Hồng Y, người mang đến hòa bình

Ngày 18.11.1883, Đức Hồng Y Gaetano Alimonda, Đức Tổng Giám Mục mới, đã tới Torino theo cách thức hoàn toàn riêng tư. Trong một lần bệ kiến Đức Giáo Hoàng Lêô XIII vào năm 1884, Don Bosco đã nghe Ngài nói: "Trong khi cha gửi ngài tới, cha đã nghĩ đến con. Đức Hồng Y Alimonda mến con rất nhiều, rất nhiều".

Cha Ceria viết rằng: "Sự tốt lành của Đức Hồng Y là một niềm an ủi Chúa quan phòng gửi đến cho Don Bosco trong những năm cuối đời ngài".

Sau khi Đức Hồng Y đến được ít lâu, Don Bosco sai một ai đó tới hỏi xem Đức Hồng Y có ở nhà không để đến gặp ngài. Đức Hồng Y lấy xe ngựa và lập tức tới Valdocco.

- Để gặp gỡ cha thật sớm, tôi đã đích thân đến với cha.

Lúc ấy nhằm 10 giờ sáng, như lời một nhà viết sử hạnh hiện diện tại đó, nhắc nhớ lại. Cuộc hội kiến ở ngay trong văn phòng Don Bosco, và kéo dài hơn một giờ. Trong thời gian đó, các trẻ em tại các xưởng thợ và các lớp học đã được báo

cho hay, các nhạc công vội đi lấy nhạc cụ và một em nào đó đã vội kéo các lá cờ lên dẫy cột cờ ở các ban-công. Khi Đức Hồng Y đi ra ngoài ban-công ở lối ra khỏi phòng Don Bosco, thì ban kèn liền chơi, và các trẻ em vỗ tay chào đón. Đức Tổng Hồng Y vui vẻ nói:

- Tôi muốn đến để tạo cho cha một sự ngạc nhiên nhưng chính cha lại đem sự ngạc nhiên đến cho tôi!

Ngài vẫy tay chào các học sinh và nói với các em:

- Các con rất thân mến, cha cám ơn các con. Cha chúc lành cho các con và xin các con cầu nguyện cho cha.

Ngài đi thăm các xưởng thợ và ở lại lúc lâu trước ảnh Đức Mẹ Phù Hộ để cầu nguyện.

Nếu cha không trở lại nữa

Tiền quyên góp tại Pháp rất dồi dào, nhưng nhà thờ Thánh Tâm Chúa Giêsu tại Roma cho thấy nó là một cái giếng không có đáy. Vào đầu năm 1884, có những món nợ to lớn phải trả, mà két tiền lại rỗng. Ngày 28 tháng Hai, bất chấp sức khỏe thê thảm của mình, Don Bosco nói với các con cái ngài rằng:

- Cha lại đi Pháp một lần nữa.

Don Rua và Don Cagliero tìm cách thuyết phục ngài đừng đi. Các vị xin bác sĩ Albertotti đến thăm ngài. Bác sĩ sau một cuộc xét nghiệm lâu giờ, đã nói một cách rõ ràng:

- Đối với con, nếu cha tới Nice mà còn sống, thì đó là một phép lạ.

- Nếu tôi chết, thì đành vậy! Don Bosco thì thầm. Trước khi đi, tôi sắp xếp mọi chuyện cho ổn. Nhưng tôi phải lên đường.

Vừa ra khỏi phòng Don Bosco, Alberlotti nói với Don Rua:

- Cha phải lưu ý. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu Don Bosco chết thình lình, mà không ai hay. Vậy đừng có ảo tưởng đấy!

Don Bosco gọi một Công chứng viên và các nhân chứng tới và đọc cho viết lời di chúc. Rồi ngài gọi Don Rua và Don Cagliero tới và chỉ cho các cha thấy tài liệu công chứng đang đặt ở trên bàn. Ngài nói:

- Đây là di chúc của tôi. Tôi đã ghi tên cả hai cha như là những người thừa kế mọi tài sản. Nếu tôi không trở về nữa, thì hai cha đã biết trước công chuyện đã như thế nào rồi.

Trái tim như nổ tung, Don Rua ra khỏi phòng. Don Cagliero ở lại, nước mắt rưng rưng:

- Này cha, cha muốn đi trong tình trạng này ư?

- Thế con muốn cha làm khác đi sao? Con không thấy là chúng ta không còn các phương tiện để tiếp tục hay sao? Nếu cha không đi, thì cha tìm ở đâu ra cho các con những cái cần thiết để trả các món nợ đã hết hạn? Chúng ta phải để cho lũ trẻ không còn bánh ăn hay sao? Cha chỉ có thể tìm ra được sự trợ giúp nơi nước Pháp.

Don Cagliero bật khóc. Cố gắng cầm mình lại, ngài nói với Don Bosco:

- Chúng ta luôn luôn tiến bước nhờ các phép lạ. Cha sẽ thấy là Đức Mẹ còn tiếp tục giúp đỡ chúng ta. Vậy cha hãy đi, chúng con sẽ cầu nguyện.

- Được, cha đi. Chúc thư của cha ở đó nhé. Cha trao nó cho con trong cái hộp này. Con hãy giữ nó như một kỷ niệm cuối cùng.

Cuộc hành trình qua Pháp lần này không dài. Ngài chỉ đi tới miền nam nước Pháp, nhưng ngài đã thu lượm được đủ số tiền quan trọng. Gia đình của Bá tước Colle tại Toulon một lúc trao vào tay Don Bosco cả 150000 lires.

Tại Marseille, Don Albera lo lắng cho sức khỏe của Don Bosco, đã xin bác sĩ nổi tiếng Combal tới thăm bệnh cho cha. Sau một cuộc khám bệnh tỉ mỉ, Combal cho ý kiến bằng một ngôn ngữ hình ảnh:

Cha chính là một chiếc áo đã hư nát. Cha đã mang nó cả tuần lễ, và tới cả Chúa Nhật để còn duy trì được nó, phương thức thứ nhất là đặt nó trong tủ áo.

Cha hiểu là con căn dặn cha hãy nghỉ ngơi tuyệt đối.

- Tôi xin cảm ơn bác sĩ, nhưng đó là thứ thuốc duy nhất mà tôi không muốn uống.

Những khó khăn đã buộc ngài phải thực hiện chuyến hành trình quyên góp cuối cùng. Vào năm 1886, chỉ hai năm trước khi ngài chết, ngài lại đi Tây Ban Nha. Tại Barcelona, ngài được tiếp đón nồng nhiệt như ở Paris. Những đường phố tràn ngập người, những mái nhà bị gỡ ngói, và những đám đông người tụ lại dưới các đèn đường. Và người ta đã quảng đại tới mức nào! Họ dâng cho ngài thậm chí cả một quả đồi, "đồi Tibi Dabo" (Đồi "Ta Cho Con"), từ đó người có thể có một cái nhìn từ cao điểm để thấy cả thành phố một cách phi thường.

Ngài trở về Torino qua ngã miền Nam Nước Pháp: Montpellier, Tarascon, Valence, Grenoble. Một chuyến trở về chậm chạp tới nước Ý của ngài, đó là chuyến trở về cuối cùng. Ngài nói với một người cùng đi với ngài:

- Tất cả là công trình của Đức Mẹ. Tất cả đến từ kinh *Kính Mừng Maria* mà ngài đã đọc lên với một đứa trẻ cách đó 55 năm, tại nhà thờ Thánh Phanxicô Assisi.

Trong khi cơ thể của ngài còng xuống ngày càng nhiều, thì linh hồn ngài tỏa ra thứ ánh sáng ngày càng sinh động. Don Belmonte, giám đốc nhà Sampierdarena, một ngày kia tâm sự với ngài:

- Con mệt nhọc quá, con chẳng thể làm gì được nữa.

Don Bosco cúi xuống phía trước một tí, kéo áo chùng thâm lên và cho thấy đôi chân xưng phồng lên, những vành da phủ xuống hai bên giầy của ngài. Và ngài chỉ góp ý thêm một lời:

- Con yêu quí, can đảm lên. Chúng ta sẽ nghỉ ở trên Thiên đàng. Buổi chiều ngày 25 tháng 6, các cựu học sinh dâng lên ngài những lời chào kính nồng nhiệt mừng lễ bổn mạng của ngài. Cảm kích, Don Bosco cám ơn họ và vì quá mệt nên ngài chỉ có thể nói lên được một lời:

- Cha không là gì khác ngoài chuyện là con ve sầu kêu ve ve rồi chết.

Nếu có ai đó thấy ngài đi một mình, còng lưng xuống, nên tới giúp ngài và hỏi ngài: “Cha đi đâu đấy, Don Bosco?”, thì ngài nhìn người ấy và mỉm cười dịu dàng rồi trả lời: “Chúng ta đi tới Thiên đàng”.

---

[21] Tại Paris, chính quyền Cách mạng Công Xã theo đường lối cách mạng, dựa trên lực lượng công nhân. Chính quyền này bị đè bẹp bởi quân của đội quân của giới trưởng giả Pháp.

Chương 49: GIOAN CAGLIERO LÀM GIÁM MỤC

Don Gioan Cagliero dựa theo các chương trình của Don Bosco, thì sẽ ở lại 3 tháng tại Châu Mỹ, để củng cố địa bàn truyền giáo thứ nhất này, rồi lại trở về Ý. Tuy nhiên ngài đã ở lại đó tất cả là hai năm.

Năm 1877, Don Bosco đã sai hai nhóm Salêdiêng khác với hai vị đứng đầu mỗi nhóm là Don Luigi Lasagna và Don Giacomo Costamagna, những vị này có khả năng giải quyết được các tình huống.

Thế là Don Cagliero trở về Ý. Trong năm 1877, Tổng Tu Nghị đầu tiên của Tu Hội họp tại Lanzo, và dĩ nhiên Don Cagliero cũng tham dự trong tư cách Giám Linh của Tu Hội và chuyên viên duy nhất về các vấn đề truyền giáo. Trong dòng những năm sau đó, Don Bosco trao cho ngài hai nhiệm vụ tế nhị: phát triển công cuộc Salêdiêng tại Tây Ban Nha và điều hành Tu Hội Con Đức Mẹ Phù Hộ đang trong những bước khởi đầu.

"Ai có thể đảm nhận chỗ của cha?"

Năm 1879, Don Bosco mới có 64 tuổi nhưng ngài đã cảm thấy kiệt lực và đang đi xuống mau chóng. Ngài muốn chọn giữa những người đã theo ngài đầu tiên một người nào đó để dần dần có thể đảm nhận trách nhiệm của tất cả các công việc của Tu Hội, và vào thời điểm mong muốn, có thể thay thế ngài; tóm lại là "một tổng đại diện" hay "phó bề trên cả". Hai danh tánh khả thể là Rua và

Cagliero. Rất trung thành và có khả năng, Don Bosco đều yêu quí cả hai và trong một mức độ nào đó ngài còn lưỡng lự. Chọn một người có nghĩa là để người kia trong bóng của kẻ khác chăng?

Và sau đây là tiến trình tế nhị Don Bosco sử dụng. Một buổi sáng mùa thu năm 1879, vào lúc ngài lên đường đi Foglizzo, ngài xin Don Cagliero đi theo ngài. Trong cuộc hành trình, ngài hỏi Don Cagliero:

- Nếu cha chết đi, thì con nghĩ ai sẽ thế chỗ của cha?

Don Cagliero không thề thốt, nhưng nhấp nháy mắt:

- Don Bosco yêu dấu, cha không nghĩ rằng còn quá sớm để nói về chuyện này sao?

- Đồng ý như vậy. Nhưng chúng ta cứ giả thiết là nó xẩy ra đi: Con sẽ nói cho cha hay những tên ai có thể làm?

- Những tên ai ư? Con chỉ thấy có một người sẽ đảm nhận chỗ của cha.

- Còn cha ngược lại cha chọn hai hay ba tên.

- Tiếp theo đó có thể có hai hay ba tên. Còn hiện tại con không tin là như vậy. Vậy cha hãy nói cho con nghe xem hai hay ba người đó là những ai?

- Trước hết con hãy nói cho cha nghe ứng cử viên của con.

- Don Rua. Vâng chỉ có một mình Don Rua thôi.

- Con có lý; Rua luôn luôn là cánh tay phải của cha.

- Là cánh tay, là đầu, là trái tim của cha đấy, Don Bosco thân yêu. Đó là người duy nhất có thể thay thế cha khi Chúa thật sự muốn gọi cha về Thiên Đàng.

Don Bosco đã rất tế nhị và Cagliero cũng rất tế nhị trong việc tránh đưa mình vào.

Chẳng có một bóng tối nào làm rối loạn việc tuyển chọn "Don Bosco thứ hai".

Don Bosco không bao giờ nói lên lời cảm ơn, nhưng thật sự Don Bosco rất

biết ơn Don Cagliero vì những lời cha nói đó với một sự khiêm cung thẳng thắn trong chiếc xe ngựa dẫn họ tới Foglizzo.

Một cái ôm hôn nồng thắm người con giám mục đầu tiên

Ngày 16 và 20 tháng 11 năm 1883, Tòa Thánh công bố hai tài liệu quan trọng. Miền Bắc và miền Trung Pantagonia (gồm phần lãnh thổ gần con sông Rio Negro, Chubut và Santa Cruz) được tuyên bố là "Hạt Đại diện Tông Tòa" tương đương với giáo phận, dưới quyền của Don Gioan Cagliero, được bổ nhiệm làm Quyền Đại diện Tông tòa. Và vùng đất Lửa (vùng đất cực Nam của Pantagonia) được tuyên bố là "Hạt Phủ Doãn Tông Tòa" và Don Fagnano được bổ nhiệm làm "Phủ Doãn Tông Tòa".

Don Cagliero sẽ phải đi tới Mỹ Châu với tư cách là Quyền Đại diện tông tòa, chứ không phải với tư cách Giám mục: chỉ sau này ngài mới được nâng lên chức giám mục. Nhưng Don Bosco không đồng ý. Ngài nói với Đức Hồng Y Alimonda, và viết cho vị bảo trợ các Salêdiêng là Đức Hồng Y Nina, tha thiết khẩn cầu Đức Thánh Cha. Chính Đức HồngY Ferrieri không lắng nghe lời xin chi hết, nhưng lần này Đức Thánh Cha Leô XIII đã nhận lời khẩn cầu của Don Bosco.

Ngày 9.11.1884, một lá thư từ Rôma gửi tới Valdocco: "Đức Thánh Cha trong lần bệ kiến thứ sáu cuối cùng này, đã ưu ái nhận lời cầu khẩn của Don Bosco, đồng ý trao ban chức Giám mục cho Don Cagliero, vị Quyền Đại diện Tông tòa mới tại Pantagonia".

Don Bosco trải qua một ngày vui sướng. Giấc mơ xưa về con chim bồ câu và ngành lá ô-liu được thực hiện. Những lời nói cho đứa bé hấp hối tức Cagliero: "Các Sách Kinh nguyện linh mục, con sẽ phân phát cho nhiều người khác nữa… Con sẽ đi xa, đi thật xa…", chẳng phải là một ảo tưởng sẽ trôi qua: tất cả đã trở thành hiện thực.

Lễ Tấn phong giám mục diễn ra tại thánh đường Đức Mẹ Phù Hộ vào ngày 7.12.1884. Đối với Valdocco, đó là biến cố không thể nào quên. Một trong các học trò đầu tiên của Don Bosco, một cậu bé vào Nguyện Xá khi mới 13 tuổi, mồ côi cha, được tấn phong giám mục ở tuổi 46 để cai quản một vùng đất truyền giáo mênh mông.

Có hai chi tiết. Cuối buổi lễ nghi rất vĩ đại, vị Giám mục trẻ tách ra khỏi đoàn rước tiến về phía mẹ của mình. Bà cụ già bé nhỏ, bà Têrêsa tốt lành (đã 80 tuổi) đến gặp người con Giám mục của mình nhờ sự nâng đỡ của một người con trai và một người cháu. Đức Cha Cagliero xiết chặt vào ngực mình cái đầu trắng bạc phơ của mẹ, và giữa các người chứng kiến hết sức cảm động, ngài lại dẫn mẹ ngài với tất cả sự trìu mến về chỗ ngồi của mẹ. Bên cạnh phòng áo, trộn lẫn trong đám đông, Don Bosco đợi vị Giám mục với mũ Berét – linh mục cầm ở tay. Đức giám mục chạy lại và ôm siết ngài bằng cái hôn chào tha thiết. Đức cha đã dấu ngón tay đeo nhẫn Giám mục của mình trong các nếp áo. Chính Don Bosco "của ngài" mới là người đầu tiên hôn lên chiếc nhẫn mục tử mới này.

Don Rua Phó Bề trên đại diện Don Bosco

Don Bosco chỉ loan báo việc chọn vị Phó Bề Trên đại diện ngài sau khi Don Cagliero được tấn phong giám mục vùng Pantagonia. Ngày 24.10.1884, tại Ban thượng Cố vấn của Tu Hội, ngài nói: "Tôi cần một người để tôi có thể trao phó cho vị đó Tu Hội, để đặt Tu Hội trên đôi vai vị đó và trao cho vị đó toàn bộ trách nhiệm. Đức Thánh Cha sẽ bằng lòng là Don Bosco rút lui hoàn toàn. Đầu óc của tôi không tiếp tục chịu đựng được nữa…".

Ngài viết cho Đức Thánh Cha trong khi đề nghị tên cha Michel Rua.

Sự phê chuẩn đến vào đầu tháng Mười Hai.

Don Bosco cầm lấy tay của ngài

Đức Cha Cagliero phải rời Torino đi Nam Mỹ vào ngày 1.2.1885. Ngài mang theo với mình 18 Salêdiêng và 6 Con Đức Mẹ Phù Hộ. Nhưng vào buổi chiều ngày 1 tháng 2, sau khi đã đồng hành cùng các nhà truyền giáo trong xe lửa, ngài cảm thấy mệt nhọc và trở lại qua đêm tại Valdocco. Ngài lên phòng Don Bosco, ngồi bên cha và cả hai đều giữ im lặng. Sau khi ngưng lại một lúc lâu, Don Bosco hỏi:

- Các bạn của cha đã đi rồi chứ?

- Vâng.

- Còn cha, khi nào cha đi?

- Con sẽ tới Samperdarena, ngày mai đi xuống tàu [22].

- Nếu được, cha hãy đi muộn hơn; cha đi nghỉ ngơi cho khỏe.

- Cứ để cho con đi. Bây giờ xin cha ban phép lành cho con.

- Tại sao lại phải ban chiều này? Sáng mai cha đến đây, chúng ta sẽ nói chuyện cách yên lành hơn.

- Không, Don Bosco, ngày mai con đi rất sớm.

- Nhưng cha đang mệt… Dẫu sao, cha cứ làm điều gì cha nghĩ là tốt nhất.

- Vậy cha hãy chúc lành cho con và đồng bạn của con.

- Vị giám mục quì xuống. Don Bosco cầm lấy tay ngài.

- Con hãy đi một cuộc hành trình tốt đẹp. Nếu chúng ta không còn thấy nhau trên trái đất này nữa, chúng ta sẽ thấy lại nhau trên Thiên đàng.

- Cha đừng nói ra điều này. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau.

- Cứ như Chúa muốn. Ngài là chủ của chúng ta. Tại Áchentina và tại Pantagonia, các con sẽ có rất nhiều điều để làm; các con hãy làm việc thật nhiều. Đức Mẹ sẽ giúp các con.

Don Bosco bắt đầu đọc công thức ban phép lành. Ngài nói bằng một giọng chậm rãi và có lúc ngài không nhớ được các lời lẽ. Đức Cha Cagliero phải nhắc

lại cho ngài cách nhẹ nhàng và Don Bosco dễ dạy, nhắc lại y nguyên các lời ấy trong khi vẫn cầm lấy tay Đức Cha Cagliero. Cuối cùng vị giám mục đứng dậy:

- Don Bosco thân yêu, con chúc cha giấc ngủ ngon lành. Bây giờ cha hãy đi ngủ đi.

- Con hãy chào thay cha các bạn đồng hành của con, các hội viên đang làm việc tại Châu Mỹ, các cộng tác viên… Cha còn nhiều điều khác phải nói với con…Xin Thiên Chúa chúc lành cho con.

Nhà của Đức Giám Mục là một nhà gỗ nhỏ bằng thân cây

Don Bosco theo dõi với nỗi cảm xúc âu yếm trong những năm cuối cùng của đời ngài các công việc truyền giáo của người con trai cường tráng và lạc quan này. Ngài đọc các lá thư và lập tức đưa sang cho *Tập san Salêdiêng* để ấn hành.

Vào tháng 7 năm 1886, Đức Cha Cagliero loan báo rằng phần đất quan trọng nhất và đông dân nhất tại phía bắc Pantagonia kể từ nay đã được biết đến, được thăm viếng và được dạy giáo lý do các nhà truyền giáo Salêdiêng.

- Cũng trong tháng Bẩy đó, người con trai của tộc trưởng Sayuhueque từ vùng thung lũng đi tới nơi ở của Đức Cha tại Pantagonès để xin ngài tiến vào trong vùng thung lũng Chichimal để rao giảng Tin Mừng cho các người lớn thuộc bộ lạc. Đức Cha Cagliero kể lại rằng: "Trong thung lũng rất rộng Chichinal, chúng tôi đã rửa tội cho 1700 dân bản địa. Hằng ngày chúng tôi dạy 3 giờ giáo lý vào ban sáng, và 3 giờ giáo lý vào ban chiều. Nhà của Đức Giám mục giống như một túp lều làm bằng thân cây và mái trét bùn để che chở cho tôi và các bạn hữu … khi trời không mưa. Không có dấu vết sử dụng đến giường. Chúng tôi ngủ trên các bộ da lông mà các người dân bản địa có tính tình tốt lành và đầy phấn khởi đã trao tặng cho chúng tôi cùng với một tấm lòng yêu thương lớn lao".

- Năm 1887, Đức Cha Cagliero thực hiện một cuộc xuất phát truyền giáo mới với cha Milanesio và hai Salêdiêng khác. Cuộc hành trình truyền giáo này trải rộng trên 1500km gồm: các thung lũng Rio Negro, Andes, các dẫy đồi Cordillìeres và sườn dốc vươn xuống dưới vùng Concepción của nước Chilê.

- Trong vòng 1300km đi bằng ngựa, mọi sự diễn ra tốt đẹp. Đức Giám Mục ban phép rửa cho 997 người, hầu như tất cả là các người lớn da đỏ, chứng hôn cho 101 đôi, phân phát mình thánh cho hằng ngàn người và trao ban phép thêm sức cho 1513 người. Không thể kể hết được những giờ đã trải qua để dạy giáo lý cho các trẻ em và giảng Tin Mừng cho những người lớn.

- Sáng ngày 3 tháng Ba, trong khi các nhà truyền giáo vừa mới lên đường đi Malbarco trên bờ sông Neuquén, thì xẩy ra một tai nạn nghiêm trọng. Chính Đức Giám Mục đã kể lại trong một lá thư:

- "Sau khi đã đi ngang qua dẫy núi Cordillère cao 2000m, thì chúng tôi phải leo lên thềm nhiều ngàn mét khác. Con đường mòn đi ngoằn ngoèo bên cạnh các vách đá granít, và lao sâu xuống dưới thung lũng sâu. Thình lình con ngựa của tôi hoảng sợ và nhẩy cẫng cách điên cuồng. Tôi cầu khấn Đức Mẹ Phù Hộ và nhẩy khỏi yên ngựa. Một viên đá nhọn chọc vào người tôi, làm bể hai xương sườn và chọc thủng phổi tôi. Tôi chết lịm người đi và thở rất khó khăn. Các bạn tôi tới, và tôi nắm bắt sự việc từ góc cạnh lạc quan để tạo sự can đảm cho họ. Tôi nói rằng vì chúng ta có tất cả 24 cái xương sườn, nên chúng ta có thể thoải mái hy sinh vài cái. Chúng tôi phải trở lại phía sau đi qua hai con sông và leo hai dãy núi để tìm ra một chỗ nghỉ ngơi chăm sóc cho tôi. Nhưng chăm sóc theo kiểu nào! Chúng tôi chỉ có duy một người biết chữa chạy đứng ra lo cho các cơn bệnh với các cách chữa trị cổ xưa. Tôi xin anh ta làm thợ rèn chữa lành hai bên xương sườn của tôi. Tôi ở lại đó một tháng và "như Chúa muốn", tôi được chữa lành. Tuy còn trong thời dưỡng bệnh, tôi lại phải lên ngựa và hành trình trong bốn ngày cùng với các người truyền giáo của tôi, tôi lại đi 3000 mét ngang qua dẫy

núi Cordillères và rồi đi xuống các đồi dốc nhẹ của nước Chilê để tới ven bờ Thái Bình Dương. Tại đó chúng tôi thiết lập các nền tảng cho những nhà Salêdiêng mới của vùng Concapción, Talca, Santiago và Valparaiso. Như vậy trong suốt năm đó, luôn luôn trên lưng ngựa, cùng với ba người bạn đường, ngủ trong các hốc đá, hay dưới bóng cây, chúng tôi đã vượt qua Châu Mỹ từ biển này sang biển khác.

Phỏng vấn Don Bosco

Vào tháng Tư năm 1884, Don Bosco phải đi Roma. Một số các ân nhân đã hứa một món tiền lớn cho nhà thờ Thánh Tâm Chúa Giêsu, nhưng họ đã không xuất đầu lộ diện nữa. "Vậy phải đi rung chuông báo cho", Don Bosco nói với một nụ cười buồn bã.

Vào dịp đó, lần đầu tiên trong đời, Don Bosco đứng ra trả lời cho một cuộc phỏng vấn (lối thông tin này đã được sáng chế ra vào năm 1859 do một người Mỹ có tên là Horace Greely). Chúng ta tin rằng có nhiều cái đang tò mò để đọc xem Don Bosco đã trả lời ra sao trước các câu hỏi trực tiếp của một nhà phóng viên *Tờ Báo Roma* . Buổi phỏng vấn này được ấn hành trong số báo ra ngày 25.4.1884.

Câu hỏi: Do một phép lạ nào ngài đã thiết lập biết bao nhiêu nhà tại các nước trên thế giới rất khác biệt nhau?

Trả lời: Tôi đã thực hiện được điều tôi không dám mơ ước, nhưng làm thế nào thì tôi cũng không biết nữa. Chính Đức Nữ Trinh, Đấng biết những nhu cầu của thời đại chúng ta, đã giúp đỡ tôi.

Câu hỏi: Nhưng Đức Mẹ đã giúp cha như thế nào?

Trả lời: Ông hãy nghe đây. Có một lần, để thực hiện nhà thờ chúng tôi đang xây dựng tại Roma, người ta đã viết cho tôi từ Torino rằng cần phải có 20.000 lires trong vòng tám ngày. Vào lúc đó, tôi không có tiền. Tôi đã đặt lá thư đó tại

nơi có bình nước phép để xin chúc lành. Tôi đã nhiệt thành kêu xin Đức Mẹ và trao phó tất cả mọi chuyện này trong tay Mẹ, rồi tôi lên giường ngủ. Sáng hôm sau, tôi nhận được một lá thư từ một người lạ nói với tôi rằng: "Con đã làm một lời khấn xin Đức Mẹ nếu Mẹ ban một ơn chắc chắn cho con, thì con sẽ dâng 20.000 lires cho một công việc bác ái. Nay con đã nhận được ân huệ này và con trao số tiền này cho cha sử dụng". Một lần khác, khi tôi đang ở Pháp, tôi nhận được một tin xấu là một trong các nhà của tôi thật sự đang cần tới 70.000 lires để tránh xa một nguy cơ. Tôi không thể tìm ra được một giải pháp nào, mà chỉ biết cầu nguyện thôi. Vào 10 giờ chiều, tôi đi ngủ thì thình lình tôi nghe tiếng gõ cửa căn phòng của tôi. Tôi đi mở cửa. Một người bạn vào cùng với một tập hồ sơ trong tay và nói với tôi: "Don Bosco thân mến, trong chúc thư của con, con đã tiên liệu một số tiền cho các công cuộc của cha. Nhưng hôm nay, con thoạt suy nghĩ là để làm sự thiện, tốt hơn là đừng đợi cho đến khi chết. Vậy nên con đã lập tức đem tới cha số tiền 70.000 lires".

Câu hỏi: Đó quả là những phép lạ. Cha cho phép cho con một sự tò mò: Liệu chính cha có làm một phép lạ nào chăng?

Trả lời: Tôi chỉ luôn nghĩ là mình hoàn thành tốt bổn phận của mình thôi. Tôi cầu nguyện và tôi gửi gắm tôi cho Đức Mẹ.

Câu hỏi: Cha có thể nói cho chúng con hay hệ thống giáo dục của cha như thế nào chăng?

Trả lời: Điều đó thật vô cùng đơn giản: là hãy để cho các trẻ em được hoàn toàn tự do làm những điều mà các em thấy thích nhất. Vấn đề là phải làm sao tìm ra những mầm mống của các khả năng tốt lành và phải làm sao để làm điều mình cần phải làm để phát triển chúng. Mỗi người sẽ chỉ vui lòng làm điều mình biết là có thể thành công thôi. Tôi dựa trên nguyên lý này và tất cả các học sinh của tôi đều đã làm việc, không những với nhiệt tình mà còn với cả tình yêu.

Trong 46 năm, tôi chưa bao giờ nghiêm phạt chúng. Tôi dám quả quyết rằng các học sinh của tôi thương mến tôi nhiều lắm!

Câu hỏi: Làm thế nào mà cha có thể trải rộng các công cuộc của cha sang tới tận Pantagonia và Vùng đất lửa?

Trả lời: Dần dần trong mỗi lúc..

Câu hỏi: Cha nghĩ gì về các điều kiện mới của Hội Thánh tại Âu châu, tại Ý, và tương lai của Hội Thánh?

Trả lời: Tôi không phải là một tiên tri. Ngược lại, chính tất cả các ông là những nhà báo mới là những người tiên tri đấy! Vậy các ông phải hỏi chính các ông chuyện gì sẽ xẩy đến chứ. Không có ai cả, ngoại trừ Thiên Chúa, mới biết được tương lai. Tuy nhiên, nói theo kiểu loài người, ta có thể tin rằng tương lai chắc sẽ khó khăn. Những tiên đoán của tôi thật là buồn thảm, nhưng tôi không sợ gì cả. Thiên Chúa sẽ luôn luôn cứu Hội Thánh và Đức Mẹ, Đấng hiển nhiên che chở thế giới hiện đại một cách hữu hình, sẽ làm nẩy sinh ra những vị cứu tinh.

---

[22] Samperdarena gần bến tàu nơi các nhà truyền giáo xuống tàu đi Nam Mỹ.

Chương 50: NHỮNG GIỌT NƯỚC MẮT NÓNG HỔI

ĐỜI SỐNG THIÊNG LIÊNG của Don Bosco trong những năm cuối cùng càng ngày càng thêm tinh tế. Nỗi đau đớn có thể đẩy đến một sự thất vọng hay sự chỉ trích cay độc, nhưng cũng nẩy sinh sự thánh thiện. Sự ươm mầm thánh thiện này đã biểu lộ nơi Don Bosco ngày càng nổi bật. Nhân cách ngài như được biến đổi.

Pietro Stella viết: "Trong mười năm cuối cùng của cuộc sống ngài, cách riêng kể từ năm 1882, Don Bosco biểu lộ như một con người kể từ nay đã thấm nhuần một mối lợi chất cao của một kinh nghiệm lâu dài. Xem ra ngài không còn phải chịu nỗi đau khổ của những sự bất đồng với anh Antôn của ngài, hay với những cộng sự viên đầu tiên của ngài và với Đức Tổng Giám Mục Gastaldi. Hơn bao giờ hết ngài từ bỏ sự tranh luận; ngài không thích người ta đánh nhau; ngài đòi hỏi ngay cả trong các cuộc tranh cãi hay đối đầu, người ta không được cao giọng, không được tấn công, không được bắt chước cung cách của những tờ báo Công giáo chỉ thích tranh cãi gay gắt và mang tính chất đả phá. Ngài muốn người ta đi qua giữa những giọt nước của cơn bão mà không bị ướt". Những năm cuối cùng của đời ngài là những năm của những bất đồng lớn và những sự tôn trọng rất thô thiển của chính quyền, của các mối phiền toái về thuế má xẩy ra quá thường xuyên do các chính quyền quản trị và chính trị, nhưng cũng chính khi đó ngài xem ra hơn bao giờ hết thấm đượm cái lý tưởng của lòng dịu dàng và của sự thông cảm".

Một vị linh mục nghiêm chỉnh và suy tư

Năm 1883, một linh mục trẻ, nghiêm chỉnh, giàu suy tư, tới Lombardia để được nhìn thấy ngài. Vị linh mục đó tên là Achille Ratti. Don Bosco nói chuyện với ngài tới hơn nửa tiếng đồng hồ và trả lời cho ngài những điều mà ngài muốn biết. Sau đó Don Bosco:

- Bây giờ cha hãy coi cha là chủ của nhà này. Tôi không thể đi cùng cha được vì tôi rất bận, nhưng xin cha hãy đi, đến và xem tất cả những gì cha muốn xem.

Cùng lúc ấy các giám đốc của các nhà Salêdiêng đến tham dự cuộc họp, đã có mặt tại Valdocco. Sau bữa ăn, trong khi Don Bosco đứng đó, dựa vào chiếc bàn ăn, thì họ đến trình bày những khó khăn của họ. Cha Ratti muốn rút lui, thì Don Bosco nói với ngài một cách kỳ lạ:

- Không, không, cha cứ ở lại đó!

Linh mục đó sẽ trở thành Đức Giáo Hoàng Piô XI. Bốn mươi chín năm sau, khi nói về Don Bosco cho các chủng sinh tại Rôma, ngài kể lại sự kiện này và nói: "Có những người đến với cha từ khắp mọi nơi: người thì với khó khăn này, kẻ khác có khó khăn kia. Còn ngài, thì đó như là một chuyện của chốc lát, lắng nghe tất cả, nắm bắt tất cả, trả lời tất cả. Con người đó chú ý tới tất cả những gì xẩy ra xung quanh mình, và đồng thời, ngài đang ở với Thiên Chúa. Hay, một chuyện lạ là ngài nói chính xác điều gì cần cho mỗi người. Đó chính là một thứ cuộc sống của sự thánh thiện, của kinh nguyện liên lỉ mà Don Bosco đã sống giữa những bận rộn không ngừng và rất nặng nhọc".

Một bông hoa giúp nghĩ về cõi đời đời

Vào tháng Tư năm 1885, ngài đi lại vài bước trong vườn của một bà quí tộc đã mời ngài dùng bữa sáng cùng với vị thư ký của ngài là cha Viglietti. Trong khi

bước đi chậm rãi, ngài dừng chân lại trước một thảm những cây hoa. Ngài ngắt một bông vi-ô-lét (hoa tím) và tặng nó cho bà chủ:

- Thưa bà, bà đã ưu ái mời chúng tôi tới dùng bữa điểm tâm, tôi muốn cám ơn bà với một bông hoa mà nó là một tư tưởng.

- Tư tưởng nào đó, Don Bosco?

- Tư tưởng về cõi đời đời. Đó là tư tưởng phải luôn luôn đồng hành với chúng ta. Tất cả mọi sự ở trần gian qua đi: chỉ có cõi đời đời mới tồn tại vĩnh viễn. Chúng ta hãy làm việc cho cõi đời đời của chúng ta thật là nơi hạnh phúc.

Don Bosco đã nghĩ về cái chết, về cuộc gặp gỡ cùng Thiên Chúa. Đôi khi tư tưởng này khiến cho ngài trở nên nghiêm chỉnh, tư lự. Một ngày kia vào năm 1885, trong khi chào một người tại San Benigno Canavese, ngài nói với ông ta:

- Xin ông cầu nguyện cho tôi.

- Ồ, Don Bosco! Nhưng cha không cần lời cầu nguyện mà.

Don Pisetta có mặt ở đó làm chứng rằng:

- Khi đó ngài trở nên rất nghiêm nghị, nước mắt trào ra, và nhắc lại với một dấu nhấn của một sự thành thực sâu xa: "Tôi cần lắm".

"Đức Mẹ ở đây"

Vào tháng Tám 1885, ngài đến Nizza Monferrato để chủ sự lễ mặc áo dòng cho các các nữ tu Con Đức Mẹ Phù Hộ. Ngài thật sự kiệt sức đến độ ngài chỉ có thể cho một vài sơ chịu lễ được thôi. Ngài tham dự lễ mặc áo dòng và tuyên khấn khi ngồi tại ghế bành. Nhưng ngài muốn nói một đôi chút. Giọng ngài thều thào và Don Bonetti bên cạnh ngài đứng ra làm "loa phóng thanh" trong khi nhắc lại với giọng to những câu mà người ta không hiểu.

- Vậy các con muốn cha nói với các con vài lời. Nếu cha có thể nói được một bài diễn văn, thì cha có biết bao nhiêu điều để nói với các con! Nhưng cha già rồi, một cụ già sắp ngã xuống, như chúng con thấy đó. Cha muốn nói với chúng

con duy một điều thôi là Đức Mẹ yêu mến chúng con rất nhiều, rất nhiều. Và chúng con biết đấy, Mẹ đang ở đây, giữa chúng con…

Và cha Bonetti lớn giọng cắt nghĩa rằng:

- Don Bosco muốn nói rằng nếu các chị em tốt lành, thì Đức Mẹ là Mẹ của các chị em, sẽ gìn giữ và che chở các chị em.

- Không, không – Don Bosco lấy lại tư tưởng của mình – Cha muốn nói rằng Đức Mẹ thật sự ở đây, trong nhà này, và Mẹ bằng lòng với các con.

Cha Bonetti tiếp tục nói:

- Don Bosco nói rằng nếu các chị em tốt lành, Đức Mẹ sẽ bằng lòng với các chị em…

- Khi ấy Don Bosco thu góp lại toàn thể sức lực của ngài, và mở rộng đôi cánh tay ra và nói:

- Nhưng không phải thế, không phải thế! Cha muốn nói rằng Đức Mẹ thật sự đang ở đây, ở giữa các con! Đức Mẹ đi dạo trong nhà này và phủ áo lên nhà này.

Don Bosco và những người giàu có

Trong 25 năm cuối đời, những món tiền to kếch xù, đã qua tay Don Bosco. Thực sự là những triệu đồng lires (và đó là tiền lires của những năm 1800). Don Bosco vẫn luôn luôn là một người nghèo, điều đó dĩ nhiên là vậy! Không bao giờ một đồng xu ở lại trong tay ngài; nhưng người ta tự hỏi: "Những người giàu cho cha cả những món tiền lớn, Don Bosco có khen ngợi họ một cách quá đáng hay không? Ngài có làm cho lương tâm họ yên lắng về trách nhiệm xã hội mà họ phải có chăng?". Câu hỏi này là một câu hỏi chính đáng.

Sau khi đã học hỏi về đời sống Don Bosco, có vẻ như ngài đã cư xử rất tế nhị đối với những ai làm điều tốt cho ngài: người nông dân và thợ thuyền đã cho

ngài 10 xu và bá tước Colle đã cho ngài tổng cộng là 50 tờ ngân phiếu mỗi tờ 1000 lires.

Hơn là kể ra những lời (nhất là những lời liên quan đến "việc làm yên ổn các lương tâm"), chúng ta muốn kể ra những sự kiện.

Tại Sampierdarena, vào năm 1882, ngài đi thăm một cha dòng Capuxin, cha giải tội của một ông quí tộc giàu có hằng triệu triệu ở Genova, nay đã già mà không có con. Don Bosco sau khi đã vào được trong vấn đề, đã hỏi ngài:

- Tại sao ông giàu có đó lại không làm sự thiện tương xứng với gia sản ông ta có?

- Cha lầm rồi, thưa Don Bosco. Hằng năm, ông ta cho 20 ngàn lires cho người nghèo.

- Hai mươi ngàn lires mà thôi sao? Nếu ông ta vâng lời Chúa Giêsu Kitô, tức là cho tương xứng với tài sản ông ta có, thì trăm ngàn có lẽ còn chưa đủ nữa là đàng khác.

- Tôi hiểu, nhưng tôi không biết làm sao thuyết phục ông ta. Cha sẽ làm gì trong hoàn cảnh của tôi?

- Tôi sẽ nói là tôi không thể đi vào hỏa ngục vì cớ ông ta, và rằng nếu ông ta muốn vào hỏa ngục, ông ta cứ đi vào một mình đi. Sau đó tôi sẽ bó buộc ông ta làm việc thiện theo như hoàn cảnh của ông ta. Nếu ông ta không muốn, tôi sẽ nói với ông ta là tôi không thể tiếp tục trách nhiệm về linh hồn ông ta.

- Được, tôi sẽ nói cho ông ta – Vị linh mục Capuxin hứa.

Cha Capuxin đã làm như ngài đã hứa. Những lời lẽ của ngài không làm vui lòng ông giàu có đó, và ông ta bảo ngài đi. (*M.B.,* Cuốn XV, tr. 520).

Ông nhà thầu Borgo, cũng là người quê ở Sampierdarena, đã làm rất nhiều công việc phục vụ cho nhà Salêdiêng, giúp đỡ các trẻ em thật sự rất nghèo. Ông ta đã ứng trước những món tiền rất lớn mà không đòi hỏi tiền lợi tức; ông ta đã

thực hiện các sơ đồ xây dựng và trong suốt hai năm, ông ta không đòi hỏi tiền lương cho việc trông coi công việc xây cất.

Vợ ông ta đã chết từ 20 năm nay và ông ta giữ lại tại nhà ông những đồ trang sức và những quần áo lộng lẫy của người vợ quá cố. Một ngày kia, như tình cờ, ông ta nói với Don Bosco rằng ông ta muốn làm cái gì đó để nhớ tới vợ ông ta và có ý đảm bảo cho việc cứu rỗi linh hồn của bà ta. Don Bosco với một vẻ đột ngột và đã hỏi ông ta:

- Nếu ông muốn là người Kitô hữu, thì tại sao ông lại giữ lại nhà ông biết bao nhiêu đắt đỏ và vô ích thế?

- Cha muốn khuyên tôi điều gì?

- Ông hãy mang những thứ đó lại đây cho các trẻ con này. Chúng chẳng có cả đến những cái cần thiết.

- Ông nhà thầu từ biệt cha, và cảm thấy bị xúc phạm. Hy sinh mà Don Bosco nói tới đây thật là qúa đáng. Dẫu sao ông cũng suy nghĩ kỹ lưỡng về những lời nói đó. Sau ít ngày, ông ta trở lại. Don Bosco vẫn còn ở Sampierderena. Ông đích thân trao lại cho ngài tất cả những kỷ niệm quí giá của người bạn đời của ông.

Xem ra đối với rất nhiều các Salêdiêng, những lời lẽ Don Bosco sử dụng đối với những người giàu có có vẻ quá nghiêm khắc, nhưng vào ngày 4.6.1887, Don Bosco cắt nghĩa: "Trong một số đêm cha đã thấy Đức Mẹ trong giấc mơ. Mẹ đã quở trách cha nhiều lần là không nói về bổn phận thi hành việc bố thí. Mẹ đã than phiền các linh mục, Giáo Hội, đã sợ hãi không dám cắt nghĩa về bổn phận phải cho đi những thứ dư thừa cho người nghèo; chính vì lỗi của họ mà những người giàu có chất đống vàng bạc của họ trong két.

Ngày 22.4.1887, cùng với Don Belmonte và Don Viglietti, Don Bosco từ Sampierdarena tới Sestri Ponente để thăm bà Luigia Cataldi, vị đại ân nhân của ngài. Cuối cuộc gặp gỡ, trong khi bà đi theo Don Bosco đến lối ra, bà hỏi cha:

- Don Bosco, con phải làm gì để được cứu rỗi?

- Để được cứu rỗi, bà nên nghèo khó như ông Giốp.

Bà đâm hoang mang và Don Belmonte, người đã nghe được câu hỏi và câu trả lời, cũng hoang mang. Don Bosco không nói thêm một lời nào nữa. Khi chiếc xe đã đưa họ trở về nha, Don Belmonte, với sự thẳng thắn của các hội viên Salêdiêng đầu tiên, đã nói:

- Don Bosco, cha đã táo bạo tới mức nào mà dám nói như vậy với người đàn bà khổ sở ấy như thế! Của bố thí thì bà ta đã phân phát nhiều lắm mà!

- Cha hãy nghe - Don Bosco trả lời – Không bao giờ có ai dám nói chân lý cho những người vĩ đại cả.

Trong cuộc hành trình cuối cùng của ngài sang Pháp, Don Bosco thực hiện một chuyến đi tới Hieres. Ông chủ tịch Xã Hội thượng lưu vì thương mại, đã đích thân đi qua các hàng ghế nhà thờ vận động quyên góp cho Don Bosco. Vào cuối cuộc quyên góp, ông đã chia vui với Don Bosco rằng đã có rất nhiều người dự thánh lễ đã trút hết ví tiền vào khay quyên góp. Don Bosco mới nói với ông ta:

- Tôi thấy đó là chuyện tự nhiên thôi. Nếu họ là các Kitô hữu, họ phải đem cho những của dư thừa cho người nghèo. Ông xem đấy, thưa ông Abeille, khi ông đã để dành ra được 100 đồng Francs mỗi tháng và một trăm đồng Francs mỗi tháng là nhiều lắm rồi, thì phần còn lại họ phải cho Thiên Chúa chứ!

Cái chết của một trong các nữ ân nhân của Don Bosco, một nữ bá tước 84 tuổi. Vẫn còn mãi in sâu một cách đau đớn nơi tâm trí Don Bosco. Bà đã cho gọi Don Bosco đến, đã xưng tội với ngài, rồi bà nhìn cha Bosco với con mắt lạc lõng, rồi nói với cha:

- Vậy là con sẽ phải thực sự chết sao?

Bosco mới tìm cách nói với bà về Thiên Chúa, nhưng bà ta nhìn ra xung quanh với một nỗi đau khổ nặng nề, rồi tiếp tục thì thầm:

- Ôi tòa dinh cơ đẹp đẽ của tôi, những căn phòng của tôi, phòng khách ấm cúng của tôi, tôi phải thực sự từ giã chúng sao?

Bà đã muốn các người giúp việc đặt cạnh giường bà một tấm thảm Ba tư quí báu, bà vuốt ve nó và như mất hút trong suy tưởng, bà nhắc đi nhắc lại:

- Nó đẹp quá! Tại sao tôi lại phải từ giã nó?

Với Don Antôn Sala, người tỏ ra ái ngại đi ngửa tay xin tiền từ thiện, Don Bosco nói cách kiên quyết:

- Cha hay can đảm đi đi. Những người giàu có giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta cũng giúp đỡ họ khi tạo cho họ cơ hội để giúp đỡ những người nghèo.

Trong năm 1876, khi đi ngang qua Chieri, Don Bosco thấy ông Giuseppe Blanchard, người bạn nhỏ của ngài thường trút hết giỏ trái cây của gia đình mình để giúp nuôi sống ngài khi xưa. Ông ta bây giờ cũng đã trở thành một cụ già nhỏ bé rồi. Ông ta đi qua đường phố tay cầm một chiếc đĩa và một chai rượu. Don Bosco liền giã từ các linh mục mà ngài đang nói chuyện, để đến gặp người bạn cũ cách vui tươi:

- Blanchard thân mến! Mình sung sướng quá khi được gặp cậu. Khỏe chứ?

- Tốt, tốt, thưa nhà hiệp sĩ – Blanchard bối rối trả lời.

Khuôn mặt Don Bosco trở nên buồn rầu:

- Sao cậu gọi mình là Hiệp sĩ? Chúng ta không nói chuyện "tớ, cậu" với nhau nữa sao? Mình chỉ là một Don Bosco khốn khổ, luôn luôn nghèo như khi cậu còn cho mình ăn đấy.

Rồi Don Bosco quay mặt về phía các linh mục đang tiến lại phía họ:

- Thưa các ngài, đây là một trong các vị ân nhân của Don Bosco nghèo khó đấy. Này Blanchard, mình muốn các vị ấy biết cậu. Bởi vì cậu đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được cho mình. Vậy cứ mỗi lần cậu lên Torino, thì cậu tuyệt đối phải dùng bữa ở nhà mình nhé.

Mười năm sau đó, tức năm 1886, Clanchard nghe tin sức khỏe của

DonBosco xấu đi. Ông ta đến Torino để thăm ngài. Trong phòng đợi, vị thư ký mới nói với ông ta:

- Don Bosco đau ốm và đang nghỉ. Ngài không thể tiếp đón một ai.

- Xin cha cứ nói với ngài là có Blanchard; cha sẽ thấy là ngài sẽ đón tiếp tôi.

Don Bosco ở sau cửa nhận ra tiếng của ông ta. Ngài cố gắng đứng dậy và tới gặp ông ta. Ngài cầm lấy tay ông ta, đưa ông ta vào, rồi ngồi gần ông ta:

- Bạn Blanchard tuyệt vời, bạn đã nhớ tới Don Bosco nghèo khổ. Sức khỏe của bạn ra sao, và gia đình bạn thế nào?

Hai người nói chuyện với nhau một lúc lâu, và đã tới giờ ăn:

- Bạn thấy đó, mình đã già rồi và lại ốm yếu nữa. Mình không thể xuống phòng ăn để dùng bữa với bạn được. Chân của mình không chịu nổi cảnh bước xuống cầu thang nữa. Nhưng mình muốn bạn xuống ăn với các Salêdiêng.

Ngài gọi cha thư ký:

- Cha hãy dẫn người bạn của tôi xuống phòng ăn các bề trên và đặt ông ta ở chỗ của tôi. Mình cầu nguyện cho bạn nhé, Blanchard ạ! Và bạn đừng bao giờ quên Don Bosco khốn khổ nhé.

- Vô cùng bối rối, người bạn già nhỏ bé ở vùng Chieri xưa đã dùng bữa hôm đó ở giữa Ban Thượng Hội Đồng của Tu Hội và kể lại tình bạn của ông ta với Gioan Bosco tại Chieri và cuộc gặp gỡ của họ 10 năm về trước.

Xuống Rôma trong vòng mười ngày

Sang tháng Năm 1887 thánh đường Thánh Tâm coi như đã được hoàn tất, sắp được cung hiến. Trong các bức tường đền thờ này, Don Bosco đã có bẩy năm gồm những công việc, những khổ cực và sức khỏe bị tàn tạ.

Don Bosco lý ra đã chẳng thể nào đến được Roma. Người ta đã nghĩ cách để hoàn thành chuyện này qua những chặng hành trình ngắn, với nhiều dịp dừng lại. Ngài lên đường sáng 20.5.1887. Don Lazzero viết: Ngài rời khỏi nhà, và có

vẻ như ngài chẳng chịu nổi ngay khi vừa tới Moncalieri, một chặng dừng ngay ngoài Torino. Don Rua và Don Viglietti đồng hành với ngài. Đây là lần đầu tiên Don Bosco cho phép mình đi trên toa xe hạng nhất. Ngài thực hiện nhiều chặng dừng chân tại các nhà Salêdiêng ở dọc theo bước hành trình của ngài và tại các nhà của các ân nhân đã được báo trước.

Tại Firenza, ngài gặp nữ bá tước Ugucácioni. Don Bosco thì được Don Viglietti nâng đỡ, còn nữ bá tước thì ngồi trên ghế bành. Don Bosco nói đùa:

- Rất sung sướng được gặp lại Bà bá tước! Chúng ta thử làm một cuộc đi dạo bằng vũ điệu nhé?

- Ồ, Don Bosco! Cha không thấy con đang ở trong tình trạng như thế này sao…

- Được, được, Bà bá tước đừng sợ. Cuộc dạo bằng vũ điệu này chúng ta sẽ thực hiện ở trên Thiên đàng!

Tại nhà ga Arezzo có một cuộc gặp gỡ bất ngờ. Ngay khi thấy ngài, ông chủ nhà ga đã chạy tới, ôm hôn ngài và vừa nói vừa khóc vì sung sướng:

- Don Bosco, cha không nhận ra con sao? Con là một đúa bé ngỗ nghịch ở Torino, không cha, không mẹ. Cha đã tiếp nhận con, dạy dỗ và yêu mến con. Bây giờ con có một gia đình tốt đẹp và địa vị này chính là nhờ cha mà con có được.

Don Bosco tới Rôma vào buổi sau trưa ngày 30 tháng 04.

Người ta đưa ngài đi thăm chủng viện Lombardia. Họ xin ngài nói chuyện với các chủng sinh. Ngài chỉ nói ra được một câu thôi:

- Các con hãy luôn luôn nghĩ đến điều Chúa có thể nói với các con, chứ đừng để ý đến điều người ta sẽ nói về các con, dù là lời nói tốt hay lời nói xấu.

Đức Thánh Cha đã tiếp ngài và để ngài ngồi bên cạnh và đặt trên hai đầu gối ngài miếng da chồn lớn. Ngài nói thì thầm:

- Tâu Đức Thánh Cha, con đã già. Đây là lần hành trình cuối cùng và kết

thúc mọi sự đối với con…Có quá nhiều chuyện phải làm, nhưng con không cần căn dặn các con cái của con phải làm việc. Tốt hơn con phải căn dặn họ sự chừng mực – và đang khi nói như vậy, Don Bosco hướng ánh nhìn của ngài sang phía Don Rua đang ở bên ngài. Có nhiều người đã làm hư hoại sức khỏe của mình do làm việc không những ban ngày mà cả ban đêm nữa.

- Tâu Đức thánh Cha, - Don Rua nói,- người đã làm gương xấu này cho chúng con đó chính là Don Bosco.

Đức Thánh Cha mỉm cười và cho một lời khuyên tốt lành:

- Cha tha thiết nhắn nhủ cha và người đại diện cho cha là đừng lo sao cho có con số đông hội viên, mà phải lo sao cho các hội viên của mình thánh thiện. Không phải số lượng các Salêdiêng làm tăng lên vinh quang của Thiên Chúa, mà là nhân đức, sự thánh thiện. Do đó, hãy khôn ngoan và nghiêm khắc trong những việc tiếp nhận.

Trong khi các ngài xuống cầu thang, thì những lính gác Thụy Sĩ bắt đầu nói "Hãy cẩn thận đấy". Don Bosco cười và nói với họ:

- Cứ yên tâm. Tôi không phải là một ông vua. Tôi là một linh mục nghèo khổ gù lưng.

Những dòng nước mắt nóng hổi

Đền thờ Thánh Tâm Chúa được cung hiến vào ngày 14.5.1887.

Ngày 15, Don Bosco muốn vào thánh đường để cử hành thánh lễ tại bàn thờ Đức Maria Phù Hộ. Ngài vừa mới bắt đầu làm lễ, thì Don Viglietti giúp lễ cho ngài thấy ngài bắt đầu khóc: Những dòng nước mắt bất tận, không thể cưỡng lại được chảy ra hầu như trong suốt buổi lễ. Cuối lễ, người ta phải dìu ngài lên và đưa vào phòng áo. Don Viglietti lo lắng, mới nói nhỏ với Don Bosco:

- Don Bosco, cha có gì thế? Cha không được khỏe chăng?

Don Bosco lắc đầu:

- Chính cái cảnh sinh động của giấc mơ 9 tuổi hiện lên trước mắt tôi. Tôi đã thấy lại giấc mơ ấy và nghe mẹ tôi, các anh tôi bàn luận với nhau về điều tôi đã mơ.

Trong giấc mơ xa xôi ấy, Đức Mẹ đã nói với tôi: "Vào giờ của nó, con sẽ hiểu". Hiện tại, khi nhìn về quá khứ của ngài, Don Bosco hình như đã thật sự hiểu hết tất cả. Chuyện này đáng để cho ngài phải chịu biết bao nhiêu hy sinh, biết bao nhiêu lao nhọc để cứu nhiều người trẻ.

Ngày 8.5.1887, Don Bosco giã từ Roma lần chót.

Luigi Orione: ba cuốn sổ tay ghi các tội

Ngay cả trong những năm cuối đời, bị nghiền nát bơi các cuộc hành trình và nợ nần, Don Bosco cũng không bao giờ tách mình khỏi đám trẻ con. Nhìn thấy chúng, lắng nghe chúng, mỗi bước đi với chúng, đều đem lại cho ngài sức sống sau những ngày mệt nhoài.

Vào tháng Mười 1886, một đứa trẻ 14 tuổi vùng Pontecursone được nhận vào Nguyện xá. Tên cậu bé là Luigino Orione, con trai của một người lát gạch vỉa hè. Chính cậu ta cũng từng qùy ở bên bố mình, hằng giờ với đầu gối dìm vào đống cát, rồi xếp những viên gạch này bên cạnh viên khác, vùi chúng xuống đất bằng những cú gõ nhẹ của búa. Cậu ta đã thử trở thành sư huynh La Salle tại Voghera, nhưng rồi bị ốm và buộc phải trở về nhà. Các Salêdiêng tại Valdocco đã tiếp nhận cậu.

Louis thích Don Bosco lắm và bị thu hút bởi ngài. Khi cha đi xuống sân chơi "nhưng kể từ đó họa hiếm lắm cha mới xuống", thì các trẻ em từng toán mười hay cả trăm em chen nhau bao quanh ngài, tranh nhau chỗ gần ngài nhất, sung sướng tiếp nhận lấy mỗi lời Luigino lấn mạnh nhất để có chỗ ở hàng đầu. Don Bosco nhận diện cậu bé, và mỉm cười với cậu, hỏi cậu ta rằng tại xứ cậu, mặt

trăng có to lớn như ở Torino chăng, và khi ngài thấy cậu bé cười, thì ngài nói đùa rằng:

- Con là thằng bé làm cho tuyết rơi, một thằng bé ngây thơ.

Luigino nẩy sinh một khao khát là được xưng tội với Don Bosco. Nhưng làm sao để làm được chuyện này?

Don Bosco hầu như mất hết sức lực rồi. Cha chỉ giải tội cho một vài Salêdiêng và cho các học sinh lớp 12 đang chuẩn bị vào nhà tập. Nhưng bằng một phương cách rất đặc biệt nào đó, Luigino được cha nhận giải tội cho. Vậy cậu ta nghĩ là mình phải chuẩn bị cho thật kỹ. Sau đây là lời chính Don Orinoe kể lại: "Trong việc xét mình của tôi, tôi viết đầy ba cuốn sổ". Để không quên một điều gì, cậu tra hỏi các công thức xưng tội. Cậu chép lại hết, cáo mình về mọi sự. Chỉ có một câu hỏi cậu trả lời là không có mà thôi: đó là "Con có giết người không? Thì cậu viết lại rằng "thưa con không!". Thế rồi cậu đút cả ba cuốn sổ vào túi, tay đặt trên ngực, mặt cúi xuống đất, xếp hàng để đợi phiên mình. Cậu run lên vì cảm động.

"Don Bosco sẽ nói với mình cái gì đây khi ngài sẽ đọc hết các tội này?"

Cậu đưa tay chạm vào các cuốn sổ đó. Và phiên của cậu đã đến. Cậu quì gối xuống. Don Bosco nhìn cậu mỉm cười.

- Con đưa các tội của con cho cha.

Cậu bé rút ra cuốn sổ tay thứ nhất. Don Bosco cầm lấy nó, xem ra ngài đang thử xem nó nặng bao nhiêu rồi ngài xé nó đi.

- Con đưa cho các cuốn khác.

Cả hai cuốn sổ khác cũng chung số phận như vậy. Đứa bé tiếp tục nhìn, bối rối không biết làm gì nữa.

- Bây giờ thì việc xưng tội đã xong - Don Bosco nói - Con đừng nghĩ gì nữa về những gì con đã viết.

Rồi ngài mỉm cười với cậu. Luigino sẽ không bao giờ quên được nụ cười ấy.

Sau lần xưng tội này, cậu còn thành công được vài lần khác xưng tội với Don Bosco.

Một hôm Don Bosco nhìn vào mắt cậu:

- Con hãy nhớ là chúng ta hai người sẽ luôn là bạn của nhau nhé.

Luigi Orione sẽ không bao giờ quên được lời hứa đó. Khi cậu biết là Don Bosco sắp kết thúc cuộc sống, cậu đã dâng hiến cuộc sống của mình để đổi lấy mạng sống của Don Bosco. Khi cậu sẽ trở thành Cha của một Tu Hội với các Nguyện Xá và các nhà cho các trẻ con nghèo khổ nhất, thì ngài còn lên tiếng nói khi nghĩ về Don Bosco:

- Để có thể được thấy ngài một lần nữa và nói với ngài tiếng cám ơn, tôi sẽ sẵn sàng bước đi trên than hồng.

Ngài luôn luôn gọi ba năm ở Valdocco là "Mùa sự sống sung sướng nhất của cuộc đời tôi".

Chương 51: CHÀO BIỆT TRÁI ĐẤT

Vào cuối tháng Tám 1887, có các khóa tĩnh tâm tại Valsalice, trên đồi Torino, cho các người trẻ xin gia nhập Tu Hội Salêdiêng. Don Bosco tới đó sẵn sàng tiếp nhận những ai muốn xưng tội với ngài.

Kể từ ngày 25 tháng Năm, ngài đã không còn chủ trì các cuộc họp của Ban Thượng Hội Đồng của Tu Hội nữa, mà để lại nhiệm vụ này cho Don Rua, phó bề trên đại diện ngài. Nhưng ngày 12 tháng 9 năm 1887, ngài tham dự khóa họp tại Valsalice.

Vào giữa tháng Chín năm đó, ngài cảm thấy cơn bệnh đến. Những cơn sốt và các cơn đau đầu kinh khủng tấn công ngài. Có những ngày ngài không thể cử hành thánh lễ. Don Viglietti, thư ký của ngài, đã ghi nhận trong sổ nhật ký rằng: "Tuy nhiên ngài vẫn luôn luôn vui vẻ, làm việc, viết lách, tiếp nhận người ta đến gặp gỡ. Đáng lý ngài cần sự an ủi của những người khác, thì ngài lại luôn an ủi mọi người".

Một buổi chiều vào cuối tháng Chín, trong khi ngài cố gắng dùng bữa tối tại phòng, thì cha giám đốc trung tâm nông nghiệp của xứ Mogliresno Veneto, Don Veronesi, đến ở bên ngài. Don Bosco thình lình nói với vị đó:

- Tôi chỉ còn sống được ít lâu nữa thôi. Các bề trên của Tu Hội không tin điều đó, họ nghĩ rằng Don Bosco còn sống lâu hơn… Tôi không tiếc vì phải chết. Điều làm tôi đau lòng là những món nợ của thánh đường Thánh Tâm Chúa và nghĩ đến biết bao nhiêu tiền cần phải quyên góp. Don Dalmazzo thân mến là một người tốt lành, nhưng không phải là một quản trị viên…Các con cái của tôi

sẽ nói gì khi thấy nhiệm vụ đó được trao cho họ gánh vác?… Cha hãy cầu nguyện cho tôi. Năm tới, vào dịp tĩnh tâm năm, tôi sẽ không còn nữa.

Cha cảm thấy nỗi cô đơn dần dần bao trùm lấy cha

Don Albera, Giám Tỉnh các nhà Salêdiêng tại Pháp, phải lên đường. Ngài tới chào Don Bosco. Don Bosco trìu mến nhìn "Paolino nhỏ bé" của ngài và thì thầm với nước mắt tràn mi:

- Cả con nữa, con cũng đi, tất cả các con đều bỏ cha. Cha biết Don Bonetti sẽ đi chiều nay. Don Rua nữa cũng sẽ đi. Người ta để cha lại một mình.

Ngài bắt đầu âm thầm khóc; đó là một người khốn khổ, nhọc mệt đang cảm thấy sự cô đơn dần dần bao phủ lấy mình, sau biết bao nhiêu công việc. Don Albera khóc lên vì cảm xúc. Don Bosco tiếp lời:

- Cha không quở trách con đâu, con biết rõ đấy. Con phải làm bổn phận của con. Nhưng cha nay là một người già khốn khổ… Cha sẽ cầu nguyện cho con, để Thiên Chúa đồng hành với con.

Trước khi xuống núi trở lại Valdocco, Don Bosco qua một vài phút với Don Barberis, giám đốc Valsalice. Ngài nhìn hồi lâu vào chiếc cầu thang lớn và nói cách thanh thản:

- Kể từ giờ phút này cha sẽ ở dưới sự che chở của nhà này…

Sau đó một lúc, ngài nói:

- Hãy cho sửa soạn họa đồ đi.

Don Barberis nghĩ là Don Bosco có ý nói đến phần cuối cùng của một tòa nhà đang xây cất:

- Con sẽ sửa soạn bức họa đồ và con sẽ trình lên cha.

- Không phải vào mùa đông này mà là vào mùa xuân sắp tới. Bức họa đồ cha sẽ trình bày với Don Rua.

Rồi ngài tiếp tục nhìn về phía cầu thang.

Trên những bậc của chiếc cầu thang lớn đó, bốn tháng sau, người ta sẽ đào một chỗ để chôn Don Bosco. Bức họa đồ về một bia đài nhỏ bé để tôn vinh Don Bosco được Don Barberis trình bày cho Don Rua vào đúng mùa xuân năm 1888. Khi ấy cha Barberis nhớ lại những lời huyền bí của Don Bosco.

Giống như cây nến dần tắt

Don Bosco trở về Valdocco ngày 2 tháng Mười. Các học sinh hồ hởi đón ngài. Các em sung sướng đi theo ngài từ sân cho tới tận cầu thang lên phòng của ngài. Các em lớn giúp ngài bước lên phòng, đi từng bậc thang một. Lên tới trên đó, Don Bosco xuất hiện tại ban-công vẫy tay chào các học sinh. Chúng vẫy tay đáp trả lại và hô to: "Don Bosco muôn năm!".

Ngài giống như một cây nến dần tắt.

Ngài cử hành thánh lễ tại phòng riêng, nhưng luôn luôn có một linh mục giúp lễ. Ngài nói và thở rất khó. Ngài đùa giỡn với các người tới thăm viếng:

- Cha tìm thêm hai ống bễ (ống thổi) để thay đổi. Những ống bễ của cha không còn hoạt động nữa.

Ngày 4 tháng 12, Don Cerruti, người đứng đầu Nguyện Xá lên nói chuyện với ngài. Don Bosco nói với cha:

- Tôi thấy cha xanh xao. Sức khỏe của cha ra sao? Cha phải săn sóc lấy mình. Cha hãy làm cho cha điều cha muốn làm cho Don Bosco.

Don Cerruti cảm kích. Don Bosco lại lên tiếng:

- Can đảm lên nhé, Don Cerruti yêu mến, trên Thiên đàng chúng ta sẽ thật sự sung sướng.

Các thư ký đem đến cho cha rất nhiều các lá thư gửi tới. Ngài mới viết vài chữ để hướng dẫn câu trả lời cho các thư, nhưng chính ngài thì không thể đích thân trả lời thư cho một ai. Lá thư cuối cùng trên đó, chính tay ngài viết hai dòng

gửi tới cho bà Broquier: "Chúng ta hãy cho đi nhiều, nếu chúng ta muốn nhận thật nhiều. Thiên Chúa chúc lành cho chúng ta và hướng dẫn cho bà".

Trong Thánh Lễ, ngài không thở được. Ngài cử hành thánh lễ vào ngày mùng bốn. Ngày Chúa Nhật, tức là ngày 11 tháng Mười Hai, ngài cố gắng cử hành thánh lễ một lần nữa, nhưng vào cuối lễ ngài đã gục xuống. Đó là thánh lễ cuối cùng của ngài.

Đức Cha Cagliero đến

Chiều ngày 7 tháng 12, 1887, Đức Cha Cagliero từ Mỹ Châu trở về. Don Rua đã đánh diện tín cho ngài rằng: "Bố trong tình trạng báo động". Ngài đã lập tức lên đường.

Trong khi Đức Cha đi qua sân, các học sinh ra đón mừng ngài. Ngài liền ngước mắt nhìn lên các cửa sổ mà ở trong đó Don Bosco đang sắp chết. Ngài vào phòng. Don Bosco ngồi trên một ghế xô-pha nhỏ. Đức Cha Cagliero qùi xuống ôm hôn ngài, siết chặt ngài vào lòng, tựa đầu vào vai ngài. Sức mạnh và lòng can đảm của một trong những người con đầu tiên của ngài đem lại sức sống cho Don Bosco. Ngài xoa xoa trên ngực nơi Đức Cha Cagliero đã bị gẫy hai chiếc xương sườn trong một tai nạn ngã nặng nề tại giải núi Andes:

- Bây giờ con khỏe chưa?

Và khi Đức Cha trả lời, thì ngài đưa mắt quan sát Don Bosco: trông cha mình bây giờ già quá, yếu quá sau ba năm trời!

Họ qua buổi chiều bên nhau, cùng ngồi trên ghế xô-pha. Vị Giám mục kể lại tất cả những điều ngài có thể kể ra về cuộc truyền giáo, các Salêdiêng làm việc tại đó, về các người dân bản địa mà họ đã dạy dỗ, rửa tội lên tới hằng ngàn. Thình lình, giống như khi còn nhỏ, Đức Cha nói yêu cầu:

- Don Bosco, xin cha giải tội cho con.

Những lời khuyên của Don Bosco chiều hôm đó đã được vị Giám mục viết lại trên một tờ giấy để đem sang Châu Mỹ. Don Bosco đặc biệt nói với ngài:

"Cha ước mong là con ở lại cho tới khi mọi sự giải quyết xong sau khi cha chết".

"Con hãy nói cho tất cả các Salêdiêng là họ hãy làm việc với lòng nhiệt thành và hăng say: làm việc và làm việc!".

"Các con hãy yêu thương nhau như những người anh em: hãy yêu thương nhau, hãy giúp nhau, hãy chịu đựng nhau."

Ngày hôm sau, Don Bosco còn nói chuyện lâu dài với Đức Cha. Thình lình, Don Bosco âu lo, thốt lên với ngài:

"Cha đang ở những thời gian cuối của cuộc sống. Bây giờ tới lượt các con làm việc để cứu giới trẻ. Nhưng cha phải thú nhận với các con một nỗi lo sợ của cha. Cha sợ rằng một số trong các con sẽ cắt nghĩa sai tình thương yêu mà Don Bosco có đối với các trẻ, rằng Don Bosco để cho mình bị lôi cuốn tới chúng do quá nhiều tình cảm; và rồi họ dựa vào cái cớ đó để biện minh cho một số những tình cảm yêu thương đáng nghi ngại đối với bất cứ trẻ em nào.

- Don Bosco xin cha cứ yên lòng. Không ai trong chúng con lại cắt nghĩa sai cách thức cha đối xử với các thanh thiếu niên. Còn về nỗi sợ hãi của cha là có thể có nhưng ai đó mượn cớ đó để làm sai, thì cha cứ để cho con lo liệu: những lời nhắn nhủ này của cha chúng con sẽ nhắc nhở lại cho tất cả mọi người".

Ngày 16 tháng 12, bác sĩ ra lệnh cho Don Bosco thực hiện một cuộc đi dạo bằng xe ngựa: không khí thông thoáng sẽ làm cho Don Bosco dễ chịu. Don Rua và Don Viglietti nâng đỡ ngài từ trong cầu thang và đi theo ngài. Khi trở về, trong khi chiếc xe ngựa leo lên trên đại lộ Victore Emmanuel trở lại, thì Don Viglietti nhìn thấy Đức Hồng Y Alimonda ở phía dãy cột hành lang. Don Bosco mới nói với Don viglietti:

- Con đến xin Đức Hồng Y đến đây một chút. Cha muốn nói chuyện với

ngài, nhưng cha không thể đi tới đó được.

Vừa nghe cha Viglietti nói, Đức Hồng Y liền vội tiến ra phía xe ngựa, giang rộng hai cánh tay và thốt lên:

- Ôi! Don Bosco, Don Bosco!

Ngài bước lên xe ngựa, ôm áp má Don Bosco với biết bao tình thương mến. Don Rua xuống xe. Đức Hồng Y và Don Bosco nói chuyện với nhau nửa tiếng đồng hồ trong khi chiếc xe ngựa chậm rãi lăn bánh yên tĩnh trên đường phố Cenaria.

Các ý tưởng đậm hương vị cõi đời đời

Ngày 17 tháng 12, 1887. Sức lực bắt đầu rời bỏ Don Bosco hoàn toàn. Ở ngoài cửa có khoảng 30 em đợi xưng tội với ngài. Ngài mới nói với Don Viglietti:

- Tôi không cảm thấy muốn… giải tội cho các em…

Nhưng rồi sau một lúc:

- Tuy vậy, đây là lần cuối cùng tôi có thể giải tội cho các trẻ em. Đây chính là lần cuối cùng… Cha hãy nói là chúng hãy lại đây.

Ngày 19 tháng 12. Don Eugenio Reffo, thuộc Tu Hội Thánh Giuse, đến gặp Don Bosco. Don Bosco dịu dàng nói:

- Người bạn thân mến, cha luôn thương yêu con và cha sẽ mãi mãi thương yêu con. Cha đang ở trong những ngày cuối cùng của cuộc đời. Con hãy cầu nguyện cho cha, và cha sẽ cầu nguyện cho con.

Ngày 19 tháng 12. Don Viglietti thấy ngài rất thanh thản, nên cha xin ngài viết vài lời trên một vài bức hình để rồi cha sẽ gửi chúng cho các Cộng Tác Viên. Don Bosco trả lời:

- Tốt lắm!

Ngài ngồi dậy trên chiếc đi-văng, với một tấm bảng gỗ trước mặt ngài, ngài viết phía sau lưng hai bức ảnh:

"Ôi Mẹ Maria, xin hãy xin Chúa Giêsu ban cho con sức khỏe thể xác, nếu nó có lợi cho linh hồn con, nhưng xin hãy đảm bảo cho con ơn cứu độ đời đời".

"Hãy sớm thực hiện các việc thiện, vì người ta có thể thiếu thời gian để làm".

Viết tới đây, cha dừng lại.

- Nhưng con biết đấy – Don Bosco ngỡ ngàng lên tiếng nói với cha Viglietti – cha chẳng còn biết viết gì nữa? Cha mệt quá.

Don Viglietti gợi ý là ngài nên dừng lại, nhưng Don Bosco lại nói:

- Không, cha phải viết tiếp. Đây là lần cuối cùng cha cầm bút để viết.

Và Don Bosco tiếp tục viết ra những ý tưởng của mình trên các bức ảnh. Những tư tưởng này có tất cả cái hương vị của cõi đời đời.

"Phúc cho những người đã dâng hiến mình cho Thiên Chúa ngay từ thời niên thiếu".

"Ai dâng hiến mình cho Thiên Chúa muộn màng, thì liều gặp nguy hiểm lớn là để mất linh hồn".

Các con nhỏ của cha, các con hãy gìn giữ tốt thời gian, và thời gian sẽ gìn giữ các con trong cõi đời đời".

Chúng ta làm tốt, chúng ta sẽ vui sướng ngay trong đời này và cả đời sau".

Ai gieo các công việc lành, thì thu hoạch hoa trái tốt".

Vào cuối đời con người thu hoạch hoa trái của các việc lành của mình".

Don Viglietti ở bên cạnh cha, khi đọc câu cuối cùng này, không cầm nổi nước mắt, liền lên tiếng:

- Don Bosco ơi, cha hãy viết cái gì đó vui vẻ hơn - Còn Don Bosco thì pha trò:

- Nhưng con là đứa bé thế nào, bé Carlucácio thân mến của cha… Con đừng khóc nữa. Cha đã nói với con đây là những lời cuối cùng mà cha viết đó Sapo? Dẫu sao, thì cha cũng phải tìm cách để vâng lời con.

- Và rồi Don Bosco tiếp tục viết:

"Chớ gì Thiên Chúa chúc lành cho chúng ta và cất đi mọi sự dữ khỏi chúng ta".

"Hãy cho và anh em sẽ nhận được".

Xin Thiên Chúa chúc lành cho chúng con, và Đức Trinh Nữ Maria sẽ là Đấng hướng dẫn chúng ta khỏi tất cả mọi nguy hiểm của cuộc đời".

"Những người trẻ là các bạn hữu thân thiết nhất của Chúa Giêsu và Đức Mẹ Maria!".

Tới đây, Don Bosco lại tự nhiên tái viết lại những tư tưởng của cõi đời dời:

"Ai cứu rỗi linh hồn mình, thì cứu rỗi tất cả. Ai mất linh hồn mình thì mất tất cả".

"Ai bảo vệ các người nghèo, thì sẽ nhận lãnh phần thưởng lớn lao từ nơi Tòa Án Thiên Chúa".

Chúng ta sẽ nhận lãnh phần thưởng to lớn biết mấy vì những việc thiện chúng ta làm trong cuộc sống!".

"Ai làm tốt trên trái đất, thì sẽ hưởng sự tốt lành trong giờ chết".

"Trong cõi Thiên đàng người ta sẽ được hưởng mọi sự tốt lành, đời đời, mãi mãi".

Đấy là câu cuối cùng Don Bosco đã viết lên, bằng những chữ nghuệch ngoạc hầu như không đọc ra được.

Sự im lặng ở khu sân lớn

Sáng hôm đó, Don Bosco tiếp nhận các cuộc thăm viếng cuối cùng. Từ gần 40 năm nay, Don Bosco dành cả buổi sáng để cố vấn, chúc lành, an ủi, cứu giúp, khích lệ tất cả những ai muốn đến nói chuyện với ngài. Đó là một nhiệm vụ nặng nề trong suốt cả cuộc đời ngài. Cả một chuỗi dài các cuộc thăm viếng này khép lại với lần thăm viếng của nữ bá tước Mocenigo vào 12g30 ngày 20.12.1887.

Buổi chiều bác sĩ yêu cầu một cuộc dã ngoại mới trong xe ngựa. Ngài tuyệt đối cần hít thở không khí ngoài trời. Bất chấp sự phản đối của ngài, người ta đã khiêng ngài xuống trên chiếc ghế bành. Trong khi chiếc xe ngựa lăn chậm rãi

trên phố Regina Margherita, có một người lạ dừng xe lại. Đó là một người từ miền Pinerolo, một học sinh của thời đầu Nguyện Xá. Don Bosco nhận ra người này và ôm hôn ông.

- Con yêu quí, công việc của con ra sao?

- Cũng thường thường thôi, cha ạ. Xin cha cầu nguyện cho con. Người ta đã nói với con ở cổng Nguyện Xá là cha đã đi qua đây và con muốn đến chào cha.

- Tốt lắm! Còn phần linh hồn con có tốt đẹp không?

- Con đã cố gắng luôn luôn giữ mình cho xứng với danh học trò của Don Bosco.

- Tốt lắm, tốt lắm! Thiên Chúa ân thưởng cho con. Con hãy cầu nguyện cho cha. Con hãy sống luôn luôn là một Kitô hữu tốt.

Không khí ngoài trời xem ra khiến cha dễ chịu, nhưng vừa khi cha trở về nhà, bác sĩ Albertotti thấy cha rất khó chịu. Ông liền buộc cha lên giường. Thầy Festa có mặt, mới hỏi Don Bosco:

- Cha cảm thấy thế nào?

- Bây giờ cha chỉ còn đợi thực hiện một sự kết thúc tốt đẹp.

Giữa những ngày 20 đến 31 tháng Mười Hai, bước kết thúc xem ra rất gần.

Sư huynh Pietro Enria, người đã thức suốt nhiều đêm, tóm tắt các ngày cực nhọc của cha bằng hai tiếng: "Ngài chịu đau khổ và giữ im lặng".

Nhiệt độ trong người cha lên cao, hơi thở khó khăn. Bác sĩ nói:

- Ngài tuyệt đối cần phải ăn uống thứ gì đó.

Ngồi gần giường cha, Don Viglietti cho cha ăn một chút cháo nhẹ. Don Bosco đưa tay là cầm lấy bát cháo, nhưng cha Viglietti muốn mình cầm bát cháo thay cho cha. Don Bosco bông đùa:

- Thế đấy, con muốn ăn cháo thay cha chứ gì?

Trong sân lớn đầy ắp các học sinh. Một bầu khí im lặng bao trùm cách nặng nề. Ngay cả những chú bé cũng nhìn lên cửa sổ đằng sau đó có người bạn vĩ đại

của chúng sắp chết.

"Tới lượt cha, cha phải xin người ta nói câu ấy cho cha"

Ngày 23 tháng Mười Hai. Ban trưa, người ta coi như là giờ phút chót của ngài. Don Bosco thì thầm:

- Cha xin có ai đó chuẩn bị cho cha chịu phép xức dầu kẻ liệt.

Don Bonetti ở gần giường ngài. Don Bosco thình lình nắm lấy tay cha siết mạnh:

- Con hãy luôn luôn là chỗ dựa vững chắc cho Don Rua.

Khi Don Cagliero tới, ngài tập hợp tất cả sức lực của mình và nói với Đức Cha:

- Con sẽ nói cho Đức Thánh Cha là Tu Hội và các Salêdiêng, dù bất kỳ họ ở đâu hay làm việc gì, cũng đều có mục tiêu đặc biệt là nâng đỡ quyền bính của Tòa Thánh… Được sự bảo vệ của Đức Thánh Cha, các con sẽ lên đường đi Phi Châu… Các con sẽ vượt qua đó…Các con sẽ đi Á Châu và những chỗ khác…Hãy có niềm tin.

Giusepe Buzzetti đang ở đó, gần bên ngài, với bộ râu đỏ oai nghi. Don Bosco không còn nói được nữa, nhưng cố pha trò cười trong khi cử hành một cái chào nhà binh. Sau đó ngài có thể thì thầm những lời:

- Ôi! Người bạn của tôi! Con luôn luôn là một người bạn thân thiết của cha!

Vào buổi chiều, Don Cassini, một nhà truyền giáo vừa trở về cùng với Đức Cha Cagliero, ngồi gần Don Bosco. Don Bosco thì thầm vào tai cha này:

- Cha biết mẹ của con nghèo. Con cứ nói thật đơn sơ với cha và với cha mà thôi, đừng nói lại với ai những bí mật này. Cha sẽ cho mẹ của con tất cả những gì con nghĩ là mẹ con cần.

Pietro Enria phục vụ ngài trong những việc nhỏ nhất, Don Bosco nói với anh ta trong tiếng thều thào rằng:

- Pietro vất vả của cha, con kiên nhẫn nhé!

- Ồ, Don Bosco! Con sẵn sằng dâng hiến mạng sống con để cho cha được khỏi bệnh. Cha biết đấy, không phải chỉ có con, mà nhiều bạn khác cũng yêu mến cha như vậy.

Don Bosco cố gắng trả lời cho cậu ta bằng những lời:

- Điều cha đau đớn nhất khi chết, chính là phải chia tay với các con.

Trời đã về khuya khi Đức Hồng Y Alimonda tới. Người ta đã báo với Don Bosco rằng đêm nay có thể là đêm cuối cùng. Don Bosco xiết chặt Đức Hồng Y vào gần trái tim mình và ôm lấy ngài. Don Bosco cố gắng nói với Đức Hồng Y vài lời:

- Thưa Đức Hồng Y, xin cha cầu cho con được cứu linh hồn con.

- Nhưng cha, cha không phải sợ chết. Cha đã từng căn dặn những người khác là hãy chuẩn bị mình cho kỹ mà!

- Vâng… và tới lượt mình cũng cần người ta phải nói với con như vậy.

Vào lúc 24 giờ sáng người ta mang của Ăn đàng đến và Đức Cha Cagliero ban cho ngài bí tích xức dầu bệnh nhân.

Người ta chứng kiến có một sự gì đó tiến bộ về sức khỏe của cha.

Ngày 26 tháng Mười hai, Carlo Tomatis, một cựu học sinh cùng thời với Đaminh Saviô đến gặp cha. Ông ta đem theo đứa con trai của ông để Don Bosco chúc lành cho nó, nhưng ông ta không ngờ rằng mình tìm thấy cha trong tình trạng hoàn toàn bị hủy hoại bởi cơn bệnh như vậy. Ông ta quá bối rối bên giường cha và chỉ thốt ra được những lời:

- Ôi, Don Bosco! Ôi! Don Bosco!

Khi ông ra khỏi căn phòng, Don Bosco ra dấu hiệu cho Don Rua cúi xuống và ngài thì thầm với cha:

- Con biết ông ta đang gặp khó khăn. Con hãy trả cho ông ta tiền đi đường thay cho cha.

Cùng ngày hôm đó, Mẹ Caterina Daghero đến thăm ngài. Mẹ xin Don Bosco chúc lành cho các Con Đức Me Phù Hộ. Don Bosco thì thầm:

- Được, được. Cha chúc lành cho tất cả các nhà Con Đức Mẹ Phù Hộ, cha chúc lành cho Bề Trên Tổng Quyền và tất cả các sơ … Các con hãy làm sao để cứu được thật nhiều linh hồn.

Bác sĩ ra toa buộc bệnh nhân phải hoàn toàn im lặng và cấm mọi cuộc thăm viếng. Don Bosco qua cả ngày thiếp ngủ, liên tục trong cảnh nửa mê nửa tỉnh.

Ngày 19 tháng Mười Hai. Vào cuối ngày Don Bosco cho gọi Don Rua và Đức Cha Cagliero. Ngài cầm lấy tay họ và nói cách bình tĩnh:

- Các con hãy thương yêu nhau như anh em. Hãy thương yêu nhau, giúp đỡ và chịu dựng nhau như anh em. Thiên Chúa và Đức Mẹ Phù Hộ không quên giúp đỡ chúng con… Các con hãy hứa cùng cha là thương yêu nhau như anh em.

Trong đêm hôm đó, ngài xin anh Enria cho một ngụm nước. Sau đó ngài nói thêm:

- Cần phải học sống và học chết.

Giờ phút "những con vật ghê gớm" trở lại

Tất cả xem như đã hết. Nhưng ngược lại ngày 20 tháng Giêng, thật ngoài sức tưởng tượng, Don Bosco khỏe hẳn lại. Sức khỏe của ngài coi như đã trở lại, gốc cây già nay lại tái trổ bông. Đó là một phút giây Thiên Chúa ban cho, nhưng niềm hy vọng phút chốc tiêu tan.

Ngày 21 tháng Giêng, Đức Cha Cagliero vào phòng Don Bosco:

- Don Bosco ạ, xem ra mối nguy hiểm chúng con e ngại đã bị đẩy lui. Người ta gọi con tới Lu để mừng lễ thánh Bổn mạng của họ. Đó là một xứ sở đã cung cấp cho chúng con biết bao nhà truyền giáo tốt và nhiều nữ tu. Sau đó con sẽ đi một vòng thăm các học sinh của chúng con tại Borgo San Marino.

- Con cứ đi, cha rất vui lòng. Nhưng con lo thực hiện chuyện này nhanh lên đấy.

Sáng ngày 22 tháng Giêng, tất cả mọi hy vọng tiêu tan. Bệnh tình mau quay lại tình trạng nghiêm trọng.

Sau trưa ngày 24 tháng Giêng, bệnh tình Don Bosco lại càng nghiêm trọng. Các bác sĩ nói rằng có thể mất Don Bosco vào bất cứ lúc nào. Cơn hôn mê lại chụp xuống ngài, trong đó có cả việc mê sảng.

Anh Phêrô Enria, luôn luôn có mặt, thấy Don Bosco thình lình vỗ tay và anh hiểu rằng ngài sẽ la lên:

- Hãy chạy lại, hãy mau chạy lại cứu các bọn trẻ!… Lạy Mẹ Maria rất thánh, xin giúp chúng… Lạy mẹ, lạy Mẹ!

Có người nói trong các câu ngài nói trong cơn mê sảng này, Don Bosco nói lên *nỗi sợ* cho các thanh thiếu niên, chứ không phải là *một tình cảm tín nhiệm nơi Đức Mẹ.* Một khoa tâm lý học tốt đẹp ngày nay quả quyết rằng: những nỗi sợ hãi, những tình cảm bị dồn sâu vào đáy tâm hồn bởi một cố gắng to lớn của ý chí trong cuộc sống của ngài, xem ra tái phát sinh trở lại vào lúc đó. Đó là "những bóng ma", "những con vật ghê gớm" tái xuất hiện trở lại, xuất phát từ những độ sâu của sự vô ý thức khi mà ý chí (đã từng cột trói chúng) vào lúc đó đã bị tê liệt, phá hủy đi bởi một giấc mơ do cơn bệnh tạo nên.

Trong những năm xa xưa của thời chủng sinh, Don Bosco đã duy trì (ở chốn sâu xa của chỗ vô ý thức) một khung giáo dục được cô đọng trong hai chữ *sợ hãi và tin tưởng.* Nhưng trong suốt đời sống của ngài, ngài đã quay sang một danh từ kép khác: đó là *tình bạn và sự tin tưởng.* Ngài đã cảm nhận *tình bạn và tin tưởng ấy* một ít thời gian trước đó bằng cách thức giải tội cho một em bé hãi sợ là Luigi Orione.

Nghịch lý thay, vào lúc sắp chết này, hình như cái mà ngài đã chiến thắng trong suốt cả cuộc sống của ngài, thì nó lại tái hiện mạnh mẽ trở lại.

"Hãy nói với các con của cha"

Ngày 26 tháng Giêng, Đức Cha Cagliero trở lại. Ngài lập tức tới bên đầu giường của bệnh nhân. Ngài hiểu rằng mọi chuyện giờ đã rất xấu rồi, nhưng ngài muốn "biết" bởi chính Don Bosco xem còn có được chút hy vọng nào chăng:

- Người ta gọi con tới Rôma. Con có thể đi chăng?

- Con sẽ đi, nhưng sau này thôi.

Giọng nói sang sảng của ngài bây giờ chỉ còn thều thào. Những nỗi đau đớn đôi khi không thể nào chịu nổi. Don Lemoyne gợi ý:

- Cha hãy nghĩ đến Chúa Giêsu trên Thánh giá. Chính Chúa đã chịu đau khổ mà không thể nào cử động được.

- Phải, đó là điều cha vẫn liên tục làm!

Ngày 27 và sáng ngày 28 Don Bosco mê sảng liên tục.

Sau trưa ngày 28, vào một trong những lúc cuối cùng, Don Bosco lại thoát khỏi cơn mê sảng và hoàn toàn sáng suốt. Ngài bập bẹ:

- Hãy nói cho các đứa trẻ của cha là cha đợi chúng trên Thiên đàng,

Rồi với ánh mắt nhìn bất định:

- Ngày mai?… Ngày mai?… Cha sẽ đi một chuyến hành trình dài…

Trong những giây phút đầu canh đêm, ngài nói to:

- Paolino bé nhỏ, Paolino bé nhỏ, con đang ở đâu? Tại sao con không đến?

- Paolino tức là Don Paolo Albera, Giám Tỉnh của các công cuộc Salêdiêng bên Pháp, vẫn còn chưa tới.

Ngày 30 tháng giêng, trong một lúc tỉnh táo, ngài thì thầm với Don Rua:

- Hãy làm cho con được yêu mến.

Vào một giờ sau trưa, Giuseppe Buzzetti và Don Viglietti ở bên cạnh Don Bosco. Don Bosco mở thật to đôi mắt, cố gắng mỉm cười, đưa tay lên chào họ. Buzzetti khóc nức nở.

Ngày 31 tháng Giêng, vào lúc hai giờ sáng, Don Rua thấy rằng mọi chuyện đang dồn dập tới. Ngài đeo dây Sto-la [dây áo linh mục], và bắt đầu cầu nguyện cho người lâm tử. Các bề trên khác của Tu Hội được triệu tập khẩn cấp.

Khi Đức Cha Cagliero tới, Don Rua nhường dây Sto-la cho ngài, bước sang phía bên phải, ghé sát tai Don Bosco và nói với ngài:

- Don Bosco, chúng con, các con của cha, ở cả đây. Chúng con xin cha tha thứ vì tất cả những nỗi đau khổ cha phải chịu đựng vì chúng con. Như dấu của sự tha thứ và tình yêu thương phụ tử, xin cha ban cho chúng con một lần nữa phép lành của cha. Con đưa tay cha lên và công bố công thức chúc lành.

Don Rua nâng tay phải cha đã không cử động được lên và công bố các lời ban phép lành cho các Salêdiêng hiện diện và những người ở xa.

Trong phòng vang lên tiếng thở ồn ồn của người hấp hối. Vào bốn giờ rưỡi sáng, những hơi thở dồn dập bỗng dưng ngưng lại. Hơi thở ngắn lại trong một lúc rồi lịm đi. Don Belmonte hầu như kêu to:

- Don Bosco đã chết

Ba tiếng thở vất vả nối tiếp nhau nặng nề và khó khăn… Đức Cha Cagliero lớn giọng đọc kinh cầu mà ngài đã học từ Don Bosco khi còn là một đứa bé.

Giêsu, Maria, Giuse, Con xin phó thác trái tim và linh hồn cùng mạng sống con.

Giêsu, Maria, Giuse, xin cứu giúp con trong giờ hấp hối.

Giêsu, Maria, Giuse, xin cho con được tắt thở bình an trong sự hiện diện của các ngài.

Ngài cất dây Sto-la khỏi cổ và đặt lên vai Don Bosco, người đã vào trong Ánh Sáng.